

TỪ SÁCH KINH ĐIỂN



VICTOR HUGO

LAO ĐỘNG
BIỂN CẢ



TẠO ĐẢN



vh vinabook.com
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Copyrighted material

LỜI GIỚI THIỆU

Về Victor Hugo, bạn đọc Việt Nam đã được biết nhiều qua những tác phẩm của ông như **Nhà Thờ Đức Bà Paris** (*Notre-Dame de Paris*), **Những Người Khốn Khở** (*Les Misérables*), **Chín Mươi Ba** (*Quatre-vingt-treize*)...

Riêng cuốn ‘**Lao Động Biển Cả**’ (*Les Travailleurs de la mer*) đã cuốn hút rất nhiều bạn đọc Việt Nam biết tiếng Pháp qua nhiều thế hệ. Đây không chỉ là một tác phẩm hiện thực phản ánh xã hội tư sản Pháp trong những ngày đầu của chế độ tư bản ở nước này. Qua tác phẩm này tác giả cũng xây dựng thành công một số nhân vật điển hình đại diện cho cái Thiện và cái Ác. Với một ngòi bút vững vàng đầy kinh nghiệm, tác giả đã vạch trần những mảnh khốc xảo quyệt tâng tận lương tâm của những con người như Rantaine hay Clubin. Đồng thời ông cũng miêu tả rất thực và rất sinh động những con người chân chính, lao động không mệt mỏi như Gilliatt. Qua câu chuyện tình éo le, dang dở của Gilliatt, bạn đọc vừa cảm thương cho số phận hẩm hiu của anh vừa căm giận những bất công trên đời này. Phải chăng đây là một thứ “định mệnh của vạn vật”?

Dẫu sao, sau khi đọc xong dòng chữ cuối cùng, gập sách lại, bạn đọc vẫn còn thấy lắng lại trong tâm tư những gì cao quý, tuy chua chát, của con người. Bởi vì trước sau Victor Hugo vẫn là một nhà văn đại diện cho các nhà văn lớn thế giới với những tư tưởng nhân văn cao quý.

BAN BIÊN TẬP

Tôi tặng quyển sách này cho hòn núi mẫn khách và tự do, cho mảnh đất Normand già cỗi, nơi sinh sống của dân tộc cao quý nhỏ bé miền biển, cho đảo Guernesey nghiêm nghị và hiền hòa, chỗ nương thân hiện thời của tôi và có thể là nơi tôi yên nghỉ.

VICTOR HUGO

Tôn giáo, xã hội, thiên nhiên, đây là ba cuộc tranh đấu của con người. Ba cuộc tranh đấu ấy đồng thời cũng là ba nhu cầu. Con người cần tin tưởng, vì vậy mà lập nên đền thờ; con người cần sáng tạo, vì vậy mà thành ra đô thị; con người cần phải sống, vì vậy mà có cày cuốc, thuyền bè. Nhưng ba giải pháp ấy lại chứa đựng ba cuộc chiến tranh. Khó khăn bí mật của cuộc sống từ ba chỗ ấy mà ra. Con người gặp phải trở ngại dưới hình thức mê tín, dưới bình thức thành kiến, và dưới hình thức nguyên tố cơ bản. Ba định mệnh^[1] đè nặng lên chúng ta, định mệnh của tín điều, định mệnh của luật pháp, định mệnh của vạn vật. Trong Nhà Thờ Đức Bà Paris, tác giả đã tố cáo cái thứ nhất; trong Những Người Khốn Khở, tác giả đã làm nổi bật cái thứ nhì; trong quyển sách này, tác giả nói rõ đến cái thứ ba.

Cùng với ba thứ định mệnh bao trùm con người ấy, lại xen thêm định mệnh bên trong, sức mạnh lớn nhất, trái tim con người.

Hauteville House, tháng ba 1866.

PHẦN THỨ NHẤT
SIEUR^[2] CLUBIN

QUYỀN MỘT NHỮNG GÌ LÀM NÊN MỘT TIẾNG XẤU

I MỘT CHỮ VIẾT TRÊN TRANG GIẤY TRẮNG

Lễ Giáng sinh năm 1820 ở Guernesey đáng được chú ý. Hôm ấy trời tuyết. Trên các đảo vùng biển Manche, mùa đông có băng là đi đâu đáng được ghi nhớ, và nếu có tuyết thì lại thành sự kiện đặc biệt.

Sáng hôm lễ Giáng sinh ấy, con đường dọc theo bờ biển từ Saint-Pierre-Port đến Valle trắng xóa một màu. Tuyết rơi suốt từ nửa đêm đến tận bình sáng. Quãng chín giờ, sau khi mặt trời mọc một tí, vì chưa phải lúc để các người theo giáo phái Anh quốc đi nhà thờ Saint-Sampson và để những người theo phái Wesley đến tiêu giáo đường Eldad, nên đường đi hầy như vắng vẻ. Suốt quãng đường giữa tháp thứ nhất và tháp thứ nhì, chỉ có ba người khách qua đường, một em bé, một người đàn ông và một người đàn bà. Ba khách qua đường này, đi cách nhau, rõ ràng không có quan hệ gì với nhau cả. Em bé, độ lên tám, dừng lại và tò mò nhìn tuyết. Người đàn ông đi cách sau người đàn bà, độ một trăm bước. Cũng như người đàn bà, anh từ Saint-Sampson đến; anh còn trẻ, có vẻ như một công nhân hay một thủy thủ. Anh mặc bộ quần áo tứ mùa, một chiếc áo varơ bằng da nâu xấu và một cái quần dính bột nhựa đường, hình như chứng tỏ là bất chấp ngày lễ anh chẳng đi đến giáo đường nào cả. Những chiếc giày cục mịch bằng da thô của anh, để chi chút đinh to, để lại trên tuyết một dấu vết nom tương tự khóa nhà lao nhiều hơn là chân người. Còn người đàn bà qua đường thì tất nhiên là đóng bộ cánh đi lễ; cô khoác một chiếc áo choàng rộng lót lụa đen,

trong diện áo dài popeline Ireland bó sát, sọc trắng, sọc hồng, và giá cô không mang bút tất đồ thì ta đã tưởng cô là người Paris. Cô cất bước nhanh nhẹn, thoải mái, nhẹ nhàng và qua dáng đi chưa bọn dẫu đời đó người ta đoán được cô còn con gái. Điều bộ cô mang cái vẻ duyên dáng thoáng qua, đánh dấu thời kỳ chuyển tiếp tế nhị nhất, tuổi dậy thì, hai cảnh hoàng hôn lẫn lộn, bước đầu của một người đàn bà trong phút cuối cùng của một em bé. Điểm ấy người đàn ông kia không nhận thấy.

Thình lình, đến cạnh một lùm sồi xanh ở góc một khu vườn con, chỗ gọi là Dãy Nhà Thấp, cô gái bỗng quay lại, động tác ấy khiến người đàn ông phải nhìn cô. Cô gái dừng lại, có vẻ như ngắm nhìn anh chàng một lúc, đoạn cúi xuống; người đàn ông thấy hình như cô lấy ngón tay viết gì đó trên tuyết. Rồi cô ngẩng lên, đi tiếp, bước nhanh, rồi ngoảnh lại, lần này còn cười nữa, và đi khuất sang phía trái con đường, trong cái lối mòn hai bên có hàng rào dẫn đến lâu đài Trường Xuân. Lúc cô ngoảnh lại lần thứ hai, người đàn ông mới nhận ra đây là Déruchette, một cô gái xinh đẹp của địa phương.

Anh thấy cũng chẳng cần phải vội và lát sau anh đã đến bên lùm sồi ở góc khu vườn con. Anh không nghĩ gì đến cô gái qua đường đã đi khuất, và nếu giây phút ấy có một con cá heo văng mình ngoài biển hay một con chim đỏ cổ nhảy nhót trên cành, thì có thể người đàn ông ấy đã đi qua, mắt chăm chú vào con chim đỏ cổ hay con cá heo. Tình cờ lúc trông xuống, anh chợt nhìn đúng vào chỗ cô gái đứng lại. Hai bàn chân nhỏ bé vẫn rành rành ở đấy, và bên cạnh, anh đọc được mấy chữ cô viết trên tuyết: Gilliatt.

Mấy chữ ấy là tên của anh.

Anh là Gilliatt.

Anh đứng lặng hồi lâu, nhìn cái tên, nhìn mặt tuyết, nhìn đôi chân nhỏ bé, rồi lại trầm ngâm đi tiếp.

II

BÛ DE LA RUE^[3]

Gilliatt ở trong giáo khu Saint-Sampson. Ở đấy, anh không được ai yêu mến cả. Chuyện ấy cũng có nhiều lý do.

Trước tiên anh ở trong một ngôi nhà có ma. Đôi khi tại Jersey hay tại Guernesey, ở nông thôn hay ở thành phố cũng vậy, đi qua một nơi hẻo lánh hoặc trong một phố đông người, bạn gặp một ngôi nhà, lối vào bị ngăn bít, ô-tô lấp kín cửa, những mảnh ván xấu xí đóng đinh vít tạm các cửa sổ tầng dưới, cửa sổ tầng trên thì cái đóng cái mở, bao nhiêu khung cửa đều đóng chốt nhưng tất cả các ô kính đều vỡ toang. Nếu có hàng rào, có sân, thì cỏ cũng mọc đầy và lan can bao quanh cũng sứt lở; nếu có vườn thì cũng chỉ thấy tằm ma, gai góc, và độc cần, và ở đấy người ta có thể rình bắt những giống sâu bọ hiếm thấy; ống khói nứt nẻ, mái nhà sứt lở; bên trong các phòng thì tanh bành; gỗ ván mục nát, đá gạch mốc meo. Trên tường giấy dán bong hết. Các bạn có thể nghiên cứu ở đấy các kiểu giấy hoa thời xưa, các quái vật thời đế chế, các loại màn trướng lưới liềm thời chấp chính, các tường hoa và cột mộ thời Louis XVI. Những lớp mạng nhện chằng chịt đầy ruồi chỉ rõ cảnh yên tĩnh triền miên của các cô nhện. Đôi khi thấy một chiếc lọ vỡ trên sàn. Đấy là một ngôi nhà có ma. Ban đêm quỷ thường đến đấy.

Nhà cửa cũng như con người có thể trở thành xác chết. Chỉ cần một chuyện mê tín giết chết nó. Thế là nó trở nên khủng khiếp. Những ngôi

nhà chết như thế không phải là hiếm thấy trên các đảo vùng biển Manche.

Nơi nào có ma quỷ thì nông dân và người miền biển đều không yên tâm trí. Nhân dân vùng biển Manche, quần đảo Anh và duyên hải Pháp, có những khái niệm rất cụ thể về nó. Quỷ sứ có sứ giả trên khắp trần gian. Chắc chắn Belphégor là đại sứ của địa ngục tại nước Pháp, Hutgin tại Italia, Béalial tại Thổ Nhĩ Kỳ, Thamuz tại Tây Ban Nha, Martinet tại Thụy Sĩ và Mammon tại nước Anh. Satan cũng là một vị hoàng đế như ai. Satan César. Triều đình của nó tổ chức rất đàng hoàng; có Dagon là thị vệ thượng thiện; cô Succor Bénoth trưởng đoàn quan thị; có Asmodée hù dọa các sòng bạc; có Kobal giám đốc nhà hát, có Verdelet vụ trưởng vụ lễ nghi; có hề Nybbas. Wiérus, nhà thông thái, học giả nổi tiếng về ma cà rồng và ma quỷ học đại tài, gọi Nybbas là “nhà thơ cuồng phóng vĩ đại”.

Mỗi lần đi biển, ngư dân Normand vùng biển Manche đều đề phòng rất cẩn thận, vì những ảo ảnh do quỷ sứ gây ra. Từ lâu người ta cho rằng thánh Maclou vẫn sống trên ngọn núi vuông to Ortach, nằm ở ngoài khơi giữa Aurigny và các hòn Casquets, và nhiều thủy thủ già ngày xưa khẳng định thường nhìn thấy từ xa thánh ngỗng và đọc sách. Vì vậy các thủy thủ đi qua cứ gập gối chào trước ngọn núi Ortach, cho đến ngày câu chuyện hoang đường ấy tiêu tan và nhường chỗ cho sự thật. Người ta đã phát hiện ra và ngày nay người ta biết rằng không phải một vị thánh sống trên núi Ottach mà một con quỷ. Con quỷ ấy, tên là Jochmus, đã ranh mãnh làm cho mọi người trong nhiều thế kỷ lầm tưởng hẳn là thánh Maclou. Và lại chính Nhà thờ cũng lầm. Những con quỷ Raguhel, Oribel và Tobiel cũng đã từng làm thánh mãi đến năm 745, ngày mà Giáo Hoàng Zacharie, đánh hơi biết, tổng cổ chúng đi. Để có thể trục xuất như vậy, việc làm này chắc chắn là rất hữu ích, phải hết sức thông thạo về quỷ sứ.

Các cụ ngày xưa trong địa phương kể lại, nhưng những việc ấy đều thuộc về quá khứ, rằng ngày trước người theo đạo Gia-tô trên quần đảo Normand còn hay liên hệ với ma nhiều hơn người Huguenot^[4], tuy rất miễn cưỡng thôi. Tại sao? Điểm ấy chúng tôi chịu. Điều chắc chắn là ngày trước lớp người thiểu số này bị quỷ sứ quấy nhiễu quá thế. Nó quý mến người theo đạo Gia-tô, và tìm cách lui tới với họ, khiến người ta tưởng rằng quỷ sứ theo đạo Gia-tô chứ không theo đạo Tin lành. Một trong những trò thân mật không thể chịu được của nó, là đêm đêm mò đến các giường cưới của người Gia-tô. Vào lúc anh chàng đã ngủ, và chị vợ mới chập chờn. Do đó có những ngộ nhận. Patouillet vẫn nghĩ rằng Voltaire đã nhờ thế mà được cất tiếng chào đời. Chuyện ấy không có vẻ gì là không thật. Và lại trường hợp ấy hoàn toàn được biết và tả bằng những câu phù chú, trong mục: *de erroribus nocturnis et de semine diabolorum*^[5]. Đặc biệt nó đã hoành hành ở Saint-Hélier quãng cuối thế kỷ trước, chắc là để trừng phạt những tội ác của cách mạng. Hậu quả những mặt quá khích của cách mạng không thể kể xiết. Dù sao khả năng ma quỷ xuất hiện ban đêm, khi người ta không nhìn rõ, khi người ta ngủ, cũng khiến cho nhiều phụ nữ theo chính giáo phải lúng túng. Đẻ ra một ông Voltaire quả là chẳng có gì hay ho cả. Một bà lo ngại, đến hỏi cha xưng tội cách làm sáng rõ kịp thời chuyện lằm lẩn ấy. Cha xưng tội đáp: - Để biết chắc chắn là con đang nằm với quỷ sứ hay với chồn, con cứ sờ vào trán; nếu con thấy có sừng thì đúng là... - Là gì cơ ạ? - bà ta hỏi.

Ngôi nhà Gilliatt ở trước kia có ma, nay đã hết rồi. Vì vậy nó càng bị nghi ngờ. Không ai lạ gì khi một ngôi nhà có ma mà được phù thủy đến ở thì quỷ sứ cho rằng nhà đã được trông coi tử tế, và tỏ ra lễ độ với vị phù thủy bằng cách không đến đây nữa, trừ phi được gọi đến như thầy thuốc.

Ngôi nhà đó gọi là Bû de la Rue. Nó ở đầu một doi đất hay nói đúng hơn một ngọn núi làm thành một bến nhỏ riêng lẻ trong vịnh Houmet Paradis. Nước ở đây sâu. Ngôi nhà chơ vơ độc một mình trên cái mũi nhọn hâu như nhô ra ngoài đảo, với một khoảnh đất vừa đủ để thành một mảnh vườn con. Thủy triều cao đôi khi chìm ngập cả mảnh vườn. Giữa cảng Saint-Sampson và vịnh Houmet Paradis, có ngọn đồi to trên đó sừng sững cái khối những tháp và trường xuân gọi là lâu đài Valle hay Archange, thành thử từ Saint-Sampson không thể nhìn thấy Bû de la Rue.

Ở Guernesey không gì dễ tìm hơn một anh phù thủy. Họ hành nghề tại một số giáo khu, và thế kỷ mười chín không động đến họ. Họ có những hành vi thật sự là tội ác. Họ nấu vàng cho sôi lên. Đêm khuya họ đi hái lá. Họ dòm ngó gia súc mọi nhà. Người ta tìm hỏi, họ bảo mang “nước bệnh nhân” để trong chai đến cho họ, và người ta nghe họ lầm bầm: Nước có vẻ buồn lắm. Một hôm, vào tháng ba năm 1856, một anh trong số họ nhận thấy trong “nước” của một bệnh nhân có bảy con quỷ. Người ta sợ họ mà họ cũng đáng sợ thật. Một anh đã phù yểm một người thợ làm bánh mì “và cả cái lò của y nữa”. Một anh còn nham hiểm gán si và niêm phong rất kỹ những chiếc phong bì “trong đó chẳng có gì cả”. Một anh còn cất giữ trong nhà, trên một tấm ván, ba cái chai dán nhãn đề chữ B. Những việc quái gở ấy đều được nhiều người biết. Một số phù thủy cũng tử tế và chỉ cần hai hay ba ghinê cũng chữa hộ bệnh. Lúc bấy giờ họ vừa lăn ra giường vừa gào thét. Trong khi họ quần quai thì các bạn nói: Kìa, tôi không sao nữa cả. Có những anh chữa hết mọi bệnh cho bạn bằng cách buộc quanh người bạn một chiếc khăn tay. Phương pháp đơn giản đến nỗi người ta ngạc nhiên tại sao chẳng ai nghĩ đến nó. Thế kỷ trước, tòa án Guernesey vớt họ vào một đồng củi và thiêu sống. Ngày nay, tòa án phạt họ lần lượt tám tuần tù,

bốn tuần ăn bánh mì nước lã, và bốn tuần giam kín. *Amant alterna catenæ*^[6].

Lần thiêu phù thủy cuối cùng ở Guernesey vào năm 1747. Để làm việc ấy, thành phố đã sử dụng một trong số các quảng trường, ngã tư Bordage. Ngã tư Bordage đã được thấy thiêu sống mười một phù thủy, từ năm 1565 đến năm 1700. Thông thường bọn tội phạm này đều thú nhận. Người ta dùng tra tấn để giúp cho chúng thú nhận. Ngã tư Bordage còn giúp được nhiều việc khác nữa cho xã hội và tôn giáo. Người ta còn thiêu cả những người theo tà giáo. Dưới triều đại Marie Tudor, người ta thiêu ở đây, cùng với những người Huguenot, một bà mẹ cùng với hai cô con gái bà ta, bà mẹ ấy tên là Perrotine Massy. Một trong hai cô gái có chữa. Cô ta đẻ ngay trên giàn thiêu. Biên niên sử ghi: “Bụng cô ta nổ tung.” Từ cái bụng ấy văng ra một cháu bé còn sống; đưa trẻ sơ sinh lăn ra ngoài lò lửa; một người tên là House nhặt cháu bé lên. Tên pháp quan Hélier Gosselin, một tín đồ của đạo Gia-tô, bắt quăng trả cháu bé vào lửa.

III

“DÀNH CHO VỢ CON, KHI NÀO CON CƯỚI VỢ”

Ta hãy quay lại với Gilliatt.

Trong địa phương, người ta kể chuyện rằng vào quảng cuối thời kỳ Cách Mạng có một bà, cùng với một đứa con nhỏ, đến ở tại Guernesey. Bà ta là người Anh, nếu không phải là người Pháp, Bà ta có một cái tên nào đó mà cách phát âm vùng Guernesey và chính tả ở thôn quê biến thành Gilliatt. Bà ta sống một mình với thằng bé mà có người cho là cháu gọi bằng cô, có người cho là con, có người cho là cháu nội hay cháu ngoại, có

người lại cho chẳng là gì cả. Bà ta có được ít tiền, vừa đủ để sống một cách nghèo khổ. Bà ta mua một mảnh đất nhỏ của bà Sergentée, và một vạt đất của bà Roque Crespel, ở cạnh Rocquaine. Ngôi nhà Bû de la Rue thời ấy đang có ma. Từ hơn ba mươi năm, người ta không còn ở đấy nữa. Nó đang sụp đổ. Mảnh vườn bị biến ra vào nhiều quá không sản xuất được gì cả. Ngoài những tiếng động ban đêm và những ánh sáng lập lờ, ngôi nhà có điểm đặc biệt hãi hùng là, nếu buổi tối người ta để trên lò sưởi một cuộn len, với kim đan và một đĩa súp, thì sáng hôm sau thấy súp hết nhãn, đĩa không, và một đôi găng tay một ngón đã đan xong. Người ta yết bán ngôi nhà nát cùng với con ma trong ấy với giá vài ba livre xteclinh. Bà ta mua ngôi nhà, tất nhiên do bị quỷ sứ cám dỗ. Hoặc do giá hời.

Không những mua nó, bà ta còn đến đấy ở cùng với con trai, và từ đấy ngôi nhà trở nên yên tĩnh. Dân địa phương bảo: Ngôi nhà ấy đã có cái mà nó muốn. Việc ma ám chấm dứt. Người ta không nghe thấy tiếng gào thét ở đấy lúc trời rạng sáng nữa. Không có ánh sáng nào khác ngoài ngọn nến mờ mờ đêm đêm người đàn bà hiên lành kia thắp. Đèn phù thủy cũng như được yêu tinh. Lời giải thích ấy làm vừa lòng công chúng.

Người đàn bà kia ngày đêm xoay sở với mấy sào đất của mình. Bà ta có một con bò cái tốt cho bơ vàng óng. Bà thu hoạch được đỗ trắng, cải bắp, và khoai tây loại Golden Drops. Cũng như những người khác, bà ta bán “củ cải đóng thùng, hành đếm trăm và đậu tằm bằng đấu”. Bà ta không đi chợ, mà nhờ Guilbert Falliot bán hoa màu cho cánh buôn Saint-Sampson. Sở cái của Falliot nhận có lần bản hộ bà ta đến hai học khoai ba tháng, loại đúng thời hạn nhất.

Ngôi nhà đã được sửa chữa qua quýt, vừa đủ để ở được. Trong các buồng chỉ dột khi nào mưa to quá. Nhà gồm có một tầng dưới và một gác

mái. Tầng dưới chia làm ba phòng, hai phòng ngủ và một phòng ăn. Lên gác mái bằng thang. Người đàn bà lo việc bếp núc và dạy con đọc. Bà ta không đi nhà thờ, vì vậy, cân nhắc đủ mọi nhẽ, người ta bảo bà ta là người Pháp. “Không đi nhà thờ nào cả” là chuyện hệ trọng.

Tóm lại, đây là những con người không có gì bảo đảm.

Rất có thể bà ta là người Pháp. Hỏa diệm sơn phụt ra đất đá thì Cách Mạng phụt ra người. Nhiều gia đình vì vậy mà bán đi rất xa, nhiều số phận vì thế mà lạc loài, nhiều nhóm người bị ly tán và xé nhỏ, nhiều người rơi từ trên mây xuống, có người bay sang Đức, có người tung sang Anh, có người bạt sang Mỹ. Họ khiến cho các thổ dân phải ngạc nhiên. Những con người xa lạ kia từ đâu tới? Chính ngọn Vésuve^[7] nghi ngút khói ở kia đã khắc ra họ. Người ta đặt tên cho những thứ thiên thạch kia, cho những kẻ bị trục xuất và phiêu bạt kia; người ta gọi họ là cánh di cư, là dân lánh nạn, là khách giang hồ. Nếu họ ở lại, người ta làm ngơ; nếu họ ra đi, người ta hề hảm. Đôi khi đây là những con người hoàn toàn vô hại, xa lạ, ít ra là các phụ nữ, trước những sự kiện đã xua đuổi họ, không cảm hờn giận dữ, những viên đạn bất đắc dĩ, rất ngạc nhiên. Họ lại cố sức bắt rẽ. Họ chẳng hề làm gì hại ai và không hiểu gì việc đã xảy ra đến với họ. Tôi đã thấy một túm cỏ khốn khổ bị mìn nổ hất tung lên không trung. Một cuộc cách mạng của nước Pháp, hơn bất cứ vụ nổ nào khác, đã hất xa những con người như vậy.

Người đàn bà mà Guernesey người ta quen gọi là mẹ Gilliatt có lẽ là cái túi cỏ đó.

Người đàn bà già đi, thẳng bé lớn dần. Hai người sống cô độc, bị xa lánh. Họ tự mãn với nhau. Sói mẹ sói con liếm láp cho nhau. Đây cũng lại

là một trong những lời nói thông thường mà lòng hào hiệp xung quanh thường áp dụng cho họ. Thằng bé trở thành một chàng trai, chàng trai trở thành một gã đàn ông, và thế là vỏ già của đời bao giờ cũng phải bong rụng, bà mẹ chết. Bà để lại cho nó mảnh đồng của bà Sergentée, vạt đất của bà Roque-Crespel, ngôi nhà Bû de la Rue, và thêm bản kiểm kê chính thức ghi, “một trăm ghinê vàng trong một cồng tất”, nghĩa là trong bàn chân một chiếc bút tất. Ngôi nhà cũng được trang hoàng đầy đủ với hai cái hòm bằng gỗ sồi, hai chiếc giường, sáu ghế tựa, một cái bàn và xoong nồi cần thiết. Trên một tấm ván có vài ba quyển sách và trong một góc, một cái hòm chẳng có gì là bí mật vì phải mở để kiểm kê. Hòm này bằng da màu nâu vàng, trang trí hoa văn bằng đinh đồng và ngôi sao bằng thiếc, và đựng đầy đủ một bộ tư trang đàn bà, còn mới tinh, bằng vải phin Dunkirk rất đẹp, sơ mi, váy, thêm một số lụa để may áo dài, với một mảnh giấy trên có mấy chữ sau đây do chính bàn tay người quá cố viết: Dành cho vợ con, khi nào con cưới vợ.

Cái chết này đối với người còn lại là một niềm đau xót nặng trĩu bên lòng. Xưa kia anh man rợ, giờ đây anh trở thành hung dữ. Cảnh vắng vẻ xung quanh anh càng thêm vắng vẻ. Trước đây là cảnh cô đơn, bây giờ là cảnh trống trải. Ngày nào còn có cả hai người, cuộc sống còn có thể chịu đựng được. Một mình, hình như không thể nào kéo lê thêm cuộc sống. Người ta không muốn kéo nữa. Đây là hình thái đầu tiên của thất vọng. Sau đó người ta hiểu ra rằng bốn phận là một chuỗi dài chịu đựng. Người ta nhìn cái chết, người ta nhìn cuộc đời, và người ta chấp nhận. Nhưng đó là một sự chấp nhận rớm máu.

Gilliatt còn trẻ nên vết thương của anh thành sẹo. Ở tuổi anh, trái tim trở lại bình thường. Nỗi buồn của anh, dần dần phai nhạt, hòa lẫn vào thiên

nhiên xung quanh, trở thành một niềm say mê, lôi cuốn anh vào mọi vật và xa con người, ngày càng hợp tâm hồn ấy với cảnh cô đơn.

IV THẤT NHÂN TÂM

Gilliatt không được yêu quý trong giáo khu, đi đâu ấy chúng tôi đã nói rồi. Chẳng có gì tự nhiên hơn mỗi ác cảm đó. Nguyên nhân thì nhiều. Thoạt tiên, ta vừa giải thích xong, ngôi nhà anh ở. Tiếp đó, ngu ồn gốc anh. Người đàn bà kia là thế nào? Và tại sao lại thằng con ấy? Dân quê không thích có những đi đâu bí ẩn về người thiên hạ. Tiếp đó, quần áo anh lại là quần áo công nhân, trong khi, mặc dù chẳng phải giàu có gì, anh vẫn đủ sống mà không làm gì. Tiếp đó, mảnh vườn mà anh khéo trồng trọt và thu hoạch khoai tây bất chấp những thay đổi của thời tiết. Tiếp đó, mấy quyển sách to anh để trên tấm ván và vẫn lấy đọc.

Còn nhiều lý do nữa.

Tại sao anh sống một mình? Ngôi nhà ven đường là một thứ trại hủi; người ta tẩy chay anh; vì vậy cũng đơn giản hơn việc người ta ngạc nhiên về cảnh hiu quạnh của anh, và người ta cho rằng anh phải chịu trách nhiệm về cảnh cô đơn mà người ta tạo ra xung quanh anh.

Không bao giờ anh đi nhà thờ. Anh thường ra khỏi nhà về đêm. Anh nói chuyện với phù thủy. Có lần người ta nhìn thấy anh ng ồi trên cỏ, vẻ mặt ngờ ngác. Anh hay lui tới chỗ ngôi thạch mộ Ancresse và những hòn đá trên đồng ruộng. Người ta đoán chắc là đã thấy anh lễ phép chào ngon Roque qui Chante. Anh mua tất cả số chim người ta đem đến cho anh và đem thả chúng ra. Anh lễ phép đối với những người tư sản trong các

đường phố Saint-Sampson, nhưng chỉ thích đi vòng để khỏi phải qua đấy. Anh rất hay đi câu và lúc nào cũng có cá đưa về. Chủ nhật anh làm vườn. Anh có một cái kèn da mua của những người lính Scotland đi qua Guernesey, và vào lúc chiều tà, ngồi trên các mỏm núi ngoài biển, anh thường lấy kèn ra thổi. Anh thường làm những điệu bộ như người gieo hạt. Với một người như vậy thì địa phương sẽ ra sao đây?

Còn mấy quyển sách mà người đàn bà quá cố để lại và anh thường lấy xuống đọc thì thật đáng lo ngại. Cha Jaquemin Hérode tôn kính, mục sư tại Saint-Sampson, vào nhà hôm đám ma người đàn bà, đã đọc được ở gáy các quyển sách những nhan đề sau đây: Từ điển Rosier, Candide của Voltaire, Lời khuyên dân chúng về sức khỏe của Tissot. Một vị quý tộc người Pháp, di cư ẩn dật ở Saint-Sampson, đã nói: Hắn là cái lão Tissot, người đã cần cái đầu của công chúa Lamballe.

Bên trên tôn kính đã nhận thấy trên một quyển sách cái nhan đề thật lủng củng và dễ sợ. De Rhubarbaro.

Tuy nhiên cần phải nói, vì tác phẩm được viết bằng chữ La tinh, như nhan đề chỉ rõ, khó có thể tin rằng Gilliatt, vốn không biết chữ La tinh, lại đọc đến quyển sách ấy.

Nhưng chính những quyển sách mà người ta không đọc lại hay kết tội người ta nhiều nhất. Pháp đình tôn giáo Tây Ban Nha đã xét đến điểm này và cho là không phải nghi ngờ gì cả.

Vả lại đây chẳng qua là quyển sách của bác sĩ Tilingius viết về cây Rhubarbe xuất bản ở Đức năm 1679.

Người ta không chắc Gilliatt đã không làm bùa, làm ngải, và “nấu rượu”. Anh có khối những chai lọ.

Tại sao tối tối anh lại hay dạo chơi, đôi khi đến tận nửa đêm, ngoài vách biển, tất nhiên để chuyện trò với những kẻ xấu ban đêm vật vờ trong khói ở ngoài bờ biển.

Có lần anh đã giúp mụ phù thủy ở Torteval kéo được một chiếc xe ra khỏi quăng lầy. Một bà già, tên là Moutonne Gahy.

Trong cuộc đi điều tra dân số ở đảo, được hỏi về nghề nghiệp, anh đã trả lời: Đánh cá, khi có cá. Bạn thử đặt mình vào cương vị dân thường, người ta không ưa những câu trả lời như vậy.

Nghèo giàu là chuyện để so sánh, Gilliatt có ruộng, có nhà và so với những người chẳng có gì, thì anh chẳng phải nghèo. Một hôm, để thử anh, và có lẽ cũng để tấn công anh vì cũng có những người đàn bà lấy quí giàu, một cô gái hỏi Gilliatt: - Bao giờ thì anh lấy vợ? - Anh đáp: Bao giờ hòn Roque qui Chante lấy chồng thì tôi lấy vợ.

Hòn Roque qui Chante là một tảng đá to đứng sừng sững trong một mảnh vườn gần của Monsieur Lemézurier de Fry. Cần phải giám sát kỹ tảng đá này. Người ta không biết tại sao nó lại ở đấy. Người ta thường nghe có tiếng gáy ở đấy mà không thấy có gà, đi đâu thật hết sức bức mình. Sau đó người ta lại xác nhận rằng nó được bọn sarregouset, bọn này cũng như bọn sin, đặt trong mảnh vườn ấy.

Ban đêm, khi nào có sấm, nếu thấy có người bay trong mây đỏ và trong không khí chuyển động, đấy là bọn sarregouset. Một người đàn bà, ở Grand Mielles, biết rõ chúng nó. Một tối nọ có bọn sarregouset ở một ngã tư, người đàn bà ấy nói to với một anh đánh xe bò, người này đang không biết đi về đường nào: Cứ hỏi họ đường mà đi, đây là những con người rất tốt, rất lịch sự để trò chuyện ở đời. Cuộc gì thì cuộc, người đàn bà ấy là

phù thủy.

Vị vua anh minh và thông thái Jacques Đệ Nhất thường sai lược sống những loại đàn bà như thế, ném thử nước lược và qua chất vị của nước lược, phán: Đúng là một mụ phù thủy, hoặc mụ này không phải phù thủy.

Đáng tiếc là vua chúa ngày nay không có cái tài như thế nữa, để cho ta hiểu lợi ích của thế chế.

Gilliatt không phải là không có những nguyên nhân chính đáng, sống sặc mùi phù thủy. Trong cơn bão vào lúc nửa đêm, Gilliatt đang ở một mình ngoài biển, trên một chiếc thuyền con phía La Sommeilleuse, người ta nghe anh hỏi:

- Có thể đi qua được không?

Có tiếng nói to từ trên đỉnh núi:

- Có! Dừng cảm lên!

Anh nói với ai, nếu không phải với người trả lời anh? Đối với chúng ta, đi đâu ấy hình như là một bằng chứng.

Một đêm khác trời cũng giông bão, tối như bưng, ngay cạnh hòn Catiau Roque, một dãy núi đẽo, nơi phù thủy, dê và quỷ sứ cứ thứ sáu lại đến nhảy múa, người ta nhận rõ tiếng của Gilliatt lẫn trong đoạn đối thoại sau đây:

- Vésin Brovard thế nào rồi? (Đây là một người thợ xây bị ngã từ mái nhà xuống)

- Đỡ rồi.

- Trời đất! Hấn ngã từ chỗ cao hơn cái cột này. May mà hấn không bị gãy xương.

- Tuần trước đi lấy rong biển trời đẹp lắm.
- Hơn bữa nay.
- R ấ coi! Ở chợ sẽ chẳng còn con cá nào đâu.
- Trời gió dễ quá.
- Không làm sao mà thả được lưới.
- Con Catherine ra sao?
- Mê lắm.

“Con Catherine” dĩ nhiên là một con sarregouset.

Xét theo bên ngoài thì Gilliatt thường làm việc về đêm. Ít ra không ai nghi ngờ về chuyện ấy.

Đôi khi người ta thấy anh đổ nước ra đất với cái vò của anh. Mà nước đổ xuống đất bao giờ cũng có hình quỷ sứ.

Trên con đường Saint-Sampson, đối diện với xưởng rèn số 1, có ba tảng đá xếp thành bậc thang. Trên mặt bằng của chúng, hiện nay chẳng có gì, ngày trước có một cây thánh giá, nếu không phải là một cái giá treo cổ. Những tảng đá này ác độc lắm.

Nhiều người rất dè dặt và nhiều người tuyệt đối có thể tin được khẳng định đã trông thấy Gilliatt nói chuyện với một con cóc, cạnh mấy tảng đá nói trên. Thế mà ở Guernesey lại không có cóc, Guernesey có đủ loại rắn nước và Jersey có đủ loại cóc. Con cóc này hẳn đã bơi từ Jersey sang để nói chuyện với Gilliatt. Cuộc nói chuyện rất thân mật.

Những sự việc trên được xác nhận, chứng cứ là ba tảng đá vẫn còn đấy. Người nào ngờ vực có thể đi mà xem, và cách đấy không xa, còn một ngôi

nhà ở góc có treo tấm bảng: Mua bán gia súc sống hoặc chết, dây thừng cũ, sắt, xương và kén, giao dịch và thanh toán nhanh chóng.

Phải có ác ý mới phủ nhận sự hiện hữu của mấy tảng đá kia và sự tồn tại của ngôi nhà nọ. Tất cả những chuyện ấy đều có hại cho Gilliatt.

Chỉ những người ngu dốt mới không biết hiểm họa lớn nhất trên biển Manche là Vua Auxcriniers^[8]. Không có nhân vật nào ngoài biển đáng sợ hơn. Ai mà trông thấy lão là thế nào cũng bị đắm giữa các hòn Saint-Michel. Lão nhỏ người, lùn tịt, điếc đặc và là Vua. Lão biết tên tất cả những người chết ngoài biển và chỗ họ nằm. Lão biết tường tận nghĩa địa đại dương. Một cái đầu dưới to trên hẹp, một thân mình vạm vỡ, một cái bụng nhầy nhụa dị hình, sọ tinh mịn cóc, ống chân ngắn ngắn, cánh tay dài nghêu, bàn chân hình vây cá, bàn tay như vuốt nhọn, mặt phèn phẹt xanh lè, hình dạng lão vua ấy như thế đấy. Vuốt của lão có màng kiểu chân vịt, vây lão đầu có móng. Ta cứ tưởng tượng một con cá mà có mặt người. Để thanh toán lão, phải trù yếm lão hay câu được lão. Trong khi chờ đợi lão rất hung ác. Không gì đáng sợ bằng lão. Trên sóng nước sau lớp sương mù dày đặc thấp thoáng hình dáng một con người; trán thấp, mũi tẹt, hai tai bẹp dí, cái miệng rộng hoác không răng, nhãn nhử màu xanh lục, hàng lông mày xếch ngược và cặp mắt vui vẻ thô lỗ. Lúc chớp xanh lè thì lão đỏ rực, lúc chớp đỏ thẫm thì lão lại nhợt nhạt tái mét. Lão có bộ râu xòa rộng vừa óng ánh vừa cứng, cắt tủa vuông vắn, trên một cái màng mỏng hình áo choàng, trang trí thêm mười cái vỏ sò, bảy cái phía trước, bảy cái phía sau. Mấy cái vỏ sò này khá kỳ lạ đối với những ai hiểu biết về vỏ sò hến. Chỉ khi nào biển động mạnh mới thấy Vua Auxcrinier. Lão là tên hèn rợn của bão táp. Hình dáng lão thấp thoáng trong sương mù, trong gió giạt và trong mưa tuôn. Cái rốn của lão nom thật gớm chết. Một lớp vỏ hầu phủ kín mạn

sườn lão như một chiếc áo nịt. Lão đứng sừng sững trên những lớp sóng cuộn tung tóc dưới áp lực của gió và xoắn vặn như phoi bào thoát ra khỏi chiếc bào thợ mộc. Lão đứng phơi cả mình ra ngoài bọt nước, và nếu ở chân trời có thuyền bè lâm nạn là, đang xanh mét trong bóng tối, mặt bỗng rạng lên nhờ ánh sáng một nụ cười mơ hồ, lão nhảy múa với vẻ điên loạn và khủng khiếp. Đây là một cuộc gặp gỡ nguy hiểm. Vào thời kỳ Gilliatt còn là một trong những chuyện bận tâm của Saint-Sampson, những người cuối cùng được thấy vua Auxcrinier đầu tuyên bố rằng trên tấm áo choàng của lão chỉ còn mười ba chiếc vỏ sò, như vậy lão càng thêm nguy hiểm. Nhưng cái thứ mười bốn đâu rồi? Lão có cho ai không? Và lão đã cho ai? Chuyện đó chẳng ai biết, người ta đành đoán phỏng. Điềm chắc chắn là Monsieur Lupin Mabier ở Godaines, người có uy tín, nghiệp chủ đóng thuế ở tám mươi phường khóm, sẵn sàng thề rằng có lần ông đã thấy trong tay Gilliatt một chiếc vỏ sò rất đặc biệt.

Những câu chuyện sau đây giữa hai nông dân không phải là hiếm:

- Này ông bạn hàng xóm, có phải con bò nhà tôi đẹp không?
- Béo múp ông bạn hàng xóm ạ.
- Ở đúng thế thật.
- Nó nhiều mỡ hơn thịt.
- Trời ơi!
- Anh có chắc là Gilliatt chưa nhìn nó lần nào không?

Gilliatt thường dừng lại ở các rìa bờ ruộng, cạnh mấy người thợ cày và bên những mảnh vườn gần mấy người làm vườn, và anh thường nói với họ những lời bí mật:

- Khi nào hàm thiếc quỉ ra hoa thì gặt lúa mạch đông.

(Hàm thiếc quỉ tức là cây scabieuse).

- Tần bì ra lá, băng giá không còn.

- Hạ chí mà đến là gai ra hoa.

- Tháng sáu không mưa, lúa mì bạc trắng. Nên sợ lúa đen.

- Anh đào kết quả, cảnh giác trăng tròn.

- Mừng sáu âm lịch, nếu thời tiết giống như mừng bốn, mừng năm thì suốt tuần trăng sẽ vẫn như thế, chín lần trên mười hai trong trường hợp thứ nhất và mười một trên mười hai trong trường hợp thứ hai.

- Phải để mắt đến hàng xóm đang kiện tụng với anh. Nên đề phòng những chuyện ác ý. Lợn uống sữa nóng thì lợn đi đời. Xát răng bò cái bằng hương mộc là bò chê cỏ.

- Cá hương đẻ trứng, coi chừng bệnh sốt.

- Nhái ra khỏi hang, dưa gang tròng gập.

- Địa liên ra hoa, gieo ngay đại mạch.

- Điên ma ra hoa, phát ngay đống cỏ.

- Bạch dương ra hoa, mở toang khuông kính.

- Thuốc lá ra hoa, đóng kỹ nhà kính.

Và, đi đâu khùng khiếp, nếu nghe theo lời anh khuyên, người ta sẽ khá.

Một đêm tháng sáu anh thổi kèn da trên động cát, phía Demie de Fontenelle, thế là đợt đánh cá song mất trắng.

Một tối, lúc thủy triều xuống, trên bãi cát trước nhà anh ở Bû de la Rue,

một chiếc xe bò chở rong biển bị đổ. Chắc anh sợ bị gọi ra pháp luật, vì anh cố sức giúp người ta dựng chiếc xe và đích thân chất lại chỗ rong lên xe.

Một con bé hàng xóm có rận, anh đã đi Saint-Pierre-Port mua thuốc cao vè, và xát cho con bé. Gilliatt đã chữa hết rận cho nó, như thể chứng tỏ Gilliatt đã làm cho con bé có rận.

Mọi người đều biết có một thứ bùa làm cho người ta có rận.

Gilliatt có tiếng hay nhìn xuống giếng, như thế rất nguy hiểm nếu con mắt độc ác; sự thật là một hôm ở Arculons, gần Saint-Pierre-Port, nước giếng bỗng dung trở mùi. Bà chủ giếng hiên lành liên nói với Gilliatt: Anh xem chỗ nước này coi. Và bà đưa cho anh một cốc nước đầy. Gilliatt công nhận: Nước có nặng mùi thật. Bà cụ sinh nghi nói: Thế thì anh chữa nó hộ tôi đi. Gilliatt hỏi bà: - Bà có chuồng bò không? - Chuồng bò có cống không? - Nước cống có chảy qua gần giếng không? Bà cụ trả lời có, Gilliatt liên đi vào chuồng bò, quét dọn cống, cho dòng nước chảy qua chỗ khác, thế là nước trở lại trong lành. Trong vùng ai muốn nghĩ gì thì nghĩ. Một cái giếng không phải xấu, sau đó lại tốt, không có nguyên do; người ta không thể cho rằng bệnh của cái giếng này là tự nhiên, và khó lòng không tin rằng đúng Gilliatt đã bỏ bùa xuống giếng nước.

Một hôm anh đi Jersey, người ta nhận thấy anh đến ở tại Saint-Clément, phố Alleurs. Alleurs tức là ma quỷ.

Ở làng, người ta hay cúp nhặt những dấu hiệu về một con người, người ta ráp những dấu hiệu ấy lại; tổng số tạo thành tiếng tăm.

Có hôm người ta bắt gặp Gilliatt đổ máu cam. Chuyện này xem ra trăn trọng. Một người chủ đò, từng đi nhiều, đã đi gần hết quả đất, khẳng định

rằng ở Tungouses, tất cả bọn phù thủy đều chảy máu cam. Hễ thấy ai đổ máu cam là người ta biết ngay phải làm gì. Tuy nhiên những người biết đi đâu đâu nhận xét rằng đặc điểm của bọn phù thủy Tungouses có thể không hoàn toàn giống như đặc điểm của bọn phù thủy ở Jersey.

Một lần gần ngày lễ Saint-Michel, người ta thấy anh dừng chân trên một đống cỏ trong các khu vườn con của nhà Huriaux, bao quanh con đường lớn đi Videclins. Anh huýt sáo trên đống cỏ, và rồi lát sau nữa một con ác là bay đến. Sự việc được xác nhận bởi một người tai mắt, từ đó là ủy viên trong đoàn Mười Hai người được phép làm một cuốn sách mới nói về vấn đề chim đậu trên thái ấp nhà vua.

Tại Hamel, trong hai mươi ngày lễ l'Épine, có những bà già cam đoan một buổi sáng đã nghe thấy, qua tiếng sáo mỗi quen thuộc, chim én gọi Gilliatt.

Thêm vào đó, anh ta không tốt.

Một hôm có người đàn ông khốn khổ đánh một con lừa. Con lừa không chịu đi. Người kia đá cho nó mấy cái vào bụng, thế là con lừa lăn quay ra. Gilliatt chạy đến để nâng con lừa dậy, thì con lừa đã chết, Gilliatt liền tát anh chàng khốn khổ kia.

Một hôm khác, thấy có một thằng bé từ trên cây tuột xuống, với một tổ chim táo mới nở, gần như không có lông và trần trụi. Gilliatt giằng lấy ổ chim của thằng bé, và còn độc ác đến mức đem ổ chim đặt lại trên cây.

Một số người qua đường trách anh, anh lảng lạng chỉ vào con chim bố và con chim mẹ đang chiêm chiếp phía trên cây và bay về với lũ chim non. Anh vốn rất quý chim.

Đây là một dấu hiệu thông thường để nhận ra những bọn phù thủy.

Trẻ con sung sướng khi tìm được những ổ hải âu và sơn ca trong các vách biển. Chúng đưa về vô số trứng màu xanh, màu vàng, màu lục mà người ta vẫn dùng để làm thành những hình hoa thị trên mặt tiêng lò sưởi. Vì vách biển dựng đứng, đôi khi chúng trượt chân ngã chết. Còn gì đẹp bằng những bức bình phong trang trí bằng trứng chim biển. Gilliatt không bao giờ làm hại ai. Anh dám liều cả tính mạng, trèo lên các vách núi cheo leo ngoài biển, và treo lên đấy những tấm rơm với những chiếc mũ cũ và đủ loại hình nhân, để không cho chim làm tổ ở đấy, và lẽ tất nhiên để ngăn chặn trẻ con đến đấy.

Bởi vậy mà Gilliatt hầu như bị địa phương oán ghét. Lẽ ra thì không đến nỗi thế.

V

NHỮNG MẶT ĐÁNG NGỜ KHÁC CỦA GILLIATT

Dư luận không được xác định rõ về Gilliatt.

Thông thường người ta tưởng anh là marcou, nhiều người còn tưởng anh là cambion. Cambion là con trai một người đàn bà ngủ với quỷ.

Khi nào một người đàn bà có liên với một người đàn ông bảy đứa con trai, thì đứa thứ bảy là marcou. Nhưng không được cô con gái xen vào giữa loạt con trai kia.

Marcou có một cái hoa huệ tự nhiên ở một bộ phận nào đấy trên người, nhờ thế mà nó chữa được bệnh tràng nhạc cũng giỏi như các vị vua nước Pháp. Khắp nước Pháp nơi nào cũng có một ít marcou, nhất là ở Orléanais.

Ở Gâtinais làng nào cũng có marcou. Để chữa chạy cho người bệnh, marcou chỉ cần thổi lên những vết thương của họ hoặc bảo họ sờ vào cái hoa huệ của nó. Việc này có kết quả nhất vào đêm thứ sáu thánh^[9]. Cách đây mười năm, marcou vùng Ormes đến xin thuốc, là một người đóng thùng tô-nô tên gọi là Foulon, có ngựa có xe. Để ngăn chặn những phép màu của anh, người ta phải nhờ sen đầm can thiệp. Anh ta có hoa huệ ở dưới vú trái. Các marcon khác có hoa huệ ở chỗ khác.

Ở Jersey, ở Aurigny, và ở Guernesey đều có marcou. Điềm ấy có lẽ do nước Pháp có quy định hành trên công quốc Normandie. Nếu không thì ích gì cái hoa huệ?

Trên các đảo vùng biển Manche cũng có người mắc bệnh tràng nhạc, vì thế cần phải có marcou.

Một hôm, mấy người có mặt lúc Gilliatt tắm biển cho là đã trông thấy hoa huệ của anh. Được hỏi về điềm ấy, anh chỉ cười khì. Vì đôi khi anh cũng cười như mọi người khác. Từ đấy, người ta không thấy anh đi tắm nữa, anh chỉ tắm ở những chỗ nguy hiểm và vắng vẻ. Có lẽ vào ban đêm, lúc trăng sáng; một đi đầu mà người ta sẽ thừa nhận là đáng nghi ngờ.

Những người cứ nhất định cho anh là cambion. Nghĩa là con của quỷ sứ, tất nhiên đã lầm. Lẽ ra họ phải biết rằng chỉ ở Đức mới có cambion. Nhưng cách đây năm mươi năm, Valle và Saint-Sampson đều là những địa phương ngu dốt.

Ở Guernesey mà tin người nọ người kia là con của quỷ sứ thì rõ ràng có quá đáng.

Chính vì Gilliatt gây lo ngại mà anh thường được nhờ chữa bệnh. Bà con nông dân, sợ hãi đến kẻ bệnh với anh. Nỗi sợ hãi ấy bao hàm niềm tin

tưởng; và ở nông thôn thầy thuốc càng bị ngờ vực thì thuốc của thầy càng đảm bảo. Gilliatt có những phương thuốc gia truyền do bà mẹ qua đời để lại; ai hỏi anh cũng cho và không chịu lấy tiền. Anh chữa còng cua chín mé bằng cách đắp lá; chữa sốt bằng thứ nước ở trong một cái lọ của anh; nhà hóa học ở Saint-Sampson, mà ở Pháp chúng ta gọi là dược sĩ, nghĩ có lẽ đây là rượu thuốc quinquina. Những người ít cảm tình nhất sẵn sàng thừa nhận Gilliatt là loại quỷ tương đối hiền lành đối với bệnh nhân khi dùng đến những phương thuốc thông thường của anh; nhưng bảo anh là marcou thì anh không chịu; nếu một người đau tràng nhạc xin được chạm vào cái hoa huệ của anh, anh chỉ trả lời bằng cách đóng sập cửa lại; làm phép lạ là đi đầu anh dứt khoát từ chối, kẻ cũng buồn cười đối với một tay phù thủy. Đừng có làm phù thủy; nhưng đã là phù thủy thì nên hành nghề.

Trong mỗi ác cảm chung trên đây, có một hay hai biệt lệ. Sieur Landoys, ở Clos-Landès, là lục sự giáo khu Saint-Pierre-Port, phụ trách ghi chép và giữ sổ sinh tử giá thú. Ông lục sự Landoys này tự hào mình là con cháu của Pierre Landais, thủ quỹ xứ Bretagne, bị treo cổ năm 1485. Một hôm Sieur Landoys tắm xa bờ biển quá và suýt chết đuối, Gilliatt liền nhảy xuống nước, suýt nữa cũng chết đuối theo, và cứu được Landoys. Từ hôm ấy Landoys không nói xấu Gilliatt nữa. Đối với những người tỏ ra ngạc nhiên vì thế, ông đáp: Tại sao ông lại muốn tôi ghét một người không làm gì tôi và đã cứu sống tôi? Ông lục sự lại còn phần nào tỏ ra thân thiện với Gilliatt nữa. Ông là một người không có thành kiến. Ông không tin phù thủy. Ông cười những ai sợ ma. Còn ông, ông có một chiếc tàu, ông đi câu những khi rỗi rãi cho vui, và chẳng bao giờ ông gặp chuyện gì kì lạ, ngoài chuyện một hôm sáng trăng có một người đàn bà trắng trẻo nhảy xuống nước, và ông không chắc là có thật không nữa, Moutonne Gahy, mẹ phù thủy ở Torteval,

có cho ông một cái túi con để đeo dưới cà vạt và để yếm trừ ma quỷ; ông chế giễu cái túi và không biết nó đựng gì; tuy vậy ông cũng cứ đeo nó, cảm thấy mình an toàn hơn khi có cái của ấy ở cổ.

Một vài người táo tợn đánh liêu đi theo Sieur Landoys để tìm ở Gilliatt một vài trường hợp giảm khinh, một vài dấu hiệu đạo đức, tính thanh đạm, chẳng rượu chè, chẳng thuốc lá, và đôi khi người ta đi đến chỗ khen ngợi anh như sau: Nó chẳng rượu chè, chẳng hút xách, chẳng nhai mà cũng chẳng hút thuốc lá.

Nhưng sống thanh đạm chỉ là nét tốt khi nào người ta có những nét tốt khác.

Hiềm khích của công chúng đầu đổ lên đầu Gilliatt.

Dù sao, là marcou, Gilliatt cũng có thể giúp ích. Một hôm, vào ngày thứ sáu thánh, nửa đêm, ngày và giờ thường dùng cho những việc chữa chạy như thế, tất cả những người bị tràng nhạc trên đảo do cảm hứng hay do hèn hò với nhau, lũ lượt kéo đến Bû de la Rue, với những vết thương rất tội nghiệp, chấp tay van xin Gilliatt chữa giúp. Anh từ chối. Người ta nhận định đấy là nét ác độc của anh.

VI CHIẾC THUYỀN BẦU

Gilliatt như thế đấy!

Cánh con gái đầu chê anh xấu.

Anh không xấu. Có lẽ anh còn đẹp nữa. Nhìn nghiêng anh có một cái gì đó của con người man rợ cổ xưa. Ng ẩ yên, anh giống như một người

Dace trong đội quân Trajane. Tai anh nhỏ, thanh tú không rách, với những đường vành rất đẹp. Giữa hai mắt, anh có cái nếp nhăn thẳng đứng hiên ngang của con người dũng cảm và kiên nghị. Hai khóe môi trễ xuống, vẻ chua chát; vầng trán cong cong cao quý và trong sáng; con người anh ngay thật, nhìn thẳng, mặc dù hay nhấp nháy kiểu dân chài vì chói ánh sóng biển. Tiếng cười của anh ngây thơ và rất dễ thương.

Không một thứ ngà nào sánh kịp hàng răng trắng bóng của anh. Những ánh nắng mặt trời đã làm anh gầy giống như một người da đen. Không thể nào lẫn lộn với đại dương, với bão táp, với trời đêm mà lại không bị ảnh hưởng; mới ba mươi tuổi mà nom anh như bốn năm. Anh đeo bộ mặt âm thầm của gió trời và biển cả.

Người ta đặt cho anh cái tên là Gilliatt Tinh khôn.

Ấn Độ có một truyện ngụ ngôn: một hôm Brahma hỏi thần Sức mạnh: Ai mạnh hơn Thần? Thần Sức mạnh đáp: Thần Khôn Khéo. Một câu tục ngữ Trung Quốc nói: Nếu sư tử là khỉ, thì có cái gì khỉ không làm được! Gilliatt không phải sư tử, mà cũng không phải khỉ; nhưng những việc anh làm đều dựa vào câu tục ngữ Trung Quốc và câu truyện ngụ ngôn Ấn Độ. Với tầm vóc bình thường, với sức mạnh bình thường, nhưng nhờ tài khôn khéo của mình vừa nhiều sáng kiến vừa có hiệu quả, anh tìm được cách nâng những khối nặng khổng lồ và làm nên những việc phi thường của một lực sĩ.

Trong anh có nhà thể thao; anh sử dụng tay trái chẳng khác gì tay phải.

Anh không săn bắn, nhưng anh thích đi câu. Anh tha cho chim chứ không tha cho cá. Vô phúc cho những giống cầm! Anh là tay bơi lội xuất sắc.

Cô đơn tạo nên những con người tài năng hoặc những anh hùng ngu ngốc. Gilliatt có cả hai mặt ấy. Lắm lúc người ta thấy anh có “cái vẻ ngo ngác” đã nói trên đây, và người ta cứ cho anh là một con người cục súc. Lúc khác anh lại có một vẻ nhìn sâu thẳm. Nước Chaldée cổ xưa đã có những con người như vậy, có những giờ phút mà tính chất mờ đục của mục đ ồng trở thành trong suốt và cho thấy nhà đạo sĩ.

Tóm lại đó là một con người đáng thương biết đọc và biết viết. Rất có thể anh đứng ở chỗ ranh giới ngăn cách người tr ần tư với nhà tư tưởng. Nhà tư tưởng đòi hỏi, người tr ần tư chịu đựng. Cảnh cô đơn thêm vào cho những con người bình thường, và khiến cho họ phần nào thêm phức tạp. Họ mang nặng tính chất rùng rợn thiêng liêng mà không biết. Cái bóng đen bao trùm trí óc Gilliatt gồm hai thành phần gần như bằng nhau, cả hai đều tối tăm, nhưng khác hẳn nhau: bên trong, sự ngu đốt, tàn tật; bên ngoài, vẻ bí mật, vô biên.

Nhờ thích trèo núi, nhờ hay treo những chỗ cheo leo, nhờ đi lại mãi trong bán đảo vào mọi thời tiết, nhờ gặp thuy ền bè nào cũng chèo lái, nhờ ngày đêm len lỏi trong các con lạch khó đi nhất, anh trở thành một người mi ền biển kỳ tài mà chẳng được gì, hoàn toàn chỉ để thỏa mãn sở thích và cái thú tiêu khiển của mình.

Anh là hoa tiêu bẩm sinh. Người hoa tiêu thật sự là người thủy thủ đi ầu khiển theo đáy biển nhiều hơn theo mặt nước. Sóng chỉ là một vấn đề bên ngoài, bị hình thế đáy biển của những nơi thuy ền bè đi tới làm cho thêm phức tạp. Nhìn Gilliatt lặn trên các chỗ nước cạn ngoài biển và giữa những mỏm ngầm của quần đảo Normand, cứ tưởng như anh có trong óc một bản đồ đáy biển. Anh biết hết và bất chấp tất cả.

Anh biết rõ những hải tiêu giỏi hơn cả những con cốc đậu bên trên. Những điểm khác nhau không nhận thấy để phân biệt bốn cột hải tiêu Creux, Alligande, Trémies, và Sardrette, đối với anh hoàn toàn rõ ràng rành mạch kể cả trong sương mù. Anh không hề do dự trước cái cọc có nùm bầu dục ở Anfré, cũng như trước ba ngọn giáo ở Rousse, cũng như trước quả cầu trắng ở Corbette, cũng như trước quả cầu đen Longue Pierre, và anh không nhìn cây thánh giá Goubeau với thanh kiếm Platte cắm xuống đất, cũng không sợ lẫn hải tiêu hình búa Barbées với hải tiêu mõng đuôi cá Moulinet.

Tài thủy thủ hiểm có của anh đặc biệt nổi bật vào một hôm Guernesey có cuộc thi tài đi biển gọi là đua thuyền. Vấn đề đặt ra như sau: một mình ngỗ trên một chiếc thuyền bốn buồm, lái từ Saint-Sampson đến đảo Herm cách đây một dặm; rồi từ Herm đua thuyền về Saint-Sampson. Điêu khiển một mình con thuyền bốn buồm, việc đó không người dân chài nào không làm được, và khó khăn dường như không ghê gớm, nhưng đây mới là điểm quan trọng. Thứ nhất, bản thân chiếc thuyền là một loại xà lúp rộng, chắc, bụng phình ngày xưa, theo kiểu Rotterdam, mà dân biển thế kỷ trước hay gọi là thuyền bầu Hà Lan. Ngoài biển đôi khi người ta còn gặp thứ thuyền mẫu cổ xưa này của Hà Lan phình phình, bèn bẹt, mạn thuyền có hai cánh, lúc vỗ bên này, lúc vỗ bên kia, tùy theo chiều gió, và thay cho sống thuyền. Thứ hai, lướt về từ Herm; lướt về phước tạp vì phải chở thêm đá. Đi không nhưng về lại chở nặng. Giải thưởng cuộc thi là chiếc xà lúp. Nó được tặng trước cho người thắng cuộc. Chiếc thuyền bầu này trước đã dùng làm tàu dẫn; người hoa tiêu đã đi và lái nó suốt hai mươi năm là người thủy thủ lực lưỡng nhất biển Manche; khi ông ta chết, không tìm được ai để điêu khiển chiếc thuyền bầu, người ta đã quyết định dùng nó làm giải thưởng cho một

cuộc đua thuyền. Chiếc thuyền bâu tuy không có sàn, vẫn có nhiều ưu điểm, và có thể cắm dõ một tay đi đầu khiến tàu có tài. Buồm dựng phía trước nên sức kéo càng tăng. Ưu điểm khác, cột buồm không gây trở ngại cho việc chắt xếp hàng. Đây là một loại vỏ thuyền chắc chắn, nặng nề, nhưng rộng rãi, và vững vàng lúc ra khơi, đúng là một chiếc thuyền anh chị. Người ta náo nức ra tranh giải; cuộc đua tài có gay go, nhưng giải thưởng cũng đích đáng. Bảy tám dân chài, những tay khỏe mạnh nhất đảo, ra ứng thí. Họ lần lượt thử sức, chẳng anh nào đến được Herm cả. Người đấu thủ cuối cùng nổi tiếng nhờ một hôm trời giông bão đã dùng chèo vượt qua cái eo biển mà ai cũng sợ giữa Herm và Brecq-Hou. Mờ hôi nhễ nhại, anh ta đưa chiếc thuyền bâu về và nói: Chịu. Bấy giờ Gilliatt mới nhảy xuống thuyền, thoạt tiên nắm lấy mái chèo, sau đó nắm lấy dây lèo và phóng thẳng ra khơi. Rồi, không cuốn dây lèo, vì cuốn lại là đại dột, và cũng không buông ra, nhờ vậy mà làm chủ được lá buồm đại, mặc cho lèo cuốn vào dây quai theo chiều gió, không cho chệch hướng, anh nắm lấy cần lái trong bàn tay trái. Sau bốn mươi lăm phút, anh đến Herm. Ba giờ sau, mặc dù gió nam nổi lên và thổi ngang lạch, chiếc thuyền bâu, trên có Gilliatt, trở về Saint-Sampson với đá đầy khoang. Anh còn huênh hoang phách lối chở thêm cỗ súng thần công nhỏ bằng đồng ở Herm mà hàng năm, ngày mồng năm tháng mười một, dân đảo vẫn bắn mừng kỷ niệm ngày chết của Guy Fawkes.

Nhân thể chúng tôi xin nói, Guy Fawkes chết cách đây hai trăm sáu mươi năm, đây là một niềm vui lâu dài.

Chở nặng và kiệt sức như thế, mặc dầu lại thêm khẩu đại bác của Guy Fawkes trên thuyền và buồm lộng gió nam, Gilliatt vẫn đưa được, có thể nói gần như mang được, chiếc thuyền bâu về Saint-Sampson.

Thấy thế, Mess Lethierry reo lên:

- Đây mới thật là một thủy thủ dũng cảm!

Và ông chìa bàn tay ra cho Gilliatt.

Chúng tôi sẽ nói đến Mess Lethierry sau.

Chiếc thuyền bèo được quyết định thuộc về Gilliatt.

Một số người tuyên bố sự việc chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả, vì Gilliatt đã giấu trong thuyền một cành sim rừng. Nhưng điểm này không thể chứng minh được.

Từ hôm ấy, Gilliatt không có thuyền bè nào khác chiếc thuyền bèo. Anh đi câu bằng chính chiếc thuyền nặng nề ấy. Anh buộc nó tại cái bến con rất tốt của riêng anh, ngay dưới bức tường ngôi nhà Bû de la Rue của anh. Trời vừa sập tối là anh vắt lưới lên vai, băng qua vườn nhà, trèo qua cái lan can đá khô, nhảy từ tầng nọ xuống tầng kia, và tót lên chiếc thuyền bèo. Từ đấy ra khơi.

Anh thường câu được rất nhiều cá, nhưng người ta khẳng định là cái cành sim vẫn luôn luôn buộc ở chiếc thuyền của anh. Cây sim là cây sơn tra tử. Chẳng ai trông thấy cái cành ấy cả, nhưng mọi người đều tin là có.

Cá ăn không hết, anh không bán, toàn đem cho.

Người nghèo nhận cá của anh, nhưng vẫn không bằng lòng anh vì cái cành sim kia. Như thế là không nên. Con người không được đánh lừa biển cả.

Anh làm nghề đánh cá, nhưng không phải chỉ làm có thế. Do bản năng và để tiêu khiển, anh đã học được ba bốn nghề. Anh làm được thợ mộc,

thợ sắt, thợ đóng xe, thợ xảm thuyền và phần nào cả thợ cơ khí nữa. Không ai chữa bánh xe giỏi bằng anh. Anh làm lấy tất cả những đờng nghề đánh cá theo một kiểu riêng của anh. Trong một góc Bû de la Rue có một cái lò rèn nhỏ và một cái đe, và vì chiếc thuyền bâu chỉ có một cái neo, nên anh tự tay và một mình làm thêm cho nó một cái thứ hai. Chiếc neo này thật là tuyệt diệu, mắt neo chắc khỏe như ý muốn và Gilliatt, chẳng cần phải ai dạy, đã tìm được ra kích thước chính xác mà sà neo phải có để mở neo khỏi lật ngược.

Anh đã kiên trì thay thế tất cả loạt đinh ở mạn thuyền bằng những chốt gỗ, nhờ thế không thể có lỗ gì.

Với cách đó anh đã tăng được nhiều ưu điểm đi biển của chiếc thuyền bâu. Anh còn lợi dụng nó để thỉnh thoảng đi một vài tháng đến một hòn đảo hiu quạnh, như Chousey hay Casquets. Người ta bảo: Kìa, Gilliatt không có ở nhà nữa. Đi đâu ấy không làm cho ai buồn phiền cả.

VII NHÀ CÓ MA DÀNH CHO NGƯỜI MỘNG TƯƠNG Ở

Gilliatt là con người trong mộng. Vì vậy mà anh táo bạo, và cũng vì vậy mà anh rụt rè. Anh có những ý nghĩ của riêng anh.

Có lẽ ở Gilliatt có con người sống trong ảo giác và con người được thần cảm. Ảo giác ám ảnh một nông dân như Martin không kém gì ám ảnh một vị vua như Henry Đệ Tứ. Vô định đôi khi làm cho tinh thần con người gặp nhiều điểu ngạc nhiên. Bóng tối thành linh bị xé toang và đột ngột cho thấy cái vô hình, rồi lại khép lại. Những ảo ảnh ấy đôi khi chuyển hình đổi dạng: từ một anh chẵn giữ lạc đà chúng làm thành Mahomet^[10] và từ một

cô chẵn dê thành Jeanne d'Arc^[11]. Cảnh cô đơn phát ra đôi chút thác loạn cao cả. Đó là làn khói của bụi cây rục lửa^[12]. Vì vậy mà có sự rung động thần bí của ý nghĩ, khiến nhà bác học trở thành người thần thị và thi sĩ thành đấng tiên tri; vì vậy mà có Horeb, Cédron, Ombos, những hừng vị của cây nguyệt quế Castalie nhá nhỏ, những phát giác của thánh Busion; do đó mà có Péléia ở Dodone, có Phémoneö ở Delphes, có Trophonius ở Lébadée, Có Ezéchiél ở Kébar, có Jérôme ở Thébaïde. Thông thường nhất, trạng thái ảo giác đè nặng con người, và làm cho nó ngỡ ngác. Trạng thái đần độn thiêng liêng là đi đâu vẫn có. Nhà đạo sĩ mang gánh nặng ảo ảnh của mình cũng như thằng ngu mang cục bứu của nó. Luther nói với quỷ trên cái gác xép Wittemberg, Pascal che địa ngục bằng tấm bình phong ở phòng làm việc của ông, lão thầy mo da đen nói chuyện với thần Bossum mặt trắng, đó vẫn là một hiện tượng nằm trong những đầu óc khác nhau, tùy theo sức mạnh và kích tấc của từng đầu óc. Luther và Pascal vĩ đại luôn luôn vĩ đại; còn lão thầy mo thì ngu si.

Gilliatt không cao đến thế và cũng không thấp đến thế. Anh là một con người trầ m tư. Không có gì hơn.

Do được nhiều lần thấy trong nước biển thật trong những con vật bất ngờ khá to, hình dạng khác nhau, thuộc loài sứa mà khi ở trên cạn thì giống như pha lê mềm, khi vớt xuống nước thì lẫn với môi trường, do giống hệt nhau về độ trong và màu sắc đến mức biến mất trong nước, anh kết luận rằng: nếu có những sinh vật trong suốt ở trong nước thì những sinh vật trong suốt khác cũng có thể ở trong không khí. Chim chóc không phải là giống sống cố định trong không khí; chúng là những vật lưỡng thể của không khí, Gilliatt không tin rằng không khí hoang vu. Anh nói: Nếu biển cả có sinh vật, thì có gì không trung lại trống rỗng? Phải có những sinh vật

màu giống như không khí, nhòa lẫn trong ánh sáng và thoát khỏi mắt chúng ta; ai chứng minh rằng không có chúng nó? Tính chất giống nhau chỉ rõ không khí phải có cá của nó cũng như biển cả có cá của nó; những con cá này của không khí phải mờ mờ, đây là ân phúc mà tạo hóa lo xa dành cho ta cũng như cho chúng; để cho ánh sáng xuyên qua hình bóng chúng và không tạo ra bóng tối, và do chúng không có bóng dáng, nên ta không hay biết gì về chúng, không thể chiếm đoạt được gì của chúng. Gilliatt tưởng tượng rằng nếu có thể làm cho mặt đất cạn hết lớp không khí, và nếu người ta câu trong không khí như câu trong một cái ao, thì người ta sẽ thấy ở đây có vô vàn những con vật kỳ lạ. Và, trong giấc mơ anh còn thêm, vô khối đi đâu sẽ được giải thích.

Mơ mộng, vốn là tư tưởng ở trạng thái mây mù, tiếp giáp với giấc ngủ, và xem nó như biên giới của mình. Không khí xa lạ với những sinh vật trong suốt, đây là chỗ bắt đầu của thế giới xa lạ, nhưng phía bên kia là cảnh bao la của thế giới có thể có. Ở đây có những sinh vật khác, những sự việc khác. Không có gì siêu nhiên cả, mà là sự tiếp tục huyền bí của thiên nhiên vô tận, Gilliatt, trong cuộc sống vô công rỗi rãi nghề vất vả của mình, là một nhà quan sát kỳ quặc. Anh quan sát cả giấc ngủ. Giấc ngủ gần gũi với cái có-thể, mà chúng ta cũng gọi là cái vô-lý. Vạn vật ban đêm là một thế giới. Ban đêm, xét về phương diện ban đêm, là một vũ trụ. Cơ thể vật chất của con người, trên đó đè nặng một cột không khí cao mười lăm dặm, tối đến mệt mỏi, rã rời, nằm xuống và nghỉ ngơi, đôi mắt trềnh nhắm lại, thế là trong cái đầu chập chờn ấy, không bất động như người ta tưởng, có những con mắt khác mở ra; thế giới Xa-lạ xuất hiện. Những vật tối tăm của cái thế giới không được ai biết đến trở thành gần gũi với con người, do có mối quan hệ thật sự, hoặc do những viễn cảnh của vực thẳm được phóng

đại lên trong mộng tưởng; hình như những sinh vật không rõ rệt của không gian đến nhìn chúng ta và tò mò muốn biết chúng ta, những sinh vật trên quả đất; một tạo vật mà lên hoặc xuống với ta, sát cánh với ta trong một cảnh hoàng hôn; trước sự chiêm ngưỡng ma quái của ta, một cuộc sống khác cuộc sống chúng ta nhập vào và tan rã, gồm có chúng ta và thứ khác; và con người nằm ngủ kia, không hoàn toàn thấy rõ, không hoàn toàn vô ý thức, thoáng thấy những giống vật kỳ lạ kia, những cây cỏ khác thường kia, những màu sắc tái mét khủng khiếp hay tươi cười kia, những con sâu bọ kia, những chiếc mặt nạ kia, những bộ mặt thật kia, những con giao long kia, những mớ hỗn độn kia, cái đêm sáng trắng suông kia, những sự phân giải đen tối kì diệu kia, những sự tăng giảm trong một lớp dày đục kia, những hình dáng bẽnh bồng trong u minh kia, tất cả cái đi đâu bí mật mà chúng ta gọi là giấc mộng và chỉ là sự nhích gần đến một thực tế không trông thấy. Mơ màng là cái bể nuôi cá cảnh của ban đêm.

Gilliatt nằm mơ như thế đấy.

VIII CHIẾC GHẾ GILD-HOLM-‘UR

Nếu ngày nay người ta đi tìm trong vịnh Les Houmets ngôi nhà của Gilliatt, với mảnh vườn, và cái vũng nơi anh neo cất chiếc thuyền bầu thì chỉ mất công. Bû de la Rue nay không còn nữa. Cái bán đảo con trên có ngôi nhà ấy đã đổ nhào trước lưỡi cuốc chim của những người phá vách biển, và đã được chất từng xe, từng xe, lên những tàu thuyền của cánh bán đá và cánh buôn hoa cương. Nó đã trở thành bến tàu, nhà thờ và cung điện ở thủ đô. Toàn bộ cái đỉnh bãi ngằm ấy từ lâu đã về Luân Đôn.

Những mỏm đá nhô ra biển ấy, với những chỗ lồi lõm, lởm chởm, thật sự là những dãy núi dài; nhìn chúng người ta có cái cảm giác của một anh khổng lồ ngấm dầy trường sơn. Thổ ngữ địa phương gọi chúng là Banques. Những dãy núi ấy mang những bộ mặt khác nhau. Chỗ này giống một cột xương sống, mỗi mô núi là một đốt xương sống, chỗ kia giống một đốt xương cá; chỗ kia lại giống một con cá sấu đang uống nước.

Ở chỗ tận cùng dãy núi của Bû de la Rue, có một hòn núi to mà dân chài Houmet gọi là Sừng Thú. Hòn núi này là một thứ kim tự tháp, giống như cái nóc thánh đường của đảo Jersey, mặc dầu có thấp hơn. Lúc triều lên, nước ngăn cách nó với dãy núi, hòn Sừng Thú lại đứng chơ vơ. Lúc triều xuống, người ta đến đây nhờ một eo núi có thể đi qua được. Vật kỳ quan của mỏm núi này, ở phía trông ra biển, là một thứ ghế tựa tự nhiên do sóng nước đục đẽo và mưa gió bào mòn. Chiếc ghế này có tính phản trắc. Người ta thường bị cảnh trời lôi cuốn đến đây lúc nào không biết; người ta dừng lại đây “vì yêu quý kẻ lưu đày” như ở Jersey vẫn nói; có một cái gì đó giữ chân bạn lại; những chân trời vĩ đại vẫn có sức mê hoặc. Chiếc ghế kia chào mời; nó như một kiêu khâm thờ ở mặt tiền thẳng đứng của núi đá; trèo lên khám thờ ấy dễ thôi; nước biển đã đẽo gọt nó trong đá, cũng đã xếp thành tầng ở phía dưới và sắp đặt một thứ cầu thang bằng đá phẳng lì rất tiện; vực thẳm thường ẩn ẩn chu đáo như thế, bạn hãy cảnh giác trước những cử chỉ lịch sự của nó; chiếc ghế cám dỗ, người ta bước lên, người ta ngồi xuống, người ta thấy thoải mái; ghế là tảng đá hoa cương được bốt sóng mài nhẵn bào tròn, tay vịn là hai chỗ lồi lõm như được dụng tâm tạo gọt, lưng tựa là toàn bộ bức thành cao thẳng đứng của ngọn núi ở trên đầu mà người ta thường chiêm ngưỡng, không nghĩ đến việc không thể nào leo lên được đấy. Còn gì đơn giản hơn thả mặc tâm hồn trong chiếc ghế bành

kia; người ta khám phá ra toàn bộ biển cả, xa xa người ta nhìn thấy thuyền đến tàu đi, người ta có thể dõi theo một cánh buồm cho đến lúc nó chìm mất bên kia những hòn Casquets dưới cái vành tròn của đại dương, người ta kinh ngạc, người ta ngấm nhìn, người ta thích thú, người ta cảm thấy gió trời và sóng biển mơn trớn vuốt ve. Ở Cayenne có một giống dơi biển biết rõ việc nó làm, nó ru ngủ bạn trong bóng tối bằng tiếng vỗ cánh êm đềm khó hiểu; giống dơi không nhìn thấy đó là gió trời; khi không phá hoại thì nó ru ngủ. Người ta chiêm ngưỡng biển khơi, người ta lắng nghe gió trời, dần dần người ta cảm thấy đê mê ngây ngất. Khi đôi mắt đã tràn đầy cảnh đẹp và ánh sáng, thì nhắm mắt lại là cả một niềm khoái cảm. Thành linh người ta tỉnh giấc. Muộn mất rồi. Thủy triều đã dần dần dâng cao. Nước đang bao quanh ngọn núi.

Tai họa rồi.

Biển dâng là một cuộc phong tỏa đáng sợ.

Thủy triều lên, thoát tiên còn không nhận thấy, rồi dần dần mãnh liệt. Lên đến núi đá, nó nổi giận, ngầu bọt. Ở những chỗ đá ngầm không phải lúc nào người ta cũng bơi được. Nhiều tay bơi giỏi đã chết đuối ở chỗ Hòn Sừng của Bû de la Rue.

Ở một số nơi, có những giờ phút ngắm nhìn biển khơi là một thứ thuốc độc. Cũng như đôi khi nhìn ngắm một người đàn bà.

Những người dân rất cổ xưa của Guernesey ngày trước vẫn gọi là cái khám thờ do sóng biển tạc nên trong núi đá đó là chiếc ghế Gild-Holm-'Ur, hoặc Kidormur. Người ta bảo đây là một từ ngữ Celtic, mà ai biết tiếng Celtic thì không hiểu, còn ai biết tiếng Pháp thì lại hiểu. Ai ngủ thì chết. Đây là lối dịch của nông dân.

Ta có thể tự do lựa chọn giữa cách dịch này, Ai ngủ thì chết, với lối dịch, năm 1819 thì phải, trong cuốn *Armorican* của Athenas. Theo nhà khảo cứu ngôn ngữ Celtic đáng kính này thì Gild-Holm-‘Ur nghĩa có nghĩa là *Nơi dừng chân của những bầy chim*.

Ở Aurigny có một chiếc ghế khác cũng thuộc loại này, mà người ta gọi là Ghế Tu Sĩ, được sóng biển tạc rất khéo, và có một chỗ đá nhô ra vừa khít đến nỗi có thể nói là biển đã chiều lòng kê một chiếc ghế con ngay dưới chân bạn.

Lúc biển đầy, khi thủy triều dâng cao, người ta không nhìn thấy chiếc ghế Gild-Holm-‘Ur nữa. Nước hoàn toàn phủ kín nó.

Chiếc ghế Gild-Holm-‘Ur cũng gần với ngôi nhà Bû de la Rue. Gilliatt biết rõ nó và thường ngồi ở đấy. Anh rất hay đến đấy. Anh trầm tư chẳng? Không. Chúng tôi vừa nói, anh mơ mộng. Anh không để nước triều bất thành linh bất gặp đâu.

QUYÊN HAI

MESS^[13] LETHIERRY

I

CUỘC ĐỜI SỐNG GIÓ VÀ LƯƠNG TÂM THANH THẢN

Mess Lethierry, nhân sĩ ở Saint-Sampson, là một thủy thủ cừ khôi. Ông đã từng ngược xuôi nhiều trên biển cả. Ông đã làm thủy thủ nhóc, làm buồm, coi buồm, cùm lái, đốc công, thủy thủ trường, hoa tiêu, chủ tàu. Bây giờ ông đang kinh doanh về hàng hải. Không ai am hiểu biển cả hơn ông. Trong việc cứu hộ ông rất gan dạ. Những hôm động trời, ông thường đi dọc bãi biển, nhìn ngó chân trời. Cái gì đằng kia thế? Có người đang gặp nguy. Đây là một chiếc thuyền chạy ven biển ở Weymouth, một chiếc thuyền đáy bằng ở Aurigny, một thuyền đánh cá ở Courseulle, chiếc du thuyền của một huân tước, đây là một người Anh, một người Pháp, một người nghèo, một người già, đây là quỷ sứ, bất kể là ai, ông nhảy xuống một chiếc thuyền gọi hai hay ba người dũng cảm, nếu cần ông cũng chẳng thiết đến họ, một mình thay cả nhóm, tháo dây neo, cùm lấy chèo, băng ra biển khơi, cưỡi lên, chúi xuống, rồi lại cưỡi lên trong lòng sóng biển, lao vào gió dữ, xông vào hiểm nguy. Từ xa, người ta nhìn thấy ông như thể trong gió lộng, đứng thẳng trên con thuyền nước mưa đần đờ, lẫn trong ánh chớp với bộ mặt của một hùng sư mang bờm bọt sóng. Đôi khi suốt ngày ông mải mê trong hiểm nguy, trong sóng nước, trong gió trời mưa đá, cặp sát vào các tàu bè lâm nạn, cứu người, cứu làng, chống chọi với bão táp. Tối đến ông lại về nhà ngủ đã đần đờ.

Ông sống cuộc đời như thế suốt năm chục năm, từ thuở lên mười cho

đến tuổi sáu mươi, suốt thời kỳ trai trẻ. Đến năm sáu mươi, ông nhận thấy mình một tay không nhắc nổi chiếc đe lò rèn Varclin nữa; chiếc xe đó nặng một tạ rưỡi; rồi thỉnh thoảng ông bị những cơn thấp khớp giam giữ không cho đi đâu nữa. Buộc lòng ông phải từ bỏ biển cả.

Thế là từ tuổi anh hùng ông bước sang tuổi gia trưởng, và chỉ còn là một con người hiền lành chất phác.

Cùng một lúc ông đến với bệnh thấp khớp và cảnh an nhàn. Hai kết quả ấy của lao động sẵn sàng đi đôi với nhau. Đúng lúc được giàu có thì con người cũng vừa kiệt quệ: Vinh quang cuộc đời là thế đấy.

Người ta tự nhủ: Bây giờ phải vui hưởng.

Ở những đảo như Guernesey, dân số gồm những con người đã trải qua cả cuộc đời trên đồng ruộng và những con người đã trải cả cuộc đời vòng quanh thế giới. Đây là hai loại dân cày, một bên của đất cát, một bên của biển cả. Mess Lethierry thuộc vào loại sau. Tuy nhiên ông cũng am hiểu về đất cát. Ông đã từng sống một cuộc đời lao động hăng say. Ông đã ngao du trên lục địa. Một thời gian ông đã làm thợ mộc đóng thuyền ở Rochefort, rồi Cette. Chúng tôi vừa nói đến chuyện vòng quanh thế giới; ông đã đi vòng quanh nước Pháp làm thợ bện trong nghề mộc. Ông đã làm ở trạm máy bơm chống úng cho các đồng muối ở Franche-Comté. Con người lương thiện ấy đã sống một cuộc đời giang hồ. Tại nước Pháp, ông đã học đọc, học suy nghĩ, học trau dồi ý chí. Việc gì ông cũng làm, và từ các việc ông làm, ông đã rút ra được lòng chính trực. Bản chất ông là thủy thủ. Nước là của ông. Ông thường nói: Cá ở ngay trong nhà tôi. Tóm lại, toàn bộ cuộc đời của ông, trừ vài ba năm, đều cống hiến cho đại dương, đều vút xuống biển cả, như ông vẫn nói. Ông đã từng ngược xuôi trên các biển lớn,

trên Đại Tây Dương, trên Thái Bình Dương, nhưng ông vẫn thích biển Manche hơn cả. Ông thường trêu mếu thốt lên: Biển ấy mới thật là bất trị: Ông sinh ra ở đấy và muốn được chết ở đấy. Sau khi đi một hai vòng quả đất, biết là thế nào rồi, ông trở về Guernesey, và không đi đâu nữa. Từ nay các cuộc hành trình của ông là Granville và Saint-Malo.

Mess Lethierry là người Guernesey, nghĩa là người Normand, nghĩa là người Anh, nghĩa là người Pháp. Ông mang trong người cái tổ quốc tay tư ấy, chìm ngập và như đắm đuối trong cái tổ quốc đại dương vĩ đại của ông. Suốt cuộc đời ông và bất cứ ở đâu, ông cũng vẫn giữ đúng phẩm cách một người dân chài Normand.

Điều ấy không hề ngăn cản ông thỉnh thoảng cũng giở một quyển sách cũ, thích thú với một quyển sách mới, biết được một số tên các triết gia và thi sĩ, và lú lờ một tí tất cả mọi thứ tiếng.

II MỘT SỞ THÍCH CỦA ÔNG

Gilliatt là một con người man rợ. Mess Lethierry lại thuộc một loại man rợ khác.

Con người man rợ này có những mặt tao nhã riêng của nó.

Ông rất khó tính đối với bàn tay phụ nữ. Thời trai trẻ, gần như lúc còn là trẻ con nữa, giữa thủy thủ già và thủy thủ nhóc ông đã nghe viên pháp quan Suffren thốt lên: con bé xinh thật, nhưng hai bàn tay sao mà đỏ và to khiếp thế! Lời nói đê đốc, về mặt nào, cũng như ra lệnh. Trên sấm ngữ, có một mệnh lệnh. Lời cảm thán của viên pháp quan Suffren đã làm cho

Lethierry trở thành tế nhị và khắt khe về phương diện những bàn tay trắng trẻo và xinh xắn. Còn bàn tay của ông ta, y như cái bay to tướng màu gỗ đào hoa tâm, dùng vào việc nhẹ thì như chùy đồng, mà để vuốt ve thì trơn trượt như kim sắt, và nếu nắm chặt rơi xuống thì vỡ cả nền đường.

Ông chưa bao giờ cưới vợ. Ông không muốn lấy hoặc chưa tìm được người vừa ý. Có lẽ vì nhà thủy thủ đòi hỏi nắm những bàn tay nữ quân công. Loại bàn tay ấy thì ít thấy ở nữ dân chài Portbail.

Tuy vậy, người ta cũng kể lại rằng trước đây ở Rochefort, Charente ông đã gặp được một cô công nhân lẳng lơ đáp ứng đúng lý tưởng của ông. Một cô gái đẹp có bàn tay rất xinh. Cô thích nói xấu và hay châm chọc. Không nên gây sự với cô. Móng tay cô, khi cần, thành vuốt nhọn sạch sẽ, thanh tú, không thể chê vào đâu được và chẳng biết sợ là gì. Mấy móng tay xinh xắn ấy thoát đầu làm Lethierry mê mẩn, sau lại làm ông lo ngại; và, sợ một ngày kia không làm chủ nổi cô tình nhân, ông đã quyết định không đưa ra trước xã trưởng câu chuyện ong bướm ấy nữa.

Một lần khác, ở Aurigny, ông lại gặp được một cô gái vừa ý. Ông đang tính đến chuyện cưới xin thì một người dân ở đây bảo ông: Tôi có lời khen ngợi ông đấy. Ông sẽ gặp được một cô mục thung giỏi giang. Ông yêu cầu giải thích lời khen. Ở Aurigny có kiểu đi nhặt phân bò, rồi đem ném vào tường nhà. Lối ném rất tài tình, khi nào phân khô, rơi xuống, người ta lấy về để sưởi. Thứ phân khô ấy gọi là coipiaux. Người ta chỉ cưới một cô gái về làm vợ khi nào cô ta là mục thung giỏi. Tài hoa ấy khiến Lethierry phải chuần thẳng.

Vả lại về Vấn đề yêu đương hay chim chuột, ông vẫn có một triết lý nông dân thô thiển, một thứ khôn ngoan của thủy thủ lúc nào cũng bị cám

dễ, không bao giờ bị trói buộc, và ông thường tự hào, thời trai trẻ, rất dễ bị “quần hùng” đánh gục. Cái mà ngày nay ta gọi là váy xòe thì bấy giờ người ta gọi là quần hùng. Nó có mặt hơn và kém một người đàn bà.

Những người dân miền biển vùng vầy của quần đảo Normand cũng có tài trí. Hầu hết họ biết đọc và rất ham đọc sách. Ngày chủ nhật, người ta thường thấy những thủy thủ nhóc tám tuổi ngồi trên một cuộn thừng tay cầm cuốn sách. Thời đại nào cánh thủy thủ Normand ấy cũng ưa chiêm chọc, và như ngày nay người ta thường nói, thích nói chữ. Chính một trong số họ, tay hoa tiêu dũng cảm Quéripel, đã ném vào Montgomery, ẩn lánh ở Jersey sau mũi giáo không may của ông ta vào Henry Đệ Nhị, câu nói này: Đầu điên đánh võ đầu rỗng. Lại một người khác, Touzeau, chủ thuyền ở Saint-Brélade, đã nói câu đờng âm dị nghĩa triết lý này, vẫn gán cho giám mục Camus: Sau khi chết, các giáo hoàng hóa thành bướm bướm, và các điện hạ hóa thành một gạo.^[14]

III NGÔN NGỮ CỔ XƯA CỦA MIỀN BIỂN

Cánh thủy thủ ấy của Channel Islands đúng là người Gaulois cổ xưa. Những hòn đảo này, ngày nay Anh hóa nhanh chóng, từ lâu vẫn giữ tính chất bản xứ. Người nông dân Sark nói tiếng Louis XIV.

Cách đây bốn mươi năm, các thủy thủ Jersey và Aurigny vẫn nói thứ thổ ngữ cổ điển của miền biển. Người ta cứ tưởng như đang đứng giữa bờ biển của thế kỷ mười bảy. Một chuyên gia khảo cổ có thể đến đây nghiên cứu thổ ngữ cổ vè điển tập và chiến đấu mà Jean Bart rống lên trong cái loa làm khiếp đảm đô đốc Hidde. Từ vụng hàng hải của cha ông chúng ta ngày

nay gần như hoàn toàn đổi mới, vẫn còn sử dụng tại Guernesey vào năm 1820. Một chiếc thuyền chịu gió tốt hơn là bon boulinier; một chiếc thuyền hầu như tự biết nó nép theo chiều gió, bất kể buồm mũi và lái của nó, là vaisseau ardent. Bắt đầu hoạt động là prendre aire; liệu thế đi khi trời xấu là capeyer; buộc đầu một sợi thừng lưu động là faire dormant; đón gió trên là faire chapelle; giữ vững dây cáp là faire teste; mất trật tự trên tàu là être en pantenne; cho buồm đón gió là porter plain. Tất cả những từ ấy không ai nói nữa. Ngày nay người ta nói louvoyer thì trước kia người ta nói leauvoyer; nay nói naviguer, trước kia nói naviger; nay nói virer vent devant, trước kia nói donner vent devant; nay nói aller de l'avant, trước kia nói tailler de l'avant; nay nói tirez d'accord, trước kia nói halez d'accord; nay nói dérapez, trước kia nói déplantez; nay nói embraquez, trước kia nói abraquez; nay nói taquets; trước kia nói bittons; nay nói burins; trước kia nói tapes; nay nói balancines; trước kia nói valancines; nay nói tribord; trước kia nói sribord; nay nói les hommes de quart à bâbord; trước kia nói les basbourdis. Tourville viết thư cho Hocquincourt: chúng ta đã singlé. Đáng lẽ la rafale thì nói le raffal; đáng lẽ bossoir thì nói boussoir; đáng lẽ drosse thì nói drousse; đáng lẽ loffer thì nói faire une olofee; đáng lẽ élonger thì nói alonger; đáng lẽ forte brise thì nói survent; đáng lẽ jouail thì nói jas; đáng lẽ soute thì nói fosse; đây là ngôn ngữ thuyền bè của các đảo vùng biển Manche, hầu đầu thế kỷ này. Nghe một hoa tiêu Jersey nói, Ango hẳn phải bối rối. Trong lúc mọi nơi nói buồm faseyaient, thì ở các đảo vùng biển Manche nói buồm barbeyaient. Một cơn gió trở thành linh trước kia là một folle-vente. Trước kia chỉ ở đó người ta mới dùng hai lối buộc thuyền kiểu gothic: lối vature và lối BờĐào Nha, Trước kia chỉ ở đó mới nghe những mệnh lệnh cổ xưa: Tour-et-choque! - Bosse et bitte! Một thủy thủ ở Granville đã nói le clan, trong khi một thủy thủ ở Saint-Aubin hoặc ở Saint-

Sampson còn nói le cannal de pouliot, Ở Saint-Malo gọi bout d'alonge, thì ở Saint-Hélier gọi oreille d'âne. Mess Lethierry, cũng hoàn toàn như công tước Vibonne, gọi đường khum của boong tàu là la torture và cái đục của thợ xảm tàu là la patarasse. Chính miệng dùng thứ thổ ngữ lạ lùng này mà Duquesne đã đánh thắng Ruyter, mà Duguay-Trouin đã đánh thắng Wasnaer, mà Tourville năm 1681 giữa ban ngày chẳng giữ chiếc thuyền đầu tiên bắn vào Alger. Ngày nay nó là một từ ngữ. Tiếng lóng miền biển ngày nay khác hẳn, Duperré sẽ không hiểu nổi Suffren.

Ngôn ngữ tín hiệu cũng thay đổi không kém. Biết bao xa cách kể từ bốn ngọn lửa đỏ, trắng, xanh, vàng, đến chiếc tàu Bourdonnais mười tám lá cờ ngày nay. Những lá cờ này kéo lên từng hai chiếc một, ba chiếc một, và bốn chiếc một, cung cấp cho các đòi hỏi viễn thông bảy vạn tổ hợp, không bao giờ cạn, và có thể nói là tiên đoán những đi ều bất ngờ.

IV

NGƯỜI TA CÓ THỂ BỊ TỔN THƯƠNG BỞI CÁI MÌNH YÊU QUI

Mess Lethierry là một người hiền lành thật thà, một người “tim để trên tay”; một bàn tay to và một trái tim cao cả. Khuyết điểm của ông chính là cái đức tính đáng khen, lòng tin người. Ông có một lối cam kết riêng của ông, thật trang trọng; ông nói: Tôi xin dâng lời nói danh dự của tôi cho Chúa lòng lành. Một khi đã nói thế, là ông làm đến cùng. Ông tin ở Chúa lòng lành, không tin gì khác. Thỉnh thoảng ông có đi nhà thờ cũng là chuyện giữ lễ. Ở biển, ông là người mê tín.

Tuy nhiên chẳng bao giờ trời động lại khiến ông phải lùi bước; đó là do ông khó chấp nhận sự mâu thuẫn. Ông không tha thứ chuyện mâu thuẫn ở

đại dương cũng như ở một người khác. Ông muốn mọi người phải theo ý ông; mặc kệ biển cả nếu nó chống lại; biển cả phải đứng về phía ông. Mess Lethierry không chịu khuất phục. Một cơn sóng dữ, cũng chẳng hơn gì một người lảng giềng hay gây sự, không thể ngăn chặn nổi ông. Đi đâu ông nói là đình đóng cột, đi đâu ông dự định là đi đâu đã thực hiện. Ông không chịu cúi mình trước một lời bắt bẻ, cũng như trước một trận phong ba. Đối với ông không có từ Không; không có trên cửa miệng một con người, mà cũng không có từ Có trong tiếng sấm động. Ông bất chấp hết. Ông không cho ai từ chối ông. Vì vậy mà ông bướng bỉnh trong đời sống và dửng dưng trên đại dương.

Ông vui lòng tự tay thêm nếm món súp cá của ông, vì ông biết liều lượng tiêu, muối, hành mùi nên cho, và khi nấu, ông thích thú bao nhiêu thì khi ăn ông cũng thích thú bấy nhiêu. Một con người mà một ngọn gió tây nam làm biến đổi sắc mặt, mà một chiếc áo rơđanhgôt làm cho mù mẫm, một con người tóc bay trước gió như Jean Bart, và khi đội chiếc mũ tròn thì giống như Jocrisse đã nhìn thấy phong trào cách mạng, một người ngu dốt rất thông thái, không bao giờ tin nhảm, nhưng có đủ thứ ảo mộng, tin ở Phu nhân góa chồng hơn ở Đức Bà Đứng Trinh, sức mạnh của Polyphème, ý chí của Christophe Colomb, lôgic của chong chóng gió, một cái gì của bò mộng và một cái gì của trẻ con, một cái mũi gần như tẹt, đôi má chắc nịch, một cái cằm đủ răng, một gương mặt chỗ nào cũng nhăn, một diện mạo dường như đã bị gió vỗ và trên đó kim la bàn đã xoay suốt bốn mươi năm, một vẻ phong ba trên vùng trán, một nước da màu đá tảng giữa biển khơi; và bây giờ bạn hãy thêm vào gương mặt ấy một vẻ nhìn hiên lành, bạn sẽ có Mess Lethierry.

Mess Lethierry có hai niềm say mê: Durande và Déruchette.

QUYÊN BA

DURANDE VÀ DÉRUCHETTE

I

TIẾNG THỎ THẺ VÀ LÀN KHÓI

Thân hình con người rất có thể chỉ là một vẻ ngoài. Nó che giấu thực thể của chúng ta. Nó dày đặc lại trước ánh sáng hay bóng tối của chúng ta. Thực thể chính là linh hồn. Nói một cách tuyệt đối, bộ mặt chúng ta là một chiếc mặt nạ. Con người thật sự, chính là cái ở phía sau con người. Nếu trông thấy con người ấy ngổn ngang hay nấp sau cái ảo ảnh mà ta gọi là da thịt, người ta sẽ có nhiều ngạc nhiên. Sai lầm chung thường lấy con người bên ngoài làm con người thật. Một cô gái nào đấy chẳng hạn, nếu ta nhìn cô ta đúng như trước mắt, sẽ trở thành một con chim.

Một con chim dưới hình dáng một cô gái, còn gì tuyệt diệu hơn! Bạn hãy hình dung bạn có một con chim ấy trong nhà. Đây sẽ là Déruchette. Con người mới dụi dàng làm sao? Người ta chỉ muốn nói với cô: Xin chào, cô chìa vôi. Người ta không trông thấy cảnh, nhưng người ta nghe tiếng líu lo. Chốc chốc cô lại hát. Qua tiếng thỏ thẻ có kèm con người; qua tiếng hát lại hơn. Trong tiếng hát ấy có đi đâu bí mật; một trinh nữ là cái vỏ ngoài của thiên thần. Khi người đàn bà hình thành thì thiên thần cất cánh bay đi. Nhưng sau đó thiên thần trở lại, đem đến một linh hồn nhỏ bé cho người mẹ. Trong lúc chờ đợi cuộc đời, người mà một ngày kia sẽ làm mẹ là một em bé trong một thời gian rất lâu, em bé gái tồn tại mãi trong người thiếu nữ, và đấy là một con chim bông lau. Trông thấy nó, người ta nghĩ: Thật đáng yêu quá, nó không bay đi! Con chim dụi dàng thân cận ấy tùy thích

bay nhảy trong nhà, càn nọ sang càn kia, nghĩa là phòng nọ sang phòng kia, đi vào, đi ra, lúi xa, đến gần, rĩa lông hay chải tóc, gây đủ mọi tiếng động nhỏ nhẹ tế nhị, thềm thì những gì khó tả bên tai bạn. Nó hỏi, người ta trả lời, người ta hỏi, nó lú lo. Người riu ra chim riu rít. Nói chán thì riu ra riu rít cho đỡ mệt. Con chim ấy mang tính chất trời xanh trong mình. Đây là một tư tưởng màu xanh hòa vào tư tưởng đen tối của bạn. Bạn cảm ơn nó là sao nhẹ nhàng như thế, thoăn thoắt như thế, trơn chuội như thế, khó bắt như thế, mà lại có lòng tốt không tàng hình lẫn tránh, trong khi bản thân là vật tưởng như không thể sờ mó vào được. Dưới trầ này cái đẹp là cái cần thiết. Trên trái đất ít có những nhiệm vụ quan trọng hơn nhiệm vụ phải tỏ ra yêu kiều. Rừng xanh sẽ buồn nản nếu không có chim sâu. Toát lên niềm vui, phát tán hạnh phúc, tỏa sáng giữa những vật tối tăm, làm lớp mạ vàng của số phận, tỏ ra hài hòa, tỏ ra duyên dáng, tỏ ra đáng yêu tức là giúp ích cho bạn. Cái đẹp làm điếu hay cho tôi vì nó đẹp. Một tạo vật nào đó có phép tiên gây được một niềm lạc thú đối với mọi thứ bao quanh; đôi khi chính nó cũng không hay biết gì về điếu đó, như vậy lại càng tuyệt diệu; sự có mặt của nó soi sáng, việc nó đến gần làm ấm áp thêm; nó đi qua người ta bằng lòng, nó đứng lại người ta sung sướng; nhìn nó là thấy vui đời; nó là bình minh có mặt người; nó không làm gì hơn là đứng đấy, thế là đủ, nó biến cửa nhà thành cõi thiên thai, toàn thân nó tỏa ra hương sắc thiên đường; niềm ngây ngất ấy, nó ban phát cho tất cả mọi người mà không mất chút công khí nào khác hơn là chỉ đứng thờ bên cạnh họ. Có được một nụ cười, không hiểu sao, làm nhẹ bớt sự xịch nặng mà mọi sinh linh cùng phải kéo lê, bạn muốn tôi nói với bạn thế nào, đó là điếu thần thánh. Nụ cười ấy Déruchette có. Hơn thế nữa, Déruchette chính là nụ cười ấy. Có một cái gì giống chúng ta hơn cả bộ mặt chúng ta, đấy là diện mạo chúng ta, có một cái gì giống chúng ta hơn cả diện mạo chúng ta, đấy là nụ cười

của chúng ta. Déruchette mỉm cười, đấy là Déruchette.

Dòng máu của Jersey và của Guernesey là một dòng máu đặc biệt. Các phụ nữ, nhất là các cô gái, có một vẻ đẹp tươi tắn và ngây thơ. Đấy là nước da trắng trẻo saxon kết hợp với vẻ tươi mát Normand. Những đôi má hồng, những cặp mắt xanh. Những cặp mắt ấy thiếu ánh sao. Nền giáo dục Anh - cát - lọi làm dịu bớt chúng. Những con mắt trong sáng ấy sẽ có sức cảm dỗ mãnh liệt ngày nào trên đó xuất hiện vẻ sâu sắc của Paris. May sao Paris vẫn chưa thâm nhập vào phụ nữ Anh. Déruchette không phải là một cô gái Paris, nhưng cũng không phải là một cô gái Guernesey. Cô sinh tại Saint-Pierre-Port, nhưng Mess Lethierry đã nuôi dạy để cô trở thành một cô gái đáng yêu, thực tế cô vẫn là một cô gái đáng yêu.

Déruchette có vẻ nhìn lạnh lùng và khiêu khích mà không hay. Có lẽ cô không biết ý nghĩa hai chữ tình yêu, và cô dễ dàng làm cho người khác ngờ ngẩn vì cô. Nhưng không chút ác ý. Cô không hề nghĩ đến chuyện lấy chồng. Ông già quý phái di cư đã sinh cơ lập nghiệp ở Saint-Sampson thường nói: Con bé này đỏng đảnh quá thể.

Déruchette có đôi bàn tay đẹp tuyệt trần và hai bàn chân tương xứng với đôi tay, Mess Lethierry vẫn bảo đó là bốn cái chân ruồi. Cả con người cô là phúc hậu, là dịu hiền, cô xem Mess Lethierry, chú cô, là gia đình, là tài sản, chuyện mặc cho ngày tháng trôi qua là công việc, vài ba bài hát là tài năng, sắc đẹp là khoa học, ngây thơ là trí tuệ, ngu dốt là trái tim; cô mang cái tính lười biếng đáng yêu của người dân sinh trưởng thuộc địa, cộng lẫn với tính chất dai dột và tính hay hờn hay dỗi, cô có cái nét vui vẻ thích trêu chọc của trẻ con với chút khuynh hướng sần muộn; cô ăn mặc hơi theo kiểu dân đảo, lịch sự nhưng không hợp cách, quanh năm đội mũ hoa; cô có vầng trán ngây thơ, cái cổ mềm mại và kêu gọi, mái tóc hạt dẻ, nước da trắng ngần

mùa hè điếm thêm ít nốt tàn nhang, cái mồm lạnh mạnh, và trên cái miệng ấy vẻ trong sáng đáng yêu nguy hiểm của nụ cười. Đây là Déruchette.

Đôi khi, buổi tối, sau lúc mặt trời lặn, vào lúc trời đêm hòa với biển cả, vào giờ phút mà hoàng hôn làm cho sóng nước mang một vẻ rùng rợn, người ta thấy tiến vào cảng nhỏ Saint-Sampson, trên lớp sóng cùn bu cùn thẳm, một khối dị hình, một bóng quái gở vừa khạc vừa huýt còi, một vật khủng khiếp khò khè như một con thú và phụt khói như một hỏa diệm sơn, một thứ giao long đang phều phào dãi nhớt trong bọt nước, kéo theo sau một dải sương mù, và lao thẳng về phía thành phố với tiếng đập vây rùng rợn, với một cái mồm phì ra lửa. Đây là tàu Durande.

II CÂU CHUYỆN KHÔNG TƯỞNG MUÔN THUỞ

Năm 182., một chiếc tàu chạy bằng hơi nước trên biển Manche là một chuyện mới mẻ phi thường. Tất cả bờ biển Normand đều hải hùng về chuyện đó trong một thời gian rất lâu. Ngày nay, mười mười hai tàu máy ngược xuôi trên một chân trời của biển cả chẳng làm ai ngược mắt, quá lắm chúng chỉ làm bận tâm trong chốc lát người chuyên môn sành sỏi biết phân biệt qua màu khói chiếc này chạy bằng than Wales và chiếc kia đốt bằng than Newcastle. Chúng chạy qua, tốt lắm. Welcome^[15], nếu chúng đến. Thượng lộ bình an, nếu chúng ra đi.

Trong phần tư đầu thế kỷ này, người ta có kém yên tâm hơn về các phát minh ấy, và những máy móc đó với lớp khói của chúng thường bị dân đảo vùng biển Manche nhìn với con mắt đặc biệt ác cảm. Trong cái quần đảo theo thanh giáo này, nơi mà Nữ hoàng Anh bị chê trách đã vi phạm Kinh

Thánh vì khi để lại dùng thuốc mê^[16], chiếc tàu chạy bằng hơi nước đã đạt thắng lợi bước đầu được đặt tên là Tàu Quỷ (Devil boat). Đối với những người dân chài hiên lành lúc bấy giờ, trước kia theo phái Gia-tô, nay theo giáo phái Calvin, luôn luôn sùng tín, thì đây hình như là địa ngục rỗi. Một nhà truyền giáo địa phương bàn đến vấn đề Người ta có quyền bắt cùng làm việc một lúc cả nước và lửa mà Chúa Trời đã chia tách không?^[17] Con vật lửa và sắt này chẳng giống Léviathan^[18] sao? Có phải đây là muốn dựng lại cảnh hỗn mang trong phạm vi khả năng con người không? Đây không phải lần đầu tiên việc đi lên của tiến bộ bị gọi là việc quay lại thời kỳ hỗn mang.

Ý nghĩ điên cuồng, sai lầm kịch cỡm, câu chuyện phi lý; đây là lời phán quyết của viện hàn lâm khoa học khi được Napoléon hỏi ý kiến hồi đầu thế kỷ này về chiếc tàu chạy bằng hơi nước. Người ta có thể tha thứ cho dân chài ở Saint-Sampson là, về mặt khoa học, trình độ chỉ ngang với các nhà hình học Paris, và về tôn giáo, một hòn đảo nhỏ như Guernesey không bắt buộc phải văn minh hơn một lục địa lớn như châu Mỹ. Năm 1807 lúc chiếc tàu đầu tiên của Fulton^[19], được Livingstone đỡ đầu, lắp chiếc máy của Watt gửi từ nước Anh đến, và trên tàu ngoài số thủy thủ chỉ có hai người Pháp, André Michaux và một người nữa, lúc chiếc tàu hơi nước này chạy chuyến đầu tiên từ New York đến Albany, tình cờ lại vào ngày 17 tháng tám. Thế là giám lý hội lên tiếng, và trong tất cả các giáo đường, các nhà thuyết giáo miệt thị chiếc máy, tuyên bố con số mười bảy đó là tổng số của mười cái sừng và bảy cái râu của con vật trong sách Khải Huyền^[20], ở châu Mỹ để chống đối tàu chạy bằng hơi nước, người ra viện con vật trong sách Khải Huyền, còn ở châu Âu thì con vật trong Sáng Thế Ký. Tất cả chỗ khác nhau là ở chỗ ấy.

Các nhà bác học đã gạt bỏ tàu hơi nước, xem như không thể thực hiện được; đến lượt mình các cha cố gạt bỏ nó, xem như nghịch đạo. Khoa học đã kết tội, tôn giáo lại đọa đày. Fulton là một loại Lucifer. Những người chất phác miền duyên hải và nông thôn tán thành việc bài xích vì cái của tân kỳ ấy làm cho họ khó chịu. Trước chiếc tàu hơi nước, quan điểm tôn giáo là: - Nước và lửa là một cuộc ly dị. Việc ly dị này do Chúa Trời ra lệnh. Con người không được chia rẽ cái Chúa Trời đã đoàn kết; con người không được đoàn kết cái Chúa Trời đã chia rẽ. Quan điểm nông dân là: cái ấy làm tôi hãi hãi.

Ở thời đại xa xôi ấy, dám làm một việc như thế, một chiếc tàu hơi nước chạy từ Guernesey đến Saint-Malo, phải là Mess Lethierry. Chỉ ông mới có thể quan niệm được việc đó theo tư cách một nhà tư tưởng tự do, và thực hiện theo tư cách một thủy thủ dũng cảm. Khía cạnh người Pháp của ông có ý nghĩ, khía cạnh người Anh của ông thực hành nó.

Nhân cơ hội nào? Chúng ta cần nói rõ.

III RANTAINÉ

Quãng bốn mươi năm trước thời kỳ xảy ra những việc chúng tôi kể đây, trong vùng ngoại ô Paris, cạnh bức tường thành bao quanh, giữa Hồ Chên và Mộ Issoire, có một ngôi nhà đáng ngờ vực. Đây là một ngôi nhà lụp xụp, hẻo lánh khi cần thì trở thành nơi nguy hiểm. Một tên tư sản ăn cướp, nguyên là thư ký biện lý ở Châtelet, sau trở thành kẻ cắp thực thụ đã sống ở đây với vợ con. Về sau hẳn phải ra trước tòa đại hình. Gia đình này gọi là cánh Rantaine. Trong ngôi nhà nát, trên một cái tủ ngăn kéo bằng gỗ đào

hoa tâm, thấy để hai chiếc tách hoa bằng sứ: trên một chiếc có dòng chữ lấp lánh: Kỷ niệm của tình bạn và trên chiếc kia: Quà tặng của lòng mến chuộng. Đứa con sống trong cái hang ổ ô-hợp đó cùng với tội ác. Vì bố mẹ vốn thuộc tầng lớp tiểu tư sản, nên đứa bé cũng học đọc; người ta nuôi dạy nó. Người mẹ, xanh xao, ăn mặc gầy như rách rưới, “giáo dục” con một cách máy móc, bắt nó đánh vần, và thường bỏ dở công việc để giúp chồng bày mưu tính kế, hoặc để đánh đi với một khách qua đường. Trong khi ấy, cuốn sách với Thánh Giá của Chúa Jésus, mở đúng chỗ người ta đã rời bỏ nó, vẫn nằm trên bàn, còn thằng bé mơ màng bên cạnh.

Người bố và người mẹ, bị bắt quả tang trong một vụ quả tang, biến mất trong đêm xử tội. Thằng bé cũng biến mất.

Trên đường rong ruổi của mình, có lần Lethierry gặp được một kẻ giang hồ như ông, cứu y ra khỏi một bước không may, làm ơn cho y, thương hại y, thu dụng y, đem y về Guernesey, thấy y thông minh trong nghề sông nước, liền cho y cộng tác với mình. Đây là thằng bé Rantaine đã trưởng thành.

Cũng như Lethierry, Rantaine có một cái gáy lực lượng, một quăng rộng và khỏe để vác những vật nặng giữa hai vai, và đôi hông của Hecule Farnèse. Lethierry và y, cũng cùng dáng bộ, cách đi đứng, thậm chí Rantaine lại có phần cao hơn. Nhìn họ từ sau lưng, cặp kè đi chơi trên bến cảng, ai cũng nói: Đúng là hai anh em. Nhìn thẳng mặt, lại khác. Tất cả những gì cởi mở ở Lethierry thì ở Rantaine đều khép chặt. Rantaine kín đáo.

Rantaine là thầy dạy đánh kiếm, chơi harmonica hay, bắn tất được một ngọn nển cách xa hai mươi bước bằng một viên đạn, có cú đấm tuyệt luân, ngâm thơ Henriade và biết đoán mộng. Y thuộc lòng *Những năm mộ Saint-Denis của Treneuil*. Y tự hào đã từng kết bạn với vị sultan^[21] ở Calicut

“nhà người Tây Ban Nha gọi là Zamorin”. Giá ai được giở xem cuốn nhật kí trong người y sẽ thấy, xen giữa những ghi chép khác, những đoạn đại loại thế này: “Ở Lyon, trong kẽ tường một hần tối, Saint-Joseph có giấu một cái dĩa”. Y nói năng khôn ngoan từ tốn. Y bảo y là con một hiệp sĩ của Saint-Louis. Quần áo y không đống bộ và được đánh dấu bằng những chữ khác nhau. Chẳng ai hay mất lòng bằng y về điểm danh dự: y đánh nhau và giết người. Trong vẻ nhìn y có một cái gì đó của một bà mẹ diễn viên.

Sức mạnh dùng làm vỏ che cho quỷ thuật, đấy là Ranraïne.

Quả đấm tuyệt đẹp của y, giáng lên một *cabeza de moro*^[22] trong một phiên chợ, trước đây đã tranh thủ được trái tim của Lethierry.

Ở Guernesey, người ta không biết được hết những chuyện ly kỳ của y. Thật là muôn màu muôn vẻ. Nếu số phận con người có một phòng quần áo, thì số phận của Rantaine phải ăn mặc theo kiểu Arlequin^[23]. Y đã nhìn thấy thế giới và đã từng trải việc đời. Đúng là một nhà thám hiểm vòng quanh thế giới. Nghề nghiệp của y là cả một cung đàn. Y đã từng nấu bếp ở Madagascar, nuôi chim ở Sumatra, làm tướng ở Honolulu, nhà báo tôn giáo tại các đảo, nhà thơ ở Oomrawuttee, hội viên hội Tam điểm ở Haiti. Với danh nghĩa sau cùng này, y đã đọc tại Grand-Goâve một bài điều văn mà báo chí địa phương còn lưu lại đoạn sau đây: “...Xin vĩnh biệt, hỡi linh hồn cao thượng! Trong bầu trời xanh thẳm, nơi giờ đây anh đang cất cánh bay cao, có lẽ anh sẽ gặp ngài tu viện trưởng hiền lành Léandre Crameau ở Petit-Goâve. Anh hãy nói với ngài rằng, nhờ mười năm cố gắng vinh quang, anh đã hoàn thành ngôi nhà thờ Anse-à-Veau! Vĩnh biệt, hỡi thiên tài siêu việt, hỡi người thợ... gương mẫu!”. Như người ta thấy, cái mặt nạ hội viên Hội Tam Điểm không ngăn cản y mang cái mũ Gia-tô giả. Cái thứ nhất dung hòa y với những người tiến bộ, cái thứ hai với những người tu

hành. Y tuyên bố y là người da trắng thuần chủng, y căm thù người da đen; tuy nhiên chắc hẳn y phải ca ngợi. Ở Bordeaux năm 1815 y đã là verdet^[24]. Thời kỳ ấy, khối bảo hoàng tỏa ra trên trán y dưới hình thức một cái lông chim trắng rất to. Y đã sống đời y theo kiểu nguyệt thực, hết hiện lại ẩn, rồi lại tái hiện. Đúng là một tên lưu manh giáo giở. Y biết tiếng Thổ Nhĩ Kỳ: thay cho guillotine^[25], y nói néboisse. Y đã làm nô lệ ở Tripoli tại nhà của một thaleb^[26] và ở đây y đã học được tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, dưới làn gậy gộc: nhiệm vụ của y là tối tối đến của các ngôi đền và đọc to trước mặt tín đồ bản kinh Koran viết trên những mảnh gỗ con hay trên những xương vai lạc đà. Có lẽ y là kẻ bội giáo.

Y có khả năng làm đủ mọi việc, và những việc tệ hại nhất.

Cùng một lúc y có thể vừa cau mày vừa cười ha hả. Y thường nói: Về chính trị, tôi chỉ quý trọng những người uy vũ bất năng khuất, hoặc: Tôi ủng hộ các phong tục, hoặc: Cần phải đặt lại Kim tự tháp trên cái đáy của nó. Nói cho đúng thì y vui vẻ và thân mật hơn gì hết. Hình dáng cái mồm y phản đối ý nghĩa lời nói của y. Ở đuôi mắt, y có một giao điểm của nhiều nếp nhăn, nơi hẹn hò của tất cả các loại tư tưởng đen tối. Bí mật tương mạo của y có thể bị khám phá tại chỗ ấy. Nếp nhăn ở đuôi mắt y là một cái móng diều hâu. Hộp sọ của y bẹp ở đỉnh đầu và rộng ở hai bên thái dương. Lỗ tai y chẳng ra hình thù gì cả và rậm rì như chổi xể, dường như bảo: chớ có nói với con vật nằm trong cái hang này.

Một hôm đẹp trời, tại Guernesey, người ta không biết Rantaine đi đâu mất.

Ông bạn cộng tác của Lethierry đã “chuồn thảng”, để lại cái kết rỗng không cho hội.

Trong két chắc chắn là có tiền của Rantaine, nhưng có cả năm vạn frăng của Lethierry.

Lethierry, trong nghề buôn tàu ven biển và đóng tàu của mình, sau bốn mươi năm khôn ngoan và chính trực, đã kiếm được mười vạn frăng. Rantaine đem đi mất một nửa số ấy của ông.

Mất hết một nửa vốn liếng, Lethierry không nản chí, lập tức nghĩ ngay đến chuyện đứng dậy. Đối với những con người can trường, có thể tiêu hủy tài sản nhưng không tiêu hủy được trái tim. Lúc bấy giờ người ta bắt đầu đến chuyện tàu hơi nước. Lethierry chợt nảy ra ý kiến thử nghiệm chiếc máy Fulton, đang bị bài bác mạnh, và dùng một chiếc tàu chạy than nối liền bán đảo Normand đi với nước Pháp. Ông liền ăn thua với ý nghĩ ấy. Ông quẳng vào đấy tất cả vốn liếng còn lại. Sáu tháng sau ngày Rantaine biệt tích, người ta thấy từ hải cảng Saint-Sampson ngo ngoác chạy ra một chiếc tàu hỏa khói, nom y như một đám cháy trên biển, chiếc tàu máy đầu tiên chạy trên biển Manche.

Chiếc tàu ấy, mà hãnh học và khinh bỉ của mọi người lập tức ban cho cái biệt danh “Tàu buôn Lethierry”, tuyên bố sẽ chạy thường xuyên từ Guernesey đến Saint-Malo...

IV

TIẾP THEO CÂU CHUYỆN KHÔNG TƯỞNG

Sự việc, người ta thừa hiểu, thoát tiên diễn ra rất tẻ tẻ. Tất cả các chủ tàu đáy bằng chạy từ đảo Guernesey đến bờ biển nước Pháp đầu lớn tiếng la ó. Họ tố cáo việc này xâm phạm tới Kinh Thánh và tới độc quyền của họ. Một vài giáo đường nổi giận. Một vị giáo sĩ đáng kính, tên là Elihu,

đánh giá chiếc tàu là “một trò phản tôn giáo”. Chiếc tàu bị tuyên bố là của chính thống. Người ta thấy có loạt sừng quỷ sứ trên đầu những con bò mà chiếc tàu hơi nước chở tới và dỡ xuống. Việc phản đối này kéo dài một thời gian khá lâu. Tuy vậy dần dần người ta nhận thấy những con bò ấy đến nơi ít nhọc mệt hơn, và bán được giá hơn vì thịt ngon hơn; nguy hiểm về biển đối với người cũng ít hơn; phương tiện ấy ít tốn kém hơn lại chắc chắn và nhanh hơn; người ta được đi đúng giờ, đến đúng giờ; cá mú nhờ đi nhanh hơn có tươi hơn, và từ nay có thể đổ lên các chợ Pháp số cá dư thừa của những chuyến đánh bắt lớn rất thường ở Guernesey; bơ của những con bò cái tuyệt vời ở Guernesey chuyên chở bằng chiếc Devil Boat (Tàu Quỷ) đi nhanh hơn khi chở bằng thuyền buồm, và không bị mất phẩm chất nữa, thành thử Dinan đòi hỏi, Saint-Brieuc đòi hỏi và Rennes đòi hỏi; cuối cùng nhờ cái gọi là “Chiếc tàu buôn Lethierry”, người ta được đi lại an toàn, liên lạc đều đặn, tới lui dễ dàng nhanh chóng, giao thông mở rộng, thị trường bội tăng, thương mại phát triển, và tóm lại phải ủng hộ chiếc Tàu Quỷ đã xúc phạm Kinh Thánh và làm giàu cho đảo. Một số người không sợ dư luận còn liều tán thành trong một chừng mực nào đó. Sieur Landoys, lục sự, tỏ ra có cảm tình với chiếc tàu này. Và lại đây là thái độ vô tư của ông vì ông vốn không ưa Lethierry. Lúc đầu Lethierry là Mess còn Landoys chỉ Sieur^[27]. Tiếp đó, mặc dầu là lục sự Saint-Pierre-Port, Landoys là giáo dân khu Saint-Sampson; thế mà, trong giáo khu, chỉ có họ, ông và Lethierry, là hai người không có thành kiến; ít ra người nọ phải ghét người kia. Cùng bờ lại hóa ra xa bên.

Sieur Landoys ít ra cũng quân tử ở chỗ tán thành chiếc tàu hơi nước. Một số người khác cũng theo Sieur Landoys. Sự việc cứ đi lên lúc nào không rõ; sự việc là một thứ thủy triêu và, cùng với thời gian, với kết quả

liên tục, tăng dần, với lợi ích rõ ràng, vì tất cả mọi người đều nhận thấy có thoải mái hơn, một hôm, trừ vài người khôn ngoan, mọi người đều ca ngợi “Chiếc tàu buôn Lethierry”.

Ngày nay chắc người ta ca ngợi nó ít hơn. Chiếc tàu máy cách đây bốn mươi năm hẳn làm cho các nhà đóng tàu của ta hiện nay mỉm cười. Cửa kỳ quan ấy dị hình, vật diệu kỳ ấy què quặt.

Từ những chiếc tàu to lớn vượt Đại Tây Dương của chúng ta ngày nay đến chiếc tàu có bánh xe và đốt lửa mà Denis Papincho chạy trên sông Fulde năm 1707, quãng cách không kém hơn từ chiếc tàu ba boong Montebello, dài hai trăm piê^[28], rộng năm mươi, có một trục lớn có một trăm năm mươi piê, trọng tải ba nghìn tấn, chở được một nghìn một trăm sáu mươi hòm đạn súng máy, lúc chiến đấu, mỗi mạn tàu khắc ra ba nghìn ba trăm livre^[29] sắt, và lúc chạy thì giăng ra gió năm nghìn sáu trăm thước vuông vải, đến chiếc thuyền Đan Mạch của thế kỷ thứ hai, tìm thấy đầy rìu đá, cung và chùy, trong bùn biển của Wester-Satrup, và để lại Tòa thị chính Flensbourg.

Đúng một trăm năm, 1707-1807, thêm ngàn cách chiếc tàu đầu tiên của Papin đến chiếc tàu đầu tiên của Fulton “Tàu buôn Lethierry” chắc chắn là một tiến bộ so với hai phác thảo ấy, nhưng bản thân nó cũng chỉ là một phác thảo. Nhưng không vì thế mà nó không phải là một kiệt tác. Bất cứ phôi thai nào của khoa học cũng mang hai hình dáng: bào thai quái vật, m̀àn mống kỳ quan.

V CHIẾC TÀU QUỶ

“Tàu buôn Lethierry” không đặt cột buồm theo đúng tâm điểm của buồm, như thế không phải khuyết điểm vì đây là một trong những quy tắc của nghề đóng tàu, vả lại tàu dùng lửa làm sức đẩy thì hệ thống buồm chỉ là phụ. Chúng ta cần nói thêm là tàu bánh xe hầu như không cần đến hệ thống buồm. Chiếc tàu buôn ngắn quá, tròn quá, thu gọn quá; má nó quá to, hông nó quá rộng; người ta không mạo hiểm đến chỗ thiết kế nó nhẹ nhàng, chiếc tàu buôn có một số điểm bất tiện và một số ưu điểm so với chiếc Thuyền Bàu. Nó ít chồm tới chồm lui, nhưng lại hay chòng chành. Bộ trống lại quá cao. Đối với chiều dài của nó thì thuyền nhiều rường ngang quá. Bộ máy đồ sộ, công kênh, và để cho tàu chở được nhiều, người ta phải tôn cao quá mức bức vách chắn, thành thử chiếc tàu buôn có khuyết điểm gần gần giống những chiếc tàu năm 74, một thứ thuyền mẫu tạp nham và phải phá bằng để cho hợp với việc đi biển. Vì ngắn nên nó phải lái nhanh, thời gian dùng cho một vòng xoay tỷ lệ thuận với chiều dài tàu, nhưng trong lực làm cho nó mất lợi thế của hình dáng thon gọn. Khoang bụng rộng quá làm cho nó chậm chạp vì lực cản của nước tỷ lệ thuận với tiết diện chìm lớn nhất và với bình phương của tốc độ. Mũi tàu thẳng đứng, đi đâu ấy ngày nay không phải là khuyết điểm, nhưng thời ấy lệ thường bất di bất dịch để cho nó nghiêng bốn mươi lăm độ. Tất cả các đoạn cong của vỏ tàu đều được chấp nối tốt, nhưng không đủ dài để bảo đảm cho chiều nghiêng và nhất là cho độ song song của khối nước lặn trụ bị chuyển dịch, khối này bao giờ cũng chỉ được đẩy ngang. Gặp lúc trời động, nó chìm quá sâu, lúc thì chúc mũi, lúc thì ngửa lái, đây là khuyết điểm của trọng tâm. Do số hàng chở nằm không đúng vị trí, vì trọng lượng máy, trọng tâm thường lấn về phía sau cột buồm đại, thành thử phải dựa hẳn vào hơi nước và phải dè chừng lá buồm đại, vì trong trường hợp ấy buồm đại làm cho tàu đi tới chứ không giúp cho tàu chống đỡ với gió trời.

Biện pháp là lúc g ãn gió nhất phải thả hết dây l ều; như thế gió bị cố định ở đ ằng mũi bởi dây bu òm, và bu òm đ ại chỉ có tác dụng của một lá bu òm lái. Lối vận hành này là khó. Tay lái kiểu c ò, không phải bằng bánh xe như ngày nay mà bằng sàn g ã, xoay trên bản l ề bắt chặt vào cây g ã lớn ở đ ươi thuy ền và xoay chuyển bằng một thanh g ã nằm trên cái s ả sườn thuy ền phía lái. Hai chiếc canô, loại thuy ền ngắn, treo l ửng l ửng ở hai bên mạn. Tàu có bốn neo, neo đ ại, neo trung là chiếc neo làm việc, working - anchor và hai neo đ ôi. Bốn chiếc neo này, thả cùng với xích sắt, đ ều chuyển vận tùy trường hợp bằng cái máy trục to đ ằng lái và cái máy trục nhỏ đ ằng mũi. Thời ấy, trục cuốn bằng b ơm chưa thay thế cho s ả đ òn b ẩy hoạt động gián đ ạn. Chỉ có hai bộ neo đ ôi, một ở bên phải, một ở bên trái, tàu không thể nào buông neo đ ôi kiểu chân ng ỗng, và thế là như bị tước bớt vũ khí trước một vài hướng gió. Tuy vậy gặp trường hợp ấy nó có thể sử dụng đến chiếc neo thứ hai. Phao đ ều thuộc loại thông thường, và cấu tạo đủ sức đ ỡ đ ược dây neo, mà vẫn nổi trên mặt nước. Xu ồng có kích tác thích đ áng. Đ ấy là dụng cụ phòng bị thật sự của chiếc tàu; nó khá vững chắc để rút chiếc neo đ ại. Một điểm mới của tàu này là một phần thuy ền cụ của nó đ ều có xích sắt, vả lại như thế không hại gì đến sức chuyển động của thùng lưu động và sức căng của thùng cố định. Hệ thống cột bu òm, mặc d ẫu chỉ là phụ, không có một khuyết điểm gì; hệ thống dây chằng rất dày, rất nhẹ nhàng, ít l ộ. Toàn bộ sườn tàu chắc chắn, nhưng thô kệch, vì tàu hơi nước không đòi hỏi phần g ã phải thanh tú như thuy ền bu òn, Tàu này chạy với tốc độ hai dặm một giờ. Gặp hồng hóc, nó cứ đi l ửng ch ừng. Với hiện trạng như thế, chiếc “Tàu buôn Lethierry” đi khơi thì tốt, nhưng thiếu mũi nhọn để rẽ nước, và không thể bảo là nó có dáng điệu thanh nhã. Người ta cảm thấy khi gặp nguy hiểm, đá ng ầm hoặc cây nước, nó sẽ khó vận hành. Nó kêu r ằng rắc như một vật chưa hoàn thành. Lúc ch ồng ch ành trên sóng,

nó phát ra một tiếng như tiếng đẽ giày mới.

Chiếc tàu này chủ yếu là một cái thùng chứa, và cũng như mọi tàu chuyên đón nhận hàng hóa hơn là sử dụng vào chiến tranh, nó chỉ được bố trí để chất xếp hàng. Nó nhận rất ít hành khách. Việc chuyên chở gia súc khiến cho việc bốc xếp trở nên khó khăn và rất khác biệt. Thời ấy người ta xếp bò trong khoang, đấy là một vấn đề phức tạp. Ngày nay người ta xếp chúng lên boong trước. Bộ trống chiếc Tàu Quỷ Lethierry sơn trắng, vỏ tàu, cho đến đường ngấn nước màu lửa, và toàn bộ các chỗ còn lại của tàu, theo kiểu cách khá xấu xí của thế kỷ ấy, màu đen. Lúc rỗng, tàu chìm sâu bảy piê, và lúc có hàng, mười bốn.

Còn máy thì rất khoẻ. Mạnh đến một ngựa cho ba tô-nô, như thế là gần bằng sức mạnh một tàu kéo. Các bánh xe được đặt rất đúng chỗ, hơi nhích ra phía trước trọng tâm tàu một tí. Máy có một áp suất tối đa hai atmosphères. Nó tiêu thụ rất nhiều than, mặc dầu nó thuộc loại ngưng tụ và giãn dầy. Nó không có tay lái vì điểm tựa không vững để bỏ khuyết vào đó, như ngày nay người ta vẫn còn làm, nó dùng một thứ máy kép làm hoạt động luân phiên hai tay quay bắt vào đầu trục chính và bố trí sao cho một tay quay luôn luôn nằm ở điểm mạnh khi tay quay kia nằm ở điểm chết. Toàn bộ cỗ máy đặt trên một tấm gang duy nhất; nhờ thế ngay lúc bị hồng nặng, không một cơn sóng nào làm nó mất thăng bằng và vỏ tàu có móp cũng không thể làm hỏng máy. Để máy thêm vững chắc, người ta đã đặt biên chính cạnh xi-lanh, như vậy là chuyển được giao tâm quả lắc từ giữa ra đằng đầu. Từ đấy người ta đã sáng kiến ra loại xi-lanh dao động cho phép bỏ hẳn biên; nhưng thời ấy cách đặt biên cạnh xi-lanh hình như đã là đỉnh cao nhất của khoa chế tạo máy. Nồi hơi chia ra từng ngăn và có bơm saumure. Các bánh xe rất to, như thế đỡ hao phí lực, và ống khói rất cao

tăng thêm sức hút cho lò; nhưng bánh xe to lại cản nước, ống khói cao lại cản gió. Cánh bằng gỗ, móc bằng sắt, ổ trục bằng gang, các bánh xe đều chế tạo tốt và đi đều ngay nhiên là có thể tháo lắp được. Luôn luôn có ba cánh nằm dưới nước. Tốc độ của tám cánh chỉ hơn tốc độ tàu một phần sáu; đây là khuyết điểm của loại bánh xe ấy. Ngoài ra, chỗ cầm tay quay dài quá, và học phân phối hơi trong xi-lanh có xát nhiều quá. Thời kì ấy, cỗ máy đó dường như tuyệt diệu và tuyệt diệu thật.

Cỗ máy đó được rèn ở Pháp tại nhà máy Bercy. Mess Lethierry có tưởng tượng ra nó chút ít; người thợ chế tạo ra nó theo hình vẽ của ông đã chết; vì vậy nó là cỗ máy duy nhất, không thể nào thay thế. Người thiết kế còn, nhưng thiếu người chế tạo.

Cỗ máy trị giá bốn vạn frăng.

Lethierry đã đích thân đóng chiếc tàu buôn dưới âu cảng có mái cạnh cái tháp đầu tiên giữa Saint-Pierre-Port và Saint-Sampson. Ông đã đi tận Brême mua gỗ. Trong công trình này, ông đã tận dụng tất cả tay nghề thợ mộc đóng tàu của ông, và người ta phải chịu tài ông trong nghề cạo thuyền với những đường máy rất nhỏ, rất đều, và được quét phủ bằng sarangousti, một thứ mát-tít Ấn Độ tốt hơn cả nhựa thông. Lớp bọc lòng tàu được đóng đinh to. Lethierry đã trát bụng tàu bằng nhựa gallegalle. Để bỏ khuyết chiều tròn của vỏ tàu, ông đã lắp một cần buồm phụ vào cột buồm cái, nhờ vậy mà thêm được một buồm vuông giả vào cánh buồm vuông ở cột buồm mũi. Hôm hạ thủy ông đã nói: Thế là tôi xuống nước! Quả thật chiếc tàu buôn thành công, như ta đã thấy.

Do tình cờ hay hữu ý, nó được hạ thủy đúng vào ngày 14 tháng bảy^[30]. Hôm ấy Lethierry, đứng trên boong tày giữa hai cái trống, nhìn thẳng ra

biển khơi và hét to:

- Đến lượt mày rồi! Dân chúng Paris đã chiếm ngục Bastille; bây giờ chúng tao chiếm được chính này!

“Chiếc tàu buôn Lethierry” chạy từ Guernesey đến Saint-Malo mỗi tuần một lần. Nó rời bến sáng thứ ba và trở về chiều thứ sáu, trước phiên chợ ngày thứ bảy. Nó là một kiểu mẫu bằng gỗ khỏe hơn các thuyền buôn ven biển trong toàn quần đảo, và vì dung tích của nó tỷ lệ thuận với kích tấc, một chuyến đi của nó bằng bốn chuyến của một chiếc tàu đáy bằng thông thường, về lượng hàng và về lợi nhuận. Nhờ thế mà lời lãi rất nhiều. Tiếng tăm một chiếc tàu tùy thuộc ở việc chất xếp hàng hóa của nó, Lethierry lại là một tay bốc xếp tuyệt vời. Khi không thể đích thân lăn lộn ngoài biển cả nữa, ông liền luyện một tay thủy thủ để thay thế ông làm người bốc xếp. Sau hai năm, chiếc tàu hơi nước sinh lợi đúng bảy trăm năm mươi livrơ xteclin ở Guernesey trị giá hai mươi bốn frăng, ở Anh trị giá hai mươi lăm, và ở Jersey hai mươi sáu. Những trò dấm dớ ấy không dấm dớ như vẻ ngoài của chúng; các ngân hàng đều kiểm soát ở chỗ ấy.

VI LETHIERRY BƯỚC VÀO VINH QUANG

Chiếc tàu buôn phát đạt. Mess Lethierry thấy mình sắp thành Monsieur đến nơi. Ở Guernesey người ta không phải ông với nhau cả đâu. Giữa con người và ông có cả một cái thang cao phải trèo; thoát tiên, bậc thứ nhất, chỉ gọi tên trống không, Pie chẳng hạn; rồi bậc thứ nhì, vô danh (hàng xóm) Pierre; rồi bậc thứ ba, lão Pierre; rồi bậc thứ tư, Sieur Pierre; rồi bậc thứ

năm, Mess Pierre; r ấ đĩnh cao, ông (Monsieur) Pierre.

Cái thang này, từ lòng đất chui ra, cứ tiếp mãi trên trời xanh. Toàn bộ đẩng cấp nước Anh đầu vào đấỵ và sắp xếp theo tầng lớp. Đây là các bậc, càng lên càng rực rữ; trên ông (gentleman) có esq (dũng sĩ tùy tũng), trên esq có ky sĩ (sir suốt đời), r ấ lên mãi, tòng nam tước (sir cha truyền con nối), r ấ huân tước, ở Scotland là laird, r ấ nam tước, r ấ tử tước, r ấ bá tước (ở Anh là earl), ở Na Uy là jarl, r ấ hầu tước, r ấ công tước, r ấ nguyên lão Anh quốc, r ấ hoàng tử, từ tầng lớp tư sản lên tầng lớp tòng nam tước, từ tầng lớp tòng nam tước lên tầng lớp nguyên lão, từ tầng lớp nguyên lão lên đĩn hàng vua chĩa.

Nhờ có quyết đĩnh bất thần của mình thành công, nhờ hơi nước, nhờ cỗ máy, nhờ chiếc Tàu Quý, Mess Lethierry đầ trở thành người có địa vị. Để đống chiếc tàu buôn ông đầ phải vay mượn; ông đầ mang công mắc nợ ở Brême, ông đầ mang công mắc nợ ở Saint-Malo; nhưng mỗi năm ông đầ trả dầ được nợ.

Ông còn mua chĩa, ngay ở lối vào cảng Saint-Sampson, một ngôi nhà xinh xắn bằng đá, mới tinh, trên vườn dưới biển, ở góc nhà có hai chữ: Les Bravées. Ngôi nhà Les Bravées, mà mặt tiền cũng thuộc vào chính bức tường thành của cảng, đẩng chú ý ở hai dấỵ cửa sổ, phía bắc, phía một khu vườn đầỵ hoa, phía nam, phía đặi dương; thành thử ngôi nhà này có hai mặt, mặt này nhìn thẳng bão táp, mặt kia trông ra vườn h ồng.

Những mặt nhà này dường như dành cho hai người ở, Mess Lethierry và cô Déruchette.

Ngôi nhà Le Bravées được nhiều người ở Saint-Sampson nói đĩn. Vì cuối cùng Mess Lethierry đầ được mọi người ngưỡng mộ. Việc được lòng

dân này một phần do lòng tốt, do sự tận tâm và tính can đảm của ông, một phần do nhiều người được ông cứu vớt, còn phần lớn là do thành công của ông, và cũng do ông dành cho cảng Saint-Sampson đặc quyền về các chuyến đi đi về về của chiếc tàu hơi nước. Thấy chắc chắn chiếc Tàu Quý là một món lợi, Saint-Pierre, thủ đô, đã định dành nó cho cảng của mình, nhưng Lethierry quyết giữ cho Saint-Sampson. Đây là thành phố quê hương ông. - Chính tại đây tôi đã được vớt xuống biển cả - ông nói. Nhờ vậy mà ông được nhiệt liệt ngưỡng mộ tại địa phương. Với tư cách nghiệp chủ đóng thuế ông được gọi là một cư dân Guernesey. Người ta gọi ông là thành viên trong đoàn Mười Hai. Người thủy thủ đáng thương này đã trèo hết năm bậc thang trong số sáu bậc của trật tự xã hội Guernesey; ông là Mess; ông gần thành Monsieur; và biết đâu ông sẽ chẳng vượt qua bậc Monsieur? Biết đâu một ngày kia người ta chẳng đọc thấy trong cuốn toàn thư Guernesey, ở mục Gentry and Nobility^[31], đoạn ghi chép chưa từng có và tuyệt diệu này: Lethierry, esq.^[32]

Nhưng Mess Lethierry vẫn xem thường hoặc nói cho đúng không hay biết đến khía cạnh phù phiếm của chuyện đời. Niềm vui của ông là tự cảm thấy mình có ích. Được ngưỡng mộ không làm ông xúc động bằng cảm thấy mình cần thiết cho mọi người. Như chúng tôi đã nói, ông chỉ có hai niềm say mê, và do đó, chỉ có hai tham vọng; Durande và Déruchette.

Dù sao đi nữa, ông đã đánh xô số với biển cả, và ông đã trúng giải độc đắc.

Giải độc đắc ấy là chiếc Durande ngược xuôi trên biển cả.

VĂN CHA ĐỠ ĐẦU ẤY, VĂN MẸ ĐỠ ĐẦU ẤY

Sau khi sáng tạo nên chiếc tàu chạy bằng hơi nước ấy, Lethierry đã đặt tên cho nó. Ông gọi nó là Durande. Tàu Durande, từ đây chúng tôi sẽ không gọi nó bằng cách khác nữa. Chúng tôi cũng xin phép bất chấp lệ thường của nhà in, không gạch dưới cái tên Durande, như thế là chúng tôi vẫn làm theo đúng tư tưởng của Mess Lethierry; đối với ông, Durande gần như một con người.

Durande và Déruchette, vẫn cùng một tên, Déruchette là từ thu hẹp của Durande. Kiểu từ thu hẹp này rất thông dụng ở miền Tây nước Pháp.

Các thánh ở nông thôn thường mang tên mình với tất cả các từ thu hẹp và các từ làm mạnh thêm nghĩa. Người ta tưởng đâu nhiều người hóa ra chỉ có một. Những trường hợp trùng lẫn nam thánh và nữ thánh bảo hộ mang những tên khác nhau không phải chuyện hiếm. Lise, Lisette, Lisa, Élisabeth, Isabelle, Lisbeth, Betsy, cả cái đám đông ấy là Élisabeth. Có lẽ Mahout, Maclou, Malo và Magloire cũng vẫn là một ông thánh. Tuy vậy chúng tôi không chú trọng đến đi đâu ấy.

Nữ thánh Durande là một nữ thánh của vùng Angoumois và vùng Charente. Bà có đoan trang hay không? Điềm ấy quan hệ đến dân bollandistes. Đoan trang hay không, bà cũng có giáo đường.

Hồi ở Rochefort, khi còn là một chàng thủy thủ trẻ, Lethierry đã được biết bà thánh đó, hẳn là qua một cô gái xinh đẹp nào đó ở Charante, có lẽ cái cô gái lẳng lơ có móng tay đẹp. Ông còn giữ được khá nhiều kỷ niệm về cô nên ông mới dành cái tên ấy cho hai thứ ông yêu quý nhất đời: Durande cho chiếc tàu buồm, Déruchette cho cô con gái.

Ông là bố của bên này và chú của bên kia.

Déruchette là con gái một người anh của ông. Cô không còn bố mẹ. Ông đã nhận cô làm con nuôi. Ông thay thế cả bố lẫn mẹ.

Déruchette không phải chỉ là cháu ông. Cô còn là con đỡ đầu của ông. Chính ông đã là cha đỡ đầu của cô. Chính ông đã tìm ra cho cô bà thánh bảo hộ, nữ thánh Durande, và cái tiểu danh Déruchette.

Như chúng tôi đã nói, Déruchette sinh tại Saint-Pierre-Port. Cô được ghi vào sổ giáo khu đúng ngày sinh của cô.

Ngày nào cô cháu còn là trẻ con, và ông chú còn nghèo hèn thì chẳng ai thèm để ý đến cái tên Déruchette; nhưng khi cô bé trở thành một thiếu nữ và người thủy thủ trở thành một quý ông thì Déruchette nghe hơi chướng. Người ta lấy thế làm ngạc nhiên. Người ta hỏi Mess Lethierry: Tại sao lại Déruchette? Ông đáp: Thì cái tên nó như thế. Nhiều lần người ta có đặt lại tên thánh cho cô. Ông đâu không chịu. Một hôm, một phu nhân xinh đẹp và sang trọng ở Saint-Sampson, vợ một chủ lò rèn giàu có đã bỏ nghề, một sixty như người ta vẫn gọi ở Guernesey, bảo với Mess Lethierry: Từ nay tôi gọi con gái ông là Nancy. Ông nói: Tại sao không gọi là Lons-Le-Saulnier? Phu nhân xinh đẹp vẫn không chịu thôi, và hôm sau lại nói với ông: Dứt khoát chúng tôi không đồng ý cái tên Déruchette. Tôi đã tìm được cho con gái ông một cái tên rất hay, Marianne. - Tên hay thật đấy - Mess Lethierry đáp lại - nhưng lại bao gồm hai con vật xấu xí, một anh chồn và một con lừa^[33]. Ông vẫn giữ cái tên Déruchette.

Nếu từ câu nói trên mà kết luận rằng ông không muốn gả chồn cho cháu thì lầm to. Tất nhiên, ông cũng muốn kiếm cho cháu một tấm chồn nhưng theo kiểu của ông. Ông đòi hỏi cô phải lấy một người chồn thuộc

loại như ông, lao động thật nhiều, còn cô thì chẳng làm gì lắm. Ông thích đàn ông tay đen, còn đàn bà thì tay trắng. Để Déruchette khỏi làm hỏng hai bàn tay xinh đẹp, ông đã hướng cô về phía tiểu thư. Ông đã kiếm cho cô một ông thầy dạy đàn, một chiếc dương cầm, một tủ sách nhỏ, và thêm ít kim chỉ trong giỏ may. Cô thích đọc hơn thích khâu, thích đàn hơn thích đọc. Mess Lethierry muốn cô như thế. Duyên sắc, đấy là tất cả những gì ông đòi hỏi ở cô. Ông đã nuôi dưỡng cô để trở thành bông hoa chứ không phải để thành đàn bà. Ai đã nghiên cứu về thủy thủ khắc hiểu rõ đi đâu ấy. Cứng cỏi bao nhiêu lại khao khát tế nhị bấy nhiêu. Muốn có cháu thực hiện được lý tưởng của ông chú thì cô cháu phải giàu sang. Chính đây là đi đâu Mess Lethierry mong muốn. Cỗ máy to đi biển của ông hoạt động nhằm mục đích ấy. Ông giao trách nhiệm cho Durande phải lo khoản hồi môn cho Déruchette.

VIII ĐIỆU NHẠC BONNY DUNDEE

Déruchette ở căn phòng đẹp nhất của ngôi nhà Bravées, có hai cửa sổ, tủ bàn toàn bằng gỗ đào hoa tâm có vân, trang hoàng thêm một cái giường có màn kẻ ô vuông xanh trắng, nhìn ra mảnh vườn và ngọn đồi cao trên đó có lâu đài Valle. Phía bên kia ngọn đồi là ngôi nhà Bû de la Rue.

Trong căn phòng ấy, Déruchette để sách nhạc và cây đàn piano của cô. Thường ngày cô đệm đàn piano vừa hát điệu hát ưa thích, bản nhạc Scotland Bonny Dundee; suốt tối chỉ có điệu hát ấy, suốt buổi bình minh chỉ nghe giọng cô; một điểm tương phản hơi kỳ lạ, người ta nói: cô Déruchette đang ngồi bên chiếc đàn piano của cô, và người qua đường

phía dưới chân đ ồi đôi khi cũng dừng bước trước bức tường khu vườn Bravées để lắng nghe giọng hát xiết bao trong sáng ấy và bài hát xiết bao buồn bã ấy.

Déruchette là hình ảnh tươi vui đi đi lại lại trong nhà. Cô làm cho ngôi nhà quanh năm thắm đượm trời xuân. Cô đẹp, nhưng cô lại xinh hơn là đẹp, và lại duyên dáng hơn là xinh. Cô gọi cho các hoa tiêu già hi ền lành bạn của Mess Lethierry nhớ đến nàng công chúa trong một bài hát của lính và thủy thủ, công chúa đẹp đến nỗi “có tiếng là đẹp trong trung đoàn”. Mess Lethierry thường nói: Nó có mái tóc dài như một sợi dây cáp.

Từ bé cô đã có sắc đẹp mê h ền. Một thời gian dài người ta ngại về cái mũi của cô, nhưng con bé, hẳn trời đã định cho là phải đẹp, vẫn đầy duyên dáng, tuổi trưởng thành đã không làm hại cô; mũi cô không dài quá, không ngắn quá; và lớn lên cô vẫn yêu ki ều.

Không bao giờ cô gọi chú cô khác hơn là “bô”.

Ông cho phép cô thi thố chút ít tài năng làm vườn, và nội trợ nữa. Cô tự tay tưới các luống h ồng thực quỳ, thiên nga nhung, giáp trúc đào lâu năm và thủy dương mai đỏ rực; cô tr ồng crépis h ồng và thố thảo h ồng; cô biết lợi dụng khí hậu của Guernesey vốn rất mền hoa. Cũng như mọi người cô có dứa rừng trên mặt đất bằng, và điếm này khó hơn, tr ồng được cả phiên bạch thảo Népaül. Vườn rau nhỏ bé của cô được tổ chức rất khoa học; xong củ cải đỏ, cô tr ồng rau muống, sau rau muống cô tr ồng tiếp đỗ hạt; cô biết gieo cấy súp lơ Hà Lan và bắp cải Bruxelles vào tháng bảy, cải củ vào tháng tám, diếp quăn vào tháng chín, cải thơm tròn vào mùa thu, và diệp lạ bắc vào dịp đông. Mess Lethierry để mặc cho cô làm, miễn cô đừng xúc xẻo và dùng cào nhi ều quá, nhất là đừng tự tay bón phân. Ông cho cô

hai người tớ gái Gráce và Douce hai tên của Guernesey. Gráce, Douce làm việc trong nhà và ngoài vườn thêm được quyền có những bàn tay đỏ.

Còn Mess Lethierry, phòng của ông là một căn buồng xếp nhìn ra cảng và liền với căn phòng lớn, thấp của tầng dưới nơi có cửa ra vào và nơi hội tụ các cầu thang trong nhà. Đồi đặc trang hoàng trong phòng có chiếc vòng thủy thủ, đồng hồ và cái tủ hút thuốc lá của ông. Cũng có thêm một cái bàn và một cái ghế. Trần nhà, trơ cả xà, cũng được quét vôi trắng như bốn bức tường; bên phải cánh cửa, quỳn đảo Manche đóng bằng đinh, một tấm bản đồ với dòng chữ: W. Faden, 5, Charing Cross. Geographer of His Majesty^[34]. Và bên trái, một số đinh khác đóng dăng ra trên bức tường rộng một loại khăn vải to, có những hình màu tượng trưng cờ và dấu hiệu của toàn bộ hàng hải thế giới, bốn góc là quốc kỳ nước Pháp, nước Nga, nước Tây Ban Nha, nước Mỹ, và ở giữa là quốc kỳ Anh.

Douce và Gráce là hai con người bình thường, hiểu theo khía cạnh tốt của từ ngữ. Douce không ác và Gráce không xấu. Hai cái tên nguy hiểm này không có hại gì cả. Douce, chưa lấy chồng, có một “nhân tình”. Trên các đảo vùng biển Manche, từ ngữ này rất thông thường, mà sự việc cũng thông thường. Hai cô gái có cái mà người ta có thể gọi là lối phục dịch thuộc địa, một kiểu chậm chạp đặc biệt của tầng lớp đi ở của Normand trong quỳn đảo. Gráce, làm dáng và xinh, luôn luôn nhìn ngấm chân trời với một vẻ lo lắng như mèo. Đó là vì, như Douce, cô cũng có một gã nhân tình; ngoài ra người ta bảo cô còn có một người chồng thủy thủ mà cô rất sợ ngày về. Những điểm ấy không can hệ gì đến chúng ta. Nét khác biệt giữa Gráce và Douce là gặp một gia đình ít khắc khổ hơn và ít ngây thơ hơn, Dolce hẳn chịu làm đầy tớ mãi và Gráce trở thành con sen. Những tài năng tiềm tàng của Gráce bị mai một với một cô gái trong trắng như

Déruchette. Và lại những chuyện tình duyên của Dolce và Gráce chỉ ngấm ngấm. Chẳng có gì khiến Mess Lethierry phải ngạc nhiên và chẳng có gì ảnh hưởng đến Déruchette cả.

Căn phòng thấp ở tầng dưới là một gian buồng lớn có lò sưởi xung quanh bày bàn và ghế dài, thế kỷ trước đã dùng làm nơi hội họp cho một cuộc hội nghị bí mật của dân tị nạn người Pháp theo đạo Tin lành. Bức tường đá chỉ có mỗi cái khung gỗ đen là vật xa xỉ, trên cùng một tấm giấy da ghi những thành tích của Bénigne Bossuet^[35], giám mục thành Meaux. Một số giáo dân đáng thương trong giáo khu của con đại bàng này^[36] bị ông ta hành hạ lúc thủ tiêu sắc dụ Nantes^[37], và trốn tránh tại Guernesey, đã treo cái khung gỗ trên bức tường ấy để dẫn chứng. Trên đây, người ta đọc được, nếu có thể đọc nổi nét chữ ngoằn ngoèo và một thứ mực ố vàng, những sự việc ít được biết đến như sau:

- Ngày 29 tháng mười năm 1685, triệt hạ các đền Morcerf và Nanteuil, do ông giám mục thành Meaux yêu cầu nhà vua.

- Ngày mùng 2 tháng tư năm 1686, bắt hai cha con Cochard, vì lý do tôn giáo, theo yêu cầu của ông giám mục thành Meaux. Được thả, cha con Cochard đã tuyên thệ bỏ đạo.

- Ngày 28 tháng mười năm 1699, ông giám mục thành Meaux gửi cho ông de Pontchartrain một bức thư đi đầu trần nói là cần thiết phải đưa các cô de Chalandes và de Neuville, theo tôn giáo cải cách, vào nhà Nữ Tân Tín đờ Gia-tô của Paris.

- Ngày mùng 7 tháng bảy năm 1703, thi hành lệnh nhốt vợ chồng Baudoin, tín đờ Gia-tô xấu của Fublaines, vào nhà thương điên, do ông giám mục thành Meaux yêu cầu nhà vua.

Ở cuối phòng, cạnh cửa buồng của Mess Lethierry, có một buồng con bằng ván, trước kia là tòa giảng của phái Huguenots^[38], nay nhờ lớp lưới sắt có cái lỗ con, trở thành bàn giấy của chiếc tàu hơi nước, nghĩa là văn phòng của tàu Durande, do đích thân Mess Lethierry phụ trách. Trên cái yên sách cũ bằng gỗ sồi, một quyển sổ với những trang giấy ghi rõ bên Có và bên Nợ thay cho cuốn Kinh Thánh.

IX NGƯỜI ĐÃ ĐOÁN ĐƯỢC RANTAINÉ

Ngày nào Mess Lethierry còn tung hoành được trên biển cả, thì ông còn đi đầu khiển tàu Durande, và ông không có hoa tiêu nào, thuyền trưởng nào khác ngoài bản thân, nhưng đã đến giờ phút, như chúng tôi đã nói, mà Mess Lethierry phải tìm người thay thế. Để làm việc ấy ông đã chọn được Sieur Clubin, quê ở Torteval, một con người trầm mặc ít nói. Trên toàn miền duyên hải, Sieur Clubin được tiếng hết sức liêm khiết. Đây là cái tôi khác^[39] và là người đại diện của Mess Lethierry.

Mặc dù có vẻ một viên lục sự hơn là một thủy thủ, Sieur Clubin là một tay đi biển có nhiều khả năng và hiêm thấy. Ông ta có tất cả mọi tài năng cần thiết cho việc mạo hiểm thường xuyên biển đổi. Ông ta là tay bốc xếp khéo léo, coi buồng thận trọng phụ trách neo lèo phao chu đáo và thông thạo, cần lái vững, hoa tiêu giỏi và thuyền trưởng dũng cảm. Tính ông ta cẩn thận, và đôi khi cẩn thận đến mức liêu, đây là một đức tính lớn trên biển cả. Ông ta biết sự việc có thể xảy ra, nhưng lại biết dung hòa với khả năng có thể làm được. Đây là một trong những thủy thủ dám đương đầu với hiểm nguy trong chừng mực mà họ nắm vững, và bất cứ trường hợp

nào cũng biết tạo nên thắng lợi. Tất cả phần vững tin mà biển khơi có thể dành cho một con người, ông ta đều có đủ; ngoài ra Sieur Clubin còn là một tay bơi lặn nổi tiếng; ông ta thuộc loại người dạn dày sóng nước, có thể ngấm mình dưới nước bao nhiêu lâu cũng được, và có thể đi từ Havre-des-Pas ở Jersey, vượt qua Colette, vòng quanh tháp của am tu sĩ và lâu đài Elisabeth, rồi sau hai giờ đồng hồ quay về địa điểm xuất phát. Ông ta quê ở Torteval và nghe đâu ông ta thường hay bơi quãng đường ghê sợ từ Hanois đến mũi Plainmont.

Một trong những đi đầu khiến Mess Lethierry tin tưởng vào Sieur Clubin nhất, là do biết hay hiểu thấu được Rantaine, ông ta đã báo trước cho Mess Lethierry cái tính gian xảo của con người này, và đã nói với ông: - Rantaine sẽ lừa ông cho xem. Đi đầu ấy đã được chứng minh. Nhiêu lần, đối với những vật đúng là không quan trọng, Mess Lethierry đã thử thách lòng ngay thẳng đến mức quá chu đáo của Sieur Clubin, và ông đã nhờ cậy ông ta trong các công việc của ông. Mess Lethierry nói: Lương tâm ngay thẳng đòi hỏi phải được tin tưởng hoàn toàn.

X NHỮNG CÂU CHUYỆN ĐƯỜNG XA

Tuy có chịu khó về mặt khác, nhưng lúc nào Mess Lethierry cũng mặc quần áo làm việc trên tàu, và thích chiếc varơ thủy thủ hơn chiếc varơ hoa tiêu. Việc ấy khiến Déruchette phải nhú cái mũi xinh xinh lại. Không có gì đẹp bằng người có duyên nhan mặt, lúc nổi giận. Cô vừa trách vừa cười và kêu lên: Eo ơi! Bớ toàn mùi nhựa đường. Và cô khẽ vỗ vào cái vai u của ông.

Người anh hùng này của biển cả đã thuật lại nhiều chuyện lạ lùng về các chuyến chu du của mình. Ở Madagasca, ông đã thấy những chiếc lông chim mà chỉ cần ba chiếc là đủ lợp một mái nhà. Ở Ấn Độ, ông đã thấy những cây ôdây cao gần ba mét. Ở Tân Hà Lan, ông đã thấy những đàn ngỗng và gà tây được chặn dắt bởi một thứ chó chặn cừu mà lại là một con chim gọi là Agami. Ông đã thấy những nghĩa địa voi. Ở châu Phi ông đã thấy những con vượn, những loại người - hổ, cao đến hơn hai mét. Ông biết tập quán của tất cả các loại khỉ, từ loại macacơ rừng mà ông gọi là macaco bravo đến loại macacơ hay hét mà ông gọi là macaco barbado. Ở Chilê, ông đã thấy một con khỉ cái chìa con ra cho những người thợ săn làm họ phải xúc động. Ở California, ông đã thấy một thân cây rỗng đổ xuống đất, trong đó có một người đi ngựa có thể đi được một trăm năm mươi bước. Ông đã thấy ở Maroc những người Mozabites và những người Biskris đánh nhau bằng dùi cui và gậy sắt vì cánh biskris bị gọi là kelb nghĩa là chó, và cánh Mozabites bị gọi là khamisi nghĩa là người thuộc môn phái thứ năm. Ở Trung Quốc, ông đã thấy một tên cướp bị tùng xẻo vì đã giết người trưởng ấp. Tại “Thủ Dầu Một” ông đã thấy một con sư tử^[40] bắt một bà già ngay giữa chợ tỉnh. Ông đã được dự một buổi đón con rắn to từ Quảng Đông đến Sài Gòn, để tổ chức tại chùa Chợ Lớn lễ thánh mẫu của những người đi biển. Ông đã được ngắm xem vị Đại Quân Sư tại vùng dân tộc ít người. Tại Rio-Janeiro, ông đã thấy các bà người Braxin tối đến là dắt lên mái tóc những túi vải thưa bé tí, mỗi cái đựng một con vagalumes, một loại đom đóm, như thể là họ đội ngôi sao. Ông đã đánh nhau với những con kiến Uruguay, và ở Paraguay với những con nhện to bằng con chim, có lông, to bằng đầu trẻ con, sải chân chiếm một đường kính rộng đến bốn mươi phân, tấn công cả người, bắn vào người những cái lông như những mũi tên cắm vào da thịt và làm tấy thành mụn nhọt.

Trên sông Arinos, phụ lưu của sông Tocantins, trong những khu rừng hoang ở phía bắc Diamantina, ông đã thấy được dân tộc dơi khủng khiếp, những murcilagos, những con người bẩm sinh tóc bạc, mắt đỏ, sống trong những rừng âm u, ngày ngủ, đêm dậy đi câu, đi săn trong tối, và có thể nhìn thấy rõ hơn khi không có trăng. Gần Beyrouth, tại chỗ cắm trại của một đoàn thám hiểm mà ông được tham gia, có một lều bị mất cắp một chiếc vũ kê, một người phù thủy, đeo hai ba cái dây da giống như người đeo dải quăn, đã giận dữ lắc một cái chuông con ở đầu một cái sừng đến nỗi một con linh cầu phải đem chiếc vũ kê đến trả lại. Con linh cầu ấy là một mục ăn cắp. Những câu chuyện có thật ấy giống chuyện hoang đường quá khiến Déruchette rất thích thú.

Con búp bê của tàu Durande là mối dây liên lạc giữa chiếc tàu và cô gái. Ở các đảo Normand, người ta gọi búp bê là hình chạm ở mũi tàu, gần như một bức tượng gỗ chạm. Do đó, thành ngữ địa phương, nói đứng giữa lái và búp bê tức là đi biển.

Mess Lethierry đặc biệt quý hóa con búp bê của tàu Durande. Ông đã đặt thợ mộc làm nó thật giống Déruchette. Giống nhờ những nét rìu. Đây là một khúc gỗ cố gắng để thành một cô gái xinh.

Cái khối hơi dị dạng ấy gây ảo tưởng cho Mess Lethierry. Ông nhìn ngắm nó với thái độ chiêm ngưỡng của một tín đồ. Ông rất thành tâm trước cái hình đó. Nhìn nó ông nhận thấy đúng là Déruchette. Tín đi đâu giống sự thật, và thần tượng giống Chúa cũng đại khái như thế.

Mỗi tuần Mess Lethierry có hai niềm vui lớn, một niềm vui vào ngày thứ ba và một niềm vui vào ngày thứ sáu. Niềm vui thứ nhất, thấy tàu Durande ra đi, niềm vui thứ hai, thấy nó trở về. Ông chống cùi tay vào cửa

sở, nhìn công trình của mình và hả hê sung sướng. Trong sách Sáng-thế ký cũng có một cái gì tương tự thế. *Et vidit quod esset bonum*^[41].

Ngày thứ sáu, việc có mặt của Mess Lethierry ở cửa sổ có giá trị như một dấu hiệu. Khi nào thấy ở cửa sổ nhà Bravées, cái tàu của ông loé sáng là người ta bảo: A! Chiếc tàu hơi nước đang ở phía chân trời. Làn khói nó báo tin làn khói kia.

Tàu Durande về đến cảng là buộc cáp dưới cửa sổ của Mess Lethierry, vào một khoanh sắt to gắn trong nền nhà Bravées. Những đêm ấy, Lethierry đánh một giấc ngon lành trên chiếc võng của ông, cảm thấy bên này Déruchette đang ngủ yên và bên kia Durande được buộc kỹ.

Chỗ buộc tàu Durande, khu vực Bravées, ngôi nhà, mảnh vườn, những con đường hẻm có rào giậu, và cả phần lớn các ngôi nhà xung quanh, ngày nay không còn nữa. Việc khai thác đá hoa cương của Guernesey đã buộc phải bán những mảnh đất ấy. Toàn bộ địa điểm, vào giờ phút này, đều bị những công trường đá chiếm giữ.

XI NHÌN QUA NHỮNG ANH CHỒNG CƠ HỘI

Déruchette lớn lên và vẫn không lấy chồng.

Mess Lethierry trong khi tạo cho cô đôi bàn tay trắng, đã làm cho cô sinh ra khó tính. Những lối giáo dục ấy về sau thường phản lại các bạn.

Vả lại, về phía mình, ông còn khó tính hơn. Người chồng mà ông tưởng tượng cho Déruchette cũng phần nào là một người chồng cho Durande. Ông ước sao cùng một lúc kiếm được chồng cho cả hai cô con gái của ông.

Ông những mong sao người diu dắt cô sau này cũng có thể là hoa tiêu của họ. Chẳng lẽ thế nào? Là người thuyền trưởng của một chuyến vượt trùng dương. Tại sao lại không cùng một chủ nhân cho cả cô con gái và chiếc tàu? Một gia đình tuân theo những dòng nước thủy triều. Anh nào biết dẫn dắt một chiếc tàu khác biết dẫn dắt một người vợ. Đây là hai nữ thần dân của trăng và của gió. Sier Clubin, kém Mess Lethierry có mười lăm tuổi, chỉ có thể là một người chủ tạm thời của Durande, cần phải có một tay hoa tiêu trẻ, một chủ nhân chính thức, một người kế tục thực sự cho người sáng lập, cho người phát minh, cho người sáng tạo. Người hoa tiêu chính thức của Durande sẽ phần nào là con rể của Mess Lethierry. Tại sao lại không hòa hai anh con rể vào làm một? Ông luôn luôn ôm ấp ý nghĩ ấy. Bản thân ông cũng thấy xuất hiện trong những giấc mộng của ông một vị hôn phu. Một anh chàng coi buồm khỏe mạnh, rậm nắng và hung hung, lực sĩ của biển cả, lý tưởng của ông là thế. Đây không phải hoàn toàn là lý tưởng của Déruchette. Cô xây một giấc mộng tươi hơn thế.

Dù sao ông chú và cô cháu cũng dường như thống nhất với nhau về điểm không cần vội vã. Khi thấy Déruchette sắp trở thành một cô thừa kế, các đám đầu lũ lượt kéo đến. Những trò sốt sắng ấy không phải lúc nào cũng thuộc loại tốt. Mess Lethierry cảm thấy đi đầu đó. Ông lầu bầu: cô dâu vàng cốm, chú rể đẽng thau. Và ông từ chối khéo các chàng trai rập rành bản sê. Ông chờ đợi. Cô cũng vậy.

Điểm đặc biệt, ông ít quan tâm đến tầng lớp quý phái. Về mặt này, Mess Lethierry có vẻ không phải là người Anh. Người ta sẽ khó tin rằng ông đã đi đến chỗ thay mặt cho Déruchette từ chối một anh chàng Ganduel ở Jersey, một anh Bugnet-Nicolin ở Serk. Người ta còn dám khẳng định, nhưng chúng tôi ngờ sự việc có thể như thế, rằng ông không nhận một tầng

lớp quý phái Aurigny, và ông đã từ chối đề nghị của một người trong gia đình Édou, gia đình này tất nhiên thuộc dòng họ d'Édouard, cha Xưng tội.

XII NHỮNG NGOẠI LỆ TRONG TÍNH TÌNH CỦA LETHIERRY

Mess Lethierry có một khuyết điểm, một khuyết điểm lớn. Ông căm ghét, không phải một con người, mà một thứ gì đó, cha cố. Một hôm, ông đọc - vì ông vẫn hay đọc - Voltaire, vì ông hay đọc Voltaire - gặp mấy chữ: “cánh cố đạo là một giống mèo”, ông liền đặt sách xuống, và người ta nghe ông khẽ lẩm bẩm: mình cảm thấy mình là chó.

Cần nhớ rằng cánh cố đạo, phái Luther và phái Calvin cũng như phái Gia-tô, đạo ông đóng chiếc Tàu Quý, địa phương đã kịch liệt đả kích ông và nhẹ nhàng làm ông khốn đốn. Làm cách mạng trong ngành hàng hải, tìm cách tô điểm cho quần đảo Normandie bằng một tiến bộ, làm cho hòn đảo nhỏ Guernesey được hưởng trước thành quả của một phát minh mới, đây là một điếu tảo bạo đáng trừng phạt, điếu ấy chúng tôi không giấu giếm. Vì vậy người ta có đọa đày ông chút ít. Xin đừng quên rằng ở đây chúng tôi nói về tầng lớp tăng lữ cũ, khác hẳn tầng lớp tăng lữ hiện nay, trong hầu hết các nhà thờ địa phương, nó có một khuynh hướng tự do về tiến bộ. Người ta đã dùng hàng trăm cách ngăn trở Lethierry; tất cả những gì có thể dùng để ngăn trở trong các bài giảng và bài thuyết pháp đều được đưa ra để chống lại ông. Bị các nhà chức sắc của nhà thờ khinh ghét, ông cũng khinh ghét họ. Mỗi hận thù là trường hợp giảm khinh cho lòng căm thù của ông.

Nhưng phải nói là mỗi ác cảm của ông đối với các cố đạo có tính chất phản ứng riêng biệt. Ông không cần bị hận thù mới sinh ra căm ghét họ.

Như ông nói, ông là con chó của những con mèo kia. Ông chống đối họ vì tư tưởng và, đi đầu khó giảm nhẹ nhất, vì bản năng. Ông cảm thấy những móng vuốt ngấm của họ, nên ông nhe răng ra. Hơi sai một tí, chúng ta công nhận như thế, và không phải luôn luôn đúng lúc. Không biết phân biệt là một đi đầu sai trái. Không có hình thù nào hoàn toàn tốt cả. Trước mắt ông, vị trợ tế xứ Savoy cũng không được tha thứ. Đối với Mess Lethierry, chưa chắc đã có một cố đạo nào tốt. Triết gia quá, ông đâm ra mất hết khôn ngoan. Người khoan dung cố chấp cũng như người ôn hòa nổi khùng. Nhưng Lethierry quá hiên lành nên ông không thể căm hờn thật sự. Ông đẩy ra hơn là tấn công. Ông đối xử lãnh đạm với giới tăng lữ. Họ đã làm hại ông, ông chỉ tự hạn chế không làm đi đầu hay cho họ. Điểm khác biệt giữa căm hờn của họ và của ông chính là ở chỗ căm hờn của họ là thù oán, còn căm hờn của ông là ác cảm.

Tuy là một hòn đảo nhỏ bé, Guernesey vẫn có đủ chỗ cho hai tôn giáo. Nó chấp nhận cả đạo Gia-tô, cả đạo Tin Lành. Chúng ta cần thêm rằng nó không để cả hai đạo vào một nhà thờ. Mỗi đạo giáo đều có đền thờ hay giáo đường riêng. Ở Đức, tại Heideberg chẳng hạn, người ta không khách sáo lắm, người ta cắt đôi nhà thờ, một nửa cho thánh Pierre, một nửa cho Thánh Calvin; giữa hai bên, một bức vách để phòng những trò đấm đá; phần bằng nhau; phái Gia-tô có ba bàn thờ, phái Huguenot có ba bàn thờ; vì giờ hành lễ trùng nhau, cái chuông duy nhất đành phải rung cho cả hai bên cùng một lúc. Cùng một lúc nó gọi con chiên đến với Chúa và đến cả với Quỷ. Thật là giản tiện.

Tính lạnh lùng của người Đức thích hợp với những kiểu xóm giềng như thế. Nhưng ở Guernesey mỗi tôn giáo đều có cơ sở riêng.

Có giáo khu chính thống và có giáo khu tà đạo. Người ta có thể lựa

chọn. Không theo bên này, không theo bên kia; đây là cách lựa chọn của Mess Lethierry.

Người thủy thủ ấy, công nhân ấy, nhà triết gia ấy, con người nhò lao động mà thành đạt ấy, b ềngoài rất đơn giản, suy cho cùng chẳng đơn giản chút nào. Ông cũng có những mâu thuẫn và những kiêu cố chấp của ông. Về mặt cố đạo thì ông không lay chuyển. Ông có thể chấp cả Montlosier.

Ông tự cho phép mình dùng những câu chế giễu rất không đúng chỗ. Ông có những chữ của ông, kỳ quặc, nhưng ý nghĩa. Đi xưng tội, ông gọi là đi “chải lương tâm”. Chút ít chữ nghĩa học được, rất ít, một đoạn sách đọc được đây đó, giữa hai cơn bão, vì lý do chính tả mà thành rắc rối thêm. Ông cũng có những lối phát âm sai, không phải lúc nào cũng gây thơ. Sau trận Waterloo, lúc hòa bình được lập lại giữa nước Pháp của Louis XVIII và nước Anh của Wellington, Mess Lethierry nói: Bourmont chính là tên phản bội nổi li ền^[42] giữa hai trận địa. Có lần ông viết Papauté là pape ôté^[43]. Chúng tôi không nghĩ đó là cố tình.

Thái độ chống đối chế độ Giáo Hoàng làm cho ông hòa hoãn với giáo phái Anh quốc. Ông không được các Mục sư Tin Lành, mà cũng không được những Cha Cỗ Gia-tô yêu quý. Trước các tín đi ều quan trọng nhất, tính vô tôn giáo của ông biểu lộ g ần như không dè dặt. Một hôm, tình cờ run rủi ông nghe được một bài thuyết giáo về địa ngục của cha tôn kính Jaquemin Hérode, một bài thuyết giáo tuyệt vời từ đầu đến cuối đ ầy rẫy những văn bản tôn nghiêm chứng minh các hình phạt đời đời, những khổ hình, những tra tấn, những đày đọa, những trừng trị khắc nghiệt, những kiêu thiêu đốt không thôi, những lời nguyền rủa không bao giờ dứt, những cơn giận của đấng tối cao, những trận lôi đình của thượng đế, những cách trả thù của thần thánh, những chuyện không thể bác bỏ được, người ta nghe

thấy ông nói một cách dửng dưng lúc đi ra với một trong những tín đồ - Ông biết không, tôi có một ý nghĩ rất buồn cười. Tôi cứ tưởng là Chúa lòng lành lắm kia đấy.

Nguồn gốc vô thần ấy của ông do thời gian sống ở Pháp mà có.

Mặc dầu ông vốn là người Guernesey khá giàu tụy, trong đảo người ta vẫn thường gọi ông là: “ông người Pháp” vì tinh thần improper^[44] của ông. Bản thân ông cũng không phản đối chuyện ấy, ông tiêm nhiễm những tư tưởng quá khích. Lòng hăng say của ông trong việc đóng chiếc tàu chạy bằng hơi nước, chiếc Tàu Quý, đã chứng minh điều ấy. Ông nói: Tôi được bú sữa của năm 89^[45]. Đấy không phải là thứ sữa tốt.

Vả lại ông thường tạo ra những từ phản nghĩa. Ở những tỉnh rất nhỏ, rất khó giữ được toàn vẹn. Ở Pháp, giữ thể diện, ở Anh, được kính trọng, cuộc sống yên ổn đòi hỏi phải như vậy. Được kính trọng, đi đâu ấy đòi hỏi một loạt qui tắc, từ ngày Chúa nhật rất thần thánh hóa đến chiếc cà vạt tử tế. “Chớ để bị phỉ báng công khai”. Đấy lại thêm một điều khủng khiếp nữa. Bị phỉ báng công khai, đấy là bị rút phép thông công thu hẹp. Các thành phố nhỏ, nơi đây rầy mù mồm loa mép giải, rất giỏi trong cái trò độc ác cô lập này, nó là các tai họa nhìn qua ống nhòm. Những người dũng cảm nhất cũng phải sợ cái trò sỉ vả ấy. Người ta đương đầu với đại liên, với gió dữ, nhưng lại lùi bước trước bà Pimbêche. Mess Lethierry vốn ngoan cố hơn là có lý luận. Nhưng dưới áp lực ấy, tính ngoan cố của ông cũng chùn. Ông cho “nước vào rượu”, một thành ngữ khác đầy nhượng bộ kín đáo, và đôi khi xảy ra. Ông không muốn gần các vị tăng lữ, nhưng lại không cương quyết cấm cửa họ. Những dịp chính thức và những thời gian viếng thăm đã định của cha cố, ông tiếp đón một cách vừa phải, hoặc vị mục sư phái Luther hoặc ông tư tế phái Giáo Hoàng. Năm thì mười họa ông cũng đi

theo Déruchette đến giáo khu phái Anh quốc. Nhưng chúng tôi đã nói, chính cô cũng chỉ đến đây vào bốn dịp lễ lớn trong năm.

Kể ra những trò nhượng bộ khổ tâm ấy khiến ông đâm ra cáu kỉnh, và không những không làm ông ngã về phía các tầng lễ mà còn khiến ông thêm khó g ãn. Ông càng nhạo báng để bù lại. Con người không chua cay này chỉ khắc nghiệt về mặt ấy thôi. Ở đây không có cách nào sửa đổi được tâm tính của ông.

Thực sự và nhất định, đây là tính khí của ông, và đành phải chịu ông vậy.

Tầng lễ nào ông cũng đều không ưa. Ông mang trong mình cái chất bất kính cách mạng. Ông ít phân biệt kiểu thờ phụng này với thờ phụng khác. Ông không thừa nhận cả sự tiến bộ lớn này: không tin vào thực tế. Tính thiên cận của ông trong vấn đề này còn đi đến chỗ không nhìn thấy nét khác biệt giữa một mục sư và một thầy dòng. Ông lẫn lộn một thầy giảng đáng kính với một cha cố đáng kính. Ông nói: Wesley cũng chẳng hơn gì Loyola^[46]. Hễ thấy một mục sư đi qua cùng với vợ là ông ngoảnh mặt đi. Cha cố mà lấy vợ! Ông nói với cái giọng vô lý mà thời ấy mấy chữ này vẫn có ở nước Pháp. Ông kể chuyện, lần cuối cùng sang Anh chơi, ông đã được thấy “Giám mục phu nhân của Luân Đôn”. Ông phản đối kiểu hôn nhân này đến mức phẫn nộ. - Áo dài là không có lấy áo dài! - ông quát lên. Đối với ông, giao quy ền mang tính chất một giới tính. Ý ông muốn nói: “Chẳng phải đàn ông, chẳng phải đàn bà, cha cố”. Ông gán một cách khiếm nhã cho giới tăng lễ phái Anh giáo và cho giới tăng lễ phái Giáo Hoàng những tính từ khinh miệt giống nhau; ông cho cả hai chiếc “áo dài thâm” vào cùng một rọ; và ông không cần mất công thay đổi, khi nói về cha cố, bất kể họ là thế nào, phái Gia-tô hay phái Luther, những hoán dụ lính tráng

quen thuộc quen dùng thời ấy. Ông bảo với Druchette: “Cháu muốn lấy ai thì lấy, miễn là đừng lấy một thằng đội mũ chỏm”.

XIII VÔ TẬN CŨNG LÀ MỘT KHÍA CẠNH CỦA DUYÊN DÁNG

Một lời nói ra Mess Lethierry nhớ mãi, một lời nói ra Déruchette quên ngay. Đây là điểm khác nhau giữa ông chú và cô cháu.

Như chúng ta đã thấy, Déruchette vốn không quen chịu trách nhiệm. Chúng ta cần nhấn mạnh, trong một nền giáo dục không được chú trọng đúng mức có không ít nguy hại tiềm tàng. Muốn cho con cái sớm được sung sướng quá, đó có lẽ là một điều đại dột.

Déruchette nghĩ rằng chỉ cần mình bằng lòng là tất cả mọi chuyện đều tốt đẹp. Và lại cô thấy chú cô vui mỗi khi thấy cô vui. Gần như cô có những ý nghĩ của Mess Lethierry. Về mặt tín ngưỡng, cô cảm thấy thỏa mãn mỗi năm đến giáo khu bốn lần. Ta đã được thấy cô trong bộ cánh ngày lễ Giáng sinh rồi. Về cuộc đời, cô chẳng biết gì hết. Cô có tất cả những gì cần thiết để một ngày kia điên loạn vì yêu đương. Trong lúc chờ đợi, cô hơn hờ vui tươi.

Cô hát lung tung, cô nói lung tung, cô sống qua ngày, cô buông ra một tiếng rồi bỏ đi, cô làm một việc gì đấy rồi chạy trốn, thật là đáng yêu. Các bạn cứ thêm vào đấy cái chất tự do kiểu Anh-Cát-Lợi. Ở Anh trẻ con đi một mình, con gái làm chủ bản thân, thanh niên không bị ràng buộc. Phong tục là như vậy. Sau đó các cô gái tự do ấy trở thành những người đàn bà nô lệ. Ở đây chúng tôi dùng hai chữ ấy với khía cạnh tốt, tự do trong trường thành, nô lệ trong bốn phận.

Mỗi sáng Déruchette thức dậy, không có ý thức gì đến hành động ngày hôm trước của mình. Nếu hỏi cô đã làm gì tuần trước, có lẽ các bạn sẽ làm cô bối rối. Điều đó không ngăn cản cô, vào những giờ phút u ám, cũng có một chút lo âu huyền bí, và cảm thấy đen tối của cuộc đời lướt qua trên sự nảy nở và niềm vui của mình. Những khoảng trời xanh ấy thường có những đám mây như vậy. Nhưng những đám mây ấy cũng sớm tan bay. Cô thoát khỏi chúng bằng một tiếng cười vang. Cô không rõ tại sao mình buồn, cũng không biết tại sao mình lại trong sáng. Cô vui đùa với tất cả mọi thứ. Tính nghịch ngợm của cô mỗ cả vào khách qua đường. Cô trêu ghẹo đám con trai. Giá có gặp quý sứ, chắc cô cũng chẳng thương hại gì nó, cô cũng cho nó một vố. Cô xinh, cô đẹp, đồng thời cô vô tâm đến mức lạm dụng cả điểm ấy. Cô ban phát nụ cười cũng như một chú mèo con xòe móng ra tát. Mặc xác kẻ bị cào. Cô không nghĩ đến chuyện ấy nữa. Đối với cô không có ngày hôm qua, cô sống trong cảnh trọn vẹn của ngày hôm nay. Hạnh phúc quả là như vậy đấy. Ở Déruchette ký ức bay biến như tuyết tan.

QUYỀN BỐN

CÁI KÈN DA

I

NHỮNG ÁNH ĐỎ ĐẦU TIÊN CỦA MỘT CẢNH BÌNH MINH, HAY CỦA MỘT ĐÁM CHÁY

Gilliatt chưa bao giờ nói chuyện với Déruchette. Anh biết cô vì đã trông thấy cô từ xa, như kiểu người ta biết sao mai.

Thời kì mà Déruchette gặp Gilliatt trên con đường từ Saint-Pierre-Port đến Valle và đã viết tên anh lên tuyết khiến anh phải ngạc nhiên, cô đang độ mười sáu tuổi xuân. Đúng hôm trước, Mess Lethierry đã bảo cô: Cháu đừng chơi những trò trẻ con nữa. Cháu là con gái lớn rồi.

Cái tên ấy, Gilliatt do cô gái kia viết, đã rơi vào một nơi sâu thẳm nào đó.

Đối với Gilliatt, đàn bà là gì? Bản thân anh có lẽ cũng không thể nói được. Mỗi khi anh gặp một người đàn bà, anh đều làm cho người ấy sợ. Bất đắc dĩ lắm anh mới nói chuyện với một người đàn bà. Anh chưa bao giờ là “nhân tình” của một cô gái quê nào cả. Mỗi khi anh đi một mình trên đường mà gặp một người đàn bà đi ngược lại là anh trèo qua bờ giậu một mảnh vườn hoặc chui vào một bụi rậm và đi thẳng. Anh tránh cả các bà già. Trong đời anh đã có lần anh gặp một người đàn bà Paris. Đối với Guernesey vào thời kỳ xa xưa ấy, một phụ nữ Paris ghé thăm là một sự kiện kỳ lạ. Và Gilliatt đã nghe bà Paris ấy kể tai họa của bà bằng những từ sau đây: “Bực quá, tôi vừa bị mấy giọt mưa vào mũ, nó màu vàng mơ, một màu rất sợ hoen ô”. Sau đó ít lâu, anh thấy giữa một quyển sách một bức

tranh thời trang cũ, vẽ “một bà trên đường phố d’Antin” ăn mặc rất sang trọng, anh đã dán tờ tranh lên tường để hồi nhớ lại lần xuất hiện kia. Những chiều mùa hè, anh thường nấp sau những tảng núi của vũng Houmes-Paradis để xem các cô gái nông dân mặc áo lót tắm biển. Một hôm, xuyên qua hàng rào, anh đã nhìn mục phù thủy Torteval sửa lại chiếc nịt bít tất của mục. Có lẽ anh là trai tân.

Buổi sáng lễ Giáng sinh mà anh gặp Déruchette và cô vừa cười vừa viết tên anh, anh liền trở về nhà, không hiểu tại sao mình ra khỏi nhà nữa. Đến đêm anh không ngủ. Anh nghĩ ngợi hàng trăm chuyện; rằng nên trồng củ cải đỏ trong vườn; rằng việc trưng bày là tốt; rằng anh không thấy chiếc tàu Serk đi qua; có việc gì xảy ra cho chiếc tàu không; rằng anh đã thấy bạch vạn niên ra hoa, một điều hiếm có mùa này. Anh chưa bao giờ biết đích xác bà già đã chết là thế nào với anh, anh tự nhủ chắc bà phải là mẹ anh, và anh nghĩ đến bà với một niềm yêu thương gấp bội. Anh nghĩ đến bộ cánh phụ nữ trong chiếc hòm da. Anh nghĩ rằng cha tôn kính Jaquemin Hérode có lẽ một ngày nào đó sẽ được cử làm thầy cả của Saint-Pierre-Port, quyên giám mục, và chức mục sư Saint-Sampson sẽ khuyết. Anh nghĩ đến việc hôm sau lễ Giáng sinh sẽ là ngày hai mươi bảy âm lịch và như thế thì thủy triều sẽ lên vào lúc ba giờ hai mươi một phút, rút nửa chừng vào lúc bảy giờ mười lăm, thủy triều xuống vào lúc chín giờ ba mươi phút, và lên nửa chừng vào lúc mười hai giờ ba mươi chín phút. Anh nhớ đến từng chi tiết nhỏ bộ quần áo của anh chàng miền núi đã bán cái kèn da cho anh, đến cái mũ không vành có đính chiếc lá gai, đến thanh trường kiếm, đến chiếc áo chên vạt vuông và ngắn, đến chiếc váy ngắn của y gọi là Scilt hay philaberg lủng lảng thêm cái túi Sporrán và cái smushing-mull, loại túi đựng thuốc bằng sừng, đến cái ghim của y làm bằng một viên đá Scotland,

đến hai sợi thắt lưng sashwise và belts, đến thanh kiếm swond, đến con dao dirck và cái skene dhu, một loại dao đen cán đen trang trí thêm hai cairgorum, và đến hai đầu gối tr`ân của anh lính, đến đôi bút tất dài, đến bộ xà cạp kẻ ô vuông và đôi giày có khóa của y. Bộ cánh ấy trở thành một bóng ma, đuổi theo anh, làm anh phát sốt và thiếp đi. Sáng trắng anh mới tỉnh dậy và ý nghĩ đầu tiên của anh lại hướng về Déruchette.

Hôm sau, anh ngủ được nhưng suốt đêm lại mê thấy anh lính Scotland. Trong cơn mê, anh lầm bầm rằng sau lễ Giáng sinh, Tòa án sẽ họp vào ngày hai mươi một tháng giêng. Anh cũng mê thấy hiệu trưởng già Jaquemin Hérode. Tỉnh dậy, anh lại nghĩ tới Déruchette và rất tức với cô, anh tiếc rằng mình không còn là trẻ con để đến ném đá vào cửa kính nhà cô.

Rồi anh nghĩ đến nếu anh còn bé, anh sẽ có mẹ, thế là anh lại ng ỡ khóc thút thít.

Anh cũng định đi Chousey hay Minquiers, ở đấy ba tháng. Tuy vậy, anh cũng không đi.

Anh không đặt chân đến con đường từ Saint-Pierre-Port tới Valle nữa.

Anh hình dung tên anh, Gilliatt vẫn nằm mãi đấy, vạch trên mặt đất, và tất cả mọi người qua đường phải nhìn vào đấy.

II TỪNG BƯỚC, TỪNG BƯỚC ĐI VÀO CHỖ XA LẠ

Bù lại, ngày nào anh cũng trông thấy ngôi nhà Bravées. Anh không chú bụng, nhưng anh thường đi về phía ấy. Tình cờ lối anh đi luôn luôn phải đi qua con đường mòn men theo bức tường vườn của Déruchette.

Một buổi sáng nọ, anh đang trên con đường mòn ấy thì một bà ở chợ từ Bravées v ề nói với một bà khác: Cô Lethierry rất thích seakales.

Thế là anh làm ngay một cái hố trồng seakales trong mảnh vườn của anh ở Bû de la Rue. Seakales là một thứ bắp cải có hương vị m ặng tây.

Bức tường vườn ngôi nhà Bravées rất thấp, có thể bước qua được. Anh thấy ý nghĩ bước qua tường có vẻ ghê sợ. Nhưng không ai cấm anh nghe lúc đi qua, cũng như tất cả mọi người, những giọng người nói trong các phòng hoặc trong vườn. Anh không lắng tai nhưng anh nghe thấy. Một bận, anh nghe hai cô đ ầy tớ Douce và Gr ắce cãi nhau. Đ ấy là một tiếng động trong ngôi nhà. Tiếng cãi nhau ấy lưu lại trong anh như một tiếng nhạc.

Một lần khác, anh nhận thấy một giọng nói không giống giọng những người khác, và anh thấy hình như phải là giọng nói của Déruchette. Anh liền chạy trốn.

Những lời nói do cái giọng đó thốt lên cứ mãi mãi khắc sâu vào tâm trí anh. Lúc nào anh cũng nhắc đi nhắc lại những lời ấy: Chị làm ơn cho tôi cái chổi.

Từng bước, từng bước, anh trở nên bạo dạn. Anh dám đứng lại. Tình cờ một lần Déruchette ng ồi đàn piano và hát, ở ngoài không thể nhìn thấy cô mặc d ầu cửa sổ mở. Cô hát bài Bonny Dundee yêu thích của cô. Anh tái mét cả mặt, nhưng anh quả quyết đứng lại nghe.

Mùa xuân đến. Một hôm Gilliatt bỗng có một ảo ảnh; trời xanh mở rộng. Gilliatt trông thấy Déruchette tưới rau diếp.

Chẳng bao lâu anh không ch ờ đứng lại. Anh quan sát các thói quen của cô, anh để ý đến giờ giấc của cô, và anh ch ờ đợi cô.

Anh cố ý không để cho ai trông thấy anh.

Dần dần, đồng thời với các lùm cây tràn ngập bướm bướm và hoa hồng, im lìm và âm lặng suốt hàng giờ, nấp sau bức tường ấy, không một ai trông thấy, cố nín hơi thở, anh quen với việc Déruchette đi lại trong vườn. Con người vẫn quen dần với thuốc độc.

Đứng trong chỗ nấp, anh thường nghe được Déruchette nói chuyện với Mess Lethierry dưới một vòm cây xanh rậm rạp nơi có một chiếc ghế dài. Tiếng nói vẳng đến chỗ anh rất rõ.

Biết bao chặng đường anh đã vượt qua! Giờ đây anh đã đến chỗ rình mò và lắng tai nghe ngóng. Than ôi! Trái tim con người là một tên gián điệp già.

Còn một chiếc ghế dài khác, dễ thấy và rất gần, bên lềm một lối đi. Thỉnh thoảng Déruchette ng ẩ ở đấy.

Qua các loại hoa mà anh thấy Déruchette hái và ngửi, anh đã đoán được sở thích của cô về mặt hương hoa. Hoa lý là thứ hoa cô ưa thích nhất, rồi đến cẩm chướng, rồi kim ngân, rồi hoa nhài. Hoa hồng chỉ đứng hàng thứ năm. Cô nhìn hoa huệ, nhưng cô không ngửi.

Qua việc lựa chọn hương hoa ấy, Gilliatt xây dựng con người có trong tư tưởng anh. Qua mỗi hương hoa anh liên tưởng đến một ưu điểm.

Chỉ riêng ý nghĩ ngỏ lời với Déruchette đã làm anh dựng tóc gáy lên rồi.

Một bà già buôn đồ cũ hiên lành, do nghề nghiệp đi rong, thỉnh thoảng lại đến con đường hẻm men theo khu vườn Bravées mang máng nhận thấy Gilliatt hay lui tới chỗ bức tường và ham thích nơi hẻo lánh này. Bà ta liên hệ sự có mặt của người đàn ông trước bức tường với khả năng có một

người đàn bà sau bức tường không? Bà ta có nhận thấy sợi dây vô hình mỏng manh kia không? Trong cảnh già nua khốn khổ của mình, bà có còn đủ trẻ trung để hình tưởng lại đôi chút những tháng năm đẹp đẽ, và trong cảnh đông tàn đêm tối của mình, bà còn có biết thế nào là bình minh không? Điêu ấy chúng tôi không rõ lắm, nhưng hình như có lần đi qua cạnh Gilliatt đang “đứng gác”, bà hướng vào anh tất cả những nụ cười tàn còn lại, và lẩm bẫm qua hai hàng lợi: nóng lắm rồi!

Nghe mấy lời đó, Gilliatt sừng sốt, lẩm bẫm với một dấu hỏi trong bụng: - Nóng lắm rồi? Bà già ấy định nói gì? Suốt ngày anh nhắc đi nhắc lại câu nói một cách máy móc nhưng không hiểu nổi.

Một tối nọ, anh đang đứng ở cửa sổ nhà anh tại Bû de la Rue, bỗng có năm sáu cô thanh nữ ở Ancresse nhân vui đùa xuống tắm chỗ vũng Houmet. Các cô đùa nghịch rất ngây thơ dưới nước cách chỗ anh độ một trăm bước. Anh vội sập cửa sổ lại. Anh chợt nhận thấy là một người đàn bà trần truồng làm anh ghê tởm.

III

ĐIỀU BONNY DUNDEE GẶP ĐƯỢC MỘT ÂM VANG TRÊN ĐỒI

Phía sau khu vườn Bravées có một góc tường um tùm ô-rô và trường xuân, ngồn ngồn tằm ma, với một cây cẩm quỳ dại, và một cây đuôi hồ to mọc trong đó, chính ở cái xó đó anh đã ngủ gục suốt mùa hè. Anh ngủ ở đây, trằn ngâm một cách khó tả. Những con rắn mối, quen với anh, cũng phơi mình ra nắng trên những hòn đá ấy.

Trời hè rực rỡ mơn trớn vượt ve. Trên đầu Gilliatt, mây trôi lơ lửng. Anh ngủ trên một hòn đá trong cỏ. Xung quanh rộn rã tiếng chim. Hai tay

ôm trán, anh tự hỏi: Nhưng tại sao cô ta lại viết tên mình lên tuyết kia chứ? Gió biển cuốn ra xa những tiếng thở dài. Chốc chốc trên công trường đá Vaudue xa xa, tiếng tù và thợ mỏ lại đột ngột rúc lên, báo hiệu cho người qua đường tránh xa và một phút mìn sắp nổ. Người ta không nhìn thấy cảng Saint-Sampson, nhưng vẫn thấy những đỉnh cột buồm trên các ngọn cây. Hải âu bay lượn tán mác. Gilliatt có nghe mẹ nói rằng đàn bà cũng có thể phải lòng đàn ông, rằng chuyện ấy đôi khi cũng xảy ra. Anh tự trả lời: Ra thế đấy. Ta hiểu rồi. Déruchette phải lòng ta. Anh cảm thấy rất chi là buồn bã. Anh tự nhủ: Nhưng cả cô ấy, cô ấy cũng tơ tưởng đến ta; thế là hay lắm. Anh ngẫm nghĩ đến chuyện Déruchette giàu có, còn anh thì nghèo. Anh nghĩ rằng chiếc tàu hơi nước là một sáng chế kinh tởm. Không bao giờ anh có thể nhớ được hôm nay là mừng mấy. Anh lơ đãng nhìn những con ong đất mình đen, lông vàng, cánh ngắn, đang vù vù chui vào những cái lỗ trên tường.

Một đêm nọ, Déruchette vào nhà đi ngủ. Cô đến gần cửa sổ để đóng lại. Trời đêm mịt mù. Thành linh Déruchette lắng tai. Trong bóng tối sâu thẳm vắng vắng có tiếng nhạc. Một người nào đó có lẽ ở trên sườn đồi, hay ở chân mấy ngọn tháp của lâu đài Valle, hoặc có thể xa hơn nữa, đang chơi một bài nhạc trên một nhạc cụ. Déruchette nhận ra bản nhạc buồn ưa thích Bonny Dundee của mình, thổi bằng kèn da. Cô không hiểu ra sao cả.

Từ đó, thỉnh thoảng vào giờ ấy, tiếng nhạc lại vắng vắng, nhất là những đêm thật tối trời.

Déruchette không thích chuyện ấy lắm.

ĐỐI VỚI ÔNG CHỦ VÀ VỊ GIÁM HỘ, NHỮNG CON NGƯỜI HIỀN
LÀNH ÍT NÓI, NHẠC CHIỀU LÀ NHỮNG TIẾNG ẦM Ĩ ĐÊM KHUYA
(THƠ CỦA MỘT HÀI KỊCH CHƯA IN)

Bốn năm trôi qua.

Déruchette đã gần hai mươi một tuổi và vẫn không lấy chồng.

Một người nào đấy đã viết không biết ở đâu: - Một ý nghĩ cố định là một mũi khoan. Mỗi năm nó xoáy sâu thêm một vòng. Nếu muốn nhổ bật nó ra hộ ta năm đầu tiên, người ta sẽ kéo tóc ta; năm thứ hai, người ta sẽ làm rách da thịt ta; năm thứ ba, người ta sẽ làm gãy xương ta; năm thứ tư, người ta sẽ rút óc ta ra.

Gilliatt đang ở vào cái năm thứ tư ấy.

Anh vẫn chưa nói một lời nào với Déruchette. Anh chỉ tơ tưởng đến người con gái kì diệu kia. Có thể thôi.

Tình cờ một hôm, ở Saint-Sampson, anh được thấy Déruchette nói chuyện với Mess Lethierry trước cái cửa ngôi nhà Bravées nhìn xuống lòng đường bên cảng. Gilliatt đánh liều đến thật gần. Anh tin chắc rằng lúc anh đi qua cô ta đã mỉm cười. Chuyện ấy chẳng có gì là vô lý.

Déruchette thỉnh thoảng vẫn được nghe tiếng kèn da.

Tiếng kèn ấy, Mess Lethierry cũng nghe. Cuối cùng ông nhận thấy tiếng nhạc ấy cứ dai dẳng dưới cửa sổ Déruchette. Tiếng nhạc du dương, nên càng nghiêm trọng. Ông vốn không thích một gã trai lơ đi đêm. Ông muốn gã chồng cho Déruchette đúng lúc, khi nào cô ưng và khi nào ông muốn, một cách trong sạch và đơn giản, không tiêu thuyết, không đàn sáo. Sốt ruột, ông rình và ông tin chắc là đã thấp thoáng thấy Gilliatt. Ông lừa

móng tay vào bộ râu quai nón, dấu hiệu của tức giận, và lẩm bằm: Chẳng súc sinh, hà có gì mà nó lại thối kèn? Rõ ràng nó yêu Déruchette. Mà chỉ mất thì giờ thôi. Chẳng nào muốn lấy Déruchette; là phải hỏi ta chứ không phải là thối kèn.

Một sự kiện quan trọng dự kiến từ lâu diễn ra. Người ta loan báo cha tôn kính Jaquemin Hérode được cử quyên giám mục Winchester, thầy cả của đảo và mục sư Saint-Pierre-Port, và ông sẽ rời Saint-Sampson đi Saint-Pierre ngay sau khi tìm được người thay thế.

Ông mục sư mới trước sau cũng đến. Vị mục sư này là một người thuộc tầng lớp thượng lưu gốc Normandie, ông Joë Ebenezer Caudray, gọi theo tiếng Anh là Cawdry.

Về ông mục sư tương lai, người ta có được những chi tiết mà thiện cảm và ác cảm bình luận trái ngược nhau. Người ta bảo ông còn trẻ và nghèo, nhưng tuổi trẻ của ông được chiêm chước bởi nhiều đạo lý và hoàn cảnh nghèo của ông do nhiều hy vọng. Trong ngôn ngữ chuyên môn sáng tạo cho việc thừa tự và giàu sang, cái chết được gọi là hy vọng. Ông ta là cháu và là người thừa kế của vị thầy cả già giàu có ở Saint-Asaph. Vị thầy cả này mà chết thì ông ra sẽ giàu có. Ông Ebenezer Caudray có những họ hàng quyên quí, ông gần như có quyên có tư cách là người danh giá. Còn về mặt đạo lý của ông, người ta đánh giá có khác nhau. Ông theo giáo phái Anh quốc, nhưng theo từ ngữ của giám mục Tillotson, rất “phóng túng” nghĩa là rất nghiêm ngặt. Ông rất ghét tính đạo đức giả, ông đứng về phái Trưởng Lão hơn là phái Thành Công Hội. Ông mơ ước đến giáo hội nguyên thủy, trong đó Adam có quyên chọn Ève, và Frumentanus, giám mục d’Hiéropolis, bắt cóc một người con gái để làm vợ và nói với bố mẹ: Nàng muốn thế và tôi muốn thế, ông không còn là cha nàng nữa và bà không còn là mẹ nàng nữa,

tôi là thiên thần của d'Hiérapolis, và cô gái này là vợ tôi. Cha chính là Chúa. Nếu phải tin vào lời người ta nói thì ông Ebenezer Caudray thay thế câu Hãy hiếu kính cha mẹ người^[47] bằng câu theo ông thì cao hơn: Người đàn bà là máu thịt của người đàn ông. Người đàn bà sẽ từ già bố mẹ để theo chồng. Và lại khuynh hướng khoan hẹp phụ quyền và thành kính dành ưu tiên cho tất cả mọi hình thức tạo nên quan hệ vợ chồng là thích hợp với toàn bộ Tân giáo, đặc biệt nhất ở nước Anh và lạ lùng nhất ở nước Mỹ.

V

THÀNH CÔNG CHÍNH ĐÁNG BAO GIỜ CŨNG BỊ THÙ GHÉT

Đây là bản quyết toán của Mess Lethierry vào lúc ấy. Tàu Durande đã giữ đúng tất cả những lời cam kết. Mess Lethierry đã trả hết công nợ, bù đắp được tổn thất, thanh toán những khoản vay ở Brême, nhìn thẳng vào những hạn kỳ ở Saint-Malo. Ông đã chuộc xong ngôi nhà Brayées, ông đã mua lại tất cả những khoản lợi tức địa phương đăng ký vào ngôi nhà này. Ông là chủ một công cụ sản xuất lớn, tàu Durande. Lợi tức thực sự của chiếc tàu hiện nay là một nghìn livre xteclinh và mỗi ngày một tăng. Nói cho đúng thì tàu Durande là toàn bộ tài sản của ông. Nó cũng là tài sản của địa phương. Việc chuyên chở bò là một trong những món lợi to lớn nhất của chiếc tàu, cho nên để cải tiến việc sắp xếp hàng và để thuận tiện việc bò ra vào, người ta đã phải bỏ hết những giá treo và hai chiếc canô. Có lẽ đây là một chuyện đại dột. Tàu Durande chỉ còn mỗi một xuồng con, chiếc xà-láp. Chiếc xà-láp đúng là tốt thật.

Từ ngày xảy ra vụ lừa đảo của Rantaine, mười năm đã trôi qua.

Việc phát đạt của tàu Durande có một mặt yếu là nó không gây được tin tưởng; người ta cho đây là một chuyện mắc may. Trường hợp của Mess Lethierry chỉ được chấp nhận như một người ngoại lệ. Ông được xem như đã làm một chuyện điên rồ may mắn. Ở Cowes, trên đảo Wight, có người bắt chước ông nhưng đã không thành công. Việc thử thách đã làm phá sản các cố đồng. Lethierry nói: Vì cỗ máy chế tạo không tốt. Nhưng người ta lắc đầu. Những chuyện mới mẻ thường bị chống đối vì mọi người ác cảm với chúng; hơi lỗ bước là hỏng ngay. Một trong những tay có uy tín về buôn bán của quần đảo Normandie, tay chủ ngân hàng Jauge, ở Paris, được hỏi ý kiến về việc kinh doanh tàu hơi nước, nghe nói đã ngoảnh lưng trả lời: Các vị đừng hì với tôi một việc chuyển hoán. Chuyển hoán tiền ra khỏi. Trái lại, các tàu buồm muốn bao nhiêu vốn cũng có. Tư bản kiên quyết ủng hộ buồm chống lại nỡ hơi. Tại Guernesey, tàu Durande là một việc hiển nhiên, nhưng hơi nước không phải là một nguyên tắc. Đây là tính quyết liệt của phủ nhận trước tiến bộ. Người ta nói về Lethierry: Tốt thôi, nhưng lão chẳng làm lại lần thứ hai đâu. Không những không khuyến khích, gương sáng của ông còn khiến người ta sợ hãi. Chẳng ai dám liêu một chiếc tàu Durande thứ hai.

VI

VẬN MAY CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐẮM TÀU KIA LÀ GẶP ĐƯỢC CHIẾC DUYÊN THUYỀN ẤY

Tiết cân phân trên biển Manche thường đến sớm. Đây là một loại biển hẹp ngăn cản gió trời và làm cho nó phần nộ. Ngay từ tháng hai, đã bắt đầu có gió tây, và bốn bề đều nổi sóng. Việc đi lại trên biển trở thành mối lo ngại, dân duyên hải nhìn cột buồm hiệu; người ta lo ngại cho những thuyền

bè có thể lâm nguy. Biển cả thành như cạm bẫy; một tiếng kèn vô hình báo hiệu một cuộc chiến đấu nào đấy không biết; những hơi thở dài giận dữ đảo lộn chân trời; trời nổi một cơn gió khủng khiếp. Bóng tối rít thổi ào ào. Trong cảnh trời mây thăm thẳm, bộ mặt đen sì của bão táp đang phồng mang trợn mắt.

Gió là một mối nguy; sương mù lại là một mối khác.

Thời đại nào người đi biển cũng đều sợ sương mù. Trong một số trường hợp sương mù người ta thấy lơ lửng những lăng trụ bằng đá li ti mà Mariotte cho là nguồn gốc của những hiện tượng, quầng, ảo nhật và tán mặt trăng. Những thứ sương mù mà tạo ra bão táp rất phức tạp; nhiều thứ hơi khác nhau, trọng lực riêng không đồng đều, hòa hợp với hơi nước, và chúng chất lên nhau theo một trật tự phân chia sương mù thành nhiều tầng và làm cho sương mù trở thành một hệ thống thật sự, dưới cùng là iốt, trên iốt là lưu huỳnh, trên lưu huỳnh là brom, trên brom là phốt pho. Điêu này, trong một chừng mực nào đó, trừ phần điện áp và từ áp, giải thích được nhiều hiện tượng, ngọn lửa Saint-Ele của Colomb và của Magellan, những sao sa lẫn vào thuyền bè mà Sénèque nói đến, hai ngọn lửa Castor và Pollux mà Plutarque đã đề cập, đạo quân La Mã mà César tưởng như thấy càn toàn lao bốc lửa, ngọn thương của lâu đài Duino trong Frioul mà anh lính canh làm lóa sáng lúc chạm giáo của mình vào, và có lẽ cả những tia chớp nguồn từ dưới mà người xưa gọi là “chớp đất của Thổ tinh”. Ở vùng xích đạo, có một đám mây mù to thường xuyên dường như thắt quanh quả đất, đây là vòng Cloud-ring, chiếc nhẫn mây. Vòng Cloud-ring có nhiệm vụ làm lạnh vùng chí tuyến, cũng như luồng hải lưu Gulf-Stream có nhiệm vụ hâm nóng địa cực. Dưới vòng Cloud-ring, không sao tránh khỏi sương mù. Đây là những vĩ độ ngựa, horse latitude, ở đây người đi biển của các thế kỷ

vừa qua, thường quăng ngưa xuống biển, lúc trời bão để cho nhẹ bớt, lúc gió lặng để tiết kiệm số nước dự trữ. Colomb nói: *Nube abaxo es muerte*, “Mây thấp là cái chết”. Người Étrusques^[48], họ đối với ngành khí tượng cũng như người Chaldéens^[49] đối với ngành thiên văn, có hai chức chủ giáo, giáo chủ của sấm và giáo chủ của mây; các ông lòi sĩ quan sát sấm chớp và các ông aquilèges quan sát sương mù. Đoàn các cha cố giải mộng. Tarquinies thường được người Tyri, người Phénicie, người Pélasges và tất cả những người đi biển ngày trước của xứ Marinterne cổ xưa hỏi ý kiến. Thời ấy người ta đã thoáng thấy được cách hình thành của bão táp; nó có liên quan chặt chẽ với cách hình thành sương mù, và nói cho đúng, đều cùng một hiện tượng. Trên đại dương có ba vùng sương mù, một ở xích đạo, hai ở địa cực; cánh thủy thủ chỉ gọi chúng bằng một tên duy nhất: Cái hũ nút.

Trong tất cả các vùng lân cận và nhất là trên biển Manche, sương mù tiết cân phân rất nguy hiểm. Chúng đột nhiên tạo ra đêm tối trên biển cả. Một trong những mối nguy hại của sương mù, ngay cả lúc nó không đến nỗi dày lảm, là không cho nhận thấy sự thay đổi đáy biển qua sự thay đổi màu nước, vì vậy mà nó che giấu một cách đáng sợ việc tiếp cận các bãi ngầm và chỗ cạn. Người ta đến gần một tảng đá ngầm mà chẳng có gì báo trước. Thông thường sương mù chỉ để cho thuyền bè đang chạy mỗi một phương kế là hạ buồm đứng lại hoặc thả neo. Có bao nhiêu tai nạn đắm tàu vì gió là có bấy nhiêu tai nạn đắm tàu vì sương mù.

Thế mà, sau một trận cuồng phong rất mạnh tiếp theo một trong những ngày sương mù ấy, chiếc bưu thuyền men biển Cashmere từ nước Anh đến rất an toàn. Nó vào Saint-Pierre-Port khi tia nắng đầu tiên nhô lên khỏi biển cả, đúng giữa lúc lâu đài Cornet bắn phát súng chào đón hùng dương. Bờ

trời trong sáng. Thuyền Cashmere được đón chờ vì nó đưa ông mục sư mới của Saint-Sampson tới. Thuyền đến được một lúc thì trong thành phố được biết tin đêm hôm qua có một chiếc xà-lúp cập sát vào nó, chứa một tốp thủy thủ đắm tàu.

VII VẬN MAY CỦA KẸ NHÀN DU ẤY LÀ ĐƯỢC NGƯỜI ĐÁNH CÁ KIA TRÔNG THẤY

Đêm hôm ấy, lúc gió đã lặng, Gilliatt đi câu, nhưng anh cũng không cho thuyền bâu ra khỏi bờ quá xa.

Khi anh quay về, lúc thủy triều đang lên, vào quãng hai giờ trưa, nắng rất đẹp, đi qua trước cái Sừng Thú để về chỗ tiêu loan Bû de la Rue, anh thấy trong hình chiếu của chiếc ghế Gild-Holm-‘Ur hình như có một cái bóng đổ không phải bóng của ngọn núi. Anh để mặc cho thuyền trôi về phía ấy, và anh nhận ra có một người đang ngồi trên chiếc ghế Gild-Holm-‘Ur. Nước triều đã dâng rất cao, hòn núi đã bị sóng biển bao quanh, không còn cách nào trở về được nữa. Gilliatt liền vung tay rồi rít cho người ấy.

Người ấy vẫn ngồi im. Gilliatt đến gần. Người ấy đã ngủ quên.

Người ấy mặc đồ đen. Có vẻ là một cha cố - Gilliatt nghĩ thế. Anh đến gần hơn nữa, và thấy một bộ mặt thanh niên.

Đối với anh, bộ mặt này xa lạ.

Hòn núi may sao lại thẳng đứng nên chỗ ấy rất sâu. Gilliatt liền lách khéo và men theo được vách núi. Thủy triều dâng chiếc thuyền lên khá cao

nên Gilliatt có thể nhón chân trên mép thuyền để chạm vào bàn chân người kia. Anh liền nhón chân đứng trên mạn thuyền và đưa tay lên. Nếu lúc ấy anh ngã thì cũng khó mà ngoi lên được mặt nước. Sóng đang vỗ mạnh. Giữa chiếc thuyền bèo và ngọn núi không thể tránh khỏi quật nát.

Anh kéo chân người đang ngủ.

- Này, ông làm gì đấy?

Người ấy chợt tỉnh, nói:

- Tôi đang ngắm cảnh. Rồi tỉnh hẳn, nói tiếp:

- Tôi mới tới địa phương này, nhân lúc dạo chơi tôi đến đây, suốt đêm tôi ngồi ngoài biển, tôi thấy cảnh đẹp, tôi mệt quá, tôi ngủ quên.

- Mười phút nữa là ông chết đuối, - Gilliatt nói.

- Chết thật!

- Ông nhảy ngay xuống thuyền tôi đi.

Gilliatt lấy chân giữ thuyền, một tay bám chắc vào núi, tay kia chìa cho người mặc đồ đen, ông ta nhẹ nhàng nhảy xuống thuyền. Đó là một thanh niên rất đẹp trai.

Gilliatt cầm lấy bơi chèo, và hai phút sau chiếc thuyền bèo đã đến vũng Bû de la Rue.

Người thanh niên đội mũ tròn, thắt cà vạt trắng. Tắm áo sơ-đanh-gốt đen dài cài khuy đến tận cổ. Ông ta có mái tóc nâu như vành miện, nét mặt đàn bà, con mắt trong sáng, dáng vẻ uy nghiêm.

Trong khi ấy chiếc thuyền đã chạm đất liền. Gilliatt luồn dây cáp vào khoanh sắt buộc thuyền, rồi quay lại, và thấy bàn tay trắng muốt của người

trai trẻ chìa ra cho anh một đồng tiền vàng.

Gilliatt khẽ gạt bàn tay ấy ra.

Một giây lát im lặng. Người trai trẻ nói trước:

- Ông đã cứu sống tôi.

- Có lẽ. - Gilliatt đáp.

Thuyền đã buộc xong. Hai người ra khỏi thuyền.

Người trai trẻ lại nói:

- Thưa ông, tôi còn sống là nhờ ông đấy.

- Thế thì có làm sao?

Sau câu trả lời của Gilliatt lại tiếp theo một giây lát im lặng.

- Ông có phải người của giáo khu này không? - người trai trẻ hỏi.

- Không - Gilliatt đáp.

- Vậy ông thuộc giáo khu nào?

Gilliatt đưa bàn tay phải chỉ lên trời và nói:

- Giáo khu kia.

Người trai trẻ chào anh và chia tay với anh.

Được mấy bước, người trai trẻ dừng lại, tìm trong túi, lấy ra một cuốn sách, và vừa trở lại vừa chìa cuốn sách cho anh.

- Cho phép tôi được tặng ông món này.

Gilliatt cầm lấy cuốn sách.

Đấy là một cuốn Kinh Thánh.

Một lát sau, Gilliatt, tì tay trên lan can nhà, nhìn người trai trẻ đi rẽ chỗ góc con đường mòn dẫn về Saint-Sampson.

Dần dần anh gục đầu xuống, quên mất người mới tới không biết cái ghế Gild-Holm-‘Ur có hay không nữa, và đối với anh mọi vật đều biến mất, chìm ngập trong cảnh mơ màng không đáy.

Giliatt có một vực thăm là Déruchette.

Một giọng nói gọi anh, chợt kéo anh ra khỏi bóng tối ấy:

- Ê, Gilliatt!

Anh nhận ra ngay giọng nói và ngược mắt lên.

- Có việc gì thế Sieur Landoys?

Đúng là Sieur Landoys đang đi qua đường cách Bû de la Rue độ một trăm bước, trong chiếc xe ngựa bốn bánh đóng con ngựa con. Ông ta dừng lại để gọi Gilliatt, nhưng hình như ông ta bận việc và đang vội.

- Có chuyện lạ đấy, Gilliatt ạ.

- Ở đâu kia?

- Ở Bravées.

- Gì thế?

- Xa quá không kể cho anh nghe được đâu.

Gilliatt rợn người.

- Cô Déruchette lấy chồng phải không?

- Không. Còn lâu.

- Thế ông muốn nói gì?

- Cứ đến Bravées đi. Anh khắc rõ.

Nói xong Sieur Landoys ra roi quất ngựa.

QUYỂN NĂM

KHẨU SÚNG LỤC

I

TRÒ CHUYỆN TRONG QUÁN ÔNG JEAN

Sieur Clubin là người đang chờ đợi một cơ hội.

Ông ta nhỏ người, nước da vàng vàng, sức khỏe như bò mộng. Biển cả đã không làm rám nổi ông ta. Da thịt ông ta như thể bằng sáp ong. Ông ta giống màu một cây nến và trong mắt ông ta có cái ánh kín đáo của nó. Trí nhớ của ông gần như không thể nhầm lẫn và hết sức đặc biệt. Nhìn thấy ai một lần, là ông ta nhớ mãi người ấy, như ghi vào sổ. Cái nhìn nhanh gọn ấy nắm rất chặt. Con người ông chụp ảnh một khuôn mặt và lưu giữ lại nó; khuôn mặt tha hồ già đi, Sieur Clubin vẫn nhận ra nó. Không thể nào đánh lạc hướng được cái kỷ niệm dai dẳng đó. Sieur Clubin ít nói, thanh đạm, lạnh lùng, không bao giờ giơ tay giơ chân. Vẻ mặt ngay thật của ông ta thoát tiên được gây cảm tình. Nhiều người cứ tưởng ông ta ngây thơ; ở khoe mắt ông ta có một vết nhăn ngu ngốc lạ lùng. Như chúng tôi đã nói, không có tay thủy thủ nào giỏi hơn ông; không ai hơn ông ta về khoa kéo buồm hạ mũi gió, và giữ buồm đúng hướng bằng dây lèo. Không ai nổi tiếng bằng ông ta về mặt tôn giáo và liêm khiết. Ai ngờ vực ông ta thì chính người ấy lại bị hiềm nghi. Ông ta kết bạn với ông Rébuchet, làm nghề đổi bạc ở Saint-Malo, phố Saint-Vincent, cạnh nhà bán vũ khí, và ông Rébuchet thường nói: “Tôi có thể nhờ Clubin trông nom hộ cửa hàng”. Sieur Clubin góa vợ. Vợ ông ta trước kia là người đàn bà lương thiện cũng như ông ta là người đàn ông lương thiện. Bà ta chết với cái tiếng đức hạnh

tuyệt vời. Nếu ông pháp quan trước kia mà có thể lời tán tỉnh bà ta, hẳn bà ta đã đi tâu với nhà vua; và nếu Chúa Trời mà có phải lòng bà ta, hẳn bà ta đã đi nói với cha cố. Đôi vợ chồng ấy, Sieur Clubin và bà Clubin, đã thực hiện được ở Torteval lý tưởng của tỉnh từ Anh, đáng kính. Bà Clubin như con thiên nga; Sieur Clubin như con chim trắng. Ông ta có thể chết được vì một vết nhơ. Bắt được một cái kim băng là ông ta phải tìm bằng được chủ nhân. Ông ta có thể đánh trống để rao trả lại một bao diêm. Một hôm, ông vào một tiệm ăn ở Saint-Servan, và nói với người chủ quán: Cách đây ba năm, tôi có vào đây ăn bữa trưa và ông đã tính nhầm tiền; và ông ta đã trả lại cho chủ quán sáu mươi nhăm xăngtim. Đây là một hành vi liêm khiết cao quý, với một cử chỉ cần môi trâm ngâm.

Dường như ông ta có ý rình mò. Rình ai? Chắc rình bọn lưu manh.

Thứ ba nào ông ta cũng lái tàu Durande từ Guernesey đến Saint-Malo. Ông ta đến Saint-Malo chỉ đầu thứ ba, ở lại đây hai ngày để bốc xếp hàng hóa, và sáng thứ sáu lại đi Guernesey.

Ở Saint-Malo dạo ấy có một lữ quán nhỏ trên cảng gọi là quán ông Jean.

Công cuộc xây dựng các bến cảng hiện nay đã phá hủy mất cái quán ấy. Thời bấy giờ nước biển lên làm ướt cả Saint-Vincent và cửa Dinan; Saint-Malo và Saint-Servan liên lạc với nhau lúc nước triều xuống bằng xe bò mui và xe thổ mộ len lách giữa các tàu bè nằm trên cạn, tránh những chiếc phao, neo và thùng chèo, đôi khi liều chịu rách cả mui da vì một cái trục buồm thấp hay một cái sà buồm tam giác. Giữa hai đợt thủy triều, cánh đánh xa hành hạ lũ ngựa trên mặt cát, nơi mà sáu giờ sau, gió lại quất vào sóng biển. Cũng trên bãi cát này trước kia có hai mươi bốn con chó gác cửa Saint-Malo thường chạy lang thang và năm 1770 chúng đã ăn thịt mất

một sĩ quan thủy quân. Tính quá ư tích cực ấy khiến phải bãi bỏ chúng đi. Ngày nay không còn nghe tiếng chó sủa đêm giữa Talard nhỏ và Talard lớn nữa.

Sieur Clubin thường nghỉ ở Quán Ông Jean. Văn phòng Pháp của tàu Durande đặt tại đây.

Cánh thuế quan và bảo vệ bờ biển hay đến ăn uống tại Quán Ông Jean. Họ có bàn riêng. Vì nhu cầu công tác cánh thuế quan Binac thường gặp nhau ở đây với cánh thuế quan Saint-Malo.

Một số chủ thuyền cũng thường đến đây, nhưng ăn ở một bàn khác.

Sieur Clubin khi thì ngồi ở bàn này, khi thì ngồi ở bàn kia tuy vậy ông ta vẫn thích ngồi cùng bàn với cánh thuế quan hơn là cánh chủ thuyền. Cả hai nơi ông ta đều được hoan nghênh.

Ở đây ăn uống tốt. Có những thứ rượu ngon của địa phương xa lạ đối với những thủy thủ xa nhà. Một thủy thủ tiểu chủ ở Bilbao cũng có thể tìm được ở đây một helada. Ở đây cũng có thể uống được bia đen như ở Greenwich, và gueuse nâu như ở Anvers.

Có những thuyền trưởng đường dài và những tay kinh doanh vận tải đôi khi lên mặt ở bàn các chủ thuyền. Ở đây người ta trao đổi tin tức với nhau: - Đường ra sao rồi? - Cái chất ngọt ấy chỉ thấy một ít thôi. Thế nhưng đường thô thì vẫn có đấy, ba nghìn bao của Bombay và năm trăm thùng của Sagua. - Rồi các ông xem cánh phải cuối cùng sẽ quật đổ Villèle cho xem. - Thế còn cái khoản chàm? - Người ta chỉ đặt giá có bảy surons Guatemala. - Tàu Nanine-Julie đã vào đến cảng ngoài rồi. Một loại thuyền ba buồm rất đẹp của Bretagne. - Lại hai thành phố nữa của de la Plata cãi vã nhau. - Hế Montevideo béo ra là Buenos - Ayres lại gậy. - Phải chuyển tải hộ tàu

Regina-Cœli bị cấm chạy ở Callao. - Cacao chạy lắm. Bao Caraques định giá hai trăm ba mươi tư, còn bao Trinidad bảy mươi ba. Hình như hôm duyệt binh ở Champ de Mars người ta đã hô: Đả đảo các bộ trưởng! - Da muối chưa thuộc của xưởng thịt Nam Mỹ bán chạy lắm, bò đực sáu mươi frăng, bò cái bốn mươi tám. - Họ đã qua Balkan chưa? Diebitsch làm gì? - Ở Saint Francisco đang khan rượu h ấ. Dầu ôliu Piagniol đứng giá. Pho mát Gruyère ba mươi hai frăng một tạ đấy. - Thế này, Léon XIII chết chưa? - Vân vân...

Những chuyện ấy được người ta gào thét và bình luận ầm ĩ với nhau. Ở bàn cánh thuế quan và bảo vệ bờ biển người ta nói khẽ hơn.

Công tác cảnh sát bờ biển và hàng hải càng muốn ít ầm ĩ hơn và ít lộ liễu hơn trong đối thoại.

Bàn cánh chủ thuyền do ông Gertrais Gaboureau, một thuyền trưởng già đường dài, chủ tọa. Ông Gertrais Gaboureau không phải là một con người, mà là một phong vũ biểu. Thói quen biển cả của ông đã ban cho ông một cái tài dự đoán phi thường không bao giờ l ầm lẫn. Ông hạ lệnh cho thời tiết ngày mai. Ông chẩn đoán gió; ông bắt mạch thủy tri ều. Ông nói với mây trời: thè lưỡi mày ra cho tao xem. Nghĩa là chớp. Ông là bác sĩ của sóng nước, của gió nhẹ, của cu ồng phong. Đại dương là con bệnh của ông, ông đã đi vòng quanh thế giới như người ta vòng quanh bệnh viện, quan sát mỗi thứ khí hậu lúc nó khỏe mạnh và khi nó giở giời; ông biết tường tận bệnh lý bốn mùa. Người ta nghe ông phát biểu những việc như sau: - Năm 1706, phong vũ biểu đã có lần hạ xuống ba vạch dưới bão. Ông làm thủy thủ vì ông yêu nghề. Ông yêu biển cả bao nhiêu thì ông căm ghét nước Anh bấy nhiêu. Ông đã nghiên cứu hải quân Anh để biết được nhược điểm của nó. Ông đã giải thích chiếc Sovereign năm 1637 khác chiếc Royal William

năm 1670, và khác chiếc Victory năm 1765 như thế nào. Ông so sánh các kiểu thân tàu phía trên ngân nước. Ông tiếc những cái tháp boong và những đài hình phễu trên cột buồm của tàu Great Harry năm 1514, có lẽ về phương diện đạn đại bác Pháp rơi rất trúng vào các chỗ ấy. Đối với ông các quốc gia chỉ tồn tại bằng thể chế hải quân của chúng; ông có những từ đồng nghĩa kỳ quặc riêng của ông. Ông thích gọi nước Anh bằng Trinity House, xứ Scotland bằng Northern Commissioners, và xứ Irelande bằng Ballast Board^[50]. Ông có thể chỉ dẫn về nhiều mặt, ông là sách vỡ lòng, là lịch toàn thư, là mực nước, là bảng giá. Ông thuộc lòng thuế đền biển, nhất là đền biển nước Anh; một penny mỗi tấn khi đi qua ngọn này, một phactinh khi đi qua ngọn kia. Ông nói: Ngọn hải đăng Small's Rock, trước kia chi tiêu thụ có hai trăm ga lông dầu, nay tiêu thụ một nghìn năm trăm ga lông. Một hôm trong cơn ốm nặng trên tàu, người ta cứ tưởng ông chết, thủy thủ vây quanh vòng ông, ông bỗng dừng cơn nấc hấp hối để nói với thợ cả đóng tàu: - Làm mỗi bên một cái mộng vào bên dẫy các mảnh chắp cột buồm để lùa một bánh xe rãnh bằng gang có trục sắt, và để lấy chỗ lùa thường dựng buồm, thì rất có lợi. Từ tất cả những chuyện đó nổi bật lên một gương mặt hết sức oai nghiêm.

Ít khi câu chuyện ở bàn cánh chủ tàu lại cùng chủ đề với câu chuyện ở bàn cánh hải quan. Tuy vậy trường hợp ấy xảy ra đúng vào những ngày đầu tháng hai, mà những câu chuyện chúng tôi kể đây đã dẫn chúng tôi đến. Chiếc tàu ba buồm Tamaulipas, thuyền trưởng là Zuela, từ Chilê đến và đang trở về đây, gọi sự chú ý của cả hai nhóm. Ở nhóm chủ thuyền, người ta nói chuyện về khoản hàng nó chở, và ở nhóm hải quân về hướng nó đi.

Thuyền trưởng Zuela, ở Copiapo, là một người Chilê, có chút máu

Colombia, đã tự ý tham gia vào các cuộc chiến tranh vì độc lập, lúc thì ủng hộ Bolivar, lúc thì ủng hộ Morillo, tùy lúc nào thấy có lợi. Ông ta đã làm giàu nhờ giúp đỡ tất cả mọi người. Chẳng ai Bourbonien hơn, Bonapartiste hơn, chuyên chính hơn, tự do hơn, vô thần hơn và công giáo hơn. Ông ta thuộc phe phái lớn mà người ta có thể đặt tên phái là Lợi nhuận. Thỉnh thoảng lại thấy ông ta xuất hiện làm ăn ở Pháp, và cứ theo lời đồn đại thì ông ta sẵn sàng chở trên tàu những kẻ chạy trốn, bọn phá sản hoặc bọn bị trục xuất chính trị - ông ta bất cần - miễn là chịu chi tiền. Cách xuống tàu ông ta rất đơn giản. Kẻ đào tẩu chờ ở một địa điểm hẻo lánh nào đó trên bờ biển, và vào lúc nhổ neo, Zuela cho một chiếc canô đi đón hẳn ta. Bằng cách đó, chuyến tàu trước ông ta đã giúp cho một tên bị kết án khuyết tịch trong vụ Berton trốn thoát, và nghe nói lần này ông ta dự định đưa đi số người liên lụy trong vấn đề Bidassoa. Cảnh sát được báo trước, đang theo dõi ông ta.

Đạo ấy đang là một thời kỳ chạy trốn. Trùng hưng là một sự thoái bộ, thế nhưng cách mạng thường dẫn đến những chuyện di cư và trùng hưng thường kéo theo những chuyện trục xuất. Suốt trong bảy tám năm đầu tiên, sau khi dòng họ Bourbons trở về khắp nơi hoảng loạn, trong tài chính, công nghiệp, trong thương nghiệp, đều cảm thấy đất bằng chuyển động và đầy rẫy những vụ phá sản. Trong chính trị mạnh ai nấy chạy. Lavalette đã trốn, Lefebvre - Desnouettes đã trốn, Delon đã trốn. Những tòa án đặc biệt hoành hành, lại thêm Trestaillon. Người ta chạy trốn cầu Saumur, sân đình Réole, bức tường Thiên văn Đài Paris, tháp Taurias, những hình bóng âm đạm sừng sững trong lịch sử, mà thoái bộ còn in dấu, và là nơi ngày nay người ta còn nhận thấy bàn tay đẫm máu ấy. Ở Luân Đôn, vụ án Thistlewood kéo dài sang tận Pháp, tại Paris vụ án Trogoff lan sang tận Bỉ,

Thụy Sĩ và Italia, đã nhận thêm những lý do lo lắng và mất tích, và tăng thêm tình trạng tán loạn ngấm ngấm sâu sắc gây nên cảnh trống vắng cả trong những tầng lớp trên của trật tự xã hội bấy giờ. Tìm nơi an toàn, đây là mối lo nghĩ chung. Bị liên can là hết thời. Bị tố cáo tức là bị hành hình. Tinh thần các pháp đình đặc biệt ngày xưa đã sống lâu hơn thể chế các phán quyết đều tùy tiện. Người ta trốn sang Texas, vào núi Rocheuses, sang Péru, sang Mexico. Những người vùng sông Loire, lúc ấy là cướp cò, ngày nay là hiệp sĩ giang hồ, đã thành lập trại Asile. Một bài hát của Béranger có câu: “Dã man, chúng tôi là người Pháp; Hãy thương đến vinh quang của chúng tôi”. Rồi bỏ Tổ quốc là thượng sách. Nhưng chẳng có gì khó hơn là chạy trốn; từ ngữ này chứa đựng những vực thẳm. Đối với kẻ lẩn át thì tất cả mọi thứ đều là chướng ngại vật. Trốn tránh đòi hỏi phải cải trang. Có những nhân vật quan trọng, và danh tiếng nữa, đã phải dùng đến những công kế của kẻ bất lương. Thế mà kết quả vẫn chẳng ra gì. Họ vẫn vụng về không giống trong việc cải trang. Thói quen tự do hành động của họ khiến họ khó lọt qua những mắt lưới đào tẩu. Trước mắt cảnh sát một tên kẻ cắp trái lệch quần thúc còn chững chạc hơn một ông tướng. Có thể nào tưởng tượng ngày thơ buộc phải vẽ mặt, đạo đức phải giả giọng, vinh quang phải mang mặt nạ không. Anh chàng qua đường có vẻ đáng ngờ kia là một người danh vọng đang tìm kiếm một tờ thông hành giả. Đáng điều gian xảo của kẻ trốn tránh không chứng tỏ trước mặt ta không phải là một vị anh hùng. Đó là những nét thoáng qua và đặc sắc của thời đại, mà “chính sử” bỏ qua, mà họa sỹ thật sự của một thế kỷ phải nhấn mạnh. Đằng sau những cuộc trốn tránh của những con người lịch sử kia thường len lách những cuộc trốn chạy của bọn bịp bợm ít bị kiểm soát và ít bị nghi ngờ hơn. Một tên vô lại buộc phải lẩn lút lợi dụng cảnh hỗn loạn, làm như mình cũng nằm trong số người bị trục xuất, và như thường khi, như chúng tôi

vừa nói, nhờ có nghệ thuật hơn, trong cái cảnh nhập nhòa ấy, lại có vẻ phong nhã hơn cả người phong nhã. Chẳng có gì ngượng ngập hơn là chính trực mà bị tái phạm. Nó chẳng hiểu ra sao cả và làm những việc vụng về. Một tên giả mạo tẩu thoát còn dễ hơn một đại biểu Quốc Ước.

Gần như có thể nói có một điểu lạ lùng cần nhận thấy, đặc biệt đối với bọn bất lương, là việc đào tẩu dẫn đến tất cả. Cái khối lượng văn minh là một tên lưu manh đưa từ Paris hay Luân Đôn đến là một thứ hời hợt của nó tại những xứ sở sơ khai hay man rợ, lại tiến cử nó và tôn nó lên thành một người có công khai sáng. Biến cố ấy chẳng có gì là không thể thoát khỏi pháp luật ở chỗ này để đến với giáo chức ở chỗ nọ. Trong việc biến mất có sự lạm dụng ảo tưởng, và nhiều trường hợp đào tẩu lại có những kết quả của giấc mơ. Một sự tạm lánh kiêu ấy thường dẫn đến chuyện lạ và hão huyền. Một anh phá sản từ châu Âu trốn không trả nợ, hai mươi năm sau lại xuất hiện làm đại thần ở Mogol hay hoàng đế ở Tasmanie.

Giúp đỡ các cuộc đào tẩu, đây là một nghề, và do sự việc diễn ra thường xuyên, một nghề có lợi. Cái nghề đầu cơ này lại được bổ sung thêm bằng một số chuyện kinh doanh. Ai muốn trốn sang Anh thì nói chuyện với cánh buôn lậu; ai cần trốn sang Mỹ thì nói chuyện với bọn gian xảo đường dài như Zuela.

II CLUBIN THOÁNG THẤY MỘT NGƯỜI NÀO ĐẤY

Đôi khi Zuela đến ăn ở Quán Ông Jean. Sieur Clubin chỉ biết mặt lão thôi.

Vả lại Sieur Clubin không có tính kiêu ngạo; ông ta không coi khinh

việc được biết mặt bọn vô lại. Đôi khi ông ta còn quen biết thật sự, bắt tay, chào hỏi chúng ngay giữa đường. Ông ta nói tiếng Anh với bọn gian thương trên biển và lú lú tiếng Tây Ban Nha với cánh buôn lậu. Về việc này ông có những câu cách ngôn: - Biết được đi đâu dở là có thể rút ra được đi đâu hay. - Gác sẵn nói chuyện với sẵn trộm cũng có lợi. - Hoa tiêu phải thăm dò hải tặc; hải tặc là một tảng đá ngầm. - Tôi ném thử một tên vô lại cũng như thầy thuốc ném thử thuốc độc. Không cãi vào đâu được.

Mọi người đều công nhận thuyền trưởng Clubin nói có lý. Người ta khen ngợi ông ta ở chỗ không phải là một người khó tính lỗ bịch. Ai dám bài bác những chuyện như thế? Mọi chuyện ông ta làm tất nhiên đều vì “lợi ích của công việc”. Ở ông ta mọi sự đều đơn giản. Không gì có thể làm thương tổn đến danh dự ông ta cả. Pha lê, có muốn tự vỡ bản cũng không được. Sự tín nhiệm ấy là phần thưởng xứng đáng của cả một cuộc đời lương thiện, và đây là mặt cao quý nhất của những thanh danh bền vững. Bất cứ việc gì Clubin làm hay tưởng như làm, người ta đều thấy rõ là có thâm ý trong cái nghĩa của đạo đức; ông ta được tiếng là người không thể chê trách; trước hết ông ta rất thận trọng, người ta bảo thế; và từ một việc giao du nào đó với người khác có thể bị nghi ngờ, tính liêm khiết của ông ta vẫn toát ra lại càng nổi bật về khôn khéo. Cái tiếng rất khôn ngoan ấy kết hợp với cái tiếng ngây thơ của ông ta, không chút mâu thuẫn, không chút vẩn đục. Ở đời vẫn có người ngây thơ khôn khéo. Đây là một trong những loại người lịch sự, và một trong những loại người được mến phục nhất. Sieur Clubin thuộc loại người, bị bắt gặp nói chuyện thân mật với một tên bịp bợm hay một tên cướp, vẫn được thừa nhận, tin tưởng, hiểu biết, càng được kính trọng, và được qu ân chúng mến chuộng dành cho cái nháy mắt mãi mãi nguyện.

Tàu Tamaulipas đã xếp xong hàng. Nó sắp khởi hành và sẽ nhổ neo nay mai.

Một chiều thứ ba, tàu Durande đến Saint-Malo vào lúc trời còn sáng. Sieur Clubin, đứng trên cầu tàu, theo dõi việc cập bến, chợt trông thấy cạnh Petit-Bey, trên bãi cát, giữa hai hòn núi, ở một chỗ rất hẻo lánh, hai người đang đứng chuyện trò. Ông ta liền đưa ống nhòm lên nhìn, và nhận ra ngay một trong hai người ấy. Đây là viên thuyền trưởng Zuela. Hình như ông cũng nhận ra cả người kia.

Người kia là một tay cao to, tóc hơi hoa râm. Y đội mũ cao và bận bộ quần áo trang nghiêm của phái giáo hữu. Có lẽ đây là một người quaker^[51]. Mắt y nhìn xuống ra chiều khiêm tốn.

Đến Quán Ông Jean, Sieur Clubin được biết tàu Tamaulipas định mười hôm nữa sẽ nhổ neo.

Người ta được biết sau đó, ông ta còn thu nhập thêm một số tin tức khác nữa.

Đêm hôm ấy, ông ta vào nhà người bán vũ khí ở phố Saint-Vincent và bảo với lão:

- Ông có biết súng lục là cái gì không?
- Biết, - người bán vũ khí đáp, - nó của Mỹ.
- Đây là một kiểu súng ngắn cứ bắt đầu lại câu chuyện.
- Đúng đúng, nó vừa hỏi vừa trả lời...
- Vừa đáp lại.
- Đúng thế, ông Clubin ạ. Một loại nòng quay.

- Và năm hay sáu viên đạn.

Tay bán vũ khí nhếch mép tặc lưỡi, kèm thêm một cái lắc đầu, biểu thị sự thán phục:

- Loại súng ấy tốt lắm ông Clubin ạ. Tôi tin là nó sẽ được ưa chuộng.

- Tôi muốn mua một khẩu sáu nòng.

- Tôi không có loại ấy.

- Sao thế? Nhà bán vũ khí như ông?

- Tôi chưa nhận được loại hàng ấy. Ông thừa biết, kiểu mới mà. Của ấy vừa mới ra đời. Ở Pháp, người ta mới chế tạo có súng ngắn thôi.

- Khỉ thật!

- Nó chưa có ngoài thị trường.

- Khỉ thật?

- Tôi có một loại súng ngắn rất tốt.

- Tôi muốn mua một khẩu súng lục kia.

- Tôi đồng ý là có lợi hơn. Nhưng mà gờm, ông Clubin...

- Gì kia?

- Tôi tin lúc này ở Saint-Malo có một khẩu, cũ thôi.

- Súng lục chứ?

- Vâng.

- Ở đâu?

- Tôi tin là khắc tìm ra. Tôi sẽ hỏi dò.

- Bao giờ ông có thể trả lời tôi?
- Cũng. Nhưng mà tốt.
- Bao giờ tôi phải quay lại?
- Tôi mà đã cung cấp cho ông một khẩu súng, thì nó phải tốt.
- Bao giờ ông trả lời tôi?
- Chuyển tàu sau của ông.
- Ông đừng nói là mua cho tôi nhé. - Clubin bảo.

III CLUBIN XÁCH ĐI MÀ CHẴNG XÁCH VỀ

Sieur Clubin cho xếp hàng xuống tàu Durande, chở rất nhiều bò với một ít hành khách, và như thường lệ rời Saint-Malo đi Guernesey vào sáng thứ sáu.

Cùng ngày thứ sáu ấy, khi tàu ra khơi, lúc thuyền trưởng được phép vắng mặt một lát trên boong chỉ huy, Clubin liền đi vào cabin, đóng cửa lại, lấy một cái vali con, bỏ ít quần áo vào cái ngăn có chun, ít bánh quy, mấy hộp đồ hộp, vài lạng cacao thanh, một đồng hồ và một ống nhòm thủy thủ vào cái ngăn kiên cố, khóa vali lại, và lồng vào tai vali một đoạn dây ba tao sẵn sàng để rút kéo khi cần. Đoạn ông ta đi xuống hầm tàu, bước vào khoang để dây cáp, và người ta thấy ông ta trở lên với một sợi thừng loại có nút và móc sắt dùng cho thợ xảm thuyền trên biển và cho bọn đầu trộm đuôi cướp trên đất liền. Loại dây ấy giúp cho việc leo trèo được dễ dàng.

Đến Guernesey, Clubin đi ngay Torteval. Ông ta ở đó ba mươi sáu giờ.

Ông ta cần theo chiếc vali con với sợi thừng nút, nhưng không cần gì về cả.

Thời kỳ ấy, bọn buôn lậu Tây Ban Nha đến tận Guernesey. Chúng đưa đến đây xì-gà La Havan và rượu Xêrex mà người Anh vẫn gọi là Sery.

Chúng ta cần nói qua, Guernesey kể trong cuốn sách này là Guernesey ngày xưa, không còn nữa và ngày nay không thể tìm thấy đâu khác ngoài những vùng nông thôn. Tại đây nó vẫn sống, nhưng ở các thành phố thì nó đã chết rồi. Nhận xét chúng tôi dành cho Guernesey cũng phải dành cho Jersey. Saint-Hélier cũng như Dieppe, Saint-Pierre-Port cũng như Lorient. Nhờ sự tiến bộ, nhờ óc sáng tạo tuyệt vời của dân tộc nhỏ bé dũng cảm trên hải đảo này, mọi thứ đều thay đổi từ bốn mươi năm nay trong quần đảo biển Manche. Ở đâu ngày xưa là bóng tối thì ngày nay ở đấy có ánh sáng. Bây giờ xin nói sang chuyện khác.

Vào những thời ấy, đo quá xa xôi, đã trở thành thời kỳ lịch sử, việc buôn lậu trên biển Manche rất nhộn nhịp. Thuyền gian nham nhảm, nhất là trên bờ phía Tây Guernesey, người quá ư thông thạo, và biết cường tận từng chi tiết những gì xảy ra từ nửa thế kỷ về trước, có thể kể tên những chiếc tàu ấy, hầu hết là tàu Asturien và Guipuscoan. Một điều không thể nghi ngờ, là không tuấn lễ nào không có một hoặc hai chiếc đến vịnh Các Thánh hoặc tại Plainmont. Việc tới lui có vẻ gần như là một sự vụ chính thức. Một cái hầm ở ngoài biển tại Serk, trước kia và hiện nay vẫn được gọi là Cửa hàng, vì người ta đến mua hàng của bọn gian ngay ở trong hang ấy. Trong các việc mua bán này, trước đây trên biển Manche người ta thường dùng một thứ ngôn ngữ buôn lậu, ngày nay đã bị quên lãng; nó giống tiếng Tây Ban Nha cũng như tiếng Phương Đông giống tiếng Italia vậy.

Trên nhiều địa điểm của vùng duyên hải Anh và Pháp, cánh buôn lậu thường bí mật thông đ̣ng với bọn nhà buôn công khai có môn bài. Chúng ra vào nhà nhiều tay tài phiệt, tất nhiên theo cửa bí mật; rồi ng̣m tụn ra thị trường và toàn bộ hệ thống huyết mạch của công nghiệp. Trước mặt thương gia, sau lưng buôn lậu, đây là lịch sử của nhiều cơ nghiệp. Séguin nói về Bourgain như thế, Bourgain nói về Séguin như vậy. Chúng tôi không dám bảo lãnh về lời nói của họ, có lẽ họ nói xấu nhau. Dù sao thì việc buôn lậu, bị pháp luật lùng bắt, cũng rõ ràng quan hệ rất mật thiết với tài chính. Nó giao hữu với “tầng lớp trên cùng”. Cái sào huyết, nơi mà trước đây Mandrin sát cánh với bá tước Charolais, bên ngoài rất lương thiện và có một mặt tịn không thể chê trách được đối với xã hội; đầu ḥi nhìn ra đường.

Vì vậy có nhiều chuyện thông đ̣ng cần thiết phải che giấu. Những trò bí mật ấy cần một bóng tối bất khả xuyên thấu. Một tên buôn lậu thường biết rất nhiều chuyện và phải giữ kín; nguyên tắc của nó là một lòng tin vững chắc không gì lay chuyển nổi. Đức tính đầu tiên của một tên gian lậu là lòng trung thành. Không biết giữ bí mật thì đừng buôn lậu. Có bí mật của gian lậu cũng như có bí mật của việc xưng tội.

Tính bí mật này được bảo vệ một cách tuyệt đối. Kẻ buôn lậu tḥe giữ kín tất cả, và tôn trọng lời hứa. Người ta không thể tin nhiệm ai hơn một tên gian lậu. Một hôm viên quan tòa Oyarzun bắt một gã buôn lậu Ports, và cho tra tấn để buộc nó phải khai tên người xuất vốn bí mật. Gã buôn lậu nhất định không khai. Kẻ bỏ vốn này lại chính là viên quan tòa. Trong hai tên đ̣ng lã ấy, viên quan tòa và gã buôn lậu, một bên, để tuân thủ pháp luật trước mắt mọi người, phải ra lệnh tra tấn, một bên, để giữ vững lời tḥe, phải cố chịu tra tấn.

Thời kỳ ấy, hai tay buôn lậu nổi tiếng hay lui tới Plainmont là Blasco và Blasquito. Chúng thuộc người Tocayo. Một thứ thân tộc Tây Ban Nha theo đạo Gia-tô cốt để có cùng thần bảo hộ trên thiên đường, đi đâu này người ta sẽ thừa nhận sau đáng được tôn kính không kém gì việc có cùng cha trên cõi thế.

Khi người ta gần biết rõ hành trình lén lút của việc buôn lậu, không gì dễ hơn và khó hơn việc nói chuyện với chúng. Chỉ cần không có thành kiến gì với đêm tối, đi đến Plainmont và đối chọi với dấu hỏi bí mật đang đặt ra ở đây.

IV PLAINMONT

Plainmont, cạnh Torteval, là một trong ba góc của đảo Guernesey. Ở đây, tại chỗ cuối mũi, có một gò cỏ cao nhìn xuống biển.

Đỉnh cao ấy rất hẻo lánh.

Càng hẻo lánh hơn, vì ở đây thấy có một ngôi nhà.

Ngôi nhà làm cho cảnh vắng vẻ thêm rùng rợn.

Người ta bảo ngôi nhà có ma.

Có ma hay không, bên ngoài nom thật kỳ quái.

Ngôi nhà ấy, xây bằng đá và có một tầng gác, đứng chính giữa gò cỏ. Nó chẳng có vẻ gì là một ngôi nhà đồ nát cả. Nó hoàn toàn ở được. Tường vách dày dặn, mái che chắc chắn. Tường vách không thiếu một hòn đá, mái không mất một viên ngói nào. Một ống khói bằng gạch chọc thủng góc mái

chui lên. Ngôi nhà ngoảnh lưng ra biển. Mặt nhìn ra đại dương chỉ là một bức tường cao. Nhìn kỹ mặt này, thấy có một cửa sổ đã được xây bịt. Hai đầu hồi có ba cửa mái, một ở phía đông, hai ở phía tây, cả ba đều bị xây bịt. Chỉ mỗi mặt nhìn vào đất liền là có một cửa ra vào và cửa sổ. Cửa ra vào đã bị xây bịt. Hai cửa sổ tầng dưới xây bịt. Ở gác một, và chính ở đây là đi đầu đập vào mắt trước tiên khi người ta đến gần, có hai cửa sổ mở; những cửa sổ xây bịt lại không đáng sợ bằng những cửa sổ mở này. Lỗ hổng của chúng khiến chúng đen ngòm ngay giữa ban ngày. Chúng không có kính, cũng không có cả khung và mở giở vào bóng tối bên trong. Có thể nói đây là những cái hốc rỗng của hai con mắt đã bị móc mất tròng. Chẳng có gì trong ngôi nhà ấy cả. Qua những cánh cửa toang hoác người ta nhìn thấy tình trạng điêu tàn bên trong. Không có chút ván, chút gỗ nào lát tường, toàn đá trơ trụi. Tưởng như đây là một ngôi mộ có cửa sổ để các hồn ma được nhìn ra ngoài. Mưa gió xối lở móng nhà phía nhìn ra biển. Dăm cây tầm ma đu đưa trước gió khẽ vờn các chân tường. Ở chân trời, tịnh không có một nơi nào làm nơi trú ngụ. Ngôi nhà là một vật trống rỗng, lạng lẽ như tờ. Tuy nhiên nếu dùng chân và dán tai vào tường, người ta cũng nghe thấy bên trong chốc chốc mơ hồ có tiếng đập cánh hoảng hốt. Phía trên cái cửa xây bịt, trên hòn đá đầu cột, có khắc mấy chữ: ELM-PBILG và niên đại: 1780.

Ban đêm, ánh trăng âm đạm lọt vào nhà.

Xung quanh ngôi nhà mông mênh biển cả. Vị trí của nó thật hùng vĩ, vì thế mà rùng rợn. Cảnh đẹp của địa điểm trở thành một điếu bí ẩn. Tại sao không có gia đình nào trú ngụ ở đây? Địa thế đẹp, ngôi nhà tốt. Do đâu có cảnh ruồng bỏ này? Những câu hỏi của mơ màng thêm vào những câu hỏi của lý trí. Cánh đồng trống trọt được, tại sao nó lại bị bỏ hoang không có

chủ. Cửa ngõ xây bịt. Vậy địa điểm này có cái gì? Tại sao con người lại bỏ trốn? Cái gì đã xảy ra ở đây? Nếu không có gì xảy ra ở đây, tại sao lại không có người nào? Khi tất cả đều ngủ yên, ở đây có ai thức tỉnh không? Trời đêm, gió lộng, những con ác điểu, những thú vật lẩn lút, những sinh vật không tên, xuất hiện trong tư tưởng và hòa lẫn với ngôi nhà này. Nó dùng làm lữ quán cho những khách qua đường nào? Người ta hình dung ra những trận mưa đêm và mưa đá rào rào qua cửa sổ. Những dòng nước mờ mờ của bão táp đã để lại dấu vết trên bức tường bên trong. Những căn phòng bịt kín và trống trải kia luôn luôn được phong ba thăm hỏi. Ở đây có xảy ra vụ án nào không? Hình như, ban đêm, ngôi nhà phớt mặt cho bóng tối này phải kêu cứu. Nó có chịu cảm lạnh không? Có tiếng gì thoát ra không? Trong chốn cô tịch này nó có quan hệ với ai? Ở đây những giờ đen tối tha hồ bí mật. Giữa trưa ngôi nhà này đáng nghỉ ngơi; còn nửa đêm thì sao? Nhìn nó, người ta như nhìn vào một điếu bí mật. Người ta tự hỏi, vì mơ màng có phần logic của nó và cái có thể cũng có chiều nghiêng của nó, ngôi nhà này ra sao từ phút hoàng hôn đến lúc chạng vạng? Cái tản mạn bao la của cuộc sống ngoài nhân gian trên đỉnh cao vắng vẻ này có một cái nút để dừng lại và buộc nó phải hiện hình và đi xuống không? Cái rải rác có đến đây cuốn xoáy không? Cái vô hình có cô đọng lại ở đây để thành hình không? Bí ẩn. Cảnh rừng rợn thiêng liêng nằm trong những hòn đá kia. Cái bóng tối trong các căn phòng nghiêm cấm kia còn hơn cả bóng tối; nó là cái không tên không tuổi. Sau lúc tắt mặt trời, tàu bè đánh cá sẽ trở về, chim chóc sẽ in tiếng, mục đồng sau núi sẽ ra đi với bầy dê, các khe đá sẽ để cho bầy bò sát vững dạ bò ra, các ngôi sao sẽ bắt đầu nhìn ngó, gió lạnh sẽ thổi, tấm tối sẽ dày đặc, hai cửa sổ sẽ đứng kia, toang hoác. Cảnh đó dẫn tới những điếu mộng mị; và chính bằng những hình bóng, bằng những sâu bọ, bằng những mặt ma mờ mờ tỏ tỏ, bằng những mặt nạ trong ánh tù mù,

bằng những cảnh hỗn loạn bí mật của linh hồn và bóng tối, mà tín ngưỡng của nhân dân, vừa ngây ngô vừa sâu sắc, thường diễn tả những chuyện thân mật tối tăm của ngôi nhà này với đêm khuya.

Ngôi nhà “có ma”: từ ngữ ấy giải thích được tất cả. Những người cả tin có cách giải thích của họ, nhưng những người thực tế cũng có cách giải thích của mình. Họ bảo chẳng có gì giản đơn hơn ngôi nhà này. Đây là một đài quan sát cũ, từ thời có những cuộc chiến tranh cách mạng và đế chế, cùng những chuyện buôn lậu. Nó được xây dựng nhằm mục đích ấy. Hết chiến tranh, đài bị phế bỏ. Người ta đã không phá hủy ngôi nhà vì nó có thể lại dùng được việc. Người ta đã xây bít cửa ra vào và các cửa sổ tầng dưới để khỏi có phen người và để không ai vào được; người ta đã xây bít các cửa sổ của ba mặt nhìn ra biển vì gió nam và gió tây. Có thể thôi.

Những người dốt nát và những người cả tin vẫn không chịu. Trước tiên, ngôi nhà không phải được xây vào thời kỳ chiến tranh cách mạng. Nó mang niên đại - 1780 - trước cách mạng. Sau đó, nó không phải xây dựng để làm đài quan sát; nó có mấy chữ ELM-PBILG, vốn là hiệp tự của hai gia đình, tỏ rõ, theo tục lệ, ngôi nhà đã được xây dựng để thành lập một tổ ấm mới. Như vậy là trước đây đã có người ở đấy. Tại sao bây giờ lại không có người ở nữa? Nếu đã xây bít cửa ra vào và các cửa sổ để không ai vào được trong nhà, tại sao người ta lại bỏ ngỏ hai cửa sổ? Phải xây bít tất, hoặc không bít cái nào cả chứ. Tại sao không có cửa ván? Tại sao không có khung cửa? Tại sao không có kính? Tại sao xây bít các cửa sổ một phía nếu không bít chúng phía bên kia? Người ta không cho mưa vào từ hướng nam, nhưng lại để mưa vào từ hướng bắc.

Hẳn là những người cả tin sai lầm, nhưng chắc chắn những người thực tế cũng không có lý. Vấn đề vẫn tồn tại.

Điêu chắc chắn, là ngôi nhà được xem như có lợi chứ không phải có hại cho bọn buôn lậu.

Hãi hùng được khuếch đại thường làm cho sự vật mất hết tỉ lệ thật. Tất nhiên nhiều hiện tượng ban đêm, trong số những hiện tượng mà chuyện “có ma” của ngôi nhà nát dần dần tạo nên, có thể giải thích được bằng những sự có mặt mờ ám và lén lút, bằng những lần dừng chân ngắn ngủi của những con người hối hả lên thuyền đi ngay, lúc thì bằng những chuyện dè dặt, lúc thì bằng những chuyện táo bạo của một số nhà kỹ nghệ khả nghi trốn tránh để làm bậy và cho mọi người thoáng thấy để gây sợ hãi.

Vào thời kỳ đã xa xôi ấy, có thể có nhiều chuyện táo tợn. Cảnh sát, nhất là ở những xứ nhỏ, không như ngày nay.

Chúng ta cần nói thêm, nếu ngôi nhà nát kia, như người ta nói, thuận tiện cho bọn buôn lậu, thì những lần gặp gỡ của chúng ở đây phải được tự do hành động đến một chừng mực nào đấy, chính là vì ngôi nhà không được ai ưa. Không được ai ưa nên không bị ai tố giác. Chẳng ai đi tìm hải quan và cảnh sát để nói chuyện ma quỷ. Người mê tín làm dấu thánh giá chứ không làm biên bản. Họ nhìn thấy hoặc tưởng là nhìn thấy, rồi bỏ chạy và im lặng. Có một sự thông đồng ngầm ngầm, không chủ bụng, nhưng thực tế, giữa những người gây sợ hãi và những người sợ hãi. Những người hoảng sợ thấy mình hoảng sợ là không đúng, họ tưởng tượng đã bắt gặp được một điếu bí mật, họ sợ làm nghiêm trọng thêm tình thế của họ, vốn cũng đã bí mật đối với họ rồi, và làm cho những hồn ma nổi giận. Vì vậy mà họ kín tiếng. Và ngoài chuyện tính toán ấy nữa, bản năng những người nhẹ dạ là im lặng; trong kinh hoàng có sự câm lặng; người hãi hùng thường ít nói, hình như rừng rợn bảo: im!

Nếu lại phải tin vào những chuyện hoang đường địa phương và những chuyện kể của những kẻ mà người ta gặp được, thì mê tín ngày xưa còn treo lên tường ngôi nhà ở Plainmont này, vào những cái đinh còn trông thấy vết dây đó, những con chuột không chân, những con dơi không cánh, những xác thú vật chết, những con cóc bẹp dí giữa những trang giấy một quyển Kinh Thánh, những mâm non đậu vàng, những đồ hàng mã kỳ dị, do những người qua đường ban đêm đại dột treo lên đấy, họ tưởng đã nhìn thấy một điều gì, và bằng những món quà đó họ mong được tha thứ, và làm cho nguôi giận những bóng quỷ hèn ma. Thời nào cũng có những người tin vào ma quỷ và những đêm hội phù thủy, kể cả những người khá quyền quý nữa. César cũng vẫn hỏi ý kiến Sagane, và Napoléon vẫn hỏi cô Lenormand. Có những lương tâm ko lảng đến nỗi cố tìm cách xin cho được quỷ sứ khoan hồng. Mong sao Chúa cứ làm và Satan đừng phá! Đây là một trong những lời cầu nguyện của Charles-Quint^[52]. Nhiều người còn nhút nhát hơn nữa. Họ đi đến chỗ tin tưởng rằng người ta có thể phạm sai trái với thần ác. Một trong những điều lo lắng của họ là không được lộ khuyết điểm với quỷ. Vì vậy mà có những hoạt động tôn giáo hướng về thần tối tăm vô tận. Đó cũng là một thứ ngu tín thông thường. Trong một số đầu óc bệnh hoạn, cũng có những tội ác đối với ma quỷ: vi phạm luật pháp từ dưới làm khổ tâm những nhà tôn giáo kỳ quặc dốt nát chuyên giải quyết những trường hợp khó xử; đối với bóng tối người ta hay ngại ngùng. Tin vào kết quả của lòng thành kính đối với những tín điều của Brocken và của Armuyr, tưởng rằng mình đã phạm tội đối với địa ngục, vì những vi phạm hão huyền phải cầu cứu đến những trừng phạt hão huyền, thú nhận sự thật đối với Ma đối trá, hối hận nhận lỗi trước Cha Tội lỗi, xưng tội ngược chiều, tất cả những chuyện ấy đều có hoặc đã có; những bản án phù thủy chứng tỏ điều đó qua mỗi trang hồ sơ. Mong mị của con

người phát triển đến tận đây. Khi con người bắt đầu hoảng hốt thì nó không dừng lại nữa. Người ta mơ đến những tội lỗi tưởng tượng, đến những cách tẩy rửa linh hồn tưởng tượng, và người ta bắt bóng chổi của phù thủy phải quét sạch linh hồn cho mình.

Phải nhớ rằng chuyện này xảy ra vào thời kỳ mà nông dân đảo Guernsey tưởng rằng năm nào sự huyền diệu Máng cỏ^[53] cũng vẫn được bò lừa lặp lại vào ngày nhất định; thời kỳ mà không một ai, trong đêm lễ Giáng sinh, dám bước vào một chuồng bò, vì sợ gặp súc vật quỳ gối trong đó.

Dù sao đi nữa, nếu ngôi nhà đó có những chuyện kỳ kỳ thì đây là việc của nó; ngoài vài ba trường hợp tình cờ và vài ba trường hợp ngoại lệ, không một ai đến đây xem, ngôi nhà vẫn bị bỏ chơ vơ, chẳng người nào lại thích mạo hiểm để gặp ma quỷ.

Nhờ hải hùng bảo vệ cho nó, và đây xa khỏi đó kẻ nào có thể quan sát và chứng kiến, nên thời nào ban đêm cũng có thể vào trong ngôi nhà đó một cách dễ dàng, bằng một cái thang dây, hay rất đơn giản bằng bất cứ một cái thang con nào lấy ở những mảnh vườn gần đây. Chỉ cần đem đến đây một ít quần áo và thức ăn dự phòng là có thể an toàn chờ đợi ở đây tình cờ và cơ hội tốt để lên lút đáp tàu. Truyền rằng cách đây bốn mươi năm, một tên đào tẩu, người thì cho là về chính trị, người thì cho là về thương mại, đã trú ẩn một thời gian trong ngôi nhà có ma Plainmont, từ đây hẳn tìm được cách đáp một chiếc tàu đánh cá sang Anh. Từ Anh người ta có thể sang Mỹ một cách dễ dàng.

Cũng vẫn chuyện truyền khẩu ấy khẳng định rằng những thức ăn để lại trong ngôi nhà nát kia vẫn còn nguyên đấy không ai động chạm đến. Như

bọn buôn lậu, Lucifer cũng có lợi nếu kẻ để những thứ đó quay lại.

Từ trên đỉnh cao có ngôi nhà kia, người ta nhìn thấy ở phía tây-nam, cách bờ biển một dặm, bãi ng ầm Hanois.

Bãi ng ầm này vốn nổi tiếng. Nó đã gây nên tất cả mọi tác hại mà một ngọn núi có thể gây nên. Đây là một trong những tên sát nhân đáng sợ nhất của biển cả. Nó là tên phản trắc đứng đón chờ tàu thuyền trong đêm tối. Nó đã mở rộng các nghĩa địa Torteval và Rocquaine.

Năm 1862, người ta đã đặt trên bãi ng ầm này một ngọn hải đăng.

Ngày nay, bãi ng ầm Hanois soi sáng ngành hàng hải mà trước đây nó vẫn làm cho lạc lối; cạm bẫy c ầm một ngọn đuốc trên tay. Ngọn núi mà trước đây người ta phải trốn tránh như trốn tránh một tên bất lương thì ngày nay, người ta tìm kiếm nó trên chân trời như tìm kiếm một người che chở, một người hướng đạo. Bãi Hanois làm yên lòng những vùng trời đêm bao la mà xưa kia nó vẫn gieo rắc hãi hùng. Y hệt tên cướp trở thành sen đ ầm.

Có ba hòn Hanois: hòn Đại Hanois, hòn Tiểu Hanois và hòn Mauve. Ngày nay, ngọn “H ồng Đăng” đứng ngay trên hòn Tiểu Hanois.

Bãi ng ầm này nằm trong một quần thể đỉnh nhọn, một số nằm ng ầm dưới nước, một số nhô lên khỏi mặt biển. Nó cao hơn tất cả. Như một pháo đài, nó có những công trình kiên cố; phía biển cả, một dãy mười ba ngọn núi; phía bắc, hai ngọn đá ng ầm, ngọn Hautes-Fourquies, ngọn Aiguillons, và một bãi cát, bãi Hérouée; phía nam, ba quả núi, hòn Cat-Rock, hòn Percée và hòn Roque Herpin; thêm hai hồ đất bùn, hồ South Boue và hồ Boue le Mouet, ngoài ra, trước Plainmont, là là trên mặt nước, có bãi Tas de Pois d’Aval.

Việc bơi từ Plainmont qua eo Hanois tuy có khó khăn nhưng chẳng phải là không được. Ta còn nhớ rằng đây là một trong những kỳ tích của Sieur Clubin. Tay bơi lội nào từng biết bãi ngầm này cũng có hai chỗ dừng có thể nghỉ được, hòn Roque tròn và xa hơn, hơi chệch sang trái một tí, hòn Roque đỏ.

V BỌN PHÁ TỔ CHIM

Gần như phải đặt vào quãng cái ngày thứ bảy ấy, ngày Sieur Clubin đến Torteval, một sự việc đặc biệt, thoát tiên trong vùng ít được ai biết đến, và mãi sau mới lọt ra ngoài. Vì có nhiều chuyện không được biết, như chúng tôi vừa nhận xét, do chính sự hải hùng mà chúng gây ra cho những người được chứng kiến.

Trong đêm thứ bảy rạng ngày chủ nhật, chúng tôi nói rõ ngày giờ và chúng tôi tin là chính xác, có ba em bé trèo lên vách biển cheo leo Plainmont. Ba em đang trở về làng. Chúng từ ngoài biển đi lại. Đây là những em bé mà ngôn ngữ địa phương gọi là déniquoiseaux. Xin đọc là déniche-oiseaux. Chỗ nào có vách biển và những hốc đá trên mặt biển, đều có rất đông bọn trẻ con phá tổ chim. Chuyện ấy, chúng tôi đã nói qua. Xin nhớ lại là Gilliatt vẫn bận tâm đến việc này, vì cả chim, vì cả lũ trẻ.

Bọn phá tổ chim là những loại trẻ con hư vùng biển cả, ít rụt rè.

Đêm khuya tối đen như mực. Những đám mây chùng chật dày đặc che kín đỉnh trời. Ba giờ sáng vừa điểm trận tháp chuông Torteval, vừa tròn vừa nhọn như một chiếc mũ chòm của phù thủy.

Tại sao bọn trẻ này lại về muộn thế? Có gì đâu. Chúng đi tìm tổ sơn ca, ở Tas de Pois d'Avai. Mùa này rất ấm áp nên chuyện ái ân của chim chóc bắt đầu rất sớm. Bọn trẻ, rình xem chim trống và chim mái bay lượn quanh tổ, và mãi mê theo dõi nên đãng trí quên mất cả giờ khắc. Thủy triều lên đã bao vây chúng; không thể vờkip đến cái tiêu loan, chỗ chúng buộc canô, chúng buộc lòng phải chờ tại một trong những mũi nhọn của Tas de Pois cho nước biển rút. Vì vậy mà chúng quay về giữa đêm khuya. Những lần về như thế đều được các bà mẹ sốt ruột lo âu chờ đợi. Khi được yên tâm rồi, lo âu lại chuyển vui vẻ thành tức giận, và nước mắt đầm đìa tiêu tan thành những cái tát. Vì vậy, chúng vội vã, trong lòng khá lo ngại. Chúng vẫn có cái lối vội vã nhưng lại sẵn sàng dằn dặt, và chứa đựng một mong muốn bí mật là đừng tới. Chúng hình dung thấy trước một cảnh hôn hít kèm thêm những cái tát tai.

Chỉ có một đứa trong số bọn trẻ ấy là chẳng có gì phải sợ hãi, đấy là một thằng bé mồôi, người Pháp, không bố không mẹ, và bằng lòng về việc giờ phút ấy không có mẹ. Chẳng ai quan tâm đến nó, nên nó sẽ không bị đánh. Hai thằng kia người Guernesey, và thuộc chính giáo khu Torteval.

Trèo hết mấy chỏm núi cao, ba em bé phá tổ chim lên đến trên ngọn đồi có ngôi nhà ma ám.

Chúng bắt đầu thấy sợ, đấy là bốn phận của mọi khách qua đường, và nhất là của mọi đứa trẻ, vào giờ này và tại chỗ này.

Chúng rất muốn ba chân bốn cẳng chạy trốn, nhưng cũng rất muốn đứng lại để nhìn!

Chúng đứng lại.

Chúng nhìn ngôi nhà.

Nó đen ngòm và thật dễ sợ.

Đây là một đồng tối om, giữa ngọn đ ồi vắng vẻ, một cái bươu đối xứng ghê tởm, một khối vuông cao có góc thẳng, một thứ gì giống như một cái bàn thờ bóng tối rất to.

Ý nghĩ đầu tiên của lũ trẻ là chạy trốn, ý nghĩ thứ hai là đến g ần. Chưa bao giờ chúng được thấy ngôi nhà ấy vào giờ này. Trong sợ hãi thường vẫn có tính tò mò. Bọn chúng có một đứa người Pháp, đi đầu ấy đã thúc đẩy chúng đến g ần.

Người ta biết là người Pháp không tin gì hết.

Vả lại trong nguy hiểm mà có nhiều người thì thường vững dạ. Ba người cùng sợ là ngu ần động viên.

Hơn nữa, chúng là thợ săn, là trẻ con; cả ba, chúng chưa đến ba mươi tuổi, chúng đang tuổi tìm kiếm, sục sạo, rình mò những chuyện kín đáo; có phải để nửa đường đứng lại đâu? Thò đầu vào lỗ này, tại sao lại không thò đầu vào lỗ kia? Ai đang lúc đi săn đầu bị lôi cuốn, ai trên đường tìm kiếm cũng đứng trong một gu ồng máy. Nhìn mãi vào tổ chim đâm ra ngứa ngáy muốn nhìn vào tổ ma một tí. Tại sao lại không sục sạo trong địa ngục kia chứ?

Từ con m ồi nọ sang con m ồi kia, người ta đến với ma quỷ. Sau chim sẻ, thì yêu tinh. Rồi sẽ được biết tất cả những nỗi hãi hùng mà bố mẹ vẫn dọa dẫm. Không gì dễ trợt hơn khi tìm hiểu những chuyện thần tiên. Biết được nhiều chuyện như mấy bà hi ền lành, thật là nhiều cảm dỗ.

Toàn bộ cái mớ ý nghĩa lung tung ấy, ở trạng thái hỗn độn và bản năng trong đầu óc bọn phá tổ chim Guernesey, dẫn chúng đến chỗ li ều lĩnh.

Chúng liền đi về phía ngôi nhà.

Vả lại thằng bé dùng làm chỗ dựa cho chúng trong hành vi dũng cảm này cũng đáng mặt lắm. Đây là một thằng bé quả quyết, học nghề xảm thuyền, thuộc loại trẻ con đã thành người lớn, ngủ tại công trường trên ô rơm trong một nhà kho, tự mình kiếm sống, có giọng nói ồ ồ, vui lòng trèo lên tường, lên cây, chẳng có thành kiến gì khi gặp những quả táo trên đường đi, đã từng lao động tại các âu sửa chữa tàu chiến, con cái của tình cờ, cháu chắt của may rủi, mồi cười vui vẻ, sinh ra trên đất Pháp, và không biết ở đâu, hai lý do để trở thành gan dạ, không ngần ngại khi cho người nghèo một đồng hai hào, rất độc ác, rất tốt bụng, tóc nâu đến mức hung hung, đã từng nói chuyện với người Paris. Lúc này nó kiếm được mỗi ngày một sớ lạnh tiêng xảm những thuyền đánh cá đang để chữa ở Pequeries. Khi nào thích thì nó nghỉ ngơi, đi phá tổ chim. Đây là thằng bé người Pháp.

Cảnh hoang vắng của địa điểm có một vẻ gì tang tóc. Người ta cảm thấy ở đây không khí bất khả xâm phạm đáng lo ngại. Thật là dễ sợ. Ngọn đờ này, vắng lặng và trơ trụi, cắm thụt xuống vực sâu, cách đây không xa, cái triêng cong cong thoải thoải ra phía sau của nó. Phía dưới, biển cả im lìm. Chẳng có lấy một làn gió thoảng. Các ngọn cỏ không mảy may xao động.

Bọn trẻ phá tổ chim do thằng bé người Pháp dẫn đầu vừa thông thả bước tới, vừa nhìn ngôi nhà.

Một đứa trong bọn về sau kể lại sự việc hay là đại để sự việc nó còn nhớ, nói thêm: “Ngôi nhà chẳng nói gì sất”.

Chúng nín thở đến gần như lúc người ta đến gần một con vật.

Chúng đã trèo hết quãng dốc phía sau ngôi nhà và dẫn đến một eo núi nhỏ khó đi ở phía bờ biển; chúng đã đến được khá gần ngôi nhà nát; nhưng

chúng chỉ nhìn thấy mặt phía nam hoàn toàn xây bịt; chúng không dám vòng sang trái vì như thế thì chúng đã trông thấy mặt kia, mặt có hai cửa sổ, đi đâu đó khủng khiếp quá.

Tuy vậy chúng cũng đâm ra mạnh dạn vì được thằng bé học xảm bảo khẽ:

- Ta chạy sang trái đi. Chính phía ấy mới hay. Phải nhìn thấy hai cái cửa sổ đen.

Chúng “chạy sang trái” và đến từ phía bên kia ngôi nhà.

Cả hai cửa sổ đều sáng.

Lũ trẻ vội chạy như điên.

Lúc đã xa, thằng bé người Pháp mới ngoảnh lại và nói:

- Kìa, không thấy ánh sáng nữa.

Quả thật, ở hai cửa sổ không còn ánh gì nữa. Bóng dáng ngôi nhà nát in lên nền trời tái nhợt mờ mờ, như được cắt thủng bằng máy bấm lỗ.

Vẫn không hết sợ hãi, nhưng lại thấy tò mò. Bọn phá tổ chim lại lần tới gần.

Thình lình, cùng một lúc ở cả hai bên cửa sổ, ánh sáng lại bùng lên.

Hai thằng bé Torteval lại vất chân lên cỏ chạy như bay. Thằng quỷ sứ người Pháp không tiến lên, nhưng không lùi.

Nó đứng im, ngay trước ngôi nhà và nhìn ngôi nhà.

Ánh sáng chợt tắt dần, rồi lại lóe lên. Không gì rùng rợn hơn. Ánh phản chiếu kéo một vệt lửa dài lơ mờ trên làn cỏ ướt đẫm sương đêm. Có lúc,

ánh sáng lơ mờ vẽ lên bức tường trong của ngôi nhà nát những hình nghiêng to đen cử động và những bóng hình đầu người rất to.

Vả lại, ngôi nhà nát không có trần cũng không có vách, chỉ còn bốn bức tường và mái, nên hễ một cửa sổ sáng là cả hai đầu sáng.

Thấy thằng học xảm đứng lại, hai thằng phá tổ chim kia liền quay lại, bước từng bước một, thằng trước thằng sau, run rẩy, tò mò. Thằng học xảm nói rất khẽ với chúng:

- Trong nhà có ma, tao vừa thấy một con.

Hai thằng bé Torteval nép sau lưng thằng người Pháp, và được nó che chở, lấy nó làm cái khiên, dùng nó chống lại cái vật kia, yên tâm cảm thấy có nó giữa chúng và bóng ma, cũng nhón chân nhìn qua vai nó.

Về phía mình, ngôi nhà nát hình như cũng đang nhìn bọn chúng. Trong cảnh tăm tối âm lặng bao trùm đó, nó có hai con người đỏ lờm. Đây là hai cửa sổ. Ánh sáng hết khuất lại hiện, rồi lại khuất giống hai con người kia. Những quãng cách rùng rợn ấy chắc hẳn là do quỷ sứ đi tới đi lui. Nó hé ra, rồi lại đóng lại. Cửa hăm mộ địa vẫn có những cảnh tượng của đèn ló.

Thình lình một khối đen rất dày có hình người nhô lên trên một cửa sổ y như từ ngoài đến, rồi chui tọt vào trong nhà. Dường như có người vừa vào.

Vào theo cửa sổ, đó là thói quen của bọn bất lương.

Ánh sáng chợt lóe bùng lên một lúc, rồi tắt ngấm không xuất hiện nữa. Ngôi nhà trở lại đen ngòm. Lúc này bỗng có tiếng động thoát ra. Những tiếng động ấy giống như tiếng người. Bao giờ cũng vậy. Mắt nhìn thì tai không nghe; khi mắt không thấy thì tai lại nghe.

Đêm tối trên biển cả có một vẻ đẹp trầm mặc đặc biệt. Ở đây im lặng

của bóng tối thường sâu sắc hơn nơi khác. Lúc không có sóng, không có gió, trong khoảng không bao la xao động ấy mà thông thường vắng tiếng diều bay, người ta lại nghe được tiếng ruồi đập cánh. Cảnh thanh bình một địa ấy làm nổi bật một cách bí ẩn những tiếng động từ trong ngôi nhà nát thoát ra.

- Ta đến xem đi, - thằng bé người Pháp nói.

Và nó bước tới một bước về phía ngôi nhà.

Hai đứa kia sợ hãi đến nỗi quyết định đi theo nó. Chúng không dám chạy trốn một mình nữa.

Đúng lúc chúng vừa vượt qua đống củi khá to, không biết vì sao lại làm chúng vững bụng trong hoàn cảnh vắng vẻ này, thì một con cú mèo bỗng từ một bụi cây bay vụt lên. Có tiếng cành cây xào xạc. Con cú mèo có lối bay chập chờn, mang tính chất bất chính đáng ngại. Con chim bay xuyên qua cành lũ trẻ, chằm chằm nhìn chúng bằng đôi mắt tròn xoe, xanh lè trong đêm tối.

Nhóm trẻ có phần nào run run sau lưng thằng người Pháp.

Nó nói thẳng với con cú mèo:

- Đờchim sẻ, mày đến muộn quá. Không phải lúc nữa. Tao đang muốn được nhìn thấy đây.

Nói xong nó tiến tới.

Tiếng đôi giày đinh to của nó răng rắc trên đám kim tước không che lấp các tiếng động trong ngôi nhà nát, lúc to lúc nhỏ, với âm sắc bình thản và liên tục của một cuộc đối thoại.

Một lúc sau, nó nói tiếp:

- Với lại chỉ có súc vật mới tin là có ma quỷ.

Tính ngang ngược trong nguy hiểm tập hợp bọn tụt hậu và thúc chúng đi tới.

Hai thằng bé ở Torteval lại bước tiếp, bám sát gót thằng học xảm thuy ên.

Trước mắt chúng ngôi nhà ma ám có vẻ to ra vô hạn. Trong ảo tượng ấy của sợ hãi có mặt hiện thực. Ngôi nhà quả có to ra, vì chúng đến gần ngôi nhà.

Trong lúc ấy tiếng cười trong nhà mỗi lúc một rõ rệt. Bọn trẻ lắng nghe. Tai người cũng có khiếu khuếch đại của nó. Khác hẳn tiếng thì thào, hơn tiếng nói th âm, kèm tiếng lao xao. Chốc chốc, một hoặc hai lời nói phát âm rõ rệt nổi lên. Những lời nói ấy, không thể nào hiểu nổi, vang lên rất kỳ quặc. Bọn trẻ đứng lại, lắng nghe, rồi lại tiếp tục tiến lên.

- Đúng là ma nói chuyện, - thằng bé học xảm l âm b âm, - nhưng mình cóc tin có ma.

Hai thằng bé Torteval chỉ muốn nấp vào sau đồng củi, nhưng chúng đã cách xa đồng củi và thằng bạn xảm thuy ên vẫn tiếp tục bước tới phía ngôi nhà nát. Chúng đứng với nó thì run, mà rời nó thì lại không dám.

Từng bước, từng bước, và hoang mang, chúng đi theo nó.

Thằng bé học xảm, ngoảnh lại bảo với chúng nó:

- Chúng mày cũng biết là không đúng. Làm gì có ma.

Ngôi nhà mỗi lúc một cao. Tiếng nói mỗi lúc một thêm rõ rệt.

Chúng nó đến gần.

Lúc đến gần, chúng nhận ra trong nhà có một cái gì như ánh sáng bị che bít. Một thứ ánh sáng le lói rất mơ hồ, một trong những cảnh tượng đèn ló đã nói ban nãy, và rất nhiều trong cảnh sáng các đêm hội phù thủy.

Lúc đã đến thật gần, chúng đứng lại.

Một trong hai thằng ở Torteval đánh liêu nhận xét:

- Không phải ma đâu, đây là các bà thánh mặc áo trắng.
- Cái gì đu đưa ở cửa sổ thế? - Thằng kia hỏi.
- Nó có vẻ như một sợi dây.
- Một con rắn đấy.
- Đây là loại dây treo cổ, - thằng người Pháp nói ra đáng đàn anh. -

Chúng cần dùng đến nó. Nhưng tao vẫn không tin.

Đoạn bằng ba bước nhảy chứ không phải bằng ba bước đi nó đã ở dưới chân tường ngôi nhà nát. Trong cử chỉ táo bạo ấy có sự nôn nóng.

Hai thằng kia, run rẩy, bắt chước nó và đến bám sát vào nó, thằng ôm bên phải, thằng ôm bên trái. Cả mấy đứa dán tai vào bức tường. Trong nhà, người ta vẫn tiếp tục nói.

Sau đây là những gì lũ ma quỷ nói:

- Thế là đồng ý chứ?^[54]
- Đồng ý.
- Nhất định chứ?
- Nhất định.

- Một người sẽ chờ ở đây, và sẽ có thể đi sang Anh với Blasquito chứ?
- Chi đủ.
- Chi đủ.
- Blasquito sẽ đưa người ấy đi theo thuy ền của h ắn.
- Không cần biết y là người nước nào chứ?
- Đi ầu ấy không liên quan gì đến chúng tôi.
- Không cần hỏi tên y chứ?
- Cánh này không hỏi tên, cánh này cần túi bạc.
- Được. Người ấy sẽ chờ trong nhà này.
- Y phải có gì ăn đấy.
- Ở ầu?
- Trong cái túi tôi cần đến đây.
- Tốt lắm.
- Tôi có thể để cái túi ở đây không?
- Dân buôn lậu không phải dân ăn cắp.
- Còn các anh, bao giờ các anh đi?
- Sáng mai. Nếu người của anh sẵn sàng, y có thể đến với chúng tôi.
- Y chưa sẵn sàng.
- Đấy là việc của y.
- Y phải chờ trong nhà này mấy ngày?

- Hai, ba, bốn ngày. Kém hoặc hơn.
- Có chắc Blasquito sẽ đến không?
- Chắc.
- Ở đây chứ? Ở Plainmont chứ?
- Ở Plainmont.
- Tuần nào?
- Tuần sau.
- Ngày nào?
- Thứ sáu, thứ bảy, hoặc chủ nhật.
- Hẳn không thể sai hẹn chứ?
- Hẳn là tocayo của tôi.
- Bất cứ thời tiết nào hẳn cũng đến chứ?
- Bất cứ thời tiết nào. Hẳn không sợ đâu. Tôi là Blasco, hẳn là Blasquito.
- Như vậy là thế nào hẳn cũng tới Guernesey?
- Tôi đến một tháng, hẳn đến một tháng.
- Tôi hiểu.
- Kể từ thứ bảy tới. Nghĩa là đúng một tuần nữa, chưa hết năm hôm Blasquito sẽ đến.
- Nếu biến động thì sao?
- Trời xấu hả? (Tiếng Baxco)

- Phải.
- Blasquito không đến ngay, nhưng hắn sẽ đến.
- Hắn từ đâu đến?
- Từ Bilbao.
- Đi Portland.
- Tốt lắm.
- Hoặc đi Tor Bay.
- Càng hay.
- Người của anh có thể yên tâm.
- Blasquito không phản bội chứ?
- Bọn hèn nhát mới phản bội. Chúng tôi là những con người dũng cảm. Biển cả là nhà thờ của trời đông. Phản bội là nhà thờ của địa ngục
- Không ai nghe những đi ều chúng ta nói đấy chứ?
- Không thể nào nghe được chúng ta và nhìn chúng ta. Hãi hùng làm cho nơi đây thành hoang vắng.
- Đi ều ấy tôi biết.
- Còn ai dám li ều lĩnh nghe chúng ta nói nữa?
- Đúng thế.
- Vả lại có nghe cũng không thể hiểu nổi. Chúng ta nói một thứ tiếng dữ tợn riêng của chúng ta mà chẳng có người nào biết. Anh đã biết tiếng, tức là anh cùng cánh với chúng tôi.

- Tôi đến đây để dàn xếp với anh.
- Tốt thôi.
- Bây giờ tôi đi đây.
- Được.
- Nay, nếu người khách muốn Blasquito đưa đến nơi khác, ngoài Portland và Tor Bay thì sao?
- Y cứ trả gấp bốn.
- Blasquito có làm theo ý muốn của người ấy không?
- Blasquito sẽ làm theo ý muốn của tôi.
- Đi Tor Bay có lâu không?
- Tùy theo gió.
- Tám giờ chứ?
- Kém hoặc hơn.
- Blasquito có nghe theo người hành khách của hắn không?
- Nếu biển cả nghe theo Blasquito.
- Hắn sẽ được trả công xứng đáng.
- Vàng là vàng. Gió là gió.
- Đúng thế.
- Với vàng, con người làm những đi ều nó có thể làm, với gió Chúa làm những đi ều Chúa muốn.
- Người định đi với Blasquito sẽ ở đây vào thứ sáu.

- Tốt.

- Vào lúc nào thì Blasquito đến?

- Ban đêm. Đến ban đêm. Đi ban đêm. Chúng ta có một người vợ tên là biển cả, và một người chị tên là đêm tối. Vợ đôi khi còn lừa dối; chị thì không bao giờ. Mọi việc thế là đã thỏa thuận. Vĩnh biệt các anh.

- Xin chào. Làm tộp rượu chứ?

- Cảm ơn.

- Hay hơn nước ngọt.

- Tôi tin lời anh.

- Tôi tên là Chấm-Danh dự.

- Vĩnh biệt.

- Anh là quý phái, tôi là hiệp sĩ.

Rõ ràng là chỉ ma quỷ mới có thể nói như vậy. Bọn trẻ không nghe thêm nữa, và lần này chạy trốn thật sự; thằng bé người Pháp cuối cùng đã chịu, chạy nhanh hơn cả.

Thứ ba tiếp theo ngày thứ bảy ấy, Sieur Clubin trở lại Saint-Malo đưa tàu Durande về

Tàu Tamaulipas vẫn ở trong bến.

Sieur Clubin, giữa hai hơi khói, hỏi người chủ Quán ông Jean:

- Thế nào, bao giờ tàu Tamaulipas kia đi?

- Ngày kia, thứ năm, người chủ quán đáp.

Tối hôm ấy, Clubin ngồi ăn cùng bàn với cánh bảo vệ bờ biển, và trái

với thói quen của mình, ăn xong đi ngay. Vì vậy ông ta không thể ngồi ở phòng giấy tàu Durande, và gần như làm lỡ hết việc bốc xếp hàng hóa. Đối với một con người đúng mực như vậy là bị đẽ ý ngay.

Hình như ông ta nói chuyện một lúc với người bạn đồng tiển.

Sau khi Noguette báo hiệu tắt lửa được hai giờ thì ông ta về Chuông brésilienne đánh vào lúc mười giờ. Vậy là nửa đêm.

VI QUÁN JACRESSARDE

Cách đây bốn mươi năm, Saint-Malo có một cái ngõ gọi là ngõ Coutanchez. Ngày nay ngõ ấy không còn nữa, vì phải nhường chỗ cho những công trình làm tăng vẻ đẹp thành phố.

Đấy là hai dãy nhà bằng gỗ nghiêng ngả vào nhau, và cách nhau một quãng khá rộng cho một dòng suối gọi là đường phố. Người ta phải xoay chân đi hai bên dòng nước, đầu hoặc khuỷu tay vấp vào dãy nhà bên trái và bên phải. Những chiếc lều cũ kỹ ấy của Normand thời trung cổ có những dáng dấp gần giống như người. Từ ngôi nhà nát đến mụ phù thủy cũng không xa. Những tầng gác thụt vào, những chỗ nhô ra, những mái hiên hình dấu mũ và những mớ sắt vụn giống những cái môi, những cái cằm, những cái mũi và những hàng lông mày. Cửa mái là con mắt chột. Vách tường là cái má hắc lào nhăn nheo. Chúng chạm trán nhau như đang âm mưu một việc mờ ám. Tất cả những từ của nền văn minh xa xưa như cát hải, cát thủ, cát mồm, đầu gắn liền với nền kiến trúc ấy.

Một trong những ngôi nhà của ngõ Coutanchez, ngôi lớn nhất, ngôi trứ

đanh nhất, hay ngôi nổi tiếng nhất, tên là Quán Jacressarde.

Quán Jacressarde là nơi cư trú của những người không trú ngụ. Trong tất cả các thành phố, và đặc biệt tại các hải cảng, dưới tầng lớp dân chúng vẫn có một lớp cận bã. Những tên vô lại, đến nỗi nhiều khi cả công lý cũng không thể moi ở chúng một lời thú nhận, những tên cướp mạo hiểm, những kẻ tìm mưu tính kế, những nhà hóa học bịp bợm, luôn luôn luyện lại cuộc đời, tất cả các loại áo manh quần vá và tất cả các kiểu ăn mặc rách rưới, những kẻ gian xảo thất nghiệp, những cuộc đời khánh kiệt, những lương tâm phá sản, những kẻ thất bại trong việc treo tường khoét vách (vì những tên đại bợm bao giờ cũng bay lượn và đứng lên cao), những thợ thuyền sa chân vào tội ác, những tay du côn, những ả đàn điếm, những kẻ hết biết ngượng ngùng và những lương tâm thùng rách, những tên vô lại bị dìm đến chỗ bùn cùng, những tên hung ác không được đền bù xứng đáng, những kẻ thất bại trong cuộc đấu một mất một còn của xã hội, những kẻ đói khát đã từng cắn xé, những kẻ tiếp tay cho tội ác, những kẻ khốn cùng trong cả hai nghĩa thảm hại của từ ngữ; đây, nhân số trong ngôi nhà ấy là như vậy. Trí tuệ con người ở lại đây, đầy thú tính. Đây là đồng rác của linh hồn. Nó dìm đồng trong một xô, để thỉnh thoảng lại chịu một nhát chổi, gọi là một cuộc bắt bớ của cảnh sát. Tại Saint-Malo, Quán Jacressarde là cái xô ấy.

Những gì tìm thấy trong các hang ổ như vậy, không phải là những loại giết người không biết góm tay, những quân ăn cướp, những tên cường đạo, những sản phẩm đặc sắc của ngu dốt và đói nghèo. Nếu việc giết người có được tượng trưng ở đây thì cũng chỉ bằng một tên say rượu thô bạo nào đó, trộm cắp ở đây không vượt quá một tên cấp vật. Đây là cục đờm của xã hội hơn là bãi nôn của nó. Du đãng thì đúng; nhưng cơn đờ thì không. Tuy

nhiên không nên tin tưởng vào đấy. Tầng lớp cuối cùng này của dân giang hồ tứ chiếng có thể có những bạo hành ác hiểm. Có lần quăng lưới vào l'Épi-scié, nơi này đối với Paris cũng như Jacressarde đối với Saint-Malo, cảnh sát tóm được Lacenaire.

Những nơi trú ngụ như thế thu nhận tất cả mọi thứ, sa ngã là một cảnh san bằng. Đôi lúc lương thiện lọt trầ n cũng rơi vào đấy. Đạo đức và liêm khiết cũng có những bước ly kỳ, việc ấy đã từng thấy. Không nên vội vã quý trọng cung điện Louvres, cũng không nên vội vã khinh miệt các nhà tù. Lòng kính trọng của công chúng cũng như sự chệ bai của toàn thể cầ n được xem xét kỹ. Ở đấy có nhiều chuyện bất ngờ. Một thiên thần trong nhà thổ, một viên ngọc trong đồng phân, chuyện bắt gặp tối tăm và chói lòa như vậy có thể có lắm.

Quán Jacressarde là một cái sân chơi hơn là một ngôi nhà, một cái giếng hơn một cái sân. Nó không có gác nhìn xuống đường phố. Mặt trầ n của nó là một bức tường cao đục thủng bởi một cái cửa thấp lè tè. Nhấc cái then lên, đẩy cánh cửa vào, thế là đứng trước một cái sân.

Giữa sân thấy có một lỗ tròn, bao quanh bởi một bờ đá ngang trầ n mặt đất. Đấy là một cái giếng. Sân thì nhỏ, giếng thì to. Một lớp gạch lát sụt lổ đóng khung bờ giếng.

Mảnh sân vuông, được xây cất ba phía. Phía đường phố, chẳng có gì, nhưng đối diện với cánh cửa, bên phải và bên trái, đều có nhà ở.

Sau khi trời tối, nếu dám liề u lĩnh một tí, đặt chân vào đấy, người ta khắc nghe như có tiếng hơi thở ô hợp và nếu có đủ trăng sao để những đường nét tối tăm trước mắt có được hình dáng, thì sau đây là những gì người ta nhìn thấy.

Mảnh sân. Cái giếng. Xung quanh sân, trước cảnh cửa, một khoảng trống hình dung một thứ móng ngựa vuông vuông, kiểu nhà cầi một ruộng, thông thoáng, trần sơ xà gỗ, chống đỡ bởi những trụ đá cách quãng không đều; ở giữa, cái giếng; xung quanh giếng, trên một ổ rơm, và hình thành như một vòng tràng hạt, những đế giày thẳng đơ, những phần dưới của giày ống vệt gót, những ngón chân thò qua các lỗ giày và rất nhiều gót chân trần, chân đàn ông, đàn bà, chân trẻ con. Tất cả những cái chân ấy đang ngủ.

Bên kia dãy chân, nhìn sâu vào trong bóng tối chập chờn của khoảng nhà trống, con mắt nhận thấy những thân mình, hình dáng, những cái đầu mê mết, chân tay cứng đơ duỗi thẳng, những quần áo rách rưới của cả hai giới, một cảnh chung đung trong rác rưởi, một kiểu vạ vật thiếu não nào đó của con người. Phòng ngủ này dành cho tất cả mọi người. Ở đây mỗi tuần phải trả hai xu. Dãy chân chạm vào giếng. Những đêm giông bão, mưa giội trên dãy chân ấy; những đêm đông lạnh, tuyết rơi trên những thân mình kia.

Những con người ấy là thế nào? Toàn người xa lạ. Tối đến, họ tới đây và sáng ngày lại ra đi. Trật tự xã hội phức tạp thêm vì đám sâu bọ ấy. Một số lén lút vào một đêm mà không trả tiền. Phần đông suốt ngày chẳng ăn uống miếng gì. Tất thấy mọi tật xấu, bỉ ổi, tất thấy mọi nhược nhược, buồn phiền; cùng một giấc ngủ sầi muộn trên cùng một chiếc giường nhầy nhụa bùn dơ. Những giấc mơ của tất cả các linh hồn ấy sống hòa thuận bên nhau. Một chốn hẹn hò thăm đạ, nơi chuyển động và kết quyện trong cùng một thứ uế khí của những mệt mỏi, những kiệt quệ, những cơn say li bì, những bước tới lui của một ngày không một miếng bánh và không một ý nghĩ tốt đẹp, những vẻ mặt tái nhợt mí mắt nhắm nghiền, những hối hận,

thèm muốn, những mái tóc đầy rác rưởi, những bộ mặt có vẻ nhìn của thần chết, có lẽ những cái hôn của bóng tối dày đặc. Mùi hôi thối đó của con người lên men trong cái thùng ủ ấy. Chúng bị vớt vào nơi trú ngụ này do định mệnh, do chuyến đi, do chiếc tàu đến tối hôm qua, do vừa mãn hạn tù, do may rủi, do đêm tối. Mỗi ngày số mệnh lại đem gùi đến đổ vào đấy. Ai muốn vào cứ vào, ai muốn ngủ cứ ngủ, ai dám nói cứ nói. Vì đây là một chốn thì thần. Người ta hồi hả trà trộn vào nhau. Người ta cố gắng quên mình trong giấc ngủ, vì người ta không thể sa ngã trong bóng tối. Người ta lấy của thần chết cái gì có thể lấy được. Họ nhắm mắt trong cái cảnh hấp hối hỗn độn đêm nào cũng bắt đầu lại đó. Họ từ đâu ra? Từ xã hội, vì họ là khốn cùng; từ sông nước, vì họ là bè lũ bọt.

Không phải ai muốn cũng có được một ổ rơm đâu. Biết bao trần truồng vẫn kéo lê trên hè phố; họ nằm xuống mệt như; họ tỉnh dậy cứng đờ. Cái giếng, không lan can và không nắp đây lúc nào cũng toang hoác, sâu đến mười mét. Mưa rơi xuống đấy, rác rưởi rỉ rịn xuống đấy, tất cả mọi rãnh nước của mảnh sân thấm xuống đấy. Cái xô múc nước để ngay cạnh. Ai khát, múc nước ấy mà uống. Ai chán chường, cứ việc trần mình xuống đấy. Từ giấc ngủ trong phần rác, người ta trượt ngã vào giấc ngủ ấy. Năm 1819, người ta kéo ở đấy lên được một em bé mười bốn tuổi.

Để khỏi gặp nguy hiểm trong ngôi nhà ấy, phải “cùng cánh”. Kẻ ngoại đạo thường bị khinh miệt.

Những con người đó có quen biết nhau không? Không. Họ đánh hơi nhau.

Chủ nhân nơi trú ngụ ấy là một người đàn bà, trẻ, khá xinh, đội một cái mũ đính ruybăng, đôi khi lau mặt bằng nước giếng, có một cái chân gỗ.

Ngay từ sáng tinh mơ, mảnh sân đã quang hẳn người; các khách quen tâu tán.

Trong sân có một con gà trống và vài con gà mái, suốt ngày đứng bóí đống phân. Mảnh sân có một thanh gỗ bắc ngang trên cột, hình ảnh một cái giá treo cỗ không đến nỗi quá lạc lõng ở đây. Thường thường, hôm sau những đêm mưa gió, người ta thấy phơi trên cái sà gỗ ấy một chiếc áo dài lụa ướt và vấy bùn của người đàn bà chân gỗ.

Bên trên gian nhà trống, và cũng giống nó, bao quanh mảnh sân, có một tầng gác, và trên tầng gác có một gác mái. Một cầu thang gỗ mục, chọc thủng trần gian nhà trống, dẫn lên tầng trên; một thứ thang rung rinh mà người đàn bà lấy bầy trèo cót ca cót két.

Những người thuê tạm một tuần hay một đêm thì ở ngoài sân; những người thuê dài hạn thì ở trong nhà.

Cửa sổ, không kính; không cửa, không cánh; lò sưởi, không lửa; ngôi nhà như thế đấy. Đi từ phòng nọ sang phòng kia, có thể tùy ý chui qua một cái lỗ vuông dài trước kia là cửa, hoặc qua một khoảng hình tam giác trước kia là phần giữa cái kéo vách, vôi vữa rơi xuống, phủ đầy ắp sân. Người ta không hiểu nhờ đâu mà ngôi nhà đứng vững. Gió đu đưa nó. Người ta cứ leo lên, gập chăng hay chớ, chậm chạp trên những bậc thang ọp ẹp. Mọi thứ đều thừa rỗng. Mùa đông lọt vào ngôi nhà nát như nước trong một miếng bọt biển. Nhìn thấy nhiều nhện, có thể yên trí là nhà chưa đến lúc sập. Chẳng có lấy một cái bàn hay tủ. Hai ba tấm nệm rơm trong xó, lòi cả ruột, để lộ nhiều tro bụi hơn rơm rác. Đây là một cái vò và một cái chậu sành dùng vào những việc linh tinh. Thoang thoang một mùi tỏi lợm.

Từ các cửa sổ có thể nhìn xuống sân. Cảnh tượng giống như phía trên

một chiếc xe bò của người hút bùn. Các thứ, không kể người, đang thối rữa ở đất, đang gỉ nát, mốc meo ở đây, thật là khó tả. Các thứ vụn nát cạnh nhau, chúng từ các bức tường rơi xuống, từ các sinh vật rớt ra. Quần manh áo rách thường gieo rắc những thứ đồ nát.

Ngoài số dân nay ở mai đi, đóng cấm trong sân Quán Jacressarde có ba người thuê nhà, một anh bán than, một người nhặt giẻ rách và một tay luyện vàng. Anh bán than và anh nhặt giẻ rách chiếm hai đệm rơm ở tầng một; tay luyện vàng, nhà hóa học ngủ trên gác mái mà không hiểu tại sao người ta gọi là cái tra. Không biết người đàn bà ngủ ở xó nào. Tay luyện vàng có hơi thi sĩ một tí. Y ở trong mái nhà, dưới lớp ngói, một căn phòng có một cửa mái nhỏ hẹp và một lò sưởi to bằng đá, một thứ hang sâu để cho gió rít. Vì cửa mái không có khung nên y đã đóng lên đó một mảnh tôn mỏng lấy ở một mảng thuyề rách ra. Tấm tôn này để lọt vào rất ít ánh sáng và rất nhiều khí lạnh. Anh bán than thỉnh thoảng trả một bao than, người nhặt giẻ trả lại mỗi tuần một đấu thóc cho gà, tay luyện vàng không trả. Trong khi chờ đợi y làm cái việc đốt nhà, y đã bóc giạt phần gỗ ít ỏi trong nhà và lúc nào cũng thấy y rút ở tường hay mái ra một thanh rui để đun cái niêu vàng của y. Trên vách, bên trên cái giường khổ của người nhặt giẻ, thấy hai cột chữ số viết bằng phấn, do anh ta vạch lên từng tuần, một cột số ba và một cột số năm, tùy theo đấu thóc giá ba liard hay năm xăngtim. Cái niêu vàng của “nhà hóa học” là một quả đạn cũ vỡ, được y tôn là nĩa súp de, trong đó y nhào trộn các loại thuốc. Công việc biến hóa thu hút hết tâm trí của y. Đôi khi, y cũng nói chuyện ấy với cánh chân đất ngoài sân, cánh này chỉ cười. Y bảo: Những người ấy đây thành kiến. Y quyết tâm không chịu chết trước khi ném hòn đá hóa vàng vào các ô kính của khoa học. Cái lò của y ngốn rất nhiều gỗ. Cái lan can cầu thang đã biến

vào đấy. Toàn bộ ngôi nhà âm ỉ chui vào đấy. Bà chủ nhà bảo y: Rồi ông chỉ để lại cho tôi cái vỏ thôi. Hấn làm nguôi lòng bà ta bằng cách tặng bà mấy câu thơ. Quán Jacressarde là thế đấy!

Một thằng bé, có lẽ là một thằng lùn, quăng mười hai hay sáu mươi tuổi gì đấy, có bấu ở cổ, lúc nào cũng cầm một cái chổi ở tay, là đầy tớ trong nhà.

Khách quen vào theo lối cửa sân; công chúng vào qua lối cửa hàng.

Cửa hàng là cái gì?

Bức tường cao xem như mặt tiền nhìn ra phố bị đục thủng, bên phải lối vào sân, một lỗ hình êke vừa là cửa ra vào vừa là cửa sổ, có cả cửa ván và khung, bức cửa ván duy nhất có chốt và bản lề trong toàn bộ ngôi nhà, cái khung duy nhất có ô kính. Phía sau mặt hàng nhìn ra phố ấy, có một phòng con, khoảng nhà xen vào chỗ vừa buồng ngủ vừa nhà kho. Trên cái cửa nhìn ra phố, người ta đọc được dòng chữ viết bằng than: Tại đây bán đồ quý. Từ đó người ta quen dùng câu nói ấy. Trên ba tấm ván sát vào lớp kính làm kệ, thấy có vài chiếc lọ sành không quai, một chiếc lọ Tàu bằng ruột bò có vẽ hình, lỗ chỗ, không giương không chụp được, ít mảnh sứ hoặc sa thạch chẳng ra hình thù gì cả, mấy cái mũ thủng của đàn ông hay đàn bà, ba bốn cái vỏ chai, vài gói khuy cũ bằng xương và bằng đồng, một hộp thuốc có chân dung Marie-Antoinette, và một tập Đại số của Boisbertrand không đủ bộ. Cửa hàng đấy. Cái mớ tạp nham ấy là “đồ quý”. Cửa hàng ăn thông bằng một cửa sau với mảnh sân có giếng. Trong cửa hàng có một cái bàn và một chiếc ghế đầu. Người đàn bà chân gỗ là bà chủ ng ồi qu ầy.

KHÁCH MUA ĐÊM, CHỦ BÁN TỐI

Clubin không đến Quán Ông Jean suốt cả tối thứ ba; chi ều thứ tư ông ta cũng không đến.

Chi ều hôm ấy, lúc xẩm tối, có hai người đi vào ngõ Coutanchez, họ dừng chân trước Quán Jacressarde. Một trong hai người gõ vào ô kính. Cánh cửa nhà hàng mở ra. Họ bước vào. Người đàn bà chân gỗ nở nụ cười dành cho dân tư sản. Trên bàn có một ngọn nến.

Hai người kia đúng là dân tư sản.

Trong hai người, tay gõ cửa nói:

- Chào bà. Tôi đến lấy cái của ấy đây.

Người đàn bà chân gỗ lại nở nụ cười thứ hai và đi theo lối cửa sau, mở vào mảnh sân có giếng. Một lúc sau, cánh cửa lại mở, và một người đàn ông xuất hiện trên khung cửa mở hé. Người này đội mũ lưỡi trai, mặc áo thụng, dưới lớp áo thụng có một vật c òm cộm. Y có mấy cọng rơm trên những nếp nhăn của chiếc áo thụng, và cặp mắt của một người vừa được gọi dậy.

Anh ta tiến lên. Hai bên nhìn nhau. Người mặc áo thụng có vẻ bỡ ngỡ và sắc sảo. Y nói:

- Ông chính là người buôn vũ khí?

Người gõ cửa đáp.

- Phải. Anh là Parisien?

- Tức Peaurouge. Phải.

- Anh cho xem đi.

- Đây.

Người kia rút trong áo thụng ra một khí cụ rất hiếm ở châu Âu thời ấy, một khẩu súng lục.

Khẩu súng lục còn mới và sáng loáng. Hai người tư sản xem xét súng. Anh chàng dường như quen biết ngôi nhà, mà tay mặc áo thụng gọi là “người buôn vũ khí”, lách cách thử súng. Anh ta trao món hàng cho anh kia, người này kém vẻ cùng thành phố hơn và ngoảnh lưng lại ánh sáng.

Tay buôn vũ khí lại hỏi:

- Bao nhiêu?

Người mặc áo thụng đáp:

- Tôi từ Mỹ sang với nó, có những người đem theo khí, vệt, súc vật, làm như người Pháp là dân mọi rợ. Tôi thì tôi mang theo món này. Đây là một phát minh có ích.

- Bao nhiêu?

- Pap. Một cú đầu, Pap. Một cú thứ hai. Pap... một tràng mà! Nó được việc lắm.

- Bao nhiêu?

- Nó có sáu nòng.

- Thế thì bao nhiêu?

- Sáu nòng, là sáu lu-i^[55].

- Anh đừng ý năm luy không?

- Không được. Mỗi viên đạn một lu-i... giá nó là thế.

- Chúng ta có muốn mua bán nghiêm chỉnh không? Ta nên biết đi ầu.
- Tôi đã nói đúng giá. Ông cứ xem kỹ đi, ông buôn súng ạ.
- Tôi đã xem kỹ rồi.
- Ổ máy xoay tít như ông Taleyrand^[56]. Người ta có thể bỏ cái ổ máy này vào Tủ điện cờ gió. Đúng là một thứ nữ trang.
- Tôi đã thấy nó rồi.
- Còn nòng súng, là của Tây Ban Nha đúc.
- Điềm đó, tôi đã chú ý đến.
- Đây là thép ép. Loại thép ấy, chế tạo như thế này. Người ta đổ cái gùi của anh nhật sắt cũ vào lò nung. Người ta đổ thật đầy sắt vụn, đinh cũ của thợ bịt móng ngựa, những sóng ngựa gãy...
- Và những xỉ sắt của lò than.
- Tôi đang định nói thế đấy ông buôn vũ khí ạ. Người ta cho đồng sắt vụn ấy đổ chảy ra, thế là được một tấm sắt tuyệt vời...
- Đúng, nhưng nó có thể có những lỗ hổng, những kẽ nứt, những khuyết điểm.
- Đúng, đúng! Nhưng người ta chữa các chỗ hư hỏng bằng mộng đuôi cá nhỏ, cũng như tránh những chỗ gập bằng cách nện thật khỏe. Người ta nện tấm sắt bằng búa đại, rồi nung thêm hai lượt đổ chảy; nếu sắt nung quá già, người ta hoàn trả bằng cách nung mềm và nện khẽ. Thế rồi người ta dát dài tấm sắt ra, đoạn cuốn nó lại trên sơ-mi, và với những thứ sắt ấy, hấp! Người ta làm ra loại nòng ấy.
- Ra anh cũng ở trong nghề ề?

- Nghề nào tôi cũng hay cả.
- Nòng súng màu xanh biếc.
- Thật tuyệt vời, ông buôn vũ khí ạ. Muốn đạt được thế, người ta dùng mớ ăngtimoan.

- Vậy chúng tôi xin nói là chúng tôi sẽ trả anh năm lu-i nhé.

- Tôi xin phép lưu ý ông là tôi đã hân hạnh nói sau lu-i.

Tay buôn vũ khí hạ giọng:

- Này anh Parisien, anh nghe đây. Anh nên chớp lấy thời cơ. Anh nên đây nó đi. Nó chẳng đáng gì với các anh, loại súng như thế này. Mà nói lại làm cho người ta đề ý.

- Kê ra, - Parisien nói - cũng hơi nhìn xa đấy. Để cho một nhà tư sản thì hơn.

- Anh đề nghị năm lu-i chứ?

- Không, sáu. Mỗi lỗ một.

- Thế thì sáu napoléons^[57] vậy.

- Tôi muốn sáu lu-i kia.

- Thế ra anh không phải phái Bonapartiste? Anh thích một lu-i hơn một napoléon à?

Parisien tức Peaurouge mỉm cười, nói:

- Napoléon giỏi hơn, nhưng Louis giá trị hơn.

- Sáu napoléon.

- Sau lu-i. Đối với tôi chênh lệch hẳn hai mươi bốn frăng.

- Thế thì đành thôi vậy.
- Được. Tôi giữ lại món đồ chơi.
- Thì anh giữ lấy.
- Bớt! Đòi nào! Không bao giờ tôi nhả một của mới phát minh như vậy đâu.
- Thế thì xin chào.
- Nó tiến bộ hơn loại súng ngắn mà người da đỏ sidapic gọi là Nortay-u-Hah.
- Năm lu-i thì tiền mặt, là vàng ròng.
- Nortay-u-Hah có nghĩa là Súng ngắn. Nhiều người không biết thế đâu.
- Anh có đồng ý năm lu-i, với một êquy nhỏ không?
- Thưa ngài, tôi đã bảo sáu.

Trong lúc diễn ra cuộc đối thoại con người vẫn ngoảnh lưng lại ngọn nến và từ nãy vẫn chưa nói gì chỉ thử cho ổ máy xoay. Anh đến gần tai người buôn vũ khí và thì thầm với y:

- Hàng tốt chứ?
- Hết ý.
- Tôi trả cả sáu luy đây.

Năm phút sau, trong lúc Parisien tức Peaurouge giấu vào một kẽ bí mật dưới nách áo thụng sáu đồng lu-i vàng vừa nhận được, thì tay buôn vũ khí cũng với người mua, rút khẩu súng lục trong túi quần, đi ra khỏi ngõ Coutanchez.

VIII

HÒN BI ĐEN CHẠM HÒN BI ĐỎ^[58]

Hôm sau, ngày thứ năm, cách Saint-Malo không xa, cạnh mũi Décollé, ở một nơi vách núi cao và biển sâu, xảy ra một việc bi đát.

Một dải núi hình mũi giáo, dính với đất liền nhờ một eo đất hẹp, chạy dài xuống nước và kết thúc đột ngột ở đấy bằng một tảng đá ngấm thẳng đứng; trong kiến trúc của biển cả chẳng có gì thường thấy hơn thế. Từ bờ muốn ra đến ngọn đồi có tảng đá thẳng đứng, phải lần theo một triền dốc đôi khi trèo lên khá nguy hiểm.

Chính trên một ngọn đồi loại ấy, vào quãng bốn giờ chiều, có một người đang đứng, mình quần áo khoác chỉ huy rộng, và hẳn là có vũ khí bên trong, đi đều đó để nhận thấy qua một vài nếp thẳng và gãy góc của chiếc áo. Chỗ đỉnh cao người ấy đứng là một mặt bằng khá rộng, rải rác có những hòn đá tảng, giống như những phiến đá lát đường thật to, và để chứa những lối đi hẹp. Mặt bằng ấy, có một thứ cỏ ngắn mọc dày, kết thúc phía biển bằng một quãng trống, dẫn đến một mép vách cheo leo. Vách biển, cao khoảng hai mươi mét trên biển cả dường như được cắt thẳng. Góc bên trái của nó tuy vậy cũng bị sụt lở và hình thành một kiểu cầu thang tự nhiên đặc biệt của vách núi hoa cương, mà các bậc trước không tiện lắm đôi khi đòi hỏi phải bước kiểu không lờ hoặc nhảy như hờrap xiếc, Núi dốc thẳng xuống đến tận biển và chui tọt xuống nước. Gần như một chỗ liêu mạng. Tuy nhiên, bất đắc dĩ cũng có thể nhờ lối ấy mà đáp thuyền đậu dưới vách núi.

Gió thổi hiu hiu. Con người quần áo khoác đứng vững vàng trên đôi chân, bàn tay trái nắm chặt khuỷu tay phải, neho một mắt và áp lên mắt kia

một cái kính viễn vọng. Dường như y đang thu hút vào một mục tiêu quan trọng. Y đi đến gần mép núi và đứng đấy, bất động, mắt đăm đăm dán chặt vào chân trời. Nước triều dang dăng. Phía dưới, sóng vỗ vào chân vách núi.

Cái mà người kia đang quan sát là một chiếc thuyền ngoài khơi đang đập dềnh một cách đặc biệt.

Chiếc thuyền ấy, vừa rời cảng Saint-Malo chưa đầy một tiếng, đã dừng lại sau dãy Banquetiers. Nó là một loại thuyền ba buồm. Nó không thả neo, có lẽ đáy biển chỉ cho phép buộc bằng cáp và vì thuyền có thể vướng neo vào mũi; nó đành phải kéo buồm đứng yên tại chỗ.

Người kia, vốn là lính bảo vệ bờ biển, như chiếc áo đồng phục của y cho thấy, theo dõi tất cả mọi cử động của chiếc thuyền ba buồm và hình như cố ghi vào óc. Chiếc thuyền đã giữ buồm cho thuyền đứng yên, gió trên gió trong; đi đều mà lá cờ vuông con và gió trong lá cờ vuông to chỉ rõ; nó đã cuốn buồm lái và cố sức hướng lá buồm tầng hai, để buồm nọ đối lập buồm kia và đón nhận ít gió và ít bị trôi dạt. Nó không lo phải hứng quá nhiều gió, vì nó chỉ quay lá buồm con vuông góc với sóng thuyền. Bằng cách ấy, ở thế chệch chệch, nó chỉ trôi dạt nhiều lắm mỗi giờ một nửa dặm.

Trời hãy còn sáng, nhất là giữa biển khơi và trên đỉnh vách biển. Chân bờ biển trở thành tối mịt.

Người gác bờ biển, tập trung hết tâm trí vào công việc và chăm chú theo dõi biển khơi, đã không nghĩ đến việc dò xét hòn núi bên cạnh và phía dưới. Y ngoảnh lưng lại cái cầu thang khó trèo nổi liền ngọn đũa của vách núi với biển cả.

Y không nhận thấy có một vật gì đó đang động đậy ở đấy. Trong cái cầu thang ấy, phía sau một chỗ mấp mô, có một người, đàn ông, chắc đã nấp ở đấy trước khi người gác bờ biển đến. Chốc chốc, trong bóng tối, một cái đầu từ dưới hòn núi lại nhô ra, nhìn lên, và theo dõi người đang theo dõi. Cái đầu này, đội một cái mũ Mỹ rộng vành, là đầu anh chàng, của tay quaker, trước đấy mười lăm hôm, đứng nói chuyện với thuyền trưởng Zuela giữa mấy hòn núi ở Petit-Bey.

Thình lình người gác bờ biển có vẻ tập trung chú ý gấp bội. Y lau vội mặt kính ống nhòm bằng tay áo dạ và cương quyết hướng ống nhòm vào chiếc thuyền ba buồm.

Một chấm đen vừa lách ra khỏi thuyền.

Điểm đen ấy, giống hệt một con kiến trên biển cả, là một chiếc xuồng con.

Chiếc xuồng dường như muốn vào đất liền, trên đó có vài ba thủy thủ, đang ra sức chèo, Nó đi chệch dần dần vào hướng mũi Décollé.

Việc đi theo dõi của người gác bờ biển đã đến lúc tập trung cao độ. Y không bỏ qua một cử động nào của chiếc xuồng. Y lại xích đến gần mép biển hơn nữa.

Lúc ấy một người cao to, tay quaker, xuất hiện sau lưng anh lính gác bờ biển, ở đầu cầu thang. Anh lính theo dõi không nhìn thấy hắn.

Hắn dừng lại một lúc, hai tay để thông, nắm chặt và với con mắt của kẻ đi săn nhấm bần, nhìn vào lưng người gác bờ biển.

Chỉ bốn bước chân ngắn cách hắn với người gác bờ biển, hắn để một chân lên trước, đoạn dừng lại, hắn bước thêm bước nữa, rồi lại dừng; hắn

không làm một động tác nào khác hơn là bước, toàn bộ thân mình còn lại của hắn là một pho tượng; chân hắn dẫm lên cỏ không một tiếng động, hắn bước bước thứ ba rồi dừng lại, hắn như gần chạm vào người gác bờ biển, vẫn trơ trơ với ống kính viễn vọng. Hắn thong thả thu hai nắm tay lại ngang tầm xương quai xanh, đoạn, thỉnh linh, hai cẳng tay hắn giáng xuống, là hai nắm tay hắn, như có lò xo, nện vào hai vai người gác bờ biển. Miếng đòn thật hiểm độc. Người gác bờ biển không kịp kêu tiếng nào. Anh đã đâm đầu từ trên đỉnh núi xuống biển sâu. Người ta thấy trong chớp nhoáng hai cái đế giày của anh. Như một tảng đá lăn nhào xuống nước. Tất cả khép kín như không.

Hai ba vòng tròn to khoanh khoanh trên mặt nước tối đen.

Chỉ còn mỗi cái kính viễn vọng rời khỏi bàn tay người gác bờ biển và rơi xuống đất trên mặt cỏ.

Tay quaker nghiêng mình trên mép núi, nhìn những vòng tròn nhòa dần trên sóng nước, chờ mấy phút, đoạn vừa thẳng người lên vừa khẽ hát qua kẽ răng:

Thế là Ông Cảnh Bình đã chết.

Mất luôn cả mạng.

Hắn cúi xuống nhìn một lần thứ hai. Chẳng có gì xuất hiện lại. Chỉ thấy trên mặt nước, chỗ người gác bờ biển chìm ngấm, hình thành một lớp màu nâu dày, rộng dần trên mặt sóng đung đưa. Có thể là người gác biển đã đập sọ vào một tảng đá ngầm nào đấy. Máu anh nổi lên và tạo thành cái vật kia trên bọt nước. Tay quaker vừa ngấm nhìn cái vũng đỏ quạch vừa hát tiếp:

“Mười lăm phút trước khi ông chết

Ông vẫn còn...”

Hắn không hát hết.

Hắn chợt nghe sau lưng có một giọng nói rất dịu dàng:

- Kìa, anh Rantaine. Xin chào. Anh vừa giết chết một người.

Hắn ngoảnh ngay lại, và thấy sau lưng hắn độ mười lăm bước, giữa một quãng cách của mấy quả núi, một người nhỏ bé lăm lăm khẩu súng lục.

Hắn đáp ngay:

- Đúng đấy. Xin chào, Sieur Clubin.

Người nhỏ bé bồng rùng mình.

- Anh nhận ra tôi sao?

- Thì anh đã nhận không sai tôi. - Rantaine đáp lại.

Trong khi ấy có tiếng mái chèo vỗ trên mặt biển. Đấy là chiếc xuồng con mà người gác bờ biển quan sát, đang tiến đến gần.

Sieur Clubin nói khẽ, như nói với chính mình.

- Làm nhay thật đấy.

- Có việc gì để hầu tiếp anh đây? - Rantaine hỏi.

- Cũng chẳng có gì nhieu. Đã mười năm nay tôi không trông thấy anh.

Hắn anh làm ăn phải khấm khá lắm. Anh có được khỏe không?

- Tốt - Rantaine nói - Thế còn anh?

- Rất tốt - Sieur Clubin đáp.

Rantaine bước một bước về phía Sieur Clubin.

Một tiếng gọn nhỏ lọt vào tai hắn. Sieur Clubin lên đạn súng lục.

- Rantaine, chúng ta đứng cách nhau mười lăm bước. Đó là một quãng cách tốt. Anh hãy đứng yên tại chỗ.

- Ra thế đấy - Rantaine nói - anh muốn gì ở tôi?

Rantaine không nhúc nhích nữa, Sieur Clubin nói tiếp.

- Anh vừa ám sát một người gác bờ biển. Rantaine hít vành mũ lên và đáp:

- Anh đã cho tôi cái hân hạnh được nghe anh nói đi đâu đó rồi.

- Bằng những lời kém cụ thể hơn. Ban nãy tôi nói: một người, bây giờ tôi nói: một người gác bờ biển. Người gác bờ biển này mang số hiệu sáu trăm mười chín. Y là bố trong gia đình. Y bỏ lại một vợ và năm con.

- Hắn là thế, - Rantaine nói.

Một khoảnh khắc dừng lại rất khó nhận thấy.

- Những lính gác bờ biển ấy là những con người ưu tú - Clubin nói - hầu hết là cựu thủy thủ.

- Tôi đã nhận thấy - Rantaine nói là nói chung người ta để lại một vợ và năm con.

Sieur Clubin tiếp tục:

- Anh đoán thử xem khẩu súng lục này tôi phải trả bao nhiêu?

- Đúng là một của quý đấy. - Rantaine đáp.

- Anh ước giá bao nhiêu?

- Tôi rất thích nó.

- Tôi đã mất với nó một trăm bốn mươi frăng đấy.

- Hẳn là anh phải mua cái của ấy - Rantaine nói - tại cửa hàng vũ khí phố Coutanchez.

Clubin nói tiếp:

- Y đã không kêu la. Ngã không kịp cất tiếng.

- Sieur Clubin ạ, đêm nay sẽ gió nhẹ.

- Chỉ có một mình tôi biết sự việc bí mật.

- Anh vẫn trọ tại Quán Ông Jean chứ? Rantaine hỏi.

- Phải, ở đấy không đến nỗi tồi lắm.

- Anh khỏe thật, Rantaine ạ! Anh cả vai lắm! Tôi chẳng muốn nhận một cái búng tay của anh đâu. Tôi chào đời ốm yếu đến nỗi người ta không biết có thành công trong việc nuôi nấng tôi không.

- Thì đã thành công rồi đấy thôi, sung sướng thật.

- Tôi vẫn giữ thói quen, lúc nào cũng trọ tại Quán Ông Jean cũ ấy.

- Sieur Clubin này, ông biết tại sao tôi nhận ra ông không? Chính là vì ông đã nhận ra tôi. Tôi nói: chỉ có Clubin tài thế.

Rồi hẳn bước tới một bước.

- Rantaine, đứng vào chỗ cũ.

Rantaine lùi lại và nói một mình:

- Người ta trở thành trẻ con trước những của nợ ấy.

Sieur Clubin nói tiếp.

- Tình huống. Bên phải, phía Saint-Énogat, cách đây ba trăm bước, chúng ta có một người gác bờ biển khác, số sáu trăm mười tám, đang sống, và bên trái, phía Saint-Lunaire, một đ̣ồn hải quan. Như vậy là bảy người đ̣ầy đủ súng ống có thể đến đây trong vòng năm phút. Quả núi sẽ bị bao vây. Đường đèo bị canh giữ. Không tài nào thoát nổi. Ở chân vách núi có một xác chết.

Rantaine liếc nhìn khẩu súng lục.

- Đúng như anh nói, Rantaine ạ. Đây là một cửa quý. Có thể là nó chỉ được nạp toàn thuốc súng. Nhưng như thế thì đã sao? Chỉ cần một tiếng nổ để gọi lực lượng vũ trang đến. Tôi có sáu phát tất cả.

Tiếng mái chèo thay nhau vỗ nghe đã rất rõ. Chiếc xuồng con không xa.

Con người cao to nhìn con người bé nhỏ, một cách khác thường, Sieur Clubin nói, giọng mỗi lúc một bình tĩnh và dịu dàng hơn.

- Rantaine, những người trên chiếc canô sắp đến, khi biết việc anh vừa mới làm ở đây ban này sẽ giúp sức để bắt giữ anh. Anh trả cho thuyền trưởng Zuela một vạn frăng về chuyến đi của anh. Nói thêm một chút, lẽ ra anh có thể trả rẻ hơn với cánh buôn lại Plainmont; nhưng họ chỉ đưa anh sang Anh thôi, vả lại anh không thể li ều lĩnh đi Guernesey, nơi mà người ta có hân hạnh được biết anh. Lại nói về tình huống. Nếu tôi nổ súng, là người ta tóm cổ anh ngay. Anh trả Zuela một vạn frăng. Zuela sẽ giữ chỗ năm nghìn frăng ấy và đi thẳng. Thế đấy, Rantaine ạ, anh cải trang khá lắm. Cái mũ kia, chiếc áo kỳ quặc kia và đôi ghệt kia làm anh khác hẳn. Anh đã quên mất cái kính. Anh để râu quai nón là phải.

Rantaine khẽ mỉm cười, nghe g ần như một tiếng nghiêng răng. Clubin nói tiếp:

- Rantaine, anh mặc chiếc quần chèn Mỹ hai túi. Trong một túi có chiếc đồng hồ của anh. Anh cứ giữ lấy nó.

- Cảm ơn, Sieur Clubin.

- Trong túi kia có một cái hộp sắt con đóng mở bằng lò xo. Đó là loại hộp đựng thuốc ngày xưa của thủy thủ. Anh hãy moi nó khỏi túi và vứt nó cho tôi.

- Thế là một trò ăn cắp!

- Anh cứ việc tự do gọi bảo vệ.

Và Clubin nhìn chằm chằm Rantaine.

- Này Mess Clubin^[59]... Rantaine vừa nói vừa tiến tới một bước, chìa bàn tay xòe rộng.

Mess là một lời nhỉnh hót.

- Đứng nguyên tại chỗ, Rantaine.

- Mess Clubin, chúng ta nên dàn xếp với nhau. Tôi biếu ông một nửa.

Clubin khoanh tay lại, để thò đầu khẩu súng lục ra ngoài.

- Rantaine, anh cho tôi là hạng người nào? Tôi là một người lương thiện.

Và ông ta nói thêm, sau một lúc im lặng:

- Phải đưa tôi tất.

Rantaine lầi bầi qua kẽ răng:

- Thằng này chơi cha thật.

Trong lúc ấy con mắt Clubin vừa lóe sáng. Giọng ông ta trở nên rành rọt

và sắc như thép. Ông ta nói to:

- Tôi thấy anh l ần to đấy. Chính anh tên là Ăn - cấp, còn tôi, tôi tên Hoàn - trả. Rantaine, anh nghe đây. Cách đây mười năm, đang đêm anh đã rời khỏi Guernesey, lấy trong két một hội buôn năm vạn frăng của anh, và quên để lại năm vạn frăng của một người khác. Số ti ền năm vạn frăng ấy, do anh ăn cắp của người chung vốn với anh, Mess Lethierry cao quý và đức độ, ngày nay cộng với lãi mẹ đẻ lãi con trong mười năm thành tám vạn một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu frăng sáu mươi sáu xăngtim. Hôm qua anh đã vào nhà một người đổi ti ền. Để tôi nói ngay tên y ra cho anh nghe.

Rébuchet, phố Saint-Vincent. Anh đã đến cho y bảy vạn sáu nghìn frăng bằng bạc giấy ngân hàng Pháp, y trao lại cho anh tờ giấy bạc của ngân hàng Anh, mỗi tờ một nghìn livrø xteclinh, với chỗ lẻ. Anh đã để mấy tờ bạc ấy trong cái hộp sắt đựng thuốc, và cái hộp sắt đựng thuốc trong cái túi con bên phải. Chỗ ba nghìn livrø xteclinh xem như bảy mươi lăm nghìn frăng. Nhân danh Mess Lethierry, tôi bằng lòng với số ấy. Ngày mai tôi đi Guernesey, và tôi muốn đưa số ti ền đó đến cho ông ta. Rantaine, chiếc thuyền ba bu ồm đứng ngoài kia là chiếc Tamaulipas. H ồi đêm, anh đã cho bỏ xuống thuyền hòm xiềng của anh lẫn lộn với túi và vali của trai bạn. Anh muốn rời khỏi nước Pháp. Anh có lý do của anh. Anh đi Arequipa. Chiếc xu ồng kia đến tìm anh. Anh chờ nó ở đây. Nó đang đến đấy. Người ta nghe rõ tiếng nó đang chèo. Để anh đi hay cho bắt giữ anh lại là tùy ở tôi. Nói thế là đủ. Vứt cái hộp sắt đựng thuốc đây cho tôi.

Rantaine mở túi con, móc ra một cái hộp nhỏ và vứt nó cho Clubin. Đấy là cái hộp sắt đựng thuốc. Nó lăn vào chân Clubin.

Clubin nghiêng người nhưng không cúi đầu và nhặt cái hộp thuốc bằng tay trái, vẫn chìa vào Rantaine cặp mắt của mình và sáu cái nòng của khẩu

súng lục.

Đoạn ông ta quát:

- Anh bạn, quay lưng lại.

Rantaine quay lưng lại.

Sieur Clubin kẹp khẩu súng lục vào nách, và bấm lò xo hộp thuốc. Cái hộp mở ra.

Nó đựng bốn tờ bạc, ba tờ một nghìn livrơ và một tờ mười livrơ.

Ông ta gập ba tờ giấy một nghìn livrơ lại, bỏ cả vào trong hộp sắt, đóng hộp lại và bỏ nó vào túi mình.

Đoạn ông ta nhặt ở đất một hòn sỏi, gói nó bằng tờ bạc mười livrơ, và nói:

- Quay mặt lại.

Rantaine quay mặt lại.

Sieur Clubin nói tiếp:

- Tôi đã bảo với anh rằng tôi bằng lòng với chỗ ba nghìn livrơ. Đây tôi trả anh mười livrơ.

Và ông ta ném cho Rantaine tờ bạc trong đó gói hòn sỏi.

Rantaine đá một cái văng tờ bạc và hòn sỏi xuống biển.

- Tùy anh thôi - Clubin - Thôi được, anh hẳn phải giàu lắm. Tôi rất yên tâm.

Tiếng mái chèo, cứ đến gần mãi trong lúc diễn ra cuộc đối thoại, bỗng ngừng bật. Như thế chứng tỏ chiếc xuồng đang ở dưới chân vách biển.

- Xe của anh đang đứng dưới kia, Rantaine, anh có thể đi được rồi.

Rantaine bước đến phía cầu thang và chui tọt xuống.

Clubin thận trọng đến bên bờ vách cheo leo và nhô đầu ra, nhìn hẳn đi xuống.

Chiếc canô dừng cạnh bậc đá cuối cùng, ngay chỗ người gác bờ biển ngã xuống.

Vừa nhìn Rantaine trèo xuống, Clubin vừa lầu bầu:

- Tội nghiệp anh chàng sáu trăm mười chín! Anh ta tưởng chỉ có một mình. Rantaine tưởng chỉ có hai. Mỗi mình ta là biết có ba.

Ông ta thấy ở chân, trên cỏ, cái kính viễn vọng mà người gác bờ biển đã để rơi. Ông ta nhặt nó lên.

Tiếng mái chèo lại tiếp tục. Rantaine vừa mới nhảy vào canô, và canô đang ra khơi.

Lúc Rantaine đã ở trên canô, sau mấy mái chèo đầu tiên, và khi vách biển bắt đầu xa dần sau lưng, hẳn bỗng đứng dậy đột ngột, gương mặt trở nên quái đản, hẳn trở nắm tay xuống nước và hét to:

- Ha, ha! Bản thân quỷ sứ cũng là một tên vô lại!

Mấy giây sau, Clubin, đứng trên vách biển và chĩa ống nhòm lên chiếc xuồng, nghe rành rọt những lời sau đây do một giọng nói oang oang thốt lên giữa tiếng rì rào của biển cả:

- Sieur Clubin, ông là người lương thiện, nhưng ông sẽ thấy là tôi cũng cần viết thư cho Lethierry, để báo cho ông ta biết sự việc; hiện trong canô có một thủy thủ Guernesey thuộc số hai bạn của thuyền Tamaulipas, tên

anh ta là Ahier Tostevin, anh ta sẽ trở về Saint-Malo theo chuyến thuyền sắp tới của Zuela và sẽ chứng nhận rằng tôi đã giao cho ông để trả lại Mess Lethierry số tiền ba nghìn livre xteclinh.

Đấy là giọng nói của Rantaine.

Clubin là con người chỉ biết làm việc phải. Đứng trông trông như người gác biển, và cũng vẫn ở chỗ ấy, mắt gắn chặt vào ống nhòm, ông ta không một phút rời khỏi chiếc canô. Ông ta nhìn thấy nó nhỏ nhất trong sóng nước, hết ẩn lại hiện, rồi đến gần chiếc thuyền đang đứng yên, cập vào mạn, và ông ta có thể nhận ra tầm dáng cao to của Rantaine trên boong thuyền Tamaulipas.

Lúc chiếc canô được rút lên mạn thuyền và đặt vào đúng chỗ, thuyền Tamaulipas lại chạy tiếp. Gió hiu hiu từ đất liền thổi ra, quạt vào tất cả các cánh buồm, ống kính của Clubin vẫn chĩa vào cái hình bóng mỗi lúc một thêm giản đơn, và nửa giờ sau thuyền Tamaulipas chỉ còn là một chiếc sừng đen, nhỏ dần trên bầu trời tái nhợt của hoàng hôn.

IX

CHỈ DẪN BỒ ÍCH CHO NHỮNG NGƯỜI CHỜ ĐỢI, HOẶC SỢ, NHỮNG BỨC THƯ TỪ HẢI NGOẠI

Đêm hôm ấy nữa, Sieur Clubin lại về muộn.

Một trong những lý do của việc về muộn đó là trước khi về, ông ta đã đi đến tận cửa hàng Dinan, nơi có nhiều hàng quán. Trong một tiệm ăn không có ai quen biết, ông ta đã mua một chai rượu trắng, bỏ nó vào cái túi rộng varo, như muốn giấu nó vào đấy; sau đó, vì tàu Durande sáng hôm sau phải

nhỏ neo, ông ta đã đảo lên tàu một vòng để yên trí là mọi việc đều chu đáo.

Lúc Sieur Clubin trở về Quán Ông Jean, trong căn phòng thấp chỉ còn có người thuy ền trưởng già đường dài, ông Gertrai-Gaboureau, đang ng ồi uống bia và phì phèo tẩu thuốc.

Ông Gertrai-Gaboureau chào Sieur Clubin giữa một hơi khói và tộp bia.

- Goodbye, thuy ền trưởng Clubin.
- Này, thế là thuy ền Tamaulipas đi r ồi.
- À! - Clubin nói - thế mà tôi không để ý.

Thuy ền trưởng Gertrai-Gaboureau khạc nhổ và nói:

- Chuẩn thôi, Zuela.
- Lúc nào thế?
- Tối nay.
- Lão đi đâu?
- Theo quỉ sứ.
- Hẳn r ồi; nhưng đi đâu?
- Đi Arequipa.
- Thế mà tôi chẳng hay biết gì cả - Clubin nói, r ồi tiếp thêm - Tôi đi nằm đây.

Ông ta châm nến, đi về phía cửa, r ồi quay lại:

- Này thuy ền trưởng Gertrai, ông đã đi Arequipa chưa?

- Đã. Cách đây mấy năm.
- Người ta ghé những đâu?
- Mọi nơi một tí. Nhưng thuyền Tamaulipas này sẽ không ghé lật vạt.

Ông Gertrai-Gaboureau dốc tàn thuốc trong tàu ra mép một cái đĩa, và nói tiếp:

- Ông biết chiếc duyên ngạn Ngựa thành Troie và chiếc thuyền ba buồm rất đẹp Trentemouzin, đã đi Cardiff đấy chứ. Vì thời tiết, tôi đã không tán thành chuyến ra khơi. Chúng ta đã trở về trong một tình trạng thảm hại. Chiếc duyên ngạn thì chở nhựa thông, nó bị nước vào, thế là trong lúc cho bơm chạy nó đã bơm cả nước cả hàng họ ra. Còn chiếc thuyền ba buồm thì bị hư hại nhất ở phần trên; sườn mũi, đầu thuyền, mìnô, sà neo bên cạy, tất cả gãy hết. Cần kéo buồm tam giác ở mũi gãy sát đến tận cọc. Còn xu-bac và thùng buộc buồm tam giác, đi mà xem có còn không. Cột buồm thì không sao; tuy vậy nó cũng lung lay nghiêm trọng. Toàn bộ phần sắt trên cột buồm cái mất sạch, và đi đâu không thể tin được là cột buồm cái chỉ bị nhá nát, nhưng đã hoàn toàn bị bóc nhãn. Lớp vỏ ngoài bên cạy bong đến hơn ba piê vuông. Đấy thế nào là không chịu nghe lời thiên hạ.

Clubin đã đặt cây nển lên bàn và cứ loay hoay ghim lại dây ghim trên cổ chiếc varo. Ông ta lại nói:

- Thuyền trưởng Gertrai, ông bảo thuyền Tamaulipas không ghé vạt phải không?
- Không. Nó đi thẳng Chile.
- Như thế thì trên đường đi nó không thể cho biết tin tức của nó.

- Xin lỗi thuyền trưởng Clubin. Trước tiên nó có thể trao các bức điện lại cho tất cả các tàu thuyền nó gặp đang giông buồm về châu Âu.

- Đúng thế.

- Sau đó nó có hòm thư ngoài biển.

- Ông nói cái gì là hòm thư ngoài biển?

- Thuyền trưởng Clubin, ông không biết cái ấy?

- Không.

- Khi đi qua eo biển Magellan.

- Thì sao?

- Khắp nơi tuyết rơi, trời lúc nào cũng xấu, gió lộng lộn như điên, biển thì chẳng ra gì.

- Sau đó?

- Khi ông đã đi quá mũi Monmouth.

- Được rồi. Sao nữa?

- Tiếp đó ông đi quá mũi Valentin.

- Rồi sao nữa?

- Tiếp đó ông đi quá mũi Isidore.

- Thế rồi?

- Ông đi qua mũi Anna.

- Được, nhưng ông gọi cái gì là hòm thư ngoài biển?

- Đang nói đến chỗ ấy đây. Bên phải núi, bên trái cũng núi. Khắp nơi

toàn chim cánh chụt, chim hải âu báo bão. Thật là một nơi khủng khiếp. Ôi! Lạy thánh, lạy thần! Sóng cao làm sao, gió dữ làm sao! Cùng phong chẳng cần phải ai đến phụ. Chính đây là nơi phải để ý đến lan can lái. Phải hạ bớt buồm! Phải buồm to bằng buồm tam giác, và thay buồm tam giác bằng buồm biến động. Gió hết đợt này đến đợt khác. Rồi đôi khi suốt bốn, năm, sáu ngày, chỉ đi dưới trời xấu. Thường thường cả một hệ thống buồm mới toanh mà chỉ còn trở lại vải xơ. Đúng là một điệu vũ lạ lùng! Có những cơn gió bốc cả một chiếc thuyền ba buồm như một con rắn. Tôi đã thấy trên một chiếc tàu Anh hai buồm chiếc True Blue, một thủy thủ nhóc con đang lúi húi ở gibboom bị bốc tít mù tang với cả cái gibboom. Người ta bay lên không cứ như bướm bướm. Tôi đã thấy viện đốc công thuyền Revenue, một chiếc hai buồm xinh xắn, bị giật khỏi mũi tàu, và chết tươi. Tôi đã có lần vỡ mất sườn tàu, và tan mất cái giữ ống máng. Ra khỏi đây là có bao nhiêu buồm đều mất sạch. Có những tàu buồm năm mươi tấn bị nước vào cứ như những cái thùng. Lại thêm cái bờ biển chết tiệt! Không đâu hiểm trở hơn. Núi non lởm chởm như trò chơi con trẻ. Gần đến Port-Famine. Ở đây, tệ hại hết chỗ nói. Tôi chưa bao giờ thấy gió dữ như thế. Cứ như những vùng bao quanh địa ngục. Thành linh người ta nhìn thấy hai chữ màu đỏ: Post Office.^[60]

- Ông định nói gì, thuyền trưởng Gertrais?

- Thuyền trưởng Clubin, tôi muốn nói là ngay sau khi đi qua mũi Anna, người ta thấy trên một hòn đá cao độ một trăm piê có một cái gậy. Đây là một cái cột treo lủng lẳng ở cổ một cái thùng. Cái thùng ấy là hòm thư. Chắc người Anh đã viết lên đây hai chữ: Post Office. Họ xen vào việc gì thế? Đây là bưu điện của đại dương; nó không phải của riêng của nhà quý tộc đáng kính là vua nước Anh đâu. Hòm thư ấy là của chung. Nó thuộc

quyền tất cả mọi sắc cờ. Post Office! Có khá rắc rối không? Cứ y như một chén trà mà quý sứ thành linh mời anh xơi cho. Bây giờ nói đến cách làm việc. Bất cứ tàu bè nào đi qua cũng gửi đến cái cọc một chiếc canô với số thư tín của mình. Tàu từ Đại Tây Dương đến gửi thư cho châu Âu, và tàu từ Thái Bình Dương đến gửi thư cho châu Mỹ. Người sỹ quan chỉ huy chiếc canô bỏ vào thùng cái gói của mình và lấy cái gói nằm trong ấy. Ông đảm nhận số thư ấy; chiếc tàu đến sau lại sẽ đảm nhận số thư của ông. Vì đi ngược chiều nhau nên lục địa ông rời đúng là lục địa tôi tới. Tôi đưa thư hộ ông, ông đưa thư hộ tôi. Cái thùng bị buộc vào cọc bằng một sợi xích. Mặc cho mưa rơi! Mặc cho tuyết phủ! Mặc cho mưa đá! Trời biển thật chẳng ra sao! Hải điều bay lượn tứ phía. Thuyền Tamaulipas sẽ đi qua đây. Cái thùng có một cái nắp tốt có bản lề, nhưng chẳng có khóa khiếc gì cả. Ông thấy không, người ta có thể gửi thư cho bạn bè. Thư tự khắc đến.

- Hay thật - Clubin mơ màng khẽ nói.

Thuyền trưởng Gertrai-Gaboureau quay lại với vai bia của mình.

- Cứ giả định tên Zuela vô lại ấy viết thư cho tôi, thằng bần tiện ấy tổng lá thư gà bới của nó vào cái thùng ở Magellan, và sau bốn tháng là tôi có được mảnh giấy nguệch ngoạc của tên khốn kiếp ấy. À, này thuyền trưởng Clubin, mai ông đi chứ?

Clubin, bị thu hút trong một thứ mộng du, không nghe thấy. Thuyền trưởng Gertrai nhắc lại câu hỏi.

Clubin chột tỉnh.

- Chắc chắn rồi, thuyền trưởng Gertrai ạ. Ngày của tôi mà. Sáng mai tôi phải đi.

- Địa vị tôi, tôi sẽ không đi. Thuyền trưởng Clubin ạ, da chó cảm thấy ướt lông. Hai đêm nay chim biển đến lượn vòng quanh hải đăng. Dấu hiệu không hay đấy. Tôi có một cái kính xem thời tiết nhì nhằng. Hiện chúng ta đang ở vào đầu tuần trăng; độ ẩm cao nhất. Ban này tôi thấy địa du cúp lá và một luồng chĩa ba chông ngược. Giun bò ra đất, ru ồi đốt, rất đau, ong không rời bọng, chim sẻ hỏi nhau. Nghe cả những tiếng chuông xa. Chiều nay tôi nghe tiếng chuông chiều của Saint-Lunaire. R ồi mặt trời lặn nom rất bản. Ngày mai sương mù sẽ rất dày cho xem. Tôi khuyên ông không nên đi. Tôi sợ sương mù hơn cả gió dữ. Sương mù là một tên đại nham hiểm.

QUYÊN SÁU

NGƯỜI LÁI TÀU SAY VÀ NGƯỜI THUYỀN TRƯỞNG TIẾT ĐỘ

I

HÒN DOUVRES

Cách độ năm dặm, ngay giữa biển khơi, về phía nam Guernesey đối diện với mũi Plainmont, giữa những hòn đảo vùng biển Manche và Saint-Malo, có một nhóm đá ngầm gọi là Hòn Douvres. Đây là một địa điểm buồm thám.

Cái tên đó, Douvre, Dover, dùng để gọi nhiều hòn ngầm và vách biển. Đáng chú ý nhất, cạnh bờ biển Bắc có một Núi Douvres trên đấy ngày nay người ta xây dựng một ngọn hải đăng, đấy là một mỏm ngầm nguy hiểm, nhưng không được liên với hòn này.

Điểm ở nước Pháp gần Hòn Douvres nhất là mũi Bréhant. Hòn Douvres hơi cách xa bờ biển nước Pháp hơn cách hòn đảo đầu tiên của quần đảo Normand. Quãng cách từ mỏm ngầm này đến Jersey gần bằng cạnh thuyền lớn của Jersey. Nếu đảo Jersey quay trên Corbière như trên bản lều thì mũi Sainte-Catherine sẽ gần chạm vào Hòn Douvres. Quãng cách ở đây còn hơn bốn dặm.

Trên các vùng biển vắng minh ấy, những hòn núi hoang dã nhất cũng ít khi vắng bóng người. Người ta gặp bọn buôn lậu ở Hagot, cánh hải quan ở Binic, người Celt ở Bréhat, dân mò trai ở Cancale, dân săn thỏ ở Césambre, hòn đảo của César, dân bắt cua ở Brecq-Hou, dân đi te ở Minquiers, dân đánh cá vược ở Écré-Hou. Tại Hòn Douvres chẳng có ai cả.

Chim biển xem đây là nhà của chúng.

Không một nơi gặp gỡ nào ghê sợ hơn. Hòn Casquets, nơi mà người ta bảo là tàu Blanche Nef đã mất tích, bãi Calvados, những mũi nhọn của đảo Wight, hòn Ronesse làm cho bờ biển Beaulieu nguy hiểm là thế, vực Préal chọn ngang lối vào Merquel và buộc phải đặt cách ba mươi sải các hải tiêu đó, những tiệm cận phản trắc Etables và Plouha, hai tế sư bằng đá hoa cương ở phía nam Guernesey, hòn Anderio lớn và hòn Anderlo con, hòn Corbière, các hòn Hanois, đảo Ras nổi tiếng hãi hùng với câu tục ngữ: Vô phúc đi tới đảo Ras, không chết mà ra, cũng run như cầy sấy, những hòn Mortes-Femmes, lối qua bãi Boue và bãi Frouquie, hòn Déroute giữa Guernesey và Jersey, hòn Hardent giữa Minquiers và Chausey, hòn Mauvais Cheval giữa Boulay-Bay và Barneville, tất cả đều không tai hại bằng. Thà lần lượt đương đầu với tất cả những bãi ngầm ấy còn hơn một lần đứng trước Hòn Douvres.

Trên toàn bộ vùng biển Manche nguy hiểm này, biển Égée của phương Tây, thì vòm mặt khủng khiếp chỉ có hòn ngầm Pater-Noster giữa Guernesey và Serk mới có thể sánh kịp Hòn Douvres.

Hơn nữa, từ Pater-Noster người ta có thể làm dấu hiệu; gặp tai nạn đây còn hy vọng được cứu thoát. Phía bắc nhìn thấy mũi Dicard hay d'Icare, và phía nam thấy Gros-Nez, từ Hòn Douvres chẳng nhìn thấy gì cả.

Bên bề gió, nước, trời, mây, vô biên, không một bóng người. Đã đến Hòn Douvres thì chỉ có lạc mất đường về. Những mỏm hoa cương hình thù hung bạo góm gốc. Khắp nơi vách núi cheo leo. Vực sâu rừng rợn không mến khách.

Ngay giữa biển khơi. Nước ở đây rất sâu. Một hòn ngầm toàn cách biệt

như Hòn Douvres thường thu hút và che chở những muông thú cần xa lánh con người. Nó là một thứ thạch tâm rộng ở dưới biển, một mê cung bị chìm ngập. Ở đây, dưới một tầng sâu mà thợ lặn cũng khó đến, có những hang, hẻm, sào huyết, những chỗ giao nhau của nhiều con đường tối mịt. Ở đây đầy rẫy những giống vật kỳ quái. Chúng cắn xé lẫn nhau. Cua ăn cá rồi chúng lại bị ăn. Những hình thù khủng khiếp, sinh ra để mắt người không nhìn thấy sống lang thang trong chốn mịt mù ấy. Ở đây những hình dáng mơ hồ như mồm, râu, như vôi, vây, như hàm há rộng, như vảy, móng như càn bành bồng, run rẩy, to lên, nhũn ra, và nhòa tan vào chất trong suốt ác hại. Từng bày sinh vật khủng khiếp bơi lội mò mẫm, muốn làm gì thì làm. Đúng là một ổ giao long.

Ở đây là cảnh rừng rợn lý tưởng.

Nếu có thể, bạn cứ hình dung một đám hải sâm lúc nhúc.

Nhìn vào lòng biển cả, là nhìn cảnh tượng của cõi xa lạ. Tức là nhìn vào nó từ khía cạnh khủng khiếp... Vực sâu cũng tương tự như đêm tối. Ở đây cũng có cảnh yên ngủ, ít ra là ngủ bên ngoài của lương tâm của sáng tạo. Tại đây diễn ra hoàn toàn yên ổn những tội ác vô trách nhiệm. Tại đây, trong một cảnh thanh bình ghê rợn, những phôi thai của sự sống, gần như ma quỷ, hoàn toàn như yêu quái, làm những công việc hung ác của bóng tối.

Cách đây bốn mươi năm, có hai hòn núi hình dáng kỳ dị báo hiệu từ xa cho những người qua lại trên đại dương biết sắp đến bãi ngầm Douvres. Đây là hai mồm núi thẳng đứng, nhọn và cong, đỉnh gần chạm vào nhau. Nhìn cứ tưởng như hai chiếc ngà một con voi bị chìm ngập từ dưới biển nhô lên. Có đi đâu đây là những chiếc ngà, cao như ngọn tháp, của một con voi to bằng một quả núi. Hai ngọn tháp thiên nhiên ấy của thành phố quái

vật đen tối chỉ chừa có một lối đi ở giữa cho sóng nước tống vào. Lối đi này, ngoằn ngoèo và trên chiều dài của nó có những chỗ gấp khúc như một đoạn đường hai bức vách. Người ta gọi mấy quả núi sinh đôi này là Hòn Douvres lớn và Hòn Douvres con; một hòn cao sáu mươi piê, một hòn bốn mươi piê. Sóng nước qua lại cuối cùng đã cưa một mạch vào chân hai ngọn tháp, và tiết phân khủng khiếp ngày 26 tháng mười năm 1858 đã hất nhào một ngọn. Ngọn còn lại, ngọn bé, bị cắt cụt và mòn dầ.

Một trong những hòn núi kỳ lạ trong nhóm Hòn Douvres tên là núi Thằng Người. Hiện nay hòn này vẫn còn. Thế kỷ trước một số dân chài, lạc đến bãi ng ầm, đã tìm thấy trên đỉnh núi này một xác chết. Cảnh xác chết có vô khối trai sò rộng ruột. Một người bị đắm tàu chỗ ngọn núi này, đã trú ẩn ở đấy, đã sống ở đây một thời gian bằng trai, sò và đã chết ở đây. Vì vậy mà có cái tên núi Thằng Người.

II ÍT RƯỢU CÔ-NHẮC BẤT NGỜ

Sáng thứ sáu, hôm sau ngày khởi hành của thuyền Tamaulipas tàu Durande di Guernesey.

Nó rời Saint-Malo vào lúc chín giờ.

Trời trong xanh, không có sương mù; thuyền trưởng già Gertrais Gaboureau có vẻ như đã nói lẫn thân.

Những việc bận rộn của Sieur Clubin chắc chắn đã làm cho ông ta gần lờ hết việc chở hàng. Ông ta chỉ chở có mấy kiện hàng xa xỉ phẩm Paris cho các cửa hàng.

Ở Saint-Pierre-Port, ba hòm cho bệnh viện Guernesey, một hòm xà phòng vàng, một hòm nến cây, và hòm thứ ba là da đế Pháp và da cừu loại tốt. Ông ta còn chở trả lại một két đường và ba két chè thuộc thuyền hàng trước, mà hải quan Pháp đã không cho nhập. Sieur Clubin có chở một ít gia súc; chỉ mấy con bò. Sõ bò này buộc sơ sài ở dưới khoang.

Trên tàu có sáu hành khách, một người Guernesey, hai người Saint-Malo buôn bò, một “nhà du lịch” như thời ấy người ta gọi, một người Paris bán tư sản, có lẽ là khách du lịch buôn bán, và một người Mỹ đi chơi để phân phát sách Kinh Thánh.

Tàu Durande, không kể thuyền trưởng Clubin, có bảy trai tráng, một lái tàu, một xúc than, một thợ mộc, một nấu bếp, khi cần cũng là phụ máy, hai đốt lò và một thủy thủ nhóc con. Một trong hai người đốt lò đồng thời là thợ máy, người đốt lò - thợ máy này là một anh da đen Hà Lan rất hiền lành và rất thông minh, trốn từ nhà máy đường Surinam ra, tên là Imbrancam. Anh da đen Imbrancam hiểu biết nhiều về máy và phụ máy rất tốt. Thời gian đầu, xuất hiện đen thui thúi trong hầm lò, anh ta không ít làm cho tàu Durande có một vẻ ma quái.

Người lái tàu, sinh trưởng ở Jersey và quán tại Cotentin, tên là Tangrouille. Tangrouille thuộc gia đình quý tộc.

Điểm này đúng theo nghĩa đen của nó. Các đảo trên biển Manche cũng như nước Anh, là một đất quan giai. Ở đấy vẫn còn đẳng cấp. Các đẳng cấp bao giờ cũng có tư tưởng của mình, đấy là sức mạnh che chở của chúng. Những tư tưởng đẳng cấp ấy ở đâu cũng giống nhau, ở Ấn Độ cũng như ở Đức. Giai cấp quý tộc chiếm được địa vị nhờ cung kiếm và suy tàn vì lao động. Nó tồn tại nhờ ăn không ngừng nghỉ. Không làm gì cả là sống

kiểu quý tộc; kẻ nào không lao động đều được quý trọng. Nghề nghiệp làm mất uy thế. Ở nước Pháp ngày xưa, chỉ những người làm nghề thủy tinh mới thuộc ngoại lệ. Vì nốc cạn chai cũng phần nào là vinh quang của cánh quý phái, nên họ xem việc làm chai không phải là mất danh giá. Trên quần đảo Manche cũng như ở Đại Anh quốc, kẻ nào muốn giữ địa vị quý tộc đều phải giàu có. Một người lao động không thể là một người quý phái. Dù trước họ có là quý phái, thì nay họ không còn như thế nữa. Một thủy thủ dòng dõi hiệp sĩ sứ quân chỉ là một thủy thủ cách đây ba mươi năm, ở Aurigny, có một anh chàng Gorges chính cống, lẽ ra anh có có quyền hưởng lãnh địa của Gorges đã bị Philippe-Auguste tịch thu, đi chân không vớt rong tảo ngoài biển. Một anh Carteret làm nghề đánh xe bò ở Serk. Một tiểu thư De Veulle, cháu của Pháp quan De Veulle lúc sinh thời làm chánh án Jersey, đã đi ở cho người viết những dòng chữ này. Ở Jersey có một người làm da, và ở Guernesey cũng có một người thợ giày tên là Gruchy, họ tự nhận là Grouchy và anh em thúc bá với thống chế Waterloo. Mục lục tài sản của giám mục giáo khu Coutances có ghi lại một thái ấp của Tangroville, chắc chắn có họ hàng với Talcarville, miền hạ sông Seine, là Montmorency. Vào thế kỷ thứ mười lăm, Johan de Héroudeville, cung thủ và giữ tài liệu của ngài Tangroville, vẫn cầm “áo giáp và các mã cụ khác” theo sau ngài. Tháng năm năm 1371, ở Pontorson, theo nhận xét của Bertrand Du Guesclin, “ông de Tangroville đã thi hành nhiệm vụ theo tư cách hiệp sĩ tập sự”. Ở các đảo Normandie, nếu chẳng may mà nghèo khổ là tức khắc bị loại trừ ra khỏi hàng ngũ quý tộc. Chỉ cần thay đổi trong cách phát âm là đủ. Tangroville trở thành Tangrouille, và thế là xong.

Đây là đi đầu đã xảy đến với người lái tàu Durande.

Tại Saint-Pierre-Port, ở Bordage, có một người bán sắt cũ tên là

Ingrouille, có thể anh ta thuộc dòng họ Ingroville. Dưới triều đại Louis Le Gros, dòng họ Ingroville có ba giáo khu trong khu vực bầu cử Valognes. Một tu viện trưởng Trigan này vốn là linh mục của lãnh địa Digoville. Ngài quý tộc Digoville, nếu chẳng may sa sút, sẽ mang tên Digouille.

Tangrouille, anh chàng có lẽ là Tancarville và rất có thể là Montmorency này, có cái đức tốt xưa kia của con nhà quý tộc, nhưng lại là khuyết điểm trầm trọng đối với một người lái tàu, anh ta nghiện rượu.

Sieur Clubin vẫn nhất định giữ anh ta, và đứng ra bảo lãnh cho anh ta với Mess Lethierry.

Tangrouille không bao giờ rời khỏi tàu và ngủ ngay trên tàu.

Đêm hôm trước ngày khởi hành, lúc Sieur Clubin đến, khá khuya, tuấn tra tàu vào giờ Tangrouille đang nằm trên võng của anh và đang ngủ.

Đêm khuya Tangrouille tỉnh dậy. Đây là thói quen ban đêm của anh. Bất cứ tay nghiện rượu nào không làm chủ được mình đâu có chỗ cất giấu riêng. Tangrouille cũng có chỗ giấu riêng, và anh gọi là kho lương của anh. Kho bí mật của Tangrouille ở trong khoang nước. Anh đặt nó ở đấy để không ai ngờ đến. Anh tin chắc chỗ ấy chỉ có mình anh biết. Thuyền trưởng Clubin, vốn là người tiết độ, rất nghiêm khắc. Chút ít rượu rum và rượu gin mà tay lái tàu có thể giấu thoát sự canh giữ nghiêm ngặt của thuyền trưởng, anh đâu để dành trong cái xó bí mật dưới khoang nước, ở đấy một cái chậu thăm dò, và hầu như đêm nào anh cũng phải một lần gặp gỡ ái ân với cái kho lương ấy. Canh giữ thì nghiêm ngặt, chèn chén thì nghèo nàn, và thường lệ những phóng túng ban đêm của Tangrouille cũng chỉ hạn chế trong vài ba ngụm lén lút tạp vội. Đôi khi kho lương còn rộng không nữa là khác. Khuya hôm ấy Tangrouille đã tìm thấy ở đấy một chai

rượu trắng bất ngờ. Niềm vui lớn, kinh ngạc lại càng lớn hơn. Cái chai này từ đâu rơi xuống cho anh? Anh không sao nhớ được mình đã đem nó xuống tàu vào lúc nào và bằng cách nào. Anh đã uống ngay lập tức. Phần nào vì phòng xa; sợ chỗ rượu ấy bị phát hiện và tịch thu. Anh đã vứt chai xuống biển. Hôm sau, lúc cầm tay lái, Tangrouille có hơi lão đảo.

Tuy vậy anh vẫn đi đều khiến găng như thường lệ.

Còn Clubin thì, như ta đã biết, đã trở về ngủ ở Quán Ông Jean.

Ông ta luôn luôn thắt bên trong sơ mi một chiếc thắt lưng đi đường bằng da, trong đó ông ta để phòng độ hai mươi ghinê, và chỉ ban đêm ông ta mới bỏ nó ra. Mặt trong chiếc thắt lưng ấy, có tên ông ta, Sieur Clubin, tự tay viết trên mặt da sần sùi bằng mực dàu in, không phai.

Sáng dậy, trước khi đi, ông ta đã nhét vào trong thắt lưng cái hộp sắt đựng bảy vạn năm nghìn frăng tiền giấy, đoạn như thói quen ông ta thắt thắt lưng vào người.

III NHỮNG CÂU CHUYỆN NHÁT GỪNG

Việc khởi hành rất nhanh gọn. Một vali và túi du lịch đã đặt lên ghế hoặc đút xuống gầm, du khách đều đi xem tàu, việc mà người ta không bao giờ bỏ qua, và dường như bắt buộc vì nó quá thông thường. Hai người trong số hành khách, nhà du lịch và tay người Paris, chưa bao giờ nhìn thấy tàu hơi nước, nên khi bánh xe vừa bắt đầu quay là họ đã trầm trồ bật sóng. Đoạn trầm trồ làn khói. Họ xem xét từng thứ một, và hầu như từng li từng tí trên boong và trong cầu boong, tất cả những dụng cụ hàng hải như

vòng sắt, mấu sắt, móc sắt, bù-loong; vì chính xác và sít sao quá chúng trở thành những thứ trang sức đồ sộ bằng sắt được bao tấp mạ cho một lớp gỉ ngoài. Họ đi vòng quanh khâu đại bác báo động nhỏ buộc trên boong, “bằng xích sắt như một con chó giữ nhà”, nhà du lịch nhận xét, và “phủ áo bơ lu bằng vải dầu cho khỏi lạnh”, anh người Pháp tiếp thêm. Vừa rời khỏi đất liền người ta vừa trao đổi những nhận xét thông thường về phong cảnh Saint-Malo; một hành khách đưa ra một định lý rằng những vùng tiếm cận ngoài biển thường đánh lừa con mắt, và khi cách bờ biển một dặm, không gì giống Ostende bằng Dunkerque. Thêm vào những đi đầu nói về Dunkerque người ta nhận xét rằng hai chiếc thuyền canh sơn đỏ của nó một chiếc tên là Ruyingen và chiếc kia tên là Mardyck.

Xa xa Saint-Malo mỏng dần, rồi biến mất.

Vẻ ngoài của biển cả là một cảnh yên tĩnh bao la. Làn nước rẽ trên đại dương phía sau tàu vạch thành một con đường dài viền tua bọt sóng, kéo mãi tới tận gần như không có chỗ nào cong.

Guernesey nằm giữa một đường thẳng kéo suốt từ Saint-Malo ở Pháp đến Exeter ở Anh. Đường thẳng ngoài biển không phải lúc nào cũng là đường hợp lý. Tuy vậy trong một chừng mực nào đó, tàu hơi nước vẫn có khả năng đi theo đường thẳng mà tàu buồm không theo được.

Biển cả, bị gió làm thêm phức tạp, là tổng hợp của nhiều sức mạnh. Một chiếc tàu là tổng hợp nhiều máy móc. Sức mạnh là những máy móc vô biên, máy móc là những sức mạnh có giới hạn. Chính giữa hai tổ chức ấy một bên vô tận, một bên thông minh đã diễn ra cuộc chiến đấu gọi là ngành hàng hải.

Trong một bộ máy, ý chí giữ vai trò đối trọng của vô biên. Vô biên cũng

thế, cũng có một bộ máy. Các nguyên tố cơ bản biết việc chúng làm và đường chúng đi. Không một sức mạnh nào mù quáng cả. Con người phải rình mò các sức mạnh, và cố gắng phát hiện ra đường đi của chúng.

Trong lúc chờ đợi tìm được quy luật, cuộc chiến đấu vẫn tiếp diễn, và trong cuộc chiến đấu ấy, ngành hàng hải bằng hơi nước là một loại chiến thắng vĩnh viễn mà thiên tài con người hằng ngày hằng giờ giành được trên các điểm của biển cả. Ngành hàng hải hơi nước có mặt đáng ca ngợi là nó buộc được tàu bè phải tuân theo kỷ luật. Nó giảm bớt sự vâng theo sóng gió và tăng thêm sự nghe theo con người.

Chưa bao giờ tàu Durande hoạt động trên biển tốt hơn ngày hôm ấy. Máy chạy thật tuyệt.

Quãng mười một giờ, gặp lúc gió mát bắc-tây bắc, tàu Durande đang ở ngoài khơi các hòn Minquiers, xả hơi rất ít, chạy bên phía tây dương buồm bên phải và bám thật sát gió. Trời luôn luôn trong xanh, êm ả. Tuy nhiên các tàu đánh cá lại lục tục quay về

Dần dần, hình như ai cũng nghĩ đến việc quay về cảng, biển cả vắng hẳn bóng tàu bè.

Không thể nói là tàu Durande vẫn hoàn toàn đi theo đúng con đường quen thuộc của nó. Trai tráng không chút bận tâm, tin tưởng tuyệt đối vào thuyền trưởng; tuy vậy, có lẽ vì lỗi của người lái tàu, cũng có chệch hướng đôi chút. Tàu Durande hình như đi Jersey chứ không phải đi Guernesey. Sau mười một giờ một tí, thuyền trưởng đi đâu chỉnh lại hướng, và tàu quay mũi đúng về Guernesey. Chỉ mất chút ít thì giờ. Gặp tiết ngày ngắn, việc mất thì giờ có những bất tiện của nó. Hôm ấy là một ngày nắng đẹp tháng hai.

Tangrouille, trong tình trạng anh ta, chân đứng không vững lắm mà tay cũng không lấy gì làm chắc. Kết quả dẫn đến là người lái tàu hiên lành thường chệch hướng, thành thử làm chậm tiến trình.

Gió gần như đã lặng.

Ông khách Guernesey tay cầm một cái kính viễn vọng, thỉnh thoảng lại hướng ống kính lên một đám sương mù nhỏ xám xám, bị gió kéo thông thả về cuối chân trời tây, và giống như một lớp bông nõn quấn bụi.

Thuyền trưởng Clubin vẫn mang bộ mặt khắc khổ của tín đồ thanh giáo. Ông ta dường như đang chăm chú gấp bội.

Trên tàu Durande mọi việc đều yên ổn và hầu như vui vẻ. Hành khách chuyện trò. Trên một chuyến đi biển, nhắm mắt lại người ta có thể nhận định được tình hình trời biển qua rung động của các câu chuyện. Trí óc hoàn toàn tự do của hành khách thích hợp với cảnh sóng nước thanh bình tuyệt đối.

Chẳng hạn một cuộc đối thoại như sau không thể có được nếu gặp một cảnh trời biển thật yên lặng.

- Này ông, ông nhìn xem con ruồi xanh đỏ kia xinh chưa.
- Nó bị lạc ra biển và nghỉ cánh trên tàu ấy.
- Ruồi ít mỗi cánh lắm.
- Thì nhẹ thế mà lại. Gió cứ đưa nó đi.
- Ông ạ, người ta đã cân thử một lạng ruồi, con người ta đếm và thấy là được sáu nghìn hai trăm sáu mươi tám con.

Anh chàng Guernesey cầm ống nhòm đã đến cạnh anh Saint-Malo buôn

bò và câu chuyện của họ đại khái như sau:

- Giống bò Aubrac ức tròn và lực lưỡng, chân ngắn, lông vàng. Làm việc thì chậm vì chân ngắn quá.

- Về phương diện ấy, thì bò Salers ăn đứt bò Aubrac.

- Ông ạ, trong đời, tôi đã được nhìn thấy hai con bò đẹp tuyệt. Con thứ nhất, chân thấp, ức đầy, đuôi chắc, háng rộng, từ gáy đến mông rất dài, bước vai rất cao, mỡ rất nhiều, da dễ lột. Con thứ nhì, có tất cả các dấu hiệu được vỗ béo rất cẩn thận, ức to gọn, cổ khỏe, chân nhẹ, lông trắng và đỏ, đuôi xệ.

- Thế thì giống Cotentin r ấ.

- Đích thị, nhưng có lẽ lai bò Angus hoặc bò Suffolk.

- Ông ạ, ông tin tôi hay không tùy ý, chứ ở miền nam có những cuộc thi lừa kia đấy.

- Thi lừa?

- Thi lừa. Đúng như tôi được hân hạnh xem. Và chính những con xấu lại là những con đẹp.

- Thế thì y hệt giống la cái r ấ. Chính những con xấu lại là những con tốt.

- Đúng thế. Ngựa cái Poitevine. Bụng to, chân to.

- Con la cái nổi tiếng nhất là một cái thùng tô-nô đặt trên bốn cái cột.

- Cái đẹp của súc vật không giống cái đẹp con người.

- Nhất là phụ nữ.

- Đúng đúng.

- Tôi thì tôi thấy đàn bà cần phải đẹp.

- Còn tôi thì tôi cho là đàn bà cần phải ăn mặc cho nó tử tế.

- Phải gọn gàng, sạch sẽ, chỉnh tề, chải chuốt.

- Về mới toanh. Một cô con gái, là luôn luôn phải từ tiệm nữ trang bước ra.

- Tôi xin quay lại những con bò của tôi. Tôi đã thấy bán mấy con bò ấy ở chợ Thouars.

- Chợ Thouars thì tôi còn lạ gì. Cánh Bonneau ở La Rochelle và cánh Bahu, dân buôn lúa mì ở Marans, không biết ông có được nghe nói không, thường phải đến chợ ấy đấy.

Nhà du lịch và ông khách Paris nói chuyện với tay người Mỹ Kinh Thánh. Ở đây, câu chuyện cũng rôm rả như thế.

- Ông ạ - nhà du lịch nói - đây là trọng tải bất thường của thế giới văn minh, Pháp, bảy trăm mười sáu nghìn tô-nô; Đức, một triệu; Mỹ, năm triệu; Anh, năm triệu năm mươi vạn. Thêm vào đấy mười bốn nghìn tô-nô chia cho mười bốn vạn năm nghìn chiếc tàu rải rác trên mặt nước của địa cầu.

Tay người Mỹ cắt ngang:

- Ông ạ, chính nước Mỹ có năm triệu năm mươi vạn.

- Tôi đừng ý điểm ấy - nhà du lịch nói - Ông là người Mỹ?

- Thưa ông, vâng.

- Tôi cũng đừng ý điểm ấy.

Im lặng một lúc, tay truyên giáo người Mỹ phân vân không biết có phải trường hợp nên tặng một cuốn Kinh Thánh không.

- Thừa ông - nhà du lịch nói tiếp - có thật ở Mỹ các ngài dùng biệt danh đến nỗi khoác chúng lên tất cả những bậc danh tiếng của các ngài, và các ngài gọi ông chủ ngân hàng tài ba Thomas Benton, người Missouri, là thỏi vàng cũ có phải không.

- Cũng như chúng tôi gọi Zacharie Taylor là ông già Zach.

- Và ông già Harrison là lão già Tip phải không? Và tướng Jackson là ông lão Hickory phải không?

- Vì Jackson cũng như gỗ hickory, và vì Harisson đã đánh bại người da đỏ ở Tippecanoe.

- Đây là một người Byzantine đấy.

- Đấy là một của chúng tôi. Chúng tôi gọi Van Buren là tay phù thủy con, Seward, người đã cho cắt xén giấy bạc là Billy con, và Douglas, thượng nghị viện bang Illinois, cao bốn piê và có tài hùng biện, là tên Không Lờ Nhỏ. Ông có thể đi từ Texas đến Maine mà vẫn không gặp ai nói đến tên Cass, người ta gọi là tay Misigang Lớn; cũng chẳng ai nói Clay, người ta gọi là thằng nhỏ Cối xay có sẹ, Clay là con trai một người chủ máy xay.

- Tôi lại thích nói Clay hay Cass hơn - tay người Paris nhận xét - nó ngắn gọn hơn.

- Thế thì ông không biết xử thế trong xã hội. Chúng tôi gọi Corwin, thư ký ngân hàng, là thằng nhỏ xe bò. Daniel Webster là Đấng Ten. Còn Vinfield Scott, đúng như tư tưởng đầu tiên của ông ta, sau khi đánh bại quân Anh ở

Chippeway, đã ng ửi vào bàn chúng tôi gọi ông ta; là Nhanh nhanh - một đĩa súp.

Đám mù trông thấy đàng xa đã lớn dần. Bây giờ nó chiếm một quãng chừng mười lăm độ trên chân trời. Tưởng như một dải mây là là trên mặt nước vì không có gió. Gần như không còn một tí gió nhẹ nào. Mặt biển phẳng lì. Mặc dầu không phải giữa trưa, mặt trời cũng nhợt nhạt. Nó chiếu sáng nhưng không còn sức sống.

- Tôi cho là - nhà du lịch nói - trời sắp sửa giở mặt đấy.

- Có lẽ sắp mưa - anh người Paris nói.

- Hoặc sương mù - tên người Mỹ tiếp lời.

- Ông ạ - nhà du lịch đáp - bên Italia, Molfetta là nơi ít mưa nhất, và Tolmezzo là nơi mưa nhiều nhất.

Đến giữa trưa, theo lệ thường trên quần đảo, người ta kéo chuông ăn trưa. Ai muốn ăn trưa thì ăn. Vài ba hành khách, đem theo món ăn, vui vẻ ăn trên boong. Clubin không ăn.

Vừa ăn họ vừa tiếp tục chuyện trò.

Anh chàng Guernesey, đánh hơi thấy mùi Kinh Thánh, xán đến bên tay người Mỹ. Tay người Mỹ nói:

- Ông am hiểu vùng biển này chứ?

- Tất nhiên, tôi người ở đây.

- Tôi cũng vậy - một trong hai anh Saint-Malo nói.

Anh chàng Guernsey gật đầu chào tán đ ồng, và lại nói.

- Lúc này chúng ta đang ở giữa biển khơi, nhưng tôi không thích gặp sương mù khi chúng ta đang đi về hướng Minquiers.

Tay người Mỹ nói với anh Saint-Malo:

- Người vùng đảo ra biển hơn người duyên hải.

- Có thể thật, dân duyên hải chúng tôi chỉ tắm có nửa người.

- Minquiers là cái gì nhỉ? - Tay người Mỹ nói tiếp.

Anh chàng Saint-Malo đáp:

- Đây là những hòn đá rất tai ác.

- Còn những hòn Grelet nữa - anh chàng Guernesey thêm.

- Đờngý - anh Saint-Malo đáp.

- Và những hòn Choua - anh chàng Guernesey thêm.

Anh Saint-Malo phá lên cười, rồi nói:

- Nếu thế thì lại còn những hòn Sauvages nữa.

- Và những hòn Moine - anh chàng Guernesey nhận xét.

- Và hòn Canard - Anh Saint-Malo nói to.

- Thưa ông - anh chàng Guernesey lễ phép đáp lại - ông có tài đối đáp lắm.

- Thì dân Malouin vốn ma-lanh^[61] mà lị.

Đáp xong, anh Saint-Malo nháy mắt.

Nhà du lịch xen vào một câu hỏi.

- Thế chúng ta có phải đi qua tất cả cái râu đảo ấy không?

- Không, chúng ta đã bỏ chúng ở phía nam - đông nam rồi. Hiện chúng ở sau lưng chúng ta.

Anh chàng Guernesey lại nói tiếp:

- Vừa to vừa nhỏ, nhóm Grelet có năm mươi bảy ngọn.

- Còn nhóm Minquiers bốn tám - anh Saint-Malo nói.

Đến đây cuộc đối thoại tập trung giữa anh Saint-Malo và anh Guernesey.

- Thưa ngài Saint-Malo, hình như có ba hòn ngài quên không đếm.

- Tôi đếm tất.

- Từ hòn Dérée đến hòn Maître-île chứ?

- Vâng.

- Thế nhóm Maison?

- Có bảy hòn là ngài tường tận, đất đá lăm.

- Nếu không tường tận đất đá, thì đã chẳng gọi là dân Saint-Malo.

- Thật thú vị khi được nghe người Pháp lý luận.

Lại đến lượt anh Saint-Malo cúi chào và nói:

- Dãy Sauvage có ba hòn.

- Và dãy Moine có hai.

- Còn Le Canard có một.

- Le Canard lại chả là một.

- Không, vì La Suarde^[62] có những bốn hòn.

- Ông gọi cái gì là La Suarde? - anh chàng Guernesey hỏi.
- Chúng tôi gọi La Suarde cái mà ông gọi là Le Choua.
- Chẳng hay ho gì mà len vào giữa Le Choua và Le Canard.
- Chỉ có chim mới len qua được.
- Và cá nữa.
- Không nhiều lắm đâu. Những lúc trời xấu, chúng đâm cả vào vách.
- Có cát trong dãy Minquiers.
- Quanh dãy Maison.
- Đó là tám hòn mà từ Jersey cũng nhìn thấy.
- Từ bãi Azette, đúng. Không phải tám, mà bảy.
- Lúc nào nước rút, người ta có thể đi dạo trong dãy Minquiers.
- Tất nhiên, có cái đẽ mà suu t`àn.
- Thế dãy Dirouilles?
- Dãy Dirouilles chẳng có gì liên quan đến dãy Minquiers cả.
- Tôi muốn nói là nguy hiểm.
- Đây là ở phía nam Granville.
- Người ta thấy rõ là, cũng như chúng tôi, các ông người Saint- Malo, các ông rất thích đi trên vùng biển này.
- Vâng - anh Saint-Malo đáp - với điểm khác biệt là chúng tôi nói: chúng tôi có thói quen, còn các ông thì nói: chúng tôi thích.
- Tôi là lái bò ạ.

- Ai trước đã ở Saint-Malo nhỉ?

- Surcouf.

- Một người khác kia?

- Duguay-Trouin.

Đến đây ông khách buôn người Paris xen vào.

-Duguay-Trouin à? Hắn bị người Anh bắt rồi. Hắn vừa dễ thương, vừa dũng cảm. Hắn biết cách làm đẹp lòng một cô gái Anh. Chính cô ta phá xích hộ hắn.

Đúng lúc ấy, một giọng nói oang oang hét lên:

- Mày say rượu!

IV

NOI LỘ RÕ TẤT CẢ MỌI ĐỨC TỐT CỦA THUYỀN TRƯỞNG CLUBIN

Tất cả hành khách đều ngoảnh lại.

Đây là thuyền trưởng đang mắng anh lái tàu.

Sieur Clubin không hay mà y tao với ai cả. Buộc lòng quát người lái tàu một câu như thế, hắn ông phải nổi giận lắm, hay là rất muốn làm ra bộ như vậy.

Một cơn giận đúng lúc gạt bỏ hết trách nhiệm, và đôi khi chuyển đổi trách nhiệm.

Người thuyền trưởng, đứng trên boong chỉ huy, giữa hai cái trống, nhìn

chằm chằm anh lái tàu. Ông ta lại rít qua kẽ răng:

- Đờsay rượu!

Anh chàng Tangrouille thật thà cúi ngay đầu xuống.

Sương mù đã tỏa rộng. Bây giờ nó chiếm gần hết nửa chân trời. Cùng một lúc nó tiến ra khắp các phía; trong sương mù có cái gì như vết dầu loang. Lớp sương mù tỏa rộng từ từ rất khó nhận thấy. Gió đẩy nó đi không vội vàng, không tiếng động. Nó dần dần chiếm đại dương. Nó từ hướng tây bắc đến và đang ở phía trước mũi tàu. Y hệt một vách biển rộng, mờ mờ và di động. Nó sừng sững trên mặt biển như một bức tường thành. Có một điểm chính xác để làn nước mênh mông chui tọt vào sương mù và biến mất.

Điểm chui vào sương mù ấy hãy còn cách xa độ nửa dặm. Nếu gió đổi chiều thì người ta có thể không bị chìm ngập trong đám mù, nhưng nó phải đổi chiều ngay tức khắc. Quãng cách nửa dặm cứ đây dãn, ngắn dãn trông thấy; tàu Durande chạy, sương mù cũng chạy. Nó đến với con tàu, con tàu cũng đến với nó.

Clubin hạ lệnh tăng hơi và lái chệch sang phía đông.

Người ta sát cánh một thời gian như thế với sương mù, nhưng sương mù vẫn tiến tới. Tuy nhiên tàu vẫn đứng giữa nắng.

Vận hành như thế chỉ mất thời gian, khó lòng có kết quả. Đêm tháng hai sẽ đến rất chóng.

Anh chàng Guernesey cân nhắc lớp mù và nói với hai người Saint-Malo:

- Sương mù dày thật.

- Đúng là một thứ rác rưởi trên biển cả - một anh Saint-Malo nhận xét.

Anh Saint-Malo kia thêm:

- Thế là hỏng một chuyến đi biển.

Anh chàng Guernesey đến đứng bên cạnh Clubin.

- Thuyền trưởng Clubin ạ, tôi sợ chúng ta bị sương mù bao vây mất.

Clubin đáp:

- Tôi cũng muốn ở lại Saint-Malo, nhưng người ta cứ khuyên tôi đi.

- Ai thế?

- Một số người kỳ cựu.

- Xét cho cùng - anh chàng Guernesey lại nói - ông đi là phải. Biết đâu ngày mai chả bão? Mùa này có thể gặp những chuyện xấu hơn.

Mấy phút sau tàu Durande đi vào sương mù.

Đây là một giây lát kỳ lạ. Thành linh người phía sau không nhìn thấy người trước nữa. Một bức vách nền màu xám cắt đôi chiếc tàu.

Rồi toàn bộ chiếc tàu chúi xuống dưới lớp mù. Mặt trời còn như một vầng trăng to. Đột nhiên tất cả mọi người run cầm cập. Hành khách vội khoác ba-đờ-xuy và thủy thủ đội mũ mưa vào. Biển cả, gần như không chút gợn, mang cái vẻ đe dọa lạnh lùng của cảnh bình yên. Hình như có ngụ một ý gì đó trong cái yên tĩnh thái quá này. Tất cả mọi vật đều nhợt nhạt, tái mét, ống khói đen và làn khói đen phản lại sắc tái nhợt bao bọc chiếc tàu.

Từ phút này việc lái chệch sang hướng đông không còn mục đích nữa. Thuyền trưởng lại hướng mũi về phía Guernesey và tăng thêm hơi.

Người khách Guernesey, lò mò quanh h ầm lò, bỗng nghe anh da đen Imbrabcam nói với anh bạn đốt lò. Người khách lắng tai nghe. Anh da đen nói:

- Sáng nay, giữa nắng thì chúng ta chạy chậm, bây giờ trong sương mù chúng ta lại chạy nhanh.

Người khách Guernesey quay ngay lại phía Sieur Clubin.

- Thuyền trưởng Clubin ạ, không phải là quá dè dặt đâu, nhưng ta có cho nhiều hơi quá không?

- Ông muốn thế nào kia, thưa ông? Nhất thiết phải gỡ lại thời gian bị mất do lỗi của tên lái tàu say rượu chứ.

- Đúng thế thuyền trưởng Clubin ạ.

Clubin lại tiếp thêm:

- Tôi phải đến nơi gấp. Sương mù khá nhiều, trời sẽ tối quá.

Người khách Guernesey lại tìm thấy anh Saint-Malo và nói với họ:

- Chúng ta gặp được một thuyền trưởng tuyệt vời.

Chốc chốc từng đợt mù lớn, tưởng như bị cào xơ, nặng nề đổ tới và che khuất mặt trời. Tiếp đó, mặt trời lại lộ ra nhợt nhạt hơn, như bệnh hoạn. Chút ít khoảng thời gian thoáng thấy được giống như những dải không khí bản thủ và vẩy dầu trên một bức phong cũ của sân khấu.

Tàu Durande chạy sát vào một chiếc thuyền đáy bằng đã thận trọng thả neo. Đây là thuyền Sintai của Guernesey. Người chủ chiếc thuyền đáy bằng để ý ngay đến tốc độ tàu Durande. Ông ta thấy hình như tàu Durande cũng không đi đúng đường. Nó có vẻ chệch quá sang phía tây. Chiếc tàu mở hết

tốc độ trong sương mù này khiến ông ta ngạc nhiên.

Vào quãng hai giờ chiều, sương mù dày đến nỗi người thuyền trưởng phải rời khỏi cầu nhỏ và đến cạnh anh lái tàu. Mặt trời đã tan biến, tứ phía đều là sương mù. Trên tàu Durande có một thứ bóng tối màu trắng. Người ta lướt trôi trong cảnh nhợt nhạt mờ mờ. Không nhìn thấy trời nữa, không nhìn thấy biển nữa.

Gió cũng không còn.

Cái bình nhựa thông treo ở khoanh sắt dưới cầu trống cũng không đu đưa tí nào.

Hành khách trở nên trầm lặng.

Tuy vậy, anh người Pháp vẫn lí nhí ngân nga bài hát của Béranger: *Một hôm Chúa từ bi tỉnh dậy.*

Một trong hai anh Saint-Malo hỏi anh ta:

- Ông từ Paris đến?
- Vâng, thưa ông. Người thò đầu ra cửa sổ.
- Người ta đang làm gì ở Paris?
- Sao chiếu mệnh của họ có lẽ đã lu mờ. - Thưa ông, ở Paris mọi chuyện đều đi quàng đi xiên hết.
- Thế thì đất cũng như trên biển.
- Quả thật chúng ta đang gặp phải một thứ sương mù chẳng ra làm sao.
- Và nó có thể gây nên tai họa.

Anh người Paris thốt lên:

- Sao lại tai họa? Vì đâu mà tai họa? Để làm gì mà tai họa! Cũng như vụ cháy Ódeon^[63] thôi. Bao nhiêu gia đình phá sản khốn đốn. Có đúng thế không nào? Đây thưa ông, tôi không biết ông theo tôn giáo nào, nhưng tôi, tôi không bằng lòng.

- Tôi cũng không - anh Saint-Malo nói.

- Tất cả những gì xảy ra dưới trần này - anh chàng Paris nói tiếp - đều dẫn đến kết quả một chuyện hư hỏng. Tôi có ý nghĩ rằng không có Chúa ở đây.

Anh Saint-Malo gãi gãi đỉnh đầu như người đang tìm hiểu. Anh chàng Paris lại tiếp tục:

- Chúa vắng mặt. Người ta cần ra một quyết định buộc Chúa phải có mặt ở nhiệm sở. Người cứ nằm ở biệt thự của Người và có quan tâm gì đến chúng ta đâu. Vì vậy mà mọi việc đi quàng đi xiên. Thưa ông bạn quý mến, rõ ràng là Chúa lòng lạnh không có mặt trong chính phủ nữa, Người đang đi nghỉ mát, và chính cha bề trên, một học sinh chủng viện nào đấy, một anh ngu dốt có đôi cánh chim sẻ nào đấy đang đi đầu khiến mọi công việc.

Chữ chim sẻ phát âm thanh chim thỏ, một lỗi phát âm của trẻ em ngoại thành.

Thuyền trưởng Clubin, đã đến cạnh hai người đang nói chuyện, đặt bàn tay lên vai anh chàng Paris và nói:

- Suyt! Ông ơi, ông nên giữ mồm giữ miệng. Chúng ta đang đứng giữa biển khơi.

Không ai nói lời nào nữa.

Năm phút sau, anh chàng Guernesey, được nghe từ đầu câu chuyện, thì thẫn vào tai anh Saint-Malo.

- Một thuyền trưởng mộ đạo!

Trời không mưa, vậy mà người ta cảm thấy thấm ướt. Biết được quãng đường đi chỉ là vì mỗi lúc một thêm khó chịu. Hình như người ta đang đi vào nơi sầm uất. Sương mù tạo nên không khí im lặng trên đại dương; nó làm cho sóng nước lắng dịu và gió máy nghẹn lời. Trong cảnh im lặng ấy, tàu Durande có một vẻ gì lo âu và rầu rĩ.

Không gặp tàu bè nữa. Nếu xa xa, phía Guernesey hoặc phía Saint-Malo, có dăm ba chiếc tàu trên biển ngoài cùng sương mù, thì chúng không thể trông thấy tàu Durande chìm ngập trong sương mù, và làn khói dài của tàu, chẳng dính vào đâu cả, đối với chúng cũng như một ngôi sao chổi đen trên một nền trời trắng.

Thình lình Clubin hét lên.

- Đồ chó chết! Mày lại vừa lái bậy rồi. Mày sẽ gây hư hại cho chúng tao mất thôi. Mày đáng phải xích lại. Cút đi, đồ say rượu!

Ông ta nắm lấy cần lái.

Người lái tàu xấu hổ nấp vào đồng thùng ở mũi tàu.

Anh chàng Guernesey nói:

- Thế là chúng ta được cứu thoát.

Tàu lại tiếp tục đi nhanh.

Quãng ba giờ, chân mù bắt đầu nâng lên và người ta lại trông thấy một góc biển.

- Tôi không thích cái kiểu này - anh chàng Guernesey nói.

Quả thế, mù chỉ có thể được nâng lên nhờ gió hoặc mặt trời. Nhờ mặt trời thì tốt, nhờ gió thì không tốt bằng. Vậy mà lúc này đã quá muộn, khó có mặt trời. Tháng hai, ba giờ, mặt trời đã yếu rồi. Vào giờ phút nguy hiểm trong ngày, mà gió lại nổi lên là điềm không đáng mong lắm. Thường thường nó là một tiên tri của phong ba.

Vả lại nếu có gió nhẹ thì cũng khó lòng cảm thấy nó.

Clubin, mắt dán lên la bàn, tay cầm cần lái và điểu khiển, nhấm nhẳng qua kẽ răng những lời sau đây, chúng vắng đến tận tai hành khách:

- Không được để mất thì giờ. Cái thằng nát rượu này đã làm trễ chúng ta.

Hơn nữa gương mặt ông ta hoàn toàn không có chút cảm xúc nào hết.

Dưới lớp sương mù, biển cả có kém phần tù lạng. Thấp thoáng thấy dăm ba con sóng nhỏ. Một ít ánh sáng giá lạnh là là lướt trên mặt nước. Những mảnh sáng tù mù trên sóng ấy khiến cho thủy thủ phải bận tâm. Chúng cho biết cả những lỗ thủng do gió trên cao tạo ra trong lớp trần sương. Mù dâng lên, rồi lại sà xuống dày hơn. Đôi khi hoàn toàn dày đặc. Tàu bị quây chặt trong một dải núi mây mù thật sự. Thỉnh thoảng cái vòng tròn đáng sợ ấy lại hé mở như mõ gọng kìm, cho thấy một chút chân trời, rồi lại khép chặt.

Anh chàng Guernesey, tay cầm ống nhòm, đứng như lính canh ở mũi tàu.

Một khoảng trời mở ra biển mất.

Anh chàng Guernesey bỗng hốt hoảng ngoảnh lại.

- Thuyền trưởng Clubin!
- Có việc gì thế?
- Chúng ta đang hướng thẳng vào hòn Hanois.
- Ông nhàn đấy - Clubin lạnh lùng nói.

Anh chàng Guernesey nhấn mạnh.

- Tôi chắc chắn là như thế.
- Vô lý.
- Tôi vừa thấy núi ấy ở chân trời mà.
- Ở đâu?
- Kia.

- Đấy là biển khơi. Vô lý.

Và Clubin vẫn hướng tàu vào cái điểm người hành khách chỉ.

Anh chàng Guernesey lại chụp lấy ống nhòm.

Một lúc sau anh ta chạy đến phía sau lái.

- Thuyền trưởng!
- Gì thế?
- Trở buồm đi.
- Tại sao?
- Tôi cam đoan đã nhìn thấy núi rất cao và ngay kề Đứng là Hòn Hanois Lớn.

- Ông sẽ thấy mây mù dày hơn.

- Đúng là Hòn Hanois Lớn. Trở buồm đi, trời đất ơi!

Clubin bẻ ngoặt tay lái.

V

CLUBIN ĐƯỢC CA NGỢI HẾT LỜI

Một tiếng vỡ rắc rắc. Tiếng sườn tàu bị xé toang trên một bãi ngàm giữa biển khơi là một trong những tiếng động bi thảm nhất có thể nghĩ ra. Tàu Durande đứng sững lại.

Do sự đùng độ ấy, nhiều hành khách ngã lăn lông lốc trên boong tàu.

Anh Guernesey đưa tay lên trời.

- Đâm vào Hòn Hanois! Tôi đã bảo mà!

Một tiếng hét dài vang lên trên tàu.

- Chết hết thôi.

Giọng Clubin, đanh gọn, át hẳn tiếng hét.

- Không ai chết cả! Im lặng!

Bộ ngực của Imbrancam đen trùi trũi đến tận thắt lưng nhô ra khỏi cái ô vuông của buồm lò.

Anh da đen bình tĩnh nói:

- Báo cáo thuyền trưởng, nước vào. Máy sắp tắt.

Giây phút thật hãi hùng.

Việc đùng độ giống như một vụ tự sát. Giá cố tình gây nên nó cũng

không khùng khiếp bằng. Tàu Durande đã lao thẳng như tấn công vào núi. Một mũi nhọn của quả núi đã đâm xộc vào tàu như một cái đinh. Hơn hai thước vuông vẫn ló mặt trong tàu vỡ toác, khung mũi gãy, sườn tàu vỡ, phía trước sập. Vỏ tàu, toang hoác, uống nước biển ùng ục nghe rợn cả người. Đây là một vết thương quyết định nạn đắm. Sức dội mạnh đến nỗi ở phía sau, lan can, khoang lái gãy gục, bung ra lủng lảng. Đá ngầm đâm thủng đáy, và xung quanh tàu chẳng trông thấy gì ngoài lớp sương dày đặc, giờ đây g ãn như đen kịt. Đêm tối đang đến dần.

Tàu Durande đâm chúc đầu xuống nước. Đây là con ngựa bị con bò mộng thúc sừng vào ruột.

Nó chết r ã.

Giờ phút thủy tri ều lên đang bắt đầu nhận thấy trên biển cả.

Tangrouille đã già r ượu, chẳng ai say trong lúc đắm tàu cả; anh đi xuống dưới c ầu boong r ã trở lên và nói:

- Báo cáo thủy ền trưởng, nước tràn vào h ần tàu. Mười phút nữa nước sẽ mấp mé các cửa tròn.

Hành khách chạy trên boong, cuống cu ồng, vịn tay, nhô người ra ngoài mạn tàu, nhìn vào bu ồng máy, làm đủ mọi động tác h ải hùng vô ích. Nhà du lịch đã ngất, Clubin đưa bàn tay ra hiệu, mọi người im lặng. Ông ta hỏi Imbrancam:

- Máy còn hoạt động được bao lâu nữa?

- Năm hoặc sáu phút.

Đoạn ông ta hỏi người hành khách Guernesey:

- Lúc ấy tôi đứng lái. Ông đã quan sát núi. Chúng ta đang ở bãi nào của Hòn Hanois?

- Trên bãi Mauve. Ban nãy lúc trời lóe sáng, tôi nhận thấy rất rõ bãi Mauve.

- Nếu ở bãi Mauve - Clubin nói tiếp - thì chúng ta có Hòn Hanois Lớn bên trái, Hòn Hanois Con bên phải! Vậy là cách đất liền một hải lý.

Đám trai tráng và hành khách lắng nghe, run rẩy, lo lắng, chăm chú, mắt xoáy chặt vào người thuyền trưởng.

Làm nhẹ tàu lúc này chẳng nhằm mục đích gì cả, vả lại cũng không thể được. Muốn đổ hết hàng xuống biển, cũng phải mở cửa hông tàu và tăng thêm khả năng cho nước tống vào. Thả neo cũng vô ích; đành bó tay. Vả lại vớt neo xuống đáy biển này, xích sắt có thể mắc cứng. Vì máy không hỏng và vẫn sử dụng được chùng nào lửa vẫn chưa tắt, nghĩa là trong dăm phút nữa, người ta có thể tận dụng sức bánh xe và sức hơi nước, lùi ra và rút khỏi bãi ngầm. Trường hợp ấy, tàu sẽ đâm tức khắc. Quả núi, trong một chùng mực nào đó, đang bịt kín lỗ thủng và làm cho nước khó lọt vào. Chính nó là vật cản. Lỗ thủng một khi mở ra, sẽ không tài nào bịt được lối nước vào và có bơm cũng vô ích. Rút con dao găm ra khỏi một vết thương vào tim, là giết chết tức khắc người bị thương. Rút ra khỏi quả núi tức là chìm ngầm.

Bò, bị ngập nước trong hầm, bắt đầu rống.

Clubin ra lệnh:

- Thả xuồng xuống biển.

Imbrancam và Tangrouille lao tới tháo dây. Số trai bạn còn lại đứng

nhìn, đực ra như phỗng.

- Tất cả bắt tay vào - Clubin hét lên.

Lần này, tất cả mọi người đều rậm rắp vang lời.

Clubin thản nhiên hét tiếp bằng thứ ngôn ngữ chỉ huy cổ xưa mà thủy thủ ngày nay không sao hiểu nổi:

- Bắt tay vào. - Nếu máy trục hóc thì làm marguerite. Quay thế đủ rồi. - Hạ xuống. Đừng để poulies chập vào nhau. - Kéo xuống - Hạ mạnh hai đầu xuống. - Nhịp nhàng. - Giữ không cho mũi chúc xuống. - Cọ sát quá, - Cần lấy dây ròng rọc. - Cần thận.

Xuồng đã nằm trên biển.

Cũng vào lúc ấy, các bánh xe tàu Durande dừng lại, khói hết, lò ngập.

Hành khách, tuột theo cầu thang hoặc bám vào những thùng di động, buông mình rơi vào trong xuồng hơn là trèo xuống. Imbrancam bế thóc nhà du lịch bị xiủ, đưa ông ta xuống xuồng, đoạn quay lên tàu.

Thủy thủ ùa theo hành khách. Thằng nhóc thủy thủ ngã lăn ra; người ta xéo lên cả thằng bé.

Imbrancam vội cản dòng người lại.

- Không ai được đi qua trước thằng bé.

Bằng hai cánh tay đen, anh gạt các thủy thủ ra, bế thằng nhóc lên, trao nó cho người khách Guernesey. Anh này đứng dưới xuồng, đón lấy em bé.

Cứu xong thằng nhóc, Imbrancam đứng tránh sang một bên, và nói với những người khác:

- Qua đi.

Trong khi ấy, Clubin đi vào buồng riêng và gói thành một gói sổ sách của tàu và đồ dùng. Ông ta nhấc la bàn ra khỏi hộp, giao giấy tờ, đồ dùng cho Imbrancam, la bàn cho Tangrouille, và nói với họ:

- Các anh xuống xuống đi.

Hai người xuống. Trai tráng đã xuống trước. Xuống đã đầy. Nước ngâm mé mạn xuống.

- Bây giờ - Clubin nói to - các người đi đi.

- Thế thuyền trưởng?

- Tôi ở lại.

Người đấm tàu rất ít thì giờ bàn cãi và càng ít thì giờ để bị rịn. Tuy nhiên những người đã ở trên xuống và đã tương đối an toàn đều có một tình cảm không phải vì bản thân họ. Tất cả đều đang thanh khẩn khoản:

- Thuyền trưởng cùng đi với chúng tôi đi.

- Tôi ở lại.

Anh chàng Guernesey vốn thông thạo biển cả, đáp:

- Thuyền trưởng nên nghe tôi. Ông bị mắc cạn tại Hòn Hanois. Chỉ bơi một dặm là đến được Plainnont. Nhưng thuyền chỉ có thể cập bến Rocquaine, và phải đến hai dặm. Có đá ngầm và sương mù. Xuống này sẽ không đến được Rocquaine trước hai tiếng. Trời sẽ tối mịt. Thủy triều đang lên. Gió lạnh rồi. Sắp bão đến nơi. Chúng tôi không mong gì hơn sẽ quay lại tìm ông; nhưng nếu trời xấu thì đành chịu. Nếu ông ở lại thì chết. Ông nên đi cùng với chúng tôi.

Anh chàng Paris xen vào:

- Quả thật xuồng đã đầy và quá đầy rồi, thêm một người là thừa một người. Nhưng chúng tôi có mười ba người, đây là đi kèm gở cho xuồng, vậy thì bắt nó chở thêm một người vẫn hơn là mang nặng một con số. Thuyền trưởng hãy đi cùng với chúng tôi.

Tangrouille nói thêm:

- Mọi việc đều do lỗi của tôi, chứ không phải lỗi ở thuyền trưởng. Thuyền trưởng ở lại là không đúng.

- Tôi ở lại. - Clubin nói - Đêm nay tàu sẽ bị bão xé tan từng mảnh. Tôi sẽ không rời khỏi nó. Khi tàu chìm thì thuyền trưởng chết. Người ta sẽ nói về tôi: Ông ta làm tròn trách nhiệm đến hơi thở cuối cùng. Tangrouille, tôi tha thứ cho anh.

Và khoanh tay lại, ông ta hét to:

- Chú ý mệnh lệnh. Thả hết dây. Lên đường.

Xuồng chuyển động. Imbrancam đã nắm tay lái. Tất cả những bàn tay không phải chèo đều giơ thẳng về phía thuyền trưởng. Bấy nhiêu cái mồm đều hô vang:

- Hoan hô thuyền trưởng Clubin!

- Đây mới là một con người đáng ca ngợi - tay người Mỹ nói.

- Thừa ông - anh chàng Guernesey đáp - đây là con người lương thiện nhất trên toàn biển cả.

Tangrouille khóc:

- Tôi mà có gan thì tôi đã ở lại với ông ấy.

Xuống chui vào sương mù và biến mất.

Không còn nhìn thấy gì nữa.

Tiếng mái chèo vỗ nước nhỏ dần rồi tắt hẳn.

Clubin ở lại một mình.

VI MỘT NƠI SÁNG SỬA TRONG LÒNG VỰC THẳM

Khi con người kia thấy mình đứng trên quả núi ấy, dưới làn mây ấy, giữa cánh trời nước ấy, xa mọi tiếp xúc của phần hoa, xa mọi tiếng động của con người, bị bỏ mặc cho chết một mình giữa biển cả đang lên và đêm đen đang tới, hắn^[64] bỗng cảm thấy một niềm vui sâu sắc.

Hắn đã thành công.

Hắn đang nắm chắc giấc mơ trong tay. Tấm hồi phiếu dài hạn mà hắn nhận của số phận đã được thanh toán.

Đối với hắn, bị bỏ rơi là được giải thoát. Hắn đang ở trên Hòn Hanois, cách đất liền một dặm; hắn nắm trong tay bảy vạn năm nghìn frăng. Chưa bao giờ một vụ đắm tàu lại được sắp đặt tài tình hơn. Không một chút sai sót nào; quả là mọi việc đều được tiên liệu. Ngay từ ngày còn trẻ, Clubin đã có một ý nghĩ; đem lương thiện đặt lên sông bạc cuộc đời, tạo cho mình cái tiếng liêm khiết và từ đó đứng chờ người đẹp, mặc cho cô ả vênh vang tìm cho ra bí quyết, đoán cho được thời cơ; không mò mẫm nắm cho chắc; làm một cú và chỉ một cú thôi, kết thúc bằng một mẻ, bỏ lại sau lưng một lũ ngu ngốc. Hắn quyết chỉ một lần đạt được cái mà bọn bịp bợm ngốc nghếch thất bại hai mươi lần liền, và trong khi chúng đi đến giá treo cổ thì hắn đã

đạt đến chỗ giàu sang. Việc gặp gỡ Rantaine là tia sáng cho hắn. Lập tức hắn xây dựng kế hoạch. Bắt Rantaine phải mở ra; còn những phát giác có thể có của hắn ta, thì cứ biến mất là làm cho chúng mất hiệu lực; làm sao để xem như chết r ã là cách biến mất hay nhất; muốn thế cứ đánh chìm tàu Durande. Vụ đắm tàu này rất cần thiết. Trước hết, ra đi và để lại một tiếng tốt, thế là cả cuộc đời của hắn trở thành một kiệt tác. Ai mà trông thấy Clubin trong vụ đắm tàu này cũng tưởng như được nhìn thấy một con yêu tinh, sung sướng.

Hắn đã sống suốt cả cuộc đời để có được giây phút ấy.

Toàn bộ con người hắn nói lên hai chữ: Thế chứ! Một vẻ bình thản khủng khiếp tái nhợt trên cái trán đen tối kia. Con mắt mờ đục và tưởng như có một tấm vách bên trong của hắn, trở thành sâu hoắm, dễ sợ. Sự rạo rục trong tâm hồn kia phản chiếu vào đấy.

Lòng dạ con người cũng như thiên nhiên bên ngoài, đều có điện áp của nó. Một ý nghĩ là một khí tượng; đúng vào lúc thành công, bao nhiêu suy tính ch òng chất để chuẩn bị cho nó li ền hé mở và phát ra một tia sáng; mang trong mình móng vuốt của đi ều ác và cảm thấy bên trong có một con m ãi, là một hạnh phúc sáng chói; một tư tưởng xấu chiến thắng bao giờ cũng rạn vỡ lên mặt; có một số âm mưu đạt kết quả, một số mục đích thành công, một số diễm phúc hung ác, làm ẩn hiện trong mắt con người những tia sáng bi đát. Đấy là giông tố tươi vui, là bình minh đáng ngại. Nó thoát ra từ lương tâm và đã trở thành bóng tối và mây mù.

Nó soi sáng trong con người ấy.

Tia chớp ấy không giống bất cứ một thứ gì ta có thể thấy lóe sáng trên trời cao cũng như dưới tr ần thế.

Tên lưu manh bị d ãn nén trong người Clubin bỗng bùng lên.

Clubin nhìn bóng tối mênh mông và không ghìm nổi một tiếng cười khẽ, nham hiểm.

Thế là hấn được tự do! Thế là hấn được giàu có!

Ấn số cuối cùng hiện ra. Hấn đang giải tiếp bài toán của hấn.

Trước mắt, Clubin có đủ thì giờ. Thủy tri ầu đang dâng, và như vậy là nó đỡ tàu Durande và cuối cùng sẽ nâng bổng nó lên. Chiếc tàu hiện đang gắn chặt vào đá ngầm; không có một nguy cơ chìm đắm nào cả. Hơn nữa phải để cho chiếc xu ồng có thì giờ đi xa, có lẽ đắm nữa. Clubin hy vọng như thế.

Đứng trên tàu Durande mắc nạn, hấn khoanh tay khoan khoái hưởng việc bỏ rơi trong bóng tối mịt mù này.

Giả dối đa ba mươi năm đè nặng lên con người này. Hấn đã bất lương và đã giao cấu với chính trực. Hấn cầm thù đạo đức với một mối căm hờn của bất lương được vợ. Lúc nào hấn cũng có một âm mưu gian hiểm; từ ngày đến tuổi thành nhân, hấn vẫn mang cái khung cứng nhắc gọi là vẻ ngoài. Bên trong, hấn là quái vật; hấn sống trong một bộ da lương thiện với một trái tim kẻ cướp. Hấn là tên hải tặc ngọt ngào thớ lợ. Hấn là tù nhân của lương thiện, hấn bị giam trong cái hộp xác ướp là vẻ ngây thơ, hấn mang trên lưng đôi cánh thiên thần, nặng trĩu đối với một tên vô lại. Hấn bị lòng mến chuộng của quần chúng ch òng ch ặt lên người. Được cái tiếng lương thiện thật là vất vả. Còn lao khổ nào hơn luôn luôn giữ cho nó thăng bằng, nghĩ đi ầu ác nhưng nói đi ầu thiện. Hấn đã là yêu quái của ngay thẳng vì hấn là bóng ma của tội ác. Đi ầu trái ngược ấy vốn là số kiếp của hấn. Hấn đã phải khéo nhẹn nhục, sống thật đoàng hoàng, ngấm ngầm sùi bọt

mép, nghiêng răng lại và mỉm cười. Đạo đức đối với hắn là bàn tay bóp nghẹn. Suốt đời, hắn chỉ muốn cắn cái bàn tay trên miệng hắn.

Và vì muốn cắn, hắn đã phải hôn hít bàn tay ấy.

Đã nói dối tức là đã đau khổ. Đạo đức giả là kẻ kiên trì chịu đựng hình phạt; nó vừa tính toán một chiến thắng vừa chịu đựng một cực hình. Việc mưu toan ngày đêm một điếu ác kèm thêm và lượng định thêm khắc khổ, tâm địa bỉ ổi được thanh danh tuyệt vời làm gia vị, lúc nào cũng lừa gạt, không bao giờ là mình gây ảo giác, là cả một sự mệt nhọc. Với tất cả cái đen tối nghi ãn ngấm trong đầu óc ấy, tạo thành vẻ ngây thơ, muốn ăn tươi nuốt sống những người tôn thờ mình, làm ra vẻ ngọt ngào, tự ki ếm chế, tự khắc phục, luôn luôn giữ thế, lúc nào cũng tự theo dõi, tạo cho tội ác ngấm ng ăm của mình một bộ mặt hi ền lành, làm cho những đường nét dị hình của mình trở thành vẻ đẹp, với tâm địa gian ác của mình tạo thành một gương hoàn thiện, dùng dao nhọn mân mê, cho đường vào thuốc độc, giữ gìn cho động tác lịch sự, cho giọng nói dịu dàng, không nhìn bằng con mắt thật của mình, thật không gì khó khăn hơn, không gì đau khổ hơn. Cái bỉ ổi của đạo đức giả bắt đầu một cách tối tăm trong con người giả dối. Suốt cuộc đời phải uống sự gian dối của mình là một cảm giác tởm lợm. Vị ngọt ngào mà mánh khéo tạo cho tính gian ác khiến tên gian ác ghê tởm, vì nó luôn luôn buộc phải có cái vị hỗn hợp ấy trong m ồm, và có những lúc tởm lợm mà tên đạo đức giả suýt mửa ra tư tưởng của hắn. Thật ghê tởm khi phải nuốt thứ dãi dớt ấy. Hãy thêm vào đấy lòng tự phụ sâu sắc. Có những giây phút kỳ quặc mà kẻ đạo đức giả lại tự đề cao mình. Trong tên giáo quyết có một cái tôi quá mức. Sâu bọ cũng trườn bò và cũng ngóc cao đầu như r ồng thiêng. Tên phản bội chẳng khác gì một bạo chúa lúng túng, chỉ có thể thực hiện ý muốn của mình bằng cách cam chịu đóng vai phụ. Đây

là nhỏ mọn có thể trở thành to lớn lạ lùng. Tên đạo đức giả là một tên không lờ, lùn tụt.

Clubin thành thực nghĩ rằng mình bị áp bức. Vì lý do gì hấn lại không sinh ra giàu có? Hấn cũng chẳng đòi gì hơn được cha mẹ cho mười vạn livre lợi tức. Tại sao hấn không được như thế? Đâu phải lỗi của hấn. Đã không cho hấn hưởng tất cả những lạc thú trên đời, tại sao lại buộc hấn phải lao động, nghĩa là phải lừa lọc, phải phản trắc, phải phá hoại? Tại sao bằng cách ấy, người ta lại đày đọa hấn chịu cái hình phạt phải xu nịnh, phải luồn cúi, chiêu chuộng làm cho người khác yêu quý và kính trọng hấn, và ngày đêm mang một bộ mặt khác bộ mặt hấn? Che đậy là một sự cưỡng bách phải chịu đựng. Người ta căm thù trước kẻ mà người ta phải nói dối. Cuối cùng giờ phút đã điếm, Clubin đang trả thù.

Trả thù ai? Tất cả mọi người và tất cả mọi thứ.

Lethierry chỉ làm điếu tốt cho hấn, vậy là thêm một chuyện bất bình nữa; hấn phải trả thù Lethierry.

Hấn trả thù tất cả những người mà trước mặt họ hấn phải tự ức chế. Hấn phải rửa hận mới được. Bất cứ ai nghĩ điếu tốt đối với hấn điếu là kẻ thù của hấn. Hấn là tù nhân của người ấy. Clubin đang được tự do. Đường ra của hấn đã mở. Người đời không thể với tới hấn. Điếu mà người ta tưởng là cái chết của hấn lại là sự sống còn của hấn; nó sắp bắt điếu. Tên Clubin thật lột trần tên Clubin giả. Trong phút chốc hấn đã làm tiêu tan hết. Hấn đã dùng chân đạp Rantaine vào khoảng không, Lethierry vào chỗ phá sản, công lý con người vào đêm tối, dư luận vào sai lầm, toàn thể nhân loại ra ngoài hấn, Clubin. Hấn vừa gạt bỏ cả thiên hạ.

Còn Chúa, cái từ bốn chữ ấy, không làm hấn bận tâm mấy.

Hắn đã được tiếng ngoan đạo. Thế rồi sao nữa?

Trong tên đạo đức giả có nhiều hang hốc, hay nói đúng hơn toàn thân tên đạo đức giả là một cái hang.

Lúc Clubin vừa đứng một mình, sào huyết của hắn liền mở ra. Hắn được một lúc khoan khoái; hắn liền thông thoáng cho tâm hồn.

Hắn mặc sức hít thở tội ác của hắn.

Bản chất gian ác hiện rõ trên bộ mặt hắn. Clubin rạng rỡ hẳn lên. Lúc này, giá đặt bên cạnh cái nhìn của hắn, thì cái nhìn của Rantaine có vẻ của một trẻ sơ sinh.

Lột bỏ mặt nạ, còn giải thoát nào dễ chịu hơn! Lương tâm hắn sung sướng được thấy mình trăn trờng một cách ghê tởm, và được tự do tắm mình trong điểu ác. Sự gò bó do lúc nào cũng phải kính nể mọi người, cuối cùng khiến người ta điên cuồng ham muốn chuyện vô liêm sỉ. Do đấy mà người ta đi đến một thứ khao khát những chuyện xảo trá. Trong những vực thăm rùng rợn ít được thăm dò ấy của tâm hồn, có cuộc trưng bày tàn nhẫn và đẹp mắt nào đó, về hình ảnh tục tĩu của tội ác. Mùi vị nhạt nhẽo của thanh danh giả dối khiến người ta thêm thuồng chuyện hổ thẹn. Người ta coi thường con người quá nên cứ muốn được con người khinh bỉ. Có cái tâm trạng chán nản khi được quý trọng. Người ta thán phục sự tự do hành động khi sa đọa. Người ta thêm muốn được nhìn thấy cảnh ô trọc xiết bao thoải mái trong nhục nhơ. Đôi mắt buộc lòng nhìn xuống, thường phải nghiêng nghiêng liếc trộm. Không ai gần Messaline bằng Marie Alacoque^[65]. Các bạn hãy xem Cadière và người nữ tu sĩ của Louviers. Clubin cũng vậy, hắn cũng đã sống, mặt che mạng. Tham vọng của hắn luôn luôn là sự vô liêm sỉ. Hắn ghen tị với cô gái giang hồ, với vầng trán

đồng đen của ô nhục được chấp nhận; hắn tự cảm thấy hắn còn đỡ thõa hơn cả cô gái giang hồ, và chán chường với cái tiếng trinh bạch. Hắn đã là Tantalé^[66] của vô liêm sỉ. Cuối cùng, trên hòn núi này, trong cảnh vắng vẻ này, hắn có thể sống thẳng thắn; hắn đang sống thẳng thắn. Thành thật cảm thấy mình đê tiện, ôi còn khoái cảm nào hơn! Tất cả những niềm ngây ngất có thể có được dưới địa ngục, Clubin đang hưởng thụ trong phút này, những khoản còn thiếu của việc giả dối đều được thanh toán cho hắn; đạo đức giả là một khoản ứng trước; Satan đang hoàn lại cho hắn. Clubin tự ban cho mình niềm say sưa đã không kể gì liêm sỉ, vì mọi người đã biến mất và chỉ còn có trời cao. Hắn tự nhủ: Ta là một thằng đều giả! Và hắn thấy thỏa mãn.

Chưa bao giờ trong lương tâm của con người lại diễn ra một việc tương tự.

Khi có một tên đạo đức giả mà phụt ra thì không một núi lửa nào sánh kịp.

Hắn khoái chí là không có ai ở đấy, nhưng giả có một người nào ở đấy chắc hắn cũng không nổi giận. Chắc hắn còn thích thú tỏ ra mình ghê tởm trước một nhân chứng nữa.

Chắc hắn vui thích được nói vào mặt nhân loại: Mày là đờngốc!

Việc vắng mặt con người bảo đảm cho chiến công của hắn, nhưng lại hạ bớt giá trị hắn.

Hắn chỉ có bản thân làm khán giả trước vinh quang của hắn.

Đeo cái xích trên cổ cũng có cái khoái trá của nó. Mọi người đều nhìn thấy rõ là anh đê tiện.

Buộc quần chúng phải quan sát anh tức là tỏ ra có quy ền uy. Một tên tù khổ sai đứng trên bục gỗ ở ngã tư với cái vòng sắt quanh cổ là tên bạo chúa buộc mọi người phải nhìn vào hắn. Trong cái đầu đài kia có cái bệ tượng. Làm một tâm điểm hội tụ cho sự chú ý của tất cả mọi người, ôi còn chiến công nào đẹp đẽ hơn? Bất con mắt công chúng phải nhìn là một trong những hình thức của quy ền được ưu thế. Đối với những kẻ lấy đi ầu ác làm lý tưởng, thì ô nhục là một v ầng hào quang. Nhờ đó, mà người ta được cao hơn. Người ta đứng trên một cái gì đấy. Người ta ch ễm chệ trên ấy như một đế vương. Một cái cột mà toàn thể nhìn vào không phải không có chỗ tương tự với ngai vàng.

Bị bêu phơi, tức là được chiêm ngưỡng.

Một tri ều đại không ra gì tất nhiên phải có những niềm vui của cái đài bêu tù. Néron đốt cháy kinh thành La Mã, Louis XIV phản bội xứ Palatinat, vị nhiếp chính George giết dần mòn Napoléon, Nicolas mưu sát Ba Lan trước mặt văn minh, ầu phải cảm thấy một chút gì trong niềm khoái lạc mà Clubin mơ tưởng. Tính chất rộng lớn của khinh bỉ tạo một vẻ vĩ đại cho kẻ bị khinh bỉ.

Bị lột mặt nạ là một thất bại, nhưng tự lột mặt nạ lại là một chiến công. Đó là niềm say sưa, là sự tr ờ trên ngạo mạn và thỏa mãn, là một sự tr ần tru ồng điên loạn miệt thị tất cả những gì trước mặt nó. Hạnh phúc tột cùng.

Những ý nghĩ ấy trong một tên đạo đức giả d ờng như là một mâu thuẫn, và không phải là mâu thuẫn duy nhất. Toàn bộ nhục nhã ầu tùy thuộc ở đó. Mặt ong mà đ ắng. Escobar cũng gần với hầu tước De Sade. Chứng minh: Léotade. Vì đạo đức giả là kẻ độc ác hoàn chỉnh, nên nó mang trong mình hai thái cực của tà tâm. Phía này nó là cha cố, phía kia lại là gái

giang hồ. Giới tính yêu tinh của nó có hai mặt. Đạo đức giả là tên hung thần lưỡng tính khủng khiếp. Nó tự thụ thai lấy một mình. Nó tự mình sinh đẻ và tự mình biến hóa. Anh muốn nó duyên dáng ư? Cứ nhìn nó, anh muốn nó gớm ghiếc ư? Cứ xoay nó lại.

Clubin có trong người toàn bộ cái bóng tối ấy của những ý nghĩ mơ hồ. Hắn hiểu biết chúng thì ít, mà hưởng thụ chúng thì nhiều.

Những tàn lửa của địa ngục mà người ta nhìn thấy bay qua trong đêm tối, là những tư tưởng nối tiếp trong tâm hồn ấy.

Clubin đứng mơ màng một lúc như vậy, hắn nhìn cái vỏ lương thiện của hắn, với cái vẻ con rắn nhìn lớp da vừa lột của mình.

Thiên hạ đã tin vào lòng lương thiện ấy, cả hắn cũng có phần nào tin nữa.

Lần thứ hai hắn lại phá lên cười. Người ta sắp tin rằng hắn đã chết, vậy mà hắn lại giàu sang.

Người ta sắp tin là hắn không còn đường sống, vậy mà hắn lại thoát khỏi. Thiên tình thay cái võ đánh vào sự ngu ngốc của thiên hạ.

Và trong sự ngu ngốc chung này lại có Rantaine. Clubin nghĩ đến Rantaine với một thái độ khinh miệt vô bờ bến. Kiểu con chồn hôi khinh miệt con hổ. Trò tạm trốn tránh ấy, đối với Rantaine thất bại, nhưng đối với hắn, Clubin lại thành công. Rantaine trượt ra đi, còn Clubin lại vênh vang biến mất. Hắn đã thay thế Rantaine nằm trên chiếc giường bất chính, và chính hắn, Clubin đang nắm được vận may.

Còn tương lai, hắn chưa có kế hoạch gì thật rõ ràng. Trong cái hộp sắt cất kín ở thắt lưng, hắn có ba tờ giấy bạc ngân hàng; điếm chắc chắn ấy đủ

cho hắn lảm r ễ. Hắn sẽ thay đổi họ tên. Có những nước mà sáu vạn frăng giá trị bằng sáu mươi vạn. Đi đến một trong những nơi xa xăm ấy, sống lương thiện với số tiền giắt lại của tên kẻ cắp Rantaine kia, sẽ không phải là một cách giải quyết t ễ. Đầu cơ, buôn bán lớn, phát triển vốn lên, thật sự trở thành triệu phú, việc ấy nữa cũng không phải là dở.

Chẳng hạn ở Costa-Rica, đang lúc bắt đầu có việc buôn cà phê đại quy mô, có thể lãi hàng tấn vàng. Để r ễ xem.

Vả lại cũng không cần lảm. Việc ấy hắn còn khối thì giờ để suy nghĩ. Trước mắt, khó khăn đã làm xong. Tước đoạt Rantaine, biến mất với tàu Durande, đây là việc quan trọng. Nó đã được thực hiện xong. Khâu còn lại đơn giản thôi. Từ nay không thể có trở ngại nào nữa. Chẳng có gì phải lo sợ. Chẳng có gì có thể xảy ra. Hắn sẽ bơi vào bờ, đêm nay hắn sẽ ghé bến Plainmont, hắn sẽ leo lên vách biển, hắn sẽ đến thẳng ngôi nhà ma ám, hắn sẽ vào nhà chẳng chút gì khó nhọc nhờ cái dây nút đã giấu sẵn trong một hốc núi, hắn sẽ tìm thấy trong ngôi nhà ma ám chiếc túi du lịch đựng quần áo khô và thức ăn, ở đấy hắn có thể chờ đợi, hắn đã được biết, không đầy tám hôm chắc chắn bọn buôn lậu Tây Ban Nha, có thể là Blasquito, sẽ đến Plainmont, với một ít tiền hắn có thể nhờ đưa đến, không phải Tor-Bay như hắn đã nói với Blasco để đánh lạc hướng những phỏng đoán và đánh lừa, mà đến Pasages hay Bilbao. Từ đấy hắn sẽ đến Vera-Cruz hoặc Nouvelle-Orléans. Vả lại cũng đã đến lúc nhảy xuống biển, chiếc xuồng đã đi xa, một giờ bơi đối với Clubin chẳng nghĩa lý gì, chỉ có một dặm ngắn cách hắn với đất liền, vì hắn đang đứng trên Hòn Hanois.

Clubin đang mơ màng đến chỗ ấy thì sương mù bỗng xé toang. Ngọn núi Douvres khủng khiếp hiện ra.

VII ĐIỀU BẤT NGỜ XẢY ĐẾN

Clubin ngơ ngác, nhìn kỹ.

Đúng là hòn ngầm chơ vơ khủng khiếp.

Không thể lặn lẩn về hình dáng dị kỳ kia. Hai Hòn Douvres sinh đôi sừng sững, góm guốc, chừa ra ở giữa như một cái bẫy, con đường hẻm của chúng. Y như cái máy chém của đại dương.

Chúng đứng ngay trước mặt. Sương mù như một tên đờng lữa, đã che phủ cho chúng.

Trong sương mù, Clubin đã đi làm đường. Mặc dầu đã tập trung toàn bộ chú ý, hẳn lại gặp phải cái đi đầu đã xảy đến với hai nhà thám hiểm lớn, với Gonzalez người tìm ra Cap Blanc, và với Fernandez người tìm ra Cap Vert. Mây mù đã làm hấn lạc đường. Hấn tưởng mây mù giúp hấn thực hiện dự định, nhưng mây mù lại có những tai họa của nó. Clubin đã đi chệch sang hướng tây và đã nhầm. Người hành khách Guernesey, tưởng nhận ra Hòn Hanois, đã quyết định đường lái cuối cùng. Clubin đã tưởng mình lao vào Hòn Hanois.

Tàu Durande, bị một tảng đá ngầm của bãi cạn chọc thủng, chỉ cách hòn Douvres có vài tậm^[67].

Cách đây hai trăm sải^[68], thấy có một khối hoa cương đờ sộ. Trên mặt vách lởm chởm của quả núi, người ta nhận ra mấy đường rạch và mấy chỗ mấp mô để trèo lên. Những góc thẳng của các bức tường cheo leo có góc vuông ấy khiến ta dự cảm tới một ngọn đờ ỉ trên đỉnh.

Đây là Núi Thẳng Người.

Núi Thằng Người nhô cao hơn các Hòn Douvres. Mặt bằng của nó cao hơn hai chòm nhọn không sao lên được của chúng. Mặt bằng ấy, quanh mép sứt lở, có một đầu gờ nhô ra, và một đường nét đầu đặn nào đó của điêu khắc. Không thể nghĩ đến một cái gì thể lương bu ồn thắm hơn. Sóng từ ngoài khơi đến làm nhăn những tấm khăn bình thản của mình bên những mặt vuông của cái khúc đen ngòm đờ sộ kia, một thứ bề dành cho những bóng ma to lớn của đêm khuya và của biển cả.

Toàn bộ cảnh vật ấy đều tù đọng. Chỉ thoang thoảng một ngọn gió trên không, chỉ hơi gợn một nếp nhăn trên sóng. Dưới bề mặt câm lặng của sóng nước người ta đoán ra cuộc sống rộng lớn chìm ngập của đáy biển.

Clubin đã từng nhìn thấy bãi ng ần Douvres từ xa.

Hắn đành phải chịu rằng hắn đang ở đấy.

Hắn không thể nào nghi ngờ.

Một thay đổi đột ngột và dễ sợ. Hòn Douvres chứ không phải Hòn Hanois. Đáng lẽ một dặm lại hóa ra năm hải lý^[69]. Năm hải lý! Điêu nan giải. Hòn Douvres đối với kẻ bị đắm cô đơn là gi ờ tận số nhân ti ền, trông thấy được, sờ thấy được. Cấm vào đất li ền.

Clubin rùng mình. Hắn đã tự đặt mình vào m ồm của bóng tối. Không còn chỗ trú nào khác Núi Thằng Người. Đêm nay bão có thể sẽ ập đến, và chiếc xu ồng của tàu Durande, chở nặng, sẽ chìm mất thôi. Không một tin tức gì về vụ đắm tàu đến được đất li ền. Người ta sẽ không biết đến cả việc Clubin bị bỏ lại trên bãi Douvres. Không còn viễn cảnh nào khác cái chết vì rét và đói. Bảy vạn năm nghìn trắng của hắn sẽ không cho hắn nổi một miếng bánh mì. Tất cả những gì hắn dàn dựng dẫn đến cái cạm bẫy này đây. Hắn chính là nhà kiến trúc c ần cù của thảm họa cho hắn. Không có

phương kế nào cả. Không thể có lối nào cứu thoát. Chiến thắng trở thành vực thẳm. Đáng lẽ giải thoát lại hóa ra giam giữ. Đáng lẽ tương lai thịnh đạt dài lâu, lại là cảnh lâm chung hấp hối. Trong nháy mắt, thời gian một tia chớp loáng, toàn bộ công trình của hắn đã đổ sụp. Thiên đường mơ ước của con yêu tinh ấy đã lấy lại bộ mặt thật của nó, là hầm mộ.

Trong khi ấy, gió đã nổi lên. Sương mù, bị rung chuyển, bị chọc thủng, bị giằng giật tứ phía, xô nhau từng mảnh lớn di hình ủa về phía chân trời. Toàn bộ biển khơi lại hiện ra.

Bầy bò, mỗi lúc một bị ngập nước thêm, tiếp tục rống to trong gầm tàu.

Đêm tối đến gần, có thể là bão táp nữa.

Tàu Durande, bị triều dâng trực lên dãn dãn, lắc lư từ phải sang trái, rồi từ trái sang phải, và bắt đầu xoay trên hòn ngầm như trên một cái trục.

Người ta có thể cảm thấy trước giây phút một con sóng sẽ giật phẳng nó ra và cuốn nó theo dòng nước.

Trời đã bớt tối hơn lúc tàu đắm. Mặc dầu giờ khắc có muộn hơn, nhưng người ta lại thấy sáng hơn. Sương mù kéo đi, đã đem theo một phần bóng tối. Phía tây quang hẳn mây. Bầu trời hoàng hôn trắng rộng. Cái ánh sáng bao la ấy chiếu sáng mặt biển.

Tàu Durande bị cạ theo chiều nghiêng từ lái đến mũi. Clubin đi lên phía sau tàu, vẫn hời như nằm ngoài mặt nước. Hắn đắm đắm dán mắt vào chân trời.

Đặc điểm của đạo đức giả là rất ham hố ước vọng. Đạo đức giả là tên lúc nào cũng đứng chờ đợi. Đạo đức giả không phải gì khác hơn một ước vọng xấu xa ghê tởm; và thực chất của sự dối trá ấy là quỵện với cái đức

tốt trở thành tật xấu ấy.

Điêu kỳ lạ cần phải nói là trong đạo đức giả lại có lòng tin. Tên đạo đức giả tin cậy vào một cái gì thờ ơ lạnh lùng trong vô định, cái ấy cho phép nó được làm đi đâu đó.

Clubin nhìn lên không trung.

Hoàn cảnh thật là thất vọng, nhưng linh hồn nham hiểm ấy vẫn không thất vọng.

Hắn tự nhủ sau đợt sương mù dày này, những tàu bè nằm dưới mù giũ buồm đứng lại hoặc buông neo sẽ lại tiếp tục ra đi, và có lẽ sẽ có một chiếc nào đó đi qua ở chân trời.

Và, quả thật, một cánh buồm bỗng xuất hiện.

Nó từ phía đông đến và đi về phía tây.

Càng đến gần chiếc thuyền càng lộ rõ các chi tiết. Nó chỉ có một cột buồm và một xuồng. Buồm cái gần như nằm ngang. Đây là một chiếc thuyền đáy bằng.

Không đầy nửa giờ nữa, nó sẽ đến khá gần Hòn ngặm Douvres.

Clubin nghĩ bụng: ta được cứu thoát rồi.

Trong một giây phút như giây phút hắn đang sống, người ta chỉ nghĩ đến chuyện sống.

Chiếc thuyền đáy bằng kia có lẽ là của nước ngoài. Biết đâu chẳng phải là một trong những thuyền buôn lậu đi đến Plainmont? Biết đâu chẳng phải chính Blasquito? Trong trường hợp ấy, không những cuộc sống được bảo toàn mà cả tài sản nữa; và việc gặp hòn ngặm Douvres, vừa thúc đẩy đoạn

kết, vừa bỏ được việc chờ đợi trong ngôi nhà ma ám, vừa giải quyết được việc ly kỳ giữa biển khơi, sẽ là một tình huống may mắn.

Đầu óc đen tối kia lại hoàn toàn tin tưởng cu ồng nhiệt vào kết quả.

Thật là một đi ầu kỳ quặc, hiện tượng bọn vô lại dễ dàng nghĩ rằng thành công bao giờ cũng phải dành cho chúng.

Chỉ có một việc phải làm.

Tàu Durande, cắm vào núi, hòa bóng mình vào bóng núi, trùng với đường núi lởm chởm và chỉ như thêm vào đó một nét nhỏ, nom rất lờ mờ và lẫn mất, và trong chút ánh ngày còn rơi rớt sẽ không đủ để thu hút sự chú ý của chiếc thuyền sắp đi qua.

Nhưng một hình người đen sẫm nổi lên trên nền trắng hoàng hôn, đứng trên mặt bằng Núi Thằng Người và làm dấu hiệu tai nạn, chắc chắn sẽ được nhận thấy. Người ta sẽ cho một chiếc thuyền con tới để cứu kẻ bị đắm.

Núi Thằng Người chỉ cách có hai trăm sải. Bơi đến đây là chuyện đơn giản, trèo lên đó là chuyện dễ như chơi.

Không được bỏ phí một phút.

Đầu tàu Durande nằm trong núi, muốn nhảy xuống nước để bơi phải nhảy từ trên đuôi tàu từ điểm Clubin đang đứng.

Hắn bắt đầu thả một ống dò và biết rằng dưới đáy tàu nước rất sâu. Những vỏ sò vỏ ốc li ti do mỡ bò dẫn đến vẫn y nguyên, chứng tỏ chỗ ấy có rất nhiều hang rỗng, trong đó nước luôn luôn đứng yên dù trên mặt có xao động mấy cũng vậy.

Hắn liền cởi bỏ quần áo, để lại trên boong. Quần áo thì trên chiếc thuyền đáy bằng sẽ có đủ.

Lúc đã trằn truồng, hắn mới để bàn tay lên thắt lưng, thít lại, nắn nắn cái hộp sắt, đưa mắt nghiên cứu nhanh hướng phải bơi qua bãi ngầm và sóng nước để đến được Núi Thằng Người, đoạn lao đầu xuống nước, hắn lặn một hơi.

Vì rời từ cao nên hắn lặn rất sâu.

Hắn xuống rất sâu, chạm đến đáy, sờ được đáy, men theo những hòn núi dưới biển một lúc, đoạn văng mình nổi lên mặt nước.

Đúng lúc ấy, hắn bỗng cảm thấy bị nắm vào chân.

QUYỀN BẢY

HỎI ĐẾN SÁCH LÀ ĐẠI DỘT

I

HÒN NGỌC DƯỚI ĐÁY VỰC SÂU

Vài phút sau cuộc nói chuyện ngắn ngủi với Sieur Landoys, Gilliatt đã có mặt ở Saint-Sampson.

Gilliatt b ần ch ần đến mức đâm ra lo sợ. Việc gì đã xảy ra thế?

Saint-Sampson ần ào như ong vỡ tổ. Tất cả mọi người đều ra đứng ở cửa. Các bà thì rú lên. Nhi ều người như đang kể cho nhau nghe chuyện gì đó và cứ khoa chân múa tay, người ta xúm quanh bên họ, kêu lên: tai họa khủng khiếp quá! Nhi ều bộ mặt lại mỉm cười.

Gilliatt chẳng hỏi ai cả. Bản chất anh không thích hỏi. Và lại anh xúc động quá không thể nói chuyện với những người thờ ơ. Anh cảnh giác với những câu chuyện kể lại, anh thích ngay một lúc biết hết tất cả mọi chuyện; anh đi thẳng đến ngôi nhà Bravées.

Anh áy náy đến mức không sợ cả việc bước vào ngôi nhà này.

Vả lại cánh cửa căn phòng thấp nhìn ra bên cảng đang mở rộng. Trên ngưỡng cửa, đàn ông đàn bà đông như kiến. Tất cả mọi người đều vào, anh cũng vào.

Vừa bước vào, anh gặp ngay Sieur Landoys đứng tựa ở khung cửa, ông ta khẽ nói với anh:

- Bây giờ thì hẳn anh đã biết sự việc?

- Không.

- Ban này ở ngoài đường tôi không muốn nói to câu chuyện với anh. Vì có vẻ như một con chim báo đi đêm dữ.

- Cái gì thế?

- Tàu Durande gặp tai họa.

Trong phòng quần chúng rất đông.

Các nhóm đều nói khe khẽ, như trong phòng một người bệnh.

Những người có mặt là hàng xóm, khách qua đường, kẻ tò mò, những người đến trước, ùn lại bên cửa ra vào với một vẻ sợ sệt, và chừa một quãng trống cuối phòng; ở đây bên cạnh Déruchette ng ồi, nước mắt đầm đìa, người ta thấy Mess Lethierry đang đứng.

Ông tựa lưng vào bức vách trong cùng. Chiếc mũ thủy thủ sụp xuống tận lông mày. Một món tóc hoa râm lòa xòa trên má. Ông chẳng nói chẳng rằng. Cánh tay không nhúc nhích, m ồm như không còn hơi thở. Ông có vẻ như một đ ồ vật để tựa vào tường.

Nhìn ông, người ta cảm thấy đó là một con người mà cuộc đời vừa sụp đổ. Durande không còn, Lethierry chẳng còn lý do gì để sống. Ông có một linh hồn ngoài biển cả, linh hồn ấy vừa chìm đắm. Bây giờ rồi sẽ ra sao? Sáng sáng thức dậy, tối tối đi nằm. Không đợi chờ Durande nữa, không nhìn thấy nó ra đi nữa, không nhìn thấy nó trở về nữa. Chút đời tàn không mục đích thì còn nghĩa lý gì? Ăn, uống, rồi sao? Con người này đã hoàn thành tất cả mọi lao động của mình bằng một tuyệt tác và tất cả mọi tận tụy của mình bằng một tiến bộ. Tiến bộ bị thủ tiêu, tuyệt tác chết rồi! Sống thêm vài năm trống rỗng nữa để làm gì? Từ nay chẳng còn gì mà làm. Ở

tuổi ấy người ta không bắt đầu lại, hơn thế, ông đã phá sản. Ôi thật đáng thương cho ông già hiên lành!

Déruchette, ng ồi khóc bên ông, trên một chiếc ghế, hai bàn tay cô ấp chặt một bàn tay của Mess Lethierry. Hai bàn tay chấ p lại, còn nắm tay thì co quắ p. Khác biệt giữa hai ni ệm đau xót là ở đó. Trong hai bàn tay chấ p lại còn có một chút gì hy vọng; trong nắm tay co quắ p chẳng có gì cả.

Mess Lethierry buông cánh tay cho con gái và đ ể mặc cô. Ông hoàn toàn thụ động. Ông chỉ còn chút sức sống mà người ta có thể có đ ược sau khi bị sét đánh.

Ở đ áy vực có những cái đích lôi kéo bạn ra khỏi cuộc sống con người. Những người đi tới đi lui trong phòng bạn đ ầu nhón nháo lò m ờ; họ đi cạnh bạn mà không đến đ ược tận bạn. Họ không thể lại gần bạn, mà bạn cũng không thể đến bên họ. Hạnh phúc và thất vọng không phải là hai môi trường đ ể thờ giống nhau; thất vọng, người ta tham dự vào cuộc sống người khác từ rất xa, người ta h ầu như không biết đến sự có mặt của họ; người ta mất cảm giác về sự t ồn tại của chính mình, tuy là xương là thịt đ áy, mà người ta không còn cảm thấy mình là thực nữa; đ ối với bản thân người ta chỉ còn là một giấc m ộng.

Mess Lethierry đang có cái nhìn trong hoàn cảnh ấy.

Các nhóm thì thảo với nhau. Họ trao đ ổi những gì họ biết đ ược. Sau đây là những tin tức:

Hôm qua, tàu Durande đã đ ắm vào hòn Douvres, giữa lúc sương mù, trước lúc mặt trời lặn qu ảng một giờ. Trừ người thuyền trưởng không muốn rời khỏi tàu, các người khác đ ều thoát nạn bằng xu ồng. Một cơn gió mạnh tây-nam ập đến sau lúc sương mù, suýt nữa đã làm họ đ ắm l ần thứ

hai, và đã đẩy họ ra khơi phía bên kia Guernesey. Trong đêm khuya họ đã may mắn gặp được thuyền Cashmere, thuyền này đã vớt họ và đã đưa họ về Saint-Pierre-Port. Đầu đuôi do khuyết điểm của anh lái tàu Tangrouille, hiện đang nằm trong tù. Clubin thật là cao thượng.

Các hoa tiêu, rất đông trong các nhóm, thốt lên một cách đặc biệt hai tiếng bãi Douvres. - Quán trọ chẳng ra gì - một người nói.

Người ta chú ý đến một chiếc la bàn và một bó sổ sách để trên bàn; chắc hẳn đây là chiếc la bàn của tàu Durande và sổ sách đi đường mà Clubin đã giao lại cho Imbrancam và Tangrouille lúc xuồng ra đi; hành vi quyền mình cực kỳ đẹp đẽ của con người kia, cứu thoát đến cả những giấy tờ vào lúc mình cam chịu chết; chi tiết nhỏ đầy cao thượng; một sự xả thân cao quý.

Mọi người nhất trí ca ngợi Clubin và hơn nữa cũng nhất trí tin tưởng thế nào cuối cùng ông ta cũng được cứu thoát. Chiếc thuyền đáy bằng Shealtiel đã đến vài giờ sau thuyền Cashmere; chính nó đã đem về những tin tức cuối cùng. Nó vừa trải qua hai mươi bốn tiếng đồng hồ cũng trên những vùng tàu Durande đi qua. Nó đã kiên trì trong lúc sương mù và đã chạy vát gió trong cơn bão táp. Chủ thuyền Shealtiel có mặt trong những người ở đó.

Lúc Gilliatt bước vào, người chủ thuyền này vừa kể xong chuyện với Mess Lethierry. Câu chuyện là một bản báo cáo thật sự. Vào quang sáng, lúc cơn cuồn phong vừa tan và gió trở nên hiền hòa, chủ thuyền Shealtiel nghe có tiếng bờ rỗng giữa biển khơi. Tiếng đồng cỏ đó giữa sóng nước đã làm ông ta ngạc nhiên, ông vội chuyển hướng đi về phía ấy. Ông đã nhìn thấy tàu Durande trong các Hòn Douvres. Sóng vừa đủ lặng để ông có thể đến gần. Ông đã dùng loa gọi chiếc tàu đắm. Chỉ có tiếng bờ rỗng đang

chết đuối trong hần tàu đáp lại. Chủ thuyền Shealtiel tin chắc không có ai trên tàu Durande cả. Xác tàu hoàn toàn đứng vững; và dù gió có mạnh mấy, Clubin cũng có thể sống hết đêm trên tàu. Ông ta đâu phải là người dễ dàng bỏ cuộc. Ông ta không có trên tàu, tức là ông ta đã thoát nạn. Nhiều duyên thuyền và nhiều thuyền nhỏ, từ Granville và từ Saint-Malo, thoát ra khỏi sương mù, đêm qua hẳn đã phải, đi đâu này không còn phải nghi ngờ, đi men khá gần bãi Douvres. Một trong số đó tất nhiên đã đón thuyền trưởng Clubin. Cần nhớ lại rằng chiếc xuồng của tàu Durande đã đây lúc rời khỏi chiếc tàu mắc cạn, rằng nó sẽ gặp rất nhiều nguy hiểm, rằng thêm một người là quá tải và có thể làm nó chìm, và đây là lý do chính khiến cho Clubin quyết định ở lại trên tàu; nhưng một khi trách nhiệm hoàn thành, có một chiếc tàu cứu nguy đi đến, chắc chắn Clubin không từ chối việc lợi dụng nó. Người ta là anh hùng, nhưng người ta không phải là một thằng ngốc. Một vụ tự sát càng phi lý, vì Clubin là con người không thể chê trách được. Tội phạm là Tangrouille, chứ đâu phải là Clubin. Toàn bộ câu chuyện đều xác định; chủ thuyền Shealtiel rõ ràng có lý, và mọi người chờ xem Clubin sớm muộn trở về. Người ta dự định sẽ công kênh ông ta để hoan nghênh.

Có hai điểm chắc chắn nổi bật qua câu chuyện của người chủ thuyền: Clubin được cứu thoát và tàu Durande hỏng hẳn.

Về tàu Durande thì phải để ý với ông ta, tai họa không thể nào cứu vãn nổi. Chủ thuyền Shealtiel đã được chứng kiến đoạn cuối cùng của vụ đắm tàu. Quả núi nhọn hoắt, nơi mà tàu Durande bị cắm chặt vào, đã đứng vững suốt đêm và đã chống chọi với sóng gió như muốn giữ lại cái xác tàu cho mình, nhưng sáng ra lúc thuyền Shealtiel tới, nhận thấy không có người nào để cứu vớt, sắp rời khỏi tàu Durande thì một trong những làn

sóng lớn giống như những cơn giận cuối cùng của bão táp nổi lên. Làn sóng này đã giận dữ nâng tàu Durande lên, giật nó ra khỏi quả núi ngầm và vừa nhanh vừa chính xác như một mũi tên, phóng nó vào giữa hai hòn Douvres. Người ta đã nghe một tiếng rảng rắc “ma quái” - ông chủ thuyền nói thế. Tàu Durande, bị cơn sóng bốc khá cao, đã chui tọt vào giữa quãng cách hai quả núi đến tận hông. Một lần nữa nó lại bị cấm chặt, nhưng chắc hơn lúc cấm vào mỏm gân dưới biển. Nó sẽ nằm đấy, lơ lửng một cách đáng thương, mặc cho biển rộng và gió trời d ã đập.

Tàu Durande, theo lời thủy thủ thuyền Shealtiel, đã vỡ đến ba phần tư. Tất nhiên lẽ ra nó đã chìm lúc khuya nếu quả núi ngầm không giữ và nâng nó. Chủ thuyền Shealtiel đã nghiên cứu xác tàu bằng ống nhòm. Ông ta cho biết chi tiết về tai biến một cách chính xác theo kiểu thủy thủ; mạn tàu bên phải thủng toang, các cột bu ãm gãy gập, hệ thống bu ãm mất hết dây, bao nhiêu xích cột bu ãm hầu như đứt sạch, lớp mắt cáo nắp bu ãng bẹp rúm vì một trục bu ãm đỏ, trụ buộc thừng gãy sát mép mạn tàu từ sà ngang cột bu ãm cái đến tận ngấn trên, vòm kho lương thực sập, các ngăn xu ãng lộn ngược, mũi tàu bị bóc tung, trục c ãn lái gãy, dây thuyền bị nhổ bật, mạn đóng đinh ở c ãu tàu bị phạt bằng, cọc bu ãm thuyền bị cuốn mất, sà ngang bị phá hủy, lan can bay biến, sà giữ bánh lái gãy nát. Cả một cảnh tượng phá phách điên cu ãng của bão táp. Còn cái c ãn cầu d ã hàng bắt chặt vào cột bu ãm trước thì chẳng còn gì nữa, chẳng biết biến đâu, hoàn toàn bị quét sạch, bay biến, với cả đám dây thừng rách rách, puli và xích sắt. Tàu Durande vỡ tung; bây giờ nước bắt đầu xé nát nó. Trong vài ngày nữa, sẽ chẳng còn một tí gì.

Tuy nhiên bộ máy đó chỉ hơi bị hư hại trong cuộc tàn phá này, đó là đi ãu phi thường chứng minh ưu điểm của nó. Người chủ thuyền Shealtiel cho là

có thể khẳng định rằng “manivelle” không hỏng nặng. Các cột buồm gãy gục nhưng ống khói vẫn trụ được. Lan can sắt cầu chỉ huy bị bể cong, hệ thống trống có bị hại, lồng trống có bị vặn, nhưng bánh xe có vẻ như không mất một cánh nào. Máy hoàn toàn nguyên vẹn. Đây là tin tưởng vững chắc của người chủ thuyền Shealtiel. Anh đốt lò Imbrancam, đứng lẫn trong các nhóm, cũng cùng niềm tin ấy. Anh da đen này, thông minh hơn nhiều người da trắng, là người vẫn ca ngợi bộ máy. Anh đưa thẳng hai cánh tay lên trời, xòe cả mười ngón tay đen thui ra và nói với Lethierry vẫn câm lặng.

- Chủ ơi, bộ máy vẫn còn sống.

Khi việc Clubin thoát nạn được xem như chắc chắn, vỏ tàu Durande xem như bỏ đi, bộ máy trở thành vấn đề chính trong câu chuyện của các nhóm. Người ta quan tâm đến nó như đối với một con người. Người ta kinh ngạc về sự vững chắc của nó. - Đúng là một con mẹ chắc chắn thật - một thủy thủ Pháp nói. - Tốt thật! - một người đánh cá Guernesey thốt lên. Nó phải ranh ma lắm - chủ thuyền Shealtiel lại nói tiếp - mới thoát khỏi nơi đó với hai ba chỗ xước.

Dần dần cỗ máy ấy trở thành mối bận tâm duy nhất. Nó làm sôi nổi các ý kiến ủng hộ và chống đối. Nó có cả bạn lẫn thù. Nhiều người, có một chiếc thuyền buồm cũ đầy bằng còn tốt, hy vọng nắm lại được số khách hàng của tàu Durande, tỏ ra bằng lòng khi thấy Hòn Douvres trừng phạt sáng chế mới. Tiếng thì thầm trở thành tiếng ồn ào. Người ta tranh luận gần như ồn ã. Tuy nhiên vẫn chỉ là một tiếng nhộn nhạo kín đáo, và chốc chốc các giọng nói lại chợt lắng xuống, trước thái độ im lặng nặng nề như tha ma của Lethierry.

Từ câu chuyện trao đổi về tất cả mọi mặt, kết quả như sau:

Cỗ máy là chủ yếu. Chiếc tàu có thể đóng lại, nhưng không thể làm lại cỗ máy. Cỗ máy ấy là duy nhất. Để chế tạo một cỗ máy tương tự, tiền sẽ không có, mà công nhân cũng không. Người ta nhắc lại điểm người chế tạo ra cỗ máy đã chết rồi. Cỗ máy trước đây trị giá bốn vạn frăng. Từ nay chẳng ai dám bỏ ra một số vốn như thế cho một chuyện bấp bênh như thế; hơn nữa như vậy là đã rõ ràng, tàu hơi nước cũng đắm như mọi thuyền bè khác; tai nạn hiện nay của tàu Durande chìm sâu tất cả thành tích đã qua của nó. Tuy vậy thật đau khổ khi nghĩ rằng giờ phút này cỗ máy vẫn nguyên vẹn, vẫn còn tốt, và không đầy năm sáu hôm nữa nó cũng có thể bị xé toang ra từng mảnh như chiếc tàu. Máy còn là có thể nói như không có chuyện tàu đắm. Chỉ có máy hỏng mới không cứu vãn nổi. Cứu được máy, sẽ là hàn gắn tai họa.

Nói cứu máy thì dễ. Nhưng ai đứng ra đảm nhiệm cho việc đó? Và có thể làm được việc đó hay không? Nói và thực hiện là hai việc, và chúng mình có một giấc mơ không thực hiện nổi và điên rồ, thì đúng là giấc mơ này: cứu cái cỗ máy dạt lên Hòn Douvres. Gửi đến làm việc chỗ các quả núi ấy một chiếc tàu và một đoàn thủy thủ là chuyện phi lý; không nên nghĩ đến chuyện ấy. Lúc này đang mùa biển động mạnh; chớ có gió dữ là xích neo sẽ bị các mỏm đá ngầm cưa đứt và tàu bè sẽ vỡ tan với bãi ngầm. Như vậy là gây nên một nạn đắm thứ hai để cứu nạn đắm thứ nhất. Trong cái hốc trên đũa cao, nơi mà người đắm thuyền thuyền thuyết chết đói đã trú ngụ, không đủ chỗ cho một người. Vậy muốn cứu cỗ máy, phải có một người đến Hòn Douvres, và chỉ đi một mình, một mình giữa biển cả ấy, một mình giữa chốn hoang vu ấy, một mình cách bờ năm hải lý, một mình trong cảnh hãi hùng ấy, một mình suốt mấy tuần liền, một mình trước đi ầu

dự kiến và đi đâu bất ngờ, không được tiếp tế trong nỗi lo sợ thiếu thốn, không ai cứu giúp trong những tình huống nguy nan không một dấu người nào khác ngoài vết tích của kẻ bị đắm năm xưa vì đói khát mà thở hơi cuối cùng ở đấy, không có bạn đường nào khác cái xác chết ấy. Và lại người kia sẽ xoay xử thế nào để cứu được cỗ máy về? Anh ta không phải là thủy thủ, mà còn phải là thợ rèn. Và phải chịu đựng những thử thách như thế nào? Người mạo hiểm làm việc ấy hơn hẳn một vị anh hùng. Anh ta sẽ là một thằng điên. Vì trong một số việc làm không cân xứng mà tính chất siêu phàm dường như cần thiết, lòng dũng cảm thường có thêm bệnh mất trí. Và thực thế, suy cho cùng, hi sinh cho một mớ sắt vụn chẳng phải điên cuồng thì là cái gì? Không, chẳng người nào đi Hòn Douvres cả. Đành phải từ bỏ cỗ máy như mọi thứ còn lại. Vị cứu tinh cần thiết sẽ không xuất hiện. Tìm đâu ra một người như thế kia chứ?

Nói khác một tí, đây là nội dung của mọi chuyện thì thẩn trong đám đông ấy.

Chủ thuyền Shealtiel, vốn là một hoa tiêu cũ tóm tắt tư tưởng của tất cả mọi người bằng câu cảm thán sau đây, nói thật to:

- Không! Thế là hết. Người sẽ đi đến đấy và đem cỗ máy về không có.
- Tôi mà đã không đi đến đấy - Imbrancam thêm vào - tức là người ta không thể làm được - và nói tiếp:

- Nếu có...

Déruchette ngoảnh đầu lại nói luôn:

- Tôi sẽ lấy anh ta.

Im lặng một lúc lâu.

Bỗng một người tái nhợt từ đám đông bước ra và nói:

- Cô Déruchette, cô sẽ lấy anh ta ư?

Đấy là Gilliatt.

Trong lúc ấy tất cả mọi con mắt đều ngược lên. Mess Lethierry vừa thẳng người lên. Dưới cặp lông mày của ông thoáng có một ánh sáng kỳ lạ.

Ông ta nắm tay giật phắt chiếc mũ thủy thủ của mình ném mạnh xuống đất, đoạn ông trịnh trọng nhìn trước mặt nhưng không trông thấy một ai trong số những người có mặt, và nói:

- Déruchette sẽ lấy anh ta. Tôi lấy lời nói danh dự hứa với Chúa lòng lành như vậy.

II

NHIỀU CHUYỆN NGẠC NHIÊN TRÊN BỜ BIỂN PHÍA TÂY

Đêm tiếp theo ngày hôm ấy, từ mười giờ đêm trở đêm trở đi, phải là một đêm trăng. Thế mà, mặc dầu vẻ ngoài êm đẹp của trời đêm, của gió trời và của biển cả, không một ngư dân nào có ý định ra khỏi Hougue la Perre, khỏi Bourdeaux, khỏi Houmet-Benèt, khỏi Platon, khỏi Port-Grat, khỏi vịnh Vason, khỏi Perrelle-Bay, khỏi Pezeris, khỏi Tielles, khỏi vịnh các Thánh, khỏi Petit-Bô, hoặc khỏi bất cứ một cảng lớn cảng nhỏ nào của Guernesey. Lý do rất đơn giản, gà đã gáy lúc giữa trưa. Khi nào gà gáy vào một giờ bất thường, thì mất mùa cá.

Thế mà đêm hôm ấy, vào lúc sập tối, một ngư dân trên đường về Omptolle lại gặp một chuyện bất ngờ. Ngang Houmet-Paradis, quá hai Brayes và hai Grunes, bên trái có phao Plattes-Fougères hình phễu úp, bên

phải có phao Saint-Sampson hình mặt người, anh ta tưởng như nhận thấy có một cái phao thứ ba. Chiếc phao ấy là thế nào? Người ta đã cắm nó ở điểm ấy từ bao giờ? Nó đánh dấu bãi cạn nào? Chiếc phao trả lời ngay những câu hỏi ấy; nó động đậy, thế là một cột buồm. Anh ngư dân vẫn không bất ngạc nhiên. Một chiếc phao đặt câu hỏi. Không thể nào có chuyện đánh cá được. Khi mà mọi người đều trở về, lại có một người ra đi. Ai thế? Tại sao?

Mười phút sau, cột buồm, từ từ đi tới, đến cách anh ngư dân Omptolle một quãng. Anh không thể nhận ra chiếc thuyền. Anh nghe chèo. Chỉ có hai mái chèo. Vậy là có vẻ như chỉ có một người Gió bắc, người kia tất nhiên đang chèo để đi đón gió quá mũi Fontenelle. Ở đấy, hẳn y sẽ dương buồm. Như vậy là y định đi quá Ancresse và núi Crevel. Thế nghĩa là thế nào?

Cột buồm đi qua, anh ngư dân quay về

Cũng đêm hôm ấy, trên bờ biển phía tây Guernesey, những người quan sát ngẫu nhiên, rải rác và lẻ loi, đều có nhận xét vào những giờ khác nhau và ở nhiều điểm khác nhau.

Anh Omptolle vừa buộc thuyền xong thì một người đánh xe rong biển, quá đầy nửa dặm, ra roi đánh ngựa trên con đường hẻo lánh Clôtures, gần đài cổ tích, quanh vùng các lò luyện kim số sáu và số bảy, trông thấy ngoài biển, khá xa trên chân trời, ở một nơi ít người đi đến vì phải thông thạo nơi ấy lắm, về phía Roque-Nord và bãi Sablonneuse, có một cánh buồm được kéo lên. Anh ta cũng không để tâm đến lắm, vì nghề của anh là xe cộ chứ không phải tàu bè.

Có lẽ người đánh xe gặp cánh buồm ấy được nửa tiếng, thì một anh đắp

đồ thạch cao vừa đi làm ở thành phố về và đang đi vòng ao Pelée, chợt thấy gần như trước mắt, một chiếc thuyền hăm hở lao vào giữa những quả núi Quenon, Rousse de Mer, và Gripe de Rousse. Đêm khuya trời tối như mực, nhưng biển lại sáng rõ, một cảnh tượng thường xảy ra, và có thể nhìn thấy cảnh đi lại ngoài khơi. Ngoài biển lúc ấy chỉ có mỗi một chiếc thuyền kia.

Dưới đây một tí, và muộn hơn tí nữa, một người đánh bắt tôm càng, đang bày hàng trên dải cát bở ngăn cách Port-Soif với Port-Enfer, không hiểu một chiếc thuyền lướt giữa Boue-Corneille và Moulette đang làm gì. Phải là hoa tiêu giỏi và phải rất vội đi đâu mới dám liều mạng vào đây.

Tám giờ vừa điếm ở Catel, người chủ tiệm Cobo-Bay bỗng hơi sững sốt theo dõi một cánh buồm ở bên kia Boue du Jardin và Grunettes, rất gần Suzanne và Grunes phía tây.

Cách Cobo-Bay không xa, trên mũi Houmet chơ vơ của vịnh Vason, một đôi tình nhân đang bịn rịn chia tay, vào lúc cô gái bảo với anh con trai: - Em ra đi đây không phải vì em muốn khỏi ở bên anh, mà vì em có việc phải đi - họ quên hôn nhau từ già vì có một chiếc thuyền khá to đi qua rất gần họ, và hướng về phía Messellettes.

Ông Le Peyre des Norgiots, nhà ở trên đường Pipet, lúc chín giờ tối đang bận xem xét một cái lỗ do bọn ăn cắp vặt khoét. Ở hàng rào Jennerotte, và ở “khu vực trồng cây” của ông; trong lúc nhận xét thiệt hại, ông không thể không để ý đến một chiếc thuyền liêu lĩnh đi quá Crocq-Point vào lúc khuya khoắt như thế.

Sau bão một hôm, với những dao động còn lại ngoài biển cả, hành trình ấy không bảo đảm lắm. Chọn hành trình ấy là dại dột, nếu không thuộc

lòng đường đi lối lại.

Đến chín giờ rưỡi, tại Équerrier một người đánh cá đang kéo lưới phải dừng tay một lúc để ngắm xem giữa Colombelle và Soufferesse có cái gì giống một chiếc tàu. Chiếc tàu ấy đang mạo hiểm lắm. Ở đây có những luồng gió giạt rất nguy hiểm. Ngọn núi Souffleresse được gọi như thế vì nó thường thổi bất thình lình vào thuyền bè.

Vào lúc trăng lên, triền biển và biển đã lặng trong eo biển Li-Hou, người gác cô đơn trên đảo Li-Hou sợ quá, anh ta thấy giữa mặt trăng và anh ta có một bóng đen dài lướt qua. Bóng đen ấy, cao và gầy, giống hết một tấm vải liệm chằng đứng đang bước đi. Nó trượt từ từ trên những bức tường do vách núi tạo nên. Anh gác đảo Li-Hou cho đây là Đức Bà Đen.

Đức Bà Trắng ở Tau de Pez d'Amont, Đức Bà Xám ở Tau de Pez d'Aval, Đức Bà Đỏ ở Silleuse phía bắc Banc-Marquis, và Đức Bà Đen ở Grand-Étacré, phía tây Li-Houmet. Ban đêm, trăng sáng, các Đức Bà thường ra đi, và đôi khi gặp nhau.

Cứ cho rằng bóng đen ấy có thể là một ngọn buồm. Đúng là những dãy núi dài nằm ngang, trên đó hình như bóng đen đang lướt đi, có thể che mất vỏ một chiếc thuyền buồm bên phía sau núi, và chỉ để thấy ngọn buồm. Nhưng người gác đảo tự hỏi, thuyền nào mà lại dám mạo hiểm vào giờ này nữa Li-Hou, Pécheresse, Angullières và Lérée-Point? Và nhằm mục đích gì? Anh ta thấy có thể là Đức Bà Đen nhiều hơn.

Trăng vừa lên khỏi tháp chuông Saint-Pierre du Bois, viên đội trưởng lâu đài Rocquaine, đang nhấc nửa cẩu rút lên thì nhận thấy ở cửa vịnh, xa hơn Haute-Canée, gần hơn Sambule, một chiếc thuyền buồm đi từ bắc xuống nam.

Trên bờ biển phía nam Guernesey, sau lưng Plainmont, ở cuối một cái vịnh toàn vực và vách núi, cắt thẳng xuống sông, có một bến cảng lạ lùng và một người Pháp, cư trú trên đảo từ năm 1855, có lẽ chính là người viết những dòng chữ này, đã đặt tên là Cảng tầng bốn, tên mà ngày nay thường được chấp nhận. Bến cảng ấy lúc bấy giờ mang tên La Moie, là một đống đá, nửa thiên nhiên, nửa được đục đẽo, cao quãng bốn mươi piê trên mặt biển, và ăn ra sóng biển nhờ hai phiến gỗ thông song song đông dốt. Thuyền bè, kéo tay bằng xích sắt và puli, từ biển lên và lại đi xuống biển dọc theo những phiến gỗ thông như hai đường ray ấy. Phục vụ cho người có một cầu thang. Thời ấy bến cảng này được bọn buôn lậu lui tới rất đông. Vì khó ra vào, nên nó lại thuận tiện cho chúng.

Vào quãng mười một giờ, một bọn gian lậu, có lẽ chính bọn mà Clubin đã chờ đợi, cõng ba lô đứng, trên đỉnh mặt bằng La Moie kia. Kẻ nào gian lậu kẻ ấy rình mò; chúng đang theo dõi. Chúng ngạc nhiên vì một cánh buồm thình lình nhô ra bên kia bóng đen mũi Plainmont. Lúc ấy trăng sáng vàng vạc. Bọn buôn lậu theo dõi cánh buồm, sợ có tay gác biển nào đó đi rình nấp sau Hòn Hanois Lớn. Nhưng cánh buồm vượt quá Hanois, bỏ Boue-Blondel lại sau lưng, phía tây nam, và tiến thẳng ra khơi lẫn vào sương mờ nhạt của chân trời.

- Chiếc thuyền kia đi đâu thế nhỉ? - cánh buôn lậu nói với nhau.

Cũng đêm hôm ấy, sau lúc mặt trời lặn một tí, có tiếng người đập vào cửa ngôi nhà nát ở Bû de la Rue. Đây là một em bé mặc quần áo nâu, đi bít tất vàng, chứng tỏ đây là một chú bé phụ lễ của giáo khu. Ngôi nhà Bû de la Rue đã đóng cả cửa trong lần cửa ván. Một bà lão mò cua, đang lặn mò trên bãi, tay cầm chiếc đèn kính, đã với gọi thằng bé, và sau đây là những lời trao đổi trước ngôi nhà Bû de la Rue giữa bà già mò cua với chú bé trợ

lễ:

- Chú cần gì thế, chú bé?

- Người ở đây.

- Anh ta không có nhà.

- Anh ấy đi đâu cơ?

- Tôi không biết.

- Mai anh ấy có nhà không?

- Tôi không biết.

- Hay là anh ấy đi rồ?

- Tôi không biết.

- Là vì, bà biết không, ông mục sư mới của giáo khu là cha tôn kính Ebenezer Caudray, muốn đến thăm anh ấy.

- Tôi không biết.

- Cha tôn kính sai tôi đến hỏi xem người ở Bû de la Rue sáng mai có nhà không?

- Tôi không biết.

III

KHÔNG NÊN BÓI KINH THÁNH

Trong hai mươi bốn giờ tiếp theo đó, Mess Lethierry không ngủ, không ăn, không uống, hôn trán Déruchette, hỏi thăm về Clubin mà người ta vẫn

chưa có tin tức, ký một tờ khai trong đó ông không khiếu nại gì hết, và đề nghị tha Tangrouille.

Suốt cả ngày hôm sau, nửa tì vào bàn giấy tàu Durande, không đứng mà cũng chẳng ngồi, ông dụi dằng trả lời, khi có người nói chuyện. Và lại, khi tờ mò đã được thỏa mãn thì ở Bravées lại vắng ngắt. Trong sự vồn vã thương hại thường có nhiều ưa thích nghe ngóng. Cửa ra vào đã đóng, người ta để Lethierry ngồi với Déruchette. Tia chớp thoáng qua trong mắt Lethierry đã tắt; lại trở về về nhìn thăm đăm lúc đầu tai họa.

Theo lời khuyên của Douce và Grace, Déruchette lo lắng đã lẳng lẳng đặt cạnh ông, trên mặt bàn, đôi bút tắt mà ông đang đan dở lúc có tin chẳng lành đến.

Ông mỉm cười chua chát:

- Người cho ta là ông chú ngu ngốc.

Sau mười lăm phút im lặng, ông nói thêm:

- Khi nào người ta sung sướng thì những cái trò ấy cũng hay.

Déruchette đã cất biến đôi bút tắt, và cũng đã lợi dụng cơ hội để giấu cái la bàn và những giấy tờ chạy tàu, mà Mess Lethierry cứ nhìn mãi.

Xế trưa, trước giờ uống trà một tí, cửa mở; có hai người vào, mặc đồ đen, một già một trẻ.

Người trai trẻ, có lẽ ta đã gặp trong quá trình câu chuyện này.

Cả hai người đều có vẻ trịnh trọng, nhưng một thứ trịnh trọng khác nhau; người già có cái vẻ có thể gọi là trịnh trọng của trạng thái; người trẻ mang cái vẻ trịnh trọng của bản chất. Bộ áo tạo ra vẻ này, tư tưởng tạo nên

vẻ kia.

Qua bộ đồ đen, đây là hai người trong giáo hội, cả hai đều thuộc tôn giáo đã được chế định.

Đi đầu thoát đầu, trong người trai trẻ, có thể đập vào mắt quan sát, là vẻ trịnh trọng ấy, vốn sâu sắc trong đôi mắt, và tất nhiên do kết quả của tinh thần, lại không do kết quả của con người ông ta. Vẻ trịnh trọng ấy chấp nhận đam mê, vừa kích thích nó vừa làm cho nó thêm trong sáng, nhưng trước hết phải nói người trẻ tuổi ấy đẹp trai. Là mục sư, ít ra ông phải hai mươi lăm tuổi, nhưng ông có vẻ mới mười tám. Ông mang cái nét hài hòa, và cả cái nét tương phản, là trong ông dường như có linh hồn được tạo cho tình dục và xác thịt cho tình yêu. Ông có nước da nâu, hồng hào, tươi mát; ông rất mảnh dẻ, rất mềm mại trong bộ quần áo nghiêm nghị, với đôi má con gái và hai bàn tay thanh tú; ông có dáng đi nhanh nhẹn tự nhiên, mặc dầu ý tứ dè dặt. Ở ông tất cả đều là quyến rũ, lịch sự và hiền như khoái lạc. Vẻ đẹp trong đôi mắt ông bổ khuyết cho cái duyên dáng quá đáng. Nụ cười thành thật, để lộ hàm răng trẻ con, có vẻ trăn trăn và kính cẩn. Đây là nét đáng yêu của một kiếm đồ và vẻ đường hoàng của một giám mục.

Dưới mái tóc nâu dày, hoe vàng đến mức có vẻ như đốm đáng, là vầng trán cao, ngây thơ và tròn đầu. Một nếp nhăn cạn, với hai chỗ gãy giữa đôi lông mày, mơ hồ gợi cho ta nghĩ đến con chim tư tưởng đang dang cánh bay giữa vầng trán ấy.

Nhìn ông, ta cảm thấy như đứng trước một con người hào hiệp, ngây thơ, trong trắng, tiến bước ngược chiều với nhân loại tầm thường, mà ảo mộng làm cho hiền lành, lịch lãm làm cho bồng bột.

Vẻ trẻ trung trong suốt của ông cho thấy nét già dặn tinh thần của ông.

So sánh với người giáo sĩ hoa râm đi theo, thoát nhìn, ông có vẻ như con trai, nhưng nhìn kỹ ông có vẻ là bố.

Ông này chẳng phải ai khác, chính là tiến sĩ Jaquemin Hérode. Tiến sĩ Jaquemin Hérode thuộc tầng lớp trên của giáo hội, nó gần giống như thứ giáo hội La Mã không có Giáo Hoàng. Giáo hội Anh quốc từ thời ấy đã bị sửa đổi dần dần bởi các xu hướng đã được khẳng định và cô đúc lại của phái Pusey^[70]. Tiến sĩ Jaquemin Hérode thuộc thứ giáo phái Anh quốc gần giống như một dị phái La Mã. Ông ta người cao cao, chững chạc, hẹp hòi và là cấp trên. Ánh mắt nội tâm ít lộ ra ngoài. Trí tuệ của ông ta là chữ nghĩa. Ngoài ra tự cao tự đại. Nhân vật ông ta choán mất nhiều chỗ. Ông ta có cái vẻ của một cha bề trên thì ít, mà của một đức ông thì nhiều. Chiếc áo rơđanhgôt của ông ta cắt gần giống một chiếc áo thâm tu sĩ. Lẽ ra môi trường thật sự của ông ta phải ở La Mã. Ông ta bẩm sinh là giám mục nội thần. Dường như ông ta được cố ý tạo ra để trang trí cho một Giáo Hoàng, *in abito paonazzo*. Tình cờ sinh ra làm người Anh, và một nền giáo dục thần học thiên về Cựu ước nhiều hơn Tân ước, khiến ông ta lỡ mất cái vận hạnh lớn lao ấy. Tất cả huy hoàng của ông ta tóm tắt lại trong chỗ này, mục sư tại Saint-Pierre-Port, trưởng lão trên đảo Guernesey và quyên giám mục Winchester. Không phải nghi ngờ gì nữa, đây là vinh quang.

Vinh quang ấy không ngăn cản ông Jaquemin Hérode dù sao cũng là một con người khá tốt.

Với tư cách nhà thần học, ông ta được những người am hiểu yêu mến, và hầu như có uy thế tại pháp viện Arches, một thứ Sorbonne^[71] của nước Anh.

Ông ta có vẻ mặt thông thái, một lối nháy mắt ra bộ tài năng và quá

đáng, hai lỗ mũi rậm rì, hàm răng hô, môi trên mỏng, môi dưới dày, nhiều bằng cấp, một khoản trợ cấp giáo sĩ cao, nhiều bạn bè tông nam tước, lòng tin của giám mục, và luôn luôn một quyển kinh thánh trong túi.

Mess Lethierry trăn ngâm đến nỗi việc hai mục sư bước vào chỉ có thể gây nên một nét cau mày rất khế.

Ông Jaquemin Hérode tiến đến, chào ông, bằng mấy lời kiêu căng vừa phải nhắc đến việc đề bạt mới của mình, và nói rằng, theo tục lệ, ông đến để “giới thiệu” với các nhân sĩ, và đặc biệt với Mess Lethierry, người kế tục ông trong giáo khu, vị mục sư mới tại Saint-Sampson, cha tôn kính Ebenezer Caudray, từ nay là mục sư của Mess Lethierry.

Déruchette đứng ngay đây.

Vị mục sư trẻ, là cha tôn kính Ebenezer, khế nghiêng mình.

Mess Lethierry nhìn ông Ebenezer Caudray và lẩm bẩm trong miệng: thủy thủ t ấ.

Grâce bê mấy cái ghế tới. Hai cha tôn kính ngồi xuống cạnh bàn.

Tiến sĩ Hérode mở đầu một bài nói. Ông được biết có một sự kiện vừa mới xảy ra. Tàu Durande đã bị đắm. Lấy tư cách mục sư, ông đến an ủi và khuyên bảo. Vụ đắm tàu này không may nhưng cũng là may. Chúng ta hãy tự vấn mình xem, ta có vênh vang tự đắc vì sự thịnh đạt không? Biển phúc tràn đầy nguy hiểm. Không nên cho tai họa là xấu. Đường đi của Chúa không ai biết nổi. Mess Lethierry phá sản. Thì đã sao? Giàu sang tức là đang lâm nguy. Người ta thường có những bạn bè mạo danh. Nghèo hèn đẩy họ ra xa. Ta còn lại một mình. *Solus eris*. Nghe bảo tàu Durande sinh lợi mỗi năm một nghìn livrơ xteclinh. Thế là quá nhiều đối với bậc hiên

nhân đấy. Chúng ta hãy xa lánh mọi chức cảm dỗ, hãy khinh rẻ bạc vàng. Chúng ta hãy biết ơn nhận lấy việc phá sản và sự ruồng bỏ. Cảnh quanh hiu nhiiều hoa lấm quả. Ở đấy người ta nhận được ân phúc của Chúa. Chính trong cảnh cô đơn mà Aia tìm thấy những ngu ồn nước nóng, lúc dất lừa của bố là Sébéon. Chúng ta không nên chống đối lại những quyết định huyền bí của thượng đế. Vị thánh nhân Job, sau khi nghèo khổ, đã tăng tiến trong giàu sang. Biết đâu việc tàu Durande đắm sẽ chẳng có những đền bù, dù là vật chất? Vì vậy mà ông tiến sĩ Jaquemin Hérode, ông đã bỏ vốn vào một công việc rất hay đang tiến hành tại Sheffield; nếu Mess Lethierry, với số vốn ông có thể còn, muốn tham gia vào việc làm ăn này, ông sẽ nhờ đó gây dựng lại được cơ nghiệp; đây là một chuyện cung cấp lớn về vũ khí cho Sa hoàng đang đàn áp Ba Lan. Trong đó có thể lãi ba trăm phần trăm.

Danh từ Sa hoàng dường như thức tỉnh Lethierry. Ông vội vã cắt lời tiến sĩ Hérode:

- Tôi không ưa Sa hoàng.

Cha tôn kính Hérode đáp:

- Mess Lethierry, vua chúa là do ý muốn của Chúa. Sách đã dạy: “Hãy trả lại cho César cái gì thuộc về César”. Sa hoàng, tức là César.

Lethierry, lại nửa chìm đắm trong mơ màng. Thì thào:

- César là ai? Tôi có biết đâu.

Cha tôn kính Jaquemin Hérode tiếp tục bài khuyến dụ. Ông ta không nhấn mạnh đến Sheffield. Không ưa César, tức là theo Cộng hòa. Cha tôn kính biết là người ta theo chế độ Cộng hòa. Trường hợp ấy, cứ cho Mess Lethierry quay về một nước Cộng hòa. Mess Lethierry có thể gây dựng lại

cơ nghiệp ở Hoa Kỳ còn hơn ở Anh. Nếu muốn tăng gấp mười số tiền còn lại, ông chỉ cần mua cổ phần trong công ty lớn khai thác dầu điên của Texas, dùng đến hơn hai vạn người da đen.

- Tôi không ưa chế độ nô lệ - Lethierry nói.

- Chế độ nô lệ - cha tôn kính Ebenezer đáp - thuộc về thể chế thiêng liêng. Sách đã dạy: “Nếu chủ đánh đập nô lệ, chủ sẽ không việc gì, vì đây là tiền bạc của chủ.”

Grâce và Douce, đứng ở ngưỡng cửa, như ngây ngất đón nhận những lời phán dạy của vị mục sư tôn kính.

Bậc tôn kính tiếp tục. Tóm lại, chúng tôi vừa nói xong, đây là một con người tốt, và mặc dầu những bất đồng ý kiến của ông ta với Mess Lethierry về đẳng cấp hoặc về con người, ông ta rất thành thật đem đến cho Lethierry tất cả sự giúp đỡ tinh thần và vật chất nữa, mà ông ta, tiến sĩ Jaquemin Hérode, có trong tay.

Nếu Mess Lethierry bị phá sản đến mức không thể hợp tác có lợi vào một việc đầu tư nào đó, của Nga hoặc của Mỹ, thì lẽ nào ông lại không vào chính quyền và vào những chức vụ có lương? Đây là những vị trí cao quý, và cha tôn kính sẵn sàng giới thiệu Mess Lethierry vào. Chức vị đại biểu tử tước ở Jersey hiện đang khuyết. Mess Lethierry được yêu mến và quý trọng, và cha tôn kính Hérode, cha xứ Guernesey và quyên giám mục, cam đoan được cho Mess Lethierry chức vụ đại biểu tử tước Jersey. Đại biểu tử tước là một quan chức quan trọng; ông ta tham dự, với tư cách đại diện của nhà vua, các phiên họp lớn, các cuộc tranh luận của quỳn chúng và các vụ thi hành án lệnh.

Lethierry nhìn chòng chọc vào tiến sĩ Hérode, và nói:

- Tôi không ưa chuyện treo cổ.

Tiến sĩ Hérode, từ nãy lời nào cũng nói bằng một giọng đều đều, bỗng trở nên nghiêm nghị và uốn giọng khác hẳn:

- Mess Lethierry, án tử hình là do Chúa truyền phán. Chúa đã giao lưỡi gươm cho con người. Sách nói: “Mắt đ`ên mắt, răng đ`ên răng.”

Cha tôn kính Ebenezer khẽ dịch ghế cạnh cha tôn kính Jaquemin, và nói chỉ để mình ông ta nghe:

- Những đi`ều người kia nói là những đi`ều được mách bảo.

- Bởi ai? Bởi cái gì? - cha tôn kính Jaquemin Hérode hỏi lại, cũng bằng giọng nhỏ nhẹ.

Ebenezer đáp rất khẽ: - Bởi lương tâm ông ta.

Cha tôn kính Hérode vội lục túi, rút ra một quyển sách to, khổ gấp mười tám, có chìa khóa, đặt nó lên bàn, và nói to:

- Lương tâm là đây.

Quyển sách đó là một quyển Kinh Thánh.

Đoạn tiến sĩ dụ giọng. Mong muốn của ông ta là giúp ích cho Mess Lethierry, người mà ông ta rất vì nể. Là mục sư, ông ta có quyền và có nhiệm vụ khuyên bảo, tuy nhiên Mess Lethierry vẫn được tự do.

Mess Lethierry, lại chìm đắm vào trầm tư và phi`ền muộn, không nghe nữa. Déruchette, ngồi cạnh bố, cũng trầm ngâm, không ngược mắt lên, và đóng góp vào câu chuyện ít sôi nổi ấy cái phần khó chịu của một sự có mặt im lặng. Một nhân chứng không nói gì là một vật nặng nềkhó tả. Tuy nhiên, tiến sĩ Hérode dường như không cảm thấy đi`ều ấy.

Lethierry không trả lời nữa, tiến sĩ Hérode tự cho mình được tự do. Lời khuyên từ người, linh cảm tự Chúa. Trong lời khuyên của vị mục sư có sự linh cảm. Đón nhận lời khuyên là tốt, gạt bỏ lời khuyên là nguy hiểm. Sochoth bị mười một con quỷ tóm vì đã khinh thường lời khuyên của Nathanaël. Tiburien mắc bệnh hủi vì đã đuổi ra khỏi nhà mình vị tông đồ André Barjésus, mặc dầu là phù thủy, bị mù mắt vì đã chế giễu lời nói của thánh Paul. Elxaï, cùng hai cô em Marthe và Marthène, hiện đang ở dưới địa ngục vì đã xem thường những lời cảnh báo của Valencianus, người chứng minh cho họ rõ như ban ngày rằng đấng Christ của họ cao ba mươi tám dặm là một con yêu tinh. Oolibama, còn gọi là Judith, nghe theo lời khuyên. Ruben và Pheniel nghe theo ý kiến bề trên; riêng tên của họ cũng đủ nói lên đi đâu đó, Ruben nghĩa là con của ảo ảnh, và Pheniel nghĩa là bộ mặt của Chúa.

Mess Lethierry dấm nắm tay lên bàn, hét to:

- Đúng rồi! Lỗi tại tôi.
- Ông muốn nói gì? Cha Jaquemin Hérode hỏi.
- Tôi nói là lỗi tại tôi.
- Lỗi tại ông là thế nào?
- Vì tôi để tàu Durande về vào ngày thứ sáu.

Ông Jaquemin Hérode thì thào vào tai ông Ebenezer Caudray:

- Con người này mê tín.

Ông ta lại lớn tiếng nói tiếp, và bằng giọng giáo huấn:

- Mess Lethierry ạ, tin vào thứ sáu là trẻ con lắm. Không nên tin vào

những chuyện hoang đường. Thứ sáu cũng là một ngày như bao ngày khác thôi. Rất nhiều khi lại là một ngày may mắn. Melendez đã sáng lập thành phố Saint-Augustin vào một ngày thứ sáu; Henri VII đã phong chức cho John Cabot vào một ngày thứ sáu; những người hành hương tháng Mayflower^[72] đã đến Province-Town^[73] vào một ngày thứ sáu. Washington sinh ngày thứ sáu 22 tháng hai năm 1732; Christophe Colomb đã tìm ra châu Mỹ ngày thứ sáu 12 tháng mười năm 1492.

Nói xong, ông ta đứng lên. Ebenezer, mà ông ta dẫn theo, cũng đứng lên.

Grâce và Douce, đoán biết các cha tôn kính sắp về, mở hai cánh cửa ra.

Mess Lethierry không nhìn thấy gì và cũng không nghe thấy gì cả.

Ông Jaquemin Hérode nói riêng với Ebenezer Caudray:

- Ông ấy không chào cả chúng ta. Không phải buồn phiền, mà là điên độn. Phải tin là ông ta điên.

Trong khi ấy, ông ta cầm quyển Kinh Thánh nhỏ trên bàn và áp nó vào giữa hai bàn tay dài, như người ôm giữ một con chim, mà cứ sợ nó bay mất. Cử chỉ ấy tạo cho những người có mặt một chờ đợi nào đó. Grâce và Douce nhô đầu tới.

Ông ta cố hết sức lấy giọng, để có vẻ trang nghiêm:

- Mess Lethierry, chúng ta không nên chia tay nhau mà không đọc một trang Kinh Thánh. Mọi hoàn cảnh trong đời người đều được soi sáng bởi sách vở, người phạm tục bóc sách của Virgiliens, người ngoan đạo có những lời răn của Kinh Thánh. Vô luận quyển sách nào, mở ra một cách may rủi, tiết lộ một điếu gì đó. Trước hết, bao giờ nó cũng tốt đối với những kẻ buồn phiền. Điếu nhất định phải toát ra từ Kinh Thánh, là sự xoa

dụ cho nỗi buồn của họ. Trước mặt những kẻ buồn phiền, phải mở Kinh Thánh ra, không được chọn trang, và chân thật đọc lên đoạn văn trước mắt. Điều con người không chọn thì Chúa chọn. Chúa biết điều gì cần thiết cho ta. Ngón tay vô hình của Người chỉ vào đoạn văn bất ngờ mà ta đọc. Dù trang ấy là trang nào, bao giờ cũng có ánh sáng tỏa ra. Ta không nên tìm kiếm trang khác, và chỉ nên tin vào đấy. Đấy là ý Chúa. Vận mệnh của chúng ta được bí mật nói lên trong đoạn văn được tin tưởng và thành kính gọi ra. Chúng ta hãy lắng nghe, và vâng lời. Mess Lethierry, ông đang đau khổ, đây là quyển sách đem lại niềm an ủi. Ông đang đau ốm, đây là quyển sách đem lại sức khỏe.

Cha tôn kính Jaquemin Hérode bấm khóa lò xo, lùa móng tay vào giữa hai trang, đặt bàn tay một lúc lâu lên quyển sách mở, và đứng mặc niệm, đoạn nhìn xuống một cách quyên uy, ông bắt đầu đọc to:

Điều ông ta đọc như sau:

“Isaac dạo chơi trên con đường dẫn đến cái giếng gọi là Giếng Người sống và nhìn thấy.”

“Rebecca, trông thấy Isaac, liền nói: Người đàn ông đi đến trước mặt tôi là ai thế?”

“Isaac liền đưa nàng vào lều của mình, lấy nàng làm vợ, và mối tình Isaac yêu Rebecca thật cao cả”.^[74]

Ebenezer và Déruchette nhìn nhau.

PHẦN THỨ NHÌ
GILLIATT TINH KHÔN

QUYÊN MỘT

BÃI NGÃM

I

NƠI KHÓ ĐẾN NAN VỀ

Chiếc thuyền, bắt gặp chi ều hôm trước vào những giờ phút khác nhau, tại nhiều điểm trên bờ biển Guernesey, là chiếc thuyền b ầu, đi ều đó người ta đã đoán được. Gilliatt đã chọn dọc bờ biển cái lạch len giữa các núi đá, đây là con đường nguy hiểm nhưng lại là lối đi thẳng. Đi ều duy nhất anh quan tâm là đi theo con đường ngắn nhất. Tai nạn đắm tàu không bao giờ chờ đợi, biển cả lại thúc bách, một giờ chậm trễ không thể cứu vãn được. Anh muốn đến nhanh để cứu nguy cho cỗ máy.

Hình như một trong những đi ều bận tâm của Gilliatt lúc rời khỏi Guernesey là làm sao để không ai chú ý. Anh theo kiểu người vượt ngục. Anh có dáng bộ g ần như lẩn lút. Anh tránh bờ biển như một người cho việc đi qua Saint-Sampson và Saint-Pierre-Port là không cần thiết; anh lảng lảng lướt đi, g ần như có thể nói là anh trườn bò, dọc theo bờ biển đối diện tương đối ít người ở. Những chỗ có đá ngầm anh phải chèo; nhưng Gilliatt sử dụng mái chèo theo định luật thủy lực: đón nước thật nhẹ và thả nước thật thông thả, bằng cách đó anh có thể bơi trong bóng tối với sức mạnh tối đa và ít gây tiếng động nhất. Tưởng chừng như anh sắp làm một việc ám muội.

Sự thật là, lao đầu vào một công việc mà ai cũng bảo không thể làm được, và li ều tính mạng với tất cả những nguy cơ g ần như chống lại mình, anh vẫn lo có người cạnh tranh.

Trong lúc ánh sáng ngày bắt đầu xuất hiện, những con mắt xa lạ, có lẽ vẫn mở trên không, có thể nhìn thấy giữa biển khơi, tại một trong những điểm vắng vẻ nhất và hiểm nghèo nhất, hai vật tiến lại gần nhau, quãng cách ở giữa cứ nhỏ dần. Một vật, hầu như không ai thấy rõ giữa trời biển bao la, là một chiếc thuyền buồm; trong thuyền có một người, đấy là chiếc thuyền bầu trên có Gilliat. Vật kia, bất động, khổng lồ, đen sì, có một hình thù kỳ dị trên sóng nước. Hai trụ cao nâng bổng lên không, khỏi mặt nước, một thứ sà ngang nom giống một chiếc cầu giữa hai đỉnh núi. Cái sà ngang, nhìn xa kỳ dị đến mức không sao đoán được đấy là cái gì, dính liền với hai chân. Toàn bộ giống hệt một cái cổng. Để làm gì một cái cổng giữa cảnh bốn bề lộng gió là biển cả này? Có thể nói đây là một thạch mộ khổng lồ, dựng lên giữa đại dương, do một ý muốn nông cụ ồng ghê gớm, và do những bàn tay quen xây dựng những công trình tương xứng với vực thẳm. Hình dáng hung dữ đó đứng sừng sững giữa cảnh trời trong.

Ánh mai đang rõ dần phía đông; màu trắng chân trời càng tô đậm sắc đen của biển cả. Trước mặt, phía bên kia, vầng trăng đang lặn.

Hai cột trụ trên đây là hai Hòn Douvres. Cái khối nặng gắn chặt ở giữa như một thanh ngang giữa hai mọ cửa, đấy là tàu Durande.

Giữ chặt miệng m ỡ của mình như thế và lại nhe ra cho ta thấy, bãi ng ăm này nom thật khủng khiếp; sự vật đôi khi đối với con người có một lối khoe khoang mờ ám và thù địch. Trong thái độ của những hòn núi này có ý thách thức. Nó như đang chờ đợi.

Không gì hiên ngang và ngạo mạn bằng toàn bộ cái khối ấy: chiếc tàu bị đánh bại, vực thẳm làm chủ chiến trường. Hai ngọn núi còn rờn rờn bão táp đêm qua, giống hệt những đầu thủ m ờ hôi nhẽ nhại. Gió đã dịu bớt,

biển cả thanh bình gợn sóng, người ta đoán được dăm ba tảng đá ngầm là trên mặt nước, trên đó bọt nước rơi xuống đẹp như những chòm lông trên mũ; từ biển khơi vắng đến một tiếng rì rào tựa hồ tiếng ong bay. Toàn bộ đều phẳng lì, ngoài hai Hòn Douvres, đứng thẳng như hai cột đen sì. Rong tảo bám đầy mình đến một chiều cao nào đấy. Quanh sườn lởm chởm của chúng, lấp lánh như áo giáp. Dường như chúng đang sẵn sàng để tiếp tục. Người ta hiểu là ở dưới nước, chúng cắm chắc vào núi. Một sức mạnh toàn năng bị đất từ chúng toát lên.

Thông thường biển cả che giấu những miếng đòn của mình. Nó vui lòng chịu cảnh tối tăm. Bóng đen vô tận giấu kín tất cả cho nó. Rất ít khi huyền bí để lộ bí mật. Tất nhiên trong thảm họa có cái phần quái dị, nhưng với khối lượng không rõ. Biển cả vừa rõ ràng vừa bí mật; nó lẩn tránh, không muốn tiết lộ hành vi. Nó gây nên một vụ đắm, rồi che đậy ngay lại; việc nhấn chìm là việc làm nó phải hổ thẹn. Sóng biển vốn giả dối; nó giết người, lấy cắp, giấu biển đi rồi mỉm cười, không biết. Nó gặm rỗng, rồi lại gọi sóng lẫn tăn.

Ở đây chẳng có gì tương tự thế cả. Hai Hòn Douvres, nâng bổng chiếc Durande chệt lên sóng nước, có một vẻ chiến thắng. Tưởng chừng như đây là hai cánh tay quái gỡ từ vực sâu thò ra và chìa cho bão táp xem cái xác tàu. Na ná như tên giết người hợm hĩnh.

Thêm vào đấy khung cảnh ghê rợn thiêng liêng của giờ phút bình minh có một sắc thái vĩ đại huyền bí bao gồm chút ít còn lại của mơ màng và giây phút khởi đầu của tư tưởng. Vào thời điểm u ám ấy, vẫn lơ lửng một chút ma quái. Cái chữ H hoa to tướng do hai Hòn Douvres tạo nên, lấy tàu Durande làm gạch nối, hiện ra ở chân trời trong không khí uy nghiêm của chạng vạng.

Gilliatt mặc quần áo đi biển, sơ-mi len, bút tất len, giày đinh, va-rơ dẹt kim, quần vải thô có túi, và đầu đội một loại mũ len đỏ lúc ấy trong hải quân thường dùng, mà thế kỷ trước gọi là galériennes.

Anh nhận ra ngay khu vực đá ngầm và tiến thẳng đến.

Tàu Durande hoàn toàn trái hẳn với một chiếc tàu chìm: nó là một chiếc tàu treo lơ lửng trên không.

Không có trường hợp cứu vớt nào lạ lùng hơn.

Lúc Gilliatt đến vùng nước bãi ngầm thì trời sáng rõ.

Như chúng tôi vừa nói, ở đây biển cạn. Nước chỉ xáo động trong phạm vi hạn chế giữa hai quả núi ép lại. Đã là đường ống thì dù nhỏ hay lớn, nước cũng chỉ vỗ róc rách đầu đầu. Bên trong eo biển luôn luôn nổi bọt.

Gilliatt đến gần hai Hòn Douvres, rất thận trọng.

Anh thả ống dò nhiều lần.

Anh bỏ lên bờ một ít đồ đạc.

Vốn hay đi vắng nên ở nhà anh vẫn có một bộ đồ dự phòng luôn luôn sẵn sàng. Đây là một túi bích quy, một bao bột lúa mạch, một làn cá khô và thịt bò hun, một bi-đông to nước ngọt, một cái hòm Na-Uy vẽ hoa đượm vài ba chiếc sơ-mi len thô, chiếc mũ mưa, đôi xà cạp tráng nhựa đường, và một tấm da cừu mà ban đêm anh vắt thêm lên chiếc va-rơ. Rồi Bû de la Rue, anh bỏ với tất cả những thứ ấy lên thuyền bầu, thêm một ổ bánh mì nóng. Vội đi, nên vụng dụng cụ làm việc anh chỉ đem theo mỗi cái búa thợ rèn, cái rìu to, cái rìu con, một cái cưa và một sợi thừng nút có móc. Với một cái thang kiểu ấy và cách sử dụng thang, những dốc núi hiểm trở cũng thành dễ trèo, và gặp núi non cheo leo mấy một thủy thủ giỏi vẫn tìm được

những lối đi. Trên đảo Serk, người ta có thể thấy các ngư dân cảng Gosselin lợi dụng một sợi thừng nút thế nào.

Lưới, cần câu, và tất cả đồ nghề đánh cá đều nằm cả trong thuyền. Anh để chúng vào đáy theo thói quen, một cách máy móc, vì nếu phải hoàn thành dự định của mình, anh sẽ ở lại một thời gian trong một quần đảo đá ngầm, mà ở đây thì dụng cụ đánh cá cũng chẳng dùng làm gì cả.

Lúc Gilliatt ghé thuyền vào bãi ngầm thì nước biển đang xuống, hoàn cảnh rất thuận lợi. Sóng nhỏ dãn để lòi ra ở chân Hòn Douvres Nhỏ vài chỗ bằng phẳng hoặc hơi dốc, gần như những đầu rằm để đỡ mặt sàn. Những diện tích ấy, chỗ hẹp chỗ rộng, xếp thành bậc cách quãng không đều dọc theo khối độc thạch thẳng đứng, kéo dài theo kiểu gờ móc nước đến tận phía dưới tàu Durande; chiếc tàu như cái bụng giữa hai quả núi. Nó bị kẹp chặt ở đáy như giữa hai gọng kìm.

Những mặt bằng ấy tiện lợi cho việc bốc dỡ và nhìn quanh. Có thể bốc dỡ tạm thời xuống đáy số đồ dự phòng mà thuyền bầu đã chở đến. Nhưng phải làm gấp vì chúng chỉ nhô lên mặt nước trong có mấy giờ thôi. Lúc triều dâng, chúng sẽ lại thụt xuống dưới bọt nước.

Gilliatt đẩy và neo chiếc thuyền bầu ngay trước những mỏm đá ấy, có mỏm bằng, có mỏm thoải.

Một lớp rong rêu dày, ướt và trơn phủ kín các mỏm đá, do dốc nghiêng đây đó càng dễ trượt.

Gilliatt bỏ giày ra, nhảy chân không lên lớp rong rêu, và buộc thuyền vào một chỏm núi.

Sau đó anh cố đi thật xa trên mép gờ móc nước hoa cương hẹp, đến

được phía dưới tàu Durande, ngược mắt lên và ngắm nhìn nó.

Tàu Durande bị tóm chặt, treo lơ lửng và như lắp khít vào hai ngọn núi, cách mặt nước quãng hai mươi piê. Để bắn được nó vào đấy, biển cả đã phải trải qua một cơn giận dữ điên cuồng.

Những trường hợp điên khùng như thế chẳng có gì khiến dân miền biển ngạc nhiên. Chỉ kể một ví dụ, ngày 25 tháng giêng năm 1840, trong vịnh Stora, một cơn bão tan, bằng ngọn sóng cuối cùng, đã hất tung toàn bộ một chiếc thuyền hai buồm qua xác chiến hạm La Marne bị mắc cạn, và khảm chặt nó, cột buồm cái đi trước, vào giữa hai vách núi.

Vả lại chỉ có một nửa tàu Durande cắm chặt vào hai Hòn Douvres.

Chiếc tàu, giật ra khỏi sóng, như bị cuồng phong đánh bật rẽ khỏi nước. Lốc gió vặn chiếc tàu, lốc biển giữ chặt chiếc tàu, và thế là chiếc tàu bị hai bàn tay của bão tát vặn ngược chiều, đã vỡ tung như một thanh mui lợp nhà. Phần sau, với bộ máy và hai bánh xe, bị cuồng phong giận dữ cướp khỏi bọt nước và tống vào cái ngách giữa hai Hòn Douvres đã cắm chặt đến tận sà boong chính và nằm lì ra đấy. Ngọn gió quật rất mạnh; để cắm được cái nêm ấy vào giữa hai hòn núi, gió dữ đã đóng vai một chiếc vồ. Phía trước, bị gió giật bốc lên và cuốn đi, đã vỡ tung trên các mỏm đá ngầm.

Khoang tàu thủng đáy đã trút hết xuống biển những con bò chết đuối.

Một mảng to của bức vách phía trước vẫn còn bám vào phía sau và lủng lảng ở thanh gỗ ghép trống bên trái nhờ mấy cái nẹp hồng, có thể chặt đứt bằng đầu rất dễ.

Đây đó trong các chỗ mấp mô xa xa của khu vực đá ngầm, còn thấy

những thanh gỗ, những tấm ván, những mảng buồm toï tả, những đoạn xích sắt, đủ các thứ vụn nát, bình thản trên các mỏm đá.

Gilliatt chăm chú nhìn tàu Durande. Sõng tàu như một mảng trậ̀n ngay trên đậ̀u anh.

Chân trời, nơi mặt nước mênh mông chỉ khẽ gợn, trong vặ́t một màu. Vùng dương rực rỡ nhô khỏi cái vành tròn bát ngát xanh lơ.

Thình thoảng một giọt nước tách khỏi các xác tàu và rơi xuống biển sâu.

II CÁC MẶT HOÀN HẢO CỦA TAI BIẾN

Hai Hòn Douvres khác nhau về hình dáng cũng như về chiều cao.

Trên Hòn Douvres Nhỏ, nhọn và cong, người ta thấy chia ra thành nhiều nhánh, từ chân đến đỉnh, những đường vân dài của một loại đá màu gạch, tương đối mềm, ngăn chia lòng khối hoa cương bằng những lớp mỏng. Trên mặt những lớp đồ quạch này có những chỗ nứt nẻ tiện cho việc leo trèo. Một trong những kẽ nứt ấy nằm ở phía trên xác tàu một tí, đã bị sóng đánh và xói rộng đến nổi thành như một thứ hốc, giá có đặt vào đây một bức tượng cũng được. Khối hoa cương của Hòn Douvres Nhỏ bị bào tròn ở mặt ngoài và nhẵn thín như đá thử vàng, mịn màng mà vẫn không mất phần rắn chắc. Đỉnh Hòn Douvres Nhỏ nhọn vượt như một cái sừng. Hòn Douvres Lớn nhẵn bóng, bằng phẳng, trơn tuột, thẳng đứng, và như tạc theo đờ dạng, nguyên một khối và như bằng ngà đen. Không một lỗ thủng, không một chỗ gồ ghề, vách đá, cheo leo, không có chút gì mển khách; một tên tù khổ sai chắc cũng không thể sử dụng nó để trốn tránh, mà

một con chim cũng không dùng nơi đây để làm tổ. Trên đỉnh, cũng như trên ngọn Núi Thằng Người, có một khoảng bằng; có đi đâu khoảng bằng này không ai leo tới được.

Người ta có thể leo lên Hòn Douvres Nhỏ nhưng không thể bám trụ ở đây, người ta có thể tạm trú trên Hòn Douvres Lớn nhưng lại không tài nào leo lên được.

Sau khi nhìn qua, Gilliatt quay lại thuy ền b ầu, dỡ hết hàng xuống chỗ rộng nhất của gờ móc là là trên mặt nước, gói toàn bộ số hàng ít ỏi thành một bị, buộc lại bằng một miếng vải d ầu, quấn thêm một dây trục hàng với cả cái khóa để kéo, đẩy cái bị ấy vào một xó núi nơi mà sóng biển không thể đến được, đoạn dùng cả chân lẫn tay, hết chỗ nhô này đến chỗ nhô khác, ôm lấy Hòn Douvres Nhỏ, bấu vào những kẽ nhỏ nhất, anh trèo lên tận tàu Durande mắc cạn trên không.

Đến ngang tầm trống, anh nhảy lên sàn tàu.

Quang cảnh trong tàu thật bi đát.

Tàu Durande có đủ tất cả vết tích của một vụ bạo hành khủng khiếp. Đây là một cuộc cưỡng hiếp rừng rợn của phong ba. Bão táp hành động như một lũ cướp biển. Không gì giống một cuộc mưu sát như một vụ đắm tàu. Mây mù, sấm sét, gió mưa, sóng nước, núi non, cả bọn đ ồng lõa ấy thật là ghê rợn.

Đứng trên sàn tàu hỏng nát, người ta như mơ thấy một cái gì như cảnh giậm chân tức giận của những yêu quái ngoài biển. Khắp nơi đều mang dấu vết của giận dữ. Một số đ ồ sắt cong queo kỳ quặc tỏ rõ là gió đã điên cuồng bẻ vụn. Quãng giữa hai sân tàu cứ y như là một thằng điên, mọi thứ đều tan vỡ.

Không con vật nào như biển cả khi xé xác một con mồi. Trong nước rất nhiều móng vuốt. Gió cắn, triền nhai, sóng biển là một cái hàm. Vừa giăng xé, vừa nghiền nát. Đại dương cũng có cú tát như sư tử.

Cảnh tan hoang của tàu Durande đặc biệt ở chỗ nó chi tiết và tỉ mỉ. Một kiểu vớt bỏ khủng khiếp. Nhiều việc như cố tình làm nên. Có thể nói: sao mà độc ác thế! Những chỗ vỡ toác của mạn thuyền bị bóc ra một cách rất nghệ thuật. Chỉ riêng gió xoáy mới có lối tàn phá như vậy. Xé nát, bẻ vụn, đấy là thích thú nhất thời của tên phá hoại khổng lồ này. Gió xoáy cũng có những lối tìm tòi của đao phủ. Các tai họa nó gây ra có vẻ như những hình phạt. Có thể nói là nó hằn thù; nó tinh vi như một tên man rợ. Nó vừa hủy diệt vừa mổ xẻ. Nó hành hạ vật đắm, nó trả thù, nó đùa bỡn; nó đưa vào đấy cái tính chất hèn mọn.

Những vùng chúng ta ở rất ít khi có gió xoáy. Càng bất ngờ, chúng càng đáng sợ. Một ngọn núi gặp trên đường đi có thể làm cho một cơn bão xoay tròn. Có thể là ngọn gió mạnh đã xoay tròn ốc xung quanh hai Hòn Douvres, và thành linh đã chuyển thành cây nước lúc vấp phải đá ngầm, có thể mới giải thích được việc chiếc tàu bị bắn cao đến mức ấy vào những tảng đá kia. Khi gió xoáy thổi, thì đối với gió một chiếc tàu cũng chẳng nặng gì hơn một hòn đá đối với cái súng cao su.

Tàu Durande mang vết thương của một người bị chặt đôi; đấy là một thân hình mở phanh để lộ ra một đồng vụn nát tương tự ruột gan. Thường chèo lênh bênh run rẩy, xích sắt lập cập đu đưa; các thớt thịt và gân cốt của tàu bị bóc trần, đu đưa lỏng lẻo. Cái gì không vỡ nát thì tung bật; những lớp bóc tán dính thì giống những bàn chải ngựa tua tủa, tất cả đều mang vẻ điêu tàn; một cái đèn bầy chỉ còn là một mẫu sắt, một ống dò chỉ còn là một cục chì, một đầu cừu chỉ còn là một khúc gỗ; một sợi dây buồm chỉ còn là

một đoạn đay, một khúc thừng chỉ còn là một con sợi rối, một mép buồm chỉ còn là một sợi chỉ viền; khắp nơi tính chất không cần thiết tham hại của tàn phá, không thứ gì không bị giạt tung, nhổ bật nứt nẻ, gặm nhấm, uốn cong; ngấm nước, phá hủy; trong cái đống góm guốc ấy chẳng có gì dính kết, khắp nơi rách nát; tan ra, đổ vỡ, và một cái gì không bền chắc, thuộc thể lỏng, đặc điểm của mọi thứ hỗn độn, từ những cảnh hỗn đấu của con người gọi là chiến trận, cho đến những cảnh hỗn đấu của vật chất gọi là hỗn mang. Tất cả đổ sập, tất cả tan hoang, và một dòng suối nào ván, nào bảng, nào sắt, nào cáp, nào là gỗ dừng lại bên mép chỗ sống tàu vỡ to, chỉ khe động cũng có thể hất hết xuống biển. Phần còn lại của cái bụng tàu xưa kia dững mãnh, vinh quang là thế, toàn bộ phần sau lơ lửng giữa hai Hòn Douvres và có lẽ sắp rơi xuống, đều nứt nẻ chỗ này chỗ nọ qua những lỗ rộng cho ta thấy phía trong tối mò của chiếc tàu.

Bọt sóng từ dưới khạc nhổ vào cái vật khốn khổ ấy.

III

BÌNH YÊN, NHƯNG KHÔNG VÔ SỰ

Gilliatt không ngờ chỉ gặp có một nửa chiếc tàu. Trong những lời chỉ dẫn cũng đã rất tỉ mỉ của ông chủ thuyền Shealtiel chẳng có điểm nào cho ngờ đến cái vết cắt đôi này của chiếc tàu. Chắc hẳn lúc xảy ra vết cắt này, dưới lớp bọt sóng dày đặc trắng xóa, đã vang lên tiếng “răng rắc ma quái” mà ông chủ thuyền Shealtiel nghe được.

Người chủ thuyền này có lẽ đã đi xa vào lúc xảy ra cơn gió cuối cùng, và cái mà ông tưởng như một làn sóng lớn chính là một cây nước. Sau đó, lúc quay lại gần để quan sát chiếc tàu mắc cạn, ông chỉ nhìn thấy được

phần trước xác tàu, phần còn lại, nghĩa là cái vết cắt to đã phân đôi phần trước với phần sau, bị che khuất bởi chỗ co của bãi ngầm.

Ngoài điếm đó ra, người chủ thuyền Shealtiel đều nói chính xác cả. Vỏ tàu hỏng hết, bộ máy không việc gì.

Những chuyện tình cờ như thế vẫn thường thấy trong những vụ đắm tàu cũng như trong những vụ hỏa hoạn. Điếm hợp lý của tai họa ta không nắm được.

Những cột buồm gãy đổ xuống, ống khói cũng không bị bẻ cong; tấm sắt to đỡ cỗ máy đã giữ được nó nguyên vẹn. Lớp ván bọc bộ trống toác ra gần như cửa lá sách; nhưng qua các kẽ hở có thể nhận thấy hai cái bánh còn tốt. Chỉ thiếu vài ba cánh.

Ngoài cỗ máy, máy trục buồm to phía sau vẫn đứng vững. Nó còn đầy đủ xích và nhờ đóng chắc vào một khung gỗ thông, nó vẫn dùng được, miễn là lúc quay không làm toác mặt sàn. Mặt boong hầu như chỗ nào cũng bị oằn. Toàn bộ lớp hoành cách mô này đều lung lay.

Bù lại, đoạn vỏ tàu chui vào giữa hai Hòn Douvres vẫn tốt, như chúng tôi đã nói, và tình hình như còn chắc chắn.

Tình trạng nguyên vẹn này của bộ máy có một vẻ gì nhạo báng và thêm vào thảm họa cái tính chất châm biếm. Vô định đôi khi bộc lộ tính độc ác đen tối trong những kiểu nhạo báng chua chát như thế. Bộ máy được cứu thoát, như vậy không có nghĩa là nó không thành của vớt đi. Đại dương giữ nó lại để thông thả phá hủy nó. Trò chơi của mào.

Nó sắp hấp hối ở đấy và tan rã từng mảnh một. Nó sẽ làm đờchơi những trò man rợ của bọt sóng. Nó sẽ mỗi ngày một nhỏ đi, và có thể nói là

tan chảy. Làm thế nào được? Mong cho cái khối máy móc và bánh răng nặng nề ấy, vừa lo lớn vừa tinh vi, phải nằm lì bất động vì trọng lực của nó, bị nộ mình cho những sức mạnh hủy hoại trong cảnh hoang vắng này, bị bãi ngằm để mặc cho sóng gió hoành hành, có thể dưới áp lực của môi trường nghiệt ngã này, thoát khỏi cảnh hủy hoại từ từ, chỉ tưởng tượng như vậy thôi hình như cũng đã là chuyện điên rồ.

Tàu Durande là tù nhân của hai Hòn Douvres.

Làm thế nào giải thoát cho nó?

Làm thế nào kéo nó ra khỏi đó?

Việc trốn thoát của một con người đã là khó nhưng vấn đề này mới thật khó khăn: việc trốn thoát của một cỗ máy!

IV SƠ BỘ XEM XÉT TẠI CHỖ

Gilliatt bị toàn những chuyện gấp rút bao vây. Tuy thế việc cấp thiết nhất là trước hết phải tìm cho ra một chỗ buộc chiếc thuyền bầu, rồi một chỗ trú cho bản thân.

Tàu Durande bị dòn bên trái nhiều hơn bên phải, trống bên phải cao hơn trống bên trái.

Gilliatt trèo lên trống bên phải. Từ đấy anh đứng nhìn xuống chân các mỏm ngằm, và mặc dầu con đường ống len giữa các mỏm núi, xếp gãy góc sau hai Hòn Douvres, có nhiều khuyết, Gilliatt vẫn nghiên cứu được bình diện của bãi ngằm.

Anh bắt đầu bằng cuộc thám hiểm bãi ng ầm.

Như chúng tôi đã chỉ rõ, Hòn Douvres giống hai đầu h ỏi cao đánh dấu lối vào chật hẹp của một cái ngõ len giữa những vách núi nhỏ bằng đá hoa cương, với những mặt tì ền thẳng đứng. Trong những cấu tạo nguyên thủy dưới biển, không hiếm những hành lang kỳ dị như thế, hình như được đẽ gọt bằng rìu.

Con đường hẻm này, rất quanh co, không bao giờ khô cạn, cả những lúc nước xuống. Một dòng nước rất xiết luôn luôn chảy từ bên nọ qua bên kia. Tùy theo góc gió ngự trị, nhưng chỗ quanh co có thể hay hoặc dở; có lúc chúng dựng ngược sóng biển lên làm cho nó phải đổ xuống; có lúc chúng làm cho nó nổi khùng. Trường hợp sau thường gặp nhất; chướng ngại vật làm cho nước nổi giận và đẩy nó đến chỗ thái quá; bọt nước là sự thái quá của sóng biển.

Gió bão, trong những quãng thất ậy giữa hai quả núi, cũng bị d ền ép và cũng trở nên nguy hiểm như thế. Đây là bão tấp ở trạng thái đái rất. Ngọn gió mênh mông vẫn mênh mông và trở thành sắc nhọn. Nó vừa là chùy vừa là giáo. Nó đâm thủng đ ồng thời đập bẹp. Ta hãy hình dung ngọn cu ồng phong trở thành gió lò.

Hai dãy núi, để chừa ở giữa một thứ đường đi của biển cả xếp thành t ầng thấp d ền, thấp hơn hai Hòn Douvres, và cùng chui xuống nước cách đây một quãng. Tại đây có một đường hẻm khác. Thấp hơn con đường hẻm giữa hai Hòn Douvres, nhưng còn hẹp hơn thế nữa, đây là lối cửa phía đông của con đường ngách. Người ta đoán biết là hai sống núi kéo dài mãi và tiếp tục con đường ở dưới mặt nước, đến tận núi Thăng Người, đứng ở cuối bãi ng ầm như một thành trì hình vuông.

Vả lại lúc triều xuống, và chính là lúc Gilliatt quan sát, hai dãy biển này cũng lộ ra, có đôi chỗ khô cạn, trông thấy rất rõ và đặng đối với nhau, không bị đứt đoạn.

Núi Thằng Người là ranh giới phía mặt trời mọc, và chống đỡ cho toàn bộ khối bãi ng ầm ù vào hai Hòn Douvres ở phía mặt trời lặn.

Tất cả bãi ng ầm, nhìn từ trên xuống, như một giải tràng hạt ngào ngào gồm toàn mòm đá, đầu này là hai Hòn Douvres, và đầu kia là Núi Thằng Người.

Nhìn toàn bộ bãi ng ầm Douvres, chẳng gì khác hơn phần nổi của hai dải hoa cương không l ờg ầm chạm nhau và nhô lên thẳng đứng như một cái mào gà, khỏi những đỉnh núi nằm dưới đáy đại dương. Bên ngoài vực thẳm thường có những hiện tượng bóc vỏ rất lớn như thế. Gió trời và sóng biển đã xé nát cái mào gà ấy thành hình lưới thưa. Người ta chỉ nhìn thấy phía trên; đáy là bãi ng ầm. Phần nước che khuất phải lớn lắm. Cái ngõ hẹp, nơi bão táp đã ném tàu Durande vào, là quãng cách giữa những phiến núi không l ờkia.

Ngõ này, hình chữ chi như tia chớp, hầu như rộng đều trên tất cả các điểm. Đại dương tạo nó ra như thế. Tiếng rì rào vĩnh cửu toát lên từ những dạng đều đặn kỳ quặc ấy. Một thứ hình học thoát ra từ sóng biển.

Từ đầu này đến đầu kia đường hẻm, hai bức thành núi đối diện nhau, song song, cách nhau gần đúng với quãng cách hai cái trống tàu Durande. Giữa hai Hòn Douvres, phần loe rộng của Hòn Douvres Nhỏ, uốn cong và úp sập đã nhường chỗ cho hai cái trống. Gặp bất cứ chỗ nào khác, trống cũng đã bị nát như.

Hai mặt trong của bãi ng ầm thật là góm ghiếc. Trong việc thám hiểm cái

đồng nước gọi là đại dương, khi người ta gặp những vật xa lạ của biển cả, mọi thứ đều trở nên kỳ quái và dị dạng. Những gì của con đường hẻm mà Gilliat đứng trên các tàu có thể nhìn thấy được thật hãi hùng. Trong những khe núi hoa cương của đại dương lúc nào cũng có một hình tượng kỳ lạ của chuyến tàu đắm. Con đường hẻm giữa hai Hòn Douvres cũng có hình tượng đắm tàu rùng rợn của nó. Ôxít của núi đá đã để lại, đây đó, trên bề mặt lởm chởm, những mảnh đỏ lôm y hết những vũng máu đông đặc. Một cái gì giống cảnh máu me rịn rĩ từ một cái bể lò mổ. Trong bãi ngầm này có nơi ướt thịn. Đá biển gồ ghề, nhiều màu khác nhau, chỗ này do sự phân hóa của những kim loại hỗn hợp lẫn với đá, chỗ kia bởi rêu mốc, bày ra nơi thì màu đỏ ghê rợn, nơi thì màu xanh lục đáng ngờ, nơi thì những vệt bùn bẩn màu son, gợi lên một ý nghĩ giết người và tiêu diệt. Người ta tưởng như trước mắt là bức tường không lau chùi của một căn phòng giết người. Có thể nói là những vụ quật nát người đã để vết tích lại đây; quả núi thẳng đứng mang một dấu vết gì đó của những cơn hấp hối chùng chất. Ở một số chỗ, cảnh tàn sát dường như còn lai láng, bức thành vẫn ướt át, và hình như không thể nào đặt ngón tay lên đây mà lúc rút ra không vấy máu. Một chất gỉ của việc tàn sát hiện ra khắp nơi. Ở chân hai dãy núi song song hiểm trở, rải rác là là mặt nước, hoặc dưới lớp sóng, hoặc nằm khô cạn trong những chỗ xói lở, có những tảng đá tròn quái gở, hòn đỏ, hòn đen, hòn tím, giống hệt như ruột gan; tường đầu đây là phổi tươi hoặc gan thối. Có thể nói nhiều cái bụng không lồ đã bị moi rỗng tại đây. Những vệt đỏ dài, có thể xem là những đường rịn rĩ bi thảm, chạy suốt từ trên xuống dưới dãy hoa cương.

Những cảnh tượng như thế rất thường thấy trong các hang động ngoài biển cả.

V NÓI QUA VỀ NHỮNG SỰ CỘNG TÁC BÍ MẬT

Đối với những ai, do tình cờ của các cuộc viễn du, có thể tạm thời phải ở lại trên một bãi ng ãn giữa biển khơi, thì hình dạng bãi ng ãn không phải là chuyện không quan hệ. Có bãi ng ãn hình tháp như một đỉnh nhọn duy nhất nhô lên trên mặt nước; có bãi ng ãn hình tròn, như một tảng đá tròn to; lại có bãi ng ãn hành lang. Bãi ng ãn hành lang là loại đáng lo ngại nhất. Không phải chỉ vì cảnh nước dập d ãnh lo âu giữa các vách núi của nó, và vì những tiếng ãn ào của sóng bị ép chặt, và còn vì những tính chất khí tượng tối tăm dường như toát lên do cái thế song hành của hai quả núi giữa trùng dương. Hai phiến đá thẳng đứng ấy là một thứ pin Volta thực sự.

Bãi ng ãn hành lang thường được định hướng. Hướng này rất quan trọng. Do đó trước tiên có tác động vào không khí và vào nước. Bãi ng ãn hành lang tác động vào sóng, vào gió, một cách máy móc, do hình dạng của nó, và theo quy luật điện lưu do từ độ khác nhau có thể có giữa các mặt đứng của nó là những khối ghép k ãnh nhau và tương phản.

Loại bãi ng ãn này thu hút tất cả những sức mạnh điên cuồng tản mạn trong phong ba, và có một sức tập trung đặc biệt vào gió lốc.

Vì vậy, quanh các vùng đá ng ãn này, bão táp có phần mãnh liệt hơn cả.

Cần phải biết rằng gió là một hiện tượng hỗn hợp. Người ta vẫn tưởng gió đơn giản; nó chẳng đơn giản tí nào. Sức mạnh ấy không những có tính chất động, mà còn mang tính chất hóa học, nó không những có tính chất hóa học, mà còn mang tính chất từ học. Trong nó có những điều không thể giải thích được. Gió vừa thuộc về điện vừa thuộc về không khí. Một số ngọn gió trùng hợp với những bình minh bắc cực. Gió ở bãi cuốn những

ngọn sóng cao đến một trăm piê khiến Dumont-d'Urville phải rụng rời. Ông nói: Phòng hạm không còn biết nghe theo ai. Dưới những cơn gió mạnh của nam cực, có những cái bấu bệnh thực sự làm đại dương sưng phù, và biển cả trở nên khủng khiếp đến nỗi những người cố sơ phải chạy trốn vào hang hốc để khỏi trông thấy biển. Gió mạnh bắc cực lại khác; trong chúng lẫn cả nước đá, nhọn như đinh ghim, và những ngọn gió bắc khó thở ấy đẩy lùi lên mặt tuyết những chiếc xe trượt của người Eskimo. Lại có những ngọn gió cháy bỏng. Đây là gió Simoun của châu Phi, đó là đại phong Trung Quốc và gió Samie Ấn Độ. Simoun, đại phong; Samie, tưởng như đây là tên của ma quỷ. Chúng thổi tan các đỉnh núi; một cơn bão đã làm cho núi lửa Toluca trong suốt như gương. Ngọn gió nóng ấy, loại gió lốc đen như mực lao thẳng vào những đám mây đỏ, đã khiến cho kinh Vệ Đà có câu: Đây thần đen đến ăn cắp bò đỏ. Trong tất cả những sự việc trên đây người ta cảm thấy áp lực của hiện tượng điện bí mật.

Trong gió tràn đầy hiện tượng bí mật ấy. Biển cả cũng thế. Nó cũng phức tạp; dưới lớp sóng nước nhìn thấy được của nó, còn có những làn sóng lực mà người ta không nhìn thấy. Biển bao gồm tất cả. Trong mọi thứ hỗn độn, đại dương là thứ khó phân chia nhất và sâu sắc nhất.

Bạn hãy tìm hiểu cái mớ hỗn mang ấy xem; nó rộng lớn quá thành ra ngang bằng. Nó là cái bình chứa tất cả mọi thứ, là bầu ươm, là lò luyện thiên biến vạn hóa. Nó cốp nhặt r ễ lại vung vãi, nó tích trữ r ễ lại tung gieo; nó tiêu hủy r ễ lại sáng tạo. Nó tiếp nhận tất cả các cống rãnh trên tr ần và tích tụ chúng lại. Nó thuộc thể cứng khi là núi tuyết, thể nước khi là sóng biển, thể lỏng khi là mây trời, vô hình khi là gió núi, không sờ mó được khi là khí lực. Về mặt vật chất nó là khối lượng, về mặt sức mạnh nó lại trừu tượng. Nó san bằng và đi ều hòa các hiện tượng. Nó thành đơn giản

vì khả năng phối hợp của nó vô cùng. Trộn lẫn mãi, vẫn đục mãi, nó trở thành trong suốt. Tính hòa tan được nhiều thứ dung hợp lại thành tính thống nhất của nó. Vì có nhiều thành phần quá nên nó lại mang tính chất đồng nhất. Một giọt của nó là tất cả của nó. Vì mang nặng bão táp nên nó hóa ra cân bằng. Platon nhìn thấy các hình cầu nhảy múa, nói ra thì kỳ lạ, nhưng thực tế, trong cuộc xoay vần vĩ đại của quả đất xung quanh mặt trời, đại dương, với triều lên triều xuống của nó, là con lắc của quả đất.

Trong một hiện tượng của biển cả, thường có đủ tất cả mọi hiện tượng. Biển cả bị gió xoáy hút lên như một cái ống siphon; một cơn bão là một ống bơm; sét bắt nguồn từ nước cũng như từ không khí, trong các cơn tàu người ta cảm thấy có những rung chuyển ngấn, rồi một mùi lưu huỳnh từ giếng xích sắt thoát ra. Đại dương sôi sục. Ruyte nói: Quý đã bỏ biển cả vào trong nõi hơi của nó. Trong một số cơn bão tiêu biểu cho sự chuyển mùa, và cho sự cân bằng các sức mạnh cơ bản, các thuyền bè bị bọt nước quăng quật dường như toát ra một thứ ánh sáng, là có những tàn lửa lân tinh chạy trên thùng tàu, luôn luôn gắn liền với việc vận động đến nỗi thủy thủ cứ giơ tay cố chụp những con chim lửa ấy. Sau cơn động đất ở Lisbonne, một hơi nóng thổi về phía thành phố một ngọn lửa cao sáu mươi piê. Dao động của đại dương dính liền với rung chuyển của mặt đất.

Những năng lượng không sao đo lường nổi ấy có thể gây ra tất cả mọi chấn động. Cuối năm 1864, cách bờ biển Malabar một trăm dặm, một trong những hòn đảo Maldives đã chìm ngấm. Nó đã chìm như một chiếc tàu. Các ngư dân ra đi buổi sáng, chiều về chẳng còn trông thấy gì nữa, có chăng chỉ nhận thấy xóm làng mờ mờ dưới biển cả, và lần này chính thuyền bè đã trông thấy nhà cửa bị đắm.

Ở châu Âu, nơi mà dường như thiên nhiên phải khuất phục văn minh,

những sự kiện như thế hiếm đến mức có thể xem như không thể có. Tuy nhiên Jersey và Guernesey trước kia vẫn dính liền với nước Gaule^[75], và lúc chúng tôi viết những dòng này, một hiện tượng cân phân vừa làm sập trên biên giới Anh và Scotland vách biển Thứ Nhất trong Bốn, First of the Fourth^[76].

Không đâu những sức mạnh hoảng loạn ấy lại kết hợp với nhau khủng khiếp bằng ở eo biển bắc cực kỳ lạ tên là Lyse-Fjord. Lyse-Fjord là bãi ngầm quanh co đáng sợ nhất của đại dương. Ở đây việc chứng minh được đầy đủ. Đây là vùng biển Na Uy, phụ cận của vịnh Stavanger hiểm trở, vĩ tuyến năm mươi chín, nước biển nặng và đen, với những cơn sốt bão cách nhật. Trong vùng nước ấy, giữa cảnh hoang vắng ấy, có một con đường to tối om. Đường chẳng dành cho ai cả. Không một ai qua đây, không một thuyền bè nào dám liêu lĩnh đến đây. Một hành lang dài mười dặm giữa hai bức tường thành cao ba nghìn piê; đây là lối vào mở sẵn. Eo biển ấy cũng khúc khuỷu, gãy góc như tất cả các con đường dưới biển, không bao giờ thẳng, vì bị sóng nước bề vụn. Trong Lyse-Fjord hầu như lúc nào sóng cũng lặng, trời cũng trong, địa điểm thật rùng rợn. Gió đâu? Không thấy ở trên cao. Sét đâu? Không thấy ở trên trời. Gió đang nằm dưới biển, sấm đang nằm trong núi. Thịnh thoảng biển động mạnh. Có những lúc, trong không khí không gợn một bóng mây, ở quãng giữa chiều cao của vách biển thẳng đứng, trên mặt biển từ một nghìn đến một nghìn rưỡi piê, về phía nam nhiều hơn phía bắc, thành linh núi chuyển âm ầm, một tia chớp bắn ra, lao tới rồi biến mất, như những thứ đồ chơi duỗi dài và thu ngắn trong bàn tay trẻ em; có những chỗ nó co hẹp và những chỗ nó xò ra, nó đâm vào vách biển đối diện, chui vào trong túi, rồi lại thoát ra, bắt đầu lại hóa thành nhiều đầu lưới, chia các mũi nhọn, gập gì cũng đánh, rồi lại bắt đầu nữa,

đoạn tắt ngấm rừng rợn. Các đàn chim bay tán loạn. Chẳng gì bí mật như các loại pháo ấy từ chốn vô hình bắn ra. Núi này tấn công núi kia. Các bãi ngấm giáng sấm sét vào nhau. Cuộc chiến tranh ấy không liên quan gì đến con người. Mỗi hãn thù của hai bức tường thành dưới vực thăm.

Trong Lyse-Fjord gió chuyển thành tầ quang, núi đá đóng vai mây và sấm sét có lúc phụt ra như núi lửa. Eo biển kỳ lạ này là một khối pin, mà hai vách biển là những phân tử.

VI MỘT CÁI CHUÔNG CHO NGỰA

Gilliatt khá am hiểu về bãi ngấm nên không dám xem thường các Hòn Douvres. Trước hết, chúng tôi vừa nói xong, cần để chiếc thuyền bầu vào nơi an toàn.

Hai sống núi, chạy dài thành một đường hãn ngoằn ngoèo phía sau hai Hòn Douvres, đây đó lại hợp với các hòn khác. Người ta đoán được những ngõ cụt, những hãn sâu tuôn vào ngõ, và dính liền với con đường hẻm chính, như cành cây dính với thân cây.

Phần dưới các mỏm ngấm phủ rong còn phần trên thì phủ rêu. Vách rong đồng đều trên tất cả các quả núi đánh dấu mực nước triều lên và mực biển đứng. Những chỏm nhọn mà nước không lên đến nơi, đều có một lớp mạ vàng mà rêu trắng, rêu vàng sặc sỡ tạo cho đá hoa cương ngoài biển.

Một giếng sò chóp nón phủ lỗ chỗ lên núi. Bện sâu mực của hoa cương.

Ở một số điểm khác, trong các góc lõm đầy cát nhỏ trên mặt gợn sóng

do gió chứ không phải do nước, có những túm gai màu xanh lơ.

Trong những hốc ít bị bọt biển đánh, thấy có những hang nhỏ do hải đờm đục thủng. Loại nhím biển này như một quả cầu sống, vừa đi vừa lăn tròn trên đầu chông, cái bàn chải len của nó gồm đến hơn một vạn chi tiết sắp xếp và gắn liền một cách nghệ thuật. Giống hải đờm này, mà cái mồm không hiểu tại sao lại gọi là ngọn đèn của Aristote, đào vào đá hoa cương bằng năm cái răng cắn chặt vào đá, và sống trong lỗ. Những người mò cua bắt được chúng ngay trong các lỗ ấy. Họ cắt chúng ra làm đôi và ăn sống như ăn sò. Một số người còn chấm bánh mì vào thịt mồm ấy nữa. Vì vậy nó có cái tên là trứng biển.

Các đỉnh xa xa của đáy biển, nhô khỏi mặt nước những lúc triều xuống, dẫn đến tận chỗ chân núi hiểm trở Thằng Người, đến một thứ hải loan, bốn bề gần như bị bãi ngầm bịt kín. Tất nhiên ở đây có chỗ neo thuyền được. Gilliatt ngắm nghía cái tiêu loan. Nó giống như hình móng ngựa, và chỉ mở ra một phía, phía gió đông, thứ gió ít dữ nhất trong vùng. Nước bị giam hãm ở đây và hầu như là tù đọng. Cái vịnh này dùng được. Và lại Gilliatt cũng không được lựa chọn nhiều.

Nếu muốn lợi dụng lúc triều xuống, thì Gilliatt cần phải hành động gấp.

Hơn nữa thời tiết tiếp tục êm đềm và đẹp đẽ. Biển cả ngạo mạn lúc này đang vui vẻ.

Gilliatt lại đi xuống, xỏ lại giày, tháo dây neo, bước xuống thuyền và thả ra biển. Anh dùng chèo men theo phía ngoài bãi ngầm.

Đến gần Núi Thằng Người, anh ngắm kỹ lối vào tiêu loan.

Một đường vân cố định trên dòng nước lung linh, một nếp nhăn khó

nhận thấy đối với bất cứ ai không phải là thủy thủ, vạch rõ lối đi.

Gilliatt nghiên cứu một lúc đường vân ấy, một đường gợn như không rõ trên sóng, đoạn anh ra khơi một tí để lại cho thoải mái và đi cho đúng lạch, rồi vùng mạnh mái chèo anh tiến vào tiểu loan.

Anh thả ống dò.

Địa điểm neo thuyền quả là tuyệt diệu.

Những núi ngầm đáng sợ nhất vẫn thường có những góc kín yên tĩnh như vậy. Các bến cảng tìm thấy ở bãi ngầm y hệt lòng hiếu khách của anh chàng hung dữ, chúng thành thực và chắc chắn.

Gilliatt kéo thuyền thật sát vào Núi Thẳng Ngươi, tuy vậy cũng vẫn ngoài tầm va chạm và thả cả hai neo.

Xong việc, anh khoanh tay và nhắm tính một mình.

Thuyền đã được che chở; vậy là giải quyết xong một vấn đề nhưng vấn đề thứ hai lại đến. Ăn náu vào đâu bây giờ?

Có hai chỗ trú trước mắt: ngay trên thuyền bâu với cái góc ca-bin tạm ở được của nó, và ngọn núi Thẳng Ngươi, cũng dễ để trèo.

Từ cả hai chỗ trú đó, lúc nước thấp có thể nhảy từ tảng núi này sang tảng núi nọ, đến được quãng giữa hai Hòn Douvres, nơi tàu Durande mắc kẹt mà chân vẫn gợn như khô.

Nhưng nước chỉ xuống một lúc thôi, và toàn bộ thời gian còn lại ta sẽ bị ngăn cách hoặc với chỗ trú, hoặc với các tàu, đến hơn hai trăm sải. Bơi giữa bãi ngầm rất khó; chỉ hơi có sóng là không thể được.

Đành phải bỏ thuyền bâu và Núi Thẳng Ngươi. Không thể có một chỗ

đứng nào trong các hòn núi xung quanh.

Các mỏm núi bên dưới mỗi ngày hai lần đều chìm ngập dưới mặt nước triều cao.

Các mỏm núi phía trên luôn luôn bị bắn bọt nước. Một kiểu quét dọn đũa khách.

Chỉ còn lại bản thân cái xác tàu.

Có thể ăn ở trên ấy không?

Gilliatt hy vọng như thế.

VII MỘT PHÒNG RIÊNG CHO KHÁCH

Nửa giờ sau, quay về xác tàu, Gilliatt hết lên lại xuống, từ boong đến cầu boong, rồi từ cầu boong xuống hầm tàu, đi sâu thêm vào cuộc nghiên cứu sơ bộ của lần quan sát thứ nhất.

Nhờ cái máy trục buồm, anh đã kéo lên boong tàu Durande cái ba lô mà anh đã đưa đến bằng thuyền bèo. Máy trục vẫn còn tốt. Các đòn lái vẫn đủ cả. Trong cái đóng đồ nát ấy Gilliatt chỉ cần lựa chọn.

Trong mớ đồ còn vương lại, anh thấy có một cái đục sắt, chắc ở thùng thợ mộc rơi ra, anh liền bỏ thêm vào thùng dụng cụ nhỏ bé của anh.

Ngoài ra, anh còn con dao con trong cái túi, vì trong cảnh thiếu thốn mọi vật đều có giá trị.

Gilliatt làm việc suốt ngày trên xác tàu, thu dọn, củng cố, bỏ bớt.

Tối đến, anh nhận ra một đi`âu:

Toàn bộ xác tàu đ`ều rung chuyển khi có gió. Mỗi bước Gilliatt bước đi, giàn tàu lại run rẩy. Đứng vững và còn chắc chắn chỉ có phần vỏ tàu, chet vào giữa hai Hòn Douvres, vẫn chứa đựng cỗ máy. Ở đ`ấy các rường tàu chống chắc vào vách đá hoa cương.

Dọng vào trong tàu Durande là đại dột. Vì như vậy lại thêm một quá tải, và không những không đ`e nặng lên tàu mà c`ần phải giảm nhẹ cho nó.

Dựa vào xác tàu là trái ngược với đi`âu c`ần phải làm.

Cái đồng đ`ồ nát này muốn người ta hết sức gượng nhẹ. Y như một bệnh nhân đang thở ra. Đã có khá nhiều gió máy hành hạ nó r`ồi.

Buộc phải làm việc ở đ`ấy là bực mình r`ồi. Khối lượng công việc mà xác tàu c`ần chịu đựng chắc chắn sẽ làm nó mệt mỏi, có lẽ quá sức của nó.

Ngoài ra, nếu có một tai nạn nào xảy đến, giữa lúc Gilliatt ngủ, ở trong xác tàu tức là chết chìm với với tàu. Không có ai giúp đỡ cả; tất thảy đ`ều vô vọng. Muốn cứu cái xác tàu, phải ở bên ngoài.

Ở bên ngoài và ở gần xác tàu, vấn đ`ề là ở chỗ ấy.

Khó khăn càng thêm phức tạp.

Tìm đ`âu ra một chỗ trú trong hoàn cảnh thế này?

Gilliatt ngẫm nghĩ.

Chỉ còn có hai Hòn Douvres. Hình như ít có khả năng ở đ`ược ấy.

Từ dưới người ta nhận thấy trên ngọn đ`ồi cao của Hòn Douvres Lớn hình như có một loại bư`ớu.

Những quả núi đứng đỉnh bằng, như Hòn Douvres Lớn và Núi Thẳng Người, là những ngọn núi nhọn bị phạt đầu. Chúng rất nhiều trong các dãy núi và ngoài đại dương. Một số quả núi, nhất là những quả gập ở ngoài khơi, có những vết chém giống như cây bị phạt. Chúng có vẻ như bị một nhát rìu. Đúng là chúng phải chịu đựng sự tung hoành của cuồng phong, gã tìều phu của biển cả.

Lại có những nguyên nhân chấn động khác, sâu sắc hơn nữa. Vì vậy mà thấy biết bao vết thương trên tất cả những hòn hoa cương già cõi ấy. Một vài anh khổng lồ ấy bị chặt mất đầu.

Đôi khi cái đầu ấy, không thể giải thích được tại sao, vẫn không rơi xuống, và vẫn lủng lẳng trên cái đỉnh bị phạt ngang. Điểm kỳ quặc ấy không phải là hiếm. Hòn Roque-au-Diable ở Guernesey, và Hòn Cái Bàn trong vịnh Anweiler, cho ta thấy đi đầu bí ẩn kỳ dị này của địa chất trong những hoàn cảnh phi thường nhất.

Đối với Hòn Douvres Lớn có thể cũng đã xảy ra một sự việc tương tự.

Nếu chỗ phình trông thấy ở trên ngọn đã không phải là một bướu đá tự nhiên, thì nhất thiết đó là một đoạn còn lại của cái đỉnh đổ nát.

Có lẽ trong tảng đá ấy có một lỗ hổng.

Một cái lỗ để chui rúc; Gilliatt không yêu cầu gì hơn.

Nhưng làm thế nào lên được mặt đất? Làm sao trèo được lên trên cái vách thẳng đứng kia, khít, nhẵn như một hòn cuội, gần phủ kín bằng một lớp tảo nhầy nhụa, và có vẻ trơn chuội của một mặt phẳng xoa xà phòng?

Từ boong tàu Durande lên đến mép đất ít ra cũng phải ba mươi piê.

Gilliatt rút ở thùng dụng cụ ra sợi thừng nút, ngoắc vào thắt lưng bằng

cái móc, và bắt đầu leo lên ngọn Douvres Nhỏ. Càng lên cao, càng khó trèo. Anh đã lười cởi giày thành thử càng khó leo. Lên đến đỉnh không phải là không vất vả. Đến đỉnh, anh đứng thẳng người lên. Ở đấy chỉ đủ chỗ đặt hai bàn chân. Thật khó lấy đấy làm chỗ trú. Dù một ẩn sĩ đầu trụ^[77] có bằng lòng như thế thì Gilliatt, khó tính hơn, cũng muốn được hơn thế.

Hòn Douvres Nhỏ cong về phía Hòn Lớn, thành thử đứng xa tưởng như nó cúi chào Hòn Lớn; quãng cách giữa hai Hòn Douvres, ở dưới rộng quãng hai mươi piê, ở trên chỉ còn độ tám hay mười piê.

Từ đỉnh núi, chỗ anh vừa trèo lên, Gilliatts nhìn thấy rõ hơn cái bấu núi, nó phủ hết một phần mặt bằng của Hòn Douvres Lớn.

Mặt bằng này nhô cao hơn đầu anh ít nhất quãng sáu mét. Một vực thăm ngăn cách anh với nó.

Phần cheo leo nhô xiên ra ngoài của Hòn Douvres Nhỏ khuất kín dưới chân anh.

Gilliatt tháo sợi thừng nút ở cái thắt lưng ra, lấy mắt ước lượng nhanh chiều dài, và ném cái móc lên mặt bằng.

Móc cào vào núi đá, rồi trượt xuống. Sợi thừng nút, có cái móc ở cuối, rơi xuống chân Gilliatt dọc theo Hòn Douvres Nhỏ.

Gilliatt bắt đầu lại, ném sợi dây xa hơn, nhằm vào cái bấu hoa cương, nơi anh nhìn thấy có những lỗ hổng và những đường rãnh.

Lần ném này tài tình, gọn gàng đến nỗi cái móc bám chặt. Gilliatt kéo mạnh.

Gilliatt ném cái móc một lần thứ ba.

Tảng đá vỡ, sợi thừng nút trở về đập vào vách núi cheo leo dưới chân Gilliatt.

Gilliatt ném cái móc một lần thứ ba.

Móc không rơi xuống nữa. Gilliatt cố sức kéo mạnh sợi thừng. Thừng giăng lại. Móc đã neo chặt.

Nó móc vào một chỗ mấp mô nào đó của mặt đá mà Gilliatt không thể nhìn thấy.

Đành phó mặc cuộc sống cho điểm tựa chưa từng biết này vậy.

Gilliatt không chút do dự.

Mọi việc đều thúc bách. Phải đi cách nào ngắn nhất.

Và trở xuống boong tàu Durande để tính đến một phương kế nào khác hầu như không thể được. Có thể trượt chân, và gần như chắc chắn sẽ ngã. Người ta trèo lên, chứ không ai lặn xuống.

Cũng như tất cả các thủy thủ giỏi, Gilliatt có những động tác rất chính xác. Anh không bao giờ phí phạm sức lực. Anh chỉ bỏ sức ra một cách vừa phải. Nhờ vậy mà với những cơ bắp bình thường, anh vẫn đạt được những kỳ tích về sức mạnh; bắp thịt anh cũng chỉ như bắp thịt mọi người, nhưng anh có một trái tim khác hẳn. Anh đem nghị lực tinh thần thêm vào sức mạnh vật chất.

Việc phải làm thật khủng khiếp.

Lung lẳng ở đầu dây kia, vượt qua quãng cách giữa hai Hòn Douvres, vẫn đề là như vậy.

Trong những hành động trung thành hoặc vì nghĩa vụ con người thường

gặp những dấu hỏi như thế dường như do thần chết đặt ra.

- Mà có làm không? - Bóng tối nói.

Gilliatt thử kéo mạnh cái móc một lần thứ hai, móc vẫn bám chắc.

Gilliatt liền lấy khăn tay bọc bàn tay trái lại, nắm chắc sợi thừng nút bằng nắm tay phải, rồi lại nắm ra ngoài bằng nắm tay trái, đoạn đưa một chân ra trước, đập mạnh chân kia vào núi đá để sức đẩy không cho sợi dây xoay tròn, anh lao từ trên đỉnh Hòn Douvres Nhỏ sang vách núi hiểm trở của Hòn Douvres Lớn.

Cú va rất mạnh.

Mặc dầu Gilliatt đã cẩn thận đề phòng, sợi dây thừng vẫn xoay, và vai anh đập vào núi đá.

Lại dội trở lại.

Đến lượt hai nắm tay anh vấp vào núi đá. Khăn tay xộc xệch. Nắm tay sây da, may mà không gãy.

Gilliatt choáng váng và lúng lẳng mất một lúc.

Tuy choáng váng nhưng anh vẫn khá tỉnh táo, không buông sợi thừng.

Một thời gian trôi qua vừa đủ đưa vừa lòng lộn trước khi anh tóm được sợi dây bằng hai chân; tuy nhiên anh cũng tóm được.

Hoàn hồn, và giữ chặt sợi dây thừng giữa hai chân như bằng hai tay, anh nhìn xuống dưới.

Anh không ngại về chiều dài sợi dây vì anh đã nhiều lần dùng nó để leo cao hơn thế. Quả thật, sợi thừng đang lê trên boong tàu Durande.

Gilliatt, chắc chắn có thể tụt lại, liền bắt đầu leo.

Chỉ lát sau anh lên đến mặt đất.

Từ xưa đến nay, chỉ có chim chóc mới đặt chân lên đấy. Đồi đất phân chim. Nó là một hình thang lệch, mặt vỡ của cái khối hoa cương khổng lồ tên là Hòn Douvres Lớn. Hình thang này bị khoét sâu ở giữa như cái chậu một công trình của mưa.

Vả lại Gilliatt đã phỏng đoán đúng. Ở góc phía Nam hình thang, thấy có những tảng đá chông xếp lên nhau, có thể đấy là những di tích của đỉnh núi lở. Những tảng đá này như một đồng đá lát đường rất to, để cho một dã thú có chỗ chui rúc nếu lỡ lầm đường lên đỉnh này. Chúng nằm chông chênh hỗn độn, với những kẽ hở của một đồng vôi gạch vụn. Ở đấy chẳng có đồng, chẳng có hang, nhưng có những lỗ như bọt biển. Một trong những hang ở ấy có thể chứa chấp Gilliatt.

Trong cùng hang có cỏ và rêu.

Tại đấy Gilliatt sẽ như ở trong một cái bao.

Lối vào cao độ hơn sáu tấc. Càng vào sâu càng hẹp. Có những quan tài đá hình dáng như thế. Đồng đá tựa lưng vào phía tây-nam nên hang ỡ đảm bảo không bị mưa rào, nhưng lại hứng gió bắc.

Gilliatt thấy vậy là tốt.

Hai bài tính thế là đã giải xong; thuyền có bến và anh có chỗ trú.

Điểm tuyệt diệu của chỗ trú này là gần bên xác tàu.

Cái móc sắt của sọt thùng nút, rơi vào giữa hai tảng đá, đá móc chặt vào đấy. Gilliatt chèn cứng nó lại bằng cách đặt một tảng đá to lên trên.

Đoạn anh lập tức tuột xuống tàu Durande.

Từ nay thế là anh ở trong nhà anh. Hòn Douvres là nhà anh, tàu Durande là xưởng thợ của anh.

Đi đi lại lại, trèo lên tụt xuống, còn gì đơn giản hơn.

Anh nhảy mạnh từ sợi thừng nút xuống boong tàu.

Ngày hôm ấy đẹp trời, bắt đầu thế là tốt, anh bằng lòng và cảm thấy đói bụng.

Anh cởi dây ở cái giỏ thức ăn, mở con dao ra, cắt một khoanh thịt bò hun, cắn ổ bánh mì đen, uống một ngụm nước, và ăn một cách ngon lành.

Làm tốt, ăn tốt, đây là hai niềm vui. Dạ dày no nê cũng giống như một lương tâm thanh thản.

Ăn xong, trời hãy còn sáng. Anh lợi dụng cơ hội để bắt đầu công việc rất cấp bách là làm nhẹ xác tàu.

Anh đã mất một phần ngày để lựa lọc những thứ vụn nát. Trong khoang tàu vững chắc, có cỗ máy, anh để sang một bên tất cả những thứ gì có thể dùng được, gỗ, sắt, thừng, vải. Cái gì vô ích anh vứt hết xuống biển.

Những thứ thuyền bầu chở đến, dùng máy trục kéo lên boong tàu, dù đơn sơ, ít ỏi, cũng là một khoản cồng kềnh. Gilliatt trông thấy một thứ khám đục sẵn, vừa tằm tay với, trong vách Hòn Douvres Nhỏ. Trong núi thường thấy có những loại tử tự nhiên như thế, đúng là không đóng. Anh nghĩ ngay là có thể phò thác cho cái khám ấy một ít đồ đạc. Anh liền để vào trong cùng hai cái hòm của anh, hòm dụng cụ và hòm quần áo, hai cái bị, bị lúa mạch và bị bích quy, và ở phía trước, có lẽ hơi gần mép quá, nhưng anh không còn chỗ nào khác, cái giỏ thức ăn.

Anh đã có ý lấy ở hòm quần áo ra tấm da cừu, chiếc áo ngoài có mũ và đôi xà cạp quét nhựa đường.

Để gió khỏi cuốn mất sợi thừng nút, anh buộc đầu thừng phía dưới vào một thanh gỗ ghép lòng tàu Durande.

Vì hông tàu Durande phình to, nên thanh gỗ ghép này rất cong và giữ chắc đầu thừng như một bàn tay nắm chặt.

Còn lại đoạn trên sợi thừng. Buộc chắc phía dưới là tốt, nhưng ở đỉnh núi, chỗ sợi thừng nút chạm vào mặt bằng, cũng sợ nó dần dần bị góc núi sắc cứa đứt.

Gilliatt liền lục trong đồng đồ vụn dự trữ, lấy vài miếng vải bươm và rút ở trong một đoạn dây cáp cũ mấy sợi dài nhét cả vào túi.

Một thủy thủ hẳn đoán được anh sắp lót mấy miếng vải và các mẫu giấy kia vào chỗ thừng bị gập vào cạnh núi đá, để bảo vệ chỗ gập cho khỏi đứt; công việc ấy gọi là quấn bọc.

Chuẩn bị xong số vải vụn, anh mang xà cạp vào chân, khoác áo mưa lên trên varơ, kéo sụp mũ bò đài lên trên chiếc mũ galérienne, và buộc hai cái dải tấm da cừu vào cổ. Sau khi đóng đầy đủ bộ áo giáp kỵ sĩ ấy, anh liền nắm sợi dây thừng, từ nay được giữ chắc vào sườn Hòn Douvres Lớn, và trèo lên tấn công vào cái tháp đen tối của biển cả.

Mặc đầu hai bàn tay bị sây da, Gilliatt cũng nhẹ nhàng lên đến mặt đất.

Những tia sáng nhạt nhát cuối cùng của chiều tà tắt dần. Biển cả tối đen như mực. Trên đỉnh Hòn Douvres vẫn giữ được chút ít ánh sáng.

Gilliatt lợi dụng chút ít ánh tàn còn lại để quấn bọc sợi thừng nút. Anh đắp vào chỗ thừng gập vào núi nhiều lớp vải dày, mỗi lớp lại buộc dây thật

chặt. Tương tự các nữ diễn viên quần vải vào đầu gối để đóng những cảnh hấp hối và cảnh van xin ở màn năm.

Quì quần vải xong, Gilliatt thẳng người lên.

Từ nãy, trong lúc mải mê quần giẻ vào sợi thừng nút, anh mơ hồ cảm thấy trong không khí có một rung động đặc biệt.

Trong cảnh vắng lặng của chiều hôm nghe như tiếng động của một con dơi không lộ đập cánh.

Gilliatt liếc ngược mắt nhìn lên.

Một vòng tròn đen to đang xoay trên đầu anh, giữa bầu trời trắng và thăm thẳm của hoàng hôn.

Trong các bức tranh cổ, người ta thường thấy những vòng tròn như thế trên đầu các thánh. Có đi đâu là chúng toàn màu vàng trên một nền tối, còn cái này lại đen tối trên một nền sáng. Không gì kì quái hơn. Tưởng như đây là vầng hào quang ban đêm của Hòn Douvres Lớn.

Vòng tròn ấy đến gần Gilliatt, sau đó lảng xa, thu hẹp, rồi lại nở rộng.

Đây là những con chim hải âu, hải yến, chim quân hạm, chim cốc, sơn ca, cả một bầy chim biển, ngạc nhiên.

Rất có thể Hòn Douvres Lớn là quán trọ của chúng và chúng đến để ngủ, Gilliatt đã chiếm mất một phòng bất ngờ này khiến chúng lo ngại.

Một con người ở đây, là đi đâu mà chúng chưa bao giờ thấy.

Bầy chim hoảng hốt bay như thế một lúc lâu.

Dường như chúng chờ cho Gilliatt đi.

Gilliatt, nghĩ ngợi mông lung, đưa mắt theo dõi chúng.

Cuối cùng cơn lốc bay ấy quyết định, vòng tròn thành hình mở ra thành hình tròn ốc, và đám mây chim ốc ấy đến sà xuống Núi Thằng Người, ở đầu kia bãi ng ầm.

Tại đây, hình như chúng đang hỏi nhau và tranh cãi. Vừa nằm dài trong cái vỏ hoa cương, vừa để xuống dưới má một hòn đá để làm gối, Gilliatt nghe b ầy chim thay nhau con trước con sau quang quác rất lâu.

Đoạn chúng im tiếng, và tất cả đều ngủ yên, b ầy chim trên núi của chúng, Gilliatt trên núi của anh.

VIII

IMPORTUNÆQUE VOLUCRES^[78]

Gilliatt ngủ rất ngon. Tuy vậy, anh cũng thấy lạnh nên thỉnh thoảng lại tỉnh giấc. Tự nhiên anh đã cho chân vào trong và đặt đầu lên ngưỡng cửa. Anh đã không nghĩ đến việc vớt bỏ ra khỏi chỗ nằm một số lớn đá khá sắc cạnh, thành thử ngủ cũng kém ngon.

Thỉnh thoảng anh lại hé mở mắt ra.

Có lúc anh nghe văng vẳng có tiếng nổ. Đây là tiếng tri ều dâng tống vào các h ầm sâu của bãi ng ầm nghe như tiếng đại bác.

Toàn bộ địa điểm anh đang nằm tạo nên cảm giác kỳ lạ của ảo ảnh. Bao quanh Gilliatt là một không khí h ầu huyền. Vì cảnh kinh ngạc nửa vờ của đêm khuya thêm vào đây, nên anh cảm thấy mình chìm đắm trong cảnh vô lý. Anh nghĩ bụng: Mình đang mơ.

Đoạn anh lại ngủ tiếp, và trong mơ anh lại thấy anh ở Bû de la Rue, ở Bravées, ở Saint-Sampson; anh nghe Déruchette hát; anh đang ở trong thực tại. Chừng nào còn ngủ, anh tưởng như mình đang thức và sống, khi nào tỉnh, anh lại tưởng mình đang ngủ.

Thực tế, từ nay anh sống trong một giấc mộng.

Quãng nửa đêm, có tiếng ồn ào rộng khắp cả bầu trời. Gilliatt mơ hồ ý thức như thế trong giấc ngủ. Chắc là gió bắc đang nổi lên.

Có lần, một cơn lạnh làm anh rùng mình tỉnh giấc, anh mở mí mắt ra hơi to hơn mấy lần trước, trên đỉnh trời có những đám mây rất rộng; mặt trăng đang lẩn trốn và một ngôi sao to chạy theo trăng.

Đầu óc Gilliatt đầy những mộng mị hỗn độn, và sự khuếch đại trong mơ này càng làm cho phong cảnh dữ dội của trời đêm thêm phức tạp.

Tảng sáng anh lạnh buốt và ngủ mê man.

Cảnh đột ngột của bình minh kéo anh ra khỏi giấc ngủ có lẽ là nguy hiểm đó. Cái hốc của anh hướng thẳng về phía mặt trời mọc.

Gilliatt ngáp, vươn vai, và nhảy ra khỏi hốc.

Anh ngủ ngon đến nỗi thoát tiên anh chẳng hiểu gì hết. Dần dần cảm giác thực tế trở lại với anh, đến mức anh thốt lên: Nào ăn trưa!

Thời tiết yên tĩnh, bầu trời giá lạnh và trong sáng, không gợn bóng mây, ban đêm đã quét sạch chân trời, vùng ô rục rở. Lại bắt đầu một ngày đẹp trời thứ hai. Gilliatt cảm thấy vui vẻ.

Anh cởi bỏ áo ngoài và xà cạp ra, quần tất cả vào tấm da cừu mặt lông vào trong, buộc cả cuộn bằng một mẫu thừng và đẩy nó vào trong cùng một

hang, để tránh mưa bất thường.

Đoạn anh dọn giường, nghĩa là bỏ chỗ đá ra.

Dọn xong giường, anh tuột dây xuống boong tàu Durande và chạy đến chỗ cái khám nơi anh đã giấu giỏ thức ăn.

Cái giỏ không còn đầy nữa. Vì nó nằm gần mép quá nên gió đêm đã cuốn mất và quăng nó xuống biển.

Điều ấy báo trước ý định tự vệ.

Gió phải có một quyết tâm và một ác ý nào đó mới đến đây cướp mất cái giỏ.

Đây là bước đầu của những hành vi cừu địch. Gilliatt hiểu thế.

Khi người ta sống trong cảnh thân mật cau có của biển cả, thì rất khó có thể không xem gió như một con người và núi non như những nhân vật.

Cũng với chỗ bích quy và bột lúa mạch, Gilliatt chỉ còn mỗi món trai sò, mà người đấm tàu chết đuối trên Núi Thẳng Người đã dựa vào để sống.

Còn chuyện câu cá thì không nên nghĩ đến làm gì. Cá vốn ghét va chạm, luôn luôn lẩn tránh đá ngầm; các loại nơm và lưới kéo chỉ uổng công ở những nơi có đá ngầm, và các chỏm nhọn ấy, chỉ có được mỗi việc là xé rách lưới.

Gilliatt điềm tâm với mấy con hào, mà khó khăn lắm anh mới cạy được ở núi ra. Suýt nữa anh làm gãy mất con dao vào đấy.

Trong lúc đang ăn bữa trưa đạm bạc này, anh bỗng nghe một tiếng âm âm kỳ lạ ngoài biển cả. Anh liền nhìn ra.

Đấy là bầy hải âu vừa mới sà xuống một trong các quả núi thấp vừa đập

cánh, vừa xô vào nhau, vừa kêu, vừa gọi. Tất cả âm ĩ lúc nhúc trên cùng một điểm. Bầy quân ô hợp đó có mỏ và có móng kia đang xâu xé cùng một vật gì đó.

Vật ấy là cái giỏ của Gilliatt.

Bị gió vút lên một chòm núi, cái giỏ đã vỡ tung ra đấy. Bầy chim đã kéo nhau đến. Chúng dùng mỏ cắp đi đủ các thứ tươi bời rách nát. Từ xa Gilliatt nhận thấy khoản thịt bò hun và cá khô của mình,

Đến lượt bầy chim xông vào vòng chiến. Chúng cũng có chuyện phải báo thù. Gilliatt đã cướp mất chỗ ở của chúng, chúng phải cướp bữa ăn của anh.

IX BÃI NGÃM, VÀ CÁCH SỬ DỤNG NÓ

Một tuần lễ trôi qua.

Mặc dầu đang giữa mùa mưa, trời vẫn không mưa, đi đâu ấy làm cho Gilliatt rất vui mừng.

Vả lại, việc anh định làm vượt quá sức người, hay ít ra đó cũng là bề ngoài. Thành công khó tin đến nỗi mưu toan có vẻ như rồ dại.

Những công việc dòn dập cho thấy những trắc trở và hiểm nghèo của chúng. Không gì tai hại bằng bắt đầu xét đến sự hoàn thành sẽ khó khăn đến mức nào. Vạn sự khởi đầu nan. Bước đầu tiên là đi đâu phát hiện khắc nghiệt. Khó khăn vấp phải chích đau như gai nhọn.

Gilliatt lập tức phải tính đến trở ngại.

Để kéo cỗ máy tàu Durande ra khỏi chỗ đắm, nơi nó cắm sâu vào đến ba phần tư, để mưu toan, với đôi chút hy vọng thành công, một việc cứu vớt như vậy, ở một địa điểm như vậy, vào một mùa như thế, hình như phải cả một đoàn người, vậy mà Gilliatt chỉ có một mình; phải cả một bộ đồng nghề thợ mộc và cơ khí, vậy mà Gilliatt chỉ có mỗi cái cưa, cái rìu, một cái đục và cái búa; phải có một xưởng thợ đàng hoàng và một cái lều trại tử tế, vậy mà Gilliatt không có mái che; phải dự trữ và thực phẩm, vậy mà đến bánh ăn Gilliatt cũng không có.

Trong suốt một tuần lễ đầu tiên này, giá có ai trông thấy Gilliatt làm việc trên bãi ng àm, hẳn họ không hiểu anh định làm gì. Hình như anh chẳng nghĩ đến tàu Durande và đến hai Hòn Douvres nữa. Anh chỉ bận bịu vào những thứ nằm trong đám đá ng àm, anh có vẻ chăm chú vào việc với nhặt những vật trôi dạt nhỏ nhặt. Anh lợi dụng những lúc tri ều xuống để tước đoạt của đá ng àm những gì mà vụ đắm đã chia phần chia chúng. Anh lần mò từ mỏm đá này đến mỏm đá khác nhặt nhanh những thứ mà biển cả đã ném lên đấy, những miếng bu ồm rách, nhưng mẫu thừng, những cục sắt, những mảnh ván, những mảng cạp võ tung, những trục bu ồm gãy, đây một cái xà, kia một sợi dây xích, một cái puli.

Đ ồng thời anh nghiên cứu tất cả các góc ngách của bãi ng àm. Không một nơi nào ở được, đi ều đó làm cho Gilliatt hết sức chán nản; ban đêm anh vẫn rét run giữa các phiến đá trên nóc Hòn Douvres Lớn, và chỉ ước ao tìm được một chút gác mái tốt hơn.

Có hai cái hốc khá rộng; mặc d ùi mặt n ên đá tự nhiên chỗ nào cũng nghiêng nghiêng và gập gh ềnh, cũng vẫn có thể đứng và đi lại trong ấy.

Mưa gió mặc sức lộng hành, nhưng nước tri ều cao nhất cũng không lên

đến đấy. Chúng ở cạnh Hòn Douvres Nhỏ, và giờ nào cũng có thể lặn tới đấy được. Gilliatt quyết định sử dụng một hốc làm kho, một hốc làm lò rèn.

Với tất cả các thứ dây thừng có thể nhặt nhanh được, anh tống các vật trôi dạt linh tinh vào những ba lô, buộc các thứ vụn vỡ thành bó và các mảnh vải thành gói. Anh buộc kỹ tất cả lại. Triều lên càng đẩy ba lô đi, anh càng kéo chúng lách qua đá ngầm đến tận cái kho của anh. Trong một hốc đá, anh đã tìm thấy một sợi dây thừng to có thể dùng để kéo cả những thanh xà thật lớn. Cũng bằng cách ấy anh còn lôi được từ dưới biển lên nhiều đoạn xích, rải rác trong đá ngầm.

Trong công việc nặng nhọc này, Gilliatt thật kiên trì và lạ lùng. Anh làm tất cả theo ý của anh. Không gì cưỡng lại nổi sự kiên trì của kiến.

Đến cuối tuần, Gilliatt có trong cái kho hoa cương ấy toàn bộ mớ tập tàng dị hình của bão táp, sắp đặt rất gọn gàng. Có góc để thừng đuôi rắn, có góc để dây leo, lèo giữ không để lẫn với dây kéo buồm; cột buồm đầu xếp theo số lỗ; các vòng dây, tháo gỡ cẩn thận từ các khoản neo gẫy, đầu được quấn thành con, các khung gỗ tròn không còn bánh xe quay, được tháo khỏi ròng rọc; cọc quấn dây khoen gỗ, róc rách, gabarons, joutereaux, calebas, puli ngang, dây kéo hàng, cọc buộc dây, vòng quanh cột buồm, dây một đầu, cần mắc buồm phụ, chiếm những ô khác nhau miễn là chúng không hoàn toàn bị hư hại làm biến dạng; toàn bộ khung, ván ngang, cột trụ, cột chống boong, gỗ cháp cột buồm, ván chấn, gỗ ghép, gỗ ốp sườn, đầu được xếp riêng; nếu có thể các mảnh ván phủ từ mạn tàu đến lòng tàu đầu được lồng vào nhau; không thể nào lẫn lộn thừng mép buồm với thừng kéo neo, cũng không thể nào nhầm móc kéo thùng với neo buộc cáp kéo, cũng không thể nhầm puli galobang với puli thừng mộc, cũng không thể nhầm

những miếng ộp phần chìm với những miếng ộp sàn thượng; có một góc dành riêng cho một phần những thùng cột buồm của tàu Durande, nó bảo vệ cho những thùng cột buồm và dây leo cố định của nguy bằng. Mỗi vật có riêng một chỗ. Toàn bộ các thứ bị chìm đắm đều được nằm trước mắt, được sắp xếp và đánh dấu hiệu. Cứ y như hỗn mang được xếp vào kho.

Một lá buồm chận chặt bằng những tảng đá to, có nhiều lỗ thủng thật đầy, phủ lên những thứ mà mưa gió có thể làm hỏng.

Mặc dẫu phía trước tàu Durande vỡ nặng, Gilliatt cũng cứu được hai cung sắt treo xuồng với cả ba cái puli.

Anh tìm thấy cột buồm cái, và vất vả lắm anh mới gỡ được những thùng chằng ra. Thùng chằng dính kết vào nhau vì thường lệ chúng được quấn bằng máy trục lúc trời nắng ráo. Tuy vậy Gilliatt cũng gỡ chúng ra, vì loại thùng to này có thể rất có ích cho anh.

Anh cũng đã thu nhặt được cái neo nhỏ kẹt vào một cái hốc dưới đáy biển, nhờ nước triều xuống để lộ ra.

Anh lại tìm thấy trong chỗ trước kia là ca-bin của Tangrouille một cục phẫn, và cất nó rất cẩn thận. Có thể phải đánh dấu luôn.

Một cái xô bằng da dùng để chữa cháy và nhiều thùng gỗ loe miệng còn khá tốt thêm vào chỗ vật liệu lao động dự trữ ấy.

Bao nhiêu than còn lại trên tàu Durande đều được đưa vào kho.

Sau tám ngày, việc thu hồi các thứ vương vãi đã hoàn thành, bãi ngấm được dọn sạch, và tàu Durande nhẹ bót. Trên xác tàu chỉ còn mỗi cỗ máy.

Cái mảng vách phía trước vẫn còn dính vào phía sau không làm cho vỏ tàu nặng thêm. Nó lủng lảng ở đấy, không giằng kéo gì cả, vì được một chỗ

núi nhô đỡ ở phía dưới. Vả lại nó cũng to rộng và nặng, có cho vào kho cũng rất cồng kềnh. Tấm vách này giống như một cái bè, Gilliatt cứ để mặc nó đấy.

Gilliatt cố công tìm kiếm “con búp bê” mà không được, công việc khó nhọc này khiến anh lúc nào cũng trầm ngâm. Đây là một trong những con vật mà sóng nước đã vĩnh viễn cuốn mất. Để tìm được con búp bê đó, Gilliatt sẵn sàng hiến cả hai cánh tay, nếu anh không cần đến chúng nó nhiều như thế.

Ở lối vào kho và ở bên ngoài, thấy có hai đống phế liệu, một đống sắt để rèn rất tốt, và một đống gỗ để đốt cũng rất tốt.

Gilliatt làm việc từ sáng tinh mơ. Ngoài những giờ ngủ, anh không nghỉ ngơi một lúc nào hết.

Bầy chim cốc, lượn lơ nhìn anh làm việc.

X LÒ RÈN

Thu xếp xong kho, Gilliatt đến cái lò rèn.

Cái hốc thứ hai được Gilliatt chọn có một góc nhỏ, một đường ống khá sâu. Mới đầu anh định dọn vào đấy ở; nhưng gió bắc cứ dầm dập thổi đều đều và dai dẳng trong hành lang này nên anh phải bỏ ý định đó. Cái bề này khiến anh nảy ra ý kiến lò rèn. Cái hang đã không thể làm buồng thì nó sẽ xưởng thợ của anh vậy. Bắt chướng vật phục vụ mình là một bước, Gilliatt tiến đến thắng lợi. Gió là kẻ thù của Gilliatt quyết bắt nó phải làm đầy tớ cho anh.

Đi đâu mà ta thường nói về một số người; - việc gì cũng hay nhưng chẳng việc gì giỏi - cũng có thể nói về những hốc núi. Cái chúng chìa ra, chúng lại không cho. Hốc núi này là một cái bùn tắm, nhưng lại rỉ nước một kẽ nứt; hốc núi kia là một cái buồng, nhưng lại không có trần; hốc núi này là một chiếc giường rêu, nhưng lạnh ướt át; hốc núi kia là một chiếc ghế bành, nhưng lại bằng đá.

Cái lò rèn mà Gilliatt định xây dựng đã được thiên nhiên phác sẵn; nhưng bắt cái bản phác ấy phải phục tùng đến mức sử dụng được nó và chuyển cái hang đó thành phòng thí nghiệm thì không còn gì gay go hơn, vất vả hơn. Với ba hoặc bốn phiến đá rộng khoét theo hình phễu và dẫn vào một kẽ nứt, chật hẹp, tình cờ đã biến chỗ ấy thành một loại ống thổi rộng dị dạng, mạnh hơn rất nhiều các bể lò rèn to dài mười piê, mỗi lần thổi, phụt ra chín mười tám nghìn put không khí. Ở đây khác hẳn. Những quy mô của cuồng phong không thể nào tính được.

Sự dư thừa sức mạnh này là một trở ngại; rất khó đi đâu chính luồng gió này. Cái hang có hai điểm bất lợi; không khí xuyên từ đầu nọ sang đầu kia, nước cũng vậy.

Đây không phải là nước biển, mà là một kiểu lai láng thường xuyên, giống như một thứ rịn rỉ hơn một dòng nước.

Bọt biển, không ngớt bị sóng hũ hất vào bãi ngầm, đôi khi cao đến hơn ba mươi mét trên không, cuối cùng đã dầm dấy nước biển vào một cái chậu thiên nhiên nằm trong các tảng đá cao phía trên lỗ hồng. Chậu chứa ấy đầy quá, tạo ra ở phía sau một tí, trong vách đá cheo leo một dòng thác nhỏ độ ba phân, rơi từ gần mười mét xuống. Mưa lại tình cờ đóng góp thêm vào đấy. Thình thoảng một đám mây đi qua đổ một trận mưa rào xuống cái

chậu vô tận và lúc nào cũng tràn đầy ấy. Nước vì thế mà mẩn mẩn, không uống được, nhưng trong vắt mặc dầu mẩn. Dòng thác ấy giở từng giọt một, nom rất đẹp, ở đầu các tỉ tảo giống như ở cuối một mái tóc.

Gilliatt liền nghĩ ngay đến việc dòng nước ấy để chế ngự ngọn gió. Với một cái phễu, hai ba cái ống bằng ván bào mỏng và ghép vôi, trong đó một ống có vòi chảy, và với một cái thùng gỗ loe miệng rất rộng để làm chậu chứa ở dưới, không có ván đỡ hai bên và đối trọng, chỉ bỏ khuyết dụng cụ bằng một quăng thắt phía trên và những lỗ hút phía dưới, Gilliatt, như chúng tôi đã nói, vốn biết chút ít nghề rèn và nghề cơ khí, để thay thế chiếc bễ lò rèn mà anh không có, đã làm được một thứ máy kém hoàn thiện hơn cái mà ngày nay người ta gọi là cagniardelle, nhưng kém thô sơ hơn cái mà ngày xưa trên núi Pyrénées người ta gọi là vòi nước.

Sẵn có bột lúa mạch, anh quấy làm hồ sắn có thùng mộc, anh dùng làm bụi nhùi. Với thứ bụi nhùi ấy, thứ hồ ấy và mấy cái nêm gỗ, anh bịt hết tất cả các kẽ núi lại, chỉ để chừa một cái vòi không khí làm bằng một mẫu đạn lửa tìm được trên tàu Durande và trước đã dùng để châm lửa cho súng bắn pháo hiệu. Vòi không khí này nằm ngang, hướng lên một phiến đá rộng, nơi Gilliatt đặt bễ lò rèn. Một cái nút, làm bằng một mẫu thùng xoắn, lúc cần thì bịt nó lại.

Sau đó Gilliatt xếp than và củi vào trong bễ lò, đánh lửa ngay vào đá, cho lửa xòe lên một nắm bụi nhùi, và với nắm bụi nhùi cháy anh đã nhóm đống củi và than.

Anh thử cái bễ. Bễ hoạt động rất tuyệt.

Gilliatt cảm thấy tự hào như con quỉ một mắt, làm chủ được cả không khí, nước và lửa.

Là chủ không khí, anh đã cho gió một buồng phổi, đã tạo ra trong đá hoa cương một bộ máy hô hấp, và đã đổi luồng gió thành một cái bễ. Là chủ của nước, từ ngọn thác nhỏ anh đã làm nên một vòi nước. Là chủ của lửa, từ ngọn núi ngập nước kia, anh đã làm bật ra lửa.

Hốc đá hầu như chỗ nào cũng lộ thiên, nên khói tha hồ tỏa rộng, ám đen vào vách núi chên vênh. Những quả núi này, dường như được vĩnh viễn tạo ra cho bọt sóng, nay mới được biết mùi bồng bóng.

Gilliatt dùng một tảng đá to lăn xuống để làm đe, mặt cát rất mịn có hình dạng và kích tấc gần như ý muốn. Đây là một cái bệ để nện rất nguy hiểm và có thể vỡ tung. Một đầu tảng đá, tròn và vuốt nhọn, có thể tạm dùng làm đầu sừng hình chóp, nhưng đầu sừng kia, đầu hình tháp, không có. Đây là thứ đe cổ xưa bằng đá của người ở hang. Mặt đá, bị nước nhấn gần đạt được độ cứng của thép.

Gilliatt tiếc là đã không đem theo cái đe. Vì không biết tàu Durande bị bão cát đôi, nên anh đã hy vọng tìm thấy cái thùng thợ mộc và toàn bộ dụng cụ thường để trong hầm tàu phía trước lại bị cuốn mất.

Hai cái hốc, do Gilliatt chiếm được trên bãi ngầm, nằm gần nhau. Kho và lò rèn ăn thông với nhau.

Chiều nào cũng vậy, hết ngày, Gilliatt ăn được một miếng bích quy chấm nước cho mềm, một con hải đờm hoặc một con nắm tay, hoặc vài hạt dẻ biển, những thứ duy nhất tìm kiếm được trong những núi đá này, ra run rẩy như sợi thừng nứt, anh lại đeo lên nằm trong cái lỗ của anh trên Hòn Douvres Lớn...

Chính tính chất cụ thể của công việc càng làm cho Gilliatt thêm trầm mặc. Thực tế cao độ thường khiến người ta sợ sệt. Sự vất vả thể xác với

trăm nghìn chuyện vụn vặt của nó không giảm bớt được chút nào nổi sùng sờ phải sống ở đây và phải làm những việc anh làm. Thông thường một mỗi vật chất là một sợi dây kéo xuống đất; nhưng tính chất đặc biệt của công việc mà Gilliatt mưu toan đang giữ anh trong một khung cảnh lý tưởng và tranh tối tranh sáng. Nhiều khi anh tưởng như mình đang quai búa vào mây. Có lúc, anh lại tưởng như dụng cụ của mình là vũ khí. Anh có cảm cảm giác lạ lùng của một cuộc tấn công thâm lặng mà anh đang trấn áp và phòng ngừa. Tắt một sợi thừng mộc, rút ở một mảnh buồm ra chỉ to, chống hai phiến gỗ, đây là chế tạo ra chiến cụ. Hàng nghìn công việc tũn mủn trong chuyện cứu vớt này cuối cùng cũng giống như việc đề phòng chống những cuộc xâm lược thông minh, ít che đậy và rất rõ ràng. Gilliatt không biết dùng từ ngữ để diễn đạt ý nghĩ, nhưng anh cảm thụ được ý nghĩ. Anh tự cảm thấy mình ngày càng khác xa công nhân và càng giống người đánh nhau với thú dữ.

Anh sống ở đây như một người dạy thú. Gần như anh hiểu ra điểu ấy. Một sự mở mang kỳ lạ cho trí óc anh.

Ngoài ra, xung quanh anh, mênh mông bát ngát, là cảnh hư ảo bao la của công việc hoài phí. Không gì rối lòng bằng đứng nhìn cảnh tung tán của sức lực trong chỗ khôn dò và chốn vô biên. Người ta tìm kiếm mục đích. Không gian luôn luôn chuyển động, sóng nước không bao giờ mệt mỏi, mây trời tưởng như bận rộn, cố gắng khó hiểu rộng khắp toàn bộ cảnh quần quai ấy là một bài tính. Rung chuyển không ngừng kia là làm cái gì? Những cơn gió mạnh kia xây dựng cái gì? Những chấn động kia kiến thiết cái gì? Những đùng độ kia, những tiếng thồn thức kia, những tiếng gào thét kia, chúng sáng tạo cái gì? Vì đâu có cảnh náo nhiệt kia? Sự dằn vặt của những vấn đề ấy cũng vĩnh cửu như sóng triều lên xuống. Gilliatt hiểu

được việc anh làm; nhưng chuyển động của không gian vẫn mờ hồ, ám ảnh anh bằng khía cạnh bí ẩn của nó. Vẫn không hề hay biết, chỉ làm việc một cách máy móc, khẩn trương do thúc bách và thấu triệt, không đạt được kết quả nào khác một niềm say sưa vô ý thức và hầu như tàn nhẫn, Gilliatt mơ mộng đã phối hợp vào công việc của chính anh, cái công việc vô ích diệu kỳ của biển cả. Thực tế, khi đã ở đây, thì làm sao khỏi chịu ảnh hưởng và không tìm hiểu sự huyền vi của sóng nước càn cù khủng khiếp? Phàm đã biết suy nghĩ thì làm sao không ngẫm nghĩ đến sự dao động của sóng triều, đến tính miệt mài của bọt nước, đến cảnh bào mòn thềm lặng của núi non, đến sự hết hơi kiệt sức của gió ngàn phương? Đối với tư tưởng, còn kinh hoàng nào hơn cảnh mãi mãi, lại bắt đầu, cảnh đại dương thăm thẳm, cảnh mây trời vô tận, toàn bộ sự vất vả gian lao, không ích gì kia!

Không ích gì ư, không. Nhưng, Vô định ời, chỉ có mi mới biết được vì sao.

XI KHÁM PHÁ

Một bãi ngằm ở gần bờ đôi khi còn có người đến thưởng ngoạn, chứ một bãi ngằm giữa biển khơi thì không bao giờ. Đến đây tìm cái gì? Nó đâu phải là một hòn đảo. Không có tiếp tế để hy vọng, không cây ăn quả, không đồng cỏ xanh, cũng không gia súc, không nước ngọt. Thật là một cảnh trợ trụ giữa chốn hoang vu. Đây là một quả núi, với sườn vách hiểm trở nhô ra ngoài mặt nước và những đỉnh núi nhọn nằm dưới nước. Ở đây chẳng tìm thấy gì khác ngoài chuyện chìm đắm.

Những loại bãi ngằm như thế, mà ngôn ngữ cổ xưa của hàng hải gọi là

những chốn Điều hiu, như chúng tôi đã nói, là những nơi kỳ quặc. Biển cả ở đây một mình. Nó muốn làm gì thì làm. Không một ma quỷ hiện hình nào trên thế gian khiến nó phải lo ngại. Con người, làm cho biển cả kinh hoàng; biển cả lại thách thức con người; nó không cho con người biết nó là gì và làm gì. Trong bãi ng ầm nó rất yên tâm; con người sẽ không đến đây. Bản độc thoại của sóng ngàn sẽ không bị phá rối. Biển ra sức traу chuốt cho bãi ng ầm tu bổ những chỗ hư hỏng, mài dũa những đỉnh nhọn, dựng đứng nó lên tua tủa, đổi mới cho nó, sửa sang cho nó. Biển đào xuyên qua núi, đánh tan lớp đá mềm, phơi tr ần lớp đá cứng, bóc hết lớp thịt ngoài, chừa lại bộ xương, đào bới, mổ xẻ, khoan sâu, chọc thủng, khơi kênh, làm cho các ngõ cụt thông nhau, làm cho bãi ng ầm đây hang hốc, bắt chước bọt biển kiểu đại qui mô đào khoét phía trong, tạc đẽo bên ngoài. Trong quả núi bí mật thuộc quyền nó đó, biển tạo ra cho mình những hang động, những thánh đường, những cung điện: nó có một thứ cỏ cây ghê tởm và xum xuê gồm những loại cỏ l ền b ền biết cắn và những quái vật cắn r ễ; nó chôn dấu trong bóng tối của nước cái cảnh huy hoàng đáng sợ ấy. Trên bãi ng ầm cô tịch, chẳng có gì giám sát nó, cũng chẳng có gì theo dõi và quấy r ầy nó; ở đây nó tha hồ phát triển khía cạnh bí mật của nó, mà con người không thể nào hiểu nổi. Nó ký thác ở đây những phân tiết sống động và rùng rợn của nó. Tất cả những gì không được biết đến của biển cả đều ở đây.

Những hải giác, mũi đất, những địa đ ầu, chỏm đá, những đá ng ầm ti ền thạch đ ầu là, chúng ta cần nhấn mạnh đi ểm đó, những công trình kiến trúc thật sự. Cấu tạo địa chất không đáng kể so với cấu tạo của đại dương. Các bãi ng ầm, loại nhà ở của sóng trong nước, loại kim tự tháp và lăng vua của bọt biển, thuộc về một ngành nghệ thuật bí mật mà tác giả cuốn sách này đã

gọi ở đâu đó là Nghệ thuật của Thiên nhiên, và mang một phong cách cực đại. Ở đây yếu tố ngẫu nhiên như có ý. Những công trình kiến trúc này thật muôn hình muôn vẻ. Chúng có lối chằng chịt của quần san, có nét trang nghiêm của nhà thờ, có vẻ nhố nhăng của chùa miếu, có dáng hùng vĩ của núi non, có mặt tinh tế của hàng trang sức, có chất hải hùng của mộ địa. Chúng có những lỗ nhỏ như một tổ ong, những hang hốc như một chuồng thú, những góc ngách như một hang chuột, những hãm tối như một nhà tù, những chỗ mai phục như một đùn lũy. Chúng có cửa nhưng đều bị ngăn chặn, có cột nhưng bị cắt ngang, có tháp nhưng xiêu vẹo, có cầu nhưng gãy gục. Các buồng phòng của chúng thật tẻ tẻ; chỗ này chỉ dành cho chim chóc, chỗ kia chỉ để riêng cho cua cá. Không cho người qua. Bộ mặt kiến trúc của chúng biến hóa, rối rắm, xác nhận rồi lại bác bỏ tinh học, gãy gập rồi lại đứng sừng, bắt đầu bằng đường hồi văn, kết thúc bằng đầu cột, khối nọ chằng chịt khối kia; Encélade^[79] là anh thợ nề. Một động lực học kỳ lạ bày ra đầy những bài tính của nó, nó đã được giải đáp xong. Có những vòng cung rất dễ sợ nhưng lại không đổ. Người ta không hiểu nhờ đâu mà những công trình ngất ngầu ấy vẫn đứng vững. Chỗ nào cũng có những chi tiết xiên ngả, nhô ra, hồng lỗ, lừng lơ rất vô lý; quy luật của tình trạng hỗn loạn này thật khó hiểu. Tạo hóa, nhà kiến trúc vĩ đại, chẳng tính toán gì cả mà chỗ nào cũng thành công; các núi đá, xây dựng lung tung, tạo thành một công trình kỳ dị phi thường, không có chút logic nào cả, một thế cân bằng rộng lớn. Hơn cả vững chắc, đây là vĩnh cửu. Đồng thời lại là hỗn loạn. Tiếng rì rào của sóng nước dường như chuyền vào trong đá núi. Bãi ngấm là bão táp đã hóa thạch. Không gì xúc động tinh thần bằng cái công trình kiến trúc dữ tợn, luôn luôn sụp đổ, luôn luôn đứng thẳng ấy. Ở đây mọi thứ hỗ trợ cho nhau và đối lập nhau. Đây là một cuộc giao tranh về đường nét dẫn đến một lâu đài. Người ta nhận thấy ở đây sự cộng tác của

hai cuộc tranh chấp: đại dương và bão tố.

Nền kiến trúc này có những kiệt tác khủng khiếp của nó. Bãi ngầm Douvres là một trong số đó.

Kiệt tác này, biển cả đã xây dựng nó và hoàn thiện nó với một tình thương yêu vô hạn. Sóng nước cáu gát đã liếm láp cho nó. Nó xấu xí, phản trắc, tối tăm đầy hăm hở.

Nó có cả một hệ thống kiểu tĩnh mạch vèhang lỗ dưới biển, chia ra nhiều nhánh trong những tầng sâu không thể nào dò nổi. Trong cái đường hầm chằng chịt ấy có nhiều lỗ cạn khô khi nước triều xuống. Người ta có thể chui vào đấy. Bất chấp nguy hiểm.

Vì nhu cầu của việc trục vớt, Gilliatt buộc phải thăm dò tất cả những hang động ấy. Không một cái nào không rùng rợn. Trong các hầm sâu ấy, chỗ nào cũng lại thấy, với những kích tấc phóng đại của đại dương, cái cảnh tượng lò mổ và hàng thịt đã in dấu vết dị thường giữa quãng cách hai Hòn Douvres. Ai chưa từng thấy, trong những hang hầm loại ấy, trên bức thành hoa cương vĩnh cửu, những bức họa ghê rợn như thế của thiên nhiên, thì không thể có được ý niệm về chúng.

Những hang động dữ tợn ấy rất nham hiểm; không nên lần lửa ở những nơi ấy. Nước triều thường dâng ngập đến tận trần.

Ngao sò, cua cáy ở đấy rất nhiều.

Hang động ngồn ngang đá cuội, dòn thành đồng trong đáy vòm. Nhiều hòn nặng đến hơn một tấn. Chúng thuộc đủ mọi kích tấc và màu sắc; phần lớn có vẻ như nhuộm màu; một số phủ đầy ti tảo lún nhún và nhầy nhụa, giống hệt những con chuột chũi to xanh sục sạo trong núi.

Nhiều hầm sâu kết thúc đột ngột kiểu trên lò. Một số khác, mạch máu của một hệ thống giao thông bí mật, kéo dài trong núi thành những ngách đá ngoằn ngoèo, tối om. Đây là những con đường của vực thẳm. Những ngách đá ấy cứ thu dần lại mãi, người không thể chui lọt. Đốt bùi nhùi lên sẽ thấy trong ấy có những mảng tối mờ luôn luôn rỉ nước.

Có lần Gilliatt, sục sạo đánh liều chui vào một ngách núi như thế. Giờ thủy triều cũng thuận tiện. Hôm ấy là một ngày lặng gió và nắng ấm. Không phải lo ngại đến một chuyện bất ngờ của biển cả, có thể gây khó khăn cho việc mạo hiểm.

Như chúng tôi vừa nói, có hai đi đầu càn thúc đẩy Gilliatt vào những việc thăm dò như vậy; kiếm những vật vương vãi có ích cho việc trục vớt xác tàu, và tìm tôm cua làm cái ăn cho bản thân. Trai sò đã bắt đầu thiếu trong các Hòn Douvres.

Ngách núi đã thu hẹp và hầu như không thể chui lọt. Gilliatt trông thấy phía bên kia có chút ánh sáng. Anh cố gắng, len lách, thu người lại thật nhỏ, và chui vào thật sâu.

Anh không ngờ đã chui vào đúng phía trong quả núi mà Clubin đã thúc tàu Durande vào mỏm. Gilliatt đang đứng và không thể đến gần, lại rộng bên trong. Nó có những hành lang, những giếng sâu và những phòng ngăn ra như lăng mộ một quốc vương Ai Cập. Kiểu đục xói ấy là một loại phức tạp nhất của các thứ mê cung như vậy, nó là công trình của sóng nước, là sự phá phách ngấm ngầm của trùng dương không mệt mỏi. Các ngõ ngách của con đường ngầm dưới biển này có lẽ ăn thông với làn nước bao la bên ngoài bằng nhiều khe hở, một số rộng hoác ở ngang mực nước, một số giống hình phễu sâu. Chính Clubin đã nhảy xuống biển ngay cạnh chỗ ấy,

nhưng Gilliatt không biết.

Trong cái kẽ hang cá sấu này, nơi mà cá sấu đúng là không đáng sợ, Gilliatt cứ trườn bò, quanh co, vấp trán, cúi xuống, ngóc lên, hụt chân, rồi lại chạm đất, tiến lên hết sức vất vả. Dần dần con đường ống rộng ra, một ánh sáng lờ mờ xuất hiện, và thành lình Gilliatt bước vào một cái hang rất lạ lùng.

XII PHÍA TRONG CỦA MỘT TÒA LÂU ĐÀI DƯỚI BIỂN

Ánh sáng lờ mờ ấy đến vừa đúng lúc.

Chỉ một bước nữa là Gilliatt ngã xuống một cái hố có lẽ không đáy. Loại hầm này lạnh và tê cóng đột ngột đến mức nhiều khi những tay bơi lội giỏi nhất cũng nằm đấy luôn.

Vả lại, cũng không có cách nào ngoi lên và bám vào vách đá cheo leo bao quanh.

Gilliatt đứng sững lại. Cái kê đá anh vừa chui ra dẫn đến một chỗ nhỏ chật hẹp và nhầy nhụa. Một thứ bao lơn trên bức thành dựng đứng. Gilliatt tựa lưng vào bức thành và đưa mắt nhìn quanh.

Anh đang ở trong một cái hầm lớn. Trên đầu anh, nom như phía dưới một chiếc sọ người khổng lồ. Chiếc sọ có vẻ vừa mới được giải phẫu. Những đường gân lấp lánh của các vĩa núi trên mặt vòm phẳng theo những thớ thịt và những khớp răng cưa của một hộp sọ. Trần là đá, sàn là nước, sóng triền lặn tẩn, thu hẹp giữa bốn vách hang giống như những phiến đá rộng rung rinh. Hang kín tứ bề. Không cửa mái, không cửa hầm, không một

lỗ hổng nào quanh vách. Không một kẽ nứt nào trên vòm. Toàn bộ khung cảnh ấy được chiếu rọi từ phía dưới qua làn nước. Một thứ ánh sáng rực rỡ khó hiểu nào đó.

Suốt chặng đường tối tăm của hành lang, con người Gilliatt đã mở to, nên anh nhận thấy hết tất cả mọi thứ nằm trong cảnh tranh tối tranh sáng này.

Nhờ đã đến nhiều lần, anh biết rõ hầm Plémont ở Jersey, hầm Creux-Maillé ở Guernesey, hầm Cửa hàng ở Serk, gọi như thế vì bọn buôn lậu cất giấu hàng ở đấy, không một hầm nào có thể so sánh với cái phòng ngầm dưới đáy biển mà anh vừa đặt chân vào.

Trước mắt, dưới làn sóng, Gilliatt trông thấy một thứ vòm cầu chìm sâu trong đáy nước. Vòm cầu này, một hình cung nhọn thiên nhiên do sóng nước bào mài, sáng chói giữa hai chân trụ sâu và đen chính qua cái cổng tò vò chìm ngập này mà ánh sáng của triêu dâng lọt vào trong hang. Ánh sáng kỳ lạ do một vật chìm ngập phát ra.

Ánh sáng này tỏa rộng dưới làn nước lẫn tẩn như một cái quạt và phản chiếu lên vách núi. Các tia sáng thẳng của nó bị cắt thành những dải dài trên đáy hang mờ đục, tùy chỗ lồi lõm mà sáng ra hoặc tối lại, giống như những lớp kính chồng lên nhau. Hầm tuy có ánh sáng, nhưng một thứ ánh sáng khác lạ. Trong cái ánh này, không còn gì của thứ ánh sáng thông thường. Có thể tưởng như vừa bước vào một hành tinh xa lạ. Ánh sáng là một điều bí ẩn; hình như là ánh lam lục trong con người một nhân sư. Hầm này tượng trưng phía trong một cái đầu người chết rất to và lộng lẫy; vòm là sọ, cổng là mồm, thiếu các hố mắt. Cái mồm ấy, nuốt nước triêu lên và nhả nước triêu xuống, há hốc trước cảnh trời chính ngọ bên ngoài, uống

ánh sáng vào rồi lại mưa ra cay đắng. Có những con người, thông minh và ác độc, cũng giống hết như thế. Tia nắng mặt trời, xuyên qua cái cổng tò vò và bị một lớp nước biển dày đục bịt lại này, chuyển sang màu xanh như một tia sáng của sao Tất^[80]. Nước, chứa đựng thứ ánh sáng ướn át đó, giống như ngọc bích tan chảy. Toàn bộ hang động phơn phớt một sắc ngọc thạch vô chừng thanh nhã. Vòm hần với những mảng thùy gầ như thùy não và những đường nhánh ngoằn ngoèo giống như những đường gân tỏa rộng, có một ánh ngọc trắng xanh dịu mát. Các vân sóng, phản chiếu lên trần, tỏa ra rồi hợp lại không cùng, hết nơi rộng lại thắt hẹp các mắt lưới vàng với một động tác tung tăng huyền bí. Một cảm giác ma quái từ đây toát lên; tâm trí có thể tự hỏi con mồi nào, hay chờ đợi nào đã khiến cho tấm lưới lửa sống động huy hoàng kia vui mừng đến thế. Từ những chỗ lồi lõm của mái vòm, từ những chỗ nhấp nhô của núi đá, thông xuống những loại cỏ dài, nhỏ, có lẽ chúng tắm rễ qua lớp hoa cương vào một vũng nước nào đó ở phía trên, và giọt trước giọt sau, giọt xuống, ở cuối, một giọt nước, một hạt ngọc. Những hạt ngọc này rơi xuống vực sâu nghe nhè nhẹ, êm êm. Cảm xúc đột ngột trước toàn cảnh này thật là khó tả. Không thể tưởng tượng nổi một cảnh nào đẹp đẽ hơn, cũng không thể nhìn thấy một cảnh nào bi thảm hơn.

Đây là một thứ cung điện của Thần Chết, mãi nguyên.

XIII NHỮNG GÌ THẤY RÕ VÀ NHỮNG GÌ THẤP THOÁNG Ở ĐÂY

Một thứ bóng tối chói lòa; đây là cảm giác giữa chốn lạ lùng ấy. Người ta cảm thấy có tiếng thở hồi hộp của biển cả. Dao động bên ngoài làm

phồng lên, rồi ẩn xuống lớp nước trong hãm, đều đặn như một hơi thở. Tưởng như có một linh hồn bí mật dưới lớp hoành cách mô lớn màu xanh đang im lặng nâng lên hạ xuống.

Làn nước trong suốt một cách huyền diệu; ở tầng sâu khác nhau, Gilliatt nhận thấy có những chỗ đứng ngập nước, những mặt đá nhô lên màu xanh lục thẫm dần. Một số chỗ trũng tối om chắc hẳn không sao dò đến được.

Hai bên cái cổng tò vò nằm dưới nước, có những tác phẩm hình vòng cung rất thấp, tối mò, chứng tỏ đây là những hàm ếch nhỏ, nằm ở hai bên hãm chính, có lẽ chui vào được triều thật thấp.

Những chỗ lồi lõm ấy, đều có trần nghiêng nhiều hay ít. Một số bãi con con, rộng độ dưới một mét, nằm trơ ra do nước biển đào xói, ẩn sâu xuống và biến mất dưới chiều nghiêng ấy.

Đây đó những tấm cỏ dài độ hai mét, dập dờn dưới nước như một mái tóc phát phơ trước gió. Thấp thoáng có những rừng rong biển.

Dưới nước và trên mặt nước, toàn bộ bức thành hãm, từ trên xuống dưới, từ vòm trần đến tận chỗ bị xóa nhòa trong chốn vô hình, đều phủ kín bởi những thứ cỏ hoa kỳ diệu ấy của đại dương, mắt người rất ít khi nhìn thấy, mà các nhà hàng hải già Tây Ban Nha gọi là *prederias del mar*. Một loại rêu khỏe, mang tất cả những sắc thái của cây ôliu, che kín và khoét rộng những mụn nhọt của lớp hoa cương. Từ các chỗ nhô nghiêng tuôn ra những dải rong mỏng uốn hình hoa mà ngư dân xem như một thứ phong vũ kế. Ngọn gió tối tăm trong hang không ngừng đu đưa những sợi dây lấp lánh ấy.

Dưới lớp cây cỏ đó, ẩn hiện các thứ trang sức hiếm có nhất trong kho

nữ trang của đại dương, những ốc ngà, ốc phượng hoàng, ốc mũ giám mục, sứa biển nóng, ốc đỏ tía, ốc tù và, ốc đà điều, ốc tiền mang, ốc nhà lâu. Những cái chuông của ốc trong, tựa như những cái chòi con tí, bạ chỗ nào của núi đá cũng bám chặt và tập hợp lại thành làng trong các con đường có những loại oscabrions, bọt hung của sóng nước, lầy mò. Đá cuội khó khăn lắm mới vào được trong động này, vì sò ốc ẩn náu ở đấy. Sò ốc là cánh đại quý tộc, toàn quần gấm áo thêu, không ưa đụng chạm với lũ tiện dân cuội đá, thô kệch và khiếm nhã. Cảnh sò ốc chằng đống lấp lánh, khiến cho sóng nước đôi chỗ có những phát quang không thể tả hết, qua đó thấp thoáng một mớ hỗn độn màu thiên thanh, màu xà cừ, và những màu vàng đủ mọi sắc độ của nước.

Ở vách hẻm, trên mực nước triều một tí, một loại cây rất đẹp và hiếm có bám vào bức thảm rong như một đường viền, nổi dài và kết thúc cho bức thảm. Loại cây này, có sợi, rậm rạp, gấp khúc chằng chịt và gầy như màu đen, tạo thành những lớp bong bong rộng và tối om, chỗ nào cũng điểm rất nhiều bông hoa nhỏ màu bích ngọc. Trong nước các bông hoa này như bừng sáng, và nom như những hòn than xanh. Ngoài nước là hoa, dưới nước là lam ngọc; thành thử sóng nước, trong khi dâng cao và tràn ngập móng hẻm có những loại cây ấy che, lại phủ hừng ngọc lên núi đá.

Mỗi lần sóng căng phồng lên như một lá phổi, những bông hoa chìm ngập ấy lại rực sáng; mỗi lần sóng hạ xuống chúng lại tắt đi; một điểm tương tự buồn bã với số phận con người. Hít vào là cuộc sống, thở ra là cảnh chết.

Một trong những kỳ quan của cái hang này là vách núi. Ở đây, vách núi, lúc là tường thành, lúc là vòng cung, lúc là mũi tàu hoặc trụ tường, có những chỗ thô sơ trần trụi, nhưng ngay cạnh đó lại được gọt dũa với những

nét chạm trở tự nhiên hết sức tinh vi. Có một cái gì đó rất tài trí xen vào dáng vẻ đần độn cục mịch của hoa cương. Vực thẩm thật là một nghệ sĩ tài hoa! Bức tường kia, bị cắt ngang và đây những bườu tròn có dáng điệu, tượng trưng mô hình một bức tượng nổi; đứng trước bức tường có mây này người ta có thể mơ màng nghĩ đến Prométhée phác họa cho Michel-Ange. Hình như với vài nhát búa là thiên tài có thể hoàn thành cái mà tên khổng lồ đã bắt đầu. Ở những chỗ khác vách đá lại là sắt thép khảm kim tuyến như một cái khiên Hồi giáo hoặc khảm men huyền như một thủy bàn Florentine. Nó có những tấm đỡ có vẻ như bằng đồng Corinthe, những bức hội văn như công đền Hồi giáo, rỗng, như một tảng đá viết chữ cổ Nhật Nhĩ Man, những vết móng tay khó hiểu và không chắc. Nhiều loại cây có nhánh cong queo rất nhỏ và có tay cuốn, giao nhau trên những lớp rêu vàng, phủ lên khối đá những hình chìm. Hang động này phức tạp vì có thêm một ngôi đền Alhambra^[81]. Đây là sự gặp gỡ giữa man rợ và nghệ kim hoàn trong nền kiến trúc tôn nghiêm và dị hình của ngẫu nhiên.

Những lớp rêu huy hoàng của biển cả phủ nhưng lên các góc đá hoa cương. Các chỗ hiểm trở đều được trang hoàng bởi những loại cây leo hoa to, khéo léo không dễ rơi xuống, và dường như thông minh vì chúng trang trí rất đẹp. Những cây cỏ có bông leo kết thành bó lạ phô mình rất đúng chỗ và rất nhã. Tất cả vẻ duyên dáng có thể có được một hang động đều ở đây. Cái ánh sáng địa đàng kỳ lạ từ dưới nước hắt lên, vừa là ánh sáng chập chờn của biển cả vừa là tia sáng thiên đường, làm dịu bớt tất cả mọi đường nét trong một cảnh phân tán hư hư thực thực. Mỗi ngọn sóng là một lăng kính. Đường viền của mọi vật, dưới những gợn sóng ngũ sắc ấy, tạo màu như những thấu kính quang học lỗi quá; những quang phổ mặt trời đập dòn dưới nước. Trước mắt, qua cảnh mờ đục bình minh, như có những

đoạn cầu vồng chìm ngập dưới nước. Ở chỗ khác, ở những góc khác, trong nước, như có cảnh trời trăng. Tất cả mọi nét huy hoàng dường như kết hợp lại ở đây với nhau để làm nên một cái gì mờ mịt và có màu sắc ban đêm. Không gì mê hồn và bí hiểm bằng vẻ trắng lệt đó trong cái hãm này. Điểm ngự trị ở đây là không khí mê hoặc. Cây cỏ kỳ quái và cách sắp xếp không ra hình nhất định, ăn ý với nhau và toát lên một nét hài hòa. Sự phân phối này của những vật hoang dại thật là khéo léo. Bao nhiêu cành nhánh bám chắc mà vẫn có vẻ như mỏng manh. Sự vuốt ve của vách đá man rợ và của hoa lạ thật là sâu sắc. Những trụ đá đờ đẫn với đầu cột và dây buộc là những tràng hoa mảnh dẻ lúc nào cũng run rẩy, khiến người ta nghĩ đến những ngón tay tiên mỏng trớn bàn chân Béhémoth^[82], núi đá đỡ cây, cây ôm níu với vẻ yêu kiều quái gở.

Những thứ dị dạng ấy huy hoàng bí ẩn gắn bó với nhau tạo thành một cảnh đẹp tuyệt vời. Công trình của thiên nhiên, không kém phần ưu việt so với những công trình của thiên tài, chứa đựng tính tuyệt đối, và buộc ta phải thán phục. Mặt bất ngờ của chúng đòi hỏi trí óc phải nghe theo; người ta cảm thấy trong đó có một sự dụng tâm bên ngoài con người, và những công trình thiên nhiên chỉ kích thích nhất khi nào chúng làm cho cái tuyệt diệu đột nhiên toát ra từ khía cạnh khủng khiếp.

Có thể nói là cái hang động không ai biết đến đó mang tính chất vũ trụ, nếu từ ngữ này có thể chấp nhận được. Ở đây người ta gặp những mặt bất ngờ nhất của kinh ngạc. Tràn ngập trong cái mộ thánh này là một thứ ánh sáng huy hoàng bí. Điêu đó người ta không dám khẳng định. Trước mắt là một thực tế nhuộm màu phi lý. Nhìn thấy nó, sờ được nó, đứng ngay giữa lòng nó, thế mà lại rất khó tin vào đấy.

Có đúng là ánh trời đang lọt qua cái cửa sổ dưới biển cả kia không? Có

đúng là nước đang lung linh trong cái chậu tối đen kia không? Phải chăng những vòm cung và những cổng tò vò kia là những lớp mây trời mô phỏng một dạng hang động? Dưới chân là thứ đá gì đây? Liệu cái cột chống này có sắp tan rã và trở thành mây khói không?

Lớp châu báu sò hến thấp thoáng kia là cái gì? Người ta đang ở cách xa cuộc sống, cách xa quả đất, cách xa con người bao nhiêu? Cảm xúc chưa từng có gợn như thiêng liêng, cộng thêm nỗi lo âu dịu dàng của cỏ cây dưới đáy nước.

Ở cuối căn hầm hình bầu dục, dưới một đường hầm vẫn không lộ đặc biệt đúng qui cách, trong một chỗ trống gợn như không rõ, một thứ hốc trong hang, một thứ tử đựng mình thánh trong chính diện, phía sau một lớp ánh sáng xanh ngăn cách như một bức màn thờ, người ta nhận thấy nhô ra ngoài mặt nước một tảng đá vuông vắn như bàn thờ. Nước bao quanh bốn bề tảng đá. Hình như có một nàng tiên vừa từ đó bước xuống. Dưới cái mộ thánh này, trên cái bàn thờ này, người ta không thể nào không mơ màng đến hình ảnh một nàng tiên không xiêm áo, vĩnh viễn trầm tư, mà việc xuất hiện của một người đàn ông làm biến mất. Thật khó quan niệm căn phòng nhỏ hẹp uy nghiêm này lại không chứa đựng một ảo ảnh gì hết; bóng tiên, do mơ màng khơi gợi, tự phục hồi lại; một suối trắng trinh bạch trên đôi vai thấp thoáng, một vầng trán tím ánh lê minh, một khuôn mặt trái xoan của thần thánh, đôi vú tròn trĩnh huyền bí, những cánh tay thẹn thùng, một làn tóc xõa trong cảnh bình minh, đôi hông rất khó tả mờ tạc trong lớp mù thiêng, những dáng hình thần tiên, một vẻ nhìn trinh nữ, một Vệ nữ từ biển cả bước ra, một Eve từ hỗn mang xuất hiện, đây là giấc mơ không thể không có được. Thật vô lý nếu ở đây không có một hồn ma. Rất có thể vừa mới đây, một người đàn bà trầm tư, mang trong mình một vì sao, đã

đứng trên bàn thờ kia. Trên cái bệ tỏa lên một cảm giác ngây ngất khó tả ấy, người ta tưởng tượng ra một bóng dáng trắng ngần, sinh động và đứng thẳng. Trong niềm thán phục thẫn thờ trước hang động này, trí óc hình dung ra một Amphitrite, một Téthys, một Diane^[83] nào đó cũng có thể yêu đương, bức tượng của lý tưởng tạo bằng một tia sáng và dịu dàng đứng nhìn bóng tối. Chính bức tượng ấy, lúc ra đi, đã để lại trong hang chút ánh sáng mờ ảo này, thứ hương thơm ánh sáng tỏa ra từ cái thân hình tinh tú kia. Ánh chói lòa của bóng ma không còn đây nữa; gương mặt ấy chỉ tạo ra cho vô hình nhìn ngấm, người ta không trông thấy, nhưng người ta cảm thấy nó; người ta có cái cảm giác run run như một khoái cảm. Nàng tiên vắng bóng, nhưng không khí thần tiên vẫn còn phảng phất đâu đây.

Cảnh đẹp hang động dường như được tạo ra cho sự có mặt ấy. Chính vì thần thánh ấy, vì nàng tiên xà cừ ấy, vị nữ hoàng của gió muôn phương ấy, vì vẻ đẹp phát sinh từ sóng nước ấy, chính vì nó, hay ít ra đây là đi đâu người ta hình dung nên, mà hần nghìn được xây bịt một cách thành kính, để cho xung quanh con ma thần thánh này, không bao giờ có một cái gì có thể làm xáo động bóng tối, biểu hiện của tôn kính, và im lặng, biểu hiện của uy nghiêm.

Gilliatt, vốn là loại người tiên minh của thiên nhiên, trầm ngâm, cảm động một cách mơ hồ.

Thình lình, dưới chân anh độ sáu mươi phân, trong làn nước trong suốt yêu kiều, như ngọc quý hòa tan, anh trông thấy một vật gì rất khó tả. Một thứ giẻ rách dài, đung đưa trong sóng nước lăn tăn xao động. Mảnh giẻ ấy không lênh bênh, nó đang lướt trôi; nó có một mục đích, nó đang định đi đâu đấy, rất nhanh. Cái vật tả tơi ấy giống đâu một thằng hề với những mũi nhọn; những mũi nhọn này, mềm nhũn, đang uốn lượn, dường như nó

được phủ bằng một lớp bụi không ướt. Không phải nó chỉ rùng rợn, nó còn bản thủ. Cái của ấy mang nặng tính chất quái vật; đây là một sinh vật, nếu không phải là vẻ bề ngoài của sinh vật. Dường như nó đang đi về phía góc tối của căn hầm, và chui tọt vào đấy. Trên mình nó, những lớp nước dày sẫm lại. Bóng dáng ấy trườn đi, biến mất, nham hiểm.

QUYÊN HAI

LAO KHỔ

I

NHỮNG PHƯƠNG TIỆN CỦA CON NGƯỜI THIẾU THỐN ĐỦ THỨ

Căn hần đó không buông tha con người một cách dễ dàng. Lối vào đã không tiện, lối ra lại càng tắc nghẽn hơn. Tuy vậy Gilliatt cũng vẫn thoát ra được, nhưng anh không quay lại đấy nữa. Anh không tìm được những thứ định tìm, và anh cũng chẳng có thì giờ đâu mà tò mò.

Anh lập tức cho lò rèn hoạt động. Thiếu dụng cụ anh tạo ra dụng cụ.

Về nhiên liệu anh có cái xác tàu, về động cơ có nước, về bề có gió, về đe có một tảng đá, về nghệ thuật có bản năng, về sức mạnh có ý chí.

Gilliatt hăng hái bắt tay vào công việc tối tăm ấy.

Dường như trời cũng chiều người. Thời tiết tiếp tục khô ráo và tiết cân phân hết sức lý tưởng. Tháng ba đã đến một cách bình thản. Ngày bắt đầu dài. Màu xanh của bầu trời, cảnh dịu dàng bao la của mọi chuyển động trong không trung, cảnh trời trưa thanh tĩnh, dường như loại trừ mọi ác ý. Biển cả mừng đón mặt trời. Một cử chỉ vuốt ve mở đầu càng tăng thêm ý vị cho những hành vi phản trắc. Kiểu vuốt ve ấy, biển cả không bao giờ bủn xỉn. Gặp người đàn bà ấy, cần phải cảnh giác với nụ cười.

Trời ít gió, ống bễ chạy bằng nước nhờ thế càng hoạt động tốt. Gió nhiều có thể gây trở ngại nhiều hơn là giúp ích.

Gilliatt có một cái cưa; anh làm thêm một cái dũa; với cái cưa anh tấn công vào gỗ; với cái dũa anh tấn công vào kim loại; rồi anh thêm vào hai

bàn tay thợ rèn, một cái kìm và một cái kẹp; kìm để nắm, kẹp để xoay trở; cái hoạt động như cổ tay, cái kia như ngón tay. Dụng cụ là một cơ thể. Dần dần Gilliatt tự tạo ra người giúp việc, và làm lấy xương thợ. Với một mảnh sắt mỏng, anh làm thêm mái che cho cái bếp lò.

Một trong những lo lắng chính của anh là lựa chọn và chữa lại puli. Anh sửa sang lại các hòm gỗ và các bánh quay của róc rách. Anh cura đứt phần bị tước ra của tất cả các sà gãy, và cắt gọt lại các đầu sà. Như chúng tôi đã nói, để dùng vào các việc cần thiết trong nghề mộc, anh có vô khối thứ lật vật đã bỏ kho và sắp xếp theo hình dáng, kích tấc và loại gỗ, gỗ sến một bên, gỗ thông một bên, những thanh cong, như loại để ghép đáy, để riêng, các thanh thẳng như loại để ốp sườn, để riêng. Đây là số dự trữ của anh về hòn kê và đòn bẩy mà một lúc nào đấy anh có thể rất cần đến.

Ai nghĩ đến máy trục đờnặng cũng phải chuẩn bị sà gỗ và róc rách; như thế vẫn chưa đủ, cần phải có thêm dây. Gilliatt sửa sang lại dây cáp và thùng ba tao. Anh căng thẳng các mảnh buồm rách và rút ra được loại sợi to để làm dây; với loại dây này anh xe đánh các loại thùng. Có đi đâu các đầu nối dễ bị mục, nên anh phải vội sử dụng số dây và số cáp ấy ngay. Gilliatt chỉ có thể làm được thùng mộc vì anh thiếu nhựa đường.

Nối thùng xong, anh chuyển sang nối xích sắt.

Nhờ cái đầu nhọn của tảng đá đe, thay cho đầu sừng hình chóp, anh có thể rèn được những vòng sắt thô, nhưng chắc chắn. Với những vòng sắt ấy, anh nối các đoạn xích đứt vào nhau, và làm thành những đoạn dài.

Rèn một mình và không có phụ là đi đâu quá ư vất vả. Tuy vậy anh vẫn làm được. Đúng là anh chỉ rèn những chi tiết nhỏ; anh có thể dùng một tay xoay trở chúng bằng cái kẹp trong lúc tay kia nện búa.

Anh chặt những thanh sắt tròn ở cầu boong chỉ huy thành ngắn, rên hai đầu của mỗi đoạn thành một đầu nhọn, một đầu bằng, thế là được những cái đinh dài quãng hơn ba mươi phân. Loại đinh này, rất thông dụng trong ngành cầu đường, dùng để đóng vào núi đá rất tốt.

Tại sao Gilliatt lại bỏ nhiều công sức thế? Rồi ta sẽ rõ.

Anh phải sửa lại nhiều lần lưỡi búa và răng cưa.

Để sửa cưa, anh phải chế tạo một cái đục hình cung gãy.

Có lúc anh phải dùng đến máy trục của tàu Durande. Móc xích gãy, Gilliatt làm lại cái khác.

Với cái kẹp, cái kìm, và dùng cái đục làm lưỡi vặn vít, anh quyết định tháo hai bánh xe của chiếc tàu ra và anh đã thành công. Người ta không quên rằng việc tháo gỡ này có thể làm được; đây là một đặc điểm trong lối chế tạo loại bánh xe này. Bộ trống phủ ngoài, bao bọc hai bánh xe; với số ván trống, Gilliatt cưa đóng hai cái thùng, trong đó anh xếp từng chi tiết một, hai bánh xe được đánh số cẩn thận. Hòn phấn của anh rất quý trong việc đánh số này.

Anh xếp hai cái thùng này lên chỗ vững chắc nhất của boong tàu Durande.

Xong những việc mở đầu ấy, Gilliatt đứng trước khó khăn lớn nhất. Vấn đề cỗ máy được đặt ra.

Tháo gỡ bánh xe thì có thể làm được, nhưng tháo gỡ cỗ máy thì không.

Trước hết, Gilliatt rất mù mờ về bộ máy này. Trong lúc mò mẫm, anh có thể gây cho nó một vết thương không hàn gắn nổi. Tiếp đó, dù là tháo thử ra từng mảnh, nếu anh có cái đại đột ấy, cũng phải cần những dụng cụ

khác những thứ có thể chế tạo trong một cái hang thay cho lò rèn, với một ngọn gió lò thay cho bể thổi, và một tảng đá thay cho đe thép. Mạo hiểm tháo gỡ cỗ máy, người ta dễ xả tung nó ra thành từng mảnh lăm.

Ở đây có thể tin rằng trước mắt là việc không làm nổi.

Hình như Gilliatt đang bị d ãn đến chân bức tường nan giải.

Làm thế nào đây?

II

SHAKESPEARE CÓ THỂ GẶP ESCHYLE^[84] NHƯ THẾ NÀO

Gilliatt có ý kiến riêng của anh.

Từ ngày người thợ nề kiêm thợ mộc Salbris, ở thế kỷ thứ mười sáu, vào thuở ấu trĩ của khoa học, trước rất nhiều cái ngày Amontons tìm ra định luật ma sát đầu tiên, Lahire tìm ra định luật thứ hai và Coulomb tìm ra định luật thứ ba, không ai khuyên, không ai giúp, không có người phụ nào khác một em bé là con ông, với một số dụng cụ không hoàn chỉnh, giải xong cùng một lúc, trong việc hạ “cái đ ãng h ò đạì” của nhà thờ Charité-sur-Loire, năm sáu bài tính v ãnh học và động lực học lẫn lộn, cũng như những bánh xe trong một trường hợp xe bò ứ tắc và gây trở ngại; từ việc vận hành phi lí và tuyệt vời này, tìm được cách, không để đứt một sợi dây đ ãng, không làm sứt mẻ một bánh răng xe, thả trượt toàn bộ, bằng một phương pháp đơn giản kỳ diệu, từ tầng hai gác chuông xuống tầng một, cái l ãng thời gian đ ò sộ, toàn bằng sắt và đ ãng, “to như bu ãng người gác đêm” với cả bộ máy của nó, những ống đ ãng hộp cốt, bộ trống, bộ móc, bộ cân, vành trong, vành ngoài, quả lắc ngang, bộ neo thoát, các cuộn xích to,

xích nhỏ, những quả tạ đá có quả nặng tới hai trăm năm mươi cân, với bộ chuông, bộ nhạc, bộ hình nhân đánh chuông; từ con người làm nên kỳ tích ấy, mà ngày nay không còn ai biết đến tên tuổi, chưa bao giờ có một việc gì được quyết định tương tự như việc Gilliatt đang nghi ãn ngẫm.

Việc Gilliatt đang mơ tưởng có lẽ còn ghê hơn, nghĩa là còn đẹp ã hơn.

So với chiếc ãng h ã Charité-sur-Loire, các khó khăn của cỗ máy tàu Durande cũng không kém nặng nề, tinh vi và chằng chịt.

Người thợ mộc xưa kia có một người giúp việc là ãra con trai, còn Gilliatt chỉ có một mình.

Cả một số ãng dân chúng có mặt ở ãy, từ Meung-sur-Loire, từ Nevers, cả từ Orléans kéo ãn, lúc c ãn, có thể giúp ãỡ người thợ mộc Salbris, và ãng viên ãng bằng tiếng hò reo hào hiệp; còn Gilliatt xung quanh chỉ có gió trời và sóng biển làm qu ãn chúng.

Không gì có thể so sánh với sự rụt rè của ãốt nát, ngoài sự li ãu lĩnh của nó. Khi ãốt nát ãm quyết, tức là nó ãã có trong tay một chiếc la bàn. Chiếc la bàn ãy là trực giác về sự thật trong một ãầu óc giản dị ãôi khi nó lại làm sáng sửa hơn trong một ãầu óc phức tạp.

Ngu ãốt thường hay thử thách. Ngu ãốt là một trạng thái mơ mộng, và mơ mộng tò mò là một sức mạnh. Hiãu biết, ãôi khi làm sai lệch và thường thường chỉ khuyãn lùi bước. Gama, thông thái, có thể ãã lùi bước trước mũi bão táp. Nếu Christophe Colomb là nhà vũ trụ tài giỏi, hãn ãng ãã không tìm ra châu Mỹ.

Nếu Galvani thực sự là nhà thông thái, và biết thế nào là phản ứng, thì việc con ãch giãy chết hãn ãã không gọi sự tò mò của ãng, và ãng ãã

không tìm ra toàn bộ những quy luật kỳ diệu được đặt tên là lưu điện học.

Người thứ hai trèo lên ngọn Bạch Sơn là một nhà thông thái, Saussure; người thứ nhất là một anh chăn bò, Balmat.

Những trường hợp như thế, nói qua mà nghe thôi, đều là ngoại lệ, và tất cả đi đều này chẳng loại bỏ gì của khoa học vốn vẫn là quy tắc. Người ngu dốt có thể tìm ra, chỉ nhà thông thái mới phát minh.

Chiếc thuyền bèo vẫn neo trong vũng Thằng Người, nơi mà biển cả để mặc cho nó nằm yên. Như ta còn nhớ, Gilliatt đã thu xếp tất cả để được tự do tới lui chỗ chiếc thuyền. Anh đến đấy, và đo đạc thật cẩn thận lòng thuyền ở nhiều chỗ, đặc biệt ở chỗ trục chính. Đoạn anh quay lại tàu Durande, và đo đường kính lớn của sà máy. Đường kính này, tất nhiên không bao gồm hai bánh xe, còn nhỏ hơn chỗ rộng nhất của lòng thuyền bèo đến hơn sáu mươi phân. Như vậy là cỗ máy có thể đặt gọn trong lòng thuyền.

Nhưng làm thế nào để đặt nó vào đấy?

III

KIỆT TÁC CỦA GILLIATT ĐẾN CỨU KIỆT TÁC CỦA LETHIERRY

Sau đấy ít lâu, nếu một ngư dân nào điên dại tha thân mùa này trong những vùng nói trên, ắt hẳn anh ta đã nhờ sự liêu lĩnh của mình mà được nhìn thấy giữa hai Hòn Douvres một việc rất kỳ lạ.

Đây là những gì anh ta có thể nhìn thấy; bốn phiến gỗ thông thật to, để cách đều nhau, bắc từ Hòn Douvres này sang Hòn Douvres kia; và như lèn chặt vào giữa hai quả núi, đấy là cái thế vững chắc nhất. Phía Hòn Douvres

Nhỏ, các đầu gỗ được thúc mạnh vào các chỗ núi mấp mô; phía Hòn Douvres Lớn, các đầu gỗ hẳn đã được đóng mạnh vào vách núi cheo leo bằng búa bởi một công nhân khỏe đứng ngay trên phiến gỗ mà anh ta đóng. Máy phiến gỗ thông này hơi dài hơn quãng cách giữa hai hòn núi một tí, nhờ vậy chúng nằm rất vững; và cũng nhờ vậy mà tạo được mặt dốc. Chúng chạm vào Hòn Douvres Lớn theo góc nhọn và vào Hòn Douvres Nhỏ theo góc tù. Chúng hơi dốc nhưng không đầu, đây là một khuyết điểm. Ngoài khuyết điểm ấy ra, có lẽ người ta đã sắp đặt chúng để đón đỡ một mặt cầu. Buộc vào bốn phiến gỗ này có bốn palăng, cái nào cũng có thùng và dây kéo; điểm tảo bạo và lạ lùng là bộ róc rách có hai bánh quay lại ở một đầu phiến gỗ, còn cái puli đơn lại ở đầu bên kia. Quãng cách này lớn quá, nên không thể không nguy hiểm, có lẽ do nhu cầu công việc buộc phải thế. Róc rách rất khỏe và puli rất chắc. Liên vào bộ palăng ấy là những sợi cáp nhìn xa như những sợi chỉ, và bên dưới bộ máy trên không toàn róc rách và khung gỗ ấy, cái xác tàu Durande đờ đờ nom như treo lơ lửng bằng những sợi chỉ kia.

Nói treo lơ lửng thì chưa đúng. Vuông góc dưới mấy phiến gỗ, có tám lỗ đục vào boong tàu, bốn lỗ bên trái, bốn lỗ bên phải cỡ máy, và tám lỗ khác dưới tám lỗ trên, đục vào bụng tàu. Những sợi dây cáp từ bốn bộ ròng rọc thông thẳng xuống, chui vào boong tàu, rồi từ bụng tàu chui ra theo các lỗ bên mạn phải, luồn xuống dưới đáy tàu và dưới cỡ máy, rồi lại chui vào tàu theo các lỗ bên trái, sau đó lại đi lên, lại chui qua boong, lại trở về quần vào bốn cái puli trên các phiến gỗ, tại đây một thứ câu chum tóm gọn tất cả lại thành một xâu kết liên với một sợi cáp duy nhất có thể đi đâu khiển bằng một tay. Một cái móc và một khung gỗ tròn có lỗ ở giữa để sợi cáp duy nhất chui qua vào tháo ra, hoàn thành bộ máy và nếu cần hãm máy lại.

Phương pháp này bắt bốn palăng phải hoạt động cùng một lúc, là bộ phanh thực sự của các lực treo, là tay lái động lực dưới bàn tay người đi đầu khiến công việc, nó giữ cho việc chuyển vận được thăng bằng. Việc lắp đặt rất tài tình cái câu chìm này có một số ưu điểm đơn giản của puli Weston ngày nay, và của cái máy Vitruve cổ xưa. Gilliatt đã nghĩ ra nó, mặc dầu anh không biết Vitruve lúc ấy không còn, mà cũng không biết Weston lúc ấy chưa sinh ra. Chiều dài các sợi dây cáp tùy theo chiều nghiêng không đều của các phiến gỗ, và bố khuyết cho sự chênh lệch ấy. Các sợi dây rất nguy hiểm, dây mộc có thể đứt, giá dùng xích sắt thì tốt hơn, nhưng xích sắt lại khó quấn vào palăng.

Toàn bộ có nhiều nhược điểm, nhưng do có mỗi một người làm, nên rất đáng ngạc nhiên.

Vả lại chúng tôi cũng giải thích một cách ngắn gọn. Người ta sẽ hiểu là chúng tôi đã bỏ đi rất nhiều chi tiết giúp cho người trong nghề hiểu rõ công việc và làm cho người khác thêm khó hiểu.

Đầu ống khói của cỗ máy nằm đúng vào chỗ quãng cách hai phiến gỗ giữa.

Gilliatt không ngờ mình đã vô tình ăn cắp mẫu của một người không quen biết, đã làm lại, sau ba thế kỷ, bộ máy của người thợ mộc Salbris, một bộ máy thô sơ không đúng qui cách, đáng sợ cho ai dám vận hành nó.

Ở đây, chúng ta cần nói là cả những khuyết điểm thô sơ nhất cũng không ngăn cản một cỗ máy hoạt động tạm. Nó khập khiễng nhưng nó vẫn đi. Cái tháp vuông nhọn tại quảng trường Saint-Pierre ở La Mã đã được xây dựng trái với các qui tắc tĩnh học. Cỗ xe song mã của Sa hoàng Pierre được đóng thế nào mà tưởng như nó vừa chạy vừa sắp đổ; vậy mà nó vẫn

lăn bánh. Trong bộ máy Marly có biết bao nhiêu chỗ kì quái! Tất cả mọi thứ ở đây đều không đúng quy cách. Không vì thế mà nó không cho Louis XIV ăn tiêu phung phí.

Dù sao đi nữa Gilliatt cũng rất tin tưởng. Anh còn đi trước cả thành công đến mức bắt vào mạn thuyền bâu, hôm anh đến đây, hai cặp vòng sắt đối diện ở hai bên thuyền, cùng cách nhau như bốn cái vòng của tàu Durande, nơi mà bốn sợi xích ống khói được bắt vào.

Tất nhiên Gilliatt có một kế hoạch rất đầy đủ và rất vững vàng. Vì mọi khả năng đều chống lại anh, nên về phía mình anh muốn đề phòng thật chu đáo.

Anh làm những việc tưởng như vô ích, dấu hiệu của một tính toán trước rất cẩn thận.

Cách anh làm, như chúng tôi đã nhận xét, có thể khiến cho một người quan sát dù có thành thạo cũng phải bối rối.

Giá có một người chứng kiến công việc anh làm, chẳng hạn được thấy anh, với những nỗ lực phi thường và có thể rất nguy hiểm, dùng búa đóng tám hay mười cái đinh đại do anh rèn vào móng hai Hòn Douvres, ở lối vào đường hẻm bãi ngầm, hẳn người ấy không thể nào hiểu nổi công dụng của những cái đinh ấy, và phải tự hỏi cần gì phải vất vả như thế.

Nếu sau đó lại được thấy Gilliatt đo cái mảng vách trước, ta còn nhớ, vẫn gắn chắc chắn vào xác tàu, đoạn buộc một sợi dây thừng to vào mép trên chi tiết này, dùng rìu chặt những thanh sà nứt toác vẫn giữ lấy nó, rồi kéo nó ra khỏi hẻm núi, dựa vào sức nước triều xuống đẩy phía dưới trong khi Gilliatt kéo phía trên, cuối cùng, với đoạn thừng trên vất vả lắm mới buộc được tám vách nặng vừa ván vừa gỗ ấy, rộng hơn cả lối vào hẻm núi,

vào những cái đỉnh đóng ở chân Hòn Douvres Nhỏ, có lẽ người quan sát càng thấy khó hiểu hơn, và nghĩ bụng nếu Gilliatt muốn, để công việc được dễ dàng, dọn quang cái ngõ hẹp giữa các Hòn Douvres cho hết những vật cồng kềnh kia, thì cứ để mặc nó rơi xuống nước, thủy triều khắc cuốn phăng nó đi.

Chắc hẳn Gilliatt cũng có những lý do của anh.

Để đóng đỉnh vào chân các Hòn Douvres, Gilliatt lợi dụng tất cả các kẽ nứt của núi đá, cần thì anh khoét rộng thêm, và trước tiên đóng các nêm gỗ, sau đó mới đóng đỉnh sắt vào nêm. Anh cũng chuẩn bị sơ bộ như thế vào hai tảng đá đứng ở bên kia ngõ hẻm của bãi ngậm, về phía đông; anh cắm nêm gỗ vào tất cả các kẽ nứt, như muốn bắt chúng phải sẵn sàng đón nhận đỉnh sắt; nhưng việc ấy có vẻ chỉ để dự phòng, vì anh không đóng đỉnh vào đấy. Người ta hiểu rằng, để phòng thiếu hụt, anh chỉ có thể tiêu dùng vật liệu dần dần, vào lúc thật cần thiết. Đây là một điều phức tạp thêm vào bao nhiêu khó khăn khác.

Công việc đầu tiên hoàn thành, một công việc thứ hai xuất hiện. Không do dự, Gilliatt chuyển từ việc nọ sang việc kia và cương quyết bước cái bước không lờn này.

IV SUB RE^[85]

Con người làm những việc trên đây lúc này nom thật khiếp. Trong lao khổ nghìn mặt này, Gilliatt đã tiêu phí hết mọi sức lực của mình cùng một lúc; anh khó lòng hồi phục được chúng.

Một mặt mệt nhọc, một mặt ăn uống thiếu thốn, anh gầy rộc hẳn đi. Tóc tai râu ria tua tũ. Chỉ còn mỗi chiếc sơ mi là không tả tơi. Anh phải đi chân đất, gió đã cướp mất của anh một chiếc giày, và biển cướp nốt chiếc kia. Những mảnh vỡ của cái đe thô sơ, và rất nguy hiểm, mà anh đang sử dụng, đã gây cho anh những thương tích nhỏ, ở bàn tay và cánh tay, đây là những mảnh bắn ra lúc làm việc. Những thương tích này, phải gọi là vết xước hơn là vết thương, chỉ ở ngoài da, nhưng rất xót vì gió rét và nước mặn.

Anh vừa đói, vừa khát, vừa rét.

Bi-đông nước ngọt của anh rỗng không. Chỗ bột lúa mạch đã dùng hoặc ăn hết. Anh chỉ còn một ít bánh quy.

Anh phải dùng răng cắn bánh quy vì thiếu nước để chấm cho mềm.

Càng ngày sức khỏe anh càng sút kém dần.

Quả núi đáng sợ kia đang rút mất sức sống của anh.

Uống là một vấn đề, ăn là một vấn đề, ngủ cũng là một vấn đề.

Anh ăn khi nào bắt được một con cáy hoặc một con cua; anh uống khi nào thấy một con chim biển sà xuống một đỉnh núi. Anh trèo ngay lên đấy và tìm thấy một chỗ trứng với một ít nước ngọt. Anh uống sau chim, đôi khi cùng với chim, vì sơn ca và hải âu, đã quen anh, thấy anh đến gần vẫn không bay. Cả những lúc rất đói, Gilliatt cũng không hề làm hại chúng. Ta còn nhớ, anh rất quý chim. Về phía chim, vì tóc tai anh tua tũ, phát khiếp, và râu anh lại dài nên chúng không sợ nữa; sự thay đổi mặt mày này làm chúng yên tâm, chúng thấy anh không phải là người nữa, và tưởng anh là một con thú.

Chim và Gilliatt bây giờ đã là bạn tốt. Hai cảnh nghèo này giúp đỡ lẫn nhau. Chừng nào còn lúa mạch, là Gilliatt còn bẻ cho chúng những miếng bánh nhỏ do anh làm; những lúc ấy chim lại chỉ cho anh những chỗ có nước.

Anh ăn sò ốc sống; trong chừng mực nào đấy, ăn sò ốc cũng có đỡ khát. Còn cua thì anh phải làm chín; không có nĩa, anh nướng chúng vào giữa hai hòn đá nung đỏ, theo lối dân đảo Féroë.

Trong khi ấy tiết cân phân đã về, trời đã bắt đầu mưa, nhưng một thứ mưa thù nghịch. Không mưa rào, không mưa giông, nhưng những mũi kim dài, nhỏ, lạnh, buốt nhọn hoắt, đâm thủng quần áo Gilliatt đến tận xương tủy. Thứ mưa này cho nước uống thì ít mà làm ướt thì nhiều.

Giúp đỡ thì keo kiệt, khổ đau thì hoang phí; đấy là kiểu mưa này, không xứng đáng với trời cao. Hơn một tuần, suốt ngày suốt đêm, Gilliatt phải đưa lưng ra hứng chịu nó. Loại mưa này là một hành vi độc ác của Thượng đế.

Ban đêm, trong cái hốc đá của anh, anh chỉ ngủ vì lao động quá mệt mỏi. Những con muỗi biển to đến chích anh. Anh tỉnh dậy người đầy nốt mẩn.

Anh lên cơn sốt, đi đâu ấy đã nâng đỡ anh. Sốt là một sự cứu viện giết người. Theo bản năng, anh nhá rong rêu hoặc nhấm lá cochléaria dại, những mầm cây cần cỗi trong các khe cạn của bãi ngầm. Và lại anh không quan tâm lắm đến nỗi đau của anh. Anh không có thì giờ để xao nhãng công việc vì bản thân, vì Gilliatt. Bộ máy của tàu Durande vẫn nguyên vẹn. Thế là đủ với anh rồi.

Vì nhu cầu công việc, anh luôn luôn phải bơi lội rồi lại lên cạn. Hết

nhảy xuống nước rồi lại nhảy lên, như người đi từ phòng nọ sang phòng kia trong nhà.

Quần áo anh không kịp khô. Lúc nào chúng cũng ướt sũng nước mưa không ngớt và nước biển không bao giờ khô. Gilliatt sống trong tình trạng ướt át.

Sống ướt át là một thói quen của con người. Có những nhóm người Ireland rất đáng thương, những ông già, bà mẹ, những cô gái gần như trần truồng, những trẻ em, suốt mùa đông ở ngoài trời, dưới mưa rào và tuyết lạnh, co quắp vào nhau trong các góc nhà trên đường phố Luân Đôn, sống ướt át và chết ướt át.

Vừa ướt át vừa khát, Gilliatt phải chịu đựng nỗi khổ kỳ lạ ấy. Đôi lúc anh nhá cả ống tay áo varo của anh.

Ngọn lửa anh đốt chẳng sưởi ấm anh được bao nhiêu; lửa ngoài trời chỉ là một sự giúp đỡ nửa vời; phía bên này nóng bừng, phía bên kia rất cóng.

Gilliatt vã mồ hôi, run cầm cập.

Xung quanh Gilliatt, tất cả đều chống đối trong một tư thế im lặng khủng khiếp. Anh tự cảm thấy là kẻ thù.

Mọi vật đều mang hai chữ đen tối: *Non possumus*^[86].

Tính chất bất động của chúng là một lời cảnh báo bi thảm.

Một ác ý vô bờ bao vây Gilliatt. Anh vừa rát bỏng lại vừa run rẩy. Lửa hồng cắn xé anh, nước làm anh tê cóng, khát làm anh sốt bừng bừng, gió trời xé rách áo anh, đói cồn cào dạ dày anh. Anh chịu đựng sự đè nén của một tổng thể làm hao mòn sức khỏe. Chương ngại vật, bình thản, rộng lớn, có vẻ ngoài vô trách nhiệm của công việc tiền định, nhưng luôn luôn có

một sự nhất trí hung ác nào đó, từ mọi phía chĩa vào Gilliatt. Anh cảm thấy nó đè nặng lên mình một cách khắc nghiệt không làm sao thoát khỏi. Nó gần như một con người, Gilliatt ý thức đây là một sự bài xích đen tối, và một mối hận thù cố sức làm giảm sút anh. Việc bỏ trốn chỉ tùy thuộc ở anh, nhưng vì anh đã ở lại nên anh phải chịu đựng sự thù địch khó hiểu. Không thể loại trừ được anh, người ta để anh xuống dưới vậy. Người ta là ai? Là Vô-Định. Nó ghì chặt lấy anh, dằn ép anh, tranh chỗ của anh, không cho anh thở. Anh bị cái vô hình làm đau khổ. Mỗi ngày chiếc đinh ốc bí mật lại siết thêm một nấc.

Hoàn cảnh Gilliatt trong môi trường đáng lo ngại này giống như một cuộc quyết chiến mờ ám trong đó có một tên phản bội.

Sự liên kết của các sức mạnh đen tối bao quanh anh. Anh cảm thấy có một quyết tâm muốn loại trừ anh. Băng đá đuổi khối phiến nham cũng như thế.

Gần như không có vẻ gì đụng chạm vào đó, cái khối liên kết ngấm ngấm này làm cho anh tơi tả, đổ máu, cùng đường, và có thể nói loại anh ra khỏi vòng chiến đấu trước trận chiến. Tuy vậy anh cũng vẫn làm việc hăng say, không nghỉ; nhưng công trình càng hình thành thì công nhân càng rời rã. Tưởng chừng như con dã thú thiên nhiên ấy, sợ hãi linh hồn, quyết định làm cho con người kiệt quệ. Gilliatt đương đầu và chờ đợi. Vực thăm bắt đầu bằng cách tiêu hao anh. Rồi vực thăm sẽ làm gì tiếp?

Hai Hòn Douvres, con rặng hoa cương ẩn nấp giữa biển khơi kia, đã chấp nhận Gilliatt. Chúng đã để cho anh vào và mặc cho anh làm. Sự chấp nhận này giống như sự tiếp đón của một cái mồm há sẵn.

Cảnh hoang vu, mặt đất, không trung, nơi lúc nào cũng xua đuổi con

người, sự tàn nhẫn thâm lặng của các hiện tượng đang diễn ra, quy luật chung lớn lao khắc nghiệt và thụ động, nước triều lên xuống, bãi ngầm, chòm Tua Rua đen mà mỗi đỉnh nhọn là một vì sao có xoáy nước, trung tâm phát tỏa những luồng điện, âm mưu nào đó của sự vật đứng đưng chống lại sự liêu lĩnh một con người, trời đông, mây mù, biển cả vây hãm, bao bọc Gilliatt, thong thả quây lấy anh, có thể nói là khép chặt anh, và ngăn cách anh với mọi sinh linh như như một cái hầm tối sừng sững xung quanh một con người. Tất cả đều chống lại anh, chẳng có gì đứng về phía anh cả; anh bị cô lập, bỏ rơi, yếu hèn, mòn mỏi, lãng quên. Kho lương của anh rỗng không, dụng cụ của anh sứt mẻ hoặc hư hao, đói khát ban ngày, rét mướt ban đêm, thương tích, tả tơi, mụn nhọt, da thịt, áo quần lỗ chỗ, bàn tay rách nát, bàn chân chảy máu, tứ chi khẳng khiu, mặt mày tái nhợt, một ngọn lửa trong đôi mắt.

Ngọn lửa hùng tráng, ý chí rõ ràng. Mắt người vốn được cấu tạo để phản ánh đạo đức. Con người của ta cho biết trong ta có bao nhiêu lượng người. Chúng ta tự khẳng định bằng thứ ánh sáng nằm dưới lông mày chúng ta. Những lương tâm nhỏ mọn nheo ánh mắt, những lương tâm quảng đại phát tỏa hào quang. Nếu dưới mi mắt không có gì long lanh, tức là chẳng có gì nghĩ ngợi trong đầu óc, chẳng có gì tình cảm trong tim. Kẻ nào yêu kẻ đó muốn, kẻ nào muốn kẻ đó soi sáng và biểu lộ. Quyết tâm thấp sáng vẻ nhìn; ngọn lửa tuyệt vời do những tư tưởng rứt rứt đốt cháy.

Người kiên trì là con người trác việt. Ai đơn thuần gan dạ chỉ có một cơn, ai đơn thuần dũng cảm chỉ có một tính khí, ai đơn thuần can đảm chỉ có một đức độ, người ngoan cường trong chân lý mới thật là người vĩ đại. Hầu hết bí quyết của những trái tim vĩ đại nằm trong chữ *Perseverando*^[87]. Kiên trì so với can đảm cũng như bánh xe so với đòn bẩy; đây là sự luôn

luôn đổi mới của điểm tựa. Mục đích dù ở trần gian hay trên trời, toàn bộ vấn đề là đi đến đích; trường hợp thứ nhất người ta gọi là Colomb^[88], trường hợp thứ hai người ta là Jésus. Cây thập tự điên rồ, vì vậy mà nảy ra vinh quang của nó. Đừng để cho lương tâm bàn cãi, cũng đừng để cho ý chí mất vũ khí; chính vì vậy mà người ta đau khổ và chiến thắng. Trong lĩnh vực đạo đức, gục ngã vẫn không loại trừ chuyện bay bổng. Từ thất bại thoát thế đi lên. Kẻ tầm thường để cho vận chương ngại bên ngoài làm cho dừng bước; người cương nghị không thế. Chết chỉ là đi đâu vị tất, chinh phục mới là đi đâu hiển nhiên của họ. Bạn có thể cho Étienne tất cả mọi lý lẽ tốt đẹp để ông ta khỏi bị thiên hạ ném đá. Việc khinh miệt những lời biện bác hợp lẽ để ra thứ chiến thắng cao cả bị đánh bại mà người ta gọi là tử vì đạo.

Tất cả mọi cố gắng của Gilliat dường như bám chặt vào đi đâu không thể làm được, thành công thật mỏng manh hay chậm chạp, và phải tiêu phí rất nhiều đi đâu để nhận được rất ít, chính đi đâu ấy làm cho anh cao thượng, chính đi đâu ấy khiến anh bị tráng.

Nếu để dàn dựng bốn cái sà trên một chiếc tàu đắm, nếu để cắt đứt và tách riêng trong chiếc tàu cái phần có thể cứu được, nếu để bắt vào cái mảnh vớt được ấy trong cái xác tàu, bốn chiếc palăng với dây cáp mà phải nhiều chuẩn bị như thế, nhiều công việc, nhiều mò mẫm như thế, nhiều đêm ngủ đất, nhiều ngày vất vả như thế, thì đó là nỗi đau khổ của lao động đơn độc. Định mệnh trong nguyên do, cần thiết trong kết quả. Nỗi đau khổ ấy không phải Gilliat chỉ có chấp nhận; mà hơn thế anh đã muốn như thế. Do sợ có người cạnh tranh, vì kẻ cạnh tranh ấy có thể là địch thủ, nên anh không tìm người phụ. Công việc nặng nhọc, mạo hiểm, nguy nan, việc làm tự nó dồn dập, khả năng người đi cứu có thể bị vùi xác vì việc trục vớt, đối

khát, sốt bệnh, thiếu thốn, buồn phiền, một mình anh gánh chịu tất cả. Anh đã có cái mặt ích kỉ ấy.

Anh sống trong một thứ chuông chân không rùng rợn. Sinh lực dần dần rút khỏi người anh. Đi đâu ấy anh chỉ nhận thấy một cách mơ hồ.

Sự kiệt quệ sức khỏe không làm nhụt ý chí. Tin tưởng chỉ là sức mạnh thứ nhì, ý chí là sức mạnh thứ nhất. Những ngọn núi đi vào ngạn ngữ mà lòng tin dời chuyển vẫn không đáng kể bên cạnh việc làm của ý chí. Tất cả trận địa Gilliatt để mất về sức mạnh, anh chiếm lại về bền bỉ. Sự giảm sút của con người xác thật do ảnh hưởng dồn nén của thiên nhiên man rợ này dẫn đến sự lớn mạnh của con người tinh thần.

Gilliatt không cảm thấy mệt nhọc hay để nói đúng hơn, không chịu như thế. Việc tâm hồn từ chối không cho thể xác bỏ cuộc là một sức mạnh vô bờ.

Gilliatt nhìn thấy những bước đi trong công việc của anh, và chỉ nhìn thấy thế thôi. Đây là con người khôn khổ mà không biết. Mục đích của anh, mà anh gần chạm đến được, ám ảnh anh. Anh chịu đựng tất cả những nỗi khổ cực ấy mà không hề có một ý nghĩ nào khác ý nghĩ: Tiến lên! Công trình của anh bốc lên đầu óc. Ý chí làm cho ngây ngất. Người ta có thể say sưa vì tâm hồn mình.

Niềm say sưa ấy gọi là tính chất anh hùng.

Gilliatt là một kiểu Job^[89] của đại dương.

Nhưng một Job luôn luôn vật lộn, một Job luôn luôn chiến đấu, và luôn luôn đương đầu với thiên tai, một Job chinh phục, và nếu những từ ngữ như thế không quá đối với một thủy thủ đáng thương đánh bắt tôm cua,

một Job Prométhée.

V SUB UMBRA^[90]

Đôi khi đang đêm, Gilliatt mở mắt ra nhìn bóng tối.

Anh cảm thấy trong lòng xao xuyến lạ thường.

Mắt trừng trừng nhìn vào bóng đen. Hoàn cảnh thật là rùng rợn; khắc khoải.

Bóng tối cũng có áp lực.

Một trầ u minh khó tả; một trời tằm tối khôn dò; trong cảnh tối tằm ấy có lẫn cả ánh sáng, một thứ ánh sáng thất bại và mịt mù nào đó không rõ; nó mờ mờ li ti như bột, hạt giống chẳng? Tro tàn chẳng? Hàng triệu ngọn đuốc mà lại không hề chiếu sáng; một kiểu đốt cháy rộng lớn mà không cho biết bí quyết, một thứ lửa bột tung tán giống như một đám tia sáng đang bay dừng lại, cảnh hỗn độn của gió lốc và cảnh im lìm của mộ địa, vấn đề mở ra một vực thẳm, đi đâu bí ẩn vừa chia ra vừa giấu kín mặt, vô biên che kín bằng màu đen, đầy trời đêm là như thế đấy. Cảnh ch òng chất ấy đè nặng lên con người.

Cảnh hỗn hợp đ òng thời ấy của tất cả các bí mật, của bí mật vũ trụ cũng như bí mật thiên định, làm cho đầu óc con người mù mẫn.

Áp lực của bóng tối tác động trái ngược đối với các loại tâm hồn khác nhau. Trước đêm tối con người tự nhận thấy mình không hoàn chỉnh. Nó nhìn thấy tối tằm và cảm thấy tàn tật. Bầu trời đen là con người mù. Đối

diện với đen tối, con người ngã lòng, quỳ gối, phủ phục, nằm sấp xuống, bò đến một cái lỗ, hoặc tìm cách tự chấp cánh cho mình. Hầu như lúc nào nó cũng muốn trốn tránh sự hiện diện dị hình của Vô-Định. Nó tự hỏi đấy là cái gì; nó run sợ, nó gục xuống, nó không biết; đôi khi nó cũng muốn đi đến đấy.

Đến đâu?

Đến đấy.

Đấy? Là cái gì? Và có gì ở đấy?

Tất nhiên đó là tính hiếu kì muốn biết những thứ cấm đoán, vì ở phía ấy tất cả mọi nhịp cầu xung quanh con người đều bị cắt đứt. Nhịp cầu của vô biên lại không có. Nhưng là vực thẳm, nên của cấm bao giờ cũng lôi cuốn. Nơi bàn chân không đến được, con mắt có thể nhìn tới, nơi mắt nhìn dừng lại, trí óc có thể đi tiếp. Dù yếu hèn, dù bất lực đến mấy, không một người nào không muốn thử. Tùy theo bản chất, trước đêm tối, con người vẫn tìm kiếm, hoặc dừng chân đứng lại. Đối với một số người, đó là một sự dằn ép; đối với một số người khác lại là một sự giãn nở. Cảnh tượng thật đen tối. Trong đó lẫn cả cái không thể nào định nghĩa.

Trời đêm có sáng trong không? Đấy là một cái nền bóng tối. Trời đêm có giống tổ không? Đấy là cái nền khói. Vô biên vừa hiển thân, vừa không thuận, vừa khép kín trước thí nghiệm vừa mở rộng cho phỏng đoán. Vô vàn điểm sáng càng làm cho u minh không đáy thêm đen. Hòn ngọc, sao sáng, tinh cầu, những hình ảnh nhận thấy trong Xa-La; những thách thức rùng rợn đổ xô đến những ánh sáng kia. Đấy là những cột tiêu của sáng tạo trong tuyệt đối, đây là những dấu hiệu về quãng cách ở những nơi không còn quãng cách; đây là một kiểu đánh số không thể làm được, tuy vậy vẫn

hiện thực, của mực nước thấp nhất ở các vực sâu. Một điểm li ti lấp lánh, một điểm khác, rồi một điểm khác, rồi lại một điểm khác; đây là cái hết sức nhỏ, đây là cái to lớn phi thường. Ánh sáng ấy là một lò lửa, lò lửa ấy là một ngôi sao, ngôi sao ấy là một mặt trời, mặt trời ấy là một vũ trụ, vũ trụ ấy chẳng là gì cả. Mọi con số đều là số không trước vô biên.

Những vũ trụ không là gì cả ấy vẫn tồn tại. Nhận thấy chúng, người ta cảm thấy ngay sự khác biệt giữa cái rất nhỏ và cái không có.

Cái không thể với tới thêm vào cái không hiểu nổi, cái không hiểu nổi thêm vào cái không giải thích được, cái không giải thích được thêm vào cái vô lượng vô biên, bầu trời là như vậy đấy.

Từ việc chiêm ngưỡng ấy toát lên một hiện tượng cao cả: sự lớn mạnh của tâm hồn do kinh ngạc.

Hãi hùng thiêng liêng là đặc điểm của con người; thú vật không biết nỗi sợ hãi ấy. Trong trạng thái kinh hoàng uy nghiêm ấy, trí tuệ thấy mình bị che khuất và được xác nhận.

Bóng tối là một, vì thế mà rùng rợn. Đồng thời nó lại phức tạp, vì thế mà khủng khiếp. Tính đơn nhất của nó đè nặng lên đầu óc chúng ta, và làm mất ý chí chống cự. Tính phức tạp của nó khiến người ta phải nhìn khắp xung quanh, hình như người ta sợ chuyện xảy đến thành linh. Người ta đầu hàng, người ta lo giữ mình. Người ta đứng trước Tất-Cả, vì vậy mà phải khuất phục, và trước Nhiều-Thứ, vì vậy mà phải cảnh giác. Tính đơn nhất của bóng tối chứa đựng một bội số. Bội số bí mật, trông thấy được trong vật chất, cảm thấy được trong tư tưởng. Nó im lặng, thêm một lý do nữa để đề phòng.

Đêm tối - người viết điếu này đã nói ở một chỗ khác - là hình thái riêng

và bình thường của sáng tạo đặc biệt trong đó có chúng ta. Ngày, vốn ngắn ngủi về thời gian cũng như không gian, chỉ là một sự kế cận với tinh sao.

Sự huyền diệu bao quát của trời đêm không thể hoàn thành mà không có va chạm, và tất cả các va chạm của một bộ máy như thế đều là những vết thương gây cho cuộc sống. Những va chạm của bộ máy được chúng ta gọi là Cái Ác. Chúng ta cảm thấy trong cảnh tối tăm ấy có Cái Ác, sự phản kháng kín đáo về trật tự thiêng liêng lời phạm thượng chứa đựng trong sự việc phản nghịch với lý tưởng. Cái Ác làm cho quầng thể vũ trụ bao la thêm phức tạp bởi một thứ quái-hình-học nghìn đầu. Chỗ nào Cái Ác cũng có mặt để phản đối. Là cuồn phong, nó dõ dập đường đi một con tàu; là hỗn mang, nó ngăn trở sự nảy nở một thế giới. Cái Thiện có tính thống nhất, Cái Ác có tính biến tại. Cái Ác làm sai lạc cuộc sống vốn hợp lý. Nó thúc đẩy con chim nuốt con ruồi, và sao chổi nuốt hành tinh. Cái Ác là một nét gạch xóa vào công cuộc sáng tạo.

Bóng tối ban đêm thường đầy thác loạn. Ai đi sâu nghiên cứu bóng tối cũng đều chìm ngập và giãy giụa trong đó. Không khó nhọc nào có thể so sánh được với việc khảo cứu về minh ấy. Đây là công cuộc nghiên cứu về một hiện tượng lúc nào cũng lẫn tránh.

Không một chỗ nào nhất định để cho trí óc đứng. Toàn điểm xuất phát mà không có đích tới. Nơi chằng chéo của những bài giải mâu thuẫn, tất cả mọi hướng hoài nghi đồng thời xuất hiện, cảnh phân nhánh của những hiện tượng cứ chia tách mãi do một sức đẩy không rõ, tất cả các qui luật dồn tụ vào nhau, một sự giao kế không dò nổi khiến cho sỏi đá sinh trưởng, cỏ cây tươi tốt, cho tư tưởng đè nặng, tình yêu tỏa sáng và cho dẫn lực yêu đương; mặt trận tấn công rộng lớn của tất cả các vấn đề phát sinh trong bóng tối vô biên; đi đâu thoáng thấy phác họa đi đâu không được biết, tính

đồng thời phát sinh của vũ trụ giữa lúc xuất hiện, không phải cho mắt nhìn mà cho trí tuệ, trong không gian rộng lớn không rõ rệt; vô hình trở thành ảo ảnh. Đây là Bóng Tối. Con người đứng ở dưới đó.

Con người không biết chi tiết, nhưng nó chịu đựng, theo khối lượng tương xứng với trí óc của nó, cái trọng lượng phi thường của toàn bộ. Điềm ám ảnh này đã đẩy cánh mục đồng xứ Chaldéens đến với khoa thiên văn. Những phát hiện vô tâm nảy sinh từ khắp nơi của sáng tạo. Một sự rí thoát khoa học có thể nói là tự thân, và lây đến kẻ ngu muội. Bất cứ một kẻ cô độc nào, dưới sự thấm nhiễm bí mật ấy, cũng đều trở thành một triết gia tự nhiên, mà thường lại không có ý thức về việc ấy.

Bóng tối không thể chia cắt. Nó có người ở. Có cái tuyệt đối ở, nhưng không di chuyển; và cũng vừa ở vừa di chuyển. Điềm đáng lo ngại là người ta cử động trong ấy. Một sự hình thành thiêng liêng đang thực hiện các giai đoạn của nó trong đó. Những mưu toan, sức mạnh, những mục đích đã định, cùng nhau sửa soạn một công trình quá lớn. Trong ấy là cả một cuộc sống khủng khiếp rùng rợn. Có những chuyển biến rộng lớn của tinh tú, gia đình của muôn sao, gia đình của hành tinh, phấn hoa của hoàng đóa, cái *Quid divinum*^[91] của các dòng điện, các tần quang của các sự phân cực và các sức hút; có sự bao trùm và sự tương phản, một tiến trào và một thoái trào xán lạn của sự trái ngược vạn vật; cái không thể cân lường tự do giữa các trung tâm; có nhựa sống trong các tinh cầu, có ánh sáng ngoài các tinh cầu, có nguyên tử lang thang, có mồn sống tản mát, có những con đường sinh nở, có những cuộc gặp gỡ để giao hoan và giao tranh, có những cảnh dãi dào chưa từng thấy, có những quãng cách như những giấc mơ, có những kỳ diệu đuổi nhau trong cõi u minh, một bộ máy thật hoàn chỉnh, có những hơi thở của tinh cầu trốn chạy, có những bánh xe mà người ta cảm

thấy đang quay; nhà thông thái suy luận, kẻ ngu muội công nhận và run rẩy, đi đâu đó đang diễn ra và đang lẩn tránh; thật là không thể khuất phục; nó ở ngoài tầm tay, không sao đến gần nó được. Người ta bị thuyết phục đến mức ngột ngạt. Người ta có trên mình một thứ hiển nhiên đen tối nào đấy. Người ta không thể nắm được gì hết. Người ta bị đè bẹp bởi cái không thể sờ mó được.

Khắp nơi đâu là cái không thể hiểu nổi, không đâu có cái khó hiểu.

Và thêm vào tất cả cái đó câu hỏi đáng sợ: tính Nội-Tại này có phải là một Thực-Tại không?

Người ta đứng dưới bóng tối. Người ta nhìn. Người ta nghe ngóng.

Trong khi đó quả đất tối tăm vẫn đi và vẫn lặn; các bông hoa đâu có ý thức được sự vận động to lớn này; hoa thạch trúc nở lúc mười một giờ đêm, hoa kim châm nở vào năm giờ sáng. Những sự đâu đặng hãi hùng.

Trong những vực sâu khác, giọt nước trở thành một thế giới. Chích trùng hung nhúc, sự sinh nở khổng lồ thoát ra từ vi động vật, cái rất nhỏ phô trương sự to lớn của nó, cái trái ngược với mệnh mệnh tự biểu lộ; trong một giờ một khuê tạo sinh ra một nghìn ba trăm triệu khuê tạo khác.

Một đê xuất kì lạ biết chừng nào của tất cả các đi đâu bí ẩn cùng một lúc!

Đi đâu không thể giản lược được nằm ở đấy.

Con người buộc lòng phải đến với đức tin. Bắt buộc phải tin, kết quả là như vậy. Nhưng có đức tin vẫn không đủ để yên lòng. Đức tin có một đòi hỏi kỳ lạ về hình thức. Vì vậy mà nảy sinh ra tôn giáo. Không gì bản khoán day dứt như một lòng tin không rõ nét.

Dù nghĩ gì, dù muốn gì, dù trong lòng có ý chống đối thế nào, thì việc

nhìn bóng tối cũng không phải là nhìn, mà là chiêm ngưỡng.

Làm thế nào trước những hiện tượng như vậy? Làm thế nào cử động dưới sức hội tụ của chúng? Không thể nào phân tích được áp lực ấy. Làm thế nào đưa mơ màng vào tất cả những đầu mối bí mật ấy? Biết bao điếu phát lộ khó hiểu, đồng thời, ập úng, tối tăm chính vì nhiều quá, những kiểu bập bẹ của ngôn từ. Bóng tối là một sự im lặng; nhưng sự im lặng này nói lên hết. Một kết luận từ đó thoát ra một cách uy nghiêm, đó là Chúa. Chúa là khái niệm không thể thu hẹp được. Nó nằm trong con người. Các kiểu tam đoạn luận, các cuộc tranh cãi, các lối phủ nhận, các chế độ, tôn giáo, đầu vượt qua nó mà không làm giảm sút nó. Khái niệm ấy, toàn bộ bóng tối khẳng định nó. Nhưng một trạng thái hỗn loạn vẫn ở trên tất cả những gì còn lại. Vấn đề nội tại ghê gớm. Sự liên minh khó tả của các sức mạnh biểu thị bằng sự duy trì thăng bằng của toàn bộ bóng tối đó. Vũ trụ lơ lửng; không có gì rơi rớt. Sự di chuyển không ngừng và khác thường diễn ra không tai nạn, không đổ vỡ. Con người tham dự vào chuyển động xô dịch ấy, và cái lượng dao động mà nó phải chịu đựng đó, con người gọi là số mệnh. Số mệnh bắt đầu từ đâu? Thiên nhiên kết thúc ở đâu? Có khác biệt gì giữa một sự biến và thời tiết, giữa một nổi buồn và cơn mưa, giữa một ngôi sao và đức tốt? Một giờ, không phải là một làn sóng ư? Không trả lời với con người, các bánh xe đang lăn cứ tiếp tục tuồn hoàn bình thản của chúng. Bầu trời sao là một hình ảnh của bánh xe, của quả lắc và của đối tượng. Đây là sự chiêm ngưỡng cao nhất, cộng thêm sự trầm tư cao nhất. Đây là toàn bộ thực tế, cộng với toàn bộ trừu tượng, Ngoài đó chẳng có gì cả. Người ta tự cảm thấy bị giữ chặt. Bị phó mặc cho bóng tối ấy. Không có cách nào trốn thoát cả. Người ta tự cảm thấy bị cuốn vào guồng máy, người ta là một phần của một Toàn-Thể không được biết, người ta cảm

thấy kẻ xa lạ trong bản thân bí mật đ ồng tâm hiệp lực với một kẻ xa lạ bên ngoài. Đây là tiền triệu cao siêu của cái chết. Còn lo âu nào hơn, và đ ồng thời còn say mê nào hơn! Sát nhập với vô biên; bị việc sát nhập này đẩy đến chỗ phải tự nhận lấy sự bất tử cần thiết, biết đâu cũng có thể là một vĩnh cửu cảm thấy trong làn sóng kì diệu của cảnh tràn đ ầy sức sống vạn vật và cái tính chất dai dẳng không chìm nổi của cái tôi! Nhìn tinh tú và nói: Ta cũng là một linh hồn như các người! Nhìn bóng tối và nói: Ta cũng là một vực thăm như mi!

Những đi ều vô nghĩa ấy, chính là đêm tối.

Tất cả những thứ ấy, tăng thêm bởi cảnh cô đơn, đang đè nặng trong tâm trí Gilliatt.

Anh có hiểu thế không? Không.

Anh có cảm thấy đi ều ấy không? Có.

Gilliatt là một đ ầu óc tối tăm vĩ đại và một trái tim man rợ vĩ đại.

VI

GILLIATT BẮT CHIẾC THUYỀN BẦU ĐÚNG VÀO CHỖ

Việc trục vớt cỗ máy này, do Gilliatt trù tính, như chúng tôi đã nói, là một cuộc vượt ngục thực sự, và người ta được biết những sự kiên trì của việc vượt ngục. Người ta cũng được biết những thủ đoạn của nó. Thủ đoạn đi đến chỗ kỳ công; sự kiên trì đến mức hấp hối. Tù nhân Thomas chẳng hạn, ở Mont Saint-Michel, tìm được cách nhét cả một nửa bức tường to vào cái nệm rơm của y. Một tù nhân khác, ở Tulle, năm 1820 cắt chì trên lối đi dạo của nhà tù, bằng loại dao gì? Đi ều đó người ta không thể đoán

nồi, nấu chảy chỗ chì ấy bằng lửa gì? Đi đâu đó người ta không biết, để chỗ chì ấy vào thứ khuôn nào? Đi đâu này người ta biết, trong một cái khuôn bằng ruột bánh mì; với chỗ chì ấy, cái khuôn ấy, làm một chiếc chìa khóa, và với chiếc chìa khóa mà anh ta mới chỉ thấy lỗ. Những tài khéo léo phi thường ấy, Gilliatt đâu có cả. Nếu cần anh cũng có thể trèo lên và trèo xuống vách biển Boisrosé. Anh là Trenck^[92] của một xác tàu và là Latude^[93] của một cỗ máy.

Biển cả là mụ cai ngục, đang giám sát anh.

Vả lại, chúng ta cũng nên nói, mưa dù có bạc ác, t ãi t ệ đến mấy, anh cũng tìm được cách lợi dụng nó. Anh đã phần nào tích trữ được nước ngọt; những cái khát của anh thật không thể nào thỏa mãn, và anh dốc hết bi-đông của anh cũng g ãn nhanh như khi anh lấy đ ầy nó.

Một hôm, hình như vào ngày cuối cùng của tháng tư, hay ngày đ ầu tiên của tháng năm, mọi việc đ ầu sẵn sàng.

Cái sàn máy như được đóng khung giữa tám sợi cáp của pa-lăng, bốn sợi bên này, bốn sợi bên kia. Mười sáu cái lỗ để cáp chui qua đ ầu được nối liền ở trên mặt boong và dưới bụng tàu bằng những vết cưa. Lớp gỗ lót mặt trong tàu được cắt bằng cưa, s ườn bằng rìu, phần sắt bằng dũa, lớp ốp bằng đục. Phần sống tàu trên đặt một cỗ máy, được cắt đứt hẳn và sẵn sàng vừa trượt cùng cỗ máy vừa đ ỡ dưới cỗ máy. Toàn bộ cái v ỡng để sợi ấy chỉ còn được treo bằng một sợi xích, và bản thân sợi xích cũng chỉ còn chờ một nhát dũa. Ở giai đoạn hoàn thành này và g ãn chỗ kết thúc như thế, v ội vàng là khôn ngoan.

Nước tri ều đang xuống, đây là thời cơ thuận lợi.

Gilliatt đã tìm cách tháo được cái trục bánh xe mà hai đ ầu có thể cản trở

và chặn đứng việc thả trượt. Anh cũng đã buộc đứng được bộ phận nặng nề này trong chính cái lồng của cỗ máy.

Đã đến lúc phải kết thúc. Như chúng tôi vừa nói, Gilliatt không nhọc vì anh không muốn thế, nhưng dụng cụ của anh nhọc. Lò rèn của anh dần dần không dùng được. Tảng đá đe đã nứt nẻ. Cái bễ bắt đầu làm việc chẳng ra gì. Vì cái thác nước nhỏ dùng nước biển nên muối đã đóng trong các kẽ máy, và làm cho máy trục trặc.

Gilliatt đi đến vũng Thăng Người, kiểm tra lại chiếc thuyền bâu, xem cho chắc, mọi việc ở đây đều tốt đẹp, đặc biệt là bốn cái vòng gấn hai bên mạn, đoạn anh rút neo lên và chèo thuyền bâu về chỗ hai Hòn Douvres.

Quãng cách giữa hai Hòn Douvres có thể tiếp nhận chiếc thuyền bâu. Ở đấy đủ sâu và đủ rộng. Ngay từ đầu Gilliatt đã biết là có thể đẩy chiếc thuyền bâu xuống tận dưới bụng tàu Durande.

Tuy vậy việc vận hành cũng rất gay go, nó đòi hỏi độ chính xác của thợ kim hoàn, và chuyện len thuyền vào bãi ngầm càng khó khăn vì Gilliatt lại muốn cho lái đi trước, nên cần phải đi vào bằng đuôi thuyền. Điều quan trọng là cột buồm và dụng cụ của chiếc thuyền bâu phải ở phía bên này xác tàu, phía hẻm núi.

Những khó khăn này trong vận hành khiến công việc thêm bất tiện cho chính Gilliatt. Đây không còn là việc vung mạnh tay lái như lúc vào vũng Thăng Người, mà phải đồng thời đẩy, kéo, chèo chống và thăm dò. Gilliatt mất vào đấy mười lăm phút. Tuy nhiên anh vẫn đạt được ý muốn.

Trong mười lăm, hai mươi phút, chiếc thuyền bâu được đặt đúng dưới tàu Durande. Nó gần như được chằng cả mũi cả lái ở đấy. Gilliatt neo chiếc thuyền bâu theo lối hai neo giằng nhau. Chiếc neo to cốt để dùng vào

lúc gió to nhất, là gió tây. Sau đó bằng đòn bẩy và máy trục, Gilliatt hạ xuống thuyền bầu hai cái thùng đựng bánh xe đã tháo rời, dây treo thùng đã sẵn sàng. Hai cái thùng ấy dùng để dẫn cho đằm tàu.

Trút được hai cái thùng, Gilliatt buộc vào móc xích máy trục sợi dây treo của pa-lăng đi ầu chĩnh lớn, mục đích để hãm pa-lăng.

Trong suy tính của Gilliatt, những nhược điểm của chiếc thuyền bầu trở thành ưu điểm; thuyền không có boong, hàng chở càng có thêm chiều sâu và có thể để ngay trên hầm tàu; cột buồm dựng phía trước, có lẽ hơi quá về phía trước, việc xếp hàng sẽ dễ dàng hơn, và cột buồm do đó nằm ngoài xác tàu, nên sẽ không có gì cản trở việc đi ra; thuyền chỉ còn là một chiếc guốc, mà ở ngoài biển thì chẳng gì vững vàng và chắc chắn như một chiếc guốc.

Thình lình, Gilliatt nhận thấy nước triều đang lên. Anh nhìn xem gió từ hướng nào đến.

VII LẬP TỨC MỘT NGUY CƠ

Gió chỉ hiu hiu, nhưng lại từ hướng tây thổi tới. Đây là một thói xấu thông thường của gió vào dịp cân phân. Tùy theo hướng gió thổi mà nước triều lên hoạt động khác nhau trong bãi Douvres. Tùy luồng gió đấy, sóng tiến vào hành lang này, hoặc từ phía đông hoặc từ phía tây. Vào từ phía đông thì biển cả hiên lành êm lặng; vào theo hướng tây thì nó lại dữ tợn hung hăng. Đó là vì gió đông, từ đất liền thổi tới, nên thở ngắn hơi, còn gió tây, vượt qua Đại Tây Dương, nên đem đến toàn bộ sinh khí của trời biển bao la. Nếu gió mát từ phía tây đến, thì bên ngoài dù thổi rất nhẹ nó

cũng đáng ngại. Nó cuốn những lớp sóng rộng của không gian vô bờ bến, và cùng một lúc đẩy quá nhiều sóng vào quăng thất.

Một dòng nước xoáy lúc nào cũng ghê rợn nước cũng như đám đông; quần chúng là một thể lỏng; khi khối lượng có thể ít hơn khối lượng nước cuốn vào, thì đám đông dày xéo lên nhau và nước có trạng thái cuộn cuộn. Chừng nào gió tây lại ngự trị, thì dù là ngọn gió mát yếu nhất Hòn Douvres cũng bị tấn công ngày hai lần. Biển dâng, triều ép, núi đã chống cự, cửa ngõ chỉ mở hà tiện, sóng bị tống vào bằng vũ lực, chồm lên, rống lên, và một loạt sóng lừng lộn đánh vào hai mặt phía trong con đường hẻm thành thử gặp ngọn gió tây nhẹ nhất, Hòn Douvres cũng có cái quang cảnh đặc biệt: bên ngoài, trên biển cả, không khí thanh bình, trong bãi ngầm, một cảnh giông tố. Quang cảnh ồn ào cục bộ và khép kín này chẳng còn gì của một cơn bão cả; đó chỉ là một cuộc nổi loạn của sóng nước, nhưng khủng khiếp. Còn gió bắc và gió nam, chúng thổi ngang vào bãi và chỉ gây một ít phản ba trong đường ống. Lối vào phía đông, chi tiết cần nhắc lại, tiếp giáp với Núi Thằng Người, lối ra đáng sợ phía tây ở đầu đối diện, đứng vào giữa hai Hòn Douvres.

Gilliatt cùng đoàn tàu Durande mắc cạn và chiếc thuyền bầu được chằng giữ đang nằm đứng ở lối ra phía tây này.

Một tai nạn đang dờn dờn như không thể tránh khỏi. Tai nạn này đang có được ngọn gió cần thiết, khối lượng tuy nhỏ, nhưng vừa đủ.

Trong ít giờ nữa, nước triều dâng cao sẽ hùng hổ xông vào eo biển Douvres. Những lớp sóng đầu tiên đã rào rạt. Là ngọn sóng cần của Đại Tây Dương, thế trào dâng này sẽ có sau lưng toàn bộ biển cả. Không chút gió bão, không chút phần nộ; nhưng một làn sóng uy nghi, đơn giản, chứa

chất trong mình một xung lực, xuất phát từ châu Mỹ để kết thúc ở châu Âu, có một tần dài hai nghìn dặm. Làn sóng này, như một nét gạch ngang khổng lồ của đại dương, sẽ gặp chỗ đứt đoạn của bãi ngầm, và bị nhứ lại ở hai Hòn Douvres là những tháp canh cửa vào, là những cột trụ của eo biển, bị triều dâng làm phồng lên, bị sức cản làm căng ra, bị núi đá đẩy lùi, bị gió mát làm cho kiệt quệ, sẽ cưỡng bách bãi ngầm, sẽ xông vào với tất cả những quần quai của vật cản đưng phải và tất cả nỗi cuồn cuộn loạn của sóng nước bị ngăn chặn, giữa hai bức thành cao, sẽ gặp chiếc thuyền bầu với tàu Durande, và sẽ bóp nát chúng ra.

Chống lại tình huống bất ngờ này, cần phải có một lá chắn. Cái ấy Gilliatt đã có rồi.

Phải ngăn cản nước triều đổ vào quá thấp, cấm nó thúc mạnh mà vẫn để cho nó dâng dần, chặn lối đi của nó nhưng không cấm lối vào, vừa chống đối nó, vừa nhượng bộ, phòng ngừa sóng dấn vào hẻm, vì đây là toàn bộ nguy cơ, thay thế sự đột nhập bằng việc mời vào, rút bỏ lõi đình và tàn bạo của sóng nước, bắt buộc hùng hổ phải dịu dàng. Phải thay thế vật cản làm nổi xung bằng vật cản biết xoa dịu.

Với tài khéo léo mạnh hơn sức mạnh của anh, Gilliatt tiến hành một cuộc thao diễn của linh dương trên núi, của khỉ xạ trong rừng, lợi dụng từng mỏm núi nhỏ để bước những bước rất hiểm nghèo, trợn ngợp, nhảy xuống nước, tót lên bờ, bơi lội trong nước xoáy, trèo lên núi đá, răng cắn một sợi dây, tay cầm một cái búa, tháo sợi thừng ba tao vẫn treo tấm vách phía trước tàu Durande dán vào nền hòn Douvres Nhỏ, dùng những đoạn thừng buộc tàu tạo thành những bản lề ghì chặt bức vách vào số đỉnh to đã đóng vào đá hoa cương, cho xoay quanh số bản lề ấy cái khung ván giống như một cửa cổng, chìa hông nó ra, như người ta vẫn chìa lá bánh lái, cho

sóng dầy, và áp một đầu nó lên hòn Douvres Lớn trong khi những bản lề thường giữ chặt đầu kia vào hòn Douvres Nhỏ; bằng số đinh đóng phòng sẵn trên hòn Douvres Lớn, anh cũng ghì chặt trên hòn Douvres Nhỏ, buộc chắc tấm ván rộng vào hai cột trụ của ngõ hẻm, bắt chéo lên cái đập này một sợi xích như một thứ dây đeo gươm trên áo giáp, và không dầy một giờ, bức rào ấy đứng vững chống lại nước triều, và ngõ hẻm bãi ngầm như có cửa đóng kín.

Tấm chắn vững ấy, một khối nặng vừa gỗ vừa ván, để nằm có thể là một cái bè, để đứng là một bức tường, nhờ sức sống, đã được Gilliatt vận dụng với một tài nghệ của người leo dây. Hầu như có thể nói cái tiết mục ấy đã được thực hiện xong trước khi thủy triều đủ thì giờ nhận thấy.

Đấy là một trong những trường hợp mà Jean Bart có thể thốt lên lời nói bất hủ mà ông vẫn dùng với sóng biển mỗi khi ông tránh được một trận đấm: Thưa r ồi nhé, anh người Anh ơi! Người ta được biết khi nào Jean Bart muốn chửi đại dương, ông đầu gọi nó là anh người Anh.

Chấn xong eo biển, Gilliatt nghĩ ngay đến chiếc thuyền b ầu. Anh đã thả khá nhiều dây cáp trên hai cái neo để thuyền có thể cùng lên theo thủy triều. Giống như việc mà các thủy thủ ngày xưa gọi là “thả neo với dây chằng”. Trong toàn bộ sự việc này, Gilliatt không bị bất ngờ, trường hợp này đã được dự kiến trước, một người trong nghề ếtất đã nhận ra qua hai cái puli thường lớp rèn thành hình guốc ở phía sau chiếc thuyền b ầu, để lu ền hai sợi thừng ba tao, đầu buộc vào khoen neo.

Trong khi ấy nước triều đã dâng cao quá mức trung bình; vào lúc này sóng triều dù hiền hòa cũng có thể quật rất mạnh. Đi ều mà Gilliatt trù tính đang diễn ra. Sóng cuốn ầm ầm về phía đập chắn, gập đập, nó b ồng lên và

chui qua phía dưới. Bên ngoài sóng nước dập dềnh, bên trong, thâm lậu. Gilliatt đã tưởng tượng ra một thứ chàng nạng đuôi cá của biển cả. Sóng triều đã bị đánh bại.

VIII TÌNH TIẾT CHÚ CHƯA PHẢI LÀ ĐOẠN KẾT

Giây phút đáng sợ đã đến.

Bây giờ cần phải đặt cổ máy vào lòng thuyền.

Gilliatt trầm ngâm một lúc, bàn tay phải đỡ lấy khuỷu tay trái và bàn tay trái đỡ lấy vầng trán.

Đoạn anh trèo lên cái xác tàu mà một phần, cổ máy, phải tách ra, còn phần kia, cái sườn, phải nằm lại.

Anh cắt đứt bốn sợi dây trục vẫn ghì chặt bốn sợi xích ống khói hai mạn vào bức vách tàu Durande. Dây trục chỉ là thùng thường, nên con dao của anh cắt được.

Bốn sợi xích, tự do và không dính vào đâu, buông thõng dọc theo ống khói.

Từ xác tàu, anh trèo lên cái dàn do anh xây dựng, lấy chân giẫm mạnh lên các phiến gỗ, kiểm tra các róc rách, nhìn số puli, sờ nắm dây cáp, xem xét các chỗ nối, tin chắc rằng thùng mộc không bị ướt sâu, nhận thấy không có thứ gì oằn xuống; đoạn từ mép cạp tàu nhảy lên boong, anh đứng vào vị trí, cạnh máy trục hàng, trên cái phần tàu Durande phải nằm lại với các Hòn Douvres. Đây là vị trí làm việc của anh.

Uy nghiêm, chỉ xúc động khi đáng xúc động, anh đưa mắt nhìn lần cuối cùng lên các pa-lăng, đoạn cầm một cái dũa và bắt đầu cưa sợi xích vẫn treo lơ lửng toàn bộ.

Tiếng dũa rít ken két trong tiếng gầm réo của biển cả.

Sợi xích máy trực, dính liền với pa-lăng đi đều chỉnh, nằm ngang tằm tay Gilliatt, ngay cạnh bàn tay anh.

Thình lình có tiếng rảng rác. Mất xích bị dũa cứa, đã bị chạm đến quá nửa, vừa đứt; toàn bộ cỗ máy rung chuyển. Gilliatt chỉ đủ thì giờ nhảy đến bên cái róc rách đại.

Sợi xích đứt quật mạnh vào núi đá, tám sợi cáp căng thẳng; toàn bộ khối nặng bị cưa và cắt, bứt ra khỏi xác tàu, bụng tàu Durande mở ra, tám sàn sắt của cỗ máy đè nặng lên số dây cáp xuất hiện dưới sống tàu.

Nếu Gilliatt không kịp thời nắm lấy cái róc rách đại thì là cả một cảnh rơi thẳng. Nhưng bàn tay khủng khiếp của anh đã sẵn sàng; đây là một động tác hạ xuống từ từ.

Khi người anh của Jean Bart, là Peter Bart, anh chàng say rượu khỏe mạnh và sáng suốt, anh ngư dân đáng thương của Dunkerque, vẫn mào tào với vị đô đốc vĩ đại của nước Pháp, cứu chiếc chiến thuyền Langeron bị tai nạn trong vịnh Ampleuse, khi định kéo cái khối nặng nề nỏi ấy ra khỏi bãi đá ngầm của cái vịnh hung dữ, ông ta buộc lá buồm đại cuộn tròn bằng cối biển, khi ông ta muốn chính những cây sậy ấy đứt ra sẽ tung buồm cho gió thổi, ông ta cũng đã trông chờ vào những cây sậy đứt như Gilliatt tin cậy vào sợi xích đứt, và chính sự táo bạo kỳ lạ giống nhau đó đã được ban thưởng bằng thành công kinh ngạc như nhau.

Cái róc rách đại, bị Gilliatt tóm chặt, đứng vững và hoạt động rất tuyệt vời. Nhiệm vụ của nó, ta còn nhớ, là giảm nhẹ các lực, từ nhiều lực thu vào một lực duy nhất, và tập trung vào một động tác chung. Cái róc rách này có đôi chỗ giống như một đầu dây lèo giữa; có đi đầu đáng lẽ định hướng cho một lá buồm thì ở đây nó cân bằng cho một bộ máy.

Gilliatt đứng, nắm tay đỡ trên máy trục, có thể nói là đang đỡ bàn tay lên mạch máy.

Đến đây sáng chế của Gilliatt mới biểu lộ rõ.

Một sự trùng hợp đặc sắc của các lực diễn ra.

Trong khi cỗ máy Durande, tách rời cả khối, tụt xuống chiếc thuyền bâu, thì chiếc thuyền bâu cũng nhô lên phía cỗ máy. Xác tàu và thuyền đi vớt, cái nọ giúp đỡ cái kia, tiến ngược chiều nhau. Chúng tìm đến nhau và bớt cho nhau một nửa công việc.

Sóng chiều lẳng lặng, phồng lên giữa hai Hòn Douvres, nâng dần chiếc thuyền và đưa nó tới gần tàu Durande. Thủy triều không chỉ thất bại, mà còn bị thuần hóa. Đại dương cũng đứng về phía bộ máy.

Nước lên nâng cao chiếc thuyền bâu, không đỡ va chạm, nhẹ nhàng, hần như thận trọng và y như nó là một thứ đồ sứ.

Gilliatt phối hợp và đi đầu hòa hai công việc của nước và bộ máy; đứng im bên máy trục như một pho tượng khủng khiếp mà tất cả mọi công tác đều phải vâng theo một lúc, anh hiệu chỉnh cho tốc độ tụt xuống và tốc độ nhô lên đều thông thả như nhau.

Nước không rung chuyển, pa-lăng không giật mạnh. Đúng là một sự cộng tác kỳ lạ của tất cả các sức mạnh tự nhiên, bị khuất phục. Phía này,

hấp lực hạ cổ máy xuống, phía kia, thủy triều nâng chiếc thuyền lên. Sức hút của tinh tú là nước triều, và sức hút của đất là trọng lực, dường như ăn ý với nhau để phục vụ Gilliatt. Sự phục tùng của chúng không do dự, cũng không dừng lại và, dưới áp lực của một tâm hồn, các uy lực thụ động ấy trở thành những kẻ phụ tá tích cực. Công việc tiến triển từng giây từng phút; quãng cách giữa xác tàu và thuyền bầu giảm dần rất khó thấy. Việc xích gần tiến hành lặng lẽ như sợ hãi con người đang đứng kia. Vật thể nhận mệnh lệnh và cứ thế thi hành.

Hầu như đúng lúc nước triều thôi dâng thì các sợi cáp cũng thôi nhả. Thành linh nhưng không rung động mạnh, hệ thống róc rách dừng lại. Cổ máy, như được một bàn tay đặt xuống, đã đoàng hoàng nằm trong thuyền bầu. Nó đứng đấy, thẳng thắn, bất động, vững vàng. Tấm bệ tì cả bốn góc và đứng cân bằng trên tấm thuyền.

Thế là xong.

Gilliatt nhìn xuống, luống cuống.

Con người đáng thương kia không vì vui sướng mà kiêu căng. Anh thấy trong lòng nao nao vì một hạnh phúc quá lớn. Anh cảm thấy chân tay bủn rủn, và trước thắng lợi, anh, con người đến lúc ấy chưa từng bối rối, bỗng bắt đầu run rẩy.

Anh lặng ngắm chiếc thuyền bầu dưới các tàu, và cổ máy trong lòng thuyền bầu. Dường như anh không tin vào chuyện ấy. Có thể nói là anh không ngờ đến việc anh đã làm. Một kỳ công đã từ tay anh thoát ra, và anh sững sờ nhìn nó.

Nỗi kinh hoàng ấy chỉ thoáng qua trong chốc lát.

Gilliatt, như người chợt tỉnh, lao ngay đến bên cái cửa, cắt đứt cả tám sợi cáp; lúc này, nhờ nước triều dâng lên, chiếc thuyền bâu chỉ còn cách anh có độ hơn ba mét, anh liền nhảy xuống thuyền, cầm lấy một cuộn thừng, kết bốn sợi dây trực, luồn chúng vào các khoanh sắt đã chuẩn bị sẵn, và ghì chặt, vào hai mạn thuyền, bốn sợi xích ống khói một giờ trước đây còn buộc vào mạn tàu Durande.

Chẳng xong ống khói, Gilliatt giải tỏa cho phần trên cỗ máy. Một mảng vuông của mặt boong tàu Durande vẫn dính liền vào đấy. Gilliatt nhổ đinh ra, vớt bỏ hết số gỗ ván ngổn ngang trên thuyền lên núi.

Một việc giảm nhẹ có ích.

Vả lại, chiếc thuyền bâu, như người ta phải dự kiến, cũng đã đứng vững dưới trọng lượng cỗ máy. Thuyền bâu chỉ chìm xuống đến gần nước an toàn. Cỗ máy tàu Durande, tuy nặng, cũng không bằng đồng đá và khâu đại bác mà trước đây chiếc thuyền bâu đã chở từ Herm về.

Mọi việc như vậy là xong hết. Chỉ còn việc ra đi.

IX THÀNH CÔNG VỪA CHO ĐÃ TỨC THÌ LẤY LẠI

Mọi việc chưa phải đã xong hết.

Lại mở cái ngõ hẹp ra, do mảng vách tàu Durande chặn lại, và đẩy ngay chiếc thuyền bâu ra khỏi bãi ngầm, không có gì được vạch ra rõ ràng hơn. Ở biển, mỗi giờ mỗi phút đều cấp bách. Gió ít, chỉ hơi gợn ngoài khơi; trời chiêu, rất đẹp, hứa hẹn một đêm trăng sao. Biển đứng, nhưng lại bắt đầu cảm thấy triều xuống; thời cơ tuyệt diệu để lên đường. Người ta sẽ gặp

triều xuống để ra khỏi Hòn Douvres, và triều lên để trở về Guernesey. Tờ mờ sáng là có thể có mặt ở Saint-Sampson.

Nhưng một chương ngại bất ngờ xuất hiện. Trong dự tính của Gilliatt có một khuyết điểm.

Cỗ máy tự do; nhưng ống khói lại không.

Nước triều, nâng chiếc thuyền bầu lên gần cái xác tàu lơ lửng trên không, đã giảm bớt mọi nguy cơ trong lúc hạ máy, và rút ngắn thời gian trục vớt; nhưng quãng cách này được giảm bớt thì đầu ống khói lại mắc vào trong cái khung rỗng của bụng tàu Durande toang hoác. Ống khói bị giữ lại đấy như giữa bốn bức tường.

Việc giúp đỡ của sóng nước trở thành rắc rối vì chuyện nham hiểm này. Hình như biển cả buộc phải vâng lời đã có một ẩn ý.

Đúng là những gì triều lên đã giúp, thì triều xuống lại phá đi. Ống khói, cao hơn sáu mét một tí, vướng đến hai mét rưỡi trong tàu Durande; mức nước sẽ hạ xuống gần bốn mét; ống khói, cùng với thuyền bầu tụt xuống lúc triều rút, sẽ có một quãng hơn một mét thoải mái và có thể thoát ra.

Nhưng phải bao nhiêu thời gian mới giải thoát như thế? Sáu giờ.

Sáu giờ nữa là đến gần nửa đêm, làm thế nào để có thoát ra vào giờ ấy, theo lạch nào để lặn qua tất cả những mỏm ngầm kia ban ngày cũng đã quá mức chằng chịt, và làm thế nào để mạo hiểm giữa đêm đen trong cái ổ phục kích của đá ngầm này?

Buộc lòng phải chờ đến hôm sau. Sáu giờ mất đi làm mất ít ra mười hai giờ.

Cũng không nghĩ cả đến chuyện thúc đẩy công việc bằng cách lại mở

cái ngõ hẹp của bãi ng ắm. Cái đập chắn sẽ cần thiết vào lần nước triều sắp đến.

Gilliatt đành phải nghỉ ngơi.

Khoanh tay là việc duy nhất anh chưa làm từ hôm sống trong bãi ng ắm Douvres.

Việc nghỉ ngơi miễn cưỡng này khiến anh bực tức và g ần như phẫn nộ, y như là do lỗi của anh. Anh tự nhủ: Déruchette sẽ nghĩ gì về ta, nếu nàng thấy ta ng ữa đây mà không làm gì hết!

Tuy nhiên việc hồi phục sức khỏe này có lẽ không phải vô ích.

Chiếc thuyền bầu bây giờ trong tay anh, anh quyết định sẽ nghỉ đêm trên ấy.

Anh liền đi tìm da cừu trên Hòn Douvres Lớn, đoạn trở xuống, ăn tối bằng mấy con vòm và hai ba con ấu biển, rồi khát quá uống mấy ngụm nước ngọt còn lại trong cái bi-đông g ần cạn khô, khoan khoái quấn mình trong tấm da cừu, nằm bên cạnh cỗ máy như một con chó giữ nhà, kéo sụp chiếc mũ khố xuống tận mắt và ngủ luôn.

Anh ấy ngủ rất say. Sau những công việc hoàn thành tốt đẹp, người ta thường có những giấc ngủ như vậy.

X NHỮNG LỜI CẢNH CÁO CỦA BIỂN CẢ

Vào quăng nửa đêm, thành linh, và như bị lò xo bật, anh bỗng tỉnh giấc.

Anh mở mắt ra.

Hai Hòn Douvres trên đầu anh sáng lòa như có một đống than đỏ rực phản chiếu lên. Trên toàn bộ mặt đen của bãi ngầm như có một ánh lửa.

Ngọn lửa ấy từ đâu đến?

Từ nước.

Biển cả thật khác thường.

Hình như nước đang bốc cháy. Nhìn đến đâu, trong bãi ngầm, ngoài bãi ngầm, cũng thấy toàn bộ biển cả sáng rực. Cảnh sáng rực ấy không phải màu đỏ; nó chẳng có gì như ngọn lửa lớn sinh động của những miệng hỏa sơn và các lò lửa. Không tiếng nổ, không nóng gắt, không đỏ thắm, không tiếng động. Những dải xanh xanh trên sóng giống hết những nếp nhăn của vải liệm. Một lớp ánh sáng rộng nhạt run rẩy trên mặt nước. Không phải đám cháy, mà là ảo ảnh của nó.

Một cái gì như thứ xanh xanh trong phần mộ do một ngọn lửa trong mơ.

Ta cứ hình dung cảnh u minh được thấp sáng.

Dường như đêm khuya, cái đêm khuya rộng khắp, âm u, và tản mạn, là nhiên liệu của ngọn lửa lạnh lẽo ấy. Nó là một thứ ánh sáng mờ ảo mịt mù nào đó. Bóng tối như thuộc thành phần của cái ánh sáng ma quái ấy.

Tất cả những thủy thủ trên biển Manche đều biết loại ánh lân tinh khó tả này, chúng lúc nào cũng báo trước cho nhà hàng hải. Không ở đâu chúng kỳ lạ hơn trong cái chữ V lớn, cạnh Isigny.

Trước thứ ánh sáng này, mọi vật đều mất hết vẻ thực của mình. Một sự thâm nhập ma quái làm cho chúng thành như trong suốt. Núi đá chỉ còn là những đường nét. Những sợi cáp treo nom như những thanh sắt nung trắng. Dưới nước lưới đánh cá của ngư dân có vẻ như đan bằng lửa. Một nửa mái

chèo bằng gỗ mun, còn nửa kia, dưới nước, bằng bạc. Từ mái chèo rơi xuống mặt sóng, các giọt nước rắc sao lên biển cả. Mỗi con thuyền được kéo theo sau một ngôi sao chồi. Các thủy thủ ướt đầm và sáng ngời như người đang bốc cháy. Nhúng bàn tay xuống nước, lúc rút lên thì tay đã mang găng lửa; ngọn lửa ấy là một ngọn lửa chết, người ta không cảm thấy nó. Cánh tay bạn là một thanh củi cháy dở. Bạn thấy những hình bóng trong biển cả đang cuộn tròn trôi dưới sóng nước theo dòng lửa. Bọt nước lóe sáng. Cá là những ngọn lửa và những đoạn chớp ngoằn ngoèo dưới một tầng sâu nhợt nhạt.

Cái ánh mờ mờ ấy đã xuyên qua mí mắt nhắm của Gilliatt. Chính nhờ nó mà anh đã tỉnh giấc.

Anh dậy vừa đúng lúc.

Nước triều đã xuống, một đợt triều mới lại đến. Ống khói cỡ máy, được giải thoát trong lúc Gilliatt ngủ, sắp bị cái xác tàu toang hoác phía trên tóm lại.

Nó đang từ từ trở lại vị trí cũ.

Chỉ ba bốn tấc nữa là ống khói lại chui vào lòng tàu Durande.

Đối với nước triều, dâng lên ba bốn tấc là quãng nửa giờ. Nếu muốn lợi dụng việc giải thoát đã được xét lại này, Gilliatt có nửa giờ trước mắt.

Anh vùng ngay dậy.

Hoàn cảnh có gấp rút mấy anh cũng không thể làm gì khác hơn là đứng yên mấy phút, ngắm nhìn cảnh lân tinh lấp lánh, trầm ngâm suy nghĩ.

Gilliatt vốn thông thạo biển cả. Mặc dầu biển cả đã nổi giận, và mặc dầu anh vẫn thường bị biển cả bạc đãi, từ lâu anh vẫn là bạn đường của biển cả.

Nhân vật huyền bí gọi là đại dương không thể có cái gì trong tư tưởng mà Gilliatt không đoán được. Nhờ quan sát luôn, nhờ mơ màng và cô đơn mãi, Gilliatt đã trở thành gần như một người đoán trước được thời tiết, mà tiếng Anh gọi là Weatherwise.

Gilliatt vội chạy đến bên đồng thùng, thả hết dây cáp ra; đoạn không còn bị bộ neo đổi giữ chân nữa, anh chụp ngay lấy cái sào móc của thuyền bầu và, ù mạnh vào vách núi, anh đẩy nó về phía cái cửa hẹp nằm ở bên kia tàu Durande vài ba sải, ngay cạnh đập chắn. Các thủy thủ Guernesey gọi là hàng ngũ. Không đầy năm phút, thuyền bầu đã rút ra khỏi bụng xác tàu mắc cạn. Từ nay không còn sợ ống khói lại mắc vào bẫy. Sóng triều cứ việc dâng.

Tuy nhiên Gilliatt không có vẻ gì của một người sắp ra đi.

Anh vẫn ngắm nhìn cảnh trời lấp lánh ánh lân tinh và thu neo lại; nhưng không phải là để nhắc nhở, mà để một lần nữa neo thuyền bầu lại thật chắc; cạnh lối ra, đúng thế.

Đến lúc ấy anh chỉ mới dùng có hai cái neo của thuyền bầu, anh chưa sử dụng đến cái neo nhỏ của tàu Durande tìm được, ta còn nhớ trong lớp đá ngầm. Chiếc neo này được anh để trong một xó thuyền bầu, phòng trường hợp cấp bách, với cả một lô đồ dự bị như thùng buộc tàu, puli dựng buồm, và sợi cáp có sẵn những dây buộc một đầu rất dòn, nhờ vậy mà không phải đi tìm. Gilliatt thả chiếc neo thứ ba này, có ý buộc sợi cáp vào một sợi thùng ba tao mà một đầu móc và khoen neo, còn đầu kia thì buộc sẵn vào máy trục thuyền bầu. Bằng cách ấy, anh tạo được một lối buông neo chân ngỗng, chắc hơn lối neo đôi nhều. Điều này chứng tỏ anh rất thông thạo, và rất chu đáo. Một thủy thủ hẳn phải nhận thấy đây gần như

cách neo thuyền lúc thời tiết bắt buộc, khi người ta sợ bị một luồng nước bốc thuyền lên cơn gió.

Cảnh lân tinh lấp lánh, mà Gilliatt theo dõi và chăm chăm để mắt, có lẽ đang đe dọa, nhưng đồng thời lại giúp anh. Không có nó có lẽ anh đã bị giắc ngủ giam giữ và đêm khuya đánh lừa. Nó đánh thức và soi sáng cho anh.

Trong bãi ngấn ánh lân tinh chiếu sáng một cách đáng ngờ. Nhưng cái mơ hồ này, dù có vẻ đáng ngại cho Gilliatt, lại có tác dụng giúp anh nhìn thấy rõ nguy cơ và vận hành được dễ dàng. Từ đây, khi nào Gilliatt muốn giương buồm, chiếc thuyền bâu mang cỗ máy được tự do.

Có đi đâu dường như Gilliatt mỗi lúc một ít nghĩ đến việc ra đi. Chẳng giữ xong thuyền bâu, anh đi tìm sợi xích to nhất trong kho, buộc nó vào những chiếc đinh đóng vào hai Hòn Douvres, và với sợi xích đó anh củng cố phía trong cái thành lũy bằng ván và sà gổ đã được bảo vệ bên ngoài bằng sợi xích chéo. Anh không mở lối ra, mà lại hoàn tất việc chắn giữ thêm cho nó.

Lân tinh vẫn lấp lánh soi sáng lối ra, nhưng có dị bất. Đúng là ánh sáng ngày đang bắt đầu chớm rạng ở chân trời.

Thình lình Gilliatt phải lắng tai nghe.

XI AI HIẾU, NẤY NHỜ

Trong chốn xa xăm vô tận, hình như anh đang nghe thấy một tiếng gì rất khẽ và không rõ rệt.

Có những giờ phút vực thẳm phát lên tiếng một tiếng rền vang.

Anh lại lắng tai nghe lần thứ hai. Tiếng động xa xăm lại bắt đầu. Gilliatt lắc đầu như người biết rõ sự việc.

Vài phút sau, anh đã ở đầu kia ngõ hẹp bãi ng ầm, ngay cửa vào phía đông, từ trước đến lúc ấy vẫn thênh thang và bằng những nhát búa thật khỏe, anh đóng một loại đinh to vào vách đá ở hai mũi cửa cạnh Núi Thằng Người, y như anh đã làm với cửa bãi Douvres.

Những kẽ đá nứt nẻ ở đây đều sẵn sàng và đã có nê m gỗ, hầu hết bằng lõi s ỗ. Bãi ng ầm phía này đồ nát rất nhiều, nên rất nhiều kẽ hở, và Gilliatt có thể đóng vào đấy nhiều đinh hơn ở móng hai Hòn Douvres.

Thình lình, và như có một người thổi phụt ánh lân tinh bỗng tắt ngấm; cảnh chạng vạng, mỗi lúc một sáng rõ hơn, thay thế ánh lân tinh.

Đóng xong đinh, Gilliatt kéo các xà gỗ, r ỗi thừng, chảo, xích sắt, và, mắt không rời khỏi công việc, không xao nhãng một lúc nào, với những phiến gỗ đặt nằm ngang và chằng bằng dây cáp, anh bắt đầu dựng ngang cửa Thằng Người một thứ đập chắn thưa mà khoa học ngày nay đã áp dụng và gọi là đập chắn sóng.

Những ai đã thấy, chẳng hạn ở Rocquaine, ở Guernesey, hay ở Bourgd'eau ở Pháp, tác dụng của dăm cái cọc đóng vào núi đá, khắc hiệu sức mạnh của những việc lắp đặt đơn giản như thế. Đập chắn sóng là sự kết hợp cái ở Pháp gọi là dê r ẻ nước với cái ở Anh gọi là dick. Đập chắn sóng là những cự mã của các công trình chống bão. Người ta chỉ có thể chống cự với biển cả bằng cách lợi dụng khả năng chia cắt sức mạnh ấy.

Trong khi ấy mặt trời đã lên, không chút gợn mây. Trời trong, biển lặng

Gilliatt hồi hả làm việc. Anh cũng bình tĩnh, nhưng trong thái độ vội vã của anh vẫn có nỗi lo âu.

Anh bước những bước dài từ mộ đá này sang mộ đá kia, từ đập chắn đến kho và từ kho đến đập chắn. Anh về, hồi hả kéo lúc thì một thanh gỗ ghép, lúc thì một miếng ván ộp. Công dụng của sà dự trữ này bây giờ mới thấy rõ. Tất nhiên Gilliatt đang đứng trước một sự bất ngờ đã dự đoán.

Anh dùng một thanh sắt to làm đòn bẩy để xeo các sà gỗ.

Công việc tiến hành nhanh đến nỗi tưởng như một sự xuất hiện hơn là một công cộng xây dựng. Ai không thấy một công binh làm cầu thì không thể có ý niệm về sự nhanh chóng ấy.

Cửa biển phía đông còn hẹp hơn phía tây. Nó chỉ hé rộng độ hai mét. Cửa hẹp lại được việc cho Gilliatt. Vì quãng cách phải củng cố và đóng kín rất hẹp, nên khung gỗ sẽ càng chắc và có thể đơn giản hơn. Như thế các sà ngang cũng đủ; các thanh đứng không cần thiết.

Đặt xong những sà ngang của đập chắn sóng, Gilliatt trèo lên trên và lắng tai nghe.

Tiếng gầm réo trở nên rõ ràng.

Gilliatt tiếp tục xây dựng. Anh chõng vào đó hai thanh gỗ treo xuồng của tàu Durande, được nối liền với chỗ sà gỗ chằng chịt bằng những dây buồm luồn qua ba bánh xe puli. Anh chằng tất cả lại bằng xích sắt.

Công trình ấy chẳng qua chỉ là một thứ liếp khổng lồ, lấy các phiến gỗ làm nan công và các xích sắt làm nan đan.

Nó giống như được đan hơn là xây cất.

Gilliatt tăng dây chằng, và đóng thêm đinh ở những nơi cần thiết.

Nhờ có nhiều sắt tròn trên xác tàu, anh đã làm được rất nhiều đinh dự trữ.

Vừa làm vừa nhá bánh quy. Anh khát nước nhưng không được uống, vì hết nước ngọt. Anh đã nốc sạch bi-đông hôm qua lúc ăn tối.

Anh dựng thêm bốn năm cái sườn nữa, đoạn lại trèo lên đập chắn. Anh lắng tai nghe.

Tiếng động ở chân trời đã lặng. Tất cả đều im tiếng.

Biển cả hiện hòa, hùng vĩ, xứng đáng với tất cả những lời văn hóa mà các thị dân vẫn tặng cho nó khi bằng lòng nó như “một tấm gương”, “một mặt hồ”, “một lớp dầu”, “một trò chơi”, “một con cừu”. Màu xanh thẫm của trời cao đáp lại màu xanh biếc của đại dương. Lam ngọc ấy, bích ngọc kia có thể ca tụng nhau. Chúng không có chút gì phải chê trách nhau. Trên cao không một gợn mây, dưới thấp không chút bọt sóng. Giữa toàn cảnh huy hoàng ấy mặt trời thánng tư rục rở tiến lên. Không thể thấy một thời tiết nào đẹp hơn.

Ở tận cùng chân trời một đàn chim bay qua vạch một nét đen dài lên bầu trời. Chúng bay nhanh về hướng đất liền. Trong đường bay của chúng hình như có ý trốn tránh.

Gilliatt lại lo tôn cao thêm cái đập chắn sóng.

Anh tôn nó lên thật cao, trong chừng mực mà chiều cong của núi cho phép.

Vào quăng trưa, anh thấy hình như mặt trời có nóng hơn mức thường. Giữa trưa là giờ cao điểm trong ngày, đứng trên tấm liếp vững chắc anh

vừa xây dựng xong, Gilliatt lại bắt đầu ngắm cảnh trời biển bao la.

Biển cả không chỉ yên lặng, hơn thế nữa, nó tù đọng. Trên biển không một cánh buồm. Bầu trời khắp nơi trong sáng; chỉ có điểm là từ xanh lam nó chuyển sang màu trắng. Màu trắng này thật đặc biệt. Ở phía tây, trên chân trời, có một vệt nhỏ, vẻ ngoài không lành mạnh. Vệt ấy đứng yên một chỗ, nhưng cứ lớn dần. Gần bãi ngầm, sóng rung rinh rất khẽ.

Gilliatt xây dựng cái đập chắn sóng là rất phải.

Một cơn bão đang đến gần.

Vực sâu quyết định giao chiến.

QUYÊN BA

CUỘC VẬT LỘN

I

THÁI CỰC LẠI GẶP THÁI CỰC, TRÁI NGƯỢC BÁO TRƯỚC TRÁI NGƯỢC

Không gì đáng sợ bằng tiết cân phân muện.

Trên biển cả có một hiện tượng rất dữ tợn mà người có thể gọi là gió lộng tràn về

Bất cứ mùa nào, đặc biệt vào thời kỳ sóc vọng^[94], vào lúc bất ngờ nhất, biển cả bỗng yên tĩnh lạ thường. Chuyển động bất diệt kì diệu này lắng dịu xuống; nó vật vờ, uể oải, như sắp nghỉ ngơi; có thể tưởng là nó mệt mỏi. Tất cả các loại giẻ rách trên biển, từ cờ hiệu đánh cá đến cờ chiến, đều thông thọt dọc các cột buồm. Cờ đô đốc, cờ vua, cờ đế, đều ngủ.

Thình lình các mảnh giẻ đó bắt đầu cử động một cách kín đáo.

Nếu có mây thì đúng là lúc đón xem sự hình thành của mây quyển^[95], nếu mặt trời lặn thì đúng là lúc ngắm nhìn ráng đỏ chiêu hôm; nếu đang đêm và có trăng, thì đúng là lúc nghiên cứu các loại quầng tán.

Vào giây phút ấy, người thuyền trưởng hoặc vị chỉ huy hạm đội nào may mắn có được một cái kính-báo mà người sáng chế không được ai biết đến, khắc quan sát cái kính ấy bằng kính hiển vi và có biện pháp để phòng chống gió nam nếu thứ nước chế giống như đường tan, và chống gió bắc nếu thứ nước chế tách ra thành những tinh thể giống những bụi dương xỉ hoặc những rừng tùng. Vào giây phút ấy, sau khi tra cứu một hình nhật

khuê bí mật nào đó, do người La Mã hoặc do ma quỷ khắc là cruach, anh ngư dân đáng thương người Ireland hay người Bretagne vội vã đưa thuyền về

Trong khi ấy bầu trời và đại dương vẫn trong xanh. Trời mai bùng lên rực rỡ và bình minh chúm chím mỉm cười; cảnh tượng ấy gây nên nỗi hãi hùng kính cẩn của các nhà thơ già và các thầy bói già, kinh hoàng trước việc người ta có thể tin vào sự giả dối của mặt trời. *Solem quis dicere falsum audeat?*^[96]

Nhờ tính chất mờ đục tai hại của mọi vật mà con người nhận được hình ảnh tối tăm của cái khả năng tiềm tàng. Dung mạo đáng sợ nhất và nham hiểm nhất là cái mặt nạ của vực thẳm.

Người ta thường nói: lươn nằm dưới đá; lẽ ra phải nói: bão táp nằm dưới biển lặng trời êm.

Vài giờ, có khi vài ngày, trôi qua như thế. Các hoa tiêu chĩa thiên lý kính nhìn đây nhìn đó. Gương mặt các thủy thủ già thường có một vẻ nghiêm nghị do ngấm ngấm phần nộ phải chờ đợi.

Thình lình có tiếng rì rào hỗn tạp. Một kiểu đối thoại bí mật trên không trung.

Không thấy gì cả.

Không trung vẫn thản nhiên.

Trong khi ấy tiếng động lớn dần, to dần, cao dần. Bản đối thoại càng rõ.

Có một kẻ nào đó phía sau chân trời.

Một kẻ nào đó rất khủng khiếp, gió.

Gió, tức cái giống khổng lồ mà chúng ta gọi là Phong Thần.

Tên đại diện của bóng tối.

Ấn Độ gọi chúng là Marouts, xứ Judée gọi là Kéroubims, Hy Lạp gọi là Aquilons. Đây là những con mãnh mẽ vô hình của vô biên. Những Thần Bắc Phong ấy đang rầm rộ chạy đến.

II CÁC LOẠI GIÓ NGOÀI KHƠI

Chúng từ đâu tới? Từ cõi vô biên. Sải cánh chúng cần có đường kính của vực sâu. Đôi cánh khác thường của chúng cần có quang lùì vô tận của những chốn hoang vu. Đại Tây Dương, Thái Bình Dương, những lỗ hồng rộng lớn màu xanh ấy, mới thích hợp với chúng. Chúng làm cho những nơi ấy tối tăm. Chúng bay từng đàn. Tư lệnh Page có lần đã thấy trên biển khơi bầy cây nước một lúc. Chúng ở ngay trước mắt, hùng hổ. Chúng âm mưu những tai hại. Lao tâm khổ cực của chúng ta làm cho nước căng phồng lên chốc lát và vĩnh viễn. Đi đâu chúng có thể làm không ai biết, đi đâu chúng muốn làm không ai hay. Chúng là những con nhân sư của vực thẳm, và Gama^[97] là Oedipus^[98] của chúng. Trong cảnh tối tăm của không trung luôn luôn chuyển động, chúng xuất hiện dưới những bộ mặt mây dày. Kẻ nào trông thấy những đường nét tái nhợt của chúng trong cái cảnh mịt mù là chân trời của biển cả, đều cảm thấy mình đứng trước một sức mạnh bất diệt. Tưởng như trí tuệ con người khiến chúng lo ngại và chúng đang xù lông lên với nó. Trí tuệ là vô địch, những nguyên tố cơ bản là vật không thể chiếm được. Làm thế nào để chống lại sự có mặt ở khắp nơi nơi... không

thể hiểu được? Gió biến thành chùy r ồi lại vẫn là gió. Gió chiến đấu bằng cách tiêu diệt và tự vệ bằng cách tan biến. Ai gặp chúng cũng cần phải bó tay. Sự tấn công của chúng, nhiều hình nhiều vẻ và đầy ảnh hưởng vang dội làm cho hoang mang. Chúng tấn công cũng tài mà chạy trốn cũng giỏi. Chúng là những kẻ vô ảnh vô hình ngoan cố. Làm thế nào để thắng chúng? Mũi tàu Argo, đeo trong một cây s ỏi của Dodone vừa là mũi tàu vừa là hoa tiêu, nói với chúng. Chúng hành hạ mũi tàu nữ thần ấy. Christophe Colomb, thấy chúng lao đến tàu La Pinta, liền chạy lên boong và đọc cho chúng nghe những khổ đầu tiên của Kinh Thánh theo Thánh Jean. Surcouf mắng chửi chúng. Ông nói: Đây là bọn vô lại. Napier nã đại bác vào chúng. Chúng có cái quy ền độc đoán của hỗn mang.

Chúng có tính chất hỗn mang. Chúng làm gì với nó? Một gì đó rất nghiệt ngã. Hang gió còn quái đản hơn h ần sư tử. Biết bao nhiêu xác chết nằm dưới nếp nhăn khổng lồ ấy! Gió đẩy một cách không thương tiếc cái khối lớn tối tăm và s ầu thảm. Người ta thấy tiếng chúng, còn chúng, chúng chẳng cần nghe gì hết. Chúng phạm phải những việc g ần như tội ác. Người ta không biết chúng ném những mảnh bọt trắng xóa vào ai. Trong cảnh đấm tàu có biết bao độc ác vô luân! Thật xúc phạm thượng đế biết chừng nào! Có lúc chúng có vẻ như nhổ vào mặt Chúa. Chúng là những tên bạo chúa của những nơi... không ai biết đến. Các thủy thủ thành Venise thường lầm bầm: *Luoghi spaventosi*^[99].

Không gian run rẩy đành mặc cho chúng bạo hành. Những gì xảy ra trong những chốn cô đơn to lớn ấy thật không tả nổi. Có lẽ nào có người ngựa l ần vào bóng tối. Không khí rộn ràng như tiếng rừng cây. Không nhìn thấy gì cả, nhưng lại nghe tiếng d ồn dập của những đoàn quân cưỡi ngựa. Đang giữa trưa, trời bỗng tối s ầm; một cơn bão đi qua; đang đêm khuya,

trời bỗng dưng bừng sáng; tầ n khí địa cực rực đỏ. Những cơn lốc thay nhau đổi chiều, một thứ vũ khúc ghê tởm, tiếng thiên tai giậm chân trên nguyên tố. Một đám mây nặng quá vỡ tung ở quãng giữa, và rơi từng mảng xuống biển sâu. Những đám mây khác, đầ y màu đỏ, soi sáng và gầ m reo, đoạn tối sầ m lại thê thảm; đám mây không còn sét đen kịt lại, đây là một thứ than tấ t ngấ m. Những túi mưa vỡ tung thành mây mù. Chỗ này một lò lửa đang có mưa tuôn; chỗ kia một trận mưa rực ngời ánh lửa. Những màu trắng của biển cả dưới làn mưa xối xả soi sáng những cảnh xa xăm kì dị, người ta thấy những lớp dày biển dạng trong đó có những hình dáng tương tự lang thang. Những cái rốn quái gở đào sâu vào các đám mây. Hơi nước quay rút, sóng nước xoay tròn; những nữ thủy thần say rượu lăn lộn; biển cả mông mênh nặng nề và êm lặng cử động mà không chuyển dịch; tất cả đầ u tái nhợt; từ màu sắc nhợt nhạt ấy thoát ra những tiếng kêu tuyệt vọng.

Ở tận cùng chốn u minh huyền bí, có những đám đen run rẩy. Có lúc, lên đến cực điểm. Lao xao trở thành ồn ào, cũng như sóng nước trở thành sóng biển. Chân trời, nơi sóng nước chầ ng chấ t hỗn độn, nơi dao động không ngừng, rì rào liên tục những tiếng đổ vỡ nổ tung, lạ lùng; tưởng như tiếng hắt hơi của giao long. Những luồng gió lạnh chợt đến, rầ i những luồng gió nóng. Tiếng biển cả rung chuyển báo hiệu một hiện tượng hải hùng ghê gớm nhất. Ấy náy. Lo âu. Hải hùng sâu sắc của sóng nước. Đột nhiên phong ba như một con vật, đến uống nước đại dương; sức hút dị thường; nước cuốn lên cái mầ m vô hình, một bầu giác hình thành, nốt tay phầ ng lên; đấy chính là nước, Prester của người xưa, thạch nhũ từ trên thông xuống, thạch nhũ từ dưới mọc lên, hai hình nón ngược chiều xoay tít, đỉnh nhọn đứng thẳng bằng trên đỉnh kia, như hai quả núi hôn nhau, một quả núi bọt vươn lên, một quả núi mây cúi xuống; cảnh giao hoan hải hùng

của bóng đêm và sóng nước. Cây nước, như cái cột trong Kinh Thánh, ban ngày đen tối, ban đêm sáng rực. Đứng trước cây nước sấm trời phải im tiếng. Hình như nó sợ.

Cảnh hỗn loạn rộng lớn của những nơi hoang vắng có một âm giai cao dần dễ sợ: gió mạnh, gió cơn, cuồn phong, phong ba, bão nhỏ, bão táp, cây nước; bầy sợi dây đàn trên cây thất truyền của gió, bầy thanh âm của vực thẳm. Bầu trời là một chiều rộng, biển cả là một hình tròn; một hơi thở thổi qua, chẳng còn gì của tất cả những cái ấy nữa, mọi vật đều điên cuồng hỗn loạn.

Những nơi nghiệt ngã ấy là như vậy đấy.

Các ngọn gió chạy, bay, sà xuống, lắng dừng, rồi lại bắt đầu, bay lượn, vi vu, kêu rống, cười vang; điên cuồng, dâm dật, mặc sức hoành hành, hoan hỉ trên sóng nước cau có. Loài khí ấy có cả một hòa âm. Chúng làm cho cả đất trời vang rộ. Chúng thổi vào mây như thổi vào một thứ kèn đồng; chúng ngậm không gian để thổi; và trong cõi vô biên, với tất cả các loại âm thanh kết hợp của kèn nhà binh, ốc thổi, tù và, kèn bấm, và kèn sấm, chúng nổi lên một hồi kèn Prométhée. Ai nghe chúng tức là lắng nghe Pan^[100]. Điêu đáng sợ là chúng đùa bỡn. Chúng có một ngu ồn vui to lớn gồm toàn bóng tối. Chúng săn lùng các thuyềnbè ở những nơi xa vắng. Không nghỉ ngơi, ngày cũng như đêm, mùa nào cũng như mùa nấy, tại vùng nhiệt đới cũng như ở miền địa cực, thổi vang cái kèn điên loạn, chúng tiến hành cuộc săn lùng tối tăm to lớn các vụ đắm tàu qua cảnh chằng chịt của mây trời và sóng biển. Chúng là chủ của các đàn chó săn. Chúng vui đùa.

Chúng thúc chó sủa theo núi non, theo sóng biển. Chúng phối hợp rồi

lại làm tan rã mây trời. Chúng nhào trộn, như với hàng triệu bàn tay, sự mềm mại của sóng nước bao la.

Nước mềm mại vì nước không thể dồn nén. Dưới sức mạnh, nó trôi trượt. Đè bên này, nó thoát ra bên kia. Chính nhờ vậy mà nước trở thành ba đào. Sóng biển là tự do của nước.

III BIỂN VÀ GIÓ

Chúng ta nhìn thấy các triều lưu của nước; chúng ta không nhìn thấy các triều lưu của không khí. Giống hết đại dương, khí quyển cũng có triều lên và triều xuống, to lớn hơn, và nhô lên phía mặt trăng, như một cục bướu khổng lồ.

Tính chất đơn nhất gây nên tính chất phức tạp, đó là, như chúng ta vừa nói, quy luật của mọi quy luật.

Bộ máy của khí quyển rất đơn giản.

Một thế quân bình hình thành giữa các điện lực của khí quyển và từ lực của quả đất.

Các vùng nhiệt đới là những bộ máy đun sôi, các lục địa là những bộ máy ngưng tụ; sức co rút ngang bằng sức giãn nở; xích đạo từ trên rút xuống, các địa cực ở dưới bù đắp lên. Sự lui tới qua lại ấy là gió.

Toàn bộ thiên nhiên là một sự trao đổi.

Hai vòng gió, một vòng địa cực, một vòng ở xích đạo chuyển động vĩnh viễn xung quanh quả đất.

Dưới hai vòng quay đó, quả đất cứ lăn.

Thật là một cảnh tượng hùng vĩ.

Hai vòng gió đó gặp vuông góc, làm vỡ khí quyển, và tạo thành những chỗ gãy mà ta gọi là bão.

Từ các chỗ gãy ấy thoát ra những cơn lốc. Chướng ngại vật đầu tiên mà các cơn lốc gặp phải chuyển cho chúng các động tác quay tròn. Một hòn đá dưới nước, như mũi Ténériffe, hay như bãi ngầm Douvres nữa, cũng đủ. Chúng chuyển động theo hình tròn ốc qua không gian và kéo biển cả theo các vòng tròn của chúng. Một cơn phong ba xoắn vặn một chiếc thuyền ba boong y hệt một bà thợ giặt vắt quần áo. Ta hãy hình dung một con rắn không khí khổng lồ, cao một dặm và dài ba bốn trăm dặm, quay tít với tốc độ khủng khiếp trên đại dương.

Gió hành hạ biển cả. Việc bạo hành còn làm đảo lộn cái nhịp điệu rộng lớn mà ta gọi là thủy triều. Sóng nước bị dày vò nổi loạn. Những đám mây dài, như những túi điện, phồng lên, và qua một vài hình dáng căng phồng kì dị, người ta đoán được trong chúng đang có sấm sét bị giam giữ như con vật chết trong bụng con trăn. Bọt nước rùng rùng trăm nghìn chỗ trên vách đá ngầm như chiếc áo dài đay trên mình thần Vệ - nữ Andyomène. Phong vũ biểu hạ xuống, dâng lên, rồi lại tụt xuống; trong bão táp cũng có hiện tượng đen tối như thế. Người ta nghe tiếng thồn thừ của tạo hóa. Biển cả là một bà cả khóc. Nó có nhiệm vụ van xin; đại dương than thở thay cho tất cả cái gì đang đau khổ. Dưới nước, các khí lực qua lại, với một tốc độ bảy vạn dặm một giây, từ bắc cực nơi có một ngọn núi lửa là Hekla, đến nam cực nơi có hai núi lửa là Erebus và Terror. Chết nước và chết lòng ganh đua nhau. Các vùng hoang vắng không có gì bảo vệ phải chịu đựng những

đụng chạm của cuộc tranh đấu dã man đó. Nếu không có ai thì gọi là hồng thủy, nếu có người ở đó thì gọi là nạn đắm. Câu chuyện ly kỳ của bóng tối là như thế. Gió trời tuôn chảy và sụp đổ; chảy, chúng là cuộc sống, đổ, chúng là thiên tai.

Dưới vòng gió xích đạo, có sấm rền liên tục.

Trái đất xoay vùn làm mòn bờ trái của các con sông ở nam bán cầu.

Chúng ta cần nói rõ vấn đề hình học vĩ đại này. Điện luôn luôn có hiện tượng phân cực trong các vòng của những trôn ốc gió; một nửa vòng bên này mang điện dương, nửa bên kia mang điện âm. Điều đó được máy điện nghiệm chứng minh. Đường chuyển vị chạy theo trung tâm bão tách đôi hai thứ điện. Ở chính giữa, trọng lực giảm xuống.

Tại trung tâm bão, hoàn toàn yên tĩnh. Ở đó là cân bằng. Bão hòa hoãn với chính nó.

Càng đi lên các vùng lạnh, mặt phẳng di chuyển của bão càng nghiêng. Tại các vùng nhiệt đới, bão là một tiếp tuyến tại các vùng địa cực, nó là một cát tuyến. Bạn hãy hình dung một cái đĩa, lúc đầu đặt nằm, dần dần đứng thẳng lên.

Cách xa chín trăm dặm, một cơn bão đang di chuyển đã ảnh hưởng đến phong vũ biểu.

Biến đổi trong bất biến, chúng ta cần nhấn mạnh điểm đó, pháp chế ấy là như vậy. Vô số hiện tượng phối hợp thêm vào đó, và cuối cùng làm cho bốn năm qui luật, bên ngoài rất đơn giản, trở thành rối rắm như rừng. Mỗi sự việc là một bảng số lôgarit, mỗi một số hạng thêm vào lại chia tách nó ra đến mức biến đổi hẳn nó. Mọi sự vật đều có một hình bóng chung, trên đó

hiện rõ và tập hợp những đường nét lớn của công cuộc tạo hóa: bên dưới là cái không thể thăm dò nổi. Vật lý học bao hàm cả hóa học. Tất cả các quy luật của thiên nhiên đều có một nền tảng.

Từ chỗ thiên nhiên là một, người ta đã kết luận là thiên nhiên đơn giản. Sai lầm. Khắp nơi, trong cái mà khoa học cổ xưa gọi là nguyên tố, khoa học ngày nay đều công nhận có những thành phần cấu tạo. Nước biển chẳng hạn, đơn giản đối với Pythagore, năm qua bao gồm hai mươi lăm chất; năm nay (1864) qua phân tích, thêm vào đó hai chất nữa, bore và nhôm; thế là hai mươi bảy.

Các hiện tượng chằng chịt vào nhau. Chỉ thấy một hiện tượng tức là chẳng thấy gì cả. Thiên tai nhiều vô tận. Chúng cũng có quy luật phát triển như mọi thứ tài sản khác, là sự giao lưu. Cái này xen lẫn cái kia. Việc hiện tượng thâm nhập vào hiện tượng sinh ra đi đâu kỳ diệu.

Kỳ diệu là hiện tượng ở trạng thái kiệt tác. Đôi khi kiệt tác là một tai biến. Nhưng trong bộ máy của tạo hóa, một sự phân tích kỳ diệu tức thì được tổng hợp, không cái gì không có mục đích.

Bước đầu là giao hoan, bước hai là sinh con đẻ cái. Trật tự của vũ trụ là một cuộc hôn nhân huyền diệu. Không bao giờ có chuyện sinh nở hỗn loạn. Hỗn mang là một cảnh độc thân. Chúng ta không ngừng chứng kiến sự kết hôn của tổ tiên chúng ta. Adam và Eve vốn vĩnh cửu. Adam là quả đất, Eve là biển cả.

Khi biển cả muốn, thì biển cả vui tươi. Không một niềm vui nào có vẻ ngoài hớn hở như biển cả. Đại dương là hình ảnh của một sự nảy nở hoàn toàn. Ngoài mây trời ra không một cái gì che khuất được nó, và cái bóng che đó, chỉ một hơi gió là tan biến ngay. Chỉ nhìn trên mặt thì đại dương là

tự do, và cũng là bình đẳng. Trên cái mực thẳng bằng đó tất cả mọi phát tỏa đều được thoải mái tự do. Trời trong mặc sức phơi bày trên đây vẻ vui tươi vĩ đại. Biển cả thanh bình là một cảnh hội hè. Không một tiếng gọi nào của còi tần âm trầm hơn, đáng yêu hơn. Không một thủy thủ nào không muốn ra đi. Không gì so sánh nổi cảnh thanh bình đó, và toàn cảnh bao la chỉ là một bàn tay âu yếm vuốt ve, sóng nước thở dài, gành đá hát ca, rong rêu hôn hít, và hải âu cùng các loài chim biển bay lượn, đờng biển mềm mại dập dờn từ con sóng nọ sang con sóng kia, và dưới những tổ bói cá, nước như một vú em, sóng biển như một nôi trẻ, trong khi mặt trời phủ một lớp ánh sáng rực rỡ lên tất cả những bộ mặt giả dối khủng khiếp của vực sâu.

Những vẻ ngoài của biển cả thay đổi rất nhanh, đến mức đối với nhà quan sát, quang cảnh biển cả trở thành hoàn toàn huyền hoặc khó hiểu; tính chất thô bạo đó chuyển thành tính chất trừu tượng. Đây là một đại lượng tự phân chia rồi lại tự hợp lại. Đại lượng ấy có thể giãn nở, trong đó có tính chất vô tận. Cũng như biển cả, tính toán luôn luôn gọn sóng. Sóng nước cũng huyền ảo như con số. Nó cũng cần một hệ số bất động. Nó có giá trị nhờ đá ngầm, cũng như con số nhờ số không. Cũng như các con số, sóng nước có một mặt trong suốt cho ta nhìn thấy dưới nó là những vực sâu. Chúng lẩn tránh, tự xóa nhòa, tự tái tạo, không tự tồn tại, chờ được người ta sử dụng, sinh sôi nảy nở mênh mông trong bóng tối, luôn luôn có mặt ở đó. Không gì có thể cho ta thấy được hình ảnh các con số như lúc ta nhìn cảnh trời nước bao la.

Trên cảnh mơ màng ấy cuồn phong đang bay lượn.

Người ta thoát ra khỏi chỗ trừu tượng nhờ có bão táp.

Mare portentosum^[101].

Làn nước mênh mông cô độc đó, cái giải quyết chuyển động phân tán, cái lớp phong ba xiết bao bình thản ở bên dưới đó, ăn thông bằng những mạch ngầm với những hỏa sơn bùn vẫn phụt ra ngoài chất mùn bên trong, tiết lộ cho ta biết đâu là địa cầu, cũng như con người, cũng có lớp da là mặt đất và niêm mạc là bùn. Địa cầu hiển nhiên là sinh vật. Nó có sống không? Đây là câu hỏi. Giữa vấn đề có sinh khí và sống, có một khác biệt, là cá tính. Ở đây có một cái tôi rất to lớn. Điều đó ai dám khẳng định? Điều đó ai dám phủ nhận?

Dù sao nước cũng phụ thuộc vào gió. Sóng biển luôn luôn phải chịu đựng gió. Vì vậy mà sinh ra vô vàn sự việc hiển nhiên, bên ngoài trái ngược, tựu trung thống nhất, rất khó theo dõi các chuyển biến không ngừng cho Hippocrate, Aristote, Avicenne, Albert le Grand, Galilée, Porta, Huyghens, Mariotte, Volta, Vallisneri, Spallanzani, Beccaria, Wheatstone, Lyell, Coulvier-Gravier, Maury, Peltier, Maxadorf, Schoenbein, Humboldt, cho cả Mathieu de la Drôme tài giỏi, và cả những nhà văn minh mẫn thông thái như Margollé và Zurcher, hai nhà sử học về gió.

Gió, cái giống bất thường đó, cái ý chí đó, *flat ubi vult*^[102], hình như ngày nay nó chế giễu các sợi dây thép của Snow - Harris, cũng như trước kia nó đã chế giễu hai thanh kiếm của Artaxerce và của Hoàng hậu Paryzatis.

Những thanh kiếm đó là mầm mống của cột thu lôi.

Lớp khí quyển, dày mười lăm dặm, có thể giãn nở đến ba mươi dặm, đã được Galilée cân, Toricelli người sáng chế ra phong vũ biểu làm bằng thủy ngân, Pascal đo từ trên tháp Saint - Jacques, Lavoisier phân

tích. Người ta mới đạt được đến chỗ đó.

Ai biết khoa học sẽ dừng lại đâu? Ai biết con người có rèn được chiếc chìa khóa của gió hay không?

Để vây bắt cuồng phong, khoa học làm một cái lưới nhện mắt; đài quan sát Luân Đôn có hai mươi sáu tấm bản đồ của thủy sư đô đốc Fitz-Roy, đài quan sát Paris xây dựng tập bản đồ Bão táp. Khoa học đạt đến chỗ dự đoán được thời tiết, gần như tiên đoán, bằng cách kéo dài thật xa trên đại dương, nhờ đối chiếu các sự kiện và nhờ tính toán, tất cả các đường cong cùng một áp lực phong vũ biểu. Những điểm uốn của các đường cong ấy cho biết những thay đổi của khí quyển.

Một phần của câu đố đã được đoán ra. Các số cho biết khác của bài toán cong đang được nghiên cứu.

Gió trời, quân bại chúa ấy, chỉ biết vâng lời; đoàn quân phân tán và tai quái ấy bị chỉ huy; tính điên rồ ấy có những quy luật của nó. Quy luật lớn đến nỗi phát biểu chúng lên cũng đã khủng khiếp rồi.

Chu kì mười chín năm của mặt trăng được Grand-Jean de Fouchy quan sát, chu kì bốn mươi một năm của mặt trời cho thấy lại số chấm đen tối đa, hiện tượng mưa sao trong những đêm xung hạn mùng 10 tháng tám và ngày 12 tháng mười một, toàn bộ pháp chế bí mật đó chi phối cái hoa gió tối tăm. Bình minh bắc cực là một dấu hiệu khơi dậy cuồng phong. Một thiên thể rơi vào mặt trời, một cơn bão nổ ra trên quả đất; trùng hợp kỳ lạ, mà cũng có thể là quy luật.

Những áp lực kỳ diệu. Có nhiều guồng máy không thông ước khác đã được cảm đoán. Từ mùng 10 tháng mười 1781 đến ngày 25 tháng ba 1782, trong khi ngôi sao Hercule thứ năm mươi lăm tắt, đại dương bị rối loạn vì

bão táp. Schwabe khẳng định sự kiện mặt trời, Slough khẳng định sự kiện tinh tú. Tại sao không? Con kiến đè nặng địa cầu; một ngôi sao rất có thể đè nặng lên trái đất. Ai biết được cái khối lượng chúng ta phụ thuộc vào những biến đổi của sao gama Antinous, của sao delta Cephée và sao anpha Dragon? Ai biết được kích thước của ảnh hưởng vũ trụ? Ai biết được chiều dài của các khí lực? Chúng ta chẳng cảm thấy hay sao, trong một chừng mực nào đó, qua những ảnh hưởng ngay trong hệ thống hành tinh của chúng ta, tất cả những t òn tại xa xôi nhưng to lớn của sao Sirius, Mira Ceti, Argo thỉnh thoảng gần đạt đến cường độ sao Canopus, và những giao động của chòm sao Giao long Hévelius? Humboldt bơ thờ vợ vẫn vì thế. Có chắc rằng một vạn sáu nghìn sao sa trong một đêm không ảnh hưởng gì, chẳng hạn, tới một cơn gió như cơn gió đẩy biển vào đất liền, phía Elliott Key, đến mức làm cho thuyền bè phải vớt neo vào rừng không? Lúc tỉnh dậy, thủy thủ tàu Ledbury - Snow nhận thấy neo của họ móc ở dưới nước, trên các ngọn cây.

Không có gián đoạn trong công cuộc tạo hóa; không có nhịp cầu nào gãy, không có sự l ãm l ẫn nào, một sự việc và những gì phụ thuộc vào nó luôn luôn bao trùm toàn bộ thiên nhiên; sợi xích có thể dài ngắn chút ít, nhưng không bao giờ đứt. Bạn cứ leo theo sợi thừng nút to lớn ấy, l ẫn hết sự việc này đến sự việc khác, bạn sẽ đi được từ con vi trùng đến chòm sao. Tính huyền bí nội tại gắn liền vào chính nó. Không có thứ gì tiêu tan. Không cố gắng nào bị hoài phí. Không cái gì vô ích cả. Vũ trụ có và chỉ có cái gì cần thiết.

Ảnh hưởng của tinh tú phối hợp với ảnh hưởng của quả đất. Chẳng lẽ những hiện tượng liên quan mật thiết với sự thu hẹp vòng quay của quả đất lại không liên quan, chẳng hạn, đến tốc độ hung hãn của một số gió bắc

cực sao? Và đặc biệt là với lại hình gió mạng Na Uy, có lần đã làm tụt phong vũ biểu trong một ngày đến hai mươi một ly tại Skudernoos và đến ba mươi một ly tại Christiansund?

Tạo hóa khôn dò có máy móc của nó. Laplace nói: máy trời. Chúng ta không thể thấy nổi hệ thống bánh xe của nó vì chúng to lớn vô cùng. Cánh tay đòn của nó đi từ chỗ chúng ta gọi là thực tế đến chỗ chúng ta gọi là trừu tượng. Ngay trong điểm hình học cũng có những điểm lực. Không một thước đo nào, không một mơ mộng nào, có thể cho ta ý niệm về sự truyền lan sinh khí do những sự gần gũi càng ngày càng nhiều hơn hay ngày càng ít đi, một lực đẩy ngợp người của cái bất định trong cõi vô biên. Cái vô cùng lớn đến cái vô cùng nhỏ và cái vô cùng nhỏ đến với cái vô cùng lớn. Bạn hãy cần một dấm đá nhánh, một ít thôi; trong một ít bột nhỏ biển ấy có bốn mươi một tỷ bộ xương. Bạn thấy khác biệt như thế nào giữa số tro đó với thứ bụi khác mà người ta gọi là dải Ngân Hà: Trong hai thứ, thứ nào huyền diệu hơn?

Đây là khuê tảo, kia là tinh sao. Ở trên cũng như ở dưới, đều là những vật nhỏ mọn; ở dưới cũng như ở trên, đều là những thứ to lớn vô cùng.

Mối liên quan là cái thước duy nhất, thế giới cực nhỏ cũng có những vật không lồ. Bên cạnh con monade lúc hoàng hôn mới ra, thì con kolpode có mũ là con cá voi bên cạnh con cá bống. Giữa vũ trụ cực bé và vũ trụ phải nhìn bằng kính viễn vọng, có điểm giống nhau. Tất cả vấn đề là xem cái gì cũng nhỏ bé hết.

Bản thân con người, tên không lồ về trí tuệ và ý chí, là cực nhỏ. Một tỉ người, tất cả dân số của quả đất, có thể nằm gọn trong một chiếc quan tài cao một nghìn bộ, rộng một nghìn bộ và dài sáu nghìn bộ. Ngọn núi nhỏ

nhất của dãy núi Alpes, khoét rộng và đào sâu xuống, cũng đủ cho cỡ thạch mộ của loài người.

Cuộc sống là sự truyền giao dần dần: bàn tuốt, dây truyền, sợi xích. Chết là một sự thay đổi mắt xích. Vì không thể có một giải pháp liên tục nào cả, nên sự vĩnh cửu của cái tôi là hợp lực của sự việc nội tại. Việc quên đi mất quá khứ sẽ là sự đứt đoạn của sợi dây xích. Chúng tôi muốn nói quên hẳn - vì có thể có trạng thái quên chốc lát và không làm mất mát gì cả cho sự tồn tại của cái tôi, đi đâu đó đã được giấc ngủ chứng minh. Cuộc sống trần gian của chúng ta có thể là một thứ giấc ngủ. Tính bất tử của linh hồn chỉ là sự gắn liền phổ biến của tạo hóa chi phối cá nhân như nó vẫn chi phối tất cả.

Sự gắn liền đó là gì, tính nội tại đó là cái gì, không thể nào hình dung nổi nó. Nó vừa là hợp chất sinh ra sự thống nhất vừa là cái tôi sáng tạo ra mọi phương hướng. Tất cả tự giải thích bằng từ ngữ Phong tỏa. Vạn vật phối hợp khí lực của chúng, đây là vấn đề tạo hóa. Chúng ta vừa là đích tới, vừa là điểm xuất phát. Mỗi một sinh vật là một trung tâm thế giới.

Có một công việc làm chung, bao gồm tất cả những công việc riêng lẻ bị lôi cuốn theo, mà chính những người lao động cũng không hay biết, tới một đích chung, bởi linh hồn vĩ đại trung tâm duy nhất.

Không hơn gì tính nội tại của công cuộc tạo hóa, tính nội tại của công việc đó cũng không thể nào tưởng tượng nổi. Những khả năng của sức mạnh đều không thể nào tưởng tượng nổi. Những khả năng của sức mạnh đều không được biết đến. Bản thân con người cũng không biết sức mạnh của mình. Lao động của con người đã là một sức mạnh muôn hình muôn vẻ khiến người ta không thể nào nghĩ tới công việc của tạo hóa mà không hoa

mắt. Một người phụ nữ khóc, nhà hóa học Smithson có mặt ở đấy, ông hứng một giọt nước đó, và giọt lệ phụ nữ kia trở thành một công thức hóa học, từ đó sẽ thoát ra một ngành của khoa học. Quentin Metzis hay Benvenuto Cellini xoay trở một mẫu sắt trong vài giờ đồng hồ, họ để dấu ấn của họ trên mẫu sắt, thế là mẫu sắt đó quý hơn vàng. Byron đến hiệu giấy quen mua một senlinh mực, rồi bán lại cho nhà sản xuất mười vạn frăng. Đây là chúng ta chỉ mới nói đến kết quả vật chất; kết quả tinh thần còn đáng ngạc nhiên nhiều hơn nữa. Có loại lao động, xuyên qua một khối kim loại hoặc thạch loại, qua một tấm vải, một tờ giấy, làm cho nó thăng hoa đến mức trước kia là vật chất, nó biến thành tư tưởng. Từ lao động thoát ra một thứ động-lực-học siêu hình, không phục tùng bất cứ một công thức nào, sản sinh ra sức mạnh và giá trị. Việc sử dụng là một công cuộc sáng tạo thứ hai. Cuộc sáng tạo thứ nhất mới chỉ là khởi động. Sau nhựa sống, đến trí tuệ. Bạn hãy hình dung cây chỉ thảo^[103] biến thành bản trường ca Iliat. Nếu những Prométhée ở dưới trần, bắt gậy và đánh cắp được bí mật của Tạo hóa, có thể làm những việc như thế, nếu họ thực hiện chúng, thì còn có việc gì mà các thần thánh trên trời không làm! Có việc gì mà bản thân Tạo hóa không làm? *Quid domini facient, audent cum, talia fures*^[104].

Các dữ kiện về hoạt động của vạn vật không thể xếp thành danh mục. Không có cách nào định nghĩa chúng, không có cách nào giới hạn chúng. Những cái trái ngược lại kết hợp với nhau, những gì xa cách lại tiếp xúc nhau. Cái ta tưởng ly dị lại là chuyện phối hợp. Hằn thù kết thúc thành tình yêu. Dưới cuộc phân tranh có cái hôn. Tất cả đều là hệ số. Bạn tưởng đang đứng ở địa cực này hóa ra lại đứng ở địa cực kia. Không bao giờ sự kết hợp lại khăng khít hơn khi quãng cách hình như khó vượt qua nhất. Núi

non không hề biết đến cử động, con thảo mao trùng không hề biết đến giấc ngủ. Vậy mà chính con thảo mao trùng lại là quả núi. Toàn bộ châu Úc là một loại san hô do một con sâu xây dựng.

Khắp nơi đều là chuyện bất ngờ. Những cái đờng dạng không kém phần lạ lùng hơn những cái tương phản. Thật phi thường khi cái này lại tương phản cái kia. Hiện tượng này bắt chước hiện tượng kia. Chúa tự lặp lại. Đấng toàn năng ăn cắp của Tạo hóa; khi mà bạn cảm thấy ngây ngất nhất vì tuyệt vời, lại là lúc đứng trước trò ăn cắp đó. Chúng tôi có nhấn mạnh chỗ khác^[105] tính đờng nhất về hình dáng giữa mặt trời và con nhện. Những sự lặp lại như thế là kỳ tích của phát minh. Nhìn thì khiếp sợ, nghe thì hoang mang. Ở những tầng sâu chưa từng biết, tiếng nói của vô biên có vang vọng.

Có những chỗ giống nhau về cấu tạo, đứng rất xa cũng nhận thấy, thật không gì hãi hùng hơn! Còn có chứng minh nào hơn về tính đờng nhất! Sao chổi cũng bay như con chuồn chuồn. Một tinh vân có lẽ là một vũ trụ còn nằm trong kén. Bầu trời và giọt nước cũng cùng một hình dạng; cả hai đều chứa đựng những thế giới. Tính bò sát của con sâu giống hệt như những cảnh nghèo và tật xấu của chúng ta; bên trong có cánh. Cùng phong và phần nộ đều cùng một khuôn mà ra.

Những so sánh như thế có thể nhân mãi lên vô cùng tận.

Nhấn mạnh về sự đờng nhất của quy luật thì không bao giờ nên chán, nó cho thấy sự đờng nhất về bản chất.

Trong những điểu diệu kỳ mang tính chất con số ấy của sự dể dãi sáng tạo, luôn luôn tìm thấy cái mới vẫn trong cái bình ấy, ở cõi nguồn ấy, một số nền triết học què quặt đã cho là khô khan nghèo nàn. Chỉ thiếu chút nữa

chúng buộc tội cho Chúa là già cỗi. Jupiter, người nói dai lắm. Nhà tư tưởng đúng đắn b ằng bột và có lẽ còn bối rối hơn nữa vì những tính - hành - luận lớn lao, hơn là vì những đụng chạm nảy lửa của bất ngờ. Hải hòa là một đường dài tít tắp. Tính chất thẳng băng của nó khiến phải hoa mắt. Có những lúc, người ta đoán thấy, cảm thấy quy luật sẽ được phát hiện dưới một hình thức mới; người ta thấy Chúa đang xuất hiện. Cảm xúc tuyệt vời. Người ta hầu như chộp được phương pháp của Chúa. Chỉ chút nữa là hình như bản thân người ta cũng sẽ sáng tạo. Chính Chúa làm như thế. Người ta thấy chóng mặt khi đặt tay lên dụng cụ của Chúa.

Chỗ này Chúa là theo kiểu trái ngược, chỗ kia theo kiểu đ ồng nhất. Không gì tuyệt vời hơn. Chỉ có một người chủ. Quy luật của linh hồn cũng có những sức hấp dẫn như qui luật của vũ trụ; vật chất phản ánh tinh thần; thẳng băng dẫn chứng cho công bằng; con người là hành tinh của chân lý. Chúa làm tất cả theo cách ấy. Vũ trụ đ ồng nghĩa với Chúa. Cái bất di bất dịch cũng giống cái phù du. Chúa thay đổi lâu đài của mình, chứ không thay đổi kiến trúc; thay đổi tác dụng chứ không thay đổi nguyên tắc. Vòng xoay của giếng khuyên tảo được Chúa dùng trong sự vận động của quả đất; Chúa không cần sáng chế ra một hình thức khác; vì cơn trùng vẫn dùng nó thì đối với người, vũ trụ, cũng khá tốt r ồi; và thái độ bình tĩnh của đấng toàn-năng tự sao chép có một cái gì thật hãi hùng. Công cuộc tạo hóa tự tách ra từ chỗ đơn nhất. Hoa lá có khác, gốc rễ vẫn vậy. Việc dẫn đến mỗi khủng khiếp thiêng liêng rất đơn giản, trước những hiện tượng đối xứng ấy của bí mật. Đối trọng của cái vô cùng lớn là sự quẩn quai; bất động chẳng qua chỉ là một thứ lốc đứng yên một chỗ; dải Ngân hà y hệt một đám mây; một dải hơi nước giống như dãy núi; một con sông chảy trong cây; một phân nhánh xoắn vặn, chia nhỏ ra và nhân dòng nước lên; nhựa cây là

một thứ máu; ánh sáng là sóng nước; động tác là một kiểu đốt cháy; sống tức là cháy; tiêu thụ cũng y hệt như tiêu hủy; hoạt động là đồng dạng; toàn bộ vật chất được nhào nặn theo một cách; nguyên tố tan chảy trong nguyên tử; trong chỗ đơn nhất có những sự chùng xếp lên nhau, đó là vũ trụ; không có chút khác biệt nào giữa một nắm tro và một nắm địa cầu; cùng đi đều kiện sinh sống, gần như cùng hình dạng, có xô xích nhau về thời gian; cùng nhào nặn lại liên tục; cũng cùng trên đe dưới búa; lao động, ở đây vất vả, ở kia bình thản như không, cùng biểu lộ theo một lối, trong chốc lát cũng như trong vĩnh cửu, và người mơ mộng, cảm lặng tin chắc, ngạc nhiên, nhìn ngọn lửa lò rèn tung tóe thành tia sáng và ngọn lửa vực thăm thành tinh sao.

Sự lệ thuộc vào vũ trụ của chúng ta, ngày nay đã được công nhận nhưng khoa học thiên cận tìm cách giới hạn, sẽ ngày càng biểu lộ rõ. Một hiện tượng nào đó của quả đất, giờ đây hãy còn mù mịt, là một chuyển hóa của hoàng đới.

Vận động của vũ trụ ảnh hưởng nhiều đến sự chuyển mùa của chúng ta. Phải hai trăm sáu mươi năm kim nam châm mới thực hiện xong dao động hoàn toàn từ tây sang đông kinh tuyến. Như dao động hiện nay, bắt đầu từ 1660, mãi đến 2280 mới kết thúc. Quy luật bão dính liền với dao động này. Trong cuộc tuần hoàn sáu trăm hai mươi năm ấy, lúc thì địa cực châu Âu lạnh nhất, lúc thì địa cực châu Mỹ lạnh nhất. Sự đồng nhất và sự gắn liền xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nữa. Franklin^[106] đã chứng minh rằng những cơn gió Đông Bắc đều bắt đầu từ hướng Tây Nam. Ở phía nam đường xích đạo, các trận cuồng phong đều xoáy theo kim đồng hồ, còn ở phía bắc đường xích đạo, theo chiều ngược lại. Những vụ nổ của lửa khí lò than trong đất liền trùng hợp với những dịp cân phân trên biển. Đất là

những đi ều bí mật đáng sợ mà ngành hàng hải cần nghiên cứu.

Người ta có thể nghi ngờ hiện tượng về đ ầu mắt. Người ta có khả năng làm như thế. Giả thuyết tổ cáo vô biên; chính vì thế mà giả thuyết lớn lao. Đằng sau sự kiện giả, nó tìm kiếm sự kiện thật. Nó muốn biết tư tưởng, và ả n ý của Tạo hóa. Những nhà phát minh khoa học lớn là những người xem thiên nhiên là đáng ngờ. Đáng ngờ về phương diện lớn lên, về mặt kéo dài, chia tách tối tăm, về những m ặt non sâu kín trong tất cả mọi phương hướng, về sự sinh trưởng không cùng; đáng ngờ về những việc kéo dài trong cõi vô hình. Sự mò mẫm tuyệt vời. Của giả thuyết hướng thẳng về những chỗ kéo dài đó. Kẻ cảm đoán được những sự vươn dài đó trong cõi vô hình của tạo hóa là nhà đạo sĩ. Kẻ cảm đoán được những sự vươn dài đó trong cõi vô hình của số phận là nhà tiên tri.

Về mặt nào thiên nhiên cũng đáng ngờ cả. Tính chất bao la của nó cho phép ta nghi ngờ. Đi ều nó làm không phải là đi ều hình như nó làm; đi ều nó muốn không phải đi ều hình như nó muốn. Thiên nhiên đặt lên vô-hình cái mặt nạ của hữu-hình khiến cho chúng ta thiếu mất cái mà chúng ta không nhìn thấy, còn cái mà chúng ta nhìn thấy lại lừa dối chúng ta. Do đó mà sinh ra những lý luận mà thiên nhiên, trạng thái hoàn chỉnh của Chúa, cung cấp cho chủ nghĩa vô thần. Thiên nhiên không lúc nào thật. Nó xuất hiện trước con người dưới hình dạng lơ đãng nhìn nghiêng. Nó chỉ là cái bên ngoài; may sao nó cũng trong suốt. Đi ều kỳ lạ, có lẽ phỏng đoán nó còn ít l ầm lạc hơn khi tính toán nó. Aristote nhìn xa hơn Ptolémée. Nhà mơ mộng ở Stagyre, lúc khẳng định rằng sự nối tiếp của gió trời tuân theo sự vận động giả tạo của mặt trời, đã g ần đặt trước ngón tay lên phát minh của Galilée. Một nhà toán học chỉ xứng là nhà bác học khi nào ông ta kiêm cả triết gia. Thiên nhiên và vô lượng. Một tư tưởng còn làm được nhiều việc

hơn một bài tính cộng.

Tại sao? Vì tư tưởng cho thấy toàn diện, còn bài tính cộng chỉ cho tổng số. Vô biên, huy hoàng và duy nhất, làm cho phong phú cho trí tuệ; những con số, cái giống sâu chiều đó, mở xẻ và nuốt chửng vô biên. Nhà toán học nhảy vào cái hố con số thì cũng y hệt người Balamôn^[107] nhảy xuống cái hố sâu bọ. Tính toán tất nhiên đạt được những kết quả tuyệt vời, với điều kiện là không mâu thuẫn với giả định. Tính vi phân xem thường phỏng đoán; tính đại số lại cần đến nó. Tính toán chỉ có thể nhân lên; giả thuyết đôi khi sáng tạo. Giới hạn của tính toán là cái chính xác, giới hạn của giả thuyết là cái tuyệt đối; phạm vi sâu hơn hẳn.

Con số vấp phải cái vô nghiệm; nó gặp con 8 nằm ngang, vô cực; giả thuyết chỉ vấp cái bí mật. Tìm phép cầ phương của hình tròn là đi ầu phi lý; tìm đá đi ểm kim không thể.

Thiên nhiên tôn kính, xem như là thiêng liêng, nhưng luôn luôn ở trong tình thế bị nghi ngờ, đó là quy luật tiên - thuật cổ xưa và của khoa học hiện đại, đó là đi ểm xuất phát của tài văn minh. Các nhà thiên văn và hóa học là những người lột mặt nạ. Một hôm, tại Trụ lang, người ta hỏi: ngài muốn được nhìn nữ thần nào tr ần tr ờng! Platon^[108] đáp: Vệ nữ. Socrate đáp Isis. Isis tức là Chân lý. Isis tức là Thực tế. Trong tuyệt đối, thực tế đ ờng nhất với lý tưởng. Nó là Jehovah, Satan, Isis, Vệ nữ; nó là Pan. Nó là thiên nhiên.

Thiên nhiên hoàn toàn hai đáy. Nó là một mê cung làm rối loạn hết tất cả các hệ thống đường đi. Đối với t ầm mắt ngăn ngủ của ta, các phương hướng b ềngoài của nó trái ngược với những khuynh hướng thực tế của nó. Các sự việc có một lu ồng chảy bên trong khác với lu ồng chảy trên mặt.

Chỉ có một kẻ duy nhất biết được huyền bí của thiên nhiên; chính kẻ ấy là điểu huyền bí. Từ khi trên trái đất có những sinh vật biết suy tư, thiên nhiên đã bị rình mò bởi những cặp mắt lo âu, đôi khi bởi những cặp mắt lờm nguýt nữa.

Transversa tuentibus^[109]. Thiên nhiên bị nghi ngờ, đối với con mắt nhà tu khổ hạnh, là ưa tử sắc; trước mắt nhà bác học, là ảo tưởng; trước mắt triết gia; là dĩ thiện vi ác. Đối với người này thiên nhiên là phóng đảng, đối với người kia thiên nhiên là đối trá, đối với người khác nữa, là hung bạo. Tất cả các điểm ấy, đều không đúng với thiên nhiên. Có điểu, thiên nhiên lại có cái mà chúng ta thiếu, là thời gian và không gian. Đường đi của thiên nhiên không phải là đường thẳng và ta không bao giờ thấy nó. Để đi tới đích, thiên nhiên đi theo đường vòng của vô biên.

Thiên nhiên đi vòng vèo trong chỗ có thể đi được, không phải của ta. Do không có giới hạn của ta, thiên nhiên không có đạo đức của ta. Nếu thiên nhiên không phải là hiện tượng kì lạ thì thiên nhiên sẽ là quái vật. Đối với thiên nhiên, chúng tôi đã nói ở chỗ khác, mục đích biện minh cho phương tiện. Chỉ tuyệt đối mới có cái quyên ấy. Có lẽ cái gì không có thước đo thì có thể không ngần ngại. Vì vậy mà sinh ra những cuộc đại biến động, những cuộc đảo chính vô trách nhiệm.

Cũng vì vậy mà sinh ra những giống vật thiên tai. Con Rắn thần cổ xưa không phải là chuyện hoang đường. Vị thần khổng lồ có năm mươi đầu và một trăm tay tồn tại dưới hình dáng cực nhỏ. Tại sao nó lại không tồn tại dưới hình dáng cực đại: Bonnet de Genève, nhà vạn vật học ham say nghiên cứu, tin là có con Nghìn - tay tương xứng với đại dương. Về vấn đề này, ông ta đã thu nhập được một trăm ba mươi chín lần quan sát mà ông ta cho là xác đáng.

Những nơi hẻo lánh của nước không được thăm dò. Chúng cũng có những chỗ tận cùng. Chỉ ở mỗi đầu của hai địa cực, có một diện tích không được biết đến, rộng tám mươi dặm vuông. Ở đấy có gì?

Sức sống của từ lực tập trung ở hai địa cực.

Con mực khổng lồ mà Buffon^[110] tin có thật là một con Rắn thần ở địa cực.

Những cái ở lúc nhúc sự sống ấy thỉnh thoảng lại vung đến tận chúng ta những hình mẫu đáng sợ. Cuvier^[111] đã tìm thấy lại con rồng.

Giống cáo mỏ vịt là một loại griffon^[112], épiornis là con chim Bock trong Nghìn Lẻ Một Đêm. Một trong những cung-lều của các vua Madagascar có một cái mái làm bằng ba chiếc lông vũ của con chim épiornis. Những chiếc lông vũ rộng như thế chứng minh có một dải cánh chim ưng khổng lồ, và khoa học hiện đại, rất thích cái nhỏ bé và giả thuyết giảm thiểu, đã sai khi tuyên bố rằng épiornis là loài cánh ngắn.

Một con chim khổng lồ khác, con moa, cũng được chứng minh bằng các vật hóa thạch. Một cái chân thú dài hơn chiều cao của người (xương đùi: một piê sáu puxơ Anh; xương ống quyển ba piê ba puxơ; xương giữa bàn chân: một piê tám puxơ; ngón: mười puxơ).

Khoa động vật học cũng vô biên như khoa vũ trụ học.

Con giao long đã được chứng thực khá nhiều bởi cá mập ngoài biển và cá sấu trên đất liền.

Một số chuyện khủng khiếp khác về súc vật, còn lạ lùng hơn nữa, cũng nằm trong vấn đề tạo hóa. Có lẽ chúng ta sẽ gặp những trường hợp như thế trong quá trình cuốn sách này.

Trong công cuộc tạo hóa có một đấng Vô - danh. Đấng Vô - danh ấy có những lý lẽ riêng, mà chúng ta không hiểu nổi. Nó cố gắng trong khủng khiếp cũng như trong trường hợp tráng lệ. Những thành công của nó trong mặt kinh hãi khiến người ta phải run sợ. Ước mơ của con người là một thử thách luôn luôn bị vượt qua bởi công cuộc tạo hóa; có một cái gì đó còn tối tăm hơn giấc mộng, đó là sự việc. Thực tế vượt xa ác mộng. Những hồn ma của chúng ta là những ca đề non.

Sau chúng ta hay trước chúng ta, thiên nhiên tạo ra chúng, hoàn chỉnh hơn. Ở Cayenne, trên những giường ngủ thường có dơi - ly bay với những cánh dơi. Đấng Vô - danh, Đấng Vô - hình, Đấng Khả - hữu, bạn hãy thăm dò ba vực thăm đó. Chúng ta hay dùng cái lý với vô biên. Cái lý không phải là khoanh vùng, chối không phải là giới định. Mặc dầu chúng ta lạc quan, vẫn có những sinh vật khiến ta phải sợ hãi. Có kinh hoàng thật, bằng xương bằng thịt. Nó ở bên dưới ta và bên trên ta, nó vẫn giữ cái vẻ không thật và, vì khiếp sợ, nó hình như ở ngoài vật thể. Bất ngờ thường rình mò chúng ta. Nó hiện ra với chúng ta, nó nắm chặt chúng ta, nó nuốt chửng chúng ta, và nếu nó có vẻ thật với chúng ta thì cũng chỉ gọi là thôi. Công cuộc tạo hóa đầy rẫy những hình thành choáng ngợp bao bọc chúng ta, mà chúng ta vẫn ngờ vực. Vì lộng lẫy quá hay vì dị dạng quá. Đây quá phong phú về hài hòa, kia quá nhiều hỗn loạn. Chúa hay quá đáng. Ở dưới đất hay ở trên trời, Chúa thường đi quá xa. Những dập dình của sinh khí cũng vô biên vô tận như những nếp sóng gợn của nước. Chúng đan, thắt vào nhau, hết cởi ra rồi thắt lại. Những vùng của thực tế vũ trụ xoắn xít vào nhau ở trên và ở dưới chân trời của chúng ta thành hình tròn ốc bất tận. Cuộc sống là con rắn điệu kỳ của vô biên. Không có đầu cũng không có đuôi, không sơ khởi cũng không hoàn thành, rất nhiều mắt xích. Có những tràng thiên thể,

lại có những râu con ghẻ. Mọi cái giữ chặt lấy nhau. Tất cả bám chắc vào nhau. Như chúng tôi đã nói ở chỗ khác, hai tháp Babel ngược chiều, một cái lao xuống một cái vút lên, đó là trần gian. Điều đáng kinh ngạc là nếu chúng ta hiểu nổi nó. Cùng lắm chúng ta chỉ có thể phỏng đoán được nó. Chúng ta cũng có thể áp dụng phương pháp đo lường nào cho cái cảnh quay cuồng đó là vũ trụ? Đứng trước những vực thẳm, mơ màng là sức mạnh duy nhất của chúng ta. Nhận thức của chúng ta, rất ngắn ngủi, không thể nào chạy theo công cuộc tạo hóa, cái hơi thở vô cùng dài rộng đó. Những giả thuyết của chúng ta chỉ là những hình thái kinh hãi, sững sờ xem xét những cành nhánh không tả hết của Đấng Khả - hữu, và những giãn nở thực tế trong tất cả các hướng. Chúa đạt đến chỗ không thể hiểu nổi trong loài nhuyển thể cũng như trong tinh tú trên trời. Chính sự thái quá của Chúa dẫn ta đến chỗ phủ nhận Chúa. Con số vô cùng tận về các công trình tổ hợp của Chúa làm chúng ta hoa mắt hay phản uất, nhưng, phản uất hay hoa mắt, nó cũng hành hạ chúng ta. Sự có mặt khắp mọi nơi của Chúa trong từng việc nhỏ nhất khiến chúng ta ngỡ ngàng. Nó nổi bật nhất trong những hiện tượng cùng cực, trong những kỳ công ghê tởm hay sáng lạng mà người ta có thể gọi là sự việc ranh giới. Thực tế, đây là những chỗ bắt đầu của các khu vực. Điểm đó đạt được rồi, công nhận, ghi nhận và chịu đựng rồi, chúng ta không hiểu gì nữa. Óc tưởng tượng không chịu lặn xuống và không chịu bay lượn, khoa học không muốn biết gì hơn. Tốt, thế là đủ, chúng ta đã chán chê, chúng ta đã chờ đủ rồi. Óc não, về mặt khoa học chỉ là một vật chứa có hạn. Một kiến thức quá sâu rộng về thực tế trong một con người sẽ bị người khác xem như là điên rồ, khoa học trọn vẹn sẽ có vẻ như mất trí, và kẻ bất hạnh nào hân hạnh được giáp mặt với Đấng Vô - danh trên đỉnh cao của sự việc sẽ chỉ xuống núi Sinai^[113] để đi vào Bedlam.

Chúng ta không nên thăm dò xa hơn nữa. Về mặt vũ trụ, chúng ta chỉ nên nhận những gì hiện có và thêm vào đó những gì có thể có. Thực tế là đường tiệm cận của khả hữu giao điểm ở titik cuối vô cực. Trong vấn đề tạo hóa, vốn là cái vỏ ngoài của chúng ta, và là sự thấu triệt của chúng ta, không một cái gì không thể bị phủ nhận ngay từ đầu, trừ cái phi lý, trừ cái gì tự hủy diệt. Điều không thể lĩnh hội chiếm chỗ nhiều quá, không còn chỗ cho cái không chắc. Vì có sao chổi nên cũng rất có thể có con rắn thần. Không thể tìm thấy chỗ ngỗ cuối cùng của bóng tối cũng như ánh sáng. Đấng Vô - danh là ở cả hai nơi. Uế khí cũng có mặt hợp lý của nó như tia sáng, và hợp lý tức là sự sống.

Nguyên do của các thiên tai ở trên trần hiểu biết của chúng ta. Cần gì phải có thảm họa này? Ích lợi của trận hỏa hoạn này, trận lụt này, trận động đất này, của cuộc đắm tàu này, trận dịch hạch này, trận hỏa phun này là thế nào? Công dụng của các thiên tai như thế nào?

Ngoài con người ra, vì lý do gì mà Người - ta lại làm những việc Người - ta làm? Dưới góc độ nào Đấng thượng đế bí mật nhìn các nguyên nhân và kết quả? Các nguyên tố cơ bản, trung gian giữa thượng đế với chúng ta, có sáng suốt không? Thông thường ta thấy chúng nó có vẻ như mất trí, đôi khi ngu độn. Lavoisier^[114] nói: sự điên cuồng của không khí. Trong tâm tối có những sức mạnh mà cách hành động làm ta sửng sốt. Hình như chúng ta, là những sinh linh, chúng ta phải tính, nếu không đến những điều hợp tác vô hình, ít ra cũng đến những sức mạnh mù quáng, vô danh nào đó chịu một phần trách nhiệm về cách sắp đặt các sự vật. Những sức mạnh tối tăm ấy mờ mịt điều khiển loài người.

Tuy vậy chúng ta cần nói rõ, phải phân biệt giữa mù quáng và tối tăm. Không thể hiểu nổi không phải là mù quáng. Những sức mạnh ấy tối tăm,

điều đó không có nghĩa là chúng vô ý thức. Chúng khá tích cực nên không thể nào đơn thuần thụ động được. Chúng ta gọi chúng là sức mạnh, có lẽ chúng là những Uy lực. Chữ *Ubi volt*^[115] chỉ rõ trong hơi gió có một ý định.

Gió nói gì? Nó nói với ai? Ai nghe nó? Nó thì thàn với cái tai nào? Gần mặt đất đôi khi nó im lặng, ở những chỗ cao, không bao giờ. Nó là tiếng nói. Tất cả tiếng động khác ngưng hẳn hay tạm ngừng, chỉ riêng tiếng nó vẫn còn. Tiếng ba hoa của gió tràn ngập không khí. Đó là tiếng thì thàn ngoan cỡ vĩ đại. Đó có phải là bài độc thoại không? Có phải là câu đáp lại không? Không gì đơn điệu hơn và cao siêu hơn. Cái tiếng làm nhảm đó của vực sâu trước kia đã bị nhiều nhà triết học cho là xấu. Những nhà theo thuyết xích-thể tiên-vận-thần, quen chất vấn thiên nhiên, phần uất vì nó. Tại sao lại cái tiếng rít như sáo kia, lúc nào cũng như lúc nào? Tại sao lại cái tiếng nghiêng rặng kia, lúc nào cũng như lúc nào? Ích gì mà nó cứ gân cổ lên trong mây để nhắc đi nhắc lại mãi những điều cũ rích? Hãy thay đổi tiếng kêu xem sao. Một triết gia theo phái khuyến nhơ, thường chống một cái gậy - gậy này sau khi ông ta chết bán được một ta - lạng^[116] bằng năm nghìn trắng bấy giờ - là Pérégrinus Protée, những lúc gió to vẫn nhún vai dạo chơi ngoài bờ biển. Ông ta lắng nghe tiếng gió rì rầm y như tham dự một bài cãi của thầy kiện. Ông ta có vẻ như trách móc gió trời sao cứ lặp đi lặp lại mãi những tiếng gầm muôn thừa của chúng, sao cứ bình luận bão táp bằng những lời lẽ cũ kỹ, sao cứ làm bực mình thánh giả, và sao cứ làm điếc tai mọi người, trước khi chìm chết họ bằng những trò nhạt nhẽo độc ác ấy? Ông ta chỉ thích nói: trận đấm không lời.

Bản thân gió không phải là một sức mạnh: nó chỉ là một sức nhanh, tức là cường lực. Một sức mạnh mà, cuối cùng, khi tốc độ dừng lại đột ngột thì

hóa thành hiện tượng đốt cháy tức thì. Đà chuyển thành lửa. Đà sinh ra đụn chạm.

Bằng sức nhanh, ngọn gió mát trở thành viên đạn. Tốc độ nghi ãn nát. Cái nhảy của cơn hồ cũng làm nên cu ãng phong. Năm 1836, một cơn gió đi từ Luân Đôn lúc mười giờ sáng, tới mười giờ tối thì đến Stettin. Một cơn gió khác, ngày 27 tháng hai 1860, trong nửa giờ đã cuốn tới Paris hai mươi triệu tấn không khí. Một cơn gió khác, cũng đổ xuống Paris, ngày 23 tháng năm 1865, một triệu sáu mươi vạn thước khối nước trong ba mươi phút. Và bên cạnh những cơn gió châu Phi và châu Á thì những cơn gió của châu Âu chẳng có nghĩa lý gì.

Một vài nhà khí tượng học khẳng định rằng đôi khi gió lốc cũng đi đến sáu trăm dặm một giờ như một viên đạn đại bác. Chúng tôi nghĩ rằng nói thế có quá đáng.

Những đòn sức mạnh của cái tốc độ đó thật phi thường. Một ngọn gió đi qua, cuốn phăng một khẩu đại bác mười ly khỏi boong chiến hạm Sané; một ngọn khác, ở Jersey, năm 1854, g ãn Saint-Luc, quật đổ li ãn tức khắc một bức tường dài bốn mươi thước, như một tờ giấy đặt trên mặt đất; một ngọn khác, năm 1863, ở Guernesey, g ãn Saint - Martin, xé toang một cái cối xay bột to, bẻ phăng cây thánh giá, và cắm hai cái sà n gỗ của nó cùng với những bậc thang, thẳng xuống đất như hai cái l ãng chim, cách đấy năm mươi bước; một ngọn khác, ngày 7 tháng sáu năm 1859, phạt ngang một đường phố của Granville, một ngọn khác quật đổ hai mươi bốn tháp chuông nhà thờ ở các vùng lân cận Saint-Pol-de-Léon. Một ngọn khác, tháng sáu 1865, trong Corrèze, trong mười lăm phút, làm tan hoang xã Meilhard, bóp nát hai trăm nóc nhà và thổi tan biến trong không khí cả một thôn xóm Sauviate, không còn lại một cái nhà nào. Một ngọn gió khác làm

khô cả một cánh rừng; một ngọn gió khác luồn dưới sóng và làm gãy những thạch - tâm và cuốn những mảng khổng lồ vào trong thung lũng đảo Bourbon; một ngọn gió khác biến Kingstown từ sáu trăm nóc nhà còn mười bốn cái lều nát. Các hạm đội cũng không tài giỏi gì hơn. Chỉ một hơi, gió bốc mất hai tàu ở Orellana, ba ở Duquesne, bốn ở Anson, bốn ở Rodney, tất cả ở Medina Sidonia.

Nói tới các kì tích về sức mạnh ấy của gió, truyền thuyết cũng thống nhất với khoa học, tất nhiên có đi xa hơn một tít. Những người ở Islande một hôm than phiền về khí hậu khắc nghiệt của họ, vì Hékla không phải là một lò sưởi đủ sức sưởi ấm cho họ. - Buộc vào hòn đảo của các ngài một cái tàu kéo - gió địa cực gào to với họ - rồi muốn kéo Islande đến đâu tôi sẽ kéo họ.

Những sức mạnh ấy chiếm riết lấy các khoảng không gian. Gió giữ chặt biển cả như một chủ nhân tham lam. Nó chống lại sự xâm chiếm của con người để bảo vệ cả những địa ngục mà nó giấu kín cũng như những thiên đường mà nó che chở, bảo vệ những hỏa sơn của nam cực, Erebus và Terror, chống lại Dumont d'Urville, cũng như bảo vệ Otaiti chống lại Cook. Vị tiên phong châu Âu tuy vậy vẫn ngoan cố: y ngoan cố vì nhiều lý do, Marco Polo để cập bến Grand Cathay; Rubruquis để cải hóa vị Đại Hãn; Diaz để tìm cha Jean; Pigolano để được phong tước trong dòng dõi quý tộc Seville, Quirino Buscon để tìm cho được tu viện Plusimanos có con quỷ kéo chuông tên là Malabestia. Một số khác có cái bản năng thần thánh và chắc chắn của văn minh, và chính vì tiến bộ mà họ đương đầu với phong ba bão táp. Hãy gạt hết bỏ vinh quang giả dối đi; và tìm lấy một cái cân: trước văn minh, tất cả các đạo quân của Cyrus và của Sésostris, và các đội quân càn kích của Alexandre, và các binh đoàn của César, cũng không

nặng bằng một trăm sáu mươi người đi theo Gama và một trăm mười tám người đi theo Cook.

Hàng hải là giáo dục. Biển cả là một mái trường hoành tráng. Việc chung sống với các hiện tượng khó sai khiến đó sản sinh ra một giống người can trường đáng được yêu quý, các thủy thủ. Không có người chinh phục nào khác ngoài họ ra. Nhà du hành Ulysse làm được nhiều việc hơn Achille hiếu chiến. Biển cả tôi luyện con người; người lính chỉ là sắt, thủy thủ mới là thép. Các bạn hãy nhìn họ trên biển cả, những thủy thủ ấy, những con người tuấn nghiệp bình tĩnh, những kẻ chiến thắng thản lặng, những khuôn mặt nam nhi mang trong ánh mắt cái tôn giáo xuất phát từ vực thẳm. Chúng ta hãy thêm đi nữa: hàng hải trái ngược với chiến tranh. Hàng hải làm cho dã man trở thành văn minh, còn chiến tranh làm cho văn minh trở thành dã man. Những gì các thủy thủ làm đâu có thể dám thú nhận. Điêu quái gở là con người thường ca ngợi những chuyện chém giết nhiều hơn những việc khám phá. Nó thiết tha có được hai mặt của con vật, hung dữ cộng với ngu si. Do đó mà sinh ra vô vàn chuyện tàn sát lẫn nhau. Do đó mà phải có những đạo quân cho chiến tranh và chiến tranh cho các đạo quân. Ngày nào Van Diemen được nhân dân ngưỡng mộ hơn César, ngày nào địa bàn được ưa chuộng hơn thanh kiếm, ngày nào lòng yêu quý thủy thủ thay thế lòng yêu quý binh lính, ngày ấy sẽ có hòa bình.

Nhân loại sẽ làm chủ được hai tài sản, toàn bộ quả đất và toàn bộ cuộc sống.

Trong khi chờ đợi, văn minh vẫn hành hạ người thủy thủ, thật là một điếu nhục nhã. Năm 1863, để chỉ kể năm ấy thôi, hải quân đã nhận hai vạn năm nghìn năm trăm mười ba roi.

Do ai đánh? Do sĩ quan đánh thủy thủ. Trong hai người đó, kẻ nào bị mất phẩm giá?

Chính nhờ biển cả mà đất liền tự chinh phục. Một công việc vất vả rộng lớn, không ngừng được bàn đến. Toàn bộ biển cả bao phủ một hàm ý nguy hại.

Tuy nhiên con người vẫn thắng được biển cả. Dần dà, bước một, thong thả, một cách khoa học. Chỉ từ hai mươi năm thôi, bằng công cuộc nghiên cứu biển cả, nhờ những công việc tốt đẹp của nhà thám dò tài giỏi Maury, người ta đã rút ngắn được mười ngày hành trình đến đường xích đạo, mười lăm ngày hành trình đến Trung Quốc, năm mươi ngày hành trình đến châu Úc.

Con người quen xâm lấn, không gian có vẻ như thỏa thuận. Đại dương hình như hàng phục. Bão táp rút lui, không phải là không lờn lợt. Sức gió ào ào là một thứ rào chắn. Trạm đầu tiên của các gió bắc là hàng cột Hercule; người ta xâm phạm Calpé và Abyla; trong đó phía trên kia châu Phi, trước chiếc tàu đang đi của con người, thì mũi Cap Non nổi lên, sừng sững đứng chắn đại dương, dưới một vẻ nhìn hằm hằm dưới đôi lông mày mây. Cấm đi qua. Con người cứ đi qua. Gió trời nhượng bộ; chướng ngại vật lỏng tự để cho đẩy lùi bởi Gilianez người ta vượt qua mũi Bojador, bởi Cadamosto người phát hiện ra Canaries, bởi Fernandez người phát hiện ra Mũi Xanh, bởi Alvarez Cabral người phát hiện ra Acores, bởi Jacques Lemaire người vượt khỏi Mũi Horn nơi mà dãy núi Andes kết thúc bằng những hỏa sơn, bởi Sébastien del Cano người tiếp tục Magellan, bởi Clarke người tiếp tục Cook, và bởi hàng trăm người khác. Gió trời chống lại Dumont d'Urville, cố chọc thủng “những ông già áo xanh bình tĩnh”. Chúng làm mất danh giá Lapeyrouse và Franklin. Chúng có dễ dàng hơn

với Anson, vị anh hùng kiêm tướng cướp; chúng đưa đến tận các đảo Ladrões, và chính có phép của chúng y mới được trở về Luân Đôn giữa tiếng trống kèn với ba mươi hai chiếc xe chất đầy tiền bạc Tây Ban Nha. Chúng đã có những cử chỉ ân cần như thế đối với nước Anh, nhất là vào thời kì mà Cartis-Mandua, nữ hoàng Brigantes, cử những hạm đội thuyền độc mộc chống lại Rouen. Thỉnh thoảng người ta tưởng như cảm thấy sự khinh miệt của chúng. Chúng vâng theo con người và văn minh hay để chống lại văn minh. Cũng vô tư như nhau, chúng đưa Attila sang Italia và Colomb sang châu Mỹ. Dường như ngọn gió trời là nhân vật vĩ đại lãnh đạm nham hiểm. Tóm lại, các ngọn cuồng phong oằn xuống, uốn cong, gãy gập, hẫng chân, khuất phục, để mặc cho con người làm, có lúc hình như là một cuộc tan rã, chúng chịu chinh phục, Drake tìm thấy California, Tasman châu Úc, gió trời lúi lũi thật xa vào các vùng hoang vắng, trốn tránh vào chốn không ai tới gần được, ẩn thân vào chỗ không ai biết đến, người ta hầu như quên mất chúng, chúng đang ở đâu? Rồi đột nhiên chúng đây rồi, chẳng sao cả, đập cánh một cái là chúng thu lại tất cả.

Chúng ta ở trong nhà chúng, chúng ở trong nhà chúng ta.

Chúng nó muốn phục thù. Chúng nó đến tìm con người, chúng nó giận giữ. Chúng tuyên chiến với con người trên hai mươi điểm cùng một lúc, tại châu Á đồng thời tại cả châu Âu. Trong một tháng, hầu như trong một ngày, tại Luân Đôn, chúng nó nghiền nát những ngôi nhà năm tầng dưới những ống khói nhà máy, những tháp chuông bằng gạch bị phạt đổ chỉ bằng một hơi gió, trong đó có mấy phút chúng chìm xuống sông Tamise, trước Bugsby Hole, sáu mươi thuyền vận tải chở đầy than, ở Chandernagor chúng triệt hạ xóm Ấn Độ, ở Calcutta chúng tiêu diệt luôn một lúc và làm lẫn lộn hải quân Anh, Pháp, Mỹ.

Chúng làm một cuộc xuất quân. Chúng rời khỏi những nơi hẻo lánh sâu thẳm của chúng. Chúng ào ạt đổ vào đất liền.

Để làm gì?

Để làm đi ầu ác sao?

Vừa đúng vừa không.

Nguyên tố mặt này là thiên tai, mặt kia là thiên cử.

Mà thiên cử là mặt vĩ đại của nó.

Có một số thiên tai khiến ta nghi ngờ thượng đế. Hình như thiên nhiên khùng khiếp nói: A! Người không tin vào Chúa. Vậy thì người có lí đấy. Một trận đại hồng thủy, một trận dịch hạch, một trận động đất, đấy là thuyết vô thần theo nghĩa đen.

May sao đi ầu ác chỉ là một mặt trái, đi ầu thiên mới là bộ mặt phải của công cuộc tạo hóa.

Một cơn bão là một hành động độc đoán của bóng tối thiết lập lại thế thăng bằng.

Chúng ta hãy nói qua, khi một con người, trong lĩnh vực sự việc xã hội, có ý tự phụ cũng muốn làm như thế, thì cái trò cu ồng phong ấy chỉ có một khuyết điểm là nó thiếu tính chất vô-biên. Một trận động đất do con người gây ra là một tội ác. Con người, học đòi quy ền uy của Chúa, vẫn bé nhỏ và trở thành ghê tởm. Con khỉ là chỗ khởi đầu của yêu tinh.

Chế độ độc tài bao hàm tính vô biên và tính vĩnh cửu.

Cu ồng phong là những đ ầu tàu kì diệu kéo mưa gió từ biển khơi vào đất liền. Chúng đem đến cho cây cối chất axit cacbonic, chất nitơ, chất

amôniac. Chúng mang đến cho sự lên men của vụn vật chất ôzôn, thứ thuốc tẩy uế do vô-biên lượng định.

Thiếu chúng, mặt đất sẽ không có sông, rừng, không có đồng xanh, hoa quả, không có hoa thơm. Chúng làm cho không khí dễ thở, cho trái đất sống được, giúp cho con người có thể tồn tại được. Chúng có nhiệm vụ quét sạch mọi uế khí. Chúng có trách nhiệm dự trữ nước. Đó là công trình chống ứng huyền diệu của khí quyển. Đó là ích lợi của những vật tàn phá. Các bạn hãy cất bỏ nước đi và tưởng tượng xem còn lại những gì. Bọn côn trùng đó là những tên nấu rượu. Mỗi khi nhìn thấy một đám mây, các bạn lại thấy cái bình cong và cái nôi cất của chúng. Thùng chứa nước có muối, nếu không nó sẽ thối rữa. Từ giọt nước đại dương, gió trời sẽ làm thành giọt nước mưa. Bỏ bớt chúng ra, vũ trụ của trái đất sẽ gồm có hai bãi hoang địa, hoang địa lỏng và hoang địa cứng. Tất cả những gì ngoài nước sẽ khô cằn. Mặt đất sẽ hóa thành đá. Địa cầu sẽ là cái sọ nhẵn thín của một cái đầu người chết, rất to, lăn tròn trong bầu trời xanh.

IV

GIẢI THÍCH TIẾNG ĐỘNG MÀ GILLIATT ĐÃ NGHE THẤY

Vào các tiết cân phân, gió bốn phương rần rộ tiến về đất liền. Vào những thời kì này, cán cân nhiệt đới và địa cực đập dình chao đảo, và dòng triều vĩ đại của khí quyển dồn triều lên sang một bán cầu, và triều xuống sang bán cầu bên kia. Có những chòm sao biểu thị những hiện tượng ấy, như sao Thiên bình, sao Bảo bình.

Đấy là mùa bão táp.

Biển cả chờ đợi, và giữ thái độ im lặng.

Đôi khi bầu trời có vẻ cau có, mờ đục; một đám mây từ chân trời ùn ùn kéo lên, che kín cả bầu trời. Các thủy thủ lo lắng nhìn về bực tức của bóng tối.

Nhưng chính vẻ hài lòng của nó mới là điều họ sợ nhất. Một bầu trời tươi vui giữa tiết phân cân, đây là đi ềm bão táp sắp giở trò nham hiểm. Những lúc trời như thế, Tháp Các Bà Hay Khóc ở Amsterdam đông nghịt các bà đứng ngắm chân trời.

Khi nào bão xuân hoặc bão thu về muộn, tức là nó định ch ồng chất thật nhiều. Nó tích trữ để tàn phá. Phải coi chừng các khoản còn nợ lại. Ango thường nói: Biển cả vốn sòng phẳng.

Khi phải chờ đợi quá lâu, biển cả chỉ để lộ sốt ruột bằng thái độ bình tĩnh hơn. Có đi ều áp lực từ của từ trường biểu thị bằng cái có thể gọi là chứng viêm của nước. Từ sóng biển thoát lên những ánh sáng mờ mờ. Không khí có điện, nước có lân tinh. Các thủy thủ cảm thấy mệt mỏi. Giây phút ấy đặc biệt nguy hiểm đối với những tàu bè vỏ sắt, lớp vỏ sắt của chúng có thể làm cho la bàn chỉ sai, và khiến chúng lạc đường. Chiếc tàu xuyên Đại Tây Dương Yowa đã đắm vì thế.

Đối với những người quen sống ở biển cả, thì những lúc ấy có vẻ rất khác thường; dường như nó vừa mong mỏi lại vừa sợ cu ồng phong. Có những cuộc tình duyên, tuy rất được thiên nhiên mong muốn, được đón tiếp theo kiểu ấy. Sự tử cái động dục thường chạy trốn khi nhìn thấy sự tử đực. Biển cả, cũng thế, đang động cơn. Vì vậy mà nó run rẩy.

Cuộc hôn nhân to lớn phi thường sắp diễn ra.

Cũng như các cuộc hôn lễ của hoàng đế ngày xưa, cuộc hôn nhân này được cử hành với những cảnh tàn sát. Đây là một ngày lễ kèm thêm tai họa.

Trong khi ấy, từ nơi kia, từ ngoài khơi, từ các vĩ tuyến bất khả xâm phạm, từ chân trời xanh nhạt của những vùng xa vắng, từ tận cùng của tự do không biên giới, các loại gió ùn ùn kéo đến.

Hãy cẩn thận, đây là tiết cân phân.

Một cơn bão bao giờ cũng mang nặng âm mưu. Trong thần thoại cổ cũng có những nhân vật không rõ ràng xen lẫn trong thiên nhiên bao la hỗn độn. Thần Éole^[117] bàn định với thần Borée^[118]. Sự liên minh giữa các nguyên tố cơ bản là cần thiết. Chúng chia nhau phần việc.

Có những việc cần thúc giục sóng biển, mây trời, cần khí; đêm tối là kẻ phụ tá, cần sử dụng nó. Có những la bàn cần làm lạc hướng, những đèn hiệu cần thổi tắt, những hải đăng cần che, những ngôi sao cần dấu. Cần được biển cả hợp lực. Cơn bão nào cũng mở đầu bằng một tiếng rì rầm. Sau chân trời có tiếng thì tháo sơ bộ của giông tố.

Đây là những tiếng xa xa, trong bóng tối, trên cảnh yên tĩnh hãi hùng của biển cả.

Gilliatt đã nghe thấy tiếng thì tháo đáng sợ ấy. Ánh sáng lân tinh đã là lời cảnh cáo thứ nhất; tiếng rì rầm này là lời cảnh cáo thứ hai.

Nếu có con quỷ Lê Dương, thì chính nó đây, chắc chắn thế, chính là Gió.

Gió trời muôn hình muôn vẻ, nhưng không khí chỉ có một.

Vì vậy mà sinh ra cái hậu quả bão táp nào cũng hỗn hợp. Tính đơn nhất của không khí đòi hỏi phải thế.

Tất cả vực thẳm đầu bao hàm trong một cơn bão. Toàn bộ đại dương đầu nằm trong một cơn giông tố. Sức mạnh tổng hợp của nó đều nhảy vào

trận tuyến và tham dự vào đấy. Sóng là vực sâu bên dưới; gió là vực sâu bên trên. Đụng chạm với một cơn bão tức là đụng chạm với toàn bộ biển cả và tất cả bầu trời.

Messier, con người thông thạo nghề biển, nhà thiên văn trăn trăn trong cái phòng con Cluny, thường nói: Gió của muôn phương ở khắp muôn phương. Ông không tin có những ngọn gió tù hãm, ngay cả ở những vùng biển khép kín. Đối với ông làm gì có gió địa trung hải. Ông nói là ông có thể nhận ra được chúng khi chúng đi qua. Ông khẳng định vào ngày nào, giờ nào, ngọn Föhn của hồ Constance, ngọn Föhn ngày xưa của Lucrèce, đã đi qua chân trời Paris, vào ngày nào ngọn Bora của Adriatique^[119]; vào ngày nào ngọn Notus xoay tròn mà người ta cho là bị giam hãm trong vòng tròn quanh đảo Cyclades. Ông chỉ rõ những tần quang của chúng. Ông không cho rằng ngọn gió nam xoay giữa Malte và Tunis, cũng như ngọn gió nam xoay giữa đảo Corse và quần đảo Baléares, không thể thoát ra ngoài. Ông không công nhận có loại gió gấu lẫn quần trong chuồng. Ông thường nói: “Mưa nào cũng từ nhiệt đới tới, chớp nào cũng từ địa cực về”. Đúng thế, gió no điện ở chỗ giao điểm của vành khuyên, nơi này đánh dấu chỗ tận cùng của trục, và no nước ở đường xích đạo; gió mang đến cho chúng ta chất nước từ xích đạo và chất lỏng từ các địa cực.

Sự có mặt ở khắp nơi, đó là gió.

Tất nhiên đi đâu này không có nghĩa là không có những khu vực nhiều gió. Không gì được chứng minh rõ bằng những vùng có gió luồng đầu đặn, và một ngày kia, với những con tàu chạy trên không mà chúng ta gọi theo lối Hy Lạp là phi cơ, ngành hàng không sẽ sử dụng những con đường chính của chúng. Việc gió đào kênh trong không khí là việc không phải bàn cãi, có những con sông gió, những con lạch gió và những con suối gió, có đi đâu

phân nhánh của không khí lại ngược chiều với phân nhánh của nước; sóng từ lạch chảy ra, và lạch lại từ sông chảy ra chứ không phải đổ vào đấy, vì vậy mà đáng lí tập trung lại thì phân tán.

Chính sự phân tán này tạo thành sự tương hỗ của gió và sự đơn nhất của khí quyển. Một phân tử bị chuyển chỗ luôn luôn chuyển dịch một phần tử khác. Toàn bộ gió chuyển động cùng một lúc. Cùng với những lí do hỗn hợp sâu sắc ấy lại có thêm hình thế từ quả đất, nó chọc thủng khí quyển bằng tất cả núi non của nó, làm thành những nút thắt, những chỗ vắn trên đường đi của gió, và quyết định ở mọi phương những dòng nước ngược. Phát tỏa vô bờ bến.

Hiện tượng gió là sự giao động qua lại giữa hai đại dương; đại dương không khí chồm lên đại dương nước, đè lên trên sự rỉ thoát đó và lão đảo trên rung chuyển của đó.

Cái không thể không chia cắt không bao giờ đứng trong phòng. Không có bức vách nào ngăn cách con sóng này với con sóng khác. Những hòn đảo trên biển Manche cảm thấy cả sự xô đẩy của Mũi Hảo Vọng. Ngành hàng hải thế giới đương đầu với một con quái vật duy nhất. Toàn bộ biển cả vẫn chỉ là một con giao long. Sóng nước bao la bao bọc biển cả bằng một thứ da cá. Đại dương tức là Ceto^[120].

Cái hằng hà sa số sà xuống cái đơn nhất này.

V

TURBA, TURMA^[121]

Đối với la bàn, có ba mươi hai thứ gió tức là ba mươi hai hướng, nhưng

các hướng này có thể chia ra mãi không cùng. Xếp theo hướng, gió là cái không thể đếm hết; xếp theo loại, gió là cái vô tận vô cùng.

Đến Homère cũng phải lùi bước trước việc kiểm đếm đó.

Luồng gió bắc cực gặp phải luồng gió nhiệt đới. Thế là cái lạnh và cái nóng quện vào nhau, cân bằng bắt đầu bị va chạm, sóng gió phát sinh, căng phồng, tản mát, và tỏa ra khắp mọi phía thành những dòng suối dữ. Sự phân tán của gió làm chuyển động khắp bốn phương trời tình trạng hỗn loạn diệu kì của không khí.

Tất cả các góc độ la bàn đều có mặt ở đây, gió dòng nhiệt lưu Gulf Stream tỏa ra không biết bao nhiêu sương mù trên vùng Đất Mới, gió Pérou, vùng trời âm lạnh mà con người không bao giờ nghe tiếng sấm, gió Tân Scotland nơi bay lượn lơ của giống đại bàng mỏ sọc, Alcaimpennis, gió Thiết phong của các biển Trung Hoa, gió Mozambique làm điều đứng các thuyền buồm, gió điện của Nhật Bản bị tiếng cồng báo trước, gió châu Phi giữa núi Cái Bàn và núi Con Quỷ và từ đây nổi lên, gió xích đạo lướt trên các gió mậu dịch và kẻ một đường parabôn mà Diêm vương từ miệng các hỏa sơn thoát ra và là loại gió lửa đáng sợ nhất, ngọn gió kì lạ riêng biệt của hỏa sơn Ata lúc nào cũng phát ra một luồng mây màu ôliu ở phía bắc, gió mùa Java mà để chống lại, người ta phải xây dựng những hầm cuốn gọi là nhà chống bão, gió bắc có nhiều nhánh nhỏ mà người Anh gọi là bush, bụi rậm, những thứ gió to hình cung của eo biển Malacca được Horsburgh quan sát, thứ gió mạnh tây-nam Chilê gọi là Pampero và ở Buenos-Ayres gọi là Rebejo, cuốn cả chim ưng ngay giữa biển và cứu nó thoát khỏi cái hố, trong đó có anh chàng người rừng ngửa lưng chờ đợi, dưới một tấm da bò mới lột, và lấy chân giương cái cung lớn, ngọn gió hóa học, theo Lemery, tạo nên những hòn đá sấm sét ở trong

mây, gió nóng của vùng Nam Phi, gió ừ tuyết ở vùng Bắc Cực, hợp với các núi băng và kéo lê những lớp tuyết vĩnh cửu, gió vịnh Bengale đi đến tận Nijni-Novogorod phá phách cái khu tam giác các lán gỗ, nơi chợ phiên châu Á tụ họp, gió Trường Sơn chuyên khuấy động sóng lớn và rừng sâu, gió các quần đảo châu Úc nơi mà dân đi tìm mật phát hiện được những bọng ong rừng giấu kín dưới nách cành cây án thụ khổng lồ, gió Sirocco, gió Mistral, gió Hurricane, gió hạn, gió lụt, gió hồng thủy, gió nóng như thiêu đốt, gió hất lên đường phố Gênes cát bụi của những cánh đồng Brasil, gió tuân theo sự xoay chuyển của ban ngày, gió trái ngược với nó là khiến cho Herrera phải nói: *Malo viento torna contra el sol!*^[122] Những gió đi đôi, đồng tình để đảo lộn, ngọn nọ phá hủy những gì ngọn kia làm nên, và những ngọn gió ngày xưa đã gây trở ngại cho Christophe Colomb trên bờ biển Veragua, và những ngọn gió trong suốt bốn mươi ngày, từ ngày 21 tháng mười đến ngày 28 tháng mười một Magellan phải bàn đến lúc cập bờ Thái Bình Dương, và những gió đã làm gãy cột buồm đội pháo thuyền Armada và thổi vào đội pháo thuyền Philippe II. Còn bao nhiêu thứ gió khác nữa, làm sao kể xiết? Những ngọn gió mang cả cốc, châu chấu, như những đám mây qua đại dương; những ngọn gió gây ra. Cái gọi là “gió trở”, và có nhiệm vụ kết liễu những kẻ đắm tàu, những gió chỉ một hơi thổi, bắt hàng hóa trên tàu phải chuyển chỗ, và buộc tàu phải tiếp tục đi nghiêng một bên, những gió tạo nên mây circumcumuli và mây circumstrati; những ngọn gió nặng mù dầy mưa, những gió mưa đá, những gió gây sốt, những ngọn gió mà hề đến gần là làm sục sôi núi lửa phun bùn và những mỏ lưu hoàng Calap, những gió làm tóa lửa các bộ lông báo châu Phi đang rình mò trong các bụi rậm của mũ sắt, những ngọn gió đến lay động ngoài mây, như một cái lưới rắn đầu tam giác, tia chớp hai đầu khủng khiếp, những ngọn gió đưa theo tuyết. Đạo quân gió là như thế.

Bãi ng ầm Douvres, vào lúc Gilliatt xây dựng cái đập chắn sóng của anh, đang nghe tiếng vó phi xa của gió.

Như chúng tôi vừa nói, Gió, tức là tất cả các loại gió.

Toàn thể đoàn quân ô hợp ấy đang đến.

Một bên, đoàn quân lê dương ấy.

Một bên, Gilliatt.

VI GILLIATT ĐƯỢC QUY ỀN LỰA CH ỌN

Các sức mạnh huyền bí đã chọn đúng thời cơ.

Nếu như có tình cờ, thì tình cờ thật là khôn khéo.

Chừng nào chiếc thuyền b ầu còn được nằm trong vũng Thằng Người, chừng nào cỗ máy còn gắn chặt trong cái xác tàu thì Gilliatt vẫn còn là người không ai có thể khuất phục. Thuyền b ầu được an toàn, cỗ máy được che chở; các Hòn Douvres giữ chặt cỗ máy, buộc nó phải hủy hoại từ từ nhưng lại bảo vệ cho nó khỏi gặp chuyện bất ngờ. Trong mọi trường hợp, Gilliatt đều có phương tiện. Cỗ máy có bị phá hủy cũng không hại được Gilliatt. Anh vẫn có chiếc thuyền b ầu để tự cứu thoát.

Nhưng chờ cho chiếc thuyền rút ra khỏi bến, nơi mà không gì có thể tới gần nó, để cho nó chui vào cái ngõ hẹp của Hòn Douvres, kiên trì cho tới khi nó cũng bị bãi ng ầm tóm chặt, cho phép Gilliatt tiến hành trục vớt, thả trượt và chuyển tải cỗ máy, không cản trở cái công việc diệu kì là đặt tất cả vào thuyền b ầu, chấp thuận việc thành công này, đấy là cái bẫy. Việc ấy

thoáng cho ta thấy mưu mẹo của vực sâu.

Vào giờ này, cỗ máy, chiếc thuyền bâu, Gilliatt, đầu tập trung trong cái ngõ hẹp của mấy quả núi. Tất cả chỉ là một. Chiếc thuyền bâu đập nát vào bãi ngầm, cỗ máy chìm sâu, Gilliatt chết đuối, đây chỉ là công việc của một sức mạnh duy nhất, tại một điểm độc nhất. Tất cả có thể rã hết, cùng một lần, cùng một lúc, và không phân tán, chỉ một cú là tất cả có thể bị nghiền nát.

Không hoàn cảnh nào nguy ngập hơn hoàn cảnh của Gilliatt.

Con nhân sư nằm đâu đó, mà những kẻ mơ mộng trong tận cùng bóng tối dè chừng, hình như đang đặt Gilliatt trước một cảnh tiến thoái lưỡng nan.

Ở lại hay ra đi?

Ra đi là rồ dại, ở lại thật hãi hùng.

VII TRẬN CHIẾN ĐẤU

Gilliatt trèo lên Hòn Douvres Lớn.

Từ trên ấy anh nhìn thấy toàn bộ biển cả.

Phía tây thật đáng kinh ngạc. Một bức tường thành từ đó thoát ra. Một bức thành mây rất to, chắn ngang không trung suốt từ bên nọ sang bên kia, thông thả nhô từ chân trời lên đến thiên đỉnh. Bức thành đó, thẳng tắp, dựng đứng, suốt cả chiều cao không có một đường nứt nẻ, góc cạnh không có một chỗ nào sụt lở, dường như được xây với thước góc và dây

chằng. Đấy là mây nhưng lại giống cầm thạch. Vách mây, rất vuông góc ở đầu phía nam, hơi cong về phía bắc như tấm tôn oản, và có vẻ như một mặt phẳng nghiêng nghiêng. Bức tường mây mù này rộng dần, lớn dần, đầu trên vẫn không ngừng song song với đường chân trời hầu như mờ mịt trong bóng tối đang xuống. Bức thành không khí này lắng lặng nhô lên nguyên cả khối. Không một đường lượn, không một nếp nhăn, không một chỗ nhỏ nào biến dạng hay chuyển chỗ. Cái khối bất động mà di chuyển thật rùng rợn. Mặt trời, tái nhợt phía sau một lớp trong suốt độc hại, soi sáng cái đường nét khó hiểu đó. Đám mây đã xâm chiếm gần hết nửa không gian. Tường chùng đấy là bức lũy hải hùng của vực thăm. Một cái gì như một bóng núi đen nhô lên giữa đất và trời.

Đây là cảnh đêm tối dâng lên ngay giữa ban ngày.

Không khí nóng như trong lò. Từ đồng chùng chất bí mật ấy bốc lên một thứ hơi nước của lò sấy. Bầu trời, từ xanh đã trở thành trắng, từ trắng đã trở thành xám. Y như một khối đá đen lớn. Biển cả, phía dưới, mờ đục, xám xịt như chì, là một tảng đá đen to khác. Không một hơi gió, không một gợn sóng, không một tiếng động.

Biển cả mông mênh, vắng lặng. Không phía nào có lấy một cánh buồm. Chim muông chồn hết. Người ta cảm thấy có sự phản trắc trong vô biên.

Toàn bộ bóng đen đó cứ rộng dần một cách khó nhận thấy.

Ngọn núi di động của hơi nước đang tiến về phía các Hòn Douvres là một trong những thứ mây có thể gọi là mây chiến đấu. Mây mờ ám. Qua những chùng chất đen tối ấy, hình như có một con mắt lúc nào đó đang nhìn bạn.

Hiện tượng tiến gần lại đó thật khủng khiếp.

Gilliatt chăm chú quan sát đám mây mù và l`ân b`ân trong miệng: Tao đang khát đây. Mày lại sắp cho tao uống đấy.

Anh đứng yên một h`ồi lâu, mắt dán vào đám mây. Tưởng chừng anh đang nhìn từ đầu đến chân cơn bão.

Chiếc mũ khô của anh nằm trong túi áo va-rơ, anh móc nó ra, đội lên đầu. Anh lấy chỗ qu`ần áo dự trữ, trong cái hang lâu nay anh vẫn nằm; anh mang xà cạp, khoác áo mưa vào, như một hiệp sĩ mặc áo giáp lúc sắp hành động. Ta được biết là anh không còn giày, nhưng đôi chân không của anh đã chai với núi đá.

Mặc xong chiến bào, anh ngắam nhìn tấm liếp chắn sóng, hắam hỏ tóm lấy sợi thừng nút, tụt xuống khỏi mặt bằng Hòn Douvres, đặt chân lên những tảng đá phía dưới, và chạy đến cái kho. Một lúc sau anh bắt tay vào công việc. Đám mây cắam rộng lớn có thể nghe rõ tiếng búa của anh. Gilliatt đang làm gì thế? Với chỗ đỉnh, thừng và sắan gỗ còn lại, anh dựng thêm cho cửa biển phía đắang một tấm liếp thứ hai cách tấm thứ nhất độ hơn ba mét.

Trời biển vẫn im lặng như tờ. Những ngọn cỏ trong các khe kẽ bãi ngắam không mắay may dao động.

Thình lình mặt trời biển mất. Gilliatt ngắang đầu lên.

Đám mù dắang vừa chạm đến mặt trời. Y như một cảnh tắt phụt của ánh ngày, thay thế bằng một thứ ánh hắon hợp nhợt nhạt.

Bức thành mây đã thay hình đắoi dạng. Nó không còn giữ cái vẻ đắang nhất nữa. Nó đã nhắan nheo theo chi`ều ngang lúc chạm đến thiên đỉnh, từ chỗ ấy nó đứng nghiềng nghiềng trên ph`ần trời còn lại. Bây giờ nó có nhi`ều t`ầng. Sự hình thành của bão tắap ở đắay hiện rõ như trong một đắang

hào. Người ta nhận thấy có những lớp mưa và những vĩa đá. Không có sấm chớp, nhưng một chút ánh mờ mờ tản mạn khủng khiếp; vì ý nghĩa khủng khiếp cũng có thể gắn liền với ý nghĩ ánh sáng. Có tiếng thở mơ hồ của bão táp. Sự im lặng này phập phồng một cách khó hiểu. Gilliatt, cũng im lặng, nhìn tất cả những khối sương mù đang tập hợp trên đầu anh và tạo ra những đám mây hình dáng kì dị. Trên chân trời một dải sương mù màu gio nặng trĩu kéo dài, và trên thiên đỉnh một dải màu chì; những mảnh rách tả tơi xanh nhợt từ các lớp mây bên trên thông xuống những lớp mù bên dưới. Toàn bộ bức nền, tức là bức tường mây, đầu mờ đục, màu sữa, màu đất, thâm đậm, khó tả. Một giải mây trắng đục mỏng nằm ngang, không rõ từ đâu đến, cắt xiên từ bắc xuống nam bức thành cao âm u. Một đầu dải mây lê thê trên biển. Ở điểm nó chạm vào lớp sóng hỗn loạn, trong bóng tối, thấy có một lớp hơi màu đỏ bị dim dập. Bên dưới giải mây tái nhợt, có những đám mây nhỏ, rất thấp, đen sì, bay ngược chiều nhau như không biết trở thành gì đây. Lớp mây nền to lớn phát triển cùng một lúc ra tất cả các phía, che khuất thêm, và tiếp tục giữ vị trí trung tâm buồn thảm. Ở phía đông, sau lưng Gilliatt, chỉ còn một cổng trời sáng sắp khép lại. Không có một cảm giác gì về gió, vậy mà một lớp lông tơ tản mát, kỳ lạ, xam xám lướt qua, vương vãi và nát vụn, như một con chim khổng lồ nào đó vừa bị vạt lông sau bức tường đen tối kia. Một lớp trần đen dày đặc hình thành ở cuối chân trời, chạm xuống mặt biển và lẫn vào sóng nước đen ngòm. Người ta cảm thấy có một vật gì đang tiến đến. Rộng lớn, nặng nề, hung dữ. Bóng tối ngày càng dày đặc. Thành linh một tiếng sét rất to bùng nổ.

Bản thân Gilliatt cũng cảm thấy rung chuyển. Trong tiếng sét có màu hư ảo. Thực tế phũ phàng đó trong lĩnh vực ảo tưởng có một cái gì hãi hùng. Tưởng như là tiếng bàn ghế đổ trong một căn phòng khổng lồ.

Sau tiếng nổ, không tiếp theo một ánh lửa điện nào cả. Y hết một tiếng sét đen. Lại im lặng. Có một quầng cách như khi tiến lên chiếm lĩnh vị trí. Thế rồi, thông thả và nối tiếp nhau, những tia chớp không ra hình thù gì xuất hiện. Những tia chớp này đều câm lặng. Không có tiếng rền vang. Qua mỗi tia chớp, mọi vật đều sáng rực. Bức tường mây lúc này là một hang động. Có vòm, có nhịp. Trong đấy người ta nhận thấy có nhiều bóng dáng. Những cái đầu quái gở phác họa; những cái cổ như vươn dài; những con voi mang cả kiệu thấp thoáng tan biến.

Một cột sương mù, thẳng, tròn, và đen, trên đỉnh có một làn hơi trắng, nom giống như ống khói một chiếc tàu khổng lồ bị chìm đang đốt lò dưới sóng và đang tỏa khói. Từng lớp mây cuộn như những lớp cờ nhả. Ở giữa, dưới những lớp dày màu đỏ thắm, nằm lợt, bất động, một khối sương mù dày đặc, lì lợm, tia sáng điện cũng không xuyên nổi, một thứ bào thai góm guốc trong lòng bão táp.

Thình lình Gilliatt cảm thấy có một hơi gió thổi tung mái tóc. Ba bốn tấm lưới mưa rất to đập vào núi đá quanh anh. Rồi một tiếng sét thứ hai. Gió nổi lên.

Sự chờ đợi của bóng tối đạt đến chỗ tột cùng, tiếng sét thứ nhất đã rung chuyển biển cả, tiếng sét thứ nhì làm rạn nứt bức thành mây từ trên xuống dưới, một lỗ tròn hiện ra, toàn bộ trận mưa lơ lửng đổ xuống phía ấy, chỗ nẻ trở thành như một cái miệng mở rộng đầy mưa, và bão táp bắt đầu nôn mưa.

Giây phút thật hãi hùng.

Mưa rào, giông tố, chớp ngu ồn, sét nổ, sóng ngút tận trời mây bọt nước, tiếng nổ, quần quai điên cuồng, tiếng kêu, tiếng gầm, tiếng huýt, tất

cả cùng một lúc. Một lũ quái vật xông xịch.

Gió thổi như sấm rền. Mưa không rơi, mưa đổ.

Đối với một con người đáng thương, mắc kẹt, như Gilliatt, với một chiếc thuyền chở nặng, giữa hai quả núi ngoài khơi, thật không có nguy cơ nào khủng khiếp hơn. Nguy cơ của nước triều, mà Gilliatt đã chiến thắng, không nghĩa lý gì bên cạnh nguy cơ của bão táp. Hoàn cảnh lúc ấy như sau: Vào phút cuối cùng và trước tai họa ghê gớm, xung quanh toàn vực thẳm, Gilliatt nghĩ ra được một chiến lược rất tài tình. Anh đã lấy chính kẻ thù làm điểm tựa; anh liên kết với bãi ng ầm; Hòn Douvres trước đây là đối thủ của anh, lúc này lại là kẻ phụ tá anh trong trận quyết đấu lớn. Gilliatt đã sử dụng nó. Gilliatt đã dùng cái mộ địa ấy làm thành pháo đài. Anh tự tạo ra lỗ châu mai trong túp nhà ghê gớm đó của biển cả. Anh đã bị vây hãm ở đấy, nhưng lại được tường bao quanh. Có thể nói, anh tựa lưng vào bãi ng ầm, mặt đối mặt với giông tố. Anh đã chắn ngang eo biển, con đường của sóng dữ. Và lại đó là việc duy nhất phải làm. Dường như đại dương, vốn là một bạo chúa, bản thân nó cũng có thể bị trấn áp bằng những chướng ngại vật. Chiếc thuyền b ầu có thể xem như được an toàn trên ba phía. Được giam chặt giữa hai mặt trong của bãi ng ầm, lại thả neo theo thế chân ng ỗng, nó được che chở phía bắc nhờ Hòn Douvres Nhỏ, phía nam nhờ Hòn Douvres Lớn, những quả núi cheo leo hoang dã, quen gây nên các vụ đắm tàu nhiều hơn ngăn cản chúng. Phía tây, nó được bảo vệ bằng tấm gỗ buộc ghìm và đóng đinh vào núi, một thứ đập được thử thách đã thắng đợt triều dâng gay gắt lúc biển cao, một công thành thực sự mà khung cửa lại chính là những cột trụ của bãi ng ầm, hai Hòn Douvres. Về phía ấy không có gì phải sợ. Nguy cơ nằm ở phía đông.

Phía đông chỉ có cái đập chắn sóng. Đập chắn sóng là một thứ máy

nghe. Phải có cho nó ít nhất hai tấm rào thưa. Gilliat chỉ có thì giờ làm được một tấm. Anh đang dựng thêm tấm thứ hai ngay dưới bão táp.

Cũng may gió lại từ hướng tây bắc thổi tới. Biển cả có những mặt vung vênh của nó. Ngọn gió này, chính là ngọn gió galeone ngày xưa, ít tác động vào hai Hòn Douvres. Nó công phá xiên vào sườn bãi ngầm, và không thúc sóng vào cửa nào của ngõ hẻm cả, thành thử đáng lẽ đi thẳng vào một con đường, nó lại vấp phải một bức thành cao. Bão tố đã tấn công sai.

Nhưng những cuộc tấn công của gió đều theo đường vòng, và phải dè chừng có sự quay ngoặt đột ngột. Nếu việc quay ngoặt này diễn ra ở phía đông, trước khi làm xong rào chắn sóng thứ hai, nguy cơ sẽ rất lớn. Bão táp sẽ tràn ngập ngõ hẻm giữa núi, và thế là tan hoang hết.

Giông tố ngày càng ác liệt. Bão táp liên tiếp không ngừng. Đây là sức mạnh của nó; đây cũng là chỗ yếu của nó. Làm dữ mãi, nó thúc đẩy trí tuệ, và con người phải tự vệ; nhưng nặng nề làm sao! Không gì khủng khiếp hơn. Không nghỉ ngơi, không gián đoạn, ngừng hoãn, không lấy hơi. Trong sự phung phí của vô tận có một cái gì hèn nhát. Người ta cảm thấy chính vô biên đang thử thách họ.

Toàn bộ bao la hỗn loạn xông vào bãi Douvres. Người ta nghe thấy vô vàn giọng nói. Ai gào thét thế? Đây là cảnh kinh hoàng hoảng loạn ngày xưa. Thịnh thoảng nó có vẻ như nói, như người ra lệnh. Thế rồi tiếng gào thét, tiếng kèn đồng, tiếng rung chuyển lạ lùng, và tiếng trống to uy nghiêm mà thủy thủ đặt tên là tiếng gọi của đại dương. Những đường xoắn ốc vô tận và vut biển của gió, vừa gào rít vừa vẩn vắt nước biển; dưới những sức mạnh quay cuồng ấy, sông nước trở thành những cái đĩa do những lực sĩ vô hình ném vào bãi ngầm như những tấm đá khổng lồ. Lớp

bọt nước to lớn làm cho tất cả núi non đầu rũ rượi. Thác lũ bên trên, dải dốt bên dưới. Rồi tiếng gầm rống càng to. Không một tiếng ồn ào nào của con người hay súc vật có thể cho ta ý niệm về các tiếng âm vang lẫn với những tiếng tan vỡ này của biển cả. Mây trời pháo kích, mưa đá xả liên thanh, sóng biển leo trèo. Có những điểm dường như bất động; lại có những điểm khác gió di chuyển đến bốn mươi mét một giây. Biển cả mịt mù trắng xóa; chân trời tràn ngập nước xà phòng đến mười dặm. Có những cánh cửa lửa mở ra rồi đóng lại. Một vài đám mây như bị những đám khác đốt cháy, và giống như khói trên những đống mây đỏ tựa than hồng. Có những hình thù bành bồng, va vào nhau, kết hợp với nhau, hình nọ làm biến dạng hình kia. Một trận mưa như trút nước đổ xuống. Trong bầu trời nghe có tiếng nổ sùng trường. Giữa lớp trần đen tối có một thứ gì to đang trút xuống hỗn độn nào cây nước, mưa đá, mây dày, nào thuốc đỏ, lân tinh, nào đêm tối, ánh sáng, nào tiếng động, sấm sét, những nghiêng ngả ấy của vực thăm thẳm ghê gớm vô chừng!

Gilliatt dường như không để ý đến những chuyện ấy. Anh đang cắm đầu vào công việc. Tấm rào thừa thứ nhì bắt đầu cao dần. Cứ mỗi tiếng sét nổ, anh lại trả lời bằng một tiếng búa. Nhịp điệu ấy vang lên trong cảnh hỗn mang. Đầu anh để trần. Một cơn gió đã giật mất chiếc mũ khố của anh.

Anh khát cháy cổ. Có thể là anh đang sốt. Nhiều vũng nước mưa hình thành xung quanh anh trong những hốc núi. Thỉnh thoảng anh lại lấy tay vốc nước lên uống. Rồi không cả quan sát xem bão đã đến đâu, anh lại chăm chú vào công việc.

Mọi sự có thể tùy thuộc vào một giây lát. Anh biết những gì đang chờ anh nếu anh không kịp thời hoàn thành tấm chắn sóng, cần gì phải mất một

phút để nhìn cái mặt thậ̀n chết đang đến gần?

Cảnh tượng đảo lộn xung quanh anh như một chiếc n ỗ hơi đang sôi sục. Có tiếng đ ỗ v ỗ và tiếng ồ ào. Chốc chốc sét d ường như chạy xuống c ầu thang. Tia điện không ngừng đánh đi đánh lại mãi vào những đỉnh núi cũ, hẳn là có v ả diorite. Có nhi ều hạt mưa đá to như nắm tay. Gilliatt buộc phải giữ giữ các nếp nhăn trên áo varơ. Cả những túi áo cũng đ ầy mưa đá.

Cơn bão ngắn lúc này chuyển sang hướng tây, quất vào cái đập chắn của hai Hòn Douvres; nhưng Gilliatt tin tưởng vào cái đập là cũng phải. Đập này, làm bằng tấm sắt lớn phía trước của tàu Durande, đón chịu sức sóng đập một cách nhẹ nhàng; đàn h ữ là một lực chịu đựng; những tính toán của Stevenson khẳng định rằng, để chống đ ỡ với sóng bản thân cũng co giãn, một cái dàn gỗ, với kích thước như ý, được b ị kê và ghép nối đúng cách, trở thành vật cản tốt hơn một cái đập chắn sóng xây bằng gạch. Cái đập chắn của hai Hòn Douvres có đủ những đi ều kiện ấy; vả lại nó được chằng giữ tài tình đến mức sóng nước, quất vào đấy cứ như búa đóng vào đinh, đ ề nó vào núi và củng cố thêm cho nó; muốn phá hủy nó phải lật nhào cả hai Hòn Douvres. Quả thật, gió cơn chỉ tung đến chiếc thuy ền b ầu, qua chướng ngại vật, một ít tia d ải d ốt. Về phía này, nhờ có đập chắn, bão tấp đã thất bại, chỉ như khắc nh ỗ nước bọt. Gilliatt không đếm xỉa đến cố gắng ấy. Anh yên tâm cảm thấy sau lưng mình thái độ l ờng lộn vô ích ấy.

Những đám bọt sóng, bay bắn tứ tung, giống hệt như len. Làn nước mông mênh gi ận d ữ nhận chìm núi đá, trèo lên, len vào trong, lu ộ̀n vào hệ thống nứt nẻ, và từ các khối hoa cương chui ra theo các kẽ hẹp, những loại v òi không bao giờ c ạn đóng vai những mạch nước nhỏ, bình thản trong cảnh đại h ộ̀ng thủy này. Đây đó, từ những lỗ ấy, có những dải bạc tuôn trào xuống biển cả nom rất đẹp.

Tấm liếp tăng cường của cái đập chắn phía đông sắp hoàn thành. Còn vài nút dây và mắt xích nữa là đến lượt tấm rào này cũng có thể chống đỡ.

Đột nhiên, trời sáng hơn, mưa tạnh, mây tan, gió vừa trở chiều, một thứ cửa sổ cao mờ mờ mờ ra trên đỉnh trời, và các tia chớp tắt hết; tưởng chừng như vậy là chấm dứt. Đây là lúc bắt đầu.

Gió trở từ tây bắc chuyển sang đông bắc.

Bão táp sắp nổi lên lại, với một đội cuồng phong mới. Phương bắc sắp tấn công mãnh liệt. Các thủy thủ gọi việc tiếp diễn đáng sợ này là cơn gió lật. Gió nam nhiều nước hơn, gió bắc nhiều sấm sét hơn.

Cuộc xâm lăng bây giờ, từ phía đông đến, sắp nhắm vào điểm yếu.

Lần này Gilliatt phải ngừng tay. Anh đưa mắt nhìn.

Anh đứng trên một mỏm núi nhỏ xiên, phía sau tấm liếp thứ nhì đã gần hoàn thành. Nếu tấm liếp thứ nhất bị cuốn mất nó sẽ phá bung tấm thứ nhì chưa được củng cố, đồng thời sẽ đè bẹp Gilliatt. Đứng ở chỗ anh vừa chọn, Gilliatt sẽ bị nghiền nát trước khi nhìn thấy chiếc thuyền bầu, cỗ máy, và toàn bộ công trình của anh chìm dưới vực sâu. Đây là một việc bất thường, Gilliatt sẵn sàng chấp nhận nó, và khùng khiếp thay, lại muốn cho nó xảy ra.

Trong cảnh chìm đắm hết mọi hy vọng này, chết trước tiên, đó là việc anh đang cần; chết trước; vì cỗ máy đối với anh cũng như một con người. Với bàn tay trái, anh vén mớ tóc vì mưa dính trên mắt, tay nắm lăm lăm chiếc búa to, ngả người ra sau, bản thân anh cũng đáng sợ, và chờ đợi.

Anh không phải chờ lâu.

Một tiếng sét, phát hiệu lệnh, cánh cửa mờ nhạt của đỉnh trời khép lại,

một đợt mưa rào đổ xuống, mọi vật trở lại tối đen, và chỉ còn tia chớp làm đuốc soi. Cuộc tấn công tối tăm bắt đầu.

Một ngọn sóng khỏe, trông thấy được nhờ những đợt chớp, nổi lên phía đông, bên kia núi Thằng Người. Nó giống như một cuộn thủy tinh to, màu lam lục, không có bọt, và chắn ngang suốt cả mặt biển. Nó tiến về phía đập chắn sóng. Vừa đến gần nó vừa phồng lên, như một cái ống rộng lớn nào đó của u minh đang lăn tròn trên đại dương, sấm rền âm ỷ.

Đợt sóng ấy đến chỗ núi Thằng Người thì gãy ra làm đôi và đi qua. Hai đoạn sóng nhập lại chỉ còn là một núi nước, và từ chỗ song song với cái đập chắn sóng, nó trở thành vuông góc với đập. Đây là một con sóng mang hình dáng một thanh gỗ.

Cái máy phá thành ấy đâm thẳng vào đập chắn sóng. Tiếng đùng gầm lên. Tất cả đều xóa nhòa trong bọt nước.

Nếu không nhìn thấy thì không thể nào hình dung nổi những cảnh tuyệt vời có biển hòa thêm, qua đó biển chôn vùi những ngọn núi cao hơn ba mươi mét, chẳng hạn như ngọn Great Anderlo ở Guernesey và ngọn Pinnacle ở Jersey. Ở Saint-Mary, Madagascar, biển nhảy qua mũi Tintingue.

Ngọn sóng trào che khuất tất cả một hồi lâu. Chỉ còn thấy giập dũ chông chắt, dải dốt ngập ngụa, màu trắng của tấm vải liệm xoay tít trước ngọn gió mộ địa, tràn đầy tiếng động và giông tố trong đó đang diễn ra cảnh tiêu diệt.

Bọt sóng lan dần. Gilliat vẫn đứng yên.

Cái đập đã đứng vững. Không một sợi xích nào đứt, không một cái đinh nào bật. Qua thử thách, cái đập chứng tỏ là tấm chắn sóng có hai ưu điểm;

nó mềm dẻo như một tấm liếp và vững chắc như một bức tường. Sóng đung vào đã tiêu tan thành mưa.

Bọt nước rùng rùng lướt theo những đường ngoằn ngoèo trong vịnh, rồi tan biến dưới bụng chiếc thuyền bèo.

Con người đã làm ra cái rọ mồm ấy cho đại dương vẫn không nghĩ.

Cũng may giông tố chẳng đi mất một lúc lâu. Sóng biển lại tấn công vào vách bãi ngầm. Đây là một lúc tạm nghỉ. Gilliatt lợi dụng cơ hội để bỏ khuyết cho tấm liếp phía sau.

Ngày hôm ấy kết thúc trong lúc Gilliatt mải mê vào công việc mệt nhọc đó. Con bão ngấn tiếp tục hoành hành trên sườn bãi ngầm với một vẻ uy nghiêm buồn thảm. Hũ nước và bình lửa trên các tầng mây trút mãi vào nhau mà không cạn. Gió trời lúc cao lúc thấp như một con rồng uốn lượn.

Khi đêm đến thì cơn bão đã bắt đầu; người ta không nhận thấy đi đâu ấy.

Vả lại, cũng không phải là bóng tối hoàn toàn. Bão táp, được sấm chớp làm cho sáng rực và lóa mắt, có những lúc gián đoạn nhìn thấy và không nhìn thấy. Tất cả đều trắng xóa, rồi tất cả lại đen ngòm. Người ta được chứng kiến cảnh hình ảnh xuất hiện và cảnh tối tăm trở lại.

Một vùng lân tinh, đỏ màu đỏ bắc cực, bành bồng như một đám lửa ma rách rưới sau những lớp mây dày. Kết quả là một màu xanh nhạt nhạt rất rộng. Các chiêng ngang của đám mưa đều sáng rõ.

Những ánh sáng ấy giúp cho Gilliatt và dẫn dắt anh. Có lần anh ngoảnh lại và nói với chớp: cùm hộ tao cây nến.

Nhờ chút ánh mờ mờ ấy anh có thể tôn tấm liếp phía sau cao hơn cả tấm liếp phía trước. Tấm chắn sóng như vậy là gần hoàn chỉnh. Gilliatt

đang buộc thêm vào khoang mũi cao nhất một sợi cáp thì gió bắc thổi thẳng vào mặt, khiến anh phải ngẩng đầu lên. Gió trở vào hẻm núi. Gió đã đột ngột quay về đông bắc. Cuộc tấn công vào cửa biển phía đông bắt đầu lại. Gilliatt đưa mắt nhìn ra khơi. Tăm chấn sóng sắp bị công hãm lần nữa. Một con sóng lớn mới đang tiến lên.

Ngọn sóng này quật rất mạnh; một ngọn thứ hai tiếp theo, rồi một ngọn khác, và một ngọn khác nữa, năm sáu ngọn tới tấp, hầu như cùng một lúc; sau cùng một ngọn cuối, khủng khiếp.

Ngọn sóng này, như một sức mạnh tổng hợp, có dáng dấp một vật thể sống. Chẳng khó khăn gì việc tưởng tượng ra trong cảnh trào dâng và trong suốt ấy những hình dáng mang cá và vây cá. Nó bẹp rúm lại và tự nghiền nát ra khi gặp tấm chắn sóng. Cái hình dáng gần như súc vật của nó tự xé toang ra khi bị tung tóe. Trên cái khối vừa núi vừa sà gổ ấy, y như có một con giao long lớn bị nghiền nát. Ngọn sóng lúc chết đã hủy hoại. Sóng nước có vẻ muốn bám chặt và cắn xé. Một rung chuyển sâu sắc lay động bãi ngầm. Hòa vào đấy có cả tiếng súc vật hòng hộc. Bọt nước giống hệt dải dốt một con quái vật khổng lồ.

Bọt nước rơi xuống cho thấy cả một cảnh tan hoang. Đợt công kích sau này đã làm nên việc. Lần này tấm chắn sóng đã bị tổn thương. Một thanh gỗ dài và nặng, bị giật khỏi tấm liếp phía trước, đã được ném qua lớp chắn phía sau, vào tảng đá nhỏ xiên đã có lúc được Gilliatt chọn làm vị trí chiến đấu. May sao anh lại không trèo lên chỗ ấy. Nếu không anh đã bị quật chết.

Khi thanh gỗ này rơi, có một điểm đặc biệt là nó vừa ngăn phiến gỗ này lên, vừa cứu Gilliatt khỏi bị hiện tượng thia lia và dội lại. Nó còn có ích cho anh một cách khác nữa, như ta sẽ thấy.

Giữa tảng đá nhô và mặt sườn cheo leo phía trong đường hẻm, có một quãng cách, một chỗ đứt đoạn to, gần giống một nhát rìu đẽo hay một lỗ nêm. Một đầu phiến gỗ bị sóng tung lên không, lúc rải xuống đã chui tọt vào chỗ đứt đoạn ấy. Chỗ đứt đoạn vì thế rộng ra.

Gilliatt chợt nảy ra một ý nghĩ.

Đè lên đầu kia.

Thanh gỗ, một đầu cắm chặt vào khe núi mà nó đã tách rộng thêm, thò ra như một cánh tay giơ thẳng. Cánh tay ấy duỗi dài song song với mặt trong ngõ hẻm, còn đầu tự do của thanh gỗ thì nhô ra ngoài điểm tựa quãng hơn năm mươi phân. Một quãng cách tốt cho phần lực phải tác động.

Gilliatt dùng chân, đầu gối, nắm tay chống vào vách núi và tì hai vai vào cái đòn bẩy to tướng đó. Thanh gỗ dài nên đã tăng thêm sức bẩy. Tảng đá đã rung rinh. Tuy vậy Gilliatt cũng phải ra sức đến bốn lần. Từ tóc anh mồ hôi cũng chảy ròng ròng như nước mưa. Lần cố gắng thứ tư thật cuồn cuộn nhiệt. Trong núi nghe có tiếng gầm, chỗ đứt đoạn kéo dài thành kẽ hở mở ra như một cái hàm, và khối đá nặng rơi xuống quãng cách nhỏ hẹp của ngách núi với một tiếng động khủng khiếp, đáp lời những tiếng sét.

Thanh gỗ rơi thẳng, nếu có thể dùng được từ này, nghĩa là không gãy.

Ta hãy hình dung cả một trụ bia bị đẩy rơi xuống vực.

Thanh gỗ đòn bẩy bật theo tảng núi, và Gilliatt suýt nữa cũng ngã, vì mọi thứ dưới chân anh đều sụt lở cùng một lúc.

Đáy vực chỗ này ngổn ngang toàn đá và có rất ít nước. Khối độc thạch, làm bắn bọt nước lên cả người Gilliatt, nằm vào giữa hai tảng đá lớn song song với ngõ hẻm và làm thành một bức tường ngang, một thứ dấu nổi

giữa hai vách núi cheo leo. Hai đầu nó vừa khít; nó có hơi dài một tí, nên cái đỉnh đá bọt lúc khớp vào đã nát vụn. Tầng đá rơi xuống tạo thành một cái ngõ cụt đặc biệt mà ngày nay người ta còn có thể nhìn thấy. Phía sau tầng đá, nước hầu như vẫn nằm yên.

Đây là một thành lũy kiên cố hơn cả tấm sắt phía trước của tàu Durande đã gắn chặt vào giữa hai Hòn Douvres.

Cái đập này xen vào rất đúng lúc.

Sóng biển lại tiếp tục hoành hành, vẫn kiên trì đánh vào chướng ngại vật. Tấm liếp thứ nhất bị sứt mẻ bắt đầu tan rã. Một mắt trên tấm chắn sóng bị bung là một hư hại nặng. Việc khoét rộng lỗ hông không thể nào tránh khỏi, và không có cách nào cứu vãn ngay tại chỗ. Sóng nước sẽ cuốn luôn cả người làm.

Một luồng điện phóng ra, chiếu sáng bãi ngầm, giúp cho Gilliatt thấy rõ hư hại của tấm chắn sóng, các thanh gỗ cong queo, các mẫu thùng và xích sắt bắt đầu đu đưa trước gió, giữa bộ máy một lỗ thùng. Tấm chắn sóng thứ nhì vẫn nguyên vẹn.

Khối đá, bị Gilliatt ném mạnh vào quãng cách ở phía sau tấm chắn sóng, là loại rào chắn vững nhất, nhưng có một khuyết điểm là thấp quá. Sóng biển không thể phá vỡ nhưng có thể vượt qua nó.

Không nên nghĩ đến việc tôn cao nó lên. Chỉ đá tảng mới có thể chững chắt hiệu quả lên cái đập đá ấy; nhưng làm thế nào mà bật được đá tảng, lê được chúng, làm thế nào mà bốc được chúng, xếp được chúng, làm thế nào mà gắn chặt được chúng? Người ta thêm ván thêm gỗ, chứ không ai thêm núi đá.

Gilliatt đâu phải là Enceladus.

Việc tôn cao cái eo đất bằng hoa cương này lên một chút khiến cho Gilliatt phải bận trí.

Khuyết điểm này cho thấy ngay hậu quả. Các cơn gió giạt không rời bỏ tấm chắn sóng nữa; chúng không chỉ xô vào đấy, mà có thể nói là chúng bám chặt vào đấy. Trên cái khung gỗ mấp mô ấy nghe như tiếng chân giậm thình thình.

Thình lình một khúc gỗ ọp bung khỏi cái khung vỡ, nhảy qua tấm liếp thứ nhì, bay qua tảng đá nằm ngang, và rơi vào trong hẻm núi, ở đấy nước biển tóm ngay lấy nó và cuốn theo những đường ngoằn ngoèo trong ngõ hẹp. Gilliatt mất hút nó. Có thể là khúc gỗ ấy sẽ vấp vào chiếc thuyền bèo. Cũng may bên trong bãi ngầm, nước, bốn bề bị vây hãm, không bị ảnh hưởng mấy về cảnh xáo động bên ngoài. Sóng ít, va chạm không thể mạnh lắm. Và lại Gilliatt làm gì có thì giờ lo nghĩ đến chuyện hư hại đó, nếu có hư hại; tất cả mọi nguy hiểm đều cùng một lúc nổi lên, bão táp tập trung vào điểm yếu, tình trạng cấp bách đang ở ngay trước mắt anh.

Bóng tối bỗng dày đặc lại hồi lâu, chớp ngừng bật, một sự đồng lõa thật độc ác; mây trời và sóng biển chỉ là một; có tiếng rầm rầm.

Tiếp theo là một tiếng nổ vang.

Gilliatt nhô đầu ra. Tấm liếp, mặt nước của đập, đã bị phá toang. Trong sóng có những đầu sà nhấp nhô nhảy nhót. Biển cả dùng tấm chắn sóng thứ nhất để phá tan hoang tấm thứ nhì.

Gilliatt cảm thấy đi ều mà một viên tướng cảm thấy khi nhìn tàn quân tiên phong của mình trở về.

Hàng sà gỗ thứ nhì chịu đựng đợt tấn công. Cái khung phía sau được chằng chống rất chắc. Nhưng tấm liếp gỗ cũng rất nặng, nó mặc cho sóng ném đi, rồi tóm lại, nhờ số dây chằng còn lại nó không vỡ vụn, vẫn giữ nguyên khối, và những ưu điểm mà nó được Gilliatt tạo cho để thành một vật phòng ngự lại biến nó thành một chiến cụ phá hoại rất tốt. Từ khiên nó trở thành chùy. Ngoài ra những chỗ gãy làm cho nó tua tủa, chỗ nào cũng nhô ra tinh đầu sà, như cắm đầy răng và đinh thúc ngựa. Không có thứ khí giới hủy diệt nào đáng sợ hơn và thích hợp hơn để cho bão táp sử dụng.

Nó là đạn, biển cả là máy phóng.

Tiếng bắn phá liên tục đầu đạn bi đất. Trầm ngâm phía sau cánh cửa do chính tay anh đóng chẵn, Gilliatt lắng nghe tiếng đập muồn vào cửa thềm chết.

Anh cay đắng nghĩ rằng, nếu không có ống khói tàu Durande, bị xác tàu giữ lại một cách tai hại, thì ngay lúc này, và từ sáng, anh đã về đến Guernesey, đến bến cảng, với chiếc thuyền bầu an toàn, với cỗ máy được cứu thoát.

Sự việc lo sợ đang xảy đến. Việc phá hoại đang diễn ra. Y như một cơn thờ dốt. Toàn bộ cái khung chắn sóng, hai bộ sườn cũng lẫn lộn và nát như lao thẳng, trong một cây nước, vào cái đập đá như một cánh hỗn mang lao vào một quả núi, và dừng lại đấy. Tất cả chỉ còn là một mớ chõng chất, một đống hỗn độn không ra hình thù gì, để cho sóng lọt qua nhưng vẫn nghiến nát chúng. Bức thành bị phá hủy này đang hấp hối một cách anh dũng. Biển cả đã bẻ gãy nó, và nó cũng đang bóp nát biển cả. Bị đổ nhào, nó vẫn còn tác dụng trong một chừng mực nào đó. Tầng đá hình thành đập chắn, một chướng ngại vật không cho phép lùi, đang giữ chân nó. Như

chúng tôi đã nói, ngõ hẻm này là chỗ rất hẹp; cơn gió chiến thắng đã d ùn đầy, nhào trộn và giã nát nguyên cả tấm chắn sóng trong chỗ đất này; chính sức mạnh tổng thúc, vừa d ùn đóng cái khối ấy và vừa đầy sâu những thứ gãy nát cái nọ vào cái kia, đã làm cho mớ hủy hoại ấy thành một đồng nát như vũng chắt. Thế là bị triệt hạ nhưng lại kiên cố. Chỉ có dăm ba thanh gỗ bật ra. Sóng đánh tung tán chúng đi. Một thanh bay lên không, rất gần Gilliatt làm anh cảm thấy gió tạt qua trán.

Nhưng có một số ngọn sóng, những ngọn sóng to trong bao thường trở lại đều đặn, nhảy qua tấm chắn nát vụn. Chúng rơi vào trong ngõ hẻm, và mặc dầu ngõ có nhiều khúc khuỷu, chúng cũng làm tung nước ở đấy lên. Nước trong eo biển bắt đầu bực dọc chuyển động. Cái hôn kín đáo mà sóng nước dành cho núi đá nghe rõ d ùn.

Bây giờ làm thế nào ngăn cản không cho dao động này lan đến chiếc thuyền b ầu?

Chẳng mấy lúc nữa những cơn gió giạt sẽ khuấy động tất cả nước bên trong thành phong ba và chỉ sau dăm đợt sóng to, chiếc thuyền b ầu sẽ vỡ toang, và cỗ máy chìm ngấm.

Gilliatt run rẩy nghĩ ngợi.

Nhưng anh không bối rối. Đối với tâm hồn ấy không thể có chuyện bỏ cuộc.

Giông tố lúc này đã tìm thấy chỗ tiếp nối và l ồng lộn thốc vào giữa hai bức thành của eo biển.

Thình lình, sau lưng Gilliatt một tí, vang lên và kéo dài trong ngõ hẻm một tiếng rảng rác, hãi hùng hơn tất cả những gì Gilliatt đã được nghe từ

trước đến nay.

Đấy là ở phía chiếc thuy ên b ầu.

Có một chuyện gì bí hiểm đang xảy ra ở đấy.

Gilliatt vội chạy lại.

Từ cửa biển phía đông, nơi anh đứng, anh không thể nhìn thấy chiếc thuy ên b ầu vì ngô khúc khuỷu. Đến chỗ ngoặt cuối cùng anh đứng lại và chờ đợi một tia chớp.

Tia chớp đến ngay và cho anh thấy rõ hoàn cảnh.

Một ngọn gió ập vào cửa phía tây đã đáp lại ngọn sóng đánh vào cửa phía đông. Một tai họa đang bắt đầu diễn ra ở đấy.

Chiếc thuy ên b ầu không bị hư hại gì đáng kể; được neo kỹ như thế, nó không dễ gì bị quật hỏng; nhưng xác tàu Durande thì đang lúc nguy ngập.

Cái mở thảm hại ấy, trong một cơn bão táp như thế, phơi ra nhiều diện tích. Nó nhô cả ra ngoài nước, giữa trời, l ộ lộ. Cái lỗ hỏng mà Gilliatt khoét để lấy cỗ máy ra làm cho vỏ tàu bị yếu hẳn. Thanh sà sống tàu đã bị cắt đứt. Bộ xương gãy mất cột sống.

Ngọn gió dữ đã thổi vào đấy.

Không cần gì nhiều hơn. Mặt boong oằn lại như một quyển sách mở. Việc phanh sà đã xong. Chính tiếng rảng rắc này, qua cơn bão ngán, đã v ẳng đến tai Gilliatt.

Những gì anh trông thấy lúc đến gần có vẻ h ầu như không thể cứu vãn nổi.

Chỗ s ẻ hình vuông do tay anh mở ra đã trở thành một vết thương. Từ

chỗ cắt ấy, gió đã tạo nên một vết gãy. Đường đứt ngang chia xác tàu ra làm hai. Phần phía sau, gần chiếc thuyền bâu, gắn chặt trong gọng kìm núi đá. Phần phía trước, phần đối diện với Gilliatt, vẫn lủng lảng. Một vết gãy, khi còn dính, giống như một thứ bản lề. Cái khối nặng ấy đu đưa theo đường gãy như có bản lề, và gió cứ lúc lắc nó nghe ghê rợn cả người.

May sao chiếc thuyền bâu không nằm ở phía dưới nữa. Nhưng việc đu đưa này làm rung chuyển nửa vỏ tàu kia, nửa vẫn gắn chắc và nằm im giữa hai Hòn Douvres. Từ rung chuyển đến đứt rời không xa. Dưới sức gió dai dẳng, phần nứt vỡ có thể đột ngột kéo theo phần kia, phần này gần chạm vào chiếc thuyền bâu và toàn bộ, cả chiếc thuyền lẫn cỗ máy, sẽ chìm nghiêng khi đổ xuống.

Gilliatt nhìn thấy cảnh ấy trước mắt.

Đấy là thảm họa.

Làm thế nào để chuyển hướng nó đi.

Gilliatt thuộc loại người từ nguy nan vẫn nảy ra phương kế thoát nạn. Anh trầm ngâm suy nghĩ một lúc.

Gilliatt đi đến chỗ kho và lấy cái rìu.

Đoạn Gilliatt trèo lên xác tàu. Anh đứng vững trên phần sàn không bị oằn, và cúi người trên chỗ vực ngăn cách hai Hòn Douvres, anh bắt đầu thanh toán những thanh gỗ gãy và chặt đứt những gì còn dính với cái vỏ tàu lủng lảng.

Hoàn thành việc cắt đôi xác tàu, giải thoát nửa còn chắc, vớt xuống nước phần mà gió đã tóm chặt, phân định giới hạn cho bão táp, đấy là công việc phải làm. Nó nguy hiểm chứ không phải khó làm. Cái nửa lủng lảng

của vỏ tàu, bị gió và trọng lượng lôi kéo, chỉ còn dính có mấy điểm. Toàn bộ xác tàu giống hệt một bức tranh xếp mà một tấm đã gập long đĩnh cứ dấp vào tấm kia. Chỉ còn năm hay sáu chi tiết sườn tàu, bị bẻ gập và nứt toác, nhưng không đứt hẳn, vẫn dính chặt. Những chỗ gãy cứ rít ken két và rộng dần mỗi lần gió bắc qua lại, và lưới riu có thể nói là chỉ còn việc giúp gió một tay. Chút ít phần còn lại ấy, khiến cho công việc được dễ dàng, cũng là mối nguy cơ. Tất cả có thể sụp đổ cùng một lúc dưới chân Gilliat.

Gió bão đang đạt đến điểm tột cùng. Từ trước bão chỉ mới gọi là khủng khiếp, giờ đây nó trở thành rùng rợn. Cảnh quẩn quại của biển cả lan rộng đến tận bầu trời. Cho đến lúc bấy giờ mây vẫn là chúa tể, dường như nó làm theo ý muốn của nó, nó thúc giục, nó trút đội diên hùng lên sóng, đồng thời giữ lấy một phần mình mẫn bi đất nào đó. Bên dưới, diên cuồng, bên trên phần nộ. Bầu trời là hơi thở, đại dương chỉ là bọt nước. Do đó quyên uy của gió. Giông tố là thần. Tuy vậy niềm say sưa về sự ghê gớm của nó đã làm cho nó mê loạn. Nó chỉ còn là cơn gió lốc. Đó là sự mù quáng để ra đêm tối. Trong những cơn bão ngắn có một lúc mất trí; đối với bầu trời đây là một thứ bốc đồng. Vực thăm không biết mình làm gì nữa. Nó cứ nhắm mắt đánh bừa. Không còn gì ghê rợn hơn. Đây là giờ phút dễ sợ. Bãi ngấn rung chuyển cao độ. Bất cứ cơn bão nào cũng có một phương hướng bí mật; vào lúc ấy, nó mất phương hướng. Đây là chỗ dở của bão táp. Vào lúc ấy, theo lời Thomas Fuller, gió là một thằng diên nổi giận. Chính vào lúc ấy trong các cơn bão diễn ra sự tiêu phí điện lực liên tục mà Piddington gọi là thác chớp. Chính vào lúc ấy ở chỗ đen nhất của mây xuất hiện, không rõ tại sao, để theo dõi sự hốt hoảng chung, cái vòng ánh sáng xanh mà cánh thủy thủ gia Tây Ban Nha vẫn gọi là *Mắt bão el ojo de tempestad*. Con mắt bi thảm ấy đang nhìn Gilliat.

Về phía mình, Gilliatt cũng đang nhìn mây. Bây giờ anh ngẩng đầu lên. Sau mỗi nhát rìu, anh lại thẳng người lên, hiên ngang. Anh gặp, hay hình như gặp, nhiều tai họa quá nên anh không thể không tự phụ. Anh có thất vọng không? Không. Trước cơn rồ dại cùng cực của đại dương, anh vừa khôn ngoan vừa dũng cảm. Trên xác tàu, anh chỉ đặt chân ở những điểm nào chắc chắn. Anh vừa mạo hiểm vừa thận trọng giữ mình. Bản thân anh cũng đang ở điểm tốt cùng. Sinh lực anh nhân lên gấp bội. Anh say sưa gan dạ. Tiếng rìu của anh vang lên như những lời thách thức. Anh có vẻ như đã thu được phần sáng suốt mà bão táp mất đi. Một cuộc xung đột hùng tráng. Một bên không bao giờ cạn, một bên không khi nào mệt mỏi. Ai tài thì bắt đối thủ bỏ cuộc. Trong cảnh bão là các đám mây khủng khiếp giống như những mặt nạ thủy tặc, tất cả những gì có thể uy hiếp đều diễn ra, mưa từ sóng lên, bọt từ mây xuống, những bóng ma của gió lom khom, những hình thái khí tượng khi đờ hờng khi lẫn khuất, và sau khi những thứ ấy tan biến bóng tối thật là quái dị; chỉ còn một cảnh trút đổ, cùng một lúc từ bốn phương tới; tất thấy đầu sôi sục; bóng tối tràn ngập toàn khối; những đám mây tích tụ mưa đá, tả tơi, màu tro, như lên cơn điên loạn xoay tròn, trên không trung có tiếng như sàng đổ, những luồng điện ngược chiều được Volta^[123] quan sát nở từ đám mây nọ sang đám mây kia, những tia sét vươn dài khủng khiếp, các ánh chớp đến sát bên người Gilliatt. Dường như anh làm cho vực thẳm ngạc nhiên. Anh đi tới đi lui trên chiếc tàu Durande rung rinh, làm mặt boong dưới chân phải run rẩy, hết quai búa, lại đục, lại cắt, lại chặt, tay lăm lăm cái rìu, tái nhợt trước ánh chớp, đầu tóc rối bù, chân đi đất, áo quần tả tơi, mặt mũi đầy đờm dãi của biển cả, vĩ đại trong cái vũng lầy sẫm sét ấy.

Chống lại cơn mê sảng của các sức mạnh, chỉ có khôn khéo mới có thể

chiến đấu. Khéo léo là ngón sở trường của Gilliatt. Anh muốn cho toàn bộ chóc di vật tan rã kia cùng đổ xuống một lúc. Muốn thế anh phải làm yếu những đường gãy bản lè, mà không để chúng đứt hẳn, vẫn chừa một ít đủ nâng đỡ phần còn lại. Thành linh anh dừng lại, tay giơ cao cái rìu. Động tác vừa đúng lúc. Toàn khối rời ra.

Nửa này của vỏ tàu chìm xuống, giữa hai Hòn Douvres, phía dưới Gilliatt, anh đang đứng trên nửa kia, vừa cúi vừa nhìn. Nó nhào thẳng góc xuống nước, bắn tung toé nước lên núi, và dừng lại trong chỗ co thắt, trước khi chạm đến đáy. Phần nhô lên trên cũng còn khá cao, hơn mặt nước độ gần hai mét; tấm vách đứng chắn giữa hai Hòn Douvres; như tảng núi đã bị hất nằm ngang trong ngõ hẻm, quá phía bên trên một tí, nó chỉ để cho một ít bọt sóng lọt qua hai đầu; và đấy là chướng ngại vật thứ năm do Gilliatt ứng biến nghĩ ra để chống lại bão táp trong con đường này của biển cả.

Cuồng phong, mù quáng, đã giúp sức tạo nên chướng ngại sau cùng này.

Cũng may mà chỗ eo núi đã không để cho cái đập này lọt xuống tận đáy. Nhờ vậy mà nó được cao hơn; ngoài ra nước còn có thể luồn qua dưới vật chướng ngại và do đấy giảm bớt sức mạnh của sóng. Cái gì chui qua bên dưới thì không nhảy qua bên trên. Chính đấy là một phần bí quyết của đập chắn sóng nổi.

Từ nay, mây muốn làm gì cũng chẳng mấy may phải lo sợ cho chiếc thuyền bầu và cỗ máy. Nước không thể nào xao động xung quanh chúng nữa. Giữa bức rào của hai Hòn Douvres che chắn chúng ở phía tây và cái đập mới bảo vệ chúng ở phía đông, không một ngọn sóng, một cơn gió nào có thể chạm đến chúng.

Từ tai họa Gilliatt đã rút ra được lối thoát. Nói tóm lại, mây đã giúp anh.

Xong việc ấy, anh vốc ở một vũng nước mưa một ít nước trong lòng bàn tay, uống và nói với mây: Vò nước!

Thật là một niềm vui mỉa mai đối với trí tuệ chiến đấu khi nhận thấy các sức mạnh giận dữ quá ư ngu ngốc lại hóa ra được việc, và Gilliatt cảm thấy thêm muốn mắng chửi kẻ thù của mình như những người cổ xưa, một nhu cầu vốn có từ thời các vị anh hùng của Homer.

Gilliatt bước xuống thuyền bèo và lợi dụng các ánh chớp để ngắm kỹ nó. Thật vừa đúng lúc cần phải cứu giúp chiếc thuyền thảm hại, nó đã bị quăng quật rất mạnh và đang bắt đầu oằn xuống. Nhìn thoáng qua, Gilliatt nhận thấy không có hư hại gì cả. Tuy nhiên anh tin chắc là chiếc thuyền đã chịu đựng những dòn dập rất dữ. Có lần nước lặn, vỏ tàu đã tự nhô lên; các mỏ neo vẫn nguyên vẹn; còn cỗ máy vẫn được bốn sợi xích ghì chặt.

Gilliatt vừa xem xét xong thì một vệt trắng vút qua ngay bên cạnh anh và chui tọt vào bóng tối. Đây là một con hải âu.

Trong các cơn bão ngắn không có gì tốt lành hơn thế. Bao giờ chim chóc đến thì giông tố rút lui.

Một dấu hiệu tuyệt vời khác, sấm nổi dòn dập.

Những hiện tượng cực kỳ mãnh liệt của bão tấp làm cho nó giải thể. Tất cả các thủy thủ đều biết thế, thử thách cuối cùng bao giờ cũng rất quyết liệt, nhưng ngắn ngủi. Sét nhiều báo hiệu kết thúc.

Mưa đột ngột tạnh hẳn. Rồi chỉ còn một tiếng lăn hần học trong mây. Bão tố chấm dứt như một tấm ván rơi tòm xuống đất. Có thể nói là nó gãy ngang, cả bộ máy đồ sộ của mây trời tan rã. Một kẽ nứt của bầu trời tách

đôi u minh. Gilliatt sửng sốt, trời đã sáng rõ.

Bão đã kéo dài gần hai mươi tiếng đồng hồ.

Gió đã đưa đến, gió lại mang đi. Một trời tăm tối mịt mù đi xuống ngổn ngang cả chân trời. Sương mù tan vỡ, và lẫn trốn hỗn độn chông chát lên nhau, từ đầu nọ đến đầu kia dải mây cả một cảnh tháo chạy, có tiếng ồn ào kéo dài nhỏ dần, một ít giọt mưa cuối cùng rơi lác đác và toàn bộ bóng tối đầy sấm sét ấy ra đi như một đoàn xe ô hợp khủng khiếp.

Đột nhiên trời xanh trong.

Gilliatt cảm thấy người rã rời. Giấc ngủ sà xuống như một con mãnh cầm trên thân mình mệt mỏi. Gilliatt buông mình khụy xuống thuyền, không cần chọn chỗ, và ngủ thiếp đi. Anh nằm như thế luôn mấy tiếng đồng hồ, thẳng đờ, lẫn lộn giữa đồng sà gỗ.

Lúc tỉnh dậy, anh thấy đói.

QUYỀN BỐN

HAI ĐÁY CỦA CHƯƠNG NGẠI VẬT

I

KHÔNG PHẢI CHỈ CÓ MỘT MÌNH MÌNH ĐÓI

Biển lặng dãn. Nhưng ngoài khơi sóng vẫn còn khá mạnh nên không thể lên đường được ngay. Và lại cũng muộn quá rồi. Với số hàng trên thuyền bầy, muốn đến Guernesey trước nửa đêm thì phải xuất phát từ sáng.

Mặc dù bụng đói cồn cào, Gilliatt cũng bắt đầu bằng việc cởi trần, vì đây là cách duy nhất để làm cho ấm người.

Quần áo của anh ướt sũng vì bão, nhưng nước mưa đã làm trôi hết nước biển nên bây giờ chúng có thể khô.

Gilliatt chỉ mặc mỗi chiếc quần xắn lên đến nửa bụng chân.

Anh trải ra đây đó, trên các mỏm núi xung quanh, sơ mi, va-ơ áo mưa, xà cạp và tấm da cừu, rồi lấy đá chặn lại.

Đoạn anh nghĩ đến việc ăn.

Gilliatt phải nhờ đến con dao mà anh đã cẩn thận mài sẵn và lúc nào cũng để sẵn sàng, anh cạy ở núi đá ra dăm con hào, gần giống như loại sò Địa Trung Hải; giống này có thể ăn sống. Nhưng sau bao nhiêu gian lao phức tạp vất vả, khâu phần ấy quả có đặm bạc quá. Anh hết cả bánh quy rồi. Còn nước thì không thiếu nữa. Hơn cả được giải khát, anh đang bị ngập ngụa.

Anh tranh thủ lúc nước biển xuống, để lần mò trong núi tìm kiếm tôm

càng. Cũng gặp được khá nên có hy vọng sẽ bắt được nhiều.

Có đi đâu anh không nghĩ rằng anh không có cách gì đun nấu nữa. Giá anh chịu khó lần đến chỗ kho thì anh đã thấy nó sập đổ vì mưa. Sốt củi và than của anh đã bị ngập, và sốt xơ đay dự trữ để làm bùi nhùi, không có sợi nào không ướt. Chẳng có cách nào nhóm lửa cả.

Vả lại cái bể đã vỡ tung, mái lò đã sập; bão táp đã làm tan hoang phòng thí nghiệm. Với những dụng cụ còn lại không bị hư hại, giỏi lắm Gilliatt chỉ còn có thể làm anh thợ mộc chứ không thể làm anh thợ rèn. Nhưng lúc này Gilliatt không nghĩ đến cái xưởng của anh.

Mặt khác, đang bị cái đói dày vò, nên không nghĩ ngợi gì nữa, anh phải lo đi kiếm bữa ăn. Anh lần mò không phải trong hẻm vực, mà ở bên ngoài, sau các mỏm đá ngầm. Chính ở phía ấy, mười tuấn trước, tàu Durande đã đâm vào núi.

Trong việc kiếm bắt của Gilliatt, phía ngoài hẻm tốt hơn phía trong. Những lúc nước xuống, cua thường quen ra hóng gió. Chúng rất thích phơi nắng. Giống vật dị hình này ưa lúc giữa trưa. Việc chúng ra khỏi nước giữa ánh sáng là một việc kỳ lạ. Cảnh chúng lúc nhúc khiến người ta gần như bực mình. Nhìn thấy chúng với cái lối bò ngang ngang vụng về, trèo leo nặng nhọc, lần mò tí một trên các tầng phía dưới của núi đá như những bậc thang, người ta buộc lòng phải nhận là đại dương có sâu bọ.

Từ hai tháng nay, Gilliatt sống bằng giống sâu bọ ấy.

Tuy vậy, hôm ấy tôm cua lần đâu hết. Bão táp đã dìm cái lũ ả dật này vào hang hốc và chúng vẫn chưa hoàn hồn. Gilliatt cầm trong tay con dao mở sẵn, và thỉnh thoảng lại cạy một con sò, con hến dưới lớp rong tảo. Anh vừa ăn vừa đi.

Anh đang ở không xa chỗ Sieur Clubin trước đó đã bị nạn.

Gilliatt đang quyết định đành nhẫn nhục với hải đởm và ấu biển thì có tiếng róc rách dưới chân. Một con cua to, thấy anh đến gần, hoảng hốt, vừa nhảy xuống nước. Nó không ngập sâu nên Gilliatt không mất hút nó.

Gilliatt liền chạy đuổi theo con cua trên móng bãi ngầm. Nó đang lẩn trốn.

Đột nhiên chẳng còn gì nữa.

Con cua vừa rúc vào một cái khe nào đó dưới núi.

Gilliatt liền bám chặt vào những chỗ đá lồi lõm và nhô đầu ra để nhìn ở phía dưới mép nhô.

Ở đây quả có một chỗ quanh co. Con cua hẳn đã trốn vào đây. Không phải chỉ là một cái khe. Đây là một cái cống tò vò. Nước biển lùa vào cái cống tò vò này, nhưng nước ở đây không sâu.

Dưới đáy đây đá cuội. Những hòn cuội này màu lam lục và được ti tảo phủ kín, như vậy chứng tỏ chúng không bao giờ bị khô cạn. Chúng giống như thóp trẻ con với những sợi tóc xanh.

Gilliatt cắn chặt con dao, từ trên vách đá dùng cả tay lẫn chân nhảy xuống. Nước ngập đến tận vai.

Anh chui qua cái cống. Anh đứng trong một hành lang mòn nhẵn, trên đây là một mái vòm hình cung nhọn sơ phác. Vách núi vừa nhẵn vừa trơn. Không thấy con cua đâu nữa. Chân anh chạm đất. Anh liền bước trong ánh sáng nhạt dần, và bắt đầu không nhận thấy gì nữa.

Được độ mười lăm bước, không còn mái vòm trên đây. Anh đã ra khỏi

hành lang. Khoảng không rộng hơn, do đó có nhiều ánh sáng hơn; và lại đôi con người của anh đã giãn to; anh trông thấy khá rõ. Anh bỗng ngạc nhiên.

Anh lại vừa lặn vào cái hầm kỳ dị mà tháng trước anh đã được vào thăm.

Có đi đâu lần này anh vào theo nước biển.

Cái nhịp cầu mà hôm ấy anh đã trông thấy chìm sâu dưới nước thì hôm nay anh vừa đi qua. Gặp một số trường hợp triều thấp, có thể qua lại dưới vòm cầu.

Mắt anh quen dần. Mỗi lần anh nhìn thấy mỗi rõ hơn. Anh rất đổi ngạc nhiên. Lại cái lâu đài bóng tối kỳ lạ kia, mái vòm kia, những cột trụ kia, những máng me hay những màu đỏ kia, số cây cỏ đầy ngọc quý kia, và ở đây, cái hầm mộ gần như thánh điện kia, và vẫn tấm đá gần như bàn thờ kia.

Anh không nhận rõ những chi tiết ấy lắm, nhưng trong trí óc anh có được cái đại thể, và anh đang nhìn thấy lại nó.

Trước mặt, hơi cao trên vách núi, anh lại nhìn thấy cái khe hở mà qua đó anh đã chui vào lần đầu, và từ điểm anh dừng lúc này, nó lại có vẻ như không thể đến gần được.

Cạnh cái vòm cầu hình cung nhọn anh lại nhìn thấy những hang động thấp và tối om, những loại hốc nhỏ trong hầm mà anh đã quan sát từ xa. Lúc này anh đứng ngay cạnh chúng. Cái gần anh nhất khô và dễ đến.

Gần hơn cái lỗ trũng ấy nữa, bên trên mức nước, ngay tầm tay, anh nhận thấy một cái khe nằm ngang trong lớp đá hoa cương. Con cua chắc

hắn nằm trong ấy. Anh cố sức thọc nắm tay vào thật sâu, và bắt đầu sờ soạng trong cái lỗ tối om ấy.

Thình lình anh cảm thấy bị nắm chặt lấy cánh tay. Cảm giác của anh lúc này là một nỗi hãi hùng không thể nào tả nổi.

Một vật gì mong mỏng, nham nhám, bèn bẹt, lạnh buốt, bầy nhầy, sống động, vừa quấn quai trong bóng tối quanh cánh tay trần của anh. Nó đang lần về phía ngực anh. Nó thít chặt như một sợi cu-roa và thúc mạnh như một mũi khoan. Không đầy một giây, một loại dây xoắn ốc đã quấn hết cổ tay, khuỷu tay và chạm đến vai. Mũi nhọn đang sục vào nách.

Gilliatt liếc ngả người ra phía sau, nhưng anh cự quậy hết sức khó khăn. Anh như người bị ghìm chân tại chỗ. Bằng bàn tay trái còn được tự do, anh nắm lấy con dao ngậm giữa hai hàm răng, và bằng bàn tay ấy, cầm dao, chống vào núi, với một cố gắng tuyệt vọng để rút cánh tay ra. Anh chỉ làm cho sợi dây chằng lo ngại một chút, rồi nó lại siết chặt hơn. Nó mềm như da thuộc, chắc như thép, lạnh như đồng.

Một dải da khác, hẹp và nhọn, từ trong khe đá bò ra. Y hệt một cái lưới thè ra khỏi mồm. Nó liếm vào bộ ngực trần của Gilliatt một cách khủng khiếp, rồi thình lình vươn dài, vô tận, thanh mảnh, nó dán chặt vào da anh, và quấn lấy cả người anh.

Cùng lúc ấy, một nỗi đau chưa từng thấy, không thể so sánh với bất cứ gì, làm cho những cơ bắp co quắp của Gilliatt nổi lên. Anh cảm thấy trên da anh có những chỗ lõm sâu xuống, tròn tròn, ghê rợn. Hình như có vô vàn cái môi, dán chặt vào da thịt, đang tìm cách uống máu anh.

Một dải da thứ ba vờn lượn bên ngoài vách núi, sờ nắn người Gilliatt, và quất vào mạn sườn anh như một sợi thừng. Nó bấu chặt vào đấy.

Đạt đến điểm tột cùng, lo âu bao giờ cũng câm lặng! Gilliatt không kêu. Ánh sáng đủ để anh có thể nhìn thấy những hình thù ghê tởm dán chặt trên người anh. Một sợi dây trời thứ tư, sợi này nhanh như tên bắn, bay vút vào bụng anh và quấn quanh vào đấy.

Không có cách nào cắt hoặc gỡ được những sợi gậy cu-roa nhờn nhờn kia đang dính chặt vào người Gilliatt và bằng rất nhiều điểm. Mỗi điểm này là một trung tâm nhức nhối khủng khiếp lạ kỳ. Đây là cảm giác của người cùng một lúc bị một loạt m ồm rất nhỏ nuốt.

Một dải thứ năm từ trong hốc đá phụt ra. Nó nằm ch ồng lên những giải trước và đến quấn quanh hoành cách mô của Gilliatt. Sức ghì cộng thêm với nỗi lo; Gilliatt g ần như không thở nổi.

Các dải da ấy, đầu nhọn hoắt, cứ rộng g ần như những lưỡi gươm về phía đốc. Tất cả năm dải dĩ nhiên đều thuộc vào một tâm điểm. Chúng trườn bò trên người Gilliatt. Anh cảm thấy những sức ép tối tăm ấy di chuyển giống như những cái m ồm.

Thình lình một khối to nh ầy nhựa, tròn tròn, bèn bẹt, từ dưới khe đá nhô ra. Đây là tâm điểm; năm dải da ăn li ền vào đấy như những nan hoa châu đầu vào một cái trục; ở phía đối diện của cái đĩa gốm ghiếc ấy, người ta nhận thấy chỗ bắt đầu của ba cái vòi khác vẫn còn nằm trong hốc núi.

Giữa khối nh ầy nhựa ấy có hai con mắt đang nhìn.

Những con mắt ấy đã trông thấy Gilliatt.

Gilliatt chợt nhận ra con thu ồng lu ồng.

CON QUÁI VẬT

Muốn tin có thuồng luồng, cần phải được nhìn thấy nó.

So sánh với thuồng luồng, những con long sur^[124] ngày xưa khiến người ta phải mỉm cười.

Có những lúc, người ta cũng thích nghĩ như thế, cái không thể nắm bắt được vẫn bành bồng trong những giấc mộng của chúng ta gặp những khối nam châm, vướng vào dấy, và từ những điềm dính chặt tối tăm trong mơ ấy thoát ra những con vật. Tạo hóa liền hóa phép dùng chúng để tạo nên con vật kỳ quái. Orphée, Homère và Hésiode chỉ có thể tạo ra con long sur; Chúa đã sinh ra con thuồng luồng.

Lúc nào Chúa muốn, thì Người trở thành kiệt xuất về phương diện góm guốc.

Tại sao lại muốn như thế, đó là điếu khiến cho nhà tư tưởng đứng đắn phải hãi hùng.

Khi mà tất cả mọi lý tưởng đều được chấp nhận, nếu khủng khiếp cũng là một mục đích, thì thuồng luồng quả là một kiệt tác.

Cá voi có bèo, thuồng luồng chỉ nhỏ bé; hà mã có áo giáp, thuồng luồng lại trần trụi; rắn độc Nam Mỹ có lối phì phì, thuồng luồng luôn luôn câm lặng; tê giác có một cái sừng, thuồng luồng không có; bọ cạp có nọc, thuồng luồng không có; con buthus có càng, thuồng luồng không có; khỉ châu Mỹ có đuôi nắm bắt như tay, thuồng luồng không có; cá mập có vây sắc, thuồng luồng không có; dơi biển có cánh mỏng, thuồng luồng không có cánh; con nhím có chông, thuồng luồng không có; cá kiếm có gươm, thuồng luồng không có; cá điện-ngư có sét, thuồng luồng không phóng

điện; cóc có siêu vi trùng, thuồng luồng không có; rắn hổ mang có nọc độc, thuồng luồng không có; sư tử có vuốt, thuồng luồng không có; con grapete có mỏ, thuồng luồng không có; cá sấu có răng, thuồng luồng không có răng.

Thuồng luồng không có thịt, không có tiếng kêu đáng sợ, không áo giáp, không sừng, không nọc, không càng, không có đuôi nắm bắt hay làm sừng tím, không có ngành sắc, không ngành móng, không có chông, không kiếm, không phóng điện, không siêu vi trùng, không nọc độc, không có vuốt, không mỏ, không răng. Trong tất cả mọi giống vật, thuồng luồng là giống được vũ trụ khùng khiếp nhất.

Vậy thuồng luồng là gì? Là cái bầy giặc.

Trong các bãi ngầm giữa biển khơi, nơi mà nước phơi bày và che giấu tất cả mọi vẻ huy hoàng của nó, trong các hốc núi không ai đến, trong các hang hầm không ai biết, nơi đây rầy cây cỏ, tôm cua và sò hến, dưới những công sâu của đại dương, người bơi lội nào mạo hiểm vào đấy, do cảnh đẹp lôi cuốn, đâu có nguy cơ được gặp. Nếu bạn gặp, thì chớ có tò mò, bạn hãy thoát ra ngay. Bước vào hoa mắt, đi ra hãi hùng.

Cuộc gặp gỡ ấy, luôn luôn có thể có trong các hòn núi ngoài khơi, diễn biến như sau:

Một hình thù xám xịt, đu đưa trong nước, nó to như cánh tay, và dài độ hơn nửa mét; nó là một mảnh giẻ rách; hình thù ấy giống như một cái ô chụp không cán. Mảnh vải tả tơi ấy từ từ tiến về phía bạn. Đột nhiên, nó xòe ra, tám nan hoa đột ngột tách ra xung quanh một cái mặt có hai con mắt; những nan hoa này sống động; vừa uốn lượn chúng vừa rực sáng, đấy là một thứ bánh xe; xòe ra nó rộng đến gần hai mét đường kính. Một sự hơn

hở khùng khiếp. Nó lao thẳng về phía bạn.

Con giao long tóm bắt con người.

Con vật này dán chặt vào mõ, phủ kín và quấn chặt lấy mõ bằng những dải dài. Phía dưới, nó vàng vàng, phía trên màu đất; không gì có thể miêu tả nổi cái sắc thái đất bụi kỳ dị ấy; y như một con vật bằng gio sống dưới nước, về hình dáng nó là loài nhện, về màu sắc nó là tắc kè không. Tức giận, nó lại chuyển sang màu tím. Khùng khiếp nhất, nó lại mềm mềm.

Nó mà quấn thì như trời chặt; nó đã chạm vào đâu thì ở đó tê liệt.

Nó có vẻ như mắc bệnh hoạt huyết và hoại thư. Đó là thứ bệnh dẫn đến quái trạng.

Nó là vật không thể nào rút gỡ ra được. Nó bám chắc vào con mõ. Bằng cách nào? Bằng chân không. Tám cái vòi, ở gốc thì to rồi cứ nhỏ dần và kết thúc thành hình kim nhọn. Dưới mỗi vòi, hai dãy mụn tròn nhỏ dần, xếp thành hàng dài song song, mụn to ở cạnh đầu, mụn nhỏ phía đuôi nhọn. Mỗi dãy có hai mươi lăm mụn; mỗi vòi có năm chục mụn, và toàn bộ con vật có bốn trăm mụn. Những mụn ấy là những bầu giác.

Những bầu giác ấy là những đoạn xương sụn hình ống, cũng như sừng, màu xanh nhạt. Ở những giống to, chúng nhỏ dần, từ đường kính đồng năm frăng đến chỉ vài to một thấu kính. Những đoạn ống này từ trong thân con vật thò ra rồi lại thụt vào. Chúng có thể cắm sâu vào con mõ đến gần ba phân.

Bộ máy hút đó tinh vi như một dây phím đàn. Nó nhô lên rồi lại thụt mất. Nó tuân theo từng ý muốn nhỏ nhất của con vật. Những cảm xúc tinh

tế nhất cũng không bì kịp khả năng co rút của hệ thống bầy giác này, luôn luôn ăn khớp với những động tác bên trong con vật và với những sự việc xảy ra bên ngoài. Con rùng này là một cây trinh nữ.

Giống vật kỳ quái ấy là giống vật mà dân miền biển gọi là bạch tuộc, khoa học gọi là giống túc-đầu, và truyền thuyết gọi là mực ma. Thủy thủ Anh gọi nó là Devil-fish, con cá ma. Họ cũng gọi nó là Blood-sucker, con hút máu. Trong các đảo vùng biển Manche, người ta gọi nó là thuồng luồng.

Ở Guernesey nó rất hiếm, ở Jersey rất nhỏ, ở Serk lại rất to và khá nhiều.

Một bức tranh khắc gỗ trong tác phẩm Buffon của Sonnini về một con túc-đầu quấn chặt một chiếc thuyền buồm. Denis Montfort nghĩ rằng thực sự bạch tuộc ở những vĩ tuyến cao có sức nhấn chìm một chiếc tàu. Bory Saint-Vincent phủ nhận điều ấy, nhưng lại công nhận rằng tại những vùng chúng ta ở nó tấn công vào người. Bạn cứ đến Serk, người ta sẽ chỉ cho bạn ở gần Brecq-Hou cái hõm núi nơi có một con thuồng luồng, cách đây mấy năm, đã tóm, giữ và dìm chết một người chuyên bắt tôm hùm. Péron và Lamarck sai lầm khi họ nghi ngờ khả năng bơi lội của bạch tuộc, vì chúng không có vây.

Người viết những dòng này đã chính mắt trông thấy ở Serk trong cái hang gọi là Hang Cửa Hàng, một con thuồng luồng bơi đuổi theo một người đi tắm. Bị giết chết, đem đo, nó dài rộng đến hơn một mét, và người ta đếm được bốn trăm vòi hút. Con vật hấp hối quằn quại đùn hết vòi ra ngoài.

Theo Denis Montfort, một trong những nhà quan sát mà trực giác cao

siêu đã dẫn xuống hoặc dẫn lên đến thuyết yêu thuật, thì bạch tuộc có những tình cảm gần giống như người: bạch tuộc cũng biết cảm thù. Đúng thế, nói một cách tuyệt đối, ghê tởm, tức là cảm thù.

Con vật dị hình vùng vẫy do một sự cần thiết phải loại trừ khiến nó trở thành thù nghịch.

Có thể nói là lúc bơi, thuồng luồng nằm trong vỏ. Nó bơi, bao nhiêu nếp nhăn siết chặt. Ta hãy hình dung một cái cán khâu kín với một nắm tay bên trong. Nắm tay ấy, là cái đầu, đẩy nước ra và tiến tới bằng một động tác sóng lượn mơ hồ. Hai mắt nó, mặc dầu to, không rõ lắm, vì giống hết màu nước.

Lúc đi săn mồi hoặc rình nấp, thuồng luồng thường lẩn lút; nó tự thu nhỏ, tự cô đúc lại, trở về hình thức giản đơn nhất. Nó lẩn với ánh sáng mờ mờ. Nó có vẻ như một nếp sóng gọn. Nó giống tất cả, trừ cái gì sống động.

Thuồng luồng là tên giả dối. Người ta không để ý đến nó; thành linh, nó xòe ra.

Một khối nhầy nhựa có ý chí, còn gì hãi hùng hơn: Một chất nhựa tràn ngập cảm thù.

Chính giữa làn nước trong xanh đẹp nhất, thì cái ngôi sao phàm ăn ghê tởm ấy của biển cả xuất hiện. Nó không đến gần, thế mới khủng khiếp. Hầu như lúc nào cũng vậy, vừa thấy nó là người ta đã bị tóm chặt.

Tuy nhiên, ban đêm, và đặc biệt trong mùa giao hoan, nó lấp lánh ánh lân tinh. Cái của ghê tởm ấy cũng biết chuyện yêu đương. Nó chờ đợi cuộc ái ân. Nó cũng làm đóm, tự thấp sáng, tự chằng đèn, và từ trên đỉnh

cao một ngọn núi nào đó, người ta có thể nhìn thấy nó ở phía dưới, trong tầm tối dày đặc, xòe nở thành một khối phát quang xanh nhợt, ảo ảnh của mặt trời.

Thu ồng lu ồng bơi, và nó cũng đi. Nó gần giống như cá, nhưng không phải vì thế mà nó không gần giống loài bò sát. Nó bò dưới đáy biển. Lúc đi nó sử dụng tám chân. Nó lê mình theo kiểu sâu đo.

Nó không có xương, không có máu, không có thịt. Nó nhũn nhùn nhùn. Chẳng có gì ở bên trong cả. Đó là một lớp da. Ta có thể lột trái cả tám cái vòi của nó từ trong ra ngoài như các ngón găng tay. Nó chỉ có một cái lỗ, ở giữa điểm phát tỏa. Chỗ đứt quãng duy nhất ấy có phải là hậu môn không? Có phải là m ồm không? Cả hai.

Cùng một lỗ thủng mà hai chức năng. Lỗ vào cũng là lỗ ra. Toàn bộ con vật lạnh buốt.

Cái giống ăn thịt sống ở Địa Trung Hải đó thật ghê tởm. Thật là gớm guộc khi chạm vào cái chất gélatine sống động bao bọc người thợ lặn đó, có thể ấn sâu bàn tay, lấy móng tay cào xé mà nó vẫn không chết, có thể giật rách mà không rút nó ra được, một giống trơn tuột, dai dẳng, lọt qua kẽ tay; nhưng không sừng sốt nào có thể so sánh với lúc thu ồng lu ồng xuất hiện đột ngột đó là nữ thần Méduse được tám con rắn phục vụ.

Không gì nắm chắc như khi con túc-đầu ôm chặt.

Đây là cái máy rút không khí đang tấn công bạn. Bạn gặp phải cái máy chân không mà lại có cẳng. Không cho không cắn; một kiểu rạch da rất khó tả. Cắn thì dễ sợ; nhưng còn kém hơn hút. Bên cạnh cái bầu giác thì móng vuốt chẳng nghĩa lý gì. Móng vuốt, là con vật cắm sâu vào da thịt bạn; còn bầu giác, thì chính bạn chui sâu vào con vật. Các cơ bắp bạn phồng lên, các

thớ thịt bạn xoắn lại, da bạn nứt ra dưới một sức ép bản thủ, máu huyết bạn phọt ra và hòa lẫn một cách khủng khiếp vào bạch huyết của cái giống nhuyễn thể kia. Con vật nằm ch òng lên bạn bởi hàng nghìn cái m òm ghê tởm; giao long nhập vào con người, người kết hợp với giao long. Bạn chỉ còn là một. Cảnh mộng ấy đang ở trên người bạn. Con hồ chỉ có thể ăn tươi nuốt sống bạn; con bạch tuộc, khủng khiếp quá, hút bạn. Nó kéo bạn về phía nó, vào trong nó; bị trói chặt, bị đánh vào bẫy, bất lực, bạn tự cảm thấy mình bị rút rỗng từ từ vào trong cái bị khủng khiếp ấy, trong một con quái vật.

Bên kia cái cảnh hãi hùng, bị ăn tươi, có cái cảnh không thể nào tả được, bị uống sống.

Những con vật kỳ quái này, thoát đ ầu khoa học loại trừ chúng, theo thói quen quá dè dặt, kể cả đ ối với sự việc, sau đó mới quyết định nghiên cứu chúng; khoa học mổ xẻ, phân loại, xếp thứ tự, dán cho chúng một nhãn hiệu; nó cố tìm đ ược một ít vật mẫu; trưng bày trong tủ kính các nhà bảo tàng; thế là chúng đ ược đ ưa vào danh mục; khoa học gọi chúng và vật nhuyễn thể, không xương sống, bức trạng; nó nhận thấy chúng cũng có họ hàng: bên kia mực ma một tí, bên này mực nang một tí; khoa học tìm ra cho loại giao long nước mặn này một con vật tương tự ở nước ngọt, con nhện nước; nó chia chúng ra loại to, loại vừa và loại nhỏ; nó công nhận loại nhỏ một cách dễ dàng hơn loại to, vả lại, trong tất cả mọi lĩnh vực, đây cũng là khuynh hướng chung của khoa học, vốn thích kính hiển vi hơn kính viễn vọng; nó nhìn cách cấu tạo của chúng và gọi chúng là loại tám chân, nó đếm số vòi và gọi chúng là loại tám chân. Thế r ồi, nó đ ể chúng đ ấy. Nơi nào khoa học buông ra, triết học lại tóm lấy.

Đến lượt triết học nghiên cứu những giống vật ấy. Nó đi vừa gần hơn

vừa xa hơn khoa học. Nó không mổ xẻ chúng, nó ngấm ngấm về chúng. Nơi nào con dao mổ đã lách qua, thì nó nhét giả thuyết vào. Nó tìm kiếm nguyên nhân cơ bản. Nổi bật khoảnh khắc sâu sắc của nhà tư tưởng. Những tạo vật ấy khiến cho nhà tư tưởng gần như lo ngại về Tạo hóa. Chúng là những hiện tượng bất ngờ ghê tởm. Chúng là những kẻ phá quấy người chiêm ngưỡng. Người chiêm ngưỡng cuối cùng nhận thấy chúng. Chúng là những hình dạng có dụng ý của cái ác. Rồi sẽ ra sao đây trước những đi đầu tự bóng bở này của Tạo hóa? Đổ lỗi cho ai?

Cái Có-Thể là một người mẹ quá quắt. Huyền bí cụ thể hóa thành quái vật. Một số mảng tối thoát ra từ cái khối ấy, từ sự tự tại, tự xé rách, tự tách ra, lăn chuyển, bành bồng, cô đọng lại, vay mượn thêm bóng đen xung quanh, chịu đựng những phân cực lạ lùng, nhận được sinh khí, hợp với bóng tối có được một hình dáng nào đó, hợp với uế khí có được một linh hồn nào đó, và bước đi, qua cảnh sinh tồn, như những loài sâu bọ. Một cái gì như tấm tối họa thành súc vật. Ích lợi gì? Như thế để làm gì? Lại vẫn rơi vào vấn đề muôn thuở.

Những con thú ấy quái vật bao nhiêu thì ma quái bấy nhiêu. Chúng vừa được chúng giải, vừa không chắc có. Tồn tại là việc dĩ nhiên của chúng, không tồn tại sẽ là quyên của chúng. Chúng là loài lưỡng thể của sự chết. Tính chất vô lý của chúng khiến cho sự tồn tại chúng thêm phức tạp. Chúng ở gần biên giới con người và ở đây trong ranh giới quái vật. Bạn không tin có ma cà rồng, thú rừng xuất hiện, cảnh chúng lúc nhúc là một thực tế làm cho tin tưởng của chúng ta phải ngỡ ngàng. Tính lạc quan, tuy thật đấy, nhưng đứng trước mặt chúng cũng đâm ra như mất bình tĩnh. Chúng là chỗ tận cùng có thể nhìn thấy được của những vòng đen. Chúng đánh dấu sự nối tiếp giữa thực tế của chúng ta với một thực tế khác.

Dường như chúng thuộc vào chỗ bắt đầu những con vật khủng khiếp mà người mơ mộng thoáng thấy lơ mơ qua cái cửa hãm của đêm tối.

Những phần nối tiếp của lũ quái vật ấy, thoát tiên trong chỗ vô hình, tiếp đó trong chỗ có thể có, đã được người ta ngờ đến, có lẽ trông thấy nữa, nhờ sự xuất thần nghiêm khắc và con mắt bất động của các đạo sĩ và các triết gia. Vì vậy mà có việc phỏng đoán về địa ngục. Mà là Con hổ của Vô Hình. Con dã thú của các linh hồn đã bị hai người mộng tưởng tổ giác với nhân loại, một người tên là Jean, một người là Dante.

Nếu quả thật những vòng tròn bóng tối cứ tiếp tục vô cùng tận, nếu hết vòng này lại có vòng khác, nếu đi đầu gia tăng này cứ kéo dài theo lũy tiến vô hạn, nếu sợi xích ấy, về phần ta chúng ta quyết nghi ngờ, mà có thật, thì chắc chắn, con thuồng luồng ở đầu này chứng minh là có Satan đầu kia.

Chắc chắn tên ác hiểm ở đầu này chứng minh là ở đầu kia có sự hiểm độc.

Mọi con vật hung dữ, cũng như mọi trí tuệ bất chính, đầu là con nhân-sư.

Nhân sự khủng khiếp đặt câu hỏi bí ẩn khủng khiếp. Bí ẩn của cái Ác.

Chính tính hoàn chỉnh này của cái Ác đôi khi đã làm cho những đầu óc vĩ đại ngã về phía tin tưởng vị thần đôi, về phía pho tượng hai mặt để sợ của những người theo phái nhị nguyên giáo^[125].

Một bức tường Trung Quốc, lấy được nhân cuộc chiến tranh vừa qua trong cung điện hoàng đế Trung Hoa, thù con cá mập ăn cá sấu, cá sấu ăn rắn, con rắn ăn đại bàng, con đại bàng ăn chim én, chim én ăn sâu.

Toàn bộ thiên nhiên trước mắt chúng ta đầu ăn nhau và bị nhau ăn. Vạn

vật tương tàn.

Trong khi ấy các nhà thông thái, vốn cũng là những triết gia, và vì vậy có hảo ý đối với công cuộc sáng tạo, tìm ra được hoặc tưởng tìm ra được cách giải thích.

Tựu trung, mục đích cuối cùng đánh vào Bonnet de Genève, con người đúng mực bí hiểm được viện ra để so sánh với Buffon, cũng như về sau Geoffroy Saint-Hilaire được viện ra để so sánh với Cuvier. Câu giải thích sẽ như sau: cái chết khắp nơi đòi hỏi khắp nơi phải chôn vùi. Quân phàm ăn là quân chôn người.

Tất cả mọi sinh vật đều con nọ chui vào bụng con kia. Vật thối ruỗng là vật phẩm để ăn. Đó là cảnh thanh trừng rừng rợn của trần gian. Con người là giống ăn thịt, bản thân nó cũng là một kẻ chôn người. Cuộc sống chúng ta bao gồm cả cái chết. Đây là quy luật khủng khiếp. Chúng ta đều là những hân mộ.

Trong thế giới tranh tối tranh sáng này của chúng ta, định mệnh của trật tự tạo ra những quái vật. Bạn hỏi: để làm gì? Thì đấy.

Có phải đó là câu giải thích không? Có phải đó là câu trả lời cho câu hỏi không? Nếu vậy, tại sao lại không phải là một trật tự khác? Câu hỏi lại được đặt lại.

Thôi được, chúng ta cứ sống.

Nhưng chúng ta hãy cố làm sao để cái chết đối với chúng ta phải là một sự tiến bộ. Chúng ta hãy vươn lên những thế giới ít tối tăm hơn.

Chúng ta hãy đi theo lương tâm đang dẫn dắt chúng ta đến đây.

Vì, chúng ta chớ bao giờ quên, cái tốt hơn hết chỉ được tìm thấy nhờ

cái tốt nhất.

III MỘT HÌNH THỨC CHIẾN ĐẤU KHÁC DƯỚI VỰC THẨM

Đấy là con vật đang nắm giữ Gilliatt từ nãy đến giờ.

Con vật kỳ quái ấy là chủ nhân cái động này. Nó là vị thổ thần khủng khiếp. Một thứ yêu ma đen tối của nước.

Tất cả mọi cảnh huy hoàng ấy đều lấy rừng rợn làm trung tâm.

Tháng trước, ngày mà Gilliatt bước vào hang động này lần đầu tiên, cái khối đen có hình dáng, mà anh thấy thấp thoáng qua những gợn nước lăn tăn bí mật, chính là con thuồng luồng đó.

Nó ở đấy trong nhà nó.

Lúc Gilliatt, vào hần này lần thứ nhì, đuổi theo con cua, trông thấy cái khe mà anh nghĩ là nơi cua lẩn trốn, thì con thuồng luồng nằm trong cái lỗ ấy, đang rình.

Người ta có thể hình dung ra cái cảnh chờ đợi này không?

Không một con chim nào dám nằm ấp, không một quả trứng nào dám nở, không một bông hoa nào dám hé nụ, không một lòng ngực nào dám cho bú, không một trái tim nào dám yêu đương, không một trí óc nào dám bay bổng, nếu người ta nghĩ đến những cảnh kiên trì nham hiểm ẩn nấp trong vực thẩm.

Gilliatt đã thọc cánh tay vào lỗ, con thuồng luồng đã chộp lấy anh.

Nó đang giữ chặt anh.

Anh là con mồi của con nhện đó.

Gilliatt đang đứng dưới nước, ngập đến thắt lưng, hai bàn chân bám vào những tảng đá tròn trơn, cánh tay phải bị ghì chặt và chịu chết trong những vòng quấn bèn bện của các dải thuồng luồng, và lồng ngực hầu như biến mất dưới những nếp băng chằng chịt rùng rợn ấy.

Trong số tám cánh tay thuồng luồng, ba cánh bám chặt vào vách núi, năm cánh bám chặt vào Gilliatt. Bằng cách ấy, một phía bầu chấu hoa cương, một phía bầu chấu vào con người, nó xích chặt Gilliatt vào quả núi. Gilliatt có trên mình hai trăm năm mươi cái miệng hút. Hoàn cảnh phức tạp vừa lo sợ vừa ghê tởm. Bị nắm chặt trong một nắm tay khác thường mà các ngón đàn hồi, dài gần một mét, lại đầy những cái mồm sống động ở mặt trong, cứ ngó ngoáy vào da thịt.

Như chúng tôi đã nói, không bao giờ có thể dứt ra khỏi thuồng luồng. Nếu thử dứt thì càng bị trói chặt hơn. Thuồng luồng chỉ càng siết khỏe hơn. Cố gắng của nó tăng theo cố gắng của bạn. Càng cự khỏe càng thúc đẩy thít khỏe.

Gilliatt chỉ còn mỗi một phương tiện: con dao của anh.

Anh chỉ có bàn tay trái tự do, nhưng ta biết là anh sử dụng tay trái rất khỏe. Có thể nói anh có hai bàn tay phải.

Con dao anh mở sẵn, vẫn nằm trong bàn tay ấy.

Không ai cắt vôi thuồng luồng cả; đấy là một loại da không thể nào cắt đứt được, nó trơn chuội dưới lưỡi dao; vả lại nó chùng chéo một cách mà nếu cắt những sợi dây ấy thì sẽ phạm vào thịt.

Bạch tuộc thật dễ sợ; tuy vậy cũng có một cách đánh nó. Các ngư dân

vùng Serk đều nắm vững cách ấy; ai đã từng thấy họ thực hành ngoài biển một vài động tác đột ngột đều biết. Những con cá heo cũng nắm vững cách ấy; chúng có một lối cắn đứt ngang cổ cá mực. Vì vậy mà ta thấy tất cả những con mực ma, cá mực và những con bạch tuộc không đều ngoài khơi.

Đúng thế, điểm yếu duy nhất của bạch tuộc là cái đầu.

Điêu đó Gilliatt không phải không biết.

Anh chưa bao giờ trông thấy một con thuồng luồng cỡ ấy. Ngay lần đầu, anh đã chạm trán với loại to. Một người khác thì đã hoảng hốt.

Đối với thuồng luồng, cũng như đối với bò mộng, có một thời cơ phải nắm lấy ngay; đấy là lúc bò mộng cúi cổ, đấy là lúc thuồng luồng vươn đầu tới, một giây lát chớp nhoáng. Ai để lỡ mất thời cơ trọng yếu ấy thì chỉ có chết.

Tất cả những điếu vừa nói xong chỉ diễn ra trong có vài phút. Tuy vậy Gilliatt cũng cảm thấy sức hút của hai trăm năm mươi cái bầu giác mạnh dần.

Thuồng luồng là giống phản trắc. Nó có làm cho con mồi của nó phải sống sờ. Nó tóm chặt, rồi cứ nằm chờ thật lâu.

Gilliatt vẫn nắm con dao. Các điểm hút ngày càng hút mạnh.

Anh nhìn con thuồng luồng, con thuồng luồng cũng nhìn anh.

Thình lình con vật tách cái vôi thứ sáu ra khỏi vách đá, và tung nó vào người Gilliatt, cỡ nắm lấy cánh tay trái anh.

Đồng thời nó lao mạnh đầu tới. Một giây nữa, cái mồm-hậu môn của nó sẽ áp lên ngực Gilliatt. Máu chảy ở sườn, và hai cánh tay bị trói chặt,

Gilliatt thế là chết.

Nhưng Gilliatt vẫn tỉnh táo. Bị rình chờ, anh cũng rình chờ.

Anh tránh cái vòi, và đúng lúc con vật sắp ngoạm vào ngực anh thì nắm tay càn dao của anh bập xuống con vật.

Hai kiểu quần quai ngược chiều, một của con thú ồng lũng và một của Gilliatt. Y như cuộc chiến đấu của hai tia chớp.

Gilliatt thọc sâu mũi dao vào cái khối nhầy nhựa bèn bẹt, và bằng một động tác khoanh tròn như lối xoắn của một ngọn roi da, anh vẽ một vòng tròn quanh hai con mắt, anh nhổ bật cái đầu ra như nhổ một cái răng.

Thế là xong!

Toàn bộ con vật đổ xuống.

Y hệt một miếng vải rời ra. Cái bơm hút bị trừ bỏ, chân không không còn. Trăm bầu giác cùng một lúc nhả vách đá và con người ra. Mảnh giẻ chìm xuống đáy nước.

Gilliatt, hớn hên vì chiến đấu, có thể nhìn thấy dưới chân, trên lớp đá hai đồng gelatine dị hình, một bên cái đầu, một bên chỗ còn lại. Chúng tôi nói chỗ còn lại, vì không thể nói là cái thân.

Tuy vậy, sợ con vật còn giãy chết, Gilliatt vẫn lùi xa khỏi tầm các vòi.

Nhưng con vật đã chết thật.

Gilliatt xếp dao lại.

IV CHẲNG CÓ GÌ GIẤU ĐƯỢC, CHẲNG CÓ GÌ MẤT HẸN

Đúng lúc anh phải giết con thuồng luồng, anh hầu như bị nghẹt thở; cánh tay phải và lồng ngực anh tím bầm; hơn hai trăm chỗ sưng tấy; đây đó máu rỉ ra ở một vài chỗ. Phương thuốc chữa các vết thương ấy là nước mặn. Gilliatt liền hụp xuống nước. Đồng thời anh lấy lòng bàn tay xoa sát khắp người. Xoa đến đâu các chỗ sưng mất dần đến đấy.

Vừa lùi vừa hụp sâu xuống nước, anh đến gần mà không biết, chỗ lỗ trũng anh đã để ý, cạnh cái kẽ hở nơi anh bị thuồng luồng tung vòi ra bắt giữ.

Lỗ trũng này cạn khô và kéo dài chênh chệch bên dưới những bức vách lớn của hẻm. Những hòn đá dòn đọng ở đáy đã tôn đáy hẻm lên cao hơn mức nước triều bình thường. Chỗ hõm đó là một cái khung tò vò thấp khá rộng; một người cúi lom khom có thể chui vào đấy. Ánh sáng xanh mờ của cái hang dưới nước lọt vào đáy và soi sáng nó một cách yếu ớt.

Đang xoa vôi trên mặt da sưng phù, Gilliatt bỗng vô tình ngược mắt lên.

Mắt anh dõi sâu vào lỗ trũng.

Anh bỗng rùng mình.

Ở tận cùng cái hốc trong bóng tối, hình như anh thấy có một cái gì như một cái mặt đang cười.

Gilliatt không biết từ ngữ ảo giác, nhưng hiện tượng thì anh biết. Những chuyện gặp gỡ bí mật vô lý mà, để giải thích, chúng ta thường gọi là ảo giác, vẫn xảy ra trong thiên nhiên. Không biết ảo mộng hay thực tế, nhưng vẫn có một số hình ảnh đi qua. Kẻ nào đứng trong hoàn cảnh khác thấy. Chúng ta đã nói, Gilliatt vốn là con người trăn trăn. Anh vĩ đại ở chỗ đôi khi cũng có ảo giác như một nhà tiên tri. Người mơ mộng ở những nơi hoang

vắng không thể không bị trừng phạt.

Anh tin vào một trong những ảo ảnh, mà vốn hay đi đêm như anh, nhiều lần anh đã phải rụng rời.

Lỗ hõm gần giống một lò vôi. Đây là một cái cũi chó thấp hình quai giò, mà những đường vòm dựng đứng cứ thu hẹp dần cho đến chỗ tận cùng hần mộ, nơi đồng đá và vòm núi gặp nhau, và nơi kết thúc cái ngõ cụt.

Anh chui vào đây, cúi đầu lần sâu vào xem có những gì ở trong cùng.

Quả là có cái gì đang cười thật.

Đây là một cái đầu người chết.

Không phải chỉ có đầu, mà cả bộ xương.

Một bộ xương người nằm trong cái hố sâu đó.

Con mắt một người dửng dưng, trong những trường hợp gặp gỡ tương tự, muốn biết rõ là thế nào.

Gilliatt liếc đưa mắt nhìn quanh.

Xung quanh anh không biết cơ man nào là cua.

Cái đám cơ man này không چرا quây. Nó có cái vẻ ngoài một ổ kiến chết. Tất cả số cua này đều nằm im. Rỗng ruột.

Đồng cua rải rác đây đó, tạo thành những chòm sao dị hình trên nền đá ngổn ngang trong hố.

Gilliatt, mắt chăm chú vào chỗ khác, đã giẫm lên trên mà không hay biết.

Ở chỗ trong cùng hần mộ, nơi Gilliatt đã lần đến, có một lớp cua dày

hơn. Một đồng lờm chờm, bất động, nào râu, nào cằm, nào cằm. Có nhiều cái cằm mở to giương thẳng và không khép lại nữa. Những đầu lâu không cựa quậy dưới lớp vỏ gai của chúng; một số lật ngửa cho thấy phía trong rỗng huếch, xanh nhợt, cảnh chông chất này giống như một cuộc hỗn chiến của kẻ vây thành và có cái vẻ chằng chịt của một bụi rậm.

Bộ xương người nằm ngay dưới cái đồng ấy.

Dưới đồng hỗn độn nào vùi nào mai ấy, người ta nhận thấy cái sợ với những khớp răng cưa của nó, những đốt xương sống, những xương đùi, xương ống chân, những ngón tay dài rõ đốt và móng. Lòng xương sườn dày đặc cua. Một trái tim nào đó đã đập trong ấy. Rêu biển phủ kín các hốc mắt. Ốc sên đã để dải dớt lại trong các hốc mũi. Và lại trong hốc núi này không có rong, có cỏ, cũng không có một hơi gió thoảng qua. Không một cử động nào cả. Hai hàng răng đang nhe ra cười gằn.

Khía cạnh đáng sợ của vẻ cười là sự bất chước của cái đầu lâu người chết.

Tòa cung điện cực kỳ diễm lệ này của vực thăm, được thêu khảm bằng đủ thứ trân châu bảo ngọc của biển cả, cuối cùng đã tự bộc lộ và nói lên điếu bí mật của nó. Đây là một cái hang thú, con thú rừng lu rừng đã sống tại đây; và đây là một ngôi mộ, một con người đã yên nghỉ nơi đây.

Cảnh bất động ma quái của bộ xương và những con vật cứ chập chờn du đưa vì ánh sáng phản hồi của những dòng nước ngầm rung rinh trên mỏ xương hóa đá. Những con cua, dòn thành mỏ hỗn độn khủng khiếp, có vẻ như đang kết thúc bữa ăn của chúng, số mai cua dường như đang ăn cái xác chết. Không gì kỳ quặc hơn đồng sâu bọ chết ấy trên cái mồ chết ấy. Những hình ảnh nối tiếp ảm đạm sau cái chết.

Trước mắt Gilliatt là cái tủ đựng thức ăn của thuồng luồng.

Hình ảnh bi đát, nơi sự việc rùng rợn sâu sắc bị bắt gặp quả tang. Cua đã ăn người, thuồng luồng đã ăn cua.

Bên cạnh xác chết không còn lại chút quần áo nào cả. Hẳn là hẳn đã bị bắt lúc trần truồng.

Gilliatt, chăm chú và quan sát, bắt đầu gạt bỏ số cua trên con người ra. Người này là thế nào? Xác chết đã được mổ xẻ một cách đáng khâm phục. Có thể nói đây là một cuộc chuẩn bị giải phẫu, toàn bộ phần thịt đều được loại bỏ; không một cơ bắp nào còn, không một cái xương nào thiếu. Nếu Gilliatt ở trong nghề, hẳn anh đã có thể nhận thấy điếu đó. Những cốt mô bóc trần đều trắng, nhẵn, và như được đánh bóng. Nếu không có đây đó một đôi chỗ ty tảo bám xanh, thì đúng là ngà voi. Các lớp ngăn xương sụn đều bào gọt và giữ gìn tinh vi. Năm mồi đã làm nên những thứ trang sức ghê rợn ấy.

Xác chết như bị chôn vùi dưới đồng cua chết; Gilliatt bới nó lên.

Đột nhiên anh cúi vội xuống.

Anh vừa nhìn thấy quanh cột xương sống một thứ dây. Đây là một sợi thắt lưng da tất nhiên thắt ở bụng người kia lúc còn sống.

Da đã mốc meo. Khóa gì.

Gilliatt kéo sợi thắt lưng về phía mình. Các đốt xương sống giữ lại; anh đành phải giật tung chúng ra để lấy sợi thắt lưng. Nó vẫn nguyên vẹn. Một lớp sò hén bắt đầu bám vào đấy.

Anh nắn nắn sợi thắt lưng, và cảm thấy có một vật cứng cứng vuông vuông bên trong. Không có cách nào mở được khóa. Anh liềm dùng dao

rạch lớp da ra.

Trong sợi thắt lưng có một cái hộp sắt nhỏ và mấy đồng tiền vàng. Gilliatt đếm được hai mươi ghine.

Cái hộp sắt là một loại hộp đựng thuốc đã cũ của thủy thủ, mở bằng lò xo. Nó đã gỉ đen và đóng chặt cứng. Lò xo, hoàn toàn bị ôxi hóa, không bấm được nữa.

Con dao lại giúp cho Gilliatt khỏi phải lúng túng. Ấn mũi dao vào là nắp hộp bật tung.

Hộp mở ra.

Bên trong chỉ có giấy.

Một xấp giấy rất mỏng, gập làm tư, phủ kín đáy hộp. Tất cả đều ướt nhưng không hỏng. Cái hộp đóng rất khít, đã bảo vệ được chúng. Gilliatt mở xấp giấy ra.

Đây là ba tờ bạc ngân hàng, mỗi tờ một nghìn livre xteclinh, tổng cộng bảy vạn năm nghìn frăng.

Gilliatt lại gập tất cả, bỏ vào hộp, lợi dụng còn một ít chỗ bỏ nốt hai mươi ghinê vào và cố gắng đóng hộp lại thật khít.

Anh bắt đầu xem xét sợi thắt lưng.

Sợi dây da, trước kia được đánh bóng phía ngoài, phía trong vẫn còn thô. Trên cái nền màu hung hung ấy có mấy chữ viết bằng mực đầu đen. Gilliatt cố mài mò và đọc được mấy chữ: *Sieur Clubin*.

GIỮA QUÃNG CÁCH TƯ SÁU MƯƠI LĂM PHÂN ĐẾN MỘT MÉT RŨOI CŨNG ĐỦ CHỖ ĐỂ CHỨA ĐỰNG CÁI CHẾT

Gilliatt lại nhét cái hộp vào thắt lưng, và bỏ sợi thắt lưng vào túi quần.

Anh để bộ xương lại cho lũ cua, cùng với con thuồng luồng chết bên cạnh.

Trong lúc Gilliatt ở cạnh con thuồng luồng và bộ xương, nước triều lên đã lại chìm ngập con đường ống đi vào. Gilliatt chỉ có thể ra bằng cách lặn xuống dưới vòm cầu. Anh thoát khỏi đây không có gì khó nhọc, anh đã biết lối ra và anh vốn có tài trong những môn thể thao dưới biển này.

Như vậy là người ta thấy được phần nào tấn bi kịch xảy ra tại đây sáu tuần trước. Một quái vật đã tóm được một quái vật. Con thuồng luồng đã bắt được Clubin.

Điêu ấy, trong bóng tối khắc nghiệt, hầu như có thể gọi là kẻ cắp bà già gặp nhau, ở chốn tận cùng vực thẳm, đã có sự đụng độ giữa hai sinh mạng cấu tạo bằng chờ đợi và tầm tối, và bên này là con vật, đã trừng trị, bên kia là linh hồn. Những nền công lý ghê hồn.

Cua sống bằng xác chết, thuồng luồng sống bằng cua. Thuồng luồng chặn một con vật bơi qua, một con rái cá, một con chó, nếu có thể thì một con người, rồi hút máu, và bỏ xác chết lại dưới đáy nước. Cua là những giống bọ hung ăn xác chết của biển cả. Thịt thối thu hút chúng; chúng đến ăn cái xác chết, rồi thuồng luồng lại ăn chúng. Vật chết biến vào bụng cua, cua biến vào bụng thuồng luồng. Qui luật ấy chúng tôi đã nói rõ.

Clubin đã là miếng mồi của con thuồng luồng.

Thuồng luồng đã bắt giữ hẳn lại và chìm chết hẳn; sau đó cua đã ăn hẳn.

Một ngọn sóng nào đấy đã đẩy dạt hắn vào trong hẻm, vào tận cùng cái hốc nơi Gilliatt đã tìm thấy hắn.

Gilliatt quay trở về, sục sạo trong các vách núi, tìm kiếm hải đóm và ốc đồng tiền, chứ không thiết đến cua nữa. Anh thấy hình như anh đã ăn phải thịt người.

Vả lại anh chỉ nghĩ đến việc ăn thật no trước khi ra đi. Từ nay không có gì giữ chân anh lại. Sau những cơn bão to luôn luôn có một giai đoạn yên tĩnh đôi khi kéo dài nhiều ngày. Bây giờ không có nguy cơ gì về phía biển. Gilliatt quyết định hôm sau lên đường. Ban đêm, vì nước triều, cần canh giữ cái đập chắn giữa hai Hòn Douvres; nhưng Gilliatt tính phá cái đập ấy vào lúc tờ mờ sáng, đẩy thuyền bèo ra khỏi Hòn Douvres, và giương buồm về Saint-Sampson. Ngọn gió mát lạnh đang thổi, lại là gió đông nam, chính là ngọn gió anh đang cần.

Trăng tháng năm đang tiến thượng huyền; ngày đã bắt đầu dài.

Lúc Gilliatt, lần mò trong núi xong và dạ dày đã gần thỏa mãn, trở về chỗ giữa hai Hòn Douvres, nơi để chiếc thuyền bèo, thì mặt trời đã lặn, hoàng hôn lại được thêm ánh trăng mờ ảo mà người ta có thể gọi là ánh trăng lơ lửng; triều dâng đã đạt đến chỗ cao nhất, và đang bắt đầu xuống, ống khói cổ máy, sừng sừng trên thuyền bèo, đã được bọt bão phủ cho một lớp muối, trắng xóa dưới ánh trăng.

Gilliatt chợt nhớ ra là cơn bão ngắn đã hít vào trong thuyền nhiều nước mưa và nước biển, và nếu muốn ra đi hôm sau thì phải tát thật cạn thuyền.

Lúc rời thuyền để đi bắt cua, anh đã nhận thấy có khoảng mười lăm phân nước trong khoang. Cái gài của anh sẽ đủ sức tát chỗ nước ấy ra ngoài.

Nhưng về đến thuyền, Gilliatt mới giật mình hoảng sợ. Trong thuyền có tới gần sáu mươi lăm phân nước.

Một việc tình cờ đáng sợ, chiếc thuyền bâu bị nước vào. Nước đã dần dần tràn vào trong lúc Gilliatt vắng mặt. Chở nặng như thế, sáu mươi lăm phân nước là một gia tăng nguy hiểm. Chỉ thêm một tí nữa là nó chìm liền. Nếu Gilliatt trở về muộn một giờ, hẳn là anh chỉ còn thấy có ống khói và cột buồm trên mặt nước.

Không có được một phút để mà cân nhắc nữa. Phải tìm cho ra lỗ rò, bịt nó lại, đoạn tát cạn thuyền hoặc ít nhất làm nhẹ bớt thuyền. Mấy cái bơm của tàu Durande đã mất hết trong trận đắm; Gilliatt chỉ còn mỗi cái gàu tát của thuyền bâu.

Trước hết tìm cho ra chỗ rò. Đây là việc cấp bách nhất.

Gilliatt run rẩy, bắt tay ngay vào việc, không mất thì giờ nghĩ đến việc mặc lại áo nữa. Anh không còn cảm thấy đói, thấy rét nữa.

Chiếc thuyền bâu vẫn tiếp tục đầy thêm. Cũng may không có gió. Con sóng nhẹ nhất cũng có thể làm chìm nó.

Trăng lặn.

Gilliatt, mò mẫm, cúi gập quá nửa người ngập trong nước, tìm kiếm rất lâu. Cuối cùng anh phát hiện ra chỗ hỏng.

Trong cơn cuồn cuộn phong, vào lúc nguy kịch mà chiếc thuyền bâu oằn xuống, chiếc thuyền vững chắc đã va thốc khá mạnh vào núi đá. Mô mòm nhọn của Hòn Douvres Nhỏ đã làm thủng một chỗ bên mạn phải vỏ thuyền.

Tai hại thay, có thể nói là nham hiểm thay lỗ rò lại nằm cạnh giao điểm của hai thanh gỗ ghép đáy, đi đầu này, cộng thêm với cảnh lừng lộn của cơn

bão ngăn, đã không cho Gilliatt trông thấy chỗ hư hại trong lần kiểm tra tối tăm và vội vã lúc bão mạnh nhất.

Chỗ thùng nguy ngập vì chiều rộng của nó, nhưng lại làm vững tâm chỗ, mặc dầu lúc này chìm dưới mặt nước trong thuyền, nó vẫn nằm trên ngấn nước.

Vào lúc thuyền thùng, nước trong eo biển xao động mạnh, làm mất đường ngấn nước, nước đã vào trong thuyền theo chỗ vỡ; do tăng tải thuyền đã lún xuống quãng năm phân, và ngay cả sau khi lặn sóng, trọng lượng nước vào, nâng đường ngấn nước lên, đã giữ lỗ thùng ở dưới nước. Vì vậy mà nguy cơ càng cấp bách. Số nước dâng đã từ mười lăm nâng lên trên năm mươi phân. Nhưng nếu bít được lỗ rò thì có thể tát cạn thuyền; một khi thuyền không rỉ, nó sẽ nổi lên đến ngấn nước bình thường, chỗ vỡ sẽ nằm ngoài nước và, khô cạn, việc sửa chữa sẽ dễ dàng hay ít ra có thể làm được. Như chúng tôi đã nói, Gilliatt vẫn còn một số đồng nghề thợ mộc khá tốt.

Nhưng trước khi đạt đến chỗ ấy còn biết bao bấp bênh! Biết bao nguy hiểm! Biết bao chuyện không may! Gilliatt vẫn nghe tiếng nước róc rách một cách khắc nghiệt. Chỉ một rung động khẽ là tất cả sẽ chìm ngay. Khốn khổ! Có lẽ không còn đủ thì giờ nữa.

Gilliatt cay đắng tự buộc tội mình. Lẽ ra anh phải thấy ngay chỗ hỏng. Thấy mười lăm phân nước trong khoang lẽ ra anh phải biết ngay. Anh đã ngu ngốc cho rằng mười lăm phân nước ấy là do mưa và bọt sóng. Anh tự trách mình đã ngủ, đã ăn; anh tự trách mình mệt mỏi, hầu như anh ân hận đã gây ra bão táp và đêm tối nữa. Tất cả đều do lỗi của anh cả.

Anh vừa gay gắt nói một mình như thế vừa đi đi lại lại làm việc, đồng

thời anh cũng vẫn tính toán.

Lỗ rò đã tìm ra, đây là bước đầu; bịt nó lại là bước thứ hai. Lúc này không thể làm hơn. Không ai làm thợ mộc dưới nước cả.

Một hoàn cảnh thuận tiện là chỗ vỏ thuyền vỡ lại nằm vào quãng giữa hai sợi xích chằng ống khói cỡ máy vào mạn thuyền bên phải. Việc trám thuyền có thể đục chạm đến hai sợi xích.

Trong khi ấy nước vẫn tràn vào. Lúc này nước đã dâng quá sáu mươi phân.

Nước ngập đầu gối Gilliatt.

VI

DE PROFUNDIS AD ALTUM^[126]

Trong kho dụng cụ dự trữ của thuyền bầu, Gilliatt có sẵn một tấm vải dầy khá to để đậy hàng, bốn góc đính dây dài.

Anh lấy tấm vải dầy ra, buộc hai góc vào hai khoanh sắt ở những sợi xích ống khói phía có lỗ rò, và vớt tấm vải dầy qua mạn thuyền. Tấm vải dầy rơi xuống như một tấm khăn trải bàn giữa Hòn Douvres Nhỏ và chiếc xuồng, và chìm xuống nước. Nước, muốn vào khoang thuyền phải đẩy tấm vải áp vào vỏ thuyền, trên cái lỗ rò. Nước càng thúc, tấm vải càng dán chặt. Chính dòng nước dẫn nó lên chỗ vỡ. Vết thương chiếc thuyền thế là được băng bó.

Tấm vải dầy này ngăn cách giữa lòng thuyền và sóng nước bên ngoài. Không một giọt nước nào vào nữa.

Lỗ rò bị che, nhưng không bị trám kín.

Đây là giây phút ngừng nghỉ.

Gilliatt cầm lấy cái xẻng tát và ra sức tát cạn thuyền. Lúc này cần gấp rút giảm nhẹ thuyền. Công việc này làm anh ấm người lên một tí, nhưng anh mệt rã rời. Buộc lòng anh phải tự nhận sẽ không hoàn thành và sẽ không thể làm cho khoang thuyền hết rò. Gilliatt mới ăn gọi là, và anh tự cảm thấy mình đã kiệt quệ.

Anh đo bước tiến của việc làm qua mức nước hạ ở đầu gối anh. Mức nước hạ rất chậm.

Ngoài ra dòng nước chỉ mới bị gián đoạn. Khó khăn có bớt, nhưng chưa hết hẳn. Tấm vải dầu, bị nước đẩy vào chỗ lỗ thùng, bắt đầu phồng to bên trong khoang. Giống như một quả dấm trong tấm vải, đang cố sức làm cho nó vỡ ra. Tấm vải, rất bền và được quét dầu, đang chống lại; nhưng sức phồng và sức căng vẫn tăng, không chắc tấm vải đã chịu nổi, và chưa biết lúc nào chỗ phồng có thể bục. Nước sẽ lại ùa vào.

Trong những trường hợp tương tự, các thủy thủ lâm nạn đều biết không có một phương cách nào khác một cái nùi đệm. Người ta lấy các thứ giẻ gặp được, tất cả những loại mà trong ngôn ngữ riêng gọi là vải quấn, rồi người ta cố sức tống cục vải dầu vào chỗ lỗ hở.

Những loại vải quấn ấy, Gilliatt không có. Tất cả những vải rách và bù nhùi anh tích trữ được đầu đã đem dùng vào công việc, hoặc bị gió bão tung tán.

Cùng lắm, lũng sục trong các ngách đá, anh cũng có thể tìm được ít mảnh còn rơi rớt. Chiếc thuyền cũng đã khá nhẹ rồi, anh có thể vắng mặt

mười lăm phút; nhưng không có ánh sáng thì làm thế nào mà tìm kiếm? Trời tối như mực. Không còn trăng, chỉ có bầu trời sao âm u. Gilliatt không có thừng khô để làm bắc, mỡ bò để làm nến, không có lửa để thắp, không có đèn để mà che. Mọi vật trong thuyền và trên bãi ngầm đều hỗn độn và mù mịt. Có tiếng nước róc rách quanh vỏ thuyền bị thủng, không nhìn thấy cả chỗ vỡ; chính nhờ hai bàn tay mà Gilliatt nhận biết sức căng dần của tấm vải dầy. Trong cảnh tối tăm này không thể nào làm ra được một ít giẻ rách hoặc mẫu thừng vương vãi trên các mỏm ngầm. Không nhìn thấy rõ thì làm thế nào thu nhặt được những mảnh vải ấy? Gilliatt buồn bã ngắm cảnh trời đêm. Đủ hết cả sao mà không có được lấy một ngọn nến.

Lượng nước trong thuyền đã giảm bớt, sức ép bên ngoài lại tăng lên. Chỗ căng của tấm vải dầy càng to. Mỗi lúc nó một phòng thêm. Y hết một cái nhọt sắp vỡ. Hoàn cảnh, khả quan được một lúc, lại trở nên đáng sợ.

Nhất thiết phải có nùi đệm.

Gilliatt chỉ còn quần áo.

Ta còn nhớ, anh còn số quần áo phơi trên các mỏm đá của Hòn Douvres Nhỏ.

Anh liền đi nhặt hết về và vắt lên cạp thuyền.

Anh lấy cái áo mưa, rồi quì gối trong nước, nhét nó vào chỗ vỡ, đẩy cái khối u của tấm vải dầy hàng ra phía ngoài, và thế là tống được hết nước trong cục u. Anh lấy tấm da cừu thêm vào cái áo, lấy chiếc sơmì len thêm vào tấm da cừu và lấy varơ thêm vào chiếc sơmì. Tất cả đều tống hết vào đấy.

Trên người anh chỉ còn mỗi một manh quần, anh lại cởi nó ra, và với

manh quầ anh làm cho cái nùi thêm to thêm chắc. Chỗ đệm đã làm xong và có vẻ đủ chắc.

Chỗ đệm tòi ra ngoài lỗ thủng, với tấm vải dày hàng bọc ngoài. Nước muốn vào lại ép lên vật cản, càng làm cho nó tõe rộng ra và chắc thêm trên chỗ vỡ. Đây là một thứ vải băng ép bên ngoài.

Phía trong, vì chỉ phần giữa khối u được tống ra, xung quanh chỗ vỡ và cục đệm còn một khoanh tròn của tấm vải dày hàng; nó càng dính chặt vì những chỗ vỡ nham nhở giữ nó lại. Lỗ rò như vậy là được bịt kín.

Nhưng không gì tạm bợ hơn. Cái đầu nhọn của chỗ vỡ đang giữ chặt tấm vải dày hàng có thể chọc xuyên nó và qua những lỗ thủng ấy nước sẽ lại tống vào. Trong tối, Gilliatt sẽ không nhìn thấy chúng. Cái nùi đệm khó lòng chịu được đến sáng. Nỗi lo của Gilliatt có thay đổi dạng, nhưng anh cảm thấy nó lại tăng lên đồng thời với sức khỏe tất dầ của anh.

Anh lại ra sức tát cạn khoang thuyền, nhưng hai cánh tay anh đã ra rời, chỉ hơi nâng được cái gầu đẩy nước. Anh trầ truồng và run bần bật.

Gilliatt cảm thấy gầ đến giây phút kiệt quệ bi thảm.

Trong đầu óc anh chợt nảy ra một khả năng của vận may. Biết đâu chẳng có một cánh buồm ngoài khơi. Một ngư dân tình cờ đi qua quanh vùng Hòn Douvres có thể đến cứu giúp anh. Đã đến lúc nhất thiết phải cần đến một người cộng tác. Một người và một ngọn đèn, thế là tất cả các thứ đầu có thể được cứu thoát. Có hai người, sẽ dễ dàng tát cạn khoang thuyền, một khi thuyền hết rò rỉ, không quá tải về nước nữa, nó sẽ trỗi lên, nó sẽ lấy lại đường ngăn nước, chỗ vỡ sẽ nhô ra khỏi nước, việc sửa chữa sẽ thực hiện được, lập tức sẽ thấy nùi đệm bằng một mảnh ván cạp, và thấy các thứ tạm thời đắp trên lỗ thủng bằng một biện pháp sửa chữa hản hoi.

Nếu không thì phải chờ đến sáng, chờ suốt đêm! Một sự chậm trễ tai hại có thể dẫn đến chỗ tiêu tan. Gilliatt nóng lòng muốn làm gấp. Nếu tình cờ thấy được một ngọn đèn hiệu nào đó của thuyền, Gilliatt có thể từ trên Hòn Douvres Lớn làm dấu hiệu. Thời tiết đang yên tĩnh, không có gió, không có sóng, một người cử động trên nền trời sao có khả năng dễ được nhận thấy. Một thuyền trưởng, hay chỉ một chủ đò, ban đêm đi trên vũng Hòn Douvres, cũng không thể không chia ống nhòm lên bãi ngầm; đây là vì phải thận trọng.

Gilliatt hy vọng người ta sẽ trông thấy anh.

Anh liền leo lên xác tàu, nắm lấy sợi thừng nút, và trèo lên Hòn Douvres Lớn.

Ở chân trời không một cánh buồm. Không một ánh đèn hiệu. Chỉ có trời nước, mênh mông vắng lặng.

Không hy vọng có sự cứu giúp nào cả, và không có cách nào cầm cự cả.

Gilliatt tự thấy mình bị tước mất vũ khí, đi ều mà cho đến lúc này anh không hề cảm thấy.

Định mệnh đen tối bây giờ là bà chủ anh. Anh, với chiếc thuyền của anh, với cỗ máy tàu Durande, với tất cả vật vả của anh, với tất cả thành công, với tất cả dũng cảm của anh, đang thuộc về vực thẳm. Anh không còn phương tiện chiến đấu; anh trở thành thụ động. Làm thế nào ngăn cản sóng đến, triều lên, đêm tối tiếp tục? Cái núi độm kia là điểm tựa duy nhất của anh. Gilliatt đã kiệt quệ và trăn trụi để làm nên nó và bỏ khuyết cho nó; anh không còn sức để củng cố nó, làm cho nó vững chắc thêm; cái núi độm cứ nguyên như thế, phải nằm như thế, và bất hạnh thay mọi cố gắng đều không còn nữa. Biến cả tha hồ làm tình làm tội cái thiết bị vôi vữa áp lên lỗ

rò đó. Cái vật cản bất động ấy sẽ chịu đựng như thế nào? Bây giờ chính nó chiến đấu chứ không phải Gilliat nữa. Chính mảnh giẻ rách ấy, chứ không phải cái đầu óc ấy. Sức thổi phồng của một làn sóng cũng đủ làm bung cái nút ở lỗ thùng. Áp lực nhiều hay ít, toàn bộ vấn đề là ở đấy.

Tất cả sẽ được giải quyết bằng một cuộc chiến đấu vô ý thức giữa hai lượng vô ý thức. Từ nay Gilliat không thể giúp đỡ tay chân, mà cũng không thể ngăn chặn kẻ thù. Anh chỉ còn là người đứng nhìn cái sống hay cái chết của mình. Anh chàng Gilliat ấy, trước đây là một vị cứu tinh, đến phút cuối cùng, đã được thay thế bằng một vật cản vô ý thức.

Không một thử thách nào, không một hãi hùng nào Gilliat đã trải qua có thể so sánh với lần này.

Lúc đến bãi ng àm Douvres, anh thấy mình bị bao vây và như bị bắt giữ bởi cảnh cô đơn. Cảnh cô đơn ấy không chỉ bao vây anh, mà hơn thế nữa, nó bao bọc lấy anh. Hàng nghìn mối đe dọa cùng một lúc đã giơ nắm tay ra với anh. Gió, sẵn sàng để thổi; biển, sẵn sàng để g àm rú. Không thể nào gang cái m òm gió ấy lại; không thể nào bẻ hết răng cái m òm biển ấy lại. Vậy mà anh đã chống cự, là con người, anh đã chiến đấu mặt đối mặt với đại dương, đã vật nhau với bão táp.

Anh đã đương đầu với bao nhiêu lo âu khác và bao nhiêu nhu cầu bức thiết khác nữa. Anh đã phải chịu đựng tất cả mọi nguy nan. Anh đã phải làm bao nhiêu việc mà không có dụng cụ, di chuyển những vật nặng mà không có người phụ, giải quyết nhiều vấn đề mà không biết khoa học, ăn uống mà không có thực phẩm dự trữ, ngủ mà không có giường, có nhà.

Trên bãi ng àm này, một thứ giá bi đát, anh đã lần lượt khổ sở vì những tai ương tra tấn khác nhau của thiên nhiên, lúc yêu là mẹ, lúc ghét lại là đao

phủ.

Anh đã chiến thắng cô đơn, chiến thắng cái đói, chiến thắng cái khát, cái rét, chiến thắng cơn sốt, công việc, chiến thắng giấc ngủ. Anh đã gặp những vật chướng ngại hợp sức cùng nhau ngăn đường anh. Sau cảnh thiếu thốn xác xơ, đến nguyên tố cơ bản của thiên nhiên, sau thủy triêu đến gió dữ; sau bão táp đến thuồng luồng; sau quái vật đến ma quỷ.

Một điếu trớ trêu bi đát cuối cùng. Trong cái bãi ngằm này, nơi mà Gilliatt đã tưởng là mình sẽ bước ra với tư thế chiến thắng, tên Clubin chết ròi kia lại mới vừa nhìn anh vừa cười.

Vẻ cười chế nhạo của con ma ấy vậy mà có lý. Gilliatt thấy mình đã cùng đường. Gilliatt thấy mình cũng chết như Clubin.

Trời đông, đói khát, mệt mỏi, cái xác tàu phải bỏ, cỗ máy phải chuyển tải, những thay đổi của tiết cân phân, gió, sét, thuồng luồng, tất cả những thứ ấy đều chẳng nghĩa lý gì bên cạnh cái lỗ rò. Người ta có thể có, và Gilliatt đã có, lừa để đối phó với cái rét, sò hến trong núi để đối phó với cái đói, mưa để đối phó với cái khát, tay nghề và ý chí để đối phó với những khó khăn trong việc trục vớt, đập chấn sóng để đối phó với nước triêu và bão táp, con dao để đối phó với thuồng luồng. Còn đối với lỗ rò, không có gì cả.

Cuồng phong gửi anh lời chào từ biệt ghê rợn. Hiệp đấu cuối cùng, đường kiếm hiểm độc, đòn tấn công nham hiểm của kẻ bại trận đối với người chiến thắng. Bão táp thua chạy đang bắn lui mũi tên ấy. Chiến bại quay lại đánh. Đây là miếng đà đao của vực thẳm.

Người ta chiến đấu với bão táp; nhưng làm thế nào chiến đấu với một lỗ rò?

Nếu nút đệm bật, nếu lỗ rò lại bung ra, thì không có cách nào để thuy ền khỏi đắm cả. Đó là sợi dây buộc mạch máu bị tuột. Và một khi chiếc thuy ền nằm dưới đáy nước, với cỡ máy quá tải ấy, thì không có cách nào kéo thuy ền lên được, cố gắng cao thượng của hai thán̄g phi thường kết thúc bằng một việc hủy hoại toàn bộ. Không thể bắt đầu lại.

Gilliatt không còn lò rèn, không còn vật liệu nữa. Có lẽ, lúc tờ mờ sáng, anh sẽ trông thấy toàn bộ công trình của anh chìm xuống vực thẳm từ từ và không có cách nào cứu vãn.

Đi ều khủng khiếp là cảm thấy sức mạnh đen tối ở ngay dưới chân mình.

Vực thẳm đang kéo anh xuống.

Một khi thuy ền bị chôn vùi, anh chỉ còn có việc chết đói và chết rét như người kia, anh chàng đắm tàu trên núi Thán̄g Người.

Suốt hai thán̄g trời, những lương tâm và th ần thánh trong chốn vô hình đã được chứng kiến một đi ều: bên này là trời biển mênh mông, sóng, gió, sấm chớp, khí tượng, bên kia là một con người; bên này biển cả, bên kia một linh h ồn; bên này cái vô cùng lớn, bên kia cái vô cùng nhỏ.

Và một cuộc giao chiến đã diễn ra.

Và có lẽ thế là đi ều huy ền diệu không thành.

Thế là kỳ tích anh hùng chưa từng có kia kết thúc, thế là trận chiến đấu khủng khiếp được chấp nhận ấy, cuộc vật lộn giữa cái Không-Có-Gì chống lại cái Tất-Cả ấy, bản anh hùng ca Iliat một người ấy, kết thúc bằng tuyệt vọng.

Gilliatt luống cuống nhìn không gian.

Anh không còn lấy một manh áo. Anh đang trần trụi giữa trời biển mông mênh.

Thế là, lòng nặng trĩu vì hoàn cảnh trọng đại khác thường ấy, không biết người ta muốn gì ở mình, tự đối chiếu mình với bóng tối, trước cảnh tối tăm không thay đổi ấy, trong tiếng rì rầm của sóng nước, của bọt biển, của gió cơn, dưới những đám mây dày, dưới những luồng gió thổi, dưới sức mạnh bao la tản mát, dưới bầu trời bí ẩn của chim muông, của thiên thể và mộ địa, dưới ý định có thể có xen lẫn với những thứ to lớn vô cùng ấy, xung quanh và dưới chân là đại dương, trên đầu là muôn vàn tinh tú, dưới cái khôn dò, anh gục xuống, anh từ bỏ, anh nằm dài trên núi đá, ngửa mặt nhìn sao, thất bại, và chấp tay trước vực thẳm rừng rợn, anh gào to trong cảnh bao la: Cứu tôi với!

Bị vô biên đánh quỵ, anh cầu khẩn vô biên.

Anh nằm đấy, một mình trong đêm tối này, trên quả núi này, giữa biển cả này, kiệt sức, như một người bị sét đánh, trần trụi như một đấu sĩ trên hí trường, có đi đâu thay cho hí trường lại là vực thẳm, thay cho thú dữ lại là u minh, thay cho con mắt dân chúng lại là cái nhìn của vô-định, thay cho những nữ vu^[127] lại là tinh tú, thay cho César lại là Chúa Trời.

Anh cảm thấy hình như anh đang tan hòa trong rét mướt, trong mệt mỏi, trong bất lực, cầu xin, trong bóng tối, và đôi mắt anh nhắm lại.

VII TRONG CHỖN VÔ ĐỊNH CŨNG CÓ TAI

Mấy tiếng đồng hồ trôi qua. Mặt trời mọc, chói lọi.

Tia nắng đầu tiên trên đỉnh đồi Hòn Douvres Lớn chiếu vào một hình thù bất động. Đó là Gilliatt.

Anh vẫn nằm dài trên núi.

Cái thân hình trần trụi giá buốt và cứng đờ ấy không còn chút rung động nào nữa. Các mí mắt nhắm nghiền xanh mét. Thật khó nói nếu đây không phải là một xác chết.

Mặt trời có vẻ như nhìn vào nó.

Nếu con người trần trụi kia không chết, thì cũng gần, gần đến nỗi chỉ cần ngọn gió lạnh nhẹ nhất cũng đủ để kết liễu đời nó.

Gió bắt đầu thổi, ấm áp và trong lành, ngọn gió xuân tháng năm.

Trong khi ấy, vòng ô cứ lên cao dần trên bầu trời xanh thẳm, tia nắng đã bớt chiếu ngang bắt đầu đổ hồng. Ánh sáng trở thành sức nóng, bao bọc lấy Gilliatt.

Gilliatt không cự quậy. Nếu anh có thở, thì cũng là thứ hơi thở sẵn sàng để tắt, thứ hơi thở chỉ thoáng phủ mờ một mảnh gương soi.

Vòng ô tiếp tục lên cao, mỗi lúc một bớt chênh trên người Gilliatt. Ngọn gió, thoát đầu chỉ ấm áp, giờ đây cũng đã nóng.

Cái thân hình cứng đờ và trần trụi kia vẫn không cử động; tuy nhiên màu da dường như có bớt nhợt nhạt.

Vòng ô, lên gần đến thiên đỉnh, chiếu thẳng xuống mặt đồi Hòn Douvres. Ánh sáng từ trời cao chan hòa dội xuống; sức phản chiếu rộng lớn của biển lặng lại gộp thêm vào; núi bắt đầu ấm và sưởi nóng con người kia.

Một tiếng thở dài khẽ nâng lồng ngực Gilliatt lên. Anh vẫn sống.

Vàng ô, tiếp tục vuốt ve, hầu như rạo rục. Gió lúc này đã là gió nam và gió hè, lướt gần Gilliatt như một cái mồm, khẽ thổi.

Gilliatt cựa quậy.

Cảnh thanh bình biển cả thật là khó tả. Nó thì thăm giống một người mẹ hiên bên đũa con thơ. Sóng nước như ru hời bãi đá.

Những con chim biển, vốn quen với Gilliatt, lo lắng, bay lượn trên người anh. Đây không phải nỗi lo lắng man rợ trước đây của chúng nó nữa, mà là một cái gì trĩu mẩn, thân thương. Chúng khẽ riu rít. Có vẻ như muốn gọi anh. Một con hải âu, hẳn là yêu quý anh, thân mật sà xuống cạnh người. Nó cất tiếng nói với anh. Dường như anh không nghe. Nó liền nhảy lên vai anh và dịu dàng mổ khẽ vào môi.

Gilliatt mở mắt ra.

Bầy chim, thỏa mãn và hung dữ, vụt bay lên.

Gilliatt đứng dậy, vươn mình như hùng sư tỉnh giấc, chạy đến bên mép đũa, nhìn xuống chỗ giữa hai Hòn Douvres.

Chiếc thuyền bầu vẫn đầy, nguyên vẹn. Cái nút đệm vẫn nằm tại chỗ, chắc biển cả cũng ít hành hạ nó.

Tất cả đều được cứu thoát.

Gilliatt đã hết mệt. Sức khỏe anh đã hồi phục. Cơn ngất của anh là một giấc ngủ.

Anh liền tát cạn thuyền, để cho khoang khô ráo và chỗ hổng nằm ngoài ngấn nước, mặc quần áo vào, ăn uống, vui vẻ.

Xem xét kỹ ban ngày, lỗ rò đòi hỏi nhiều việc phải làm hơn Gilliatt tưởng. Hư hỏng khá nặng. Gilliatt bỏ cả ngày để sửa chữa cũng không phải là quá đáng.

Hôm sau, sáng tinh mơ, sau khi phá bỏ cái đập và lại mở rộng lối ra của eo biển, mặc số quần áo rách đủ bịt kín được lỗ rò, trên mình có sợi thắt lưng của Clubin và chỗ bảy vạn năm nghìn frăng, đứng trên chiếc thuyền bâu đã sửa chữa xong, bên cạnh cỗ máy được cứu thoát nhân gặp gió xuôi, vừa lúc biển lặng, Gilliatt ra khỏi bãi Douvres.

Anh hướng thuyền về phía Guernesey.

Đúng vào lúc anh rời khỏi bãi ngầm, giá có ai đứng đấy hẳn đã được nghe anh khẽ hát khúc ca Bonny Dundee.

PHẦN THỨ BA
DÉRUCHETTE

QUYÊN MỘT ĐÊM VÀ TRĂNG

I TIẾNG CHUÔNG TRÊN CẢNG

Saint-Sampson ngày nay gần như một thành phố; nhưng cách đây bốn mươi năm Saint-Sampson chỉ na ná một thôn xã.

Khi mùa xuân đến và không còn những đêm đông ng ời bên bếp lửa nữa thì tối đến, người ta chỉ chuyện trò dăm ba câu rồi đi ngủ. Saint-Sampson là một giáo khu cũ có lệnh giới nghiêm vẫn giữ thói quen tắt đèn từ sớm. Người ta cùng đi ngủ và thức dậy với mặt trời. Những làng Normandie xa xưa này vui lòng đóng vai chuông gà.

Ngoài ra chúng ta cần phải nói, trừ vài gia đình tư sản giàu có ra thì Saint-Sampson toàn là dân làm đá và thợ mộc. Bến tàu là một cảng sửa chữa. Suốt ngày người ta khai thác đá và đẽo gỗ; chỗ này chòong, chỗ kia búa. Lúc nào cũng đục đẽo chuyển vận gỗ s ồi và đá hoa cương. Tối đến người ta mệt nhoài và ngủ như chết. Công việc vất vả bao giờ cũng đem lại những giấc ngủ nặng nề.

Một tối đầu tháng năm, sau một lúc ngắm nhìn trăng lưỡi liềm trong cây và nghe tiếng chân Déruchette, nhân lúc trời đêm mát mẻ, dạo bước một mình trong khu vườn Bravées, Mess Lethierry đã về phòng riêng trên bến cảng và đã đi nằm. Douce và Grâce đã lên giường. Trừ Déruchette ra, cả nhà đều ngủ. Tất cả Saint-Sampson cũng đều ngủ. Khắp nơi cửa đóng then cài. Ngoài đường chẳng ai qua lại. Một vài ánh đèn hiêm hoi, như những

con mắt hấp háy sắp tắt, nhuộm đỏ đây đó những cửa sổ trên mái, dấu hiệu giờ ngủ của kẻ ăn người làm. Chín giờ đã điểm được một lúc trên gác chuông cổ xưa phủ kín trường xuân; cùng với nhà thờ Saint-Brelade ở Jersey, gác chuông này có cái niên đại kỳ lạ mang bốn con một: IIII; nghĩa là một nghìn một trăm mười một.

Sở dĩ Mess Lethierry được lòng dân Saint-Sampson là nhờ sự thành công của ông. Cất bỏ thành công đó đi, thì chẳng còn gì nữa. Phải tin rằng vận hạn vốn hay lây và kẻ nào không vui đâu bị dịch hạch, vì chẳng mấy lúc họ đâu bị mọi người xa lánh. Các chàng trai đẹp mã, con nhà giàu đâu lảng tránh Déruchette.

Xung quanh nhà Bravées hiện nay vắng vẻ đến mức họ không biết cả đến chút việc quan trọng địa phương hôm ấy đã làm cho cả Saint-Sampson xôn xao. Vị mục sư giáo khu, cha tôn kính Ebenezer Caudray, đã trở nên giàu có. Người cậu ông, vị niên trưởng danh tiếng của Saint-Asaph, vừa tạ thế ở Luân Đôn. Tin này đã được chiếc bưu thuyên Cashmere từ Anh tới ngay sáng hôm ấy đưa đến, và người ta nhìn thấy cột buồm thuyên Cashmere trong bến Saint-Pierre-Port. Trưa hôm sau, thuyên Cashmere phải đi Southampton, và nghe nói sẽ đưa ông mục sư tôn kính đi. Ông được gọi về Anh gấp để dự phiên họp chính thức về bản di chúc, không kể các chuyện cần kíp khác của một việc thừa hưởng gia tài lớn. Suốt ngày, Saint-Sampson bàn tán xôn xao. Thuyên Cashmere, cha Ebenezer tôn kính, người cậu quá cố, sự giàu có, việc ra đi, các khả năng được đề bạt trong tương lai của ông, là nội dung của việc rì rầm. Chỉ có một nhà, không được biết tin, vẫn im lìm, đó là gia đình Bravées.

Mess Lethierry, vẫn mặc cả quần áo, đã ngã lưng trên chiếc vòng thủy thủ của ông. Từ ngày tàu Durande xảy ra tai họa, ngã lưng trên võng là việc

làm duy nhất của ông. Nằm dài trên chõng là việc mà mọi tù nhân đều phải cần đến, và Mess Lethierry đang là tù nhân của ưu phiên. Ông nằm nghỉ; đây là một cuộc hưu chiến, một dịp lấy hơi, một cơ hội ngừng suy nghĩ. Ông ngủ chẳng? Không. Ông thức chẳng? Không. Nói cho đúng, từ hai tháng rưỡi nay - từ ấy đến nay đã hai tháng rưỡi - Mess Lethierry như người mộng du. Bản thân ông vẫn chưa được tỉnh táo. Ông sống trong trạng thái hỗn hợp và lơ mơ mà những ai đã từng gặp những bu ồm phi ền chán nản lớn đều biết. Suy nghĩ của ông không phải là tư tưởng, giấc ngủ của ông không phải là nghỉ ngơi. Ban ngày, ông không phải là người thức, ban đêm, ông không phải là người ngủ. Ông đứng chán r ồi lại nằm, có thể thôi. Khi nào ông nằm trên võng, quên lãng lại đến với ông một tí, ông gọi như thế là ngủ, các ảo tưởng chập chờn trên người ông và bên trong ông, mây đêm, đây những gương mặt mơ hồ, lướt qua đầu óc ông; hoàng đế Napoléon đọc h ời ký cho ông nghe, có nhiều Déruchette, những con chim kỳ lạ đậu trên cây, các đường phố Lons-le-Saulnier trở thành những con rắn. Ác mộng là giây phút nghỉ ngơi của thất vọng. Đêm đêm ông mơ màng, ngày ngày ông mơ mộng.

Đôi khi ông ng ồi suốt cả buổi chiều, không nhúc nhích, bên cánh cửa sổ phòng ông nhìn xuống cảng, như ta còn nhớ, đầu cúi gằm, cùi tay chống trên đá, bàn tay nắm chặt lấy tai, không màng đến thế sự, mắt đăm đăm vào cái khoanh sắt cũ gắn trên tường nhà cách chỗ cửa sổ ông ng ồi độ mấy tấc, nơi trước kia vẫn buộc tàu Durande. Ông nhìn lớp gỉ đang ăn trên khoanh sắt.

Mess Lethierry chỉ còn mỗi một chức năng vô ý thức là sống. Những người dửng cảm nhất, khi mất lý tưởng có thể thực hiện được, đều như vậy. Đây là hậu quả của những cuộc sống không còn ý nghĩa. Đời là một

cuộc du lịch, lý tưởng là hành trình. Hết hành trình, người ta dừng lại. Mục đích mất thì sức mạnh chết. Số phận có một quy ền hạn tối ảm là được tùy nghi hành động. Với chiếc quy ền trượng của nó, nó có thể chạm cả vào bản thể tinh thần của ta. Thất vọng, đó hầu như là sự bãi miễn tinh thần. Chỉ những bậc thật tài trí mới đứng vững được. Và cũng chưa chắc.

Mess Lethierry tri ền miên suy ng ắm, nếu chăm chú có thể gọi là suy ng ắm, trong một thứ vực sâu nước đục. Ông thường bật ra những lời ảo não như: Ta chỉ còn mỗi việc xin b ề trên cho ta cái giấy ra cửa.

Chúng ta cần ghi nhớ một đi ều mâu thuẫn trong con người này cũng phức tạp như biển cả mà, có thể nói, Lethierry là sản phẩm; Mess Lethierry không bao giờ cần nguyện.

Bất lực là một sức mạnh. Trước hai mặt mù quáng lớn của chúng ta, số mệnh và bản chất, chính trong hoàn cảnh bất lực của mình con người đã tìm ra đi ểm tựa là cần nguyện.

Con người đòi hỏi khủng khiếp phải cứu giúp mình; nó yêu cầu nỗi sợ của nó cứu giúp; lo âu, đấy là một lời khuyên quỳ gối.

Cần nguyện là sức mạnh to lớn riêng biệt của linh hồn và cùng loại với huyền bí. Cần nguyện hướng vào lòng cao thượng của u minh, cần nguyện nhìn huyền bí với chính đôi mắt của bóng tối, và trước sự tập trung đầy uy lực của đôi mắt van xin ấy, người ta cảm thấy rất có thể Vô-định sẽ vút bỏ vũ khí.

Cái khả năng thấp thoáng ấy đã là một niềm an ủi.

Mess Lethierry không cần nguyện.

Thời kỳ ông hạnh phúc, ông thấy có Chúa, có thể nói là Chúa bằng

xương bằng thịt; Lethierry cũng chuyện trò với Chúa, hứa hẹn với Chúa, gần như thỉnh thoảng còn bắt tay Chúa nữa. Nhưng trong tai họa của Lethierry, hiện tượng này kể ra cũng khá thường xuyên, Chúa đã bị che khuất. Điêu ấ y thường xảy ra khi người ta tự tạo cho mình một Chúa Trời từ bi như một con người hiền lành chất phác.

Trong tâm trạng của ông, Lethierry chỉ có mỗi một hình ảnh rõ rệt, đó là nụ cười của Déruchette. Ngoài nụ cười ấy ra, tất cả đều đen tối.

Ít lâu nay, chắc hẳn vì việc mất tàu Durande mà cô cảm thấy hậu quả, nụ cười duyên dáng của Déruchette có hiếm hơn. Dường như cô bận bịu. Những nét yêu kiều trẻ con và như chim của cô đã tắt. Người ta không còn trông thấy cô, buổi sáng, lúc có tiếng đại bác bình minh, cúi chào trang trọng và nói với vùng đông: “Bum... giữa^[128]. Mời ngài quá bộ vào chơi.” Nhi ều lúc cô có vẻ rất nghiêm trang, một điệu dáng buồn trong con người dịu dàng này. Tuy vậy cô vẫn cố gắng tươi cười với Mess Lethierry và để làm cho ông khuây khỏa; nhưng vẻ vui tươi của cô, ngày càng tàn héo và mờ bụi, như một cánh bướm bị kim xuyên suốt qua mình. Cần nói thêm rằng, do buồn trước nỗi buồn của ông chú, vì cũng có những nỗi đau chỉ là phản ánh thôi, hoặc do những lý do khác, bây giờ hình như cô ngã nhiều về tôn giáo. Thờ còn vị mục sư cũ, Monsieur Jaquemin Hérode, như ta đã biết, một năm cô chỉ đi nhà thờ có bốn bận. Bây giờ cô rất chăm đến nhà thờ. Cô không bỏ sót một lễ nào, chúa nhật cũng như thứ năm. Những người mộ đạo trong giáo khu rất thỏa mãn nhìn thấy việc cải hóa ấy. Vì một người con gái, chịu biết bao nguy hiểm bên cạnh đàn ông, quay về với Chúa, là một hạnh phúc lớn lao.

Điêu ấ y ít nhất cũng khiến cho các bậc cha mẹ đáng thương được yên tâm về chuyện ông bướm.

Buổi tối, hễ thời tiết cho phép, cô lại dạo chơi một vài giờ trong khu vườn Bravées. Ở đây, hầu như cô cũng trầm tư như Mess Lethierry, và lúc nào cũng chỉ có một mình. Déruchette thường đi ngủ sau cùng. Đi đâu ấy không ngăn cản Douce và Grâce luôn luôn để mắt đến cô, vì bản năng rình mò là đi đâu sẵn có trong giới tôi đòi; do thám làm cho việc hầu hạ đỡ buồn chán.

Còn Mess Lethierry, trong tình trạng tâm trí bị lu mờ, thì không nhận thấy những thay đổi nhỏ ấy trong thói quen của Déruchette. Và lại ông không phải là bảo mẫu bẩm sinh. Ông không nhận thấy cả tính chất đần độn của Déruchette trong việc đi lễ ở giáo khu. Vốn khó lay chuyển trong thành kiến đối với những việc và người trong giới tăng lữ, lẽ ra ông phải không vui khi thấy Déruchette lui tới nhà thờ như vậy.

Không phải vì tâm trạng ông không có chiều hướng thay đổi. Buồn phiền là mây và thường thay hình đổi dạng.

Các tâm hồn vững vàng, như chúng ta vừa nói, đôi khi vì một vài tai họa giáng phải, hầu như bị bãi miễn, không phải hoàn toàn. Những người có bản lĩnh kiên cường như Lethierry thường phản ứng lại sau một thời gian nhất định. Thất vọng có những cung bậc đi lên. Từ chỗ thất vọng, người ta đi lên đến chỗ sầu muộn, từ chỗ sầu muộn đi lên đến chỗ u buồn. U buồn là một cảnh chiều hôm. Trong ấy đau khổ tan hòa với một niềm vui đen tối.

U buồn, là hạnh phúc được buồn.

Lethierry không quen với những mức giảm nhẹ sầu bi ấy; cả tính khí ông, cả thể loại tai họa của ông, đều không chịu nổi những sắc thái ấy.

Có đi đâu, vào lúc chúng ta vừa gặp lại ông, thì trạng thái mơ mộng trước

thất vọng đầu tiên của ông, từ quăng một tuấn đang có chiều hướng tiêu tan; tuy không kém buồn, Lethierry có kém đờ đẫn, ông vẫn âm thầm như mọi ngày, nhưng ông không ủ ê nữa; ông nhớ lại một vài việc, một vài sự kiện; và ông bắt đầu cảm thấy đôi chút cái hiện tượng mà người ta có thể gọi là trở về với thực tế.

Cho nên, ban ngày, trong căn phòng thấp, tuy không lắng tai để ý đến tiếng nói mọi người, nhưng ông vẫn nghe. Một sáng nọ Gráce đắc thắng đến nói với Déruchette rằng Mess Lethierry đã bóc băng một tờ báo.

Bản thân việc thừa nhận một phần thực tế là một dấu hiệu tốt. Đây là thời kỳ an dưỡng. Những tai họa lớn là một đòn choáng váng. Người ta từ đấy đi ra. Nhưng sự thuyên giảm ấy thoát tiên giống như hậu quả của tình trạng trầm trọng thêm. Trạng thái mơ màng trước đây làm cho đỡ nhức nhối, trước chỉ nhìn thấy mơ hồ, chỉ cảm xúc chút ít; giờ đây đã thấy rõ, người ta không để lọt một tí gì, mọi thứ đều làm người ta xót xa. Vết thương nhức nhối thêm. Nỗi đau tăng thêm với tất cả những chi tiết trông thấy. Người ta nhìn thấy lại mọi chuyện trong ký ức. Thấy lại tất cả tức là luyện tiếc tất cả. Trong lần quay về thực tế này có đủ loại dư vị đắng cay. Có khá hơn đấy, nhưng cũng xót xa hơn. Chính đấy là đi đầu Lethierry đang cảm thấy. Ông đau khổ rõ rệt hơn.

Đi đầu đã dẫn Mess Lethierry trở về với cảm giác thực tế là một chấn động.

Chúng ta hãy nói đến chấn động ấy.

Một buổi chiều, quăng 15 hay 20 tháng tư, có hai tiếng gõ vào cửa căn phòng thấp nhà Bravées, báo hiệu có người đưa thư. Douce đã mở cửa. Đúng là có thư.

Thư này từ ngoài biển gửi về. Gửi cho Mess Lethierry. Đóng dấu Lisboa.

Douce đưa phong thư vào cho Mess Lethierry lúc ấy đang ngồi một mình trong phòng. Ông đã cầm phong thư, đặt lên bàn một cách vô ý thức, và không nhìn đến nó.

Suốt một tuần, phong thư vẫn nằm trên bàn, không được bóc.

Thế rồi một sáng nọ, tình cờ Douce nói với Mess Lethierry:

- Thưa ông, có nên quét bụi trên phong thư của ông không ạ?

Lethierry dường như bưng tỉnh. Ông nói:

- Đúng đấy.

Và ông mở phong thư. Thư viết như sau:

Biển khơi, ngày 10 tháng ba năm nay

Mess Lethierry, Saint-Sampson,

Ông sẽ vui mừng nhận được tin tức về tôi.

Tôi đang ngồi trên tàu Tamoulipas, trên đường đi Pasrevenir^[129]. Trong số nhân viên trên tàu, có một thủy thủ tên là Ahier-Tostevin, người ở Guernesey; anh ta sẽ trở về và sẽ có nhiều chuyện để kể. Tôi tranh thủ việc gặp thuyền Hernan Cortez đi Lisboa để nhờ chuyển đến ông bức thư này.

Ông hãy ngạc nhiên đi. Tôi là người lương thiện.

Cũng lương thiện như Sieur Clubin.

Tôi tin rằng ông đã biết sự việc xảy ra; tuy nhiên tôi cũng cứ nói để ông rõ, có lẽ cũng không thừa.

Nó như sau:

Tôi đã trả đủ số vốn lại cho ông.

Trước đây tôi đã vay của ông, khi không lịch sự lắm, năm vạn frăng. Trước khi rời Saint-Malo, tôi đã nhờ người tin cẩn của ông là Sieur Clubin giao lại cho ông ba tờ bạc ngân hàng mỗi tờ một nghìn livres xteclinh, tổng cộng bảy vạn năm nghìn frăng. Có lẽ ông sẽ thấy việc bồi hoàn như vậy là đủ.

Sieur Clubin đã dùng sức mạnh cầm số tiền lời và nhận số tiền của ông. Tôi thấy ông ta có vẻ rất sốt sắng, vì vậy tôi xin báo để ông rõ.

Người tin cẩn khác của ông.

RANTAINÉ

Tái bút: Sieur Clubin có một khẩu súng lục, vì vậy tôi không có biên lai.

Bạn hãy chạm vào một quả ngư lôi, bạn hãy sờ vào một bình điện Leyde nạp sẵn, bạn sẽ nhận thức được đi đâu mà Mess Lethierry cảm thấy khi đọc lá thư trên.

Dưới chiếc phong bì kia, trong tờ giấy gấp tư mà lúc đầu ông rất ít để ý đến, có một sức chấn động.

Ông nhận ra nét bút, ông nhớ ra chữ ký kia. Còn sự việc thoát tiền ông chẳng hiểu gì cả.

Chấn động kỳ lạ đến nỗi có thể nói là nó lại làm cho trí óc ông tỉnh táo.

Hiện tượng Rantaine giao lại số tiền bảy vạn năm nghìn frăng cho Clubin, vì là một đi đầu bí ẩn, được xem như khía cạnh tốt của chấn động, bởi lẽ nó thúc đẩy đầu óc Lethierry phải làm việc. Đối với tư tưởng, phỏng

đoán là một điều lành mạnh. Lý luận được thức tỉnh, suy luận được vận dụng.

Ít lâu nay dư luận công chúng ở Guernesey chú ý đến việc đánh giá lại Clubin, con người lương thiện suốt bao nhiêu năm được nhất trí mến chuộng. Người ta hỏi nhau, người ta đâm ra nghi ngờ, người ta đánh cuộc với nhau, có kẻ bênh người chống. Đã có một số điếm soi sáng đặc biệt. Clubin bắt đầu sáng rõ, nghĩa là trở thành đen tối.

Một cuộc điều tra tư pháp được tiến hành ở Saint-Malo để biết rõ số phận người lính phòng vệ duyên hải số 619. Sự minh mẫn của luật pháp đã đi lầm đường, điều này vẫn thường xảy ra. Nó xuất phát từ giả thuyết người lính phòng vệ duyên hải đã bị Zuela lôi kéo và đã theo thuyền Tamoulipas đi Chilê. Giả thuyết tài tình này đã kéo theo nhiều sai lầm. Công lý cận thị đến nỗi không biết có cả Rantaine. Nhưng trong quá trình các quan chức thẩm tra đã phát hiện thêm một số dấu vết khác. Vụ án đen tối càng trở nên phức tạp. Clubin đã đi vào chỗ bí ẩn. Người ta nhận thấy có một sự trùng hợp, một mối liên quan cũng nên, giữa ngày thuyền Tamoulipas ra đi với việc tàu Durande gặp tai nạn. Ở tiệm rượu của Dinan, nơi mà Clubin tưởng là không ai biết mình, người ta đã nhận ra hắn; người chủ tiệm rượu đã lên tiếng; Clubin đã mua một chai rượu trắng. Cho ai? Người bán súng ở phố Saint-Vincent đã lên tiếng; Clubin đã mua một khẩu súng lục. Để chống ai? Người chủ quán ông Jean đã lên tiếng; Clubin có những lúc vắng mặt không giải thích nổi. Thuyền trưởng Gertrais-Gaboureau đã lên tiếng; Clubin có ý định ra đi, mặc dù đã được báo trước, và biết rằng sẽ gặp phải sương mù.

Thủy thủ tàu Durande đã lên tiếng. Thực tế, việc chở hàng đã bị lờ, và việc bốc xếp không được tốt, một việc sơ suất dễ hiểu, nếu người thuyền

trưởng muốn đánh đắm tàu. Ông khách người Guernesey đã lên tiếng; Clubin tưởng là bị đắm vào Hòn Hanois. Những người ở Torteval đã lên tiếng; Clubin đã đến đây vài hôm trước vụ đắm tàu Durande, và đã dạo chơi về phía Plainmont, gần Hòn Hanois. Hắn xách một cái túi du lịch. “Ông ta cần đi, mà không cần về.” Lũ trẻ phá tổ chim đã lên tiếng; câu chuyện của chúng hình như có thể liên quan đến việc Clubin mất tích, với điều kiện duy nhất là thay thế các bóng ma ở đây bằng những tên buôn lậu. Cuối cùng chính ngôi nhà có ma ở Plainmont cũng đã lên tiếng, những người quyết tâm tìm hiểu đã trèo vào nhà, và đã tìm thấy ở trong nhà, cái gì? Đúng cái túi du lịch của Clubin. Đoàn Mười-Hai người ở Torteval đã tịch thu cái túi, và đã cho mở nó ra. Nó đựng thức ăn, một ống nhòm, một đồng hồ, một ít quần áo đàn ông và đồ lót có đánh dấu chữ đầu tên Clubin. Tất cả những khoản ấy, trong các câu chuyện ở Saint-Malo và Guernesey, kết hợp lại, và cuối cùng tạo thành gần như một việc cố ý làm hại chủ thuyền. Người ta đối chiếu các sự việc rối rắm lại; người ta nhận thấy có một sự khinh thường ý kiến kỳ lạ, một việc bất chấp sương mù, một sơ suất đáng ngờ trong việc bố trí hàng hóa, một chai rượu trắng? Một lái tàu say rượu, việc thuyền trưởng thay thế lái tàu, một đường lái ít ra là rất vụng về. Hành vi dũng cảm ở lại trên xác tàu đắm trở thành một trò xỏ lá. Và lại Clubin đã nhậm lẫn bãi ngầm. Khi ý định làm hại chủ thuyền được chấp nhận, người ta hiểu ngay việc lựa chọn Hòn Hanois phía dễ bơi đến, việc nghỉ lại trong ngôi nhà có ma là chờ thời cơ đi trốn. Cái túi du lịch, chỗ đồ dự phòng, hoàn chỉnh việc chứng minh. Sự việc này dính líu như thế nào với sự việc kia, việc người lính phòng vệ duyên hải, người ta vẫn không nắm được. Người ta đoán là có một mối liên quan; thế thôi. Người ta thoáng thấy, phía người này, người lính phòng vệ duyên hải số 619, cả một tấn bi kịch. Có lẽ Clubin không đóng một vai nào ở đây, nhưng người

ta nhận thấy hắn có mặt trong hậu trường.

Tất cả vẫn không thể tự giải thích được bằng việc cố ý làm hại chủ thuyền. Có một khẩu súng lục không dùng đến. Khẩu súng này chắc hẳn nằm trong vụ án kia.

Tài linh mẫn của dân chúng vốn tinh và chính xác. Bản năng của công chúng rất tài trong những chuyện phục hồi sự thật gồm những mâu thuẫn vật như thế. Có đi đâu trong các sự việc để toát lên ý đồ làm hại chủ thuyền có vẻ như thật này, có những đi đâu chưa chắc chắn nghiêm trọng.

Tất cả đều đứng vững, tất cả đều phù hợp; nhưng điểm cơ bản lại thiếu.

Không ai đánh đắm một chiếc tàu chỉ vì thích đánh đắm nó. Không ai đón nhận tất cả những hiểm nguy như thế của sương mù, của bãi ngầm, trong việc bơi lặn, ẩn náu và trốn tránh mà không nhằm một lợi ích gì. Lợi ích của Clubin có thể là cái gì?

Người ta nhìn thấy hành vi, nhưng không nhìn thấy động cơ của hắn.

Vì vậy nảy sinh một mối ngờ vực trong nhiều đầu óc. Ở đâu không có động cơ, hình như ở đó không còn hành động.

Thiếu sót thật quan trọng.

Thiếu sót này, bức thư của Rantaine đến bổ khuyết.

Bức thư ấy cho thấy động cơ của Clubin. Bảy vạn năm nghìn frăng cần đánh cắp.

Rantaine là vị thần trong bộ máy. Hắn từ trên mây bước xuống tay cầm một cây nến.

Bức thư của hắn là tia sáng cuối cùng.

Nó giải thích tất cả, và rất thừa thãi, nó báo trước một chứng cứ, Ahier-Tostevin.

Điều quyết định, nó cho thấy việc sử dụng khẩu súng lục.

Rantaine hiển nhiên biết rất rõ. Bức thư của hắn cho thấy rõ ràng.

Không thể có chút giảm nhẹ nào cho việc gian hùng của Clubin. Hắn đủ âm mưu đánh đắm tàu; chứng cứ là số đồ đạc phòng đưa đến ngôi nhà có ma. Và cứ giả dụ là hắn vô tội, cứ cho rằng vụ đắm tàu là chuyện ngẫu nhiên, lại sao đến phút cuối cùng, đã quyết định hy sinh trên xác tàu, hắn lại không nhờ những người thoát nạn trên xuồng giao số tiền bảy vạn năm nghìn frăng lại cho Mess Lethierry?

Sự việc hiển nhiên đã rành rành. Bây giờ Clubin thế nào rồi? Có lẽ hắn đã thành nạn nhân của việc nhầm lẫn của hắn, chắc hắn đã chết trong bãi ngấm Douvres.

Việc sắp xếp những điều phỏng đoán, rất hợp với thực tế, như ta đã thấy, làm cho đầu óc Mess Lethierry bận rộn mất nhiều ngày. Bức thư của Rantaine giúp ông cái việc là buộc ông phải suy nghĩ. Thoạt tiên ông bị điều bất ngờ rung chuyển, sau đó ông cố tập trung suy nghĩ, cố gắng khó hơn nữa là thăm dò tin tức. Ông đành phải chấp nhận, và phải tìm kiếm nữa, các cuộc chuyện trò. Sau tám ngày ông đã trở lại, trong một chừng mực nào, con người thực tế; trí óc ông đã trở lại mạch lạc và hầu như khỏi hẳn. Ông đã ra khỏi trạng thái thác loạn.

Bức thư của Rantaine, cứ cho rằng Mess Lethierry có thể có lúc cũng nuôi hy vọng được bồi thường ở phía ấy, làm tan biến vận may cuối cùng của ông.

Nó thêm vào thảm họa tàu Durande vụ đắm mới này của bảy vạn năm nghìn frăng. Nó cho ông được hưởng lại số tiền ấy vừa đủ để ông cảm thấy nổi mất mát. Bức thư ấy cho ông thấy sự phá sản hoàn toàn của ông.

Do đó nảy sinh một đau khổ mới, rất nhức nhối, mà chúng tôi đã nêu lên ban nãy. Ông bắt đầu, đi đầu mà ông không làm từ hai tháng nay, lo lắng đến việc nhà, đến tình trạng sắp tới của nó, đến cách phải tổ chức lại nó. Buồn phiền nhỏ với hàng nghìn mũi nhọn, hầu như còn tệ hơn thất vọng. Chịu đựng tai họa trong từng chi tiết, giành giật với việc đã rồi từng tấc đất nó cướp của anh, đó là đi đầu thật ghê tởm. Có thể chịu đựng cả khối tai họa, chứ không chịu nổi bụi bặm của nó. Cái toàn bộ trĩu nặng, cái chi tiết dày vò. Ban nãy thảm họa như sét đánh vào bạn, giờ đây nó giằng co, cãi vã với bạn.

Đó là nỗi nhục nhã làm cho cảnh dày vò thêm đau đớn. Đây là lần hủy diệt thứ nhì thêm vào lần thứ nhất, và lại xấu xa nữa. Người ta bước xuống thêm một bậc trong chốn hư không. Sau tấm vải liệm là mảnh giẻ rách...

Nghĩ đến chuyện sa sút, thật không còn ý nghĩ nào buồn bã hơn.

Bị phá sản, việc ấy tưởng như đơn giản. Đòn ác liệt; sự tàn bạo của số kiếp; đây là tai họa quyết định. Được. Người ta chấp nhận nó. Thế là hết. Bị phá sản. Được rồi, thì chết. Không. Người ta vẫn sống. Ngay hôm sau, người ta nhận thấy đi đầu ấy. Nhờ đâu? Nhờ những mũi kim châm. Một người qua đường nào đấy không chào bạn nữa, hóa đơn đòi nợ tới tấp như mưa, kìa một kẻ thù của bạn đang cười. Có lẽ hắn cười vì lối chơi chữ mới đây của Arnal, nhưng cũng chẳng sao, hắn thấy lối chơi chữ ấy hay chỉ vì bạn bị phá sản. Bạn thấy được sự sa sút của bạn ngay cả trong những con

mắt lãnh đạm; những người đến ăn cơm ở nhà bạn thấy trên bàn thừa đến ba món; các khuyết điểm của bạn đập vào mắt mọi người; những kẻ vô ơn, không chờ đợi gì nữa, làm cho người ta để ý đến mình; tất cả những đũa ngu si đều nhìn thấy trước những gì xảy đến với bạn; bọn độc ác xâu xé bạn, lũ tởm nhất ái ngại cho bạn. Rồi hàng trăm chuyện ti tiện vụn vặt. Cảm giác buồn nôn tiếp theo nước mắt. Trước kia bạn uống rượu vang, rồi đây bạn sẽ uống rượu tầu. Hai đây tởm gái! Thế là đã thừa một. Sẽ phải thải cô này, và bắt cô kia làm thêm việc. Trong vườn nhiều hoa quả; rồi đây sẽ trồng khoai. Hoa quả trong vườn trước kia vẫn để biếu bạn bè, rồi đây sẽ cho đem ra chợ bán. Còn người nghèo, thôi không nên nghĩ đến họ nữa; bản thân ta chẳng phải cũng là một kẻ nghèo sao? Còn quần áo, vấn đề thật đau lòng. Bớt của vợ một sợi ruy-băng, ôi, còn đau khổ nào hơn! Đối với người đã hiến dâng sắc đẹp cho bạn mà lại từ chối họ chút đồ trang sức! Mang cái vỏ một người keo kiệt! Có lẽ họ sẽ bảo bạn: “Sao, ông đã hái hết hoa trong vườn tôi, rồi bây giờ ông lại lấy cả hoa trên mũ tôi!” Than ôi! Bắt vợ phải mặc những chiếc áo bạc màu! Bàn ăn gia đình thán lặng. Bạn nghĩ rằng xung quanh bạn, người ta ác cảm với bạn. Những gương mặt thân yêu đều ưu tư. Đấy, sa sút là như vậy đấy. Ngày nào cũng lại phải chết thêm lần nữa. Quy ngã, không đáng kể, đấy là lò lửa rực. Sa sút, là ngọn lửa liu riu.

Waterloo là bước sụp đổ; Sainte-Hélène là bước giảm sút số phận, hiện thân trong Wellington, còn có đôi chút phẩm chất, nhưng khi nó là Hudson Low, thì thật là đê tiện! Số phận trở thành một tên hèn hạ. Người ta thấy con người hùng Campo-Formio cãi nhau vì một đôi bít tất lụa. Việc hạ thấp Napoléon làm cho nước Anh trở thành nhỏ mọn.

Hai giai đoạn ấy, Waterloo và Sainte-Hélène, thu hẹp lại trong khuôn

khổ tâm thường, bất cứ người nào phá sản cũng đều trải qua cả.

Tối hôm nói trên đây, một trong những buổi tối đầu tiên của tháng năm, Lethierry, mặc cho Déruchette thơ thẩn trong vườn dưới ánh trăng trong, đã đi nằm, buồn nản hơn bao giờ hết.

Tất cả những chi tiết nhỏ nhặt và khó chịu ấy, những chuyện rắc rối của các cơ nghiệp tiêu tan, tất cả những âu lo vụn vặt ấy, bắt đầu trở thành vô vị và cuối cùng trở thành bi thảm, đang đi qua đầu óc ông. Một cảnh bề bộn buồn rầu của đau khổ. Mess Lethierry cảm thấy bước quy ngã của mình hết đường cứu vãn. Sẽ làm gì đây? Sẽ ra sao đây? Phải bắt Déruchette chịu những hy sinh nào đây? Sa thải ai? Douce hay Grâce? Có bán ngôi nhà Bravées không? Liệu có phải xa rời hòn đảo này không? Nơi trước kia người ta là tất cả, thì nay không là gì hết, cảnh suy vi quả là không thể nào chịu nổi thật.

Mà nào đã hết! Nhớ lại những chuyến vượt biển ấy, nối liền nước Pháp với quần đảo, những ngày thứ ba khởi hành ấy, những ngày thứ sáu trở về ấy, dân chúng trên bến, những buổi bốc xếp rộn ràng ấy, công cuộc làm ăn, cảnh phồn vinh ấy, việc chuyển vận trực tiếp và đầy tự hào ấy, cỗ máy mà con người đặt hết ý chí vào ấy, cái nôi hơi to khỏe, làn khói ấy, thực tế ấy! Tàu hơi nước là chiếc la bàn được bổ sung đầy đủ; la bàn chỉ rõ con đường thẳng, hơi nước cứ thế đi theo. Cái này đề xuất, cái kia thi hành. Giờ đây nó ở đâu, con tàu Durande của ông, cô nàng Durande lộng lẫy tuyệt vời, bà chúa của biển khơi, vị nữ hoàng đã đưa ông lên ngôi vua! Đã từng là con người tư tưởng, con người thắng lợi, con người cách mạng của quê hương! Bây giờ lại từ bỏ! Lại thoái vị! Không tồn tại nữa! Mà lại làm trò cười! Thành một cái bị trong đó trước kia đã có một cái gì! Trở thành quá khứ khi người ta đã là tương lai! Dẫn đến lòng thương hại kiên cố của lũ ngu

đần! Nhìn thấy óc bảo thủ, tính gàn bướng, hủ lậu, ích kỷ, ngu dốt chiến thắng! Ngồi nhìn những chiếc thuyền đáy bằng cỡ lỗ lại bắt đầu tới lui dập dềnh trên biển một cách ngu ngốc! Ngồi nhìn cảnh già khom hõ xuân! Đã hy sinh cả cuộc đời! Đã từng là ánh sáng, thế mà nay chịu cảnh che khuất! Ôi! Đẹp biết bao, cái ống khói hiên ngang trên biển kia, cái ống kỳ diệu kia, cái trụ tỏa khói kia, cái cột vĩ đại hơn cột Vendôme vì trên cột này chỉ có một người, còn trên cột kia là cả sự tiến bộ! Đại dương nằm bên dưới. Đây là sự thực hiển nhiên, ngay giữa biển khơi. Người ta đã nhìn thấy đi đâu đó trên hòn đảo nhỏ bé này, trong cái cảng nhỏ bé này, trong Saint-Sampson nhỏ bé này! Phải, người ta đã nhìn thấy nó! Sao! Trước đây người ta đã nhìn thấy nó, vậy mà rồi đây người ta sẽ không thấy nó nữa!

Tất cả nỗi ám ảnh đó của buổi tiệc dài vò Lethierry. Tư tưởng có những tiếng nấc của nó. Có lẽ không bao giờ ông cảm thấy sự mất mát của mình đáng cay hơn. Một trạng thái trì độn tiếp theo những cơn đau gay gắt ấy. Lòng nặng trĩu buồn phiền, ông thiu thiu ngủ.

Ông nhắm mắt nằm độ hai giờ đồng hồ, ngủ thì ít, nghỉ ngơi thì nhiều, người nóng hãn hập. Những cơn hôn mê như thế thường che đậy một công việc mơ hồ của óc não, rất mệt nhọc. Đến khuya, vào quãng nửa đêm, trước hay sau một tí gì đấy, ông chợt thoát khỏi trạng thái mơ màng. Ông tỉnh giấc, mở mắt ra, cửa sổ ở ngay trước võng, ông trông thấy một điểu kỳ lạ.

Một hình dáng sờ sờ trước cửa sổ. Một hình dáng hết sức lạ lùng. Ống khói một chiếc tàu hơi nước.

Mess Lethierry ngồi nhòm ngay dậy. Chiếc võng đu đưa như bị bão lắc, Lethierry nhìn chăm chú. Trong cửa sổ một ảo ảnh. Bên cảng rực rỡ ánh

trắng đóng khung giữa các ô kính, và trên cái ánh sáng ấy, ngay cạnh nhà ông, nổi rõ, thẳng, tròn và đen, một hình bóng nguy nga.

Một cái ống khói đang đứng đó sừng sững.

Lethierry nhảy vội xuống vũng, chạy đến bên cửa sổ, nâng cái khung gỗ lên, nghiêng người ra ngoài và nhận ngay ra nó.

Ống khói tàu Durande đang ở trước mắt ông.

Nó nằm đúng chỗ cũ.

Đến sọt xích của nó chằng nó vào mạn một chiếc tàu, trong tàu bên dưới ống khói, thấy có một khối to đường nét phức tạp.

Lethierry giật lùi, xoay lưng lại phía cửa sổ, và ngẩng phịch xuống vũng.

Ông lại quay người lại, và vẫn nhìn thấy ảo ảnh.

Một lúc sau, nhanh như chớp, ông đã ở trên bến cảng, tay cầm một chiếc đèn bão.

Một chiếc thuyền buộc ở khoanh sắt xưa kia vẫn neo tàu Durande; hơi về phía sau thuyền có một khối đồ sộ, từ đó nhô lên cái ống khói thẳng ngay trước cửa sổ nhà Bravées, mũi thuyền là là trên mặt bến cảng, chìa ra ngoài góc tường nhà.

Trong thuyền chẳng thấy ai cả.

Thuyền này có một hình dáng riêng biệt mà cả Guernesey đều biết rõ đặc điểm, đấy là chiếc thuyền bầy.

Lethierry nhảy tót vào thuyền. Ông chạy vội đến cái khối bên kia cột buồm. Đấy là cỗ máy.

Nó nằm đấy, nguyên vẹn, đầy đủ, không suy suyển, chễm chệ trên cái bệ gang của nó; n ồi hơi còn đủ tất cả các vách ngăn; c ầu trục bánh xe dựng đứng và buộc cạnh n ồi hơi; cái bơm vẫn ở vị trí cũ. Không thiếu một chút gì.

Lethierry xem xét kỹ cỗ máy.

Chiếc đèn bão cùng với v ăng trắng chung sức soi sáng cho nó.

Ông kiểm tra lại toàn bộ cỗ máy.

Ông nhìn thấy hai cái hòm nằm bên cạnh, ông nhìn c ầu trục bánh xe.

Ông đi đến bu ồng lái. Bu ồng lái rỗng không.

Ông quay về với cỗ máy, và sờ vào nó. Ông thò đầu vào n ồi hơi. Ông quì gối xuống để nhìn bên trong.

Ông đặt chiếc đèn bão vào trong lò; ánh đèn soi sáng tất cả bộ máy và tạo nên g ần như một bức ảo hóa của một cỗ máy được thắp sáng.

Đoạn ông cười phá lên và đứng thẳng, mắt chăm chăm vào cỗ máy hai tay đưa về phía ống khói, ông hét thật to: “Cứu tôi với!”

Chiếc chuông bến cảng nằm ở trên bờ, cách đấy mấy bước; ông vội chạy đến, nắm lấy sợi xích và ra sức kéo như điên.

II

LẠI TIẾNG CHUÔNG TRÊN CẢNG

Thật thế, sau một chuyến vượt biển an toàn, nhưng hơi chậm vì thuyền chở nặng, Gilliatt đã về đến Saint-Sampson vào lúc trời tối mịt, g ần mười giờ hơn là chín giờ.

Gilliatt đã tính toán giờ giấc. Thủy triều đã lại lên nửa chừng. Vừa có trăng, vừa gặp nước; có thể vào cảng được.

Cảng nhỏ đã ngủ yên. Dăm chiếc thuyền đậu ở đây, buồm cuốn vào trục, đài quan sát đã buộc dây lên đầu cột buồm, và không thắp đèn hiệu. Trong cùng, một ít thuyền đang sửa chữa nằm trên cạn trong xưởng. Những thân thuyền to gãy buồm vì bị đánh đắm, chĩa lên trên cặp thuyền lỗ chỗ những mũi nhọn cong cong của sườn thuyền trợ trụ; gần giống như những con bọ hung chết nằm ngửa giờ chân lên trời.

Sau khi vượt khỏi cái cửa biển nhỏ, Gilliatt đã quan sát bến cảng và sân cảng. Không một chỗ nào có ánh sáng, trên nhà Bravées cũng như các nơi khác. Không ai qua lại, có lẽ trừ một người, đàn ông, vừa vào nhà mục sư hay vừa ở đấy ra. Mà cũng chưa chắc có phải là một người không, vì đêm tối thường xóa nhòa tất cả những hình nó vẽ và ánh trăng lúc nào cũng chỉ tạo nên những đường nét lơ mơ. Quãng cách lại thêm vào bóng tối. Nhà mục sư đạo ấy nằm ở bên kia bến cảng, trên một địa điểm mà ngày nay đã xây dựng một chỗ đậu tàu trống trải.

Gilliatt lảng lạng cặp sát vào nhà Bravées, và buộc chiếc thuyền bâu vào cái khoanh sắt của tàu Durande dưới cửa sổ của Mess Lethierry.

Đoạn anh nhảy qua mạn thuyền và lên cạn.

Bỏ chiếc thuyền bâu nằm lại trên bến, Gilliatt đi vòng qua ngôi nhà, men theo một ngõ hẹp, một ngõ nữa, không cả nhìn nhánh đường mòn dẫn đến Bû de la Rue, và vài phút sau dừng lại ở cái góc tường có một cây cầm quỳ đại ra hoa đỏ hồng tháng sáu, có ô rô, trường xuân và tằm ma. Chính từ chỗ đó, khuất sau bụi gai, ngó trên một tảng đá, đã bao lần trong những ngày hè, suốt bao nhiêu giờ liền và bao nhiêu tháng trời, anh đã chiêm

ngắm, qua bức tường thấp đến nỗi cứ muốn bước qua, ngôi vườn Bravées, và qua các cành cây, hai cái cửa sổ ở một căn phòng của ngôi nhà. Anh lại thấy tảng đá của anh, bụi gai của anh, vẫn bức tường thấp như thế, vẫn cái góc tối như thế, và như một con vật trở về hang, len lách hơn là cất bước, anh thu mình lại. Ngồi xong, anh không dám چرا quây nữa. Anh đưa mắt nhìn. Vẫn ngôi vườn, những lối đi, vẫn những lùm cây, những luống hoa vuông, vẫn ngôi nhà, hai cửa sổ căn phòng. Vầng trăng phô bày cho anh cảnh mộng ấy. Thật là khủng khiếp khi buộc lòng phải thở. Anh cố sức làm sao để khỏi phải thở.

Anh có cảm giác như đang được nhìn thấy một thiên đường ma quái. Anh chỉ sợ những thứ ấy bay mất. Việc những thứ ấy tồn tại thực sự trước mắt anh hầu như vô lý; và nếu chúng tồn tại thật thì chỉ có thể là trước sau cũng sẽ tan biến như mọi vật trần tiên. Chỉ một ngọn gió thoảng là tất cả sẽ tiêu tan. Gilliatt run sợ sẽ như thế.

Ngay cạnh, trước mắt anh, trong vườn, bên lềm một lối đi, có một chiếc ghế dài bằng gỗ sơn xanh. Ta vẫn còn nhớ chiếc ghế ấy.

Gilliatt nhìn lên hai cửa sổ. Anh tự tưởng đến ai kia trong phòng có thể đang mơ màng giấc điệp. Sau bức tường, người ta đang ngủ. Anh chỉ muốn không ngồi ở chỗ đang ngồi. Anh những ước ao được chết còn hơn rời khỏi đó. Anh tự tưởng đến một hơi thở đang làm phập phồng một lờng ngực. Nàng, ảo ảnh đó, màu trắng đó trong mây, ám ảnh bèn bèn đó trong trí óc anh, nàng đang ở đây kia! Anh tự tưởng đến con người không thể với tới đang nằm ngủ, và gần làm sao, như ở ngang tâm niệm ngây ngất của anh; anh tự tưởng đến người đàn bà không thể chiếm hữu đang chập chờn, và chính nàng cũng đang có những điểu mơ mộng trong đầu óc, đến con người hằng mơ ước, xa xôi, không nắm bắt được, mắt nhắm

nghe, tay bóp trán, đến đi đầu bí mật trong giấc ngủ của con người lý tưởng, đến những mộng mị mà một giấc mơ có thể có được. Anh không dám tơ tưởng xa hơn, nhưng anh vẫn cứ tơ tưởng; anh mạo hiểm trong chỗ khiếm nhã của mơ màng; cái phần hình dáng đàn bà mà một thiên thần có được khiến anh bối rối, đêm khuya khiến con mắt rụt rè thêm mạnh bạo có những cái nhìn vụng trộm, anh tự trách mình đi quá bước, anh sợ trong suy nghĩ mình đã làm đi đầu xúc phạm; mặc dầu miễn cưỡng, bị ép buộc, run rẩy, anh vẫn nhìn vào chốn vô hình. Anh chịu đựng nỗi rùng mình, và hầu như nỗi đau khổ, phải hình dung ra một chiếc váy trên ghế, một tấm áo choàng vút trên thảm, một dải thắt lưng mở khóa, một chiếc khăn quàng. Anh tưởng tượng đến một chiếc áo lót phụ nữ, một dải yếm trên đất, những chiếc bút tất và nịt tất. Tâm hồn anh lơ lửng trên các tầng sao.

Ngàn sao được tạo ra cho trái tim một kẻ nghèo như Gilliatt cũng y hệt cho trái tim một gã triệu phú. Ở một mức độ nào đó của mê say, người nào cũng có thể có những lúc ngây ngất sâu sắc. Nếu thuộc loại thô bạo và chất phác thì lại thêm một lý do nữa. Man sơ, càng hay mơ mộng.

Say đắm là một trạng thái sung mãn cũng tràn ngập như mọi hoàn cảnh sung mãn. Đối với Gilliatt, trông thấy những cửa sổ kia hầu như đã là quá rồi.

Thình lình, anh trông thấy chính bản thân nàng thật.

Từ trong cành lá một bụi rậm đã đầy kín vì tiết xuân, nhô ra, với một dáng điệu thông thả khó tả của hồn ma và tiên giới, một hình dạng, một tấm áo, một khuôn mặt thiên tiên, hầu như một ánh sáng dưới cảnh trời trăng.

Gilliatt cảm thấy bủn rủn cả người, chính là Déruchette.

Déruchette đến gần. Nàng dừng chân. Nàng đi xa ra mấy bước, rồi lại dừng chân, quay về gần trên chiếc ghế gỗ. Vòng trăng lấp ló trong cây, vài ba đám mây lang thang giữa trời sao nhợt nhạt, biển cả thì thầm với những vật nằm trong bóng tối, thành phố ngủ yên, một đám sương mù từ chân trời dâng lên, cảnh u buồn ấy thật sâu sắc. Déruchette cúi đầu, với con mắt trầm tư chăm chú mà lại chẳng nhìn gì, nàng ngẩng nghiêng, đầu gần như để trần, với một chiếc mũ không buộc để lộ chân tóc trên cái gáy thanh tú. Nàng lơ đãng quấn một dải băng mũ quanh ngón tay, bóng tối chập chờn uốn lượn theo hai bàn tay đẹp như tay tượng, chiếc áo dài của nàng thuộc loại màu sắc mà trời đêm đổi sang màu trắng, cây cối rung rinh dường như xúc động trước vẻ huyền diệu từ nàng toát lên, người ta trông thấy các ngón ở một bên chân nàng; trong hàng mi nhìn xuống có cái vẻ nhấp nháy báo hiệu một giọt lệ bị cầm giữ hay một tư tưởng bị ức chế, đôi cánh tay ngập ngừng ngậy ngất như không biết từ đâu, một cái gì hơi lưỡng lự xen lẫn trong toàn bộ dáng điệu của nàng; đây là một ánh sáng dịu dàng hơn là một tia sáng rực rỡ, một vẻ đẹp hơn là một nữ thần; các nếp nhăn trên gấu váy của nàng thật thanh nhã; gương mặt yêu kiều của nàng trầm ngâm một cách trong trắng. Nàng gần quá, gần đến khủng khiếp. Gilliatt nghe cả tiếng nàng thở.

Đâu đây có tiếng hót họa mi. Làn gió thoảng trong cành lá khô làm cho tĩnh mịch khôn tả của trời đêm chuyển động. Déruchette xinh đẹp, thiêng liêng, xuất hiện trong cảnh chập chờn ấy như kết tinh của những tia sáng và hương thơm kia; cái đẹp quyến rũ bao la và tản mạn ấy qui tụ ở nàng một cách huyền bí, và ngưng đọng lại ở nàng, còn nàng là phát tiết của nó. Dường như nàng là linh hồn trinh bạch của toàn bộ bóng tối kia.

Toàn bộ bóng tối ấy, chập chờn trên người Déruchette, đè nặng lên

Gilliatt. Anh luống cuống. Đi đâu anh đang cảm thấy thật khó tả; xúc cảm luôn luôn mới mẻ mà ngôn từ bao giờ cũng quá cũ xưa; vì vậy không thể nào diễn đạt nổi cảm xúc. Ngây ngất nặng trĩu lòng người là đi đâu vẫn có. Nhìn thấy Déruchette, nhìn thấy chính nàng, nhìn thấy tấm áo, cái mũ của nàng, nhìn thấy dải ruy-băng nàng quấn quanh ngón tay, ôi có thể nào ngờ đến một việc như vậy không? Ở ngay cạnh nàng, có thể nào thế không? Nghe cả tiếng nàng thở, thì ra nàng cũng thở! Thế ra tinh tú cũng thở. Gilliatt rùng mình. Anh là con người khốn khổ nhất, con người say sưa nhất. Anh không biết phải làm gì bây giờ. Nỗi cu ồng loạn được nhìn thấy nàng làm anh hoảng hốt. Sao? Chính nàng đang đứng kia sao, và chính anh lại đang ng ỡ đây sao? Ý nghĩ của anh, bị chói lòa và gấn chặt, dừng lại trên người kia như trên một viên hồng ngọc. Anh nhìn cái gáy kia, mái tóc kia. Anh không dám nghĩ rằng tất cả những thứ ấy giờ đây là của anh, rằng không bao lâu nữa, có lẽ ngày mai thôi, cái mũ kia, anh sẽ có quyền bỏ nó ra, dải ruy-băng kia, anh sẽ có quyền tháo gỡ nó ra. Mơ tưởng đến đây, không bao giờ anh dám nghĩ đến việc quá ư táo bạo ấy. Đụng chạm bằng tư tưởng cũng g ần như sờ mó bằng tay. Tình yêu đối với Gilliatt, cũng như mật ong đối với gấu, là niềm mơ ước ngọt ngào tuyệt diệu. Anh suy nghĩ miên man, không biết mình có những gì. Chim họa mi vẫn lú lo. Anh cảm thấy anh đang thở ra.

Đứng dậy, bước qua bức tường, đến gần bên, r ồi nói: chính tôi đây, nói với Déruchette, ý nghĩ ấy không đến với anh. Giá mà nó có đến thì anh cũng chạy trốn. Nếu có một cái gì tương tự như một tư tưởng chớm nở trong đầu óc anh thì chính là đi đâu sau đây, rằng Déruchette đang đứng kia, rằng không cần gì hơn nữa, rằng hạnh phúc đời đời bất diệt đang bắt đầu.

Bỗng một tiếng động làm cả hai người chợt tỉnh, nàng hết mơ màng,

anh hết đê mê.

Có một người nào đó đang bước trong vườn. Không trông thấy ai đi, vì cây cối. Chỉ biết là bước chân đàn ông.

Déruchette ngược mắt lên.

Tiếng chân đến gần, rồi im bật. Người đang đi vừa đứng lại.

Chắc phải gần lắm rồi. Con đường mòn, nơi đặt chiếc ghế dài, khuất giữa hai lùm cây. Chính đấy là chỗ người kia đang đứng, ở quãng giữa, cách ghế mấy bước.

Tình cờ đã sắp đặt cành lá để cho Déruchette nhìn thấy người kia, nhưng Gilliatt lại không thấy.

Vàng trắng hát lên mặt đất, ra khỏi lùm cây, đến tận chiếc ghế, một bóng đen.

Gilliatt trông thấy bóng đen.

Anh nhìn Déruchette.

Nàng tái mặt. Mồm nàng hé mở sắp thốt lên một tiếng kêu kinh ngạc. Nàng đã đứng dậy nửa chừng nhưng lại ngõ phịch xuống ghế; trong cử chỉ của nàng lẫn lộn cả muốn trốn cả sững sờ. Thái độ ngạc nhiên của nàng là một nỗi sung sướng đầy sợ hãi. Trên đôi môi nàng phảng phất niềm vui tươi của nụ cười và một ánh lệ trong mắt. Nàng như biến đổi vì một sự có mặt. Hình như con người mà nàng trông thấy kia không thuộc cõi trần. Hình ảnh một thiên thần đang long lanh trong mắt nàng.

Con người từ nay đến giờ đối với Gilliatt chỉ là một bóng đen chột cất tiếng. Một giọng nói từ lùm cây thoát ra dịu dàng hơn cả giọng phụ nữ, tuy

vậy vẫn là giọng đàn ông. Gilliatt nghe những lời sau:

- Thưa cô, chúa nhật nào, thứ năm nào, tôi cũng được trông thấy cô; người ta nói trước kia cô không năng đến như vậy. Xin cô thứ lỗi cho, đấy là nhận xét của thiên hạ. Tôi chưa hề nói chuyện với cô, đấy là bổn phận trước đây của tôi; còn hôm nay tôi nói chuyện với cô, đấy là bổn phận hiện nay của tôi. Trước hết tôi phải ngỏ lời với cô. Ngày mai tàu Cashmere nhổ neo, vì vậy mà tôi phải đến đây. Tối nào cô cũng dạo bước trong vườn. Nếu tôi không có cái tư tưởng hiện giờ tôi đang có, thì việc biết rõ thói quen của cô là một điếu không phải của tôi. Thưa cô, lúc này cô đang gặp bước khó khăn, từ sáng hôm nay, tôi là người giàu có. Cô có vui lòng cho tôi được làm ch ồng cô không?

Déruchette chấp hai tay lại như van xin và im lặng, mắt chăm chú, run rẩy từ đầu đến chân, nhìn con người đang nói với cô.

Giọng nói lại tiếp tục:

- Tôi yêu cô. Chúa Trời không tạo nên trái tim con người để bắt nó phải im lặng. Bởi chưng Chúa hứa hẹn cuộc sống muôn đời, tức là Chúa muốn cho con người được có lứa đôi. Trên cõi trần có một người đàn bà dành cho tôi, đấy là cô. Tôi nghĩ đến cô như nghĩ đến một bài kinh cầu nguyện. Đức tin của tôi hướng về Chúa, ước mơ của tôi hướng về cô. Đôi cánh của tôi, chính cô đang mang ch ắp trên mình. Cô là lẽ sống của tôi, và đã là thiên đường của tôi.

- Thưa ông - Déruchette nói - trong nhà không có ai để trả lời.

Giọng nói lại cất lên:

- Tôi đã xây đắp giấc mộng êm đềm sau đây. Chúa không cấm con

người mơ mộng. Đối với tôi cô là hình ảnh một vinh quang. Thưa cô tôi yêu cô tha thiết. Sự trong trắng thần thánh, chính là cô. Tôi biết giờ này là giờ yên ngủ, nhưng tôi không thể lựa chọn một thời cơ khác. Cô có nhớ đoạn Kinh Thánh người ta đọc cho chúng ta nghe không? Sáng thế ký, chương hai mươi bốn. Từ ngày ấy, tôi luôn luôn suy nghĩ đến đoạn Kinh Thánh. Tôi vẫn hay đọc lại nó. Cha tôn kính Hérode thường nói với tôi: “Anh phải lấy một người vợ giàu”. Tôi đã trả lời cha: “Không, tôi phải lấy một người vợ nghèo”. Thưa cô, tôi nói chuyện với cô mà chân không dám nhích đến gần, tôi còn xin lùi bước nếu cô không muốn bóng tôi động đến chân cô. Chính cô là người quyết định; cô sẽ đến với tôi nếu cô vui lòng. Tôi yêu và tôi chờ đợi. Cô là hình bóng sinh động của ân phước.

- Thưa ông - Déruchette - tôi không ngờ người ta vẫn để ý đến tôi ngày thứ năm và chúa nhật.

Giọng nói tiếp tục: - Con người bao giờ cũng bất lực trước việc làm của thần thánh. Tình yêu là trên hết. Hôn nhân là đất Chanaan^[130]. Cô là cái đẹp hứa hẹn. Ôi, xin cúi chào mừng cô, đầy ân phước.

Déruchette đáp:

- Tôi không ngờ đã làm nhiều điều không tốt, hơn những người đoan trang.

Giọng nói lại tiếp tục:

- Chúa đã biểu lộ ý định trong muôn hoa, trong ánh bình minh, trong cảnh xuân về, và Người muốn con người phải yêu nhau. Cô xinh đẹp giữa bóng tối thiêng liêng này của trời đêm. Mảnh vườn này chính tay cô vun xới, và trong hương thơm của nó phảng phất một chút gì của hơi thở cô. Thưa cô, những gặp gỡ của linh hồn đâu phải tự chúng mà nên. Đây không

phải do lỗi chúng ta. Cô chứng kiến, thế thôi; tôi đứng đây, chẳng có gì hơn. Tôi chỉ có mỗi một tội là cảm thấy lòng tôi yêu cô. Đôi khi, đôi mắt tôi đã ngược nhìn cô. Tôi có đi đâu không phải, nhưng biết làm thế nào? Chính vì nhìn cô mà sinh ra mọi chuyện. Con người không thể nào tự ngăn cản. Có những ý chí bí mật trên cả chúng ta. Đền thờ thiêng liêng nhất là trái tim. Có được linh hồn cô trong nhà, đấy là cảnh địa đàng mà tôi hằng khát khao mơ ước, cô có vui lòng như thế không? Chừng nào tôi còn nghèo khổ, tôi vẫn không dám ngỏ lời. Tôi biết tuổi xuân của cô. Cô hai mươi một, tôi hai mươi sáu. Ngày mai tôi ra đi; nếu cô từ chối, tôi sẽ không trở lại. Cô hứa hẹn với tôi đi, cô vui lòng chứ? Biết bao lần, bất chấp tôi, mắt tôi đã đặt câu hỏi ấy với đôi mắt cô. Tôi yêu cô, cô hãy trả lời tôi đi. Tôi sẽ xin thưa chuyện với chú cô ngay khi ông có thể cho tôi gặp, nhưng trước tiên tôi phải ngỏ lời với cô đã. Muốn cầu hôn với Rebeca thì phải nói với chính Rebeca. Trừ phi cô không yêu tôi.

Déruchette cúi vâng trán xuống, thỏ thẻ:

- Ôi! Ta yêu chàng!

Câu nói khê đến mức chỉ một mình Gilliatt nghe được.

Nàng ngẩng, cúi đầu, như thể gương mặt khuất trong bóng tối đang để cho tư tưởng chìm trong bóng tối.

Một giây lát tạm ngừng. Lá cành không xao động. Đấy là giây phút trang nghiêm, yên tĩnh mà giấc ngủ vạn vật thêm vào giấc ngủ con người, và đêm khuya như lắng nghe tiếng đập của trái tim thiên nhiên. Trong cảnh trầm tư ấy, như một hòa âm bổ sung cho một dấu lặng, nổi lên tiếng rì rào mênh mông của biển cả.

Giọng nói tiếp tục:

- Thừa cô.

Déruchette rùng mình.

Giọng nói lại tiếp:

- Thừa cô, tôi đang chờ đợi.

- Ông chờ đợi gì?

- Câu trả lời của cô.

- Chúa đã nghe rồi - Déruchette nói.

Thế là giọng nói vang lên gần như sang sảng, và đồng thời cũng dịu dàng hơn bao giờ hết. Những lời nói ấy từ lùm cây vang xa như từ một bụi cây rục rủa^[131].

- Em là vị hôn thê của anh. Em đứng lên đi, và đến với anh đi. Hãy để cho trời xanh thăm thẳm với ngàn vạn tinh sao chứng kiến cảnh hôn em đón nhận hôn anh, và hãy để cho cái hôn đầu tiên của đôi ta hòa vào bầu trời lồng lộng!

Déruchette đứng dậy và đứng yên một lúc, mắt đắm đắm về phía trước, chắc hẳn nhìn vào một cặp mắt khác. Rồi thong thả từng bước, đầu ngược thẳng, hai tay buông thõng, ngón tay xò ra như khi người ta bước trên một thanh gỗ lạt, nàng tiến về phía lùm cây và khuất vào đó.

Một lúc sau, không phải một bóng đen trên cát, mà hai bóng lẫn vào nhau, và Gilliatt thấy ở chân mình hai bóng đó ôm hôn nhau.

Thời gian trong ta trôi qua như từ một chiếc đồng hồ cát, và ta không có cảm giác về sự trôi chảy đó, nhất là trong một số phút giây trọng đại. Một bên là đôi uyên ương kia không ngờ đến và không nhìn thấy tên nhân

chúng kia, một bên là nhân chứng kia không trông thấy đôi uyên ương, nhưng biết là có họ; họ đã đứng lặng như thế, trong cảnh ngưng đọng huyền bí ấy bao nhiêu phút? Thật khó có thể nói được. Thành linh, một tiếng vang xa nổi lên, một tiếng hét: “Cứu tôi với!” Và tiếng chuông trên cảng rền vang. Tiếng ồn ào ấy, rất có thể là hạnh phúc, say sưa và thần tiên, không nghe thấy.

Chuông tiếp tục rền vang. Giá có ai tìm kiếm Gilliatt trong góc tường, họ không gặp anh ở đấy nữa.

QUYỂN HAI

LÒNG BIẾT ƠN VÔ CÙNG ĐỘC ĐOÁN

I

NIỀM VUI XEN LẤN LO ÂU

Mess Lethierry đang điên cuồng kéo chuông. Đột nhiên ông dừng lại. Một người vừa đi ngoặt theo bên cảng.

Mess Lethierry chạy ngay đến với người ấy, hay nói đúng hơn nhảy bổ đến, nắm lấy bàn tay, và im lặng nhìn hồi lâu vào đôi mắt: một trong những giây phút im lặng trước khi bùng nổ, không biết thoát ra bằng cách nào.

Rồi sôi nổi, vừa lắc vừa lồi, vừa ôm chặt lấy người, ông dẫn Gilliatt vào căn phòng thấp ngói nhà Bravées lấy gót ả cánh cửa đang mở hé, ngẩng xuống hay đúng hơn đổ xuống, trên một chiếc ghế cạnh cái bàn to được soi sáng bởi vầng trăng mà ánh phản chiếu làm cho khuôn mặt Gilliatt hơi trắng lên, và bằng một giọng nói có cả tiếng cười lẫn tiếng ghen nào thốt thức, ông hét lên:

- Ôi! Con tôi! Anh chàng thối kèn da! Gilliatt! Bố biết chắc là con mà! Trời ơi! Chiếc thuyền bâu! Con kể cho bố nghe đi. Thế ra con đã đến đây! Nếu là một trăm năm về trước thì người ta đã thiêu sống con rồi. Đúng là yêu thuật. Không thiếu một chiếc đinh ốc. Bố đã nhìn tất cả, đã nhận xét tất cả, sờ mó tất cả. Bố đoán là bánh xe nằm trong hai cái hòm. Cuối cùng thế là con đã về! Bố vừa đi tìm con trong buồng lái. Bố đã kéo chuông. Bố tìm kiếm con. Bố đã tự nhủ: Nó đâu rồi, ta phải ăn sống nó! Phải công nhận là đã xảy ra nhiều chuyện phi thường. Con vật ấy từ bãi Douvres về

Nó đem cuộc sống trả lại cho ta. Trời đất ơi! Con là một thiên thần. Đúng, đúng, đúng, chính là cỗ máy của bố. Sẽ không ai tin vào chuyện ấy, rồi mà xem, người ta sẽ nói: Không đúng. Thế mà tất cả đều ở đây! Tất cả đều nằm ở đây! Không thiếu một ống xoắn nào cả. Không thiếu một apitagio nào cả. Ống hút nước không hề suy yếu. Thật không thể tin nổi là không có gì hư hỏng cả. Chỉ phải tra một ít dầu thôi. Nhưng con đã làm thế nào? Ai ngờ rồi đây tàu Durande sẽ lại chạy! Trục bánh xe được tháo gỡ như do thợ kim hoàn. Con lấy danh dự mà nói rằng bố không điên đi.

Ông thẳng người lên, hít thở khoan khoái và hỏi tiếp.

- Con thề đi. Cả một cuộc cách mạng! Bố tự cấu vào người, bố cảm thấy rõ ràng là bố không nằm mê. Con là con của bố! Con đã tìm cho bố cỗ máy khốn khổ này! Giữa biển khơi? Trong cái bầy ngặm ấy! Trong đời bố, bố đã thấy biết bao chuyện rất buồn cười. Bố chưa hề thấy việc nào như vậy. Bố đã từng thấy người Paris là ma vương. Bố cần gì việc họ làm thế. Còn tệ hơn cả ngục Bastille. Bố đã thấy những anh chàng chần súc vật ở Nam Mỹ cày trên các đồng cỏ Pampa, cày của họ là một cành cây có khuỷu, và bừa của họ là một bó gai kéo bằng dây da. Thế mà họ thu hoạch được những hạt lúa mì to như hạt dẻ. Bên cạnh con thì đó là trò trẻ con. Con đã làm một kỳ công, một kỳ công thực sự. A! Thằng con đờ! Con hãy bá lấy cỗ bố. Tất cả quê hương xứ sở sẽ nhờ con mà hạnh phúc. Ở Saint-Sampson họ sẽ tha hồ mà cẩu rầu! Bố sẽ lo làm lại cái xuồng ngay lập tức. Thật là kì lạ, biên không sút mẻ một chút nào. Các ông ơi nó đã đi đến hòn Douvres. Tôi nói rõ là Hòn Douvres. Nó đã đi một mình. Hòn Douvres! Hòn núi tai ác nhất trên đời. Con biết không, người ta có nói với con không? Việc đã được xác nhận rồi, nó đã được cố tình sắp đặt, Clubin đã đánh chìm tàu Durande để cuỗm của bố số tiền mà hẳn phải đưa về cho bố.

Hắn đã làm cho Tangrouille say. Dài dòng lắm, hôm khác bố sẽ kể cho con nghe câu chuyện ăn cướp này. Bố là con vật tệ hại, bố đã quá tin tên Clubin. Tên khốn kiếp, hắn đã thất bại, vì hắn không thể nào thoát khỏi. Có Chúa chứ, quân đê tiện! Con thấy không, Gilliatt, ngay lập tức, cấp tốc, cấp tốc, cho sắt vào lửa, chúng ta sẽ làm lại tàu Durande. Chúng ta sẽ thêm cho nó độ hơn sáu mét. Bây giờ người ta đóng những con tàu dài hơn. Bố sẽ mua gỗ ở Dantzick và Brême. Giờ đây thấy bố có cổ máy, người ta sẽ cho bố vay vốn. Lòng tin sẽ trở lại.

Mess Lethierry ngừng nói, ngược mắt nhìn trời qua trần nhà và lầm bầm: “Đúng là có trời”.

Đoạn ông đặt ngón tay giữa của bàn tay phải vào giữa hai lông mày, ấn móng vào chỗ gốc mũi, dấu hiệu có một sự kiện thoáng qua trong đầu óc, và ông nói tiếp:

- Không sao, để bắt đầu lại tất cả trên một quy mô lớn, một ít tiền mặt cũng rất được việc cho ta. Ôi! Giá ta có được ba tờ bạc ngân hàng của ta chỗ bảy vạn năm nghìn frăng mà thằng con đờ Rantaine đã trả cho ta và thằng kẻ cướp Clubin lại đánh cắp mất của ta!

Gilliatt lẳng lẳng, tìm trong túi một vật gì đó và đặt trước mặt ông. Đây là sợi thắt lưng da mà anh đã đưa về. Anh mở ra và giăng lên bàn sợi thắt lưng; ánh trăng cho thấy phía sau có chữ Clubin; anh rút ở túi thắt lưng ra một cái hộp, lấy trong hộp ba mảnh giấy gập nhỏ, và mở chỗ giấy ra chìa cho Mess Lethierry.

Mess Lethierry nhìn kĩ ba mảnh giấy. Trời trăng khá sáng để con số 1000 và chữ Thousand^[132] hiện ra hết sức rõ rệt. Mess Lethierry cầm lấy ba tờ giấy bạc, đặt lên bàn, tờ nọ cạnh tờ kia, hết nhìn chúng, lại nhìn

Gilliatt, lặng người đi hồi lâu, rồi như một hỏa diệm sơn phụt lửa sau một tiếng nổ.

- Lại việc này nữa! Con thật kỳ diệu! Mấy tờ bạc của bố: Tất cả ba! Mỗi tờ một nghìn! Bảy vạn năm nghìn frăng của bố! Thế là con đã xuống tận địa ngục. Chính là sợi thắt lưng của Clubin. Trời ơi! Bên trong bố thấy rõ cái tên bản thủ của hắn. Gilliatt đưa cổ máy về lại thêm cả số tiền nữa! Đúng là một việc đáng đăng lên báo. Bố sẽ mua thứ gỗ thượng hạng. Bố đoán ra rồi, con đã tìm thấy bộ xương. Clubin đã thổi ruồng trong một xó xỉnh nào đấy. Chúng ta sẽ mua gỗ thông ở Dantzick, gỗ sồi ở Brême, chúng ta sẽ cập thuyền thật tốt, ta sẽ để gỗ sồi ở trong, gỗ thông ở ngoài. Ngày xưa, người ta đóng thuyền kém hơn thế mà chúng lại bền hơn; là vì gỗ được chọn lọc kĩ hơn, và người ta không đóng nhiều như bây giờ. Có lẽ chúng ta sẽ đóng vỏ tàu bằng gỗ du. Gỗ du rất tốt cho những phần chìm; cứ lúc khô lúc ướt thì nó dễ mục; gỗ du ưa lúc nào cũng phải ướt, nó sống bằng nước. Chúng ta sẽ thiết kế một chiếc tàu Durande đẹp cực kỳ! Người ta sẽ không thể bắt bí được ta. Ta không cần phải vay mượn nữa. Ta có khối tiền. Có ai thấy Gilliatt này bao giờ không? Tôi đang nằm ở đất, thẳng đờ, chết dờ. Anh ấy nâng tôi dậy trên bốn vó của tôi! Vậy mà trước đây tôi không hề nghĩ đến anh ta một chút nào! Điêu ấy tôi đã quên biến đi mất. Bây giờ tôi nhớ lại tất cả. Tội nghiệp con tôi! A! Trời ơi, con biết không, con là chằng Déruchette đấy!

Gilliatt tựa lưng vào tường, như người lão đảo, và rất khẽ nhưng rõ ràng, anh nói:

- Không.

Mess Lethierry giật nảy mình.

- Tôi không yêu cô ấy.

Mess Lethierry đi đến bên cửa sổ, mở ra, đóng lại, quay về cạnh bàn, cầm lấy ba tờ giấy bạc, gấp nhỏ lại, đặt cái hộp sắt lên trên, gỡ gỡ mái tóc, nắm lấy sợi thắt lưng của Clubin, vút mạnh nó vào tường, và nói:

- Có chuyện gì đây.

Ông thọc hai nắm tay vào hai túi và nói tiếp:

- Con không yêu Déruchette! Thế ra vì bố mà con thối kèn da?

Gilliatt vẫn tựa lưng vào tường, tái mặt như người sắp tắc thở. Anh tái chừng nào thì Mess Lethierry càng đỏ chừng ấy.

- Đúng là một thằng ngu! Nó không yêu Déruchette! Thế thì, lo thu xếp mà yêu nó đi, vì nó chỉ lấy mỗi mình con thôi. Con vừa kể bố nghe chuyện quỷ quái gì thế? Con tưởng là bố tin được lời con đấy! Có phải con ốm không? Được rồi, cho gọi thầy thuốc ngay, nhưng đừng có mà nói những chuyện vô lý đấy! Con đã làm gì có thì giờ để cãi nhau và giận đối với nó. Đúng là cái bọn si tình lúc nào cũng ngu ngốc thảm hại! Nào, con có lý do gì không? Nếu có, thì cứ nói ra. Không ai làm một con ngỗng mà chẳng có lý do gì đâu. Với lại bố cũng có nhét bông vào tai, có lẽ bố nghe nhầm, con thử nhắc lại đi đâu con nói xem.

Gilliatt đáp:

- Tôi đã nói là không.

- Con đã nói không. Nó vẫn khẳng khẳng, cái đờ ngu! Chắc chắn là con có chuyện gì đây! Con đã nói không! Quả là một sự đần độn vượt mọi giới hạn của trần gian. Khổ người bị mắng chửi vì những chuyện nhỏ nhặt hơn thế nhiều. Hừ! Con không yêu Déruchette! Thế ra vì yêu thương lão già mà

con đã làm tất cả những đi ều con đã làm! Ra chỉ để làm đẹp lòng bố mà con đã ra tận Hòn Douvres, mà con đã chịu rét, chịu nóng, mà còn phải nhịn đói, nhịn khát, mà con đã ăn sâu ăn bọ trong núi, mà con đã dãi gió d ầm sương, mà con đã thực hiện cái việc đem cỗ máy về cho bố, như người ta đưa về cho một người đàn bà đẹp con chim bạch yến đã số l ồng! Lại thêm cơn bão cách đây ba hôm! Con tưởng bố không biết đấy. Con đã chịu đựng biết bao khó khăn! Chính là vừa chúm chím cười duyên với mái đầu già của bố mà con đã cắt, đã chặt, đã quay, đã vặn, đã kéo, đã dũa, đã cưa, đã đẽo gọt, đã phát minh, đã nghiên nát, và đã một mình làm nhiều chuyện mà ầu nhiệm hơn tất cả các thần thánh trên thiên đường. Hừ! Đ ồ ngu! Thế mà con đã quấy r ầy bố khá nhiều với cái kèn da của con. Ở Bretagne người ta gọi loại kèn ấy là kèn biniou. Lúc nào cũng vẫn một điệu, đ ồ súc vật. Hừ! Con không yêu Déruchette! Bố không biết là con làm sao. Bây giờ bố nhớ rõ tất cả r ồi, lúc ấy bố đứng ở góc nhà, Déruchette đã nói: Con sẽ lấy người ấy làm ch ồng. Và nhất định nó sẽ lấy con! Hừ! Con không yêu nó! Sau khi suy nghĩ kỹ, bố chẳng hiểu ra sao cả. Hoặc là con điên, hoặc là bố điên. Kìa nó lại không nói một lời nào nữa. Con không được phép làm tất cả những đi ều con đã làm, r ồi cuối cùng lại nói: “Tôi không yêu Déruchette”. Không ai làm ơn cho người khác để làm cho họ nổi giận. Thế thì, nếu con không lấy nó, nó sẽ đi tu. Trước tiên, bố, bố cần đến con. Con sẽ là hoa tiêu của tàu Durande. Con tưởng bố sẽ để con ra đi như thế sao! Là lá la, không đâu, con yêu quý ạ, bố không thả con đi đâu. Bố nắm được con r ồi. Bố không chịu nghe con đâu. Tìm đâu ra được một thủy thủ như con kia chứ! Con là người lý tưởng của bố. Kìa con nói đi chứ!

Trong khi ấy tiếng chuông đã thức tỉnh người nhà và lân cận, Douce và Grâce đã dậy và vừa bước vào căn phòng tháp, vẻ sừng sốt không nói một

lời. Grâce c ần trong tay một ngọn nến. Một nhóm hàng xóm, tư sản, thủy thủ và nông dân, hốt hoảng ra khỏi nhà, đã đứng trên bến cảng, sững sờ, kinh ngạc ngắm nhìn cái ống khói tàu Durande trong chiếc thuyền bầu. Một vài người, nghe giọng nói của Mess Lethierry trong căn phòng thấp, bắt đầu lảng lạng len vào đây qua cánh cửa mở hé. Giữa hai khuôn mặt của các bà, thò vào cái đầu của Sieur Landoys, ông này luôn luôn tình cờ có mặt ở những nơi mà r ồi ra ông lại tiếc là không có mặt.

Những niềm vui lớn không đòi hỏi gì hơn là có được một đám đông. Chúng thích cái điếm tựa hơi tản mát mà qu ần chúng luôn luôn cố gắng; từ đó chúng lại ra đi. Mess Lethierry chợt nhận thấy có nhiều người ở xung quanh ông. Ông chấp nhận ngay tức khắc số thỉnh giả đó.

- A! Kia các ông các bà. Thật sung sướng quá. Các ông các bà đều biết tin. Anh chàng này đã đến đây và đã đưa nó về Xin chào Sieur Landoys. Ban nãy lúc tôi tỉnh dậy, tôi trông thấy cái ống khói. Ngay dưới cửa sổ nhà tôi. Không thiếu một cái đinh. Người ta thường khắc hình Napoléon, còn tôi, tôi lại thích nó hơn trận Austerlitz. Quý ông quý bà vừa ra khỏi giường. Tàu Durande đã về giữa lúc các ông các bà đang ngủ. Trong khi các ông các bà đội mũ bông lên đầu và tắt nến đi ngủ thì có những người anh hùng. Chúng ta là một lũ người ươn hèn, lười biếng, ng ồi hơ chân tay thấp khớp, cũng may không phải vì thế mà không có những người điên dại. Những người điên dại ấy đi đến chỗ phải đi và làm những việc phải làm. Anh chàng ở Bû de la Rue từ Hòn Douvres về Anh ta đã vớt tàu Durande từ đáy biển lên, anh ta đã vớt ti ền từ trong túi Clubin, một cái lỗ còn sâu hơn nữa. Nhưng con đã làm như thế nào? Tất cả yêu quý đều chống lại con, hết gió lại nước tri ều, hết nước tri ều lại gió. Đúng con là phù thủy. Những người nói như thế cũng không phải là ngu ngốc lắm đâu. Tàu

Durande đã trở về! Bão táp độc ác cũng chẳng làm gì nổi, độc ác đã chịu bó tay. Các bạn ơi, tôi xin báo trước với các bạn là không còn chuyện đắm tàu nữa. Tôi đã đến xem cỗ máy. Nó vẫn như mới, đầy đủ cả! Các ngăn hơi vẫn hoạt động êm ru. Cứ như một đồ vật mới sáng hôm qua. Các bạn đều biết là, để tận dụng nhiệt độ, người ta dùng hai cái ống lồng vào nhau, ống trong dẫn nước ra, ống ngoài dẫn nước vào; thế mà cả hai cái ống, vẫn y nguyên. Toàn bộ cỗ máy! Các bánh xe cũng thế! A! Con sẽ lấy nó!

- Ai? Cỗ máy ấy à? - Sieur Landoys hỏi.

- Không, con bé. Phải, cỗ máy. Cả hai. Anh ấy sẽ là con rể tôi, hai lần. Anh ấy sẽ là thuyền trưởng. Goodbye, thuyền trưởng Gilliatt. Nhất định sẽ có một chiếc tàu Durande mà! Với nó tôi sẽ làm ăn, sẽ vận chuyển, sẽ buôn bán, và chuyên chở bò cừu! Không đời nào tôi đổi Saint-Sampson lấy Luân Đôn đâu. Và đây là tác giả. Tôi xin nói với các bạn đây là một câu chuyện ly kỳ. Thứ bảy người ta sẽ được đọc nó trong tờ báo của cha Mauger. Gilliatt Khôn ngoan là một anh chàng khôn ngoan. Những đồng tiền vàng kia là thế nào?

Mess Lethierry vừa nhận thấy, qua kẽ nắp, có vàng trong cái hộp đặt trên mấy tờ giấy bạc. Ông cầm cái hộp lên, mở ra, dốc vào lòng bàn tay và đặt nắm tiền ghi-nê lên bàn.

- Cái này để cho người nghèo. Sieur Landoys, xin nhờ ông chuyển số tiền này cho ông thị trưởng Saint-Sampson. Các bạn biết bức thư của Rantaine chứ? Tôi đã cho các bạn xem rồi đấy. Thế là tôi đã có số giấy bạc. Đủ để mua gỗ sồi, gỗ thông và thuê thợ mộc. Các bạn nhìn xem. Các bạn còn nhớ thời tiết cách đây ba hôm chứ? Mưa gió tàn phá khủng khiếp như thế! Bầu trời lúc nào cũng như nã đại bác. Gilliatt đón nhận cái của

này trên Hòn Douvres. Thế mà vẫn không ngăn cản được anh ta tháo gỡ cái xác tàu như tôi tháo gỡ chiếc đờng hồ của tôi. Nhờ anh ta, tôi lại trở thành người có tiếng tăm. Thưa quý ông quý bà, chiếc tàu Durande của lão Lethierry sẽ lại chạy đờu. Một cái vỏ hạt dẻ với hai bánh xe và một ống điếu, tôi vẫn tàng tàng vì cái trò sáng chế ấy. Tôi luôn luôn tự nhủ: ta sẽ đóng một chiếc! Chuyện từ đã lâu; đấy là một ý nghĩ đến với tôi ở Paris, trong tiệm cà phê ở góc phố Christine và phố Dauphine, khi đọc một tờ báo nói đến việc ấy. Các bạn có biết là Gilliatt có thể ung dung nhét cỗ máy Marly vào túi và đi dạo chơi với nó không? Con người ấy là sắt nện, thép tôi, là kim cương, là một thủy thủ trọng nghĩa khinh tài, một người thợ rèn, một chàng trai xuất chúng, đáng kính ngạc hơn cả thái tử Hohenlohe. Tôi cho đấy là một con người tài trí. Tất cả chúng ta đờu là những kẻ không ra gì. Hải câu^[133] là các bạn, là tôi, là chúng ta; nhưng hải sư là đây. Hoan hô, Gilliatt! Tôi không biết anh ấy đã làm những gì, nhưng chắc chắn anh ấy đã là một con quý, và làm sao tôi lại không dành Déruchette cho anh ấy!

Từ nầy Déruchette đã đứng trong phòng. Nàng không nói một lời, không gây một tiếng động. Nàng bước vào như một cái bóng. Nàng ng ỡ g ần như không ai để ý, trên một chiếc ghế sau Mess Lethierry. Ông đang đứng nói thật to, thao thao, sôi nổi, vui vẻ và vung tay vung chân. Sau Déruchette một lúc, lại một bóng khác th ần lặng bước vào. Một người mặc áo đen, ca-vat trắng, mũ c ần tay, đứng lại trên ngưỡng cửa. Bây giờ trong nhóm người đông d ần đã có nhiều cây nến. Những ánh sáng ấy chiếu sáng một bên người mặc áo đen; nét mặt nhìn nghiêng của người ấy trắng, trẻ và đẹp hiện lên trên nền tối rõ ràng như một tấm huy chương; người ấy tỳ khuỷu tay lên góc một cánh cửa, và đờ v ằng trán trong bàn tay trái, một cử chỉ duyên dáng và chính người ấy cũng không ngờ, làm nổi bật v ằng trán vị

đại bên bàn tay nhỏ nhắn. Ở khóe môi mím chặt của người ấy có một nếp lo âu. Người ấy quan sát và lắng nghe một cách chăm chú sâu sắc. Nhận ra cha tôn kính Ebenezer, vị mục sư của giáo khu, những người có mặt đã tránh ra để ông đi vào, nhưng ông vẫn đứng trên ngưỡng cửa. Điều bộ ông do dự nhưng mắt ông cả quyết. Đôi mắt ấy thỉnh thoảng lại gặp đôi mắt Déruchette. Còn Gilliatt thì do vô tình hay hữu ý vẫn đứng trong bóng tối, và người ta chỉ nhìn thấy anh một cách lơ mờ.

Mess Lethierry thoát tiên không trông thấy Monsieur Ebenezer, nhưng ông trông thấy Déruchette. Ông đến bên nàng và hôn nàng với tất cả sôi nổi có thể có được trong một cái hôn trán. Đồng thời, đưa cánh tay về chỗ góc tối Gilliatt đứng, ông nói:

- Déruchette, thế là con lại giàu có rồi, và kia là chồng con.

Déruchette ngơ ngác ngẩng đầu lên, và nhìn vào chỗ bóng tối.

Mess Lethierry nói tiếp:

- Ta sẽ tổ chức lễ cưới ngay lập tức, nếu có thể thì ngày mai, ta sẽ được miễn trừ, và lại ở đây thủ tục cũng không đến nỗi khắt khe, vị niên trưởng được tùy ý quyết định, ngoảnh đi ngoảnh lại là đã thành vợ thành chồng, chứ không phải như ở Paris, phải công bố, thông báo, thời hạn, cả một lô những chuyện lung củng, và con có thể tự hào được làm vợ một con người dũng cảm, và chẳng phải nói, một thủy thủ ra thủy thủ, đi đâu ấy bố đã nghĩ đến ngay từ đầu lúc thấy anh ta từ Herm trở về với khẩu đại bác nhỏ. Bây giờ anh ấy từ Hòn Douvres về, với tài sản của con, với tài sản của bố, và tài sản của quê hương; đây là con người mà một ngày kia người ta sẽ không thể không nói đến; con đã nói: “Tôi sẽ lấy anh ta”. Vậy thì con sẽ lấy anh ấy; và các con sẽ có con, bố sẽ là ông, và con sẽ được may mắn

làm vợ một chàng trai đứng đắn, lao động giỏi, có ích cho xã hội, và đi đâu kỳ diệu, xứng đáng bằng trăm người khác, cứu được sáng chế của người khác, là một vị cứu tinh và ít ra là con, con sẽ không như hầu hết các cô nàng cay nghiệt giàu có của xứ này, lấy phải một anh lính hay một mục sư, nghĩa là một tên giết người hay một kẻ nói dối. Nhưng con làm gì trong cái xó ấy thế, Gilliatt? Người ta không nhìn thấy con. Douce, Grâce! Tất cả, hãy thấp đèn lên. Hãy giúp tao làm cho chàng rể của tao sáng rực lên xem nào. Bố đính hôn cho các con đấy các con ạ, đây là chồng con, đây là rể bố, là Gilliatt ở Bû de la Rue, chàng trai quý hóa, người thủy thủ vĩ đại; bố sẽ không có chàng rể nào khác, con sẽ không có người chồng nào khác, bố lấy lời nói danh dự mà hứa như thế với Chúa lòng lành. À! Ông đấy à, ông mục sư, ông sẽ làm lễ cưới cho đôi trẻ kia hộ tôi.

Mắt Mess Lethierry vừa đặt lên cha tôn kính Enebezer.

Douce và Grâce đã vâng lời. Hai cây nến đặt trên bàn soi sáng Gilliatt từ đầu đến chân.

- Đẹp quá đi mất! - Lethierry hét lên.

Gilliatt nom thật gớm chết.

Anh vẫn đứng như lúc rời khỏi Hòn Douvres sáng nay, rách rưới, tay áo thùng, râu ria tua tủa, tóc tai bồm xồm, hai mắt ngầu đỏ, mặt mũi xây xước, nắm tay rớm máu, hai chân đi đất. Một số mụn thuồng luồng vẫn còn rõ trên hai cánh tay lông lá.

Lethierry ngấm nghĩa anh.

- Đúng là chàng rể thực sự của tôi. Anh ta đã gian nan chiến đấu với biển cả! Quần áo tả tơi! Đôi vai kìa! Tay chân kìa! Con tôi đẹp quá!

Grâce bỗng chạy đến bên Déruchette và đỡ lấy đầu cô. Déruchette vừa bất tỉnh nhân sự.

II CHIẾC HÒM DA

Ngay từ sáng tinh mơ Saint-Sampson đã dậy và Saint-Pierre-Port bắt đầu kéo đến. Việc tàu Durande sống lại gây nên một tiếng vang trong đảo có thể so sánh với việc tàu Salette ở phía nam nước Pháp. Trên bến cảng dân chúng tập trung rất đông để nhìn cái ống khói nhô ra ngoài chiếc thuyền bèo. Người nào cũng muốn được nhìn và sờ một tí vào cỗ máy; nhưng giữa ban ngày, Lethierry, sau khi đặc thăng kiểm tra lại cỗ máy lần nữa, đã cất hai thủy thủ đứng trong thuyền bèo với nhiệm vụ không cho ai đến gần. Hơn nữa, cái ống khói cũng đủ cho mọi người chiêm ngưỡng. Dân chúng mặc sức trầm trồ. Người ta chỉ bàn tán về Gilliatt. Người ta bình luận và nhấn mạnh vào cái biệt hiệu Khôn ngoan của anh; sự thán phục sẵn sàng kết thúc bằng câu: “cái việc trên đảo có những người làm được những đi đầu như vậy không phải lúc nào cũng hay cả đâu!”

Từ ngoài, người ta trông thấy Mess Lethierry ngồi ở bàn, trước cửa sổ và đang viết, một mắt nhìn vào giấy, một mắt nhìn cỗ máy. Ông tập trung đến mức chỉ dừng lại có mỗi một lần để “kêu” Douce và để hỏi về Déruchette. Douce đã trả lời: “Cô đã dậy và đã đi ra ngoài trời”. Mess Lethierry nói: “Cô ra ngoài trời thế là tốt. Đêm qua trời nóng nên cô hơi khó ở. Có nhiều người trong phòng quá. Rời lại chuyện bất ngờ, niềm vui, mà các cửa sổ lại đóng. Cô sẽ có một người chènghiền ngang!”. Nói xong, ông lại viết. Ông đã ký và niêm phong hai lá thư gửi cho những người chủ

công trường danh tiếng nhất ở Brême. Ông đang đóng dấu si lên bức thư thứ ba.

Tiếng bánh xe lăn trên bến khiến ông ngẩng đầu lên. Ông nhô người ra ngoài cửa sổ và thấy ở chỗ con đường mòn đi Bû de la Rue có một thằng bé đẩy một chiếc xe cút kít. Thằng bé đi về phía Saint-Pierre-Port. Trong xe có một chiếc hòm da vàng đóng hoa đinh đờng và đinh thiếc.

Mess Lethierry gọi giật thằng bé:

- Cháu đi đâu thế?

Thằng bé đứng lại và đáp:

- Ra chỗ tàu Cashmere.

- Làm gì thế?

- Đưa cái hòm này.

- Thế thì cháu đưa cả ba phong thư này nữa.

Mess Lethierry mở ngăn kéo bàn, lấy một đoạn dây, buộc chữ thập tất cả ba phong thư vừa viết, rồi vút xuống cho thằng bé, nó đưa tay ra bắt.

- Cháu nói với thuyền trưởng tàu Cashmere là thư của ông nhé, và nhờ thuyền trưởng cẩn thận hộ. Thư gửi đi Đức đấy. Đi Brême qua Luân Đôn.

- Cháu không nói với thuyền trưởng đâu, Mess Lethierry ạ.

- Tại sao?

- Tàu Cashmere không nằm trong bến!

- A!

- Nó đang nằm ngoài cửa biển.

- Đúng rồi. Vì nước triều.
- Cháu chỉ có thể nói với chủ tàu thôi.
- Cháu đưa mấy phong thư của ông, cho chủ tàu.
- Vâng ạ, Mess Lethierry.
- Mấy giờ tàu Cashmere đi?
- Mười hai giờ.
- Giữa trưa, hôm nay, triều lên. Thế thì ngược triều.
- Nhưng thuận gió.
- Cháu này - Mess Lethierry nói, tay trở vào cái ống khói cỗ máy - cháu nhìn thấy cái kia không? Nó bất chấp cả gió cả nước triều đấy.

Thằng bé bỏ mấy phong thư vào túi, nắm lấy càng xe, và đi tiếp về phía thành phố. Mess Lethierry gọi “Douce! Grâce!”

Grâce hé cửa ra.

- Thưa ông, có việc gì ạ?
- Vào đây, chờ đấy.

Mess Lethierry lấy một tờ giấy và cầm cúi viết. Đứng sau lưng ông, nếu Grâce tò mò vươn đầu tới trong khi ông viết, thì cô có thể đọc qua vai ông như sau: “Tôi viết thư cho Brême về việc gỗ. Tôi bận gặp thợ mộc suốt ngày để định giá. Việc đóng lại tàu để tiến hành rất nhanh, về phía anh, anh hãy đến chỗ cha xứ để xin miễn trừ. Tôi muốn lễ cưới được cử hành thật sớm, tốt nhất là ngay tức khắc. Tôi lo về tàu Durande, anh lo về Déruchette”.

Ông đ ềngà y và ký tên: LETHIERRY.

Ông không th ềm ni ềm phong tờ gi ấ y, chỉ g ấ p nó lại làm tư r ấ đ ư a cho Gr ấ ce.

- Đ ư a cái này cho Gilliatt.

- Ở B ư de la Rue?

- Ở B ư de la Rue.

QUYỂN BA

TÀU CASHMERE KHỞI HÀNH

I

HAVELET NĂM NGAY CẠNH NHÀ THỜ

Saint-Sampson không thể nào đông người mà Saint-Pierre-Port lại không vắng người. Một đi ầu kỳ lạ trên một đi ểm nào đó là một cái bơm hút. Ở các tỉnh nhỏ tin tức thường lan truyền rất nhanh, đi xem cái ống khói tàu Durande dưới cửa sổ nhà Mess Lethierry là việc quan trọng của Guernesey từ lúc mặt trời mọc. Mọi sự kiện khác đều bị xóa nhòa trước sự kiện này. Át mất cái chết của vị niên trưởng ở Saint-Asanh; không ai nói đến chuyện cha tôn kính Ebenezer Caudray nữa, cũng như chuyện giàu có của ông, cũng như chuyện ông đáp tàu Cashmere. Cỗ máy tàu Durande đưa từ Hòn Douvres về đây mới là câu chuyện thời sự. Người ta không tin có chuyện như thế. Vụ đắm tàu đã có vẻ ly kỳ rồi, nhưng việc trục vớt lại như vô lý. Ai cũng muốn tận mắt trông thấy mới tin. Mọi công việc bận rộn khác đều xếp lại. Các nhà tư sản lũ lượt thành hàng dài, từ anh vésin đến hàng mess, đàn ông, đàn bà, thượng lưu, mẹ b ồng con, con ẵm búp bê, từ mọi ngã đường kéo nhau về hướng “cái vật cần trông thấy” ở Bravées và ngoảnh lưng lại Saint-Pierre-Port. Nhi ều cửa hiệu ở Saint-Pierre-Port đều đóng cửa; ở Commercial-Arcade thì đình trệ tuyệt đối buôn bán và giao dịch; tất cả chú ý đều dành cho tàu Durande; không một nhà buôn nào “mở hàng”; trừ một nhà kim hoàn, ông này rất ngạc nhiên đã bán được một chiếc nhẫn cưới bằng vàng “cho một người có vẻ rất vội và hỏi thăm ông nhà riêng của vị cha xứ”. Những cửa hiệu còn mở cửa đều là những nơi

chuyện trò, bàn tán ồn ã về việc trục vớt kỳ diệu. Không một ai dạo chơi trên Hyvreuse mà ngày nay không rõ tại sao người ta lại gọi là Cambridge-Park; không một bóng người trên High-Street lúc ấy gọi là Grand-Rue; cũng như trên Smith-Street hồi ấy gọi là phố Lò Rèn; không một bóng người ở Hauteville, đến Esplanade cũng vắng tanh. Cứ y như một ngày chủ nhật. Một ông hoàng duyệt binh ở Ancresse cũng không làm cho thành phố đến nỗi vắng vẻ như vậy. Tất cả quang cảnh tíu tít ấy vì một người không đáng gì như anh chàng Gilliatt kia khiến cho những người nghiêm trang đứng đắn phải nhún vai.

Nhà thờ Saint-Pierre-Port, có ba đầu hồi chụm lại với hành lang và mũi tên, đứng trên bờ nước ở cuối hải cảng, gần như ngay trên cầu tàu. Nó vẫy mừng người đến và từ biệt kẻ ra đi. Ngôi nhà thờ này là con chữ hoa của dòng chữ dài do mặt trước thành phố viết trên đại dương.

Nó vừa là giáo khu của khu Saint-Pierre-Port vừa là nhà ở của cha xứ cai quản toàn bộ hòn đảo. Mục sư kiêm giáo khu trưởng là vị đại diện của giám mục, giáo sĩ có toàn quyền.

Cảng Saint-Pierre-Port, ngày nay rất đẹp và rất rộng, thời kỳ ấy và cách đây mười năm vẫn không to bằng cảng Saint-Sampson. Đây là hai bức thành to, không lồi, cong cong, chạy dài hai bên bờ phải và trái, và gần như chụm vào nhau ở phía cuối, nơi có một ngọn đèn biển trắng. Dưới ngọn đèn biển ấy, một cái ngõ hẹp, hãy còn hai khoanh xích sắt dùng để đóng ngõ thời kỳ trung cổ, cho thuyền bè qua lại. Ta cứ hình dung một cái còng tôm hùm hé mở, là thấy cảng Saint-Pierre-Port. Cái kìm này lấy của vực sâu một ít biển và bắt nó phải nằm yên. Nhưng gặp lúc gió đông thì có sóng ở cửa biển, cảng róc rách đầu đầu, và khôn ngoan không nên vào thì hơn. Đó là việc tàu Cashmere hôm ấy đã làm. Nó đậu ở ngoài cửa biển.

Mỗi khi có gió đông, thuyền bè đều sẵn sàng đậu ở ngoài, vì như thế lại tiết kiệm được cảng phí. Gặp trường hợp ấy, cánh lái đò được phép của thành phố, tầng lớp thủy thủ hiên lành mà hải cảng mới đã bãi bỏ, đến đón khách hoặc ở cầu tàu hoặc ở các điểm tập trung trên bãi cát, và chở cả người lẫn hành lý ra cho các tàu thuyền sắp khởi hành, nhiều khi gặp lúc biển rất động và không bao giờ để xảy ra tai nạn. Gió đông là thứ gió thổi một bên rất tốt để vượt biển sang Anh; tàu chỉ chòng chành ngang chứ không chúi ngửa chi đâu dục.

Khi tàu sắp khởi hành nằm trong cảng, mọi người đều lên tàu tại bến; khi nó nằm ngoài cửa biển thì có thể tùy ý lên tàu tại một trong những điểm trên bờ biển gần chỗ tàu đậu. Ở tất cả các vũng, người ta đều gặp những lái đò “theo ý muốn”.

Havelet là một trong những cái vũng như thế. Cảng nhỏ này nằm ngay cạnh thành phố, nhưng nó vắng đến nỗi tưởng như xa lắm. Nó vắng vẻ vì đèn phòng thủ George nhìn xuống cái tiêu loan kín đáo ấy có những vách biển cao và sâu hoắm. Người ta đến Havelet bằng nhiều đường mòn. Lối gần nhất men theo bờ biển; nó có cái lợi là đi đến thành phố và đến nhà thờ chỉ mất năm phút, nhưng bất lợi vì bị ngập nước mỗi ngày hai lần. Các lối mòn khác; hoặc nhiều hoặc ít dốc đứng, đều ăn sâu vào các chỗ lồi lõm của vách núi. Ngay giữa ban ngày, Havelet cũng chập chờn nằm trong bóng tối. Những khối đá đua thông xuống khắp nơi. Gai góc và bụi rậm tua tủa dày đặc, tạo thành một cảnh trời đêm dịu mát giữa chốn núi non và sóng nước hỗn độn này, không đâu thanh bình hơn cái vũng nhỏ này khi trời lặng gió, mà cũng không đâu ấm ì hơn lúc biển nổi ba đào. Tại đây có những ngọn cây thường xuyên ướt bọt. Mùa xuân chỗ nào cũng đầy tổ chim, hương thơm, hoa đẹp, chỗ nào cũng thấy chim, thấy bướm, thấy

ong. Nhờ những công trình mới đây mà những cảnh hoang dại ấy ngày nay không còn nữa; nhiều đường nét thẳng đẹp đã thay thế chúng; có những nhà gạch, bến cảng, vườn hoa; công việc đào phá đã tàn phá thâm mỹ, chỉ trích tính cách kỳ quặc của núi và vẻ bất nhã của đất đá.

II ĐAU LÒNG LẠI GẶP ĐAU LÒNG

Lúc ấy chưa đến mười giờ sáng; trước một khắc, như người ta nói ở Guernesey.

Dòng người rõ ràng là cứ kéo về Saint-Sampson. Dân chúng, nóng lòng sốt ruột vì tò mò, đổ cả về phía bắc đảo, nên Havelet ở phía nam càng vắng vẻ hơn bao giờ hết.

Tuy vậy cũng thấy có một chiếc tàu và một lái đò. Trên tàu có một túi hành lý. Người lái đò có vẻ như chờ đợi.

Ngoài cửa biển người ta trông thấy tàu Cashmere vẫn bỏ neo; vì đến giữa trưa mới đi nên nó chưa rục rịch sửa soạn gì cả.

Từ một đường mòn bậc thang nào đó của vách biển, nếu một khách qua đường lắng tai thì nghe có tiếng thì thầm trong Havelet, và nếu khách lại nhô mình qua những mỏm đá chênh vênh, thì nhìn thấy, cách chiếc tàu một chút, trong một hốc núi và cành cây, nơi mặt anh lái đò không sao xuyên thấu, hai người, một nam một nữ, Ebenezer và Déruchette.

Những nơi hẻo lánh tối tăm của bờ biển, thường quyến rũ các cô gái đi tắm, không phải lúc nào cũng vắng vẻ như người ta tưởng. Tại đây đôi khi người ta lại bị quan sát và nghe trộm. Những người lẩn tránh và ẩn nấp ở

đây có thể dễ dàng bị theo dõi qua những lớp cây cối dày đặc, và nhờ có nhiều đường mòn chằng chịt. Đá núi và cỏ cây, che khuất chuyện riêng tư thì cũng có thể che giấu một nhân chứng.

Déruchette và Ebenezer đang đứng trước mặt nhau, mắt nhìn mắt, tay cầm tay. Déruchette nói, Ebenezer im lặng. Một giọt lệ ứ đọng và dừng lại giữa hai hàng mi, ngấp ngừng không rơi xuống.

Nỗi đau buồn và tình yêu tha thiết hiện rõ trên vầng trán tôn nghiêm của Ebenezer. Thêm vào đấy là một vẻ nhẫn nhục xót xa, nhẫn nhục thù nghịch với đức tin, mặc dầu do đức tin mà có. Trên gương mặt ấy, từ trước đến nay chỉ đơn thuần trong sáng tựa thiên thần, đang bắt đầu có một biểu hiện bất hạnh. Con người từ trước chỉ biết suy tư về giáo lý, bắt đầu suy tư về số mệnh, loại suy tư có hại cho cha đạo. Ở đây đức tin bị phân hóa. Thật không gì rối lòng hơn khi phải gặp mình trước vô định. Con người phải chịu cho sự kiện hành hạ mình. Đời là một cái đích để vươn tới mãi mãi; chúng ta phải tuân theo nó. Không bao giờ chúng ta biết được may rủi đột ngột từ phía nào đến. Tai ương và hạnh phúc đi vào rồi lại đi ra, như những nhân vật bất ngờ. Chúng có qui luật, có qui đạo, có lối chuyển động của chúng, bên ngoài con người. Đạo đức không mang lại hạnh phúc, tội ác không dẫn đến tai họa; lương tâm có một logic thì số mệnh cũng có một logic khác, không bao giờ trùng hợp. Chẳng có gì có thể dự kiến trước. Chúng ta sống hỗn độn và liên tiếp. Lương tâm là đường thẳng, cuộc đời là gió xoáy. Con gió xoáy ấy bất ngờ vút lên đầu con người những thứ hỗn mang đen tối và những khoảng trời xanh, số mệnh đâu có nghệ thuật chuyển tiếp. Đôi khi bánh xe quay nhanh đến nỗi con người rất khó nhận thấy quãng cách từ giai đoạn này sang giai đoạn nọ và mối liên quan giữa hôm qua và hôm nay. Ebenezer là một tín đồ có suy luận và một cha đạo

phức tạp vì tha thiết yêu đương. Những tôn giáo chủ trương thuyết độc thân biết rõ việc mình làm. Không gì làm sa đọa cha đạo bằng yêu một người đàn bà. Đủ thứ mây mù làm cho Ebenezer trở nên âm thầm.

Ông lặng ngắm Déruchette rất lâu.

Hai con người ấy tôn thờ nhau.

Trong ánh mắt Ebenezer có sự sùng bái th âm lặng của thất vọng.

Déruchette nói:

- Cha đừng đi. Con không đủ sức chịu đựng đâu. Cha thấy đấy, con cứ tưởng có thể từ biệt cha, nhưng con không thể. Con người không bao giờ buộc phải có thể cả. Tại sao hôm qua cha lại đến? Nếu cha muốn đi thì không nên đến. Con không bao giờ nói chuyện với cha. Con vẫn yêu cha, nhưng con lại không biết là con yêu. Có đi ầu, ngày đầu tiên, lúc cha Hérode đọc câu chuyện Rebecca và đôi mắt cha gặp đôi mắt con, con cảm thấy má con nóng bừng, và con nghĩ: Ôi! Chắc là Rebecca phải đỏ mặt lắm! Giá hôm kia có ai nói: “Cô yêu ông mục sư” thì con đã cười. Đó là đi ầu khủng khiếp trong mối tình ấy. Nó như một sự phản bội. Con đã không đề phòng đến việc đó. Con vẫn đi nhà thờ, con vẫn trông thấy cha, con vẫn nghĩ rằng mọi người đầu như con. Con không trách cha, cha không hề làm gì để con yêu cha, cha không hề bận tâm, cha nhìn con, đâu phải lỗi của cha nếu cha nhìn mọi người, và đi ầu ấy đã khiến con yêu cha. Con không ngờ đến chuyện ấy. Khi cha cầm sách lên, đấy là ánh sáng, khi người khác cầm sách, thì chỉ là một cuốn sách. Đôi khi cha ngược mắt nhìn con. Cha thường nói đến các thượng đẳng thiên thần, chính cha là thượng đẳng thiên thần. Cha nói đi ầu gì là con nghĩ ngay đến đi ầu đó. Trước kia con không biết con có tin vào Chúa không. Nhưng từ khi có cha, con đã trở

thành một phụ nữ ham say cầu nguyệt. Con vẫn bảo Douce: “Mặc áo nhanh cho em kéo nhỡ mất lễ”. Và con chạy đến nhà thờ. Thế đấy, yêu là như thế đấy. Trước con không biết đến đi đâu ấy. Con tự nhủ: ta đâm ra sùng đạo quá! Chính cha đã dạy cho con biết rằng con đi nhà thờ không phải vì Chúa lòng lành. Con đến nhà thờ vì cha, thật thế. Cha đẹp trai, cha nói hay, lúc cha đưa hai tay lên trời, con thấy hình như cha nâng trái tim con trong hai bàn tay trắng muốt của cha. Con điên mà con không biết. Cha có muốn con nói rõ tội lỗi của cha không, đó là đã vào vườn tối hôm qua, là đã nói chuyện với con. Nếu cha không nói gì với con, con đã chẳng hay biết tí gì. Cha đã ra đi và con có lẽ là buồn, nhưng giờ đây con sẽ chết. Giờ đây con biết rằng con yêu cha, thì không thể nào cha lại ra đi nữa. Cha đang nghĩ ngợi gì thế? Cha không có vẻ gì là lắng nghe con nói.

Ebenezer đáp:

- Cô đã nghe những gì nói hôm qua rồi.

- Hỡi ôi!

- Thế thì cha làm gì được?

Hai người im lặng một lúc. Ebenezer nói tiếp:

- Cha chỉ còn mỗi một việc để làm. Là ra đi.

- Và con, là chết. Ôi! Con ước gì đừng có biển cả, và chỉ còn trời xanh thôi. Con thấy hình như thế là sẽ ổn tất cả, việc ra đi của chúng ta cũng sẽ vẫn thế. Cha, cha không nên nói yêu con. Tại sao cha lại nói với con? Thế thì cha đừng đi. Con sẽ ra sao đây? Con nói với cha là con sẽ chết. Cha sẽ còn tiến bộ nhiều khi con nằm ngoài nghĩa địa. Ôi! Tan nát lòng con. Con thật là bất hạnh. Tuy nhiên chú con đâu phải là người độc ác.

Đây là lần đầu tiên Déruchette gọi Mess Lethierry bằng chú. Từ trước đến nay nàng luôn luôn gọi là bố tôi.

Ebenezer lùi lại một bước và ra hiệu cho người lái đò. Có tiếng móc lạo xạo trên đá cuội và tiếng chân người trên mạn thuyền.

- Không, không! Déruchette hét lên.

Ebenezer đến gần bên nàng.

- Cần phải thế, Déruchette ạ!

- Không, không bao giờ! Chỉ vì một cỗ máy! Lẽ nào lại như thế? Cha có thấy con người khủng khiếp tối hôm qua không? Cha không thể nào bỏ rơi con. Cha có tài trí, cha sẽ tìm ra phương kế. Lẽ nào cha bảo con sáng nay đến gặp cha, với ý nghĩ rằng cha sẽ ra đi. Con có làm gì cha đâu. Cha không phải than phiền vì con. Cha muốn ra đi bằng chiếc thuyền kia ư? Con không đừng ý đâu. Cha sẽ không bỏ con. Không ai mở rộng cõi trời để rồi đóng lại. Con nói với cha rằng cha sẽ ở lại. Vả lại cũng chưa đến giờ kia mà. Ôi! Em yêu anh!

Và đứng sát vào Ebenezer, nàng đan mười ngón tay lại phía sau cổ ông, như bằng hai cánh tay ôm chặt làm thành một sợi dây trói Ebenezer, và với hai bàn tay chắp lại tạo nên một cử chỉ cầu xin Chúa.

Ông gỡ vòng tay yếu ớt ấy ra, vòng tay cố hết sức cứng lại. Déruchette ngã phịch xuống một móm đá phủ trường xuân; bằng một cử chỉ vô ý thức nàng vén ống tay áo lên đến khuỷu, để lộ ra cánh tay trần nõn nà, với một ánh sáng đằm đũi và xanh nhợt trong đôi mắt đăm đăm. Chiếc thuyền đang đến gần.

Ebenezer đưa hai bàn tay ra ôm lấy đầu Déruchette; người trinh nữ này

có vẻ như một góa phụ và chàng trai kia có vẻ như một bậc cha chú. Ông vuốt ve mái tóc nàng một cách trân trọng; ông dán mắt nhìn nàng hồi lâu, rồi đặt lên trán nàng một trong những cái hôn mà dưới đó hình như phải nở ra một vì sao sáng, rồi bằng một giọng nói run rẩy lo âu tột bậc và trong đó người ta cảm thấy có sự giằng xé của tâm hồn, ông nói với nàng lời nói sau đây, lời nói của vực thẳm: “Vĩnh biệt!”

Déruchette òa lên nước mắt.

Đúng lúc ấy cả hai người bỗng nghe một giọng nói thông thả, uy nghiêm:

- Tại sao các người lại không lấy nhau?

Ebenezer ngoảnh lại. Déruchette ngược mắt nhìn lên.

Gilliatt đứng ngay trước mặt họ.

Anh vừa đến theo một lối mòn tắt ngang.

Gilliatt không còn là anh đàn ông tối hôm qua nữa. Anh đã chải tóc, cạo râu, đi giày, mặc sơmi trắng của dân đi biển cỡ bẻ to, anh vận những quần áo thủy thủ mới nhất. Ở ngón tay út của anh có thấy một chiếc nhẫn vòng. Anh có vẻ hết sức bình tĩnh. Nước da rám nắng của anh tái mét.

Gương mặt đó là một tượng đờng đờng đau khổ.

Hai người sững sờ nhìn anh. Mặc dầu khó nhận, Déruchette cũng nhìn ra anh. Còn những lời anh vừa nói thì quá xa xôi với những gì họ đang nghĩ lúc ấy nên chúng đã trôi khỏi trí óc họ.

Gilliatt lại nói:

- Việc gì mà phải vĩnh biệt nhau? Các người cứ lấy nhau rồi sẽ cùng đi

với nhau.

Déruchette rùng mình. Nàng run rẩy từ đầu đến chân.

Gilliatt nói tiếp:

- Cô Déruchette đã hai mươi một tuổi. Cô ấy chỉ phụ thuộc ở mình. Chú cô ấy chỉ là chú. Các người yêu nhau...

Déruchette dịu dàng cắt ngang:

- Tại sao anh lại đến đây?

- Các người cứ lấy nhau đi - Gilliatt tiếp tục.

Déruchette bắt đầu nhận thức được điếu người kia nói. Nàng lấp bắp:

- Ông chú đáng thương của tôi...

- Ông ấy sẽ từ chối nếu đám cưới chưa thành - Gilliatt nói - nhưng ông ấy sẽ đồng ý khi đám cưới đã xong, và lại các người sẽ ra đi kia mà. Khi nào các người trở về, ông ấy sẽ tha thứ.

Gilliatt nói thêm với một sắc thái chua chát:

- Với lại, ông ấy bây giờ chỉ nghĩ đến việc đóng lại chiếc tàu của ông ấy thôi. Việc ấy sẽ làm ông ấy bận rộn trong khi cô vắng mặt. Ông ấy có tàu Durande để an ủi rỗi.

- Tôi không muốn - Déruchette ấp úng - trong giây phút sống sờ sờ mà người ta cảm thấy có cả niềm vui, lại để lại sau lưng những buồn phiền.

- Buồn phiền sẽ không kéo dài đâu - Gilliatt nói.

Ebenezer và Déruchette như người bị choáng váng. Giờ đây họ đang trấn tĩnh. Trong nỗi hoang mang bất dằn, họ hiểu ra ý nghĩa lời nói của

Gilliatt. Trong ấy vẫn còn một đám mây, nhưng việc của họ đâu phải là cưỡng lại. Người ta thường để mặc cho người cứu vớt hành động. Những lời phản đối lúc đặt chân vào địa đàng đều yếu ớt. Trong thái độ của Déruchette, dựa vào Ebenezer mà không cảm thấy, có một cái gì đồng tình với lời nói của Gilliatt. Còn đi đâu bí ẩn về sự có mặt của người kia, về những lời nói đã gây nhiều nỗi ngạc nhiên của anh ta nhất là trong đầu óc Déruchette, đây là những vấn đề phụ. Con người kia nói với họ: “Các người cứ lấy nhau đi”. Điều ấy thật rõ ràng. Nếu có trách nhiệm thì anh ta chịu. Déruchette mơ hồ cảm thấy rằng, vì những lý do nào đó, anh ta có quyền trong vấn đề này. Điều anh ta nói về Mess Lethierry là đúng. Ebenezer trầm ngâm khẽ nói: “Chú không phải là cha”.

Ông ta đang đứng trước sự lung lạc của một tình huống may mắn và đột ngột. Những ngàn ngại có lẽ có của vị cha đạo đang tan chảy và tiêu tan trong trái tim yêu đương đáng thương kia.

Giọng nói Gilliatt trở thành ngắn gọn, cứng cỏi và trong đó người ta cảm thấy như những mạch đập của cơn sốt.

- Ngay lập tức. Hai tiếng nữa tàu Cashmere sẽ khởi hành. Các người có thì giờ đấy, nhưng chỉ vừa đủ thôi. Đến cả đây.

Ebenezer chăm chú ngắm nhìn Gilliatt.

Bỗng thình lình ông nói to:

- Tôi nhận ra anh rồi. Chính anh đã cứu sống tôi.

Gilliatt đáp:

- Tôi không tin.

- Ở đằng kia kia, chỗ Gild-Holm-'Ur.

- Tôi không biết địa điểm ấy.
- Đúng hôm tôi mới đến đây.
- Ta không nên mất thì giờ - Gilliatt nói.
- Và tôi cũng không nh ảm, anh là người tối hôm qua.
- Có lẽ.
- Anh tên là gì nhỉ?

Gilliatt cất cao giọng:

- Lái đò, chờ chúng tôi nhé. Chúng tôi sẽ quay lại. Thưa cô, cô hỏi tại sao tôi lại có mặt ở đây, rất đơn giản thôi, tôi đi sau cô. Cô hai mươi một tuổi. Ở đất này, khi người ta trưởng thành và tùy thuộc ở bản thân thì việc lấy nhau chỉ mất mười lăm phút. Chúng ta hay đi theo con đường mòn men bờ biển. Nó cũng dễ đi, mãi trưa nước triều mới lên. Nhưng ngay lập tức. Các người đi theo tôi.

Déruchette và Ebenezer như hỏi ý kiến nhau bằng mắt. Họ đứng cạnh nhau, không nhúc nhích; họ đang như người say. Có những giây phút ngập ngừng kỳ lạ bên bờ của vực thăm hạnh phúc. Họ hiểu mà không hiểu.

- Anh ấy tên là Gilliatt - Déruchette nói khẽ với Ebenezer.

Gilliatt nói tiếp với vẻ b ề trên:

- Các người còn chờ gì nữa, tôi bảo các người đi theo tôi.
- Đi đâu? Ebenezer hỏi.
- Đến đằng kia.

Và Gilliatt chỉ lên tháp chuông nhà thờ.

Hai người lúu rúu theo sau anh.

Gilliatt dẫn đầu. Bước chân anh quả quyết. Còn hai người thì lảo đảo.

Họ càng tiến về phía tháp chuông, ta càng thấy trên gương mặt đẹp đẽ và trong sáng của Ebenezer và Déruchette chớm nở một vẻ gì đó mà chẳng mấy lúc sẽ trở thành nụ cười. Càng đến gần nhà thờ họ càng rạng rỡ. Còn trong đôi mắt sâu của Gilliatt là cả một trời đêm.

Tưởng như một bóng ma đang dẫn dắt hai linh hồn lên cõi lạc.

Ebenezer và Déruchette không rõ việc gì sẽ đến. Việc can thiệp của con người kia là cành cây cho kẻ chết đuối bám lấy. Họ đi theo Gilliatt như tuyệt vọng ngoan ngoãn đi theo bất cứ người nào. Kẻ sắp chết không bao giờ khó tính trong việc chấp nhận sự cố. Déruchette, đại dột hơn, tin tưởng hơn. Ebenezer ngẫm nghĩ. Déruchette đã trưởng thành. Thủ tục giá thú ở nước Anh rất đơn giản, nhất là ở những xứ tự trị, nơi mục sư giáo khu có quyền tùy nghi hành động; nhưng liệu cha xứ có đồng ý tổ chức lễ cưới mà không cần hỏi xem ông chú có tán thành hay không? Ở đây có một vấn đề. Tuy nhiên cũng cứ thử xem. Trường hợp nào cũng chỉ là chuyện tạm hoãn.

Nhưng con người kia là ai? Và nếu chính anh ta là người tối hôm qua Mess Lethierry đã tuyên bố là rể ông ta thì giải thích thế nào việc anh ta làm đây? Đúng là trở ngại, anh ta lại biến thành cứu tinh. Ebenezer không còn hiểu ra sao nữa, nhưng trước sự việc đang diễn biến ông tán thành một cách mặc nhiên và nhanh chóng như người tự cảm thấy mình được cứu thoát.

Con đường mòn gồ ghề, đôi chỗ ướt và khó đi. Ebenezer, mãi mê suy nghĩ, không để ý đến những vũng nước và những hòn đá cuội. Chốc chốc Gilliatt phải ngoảnh lại và nói với Ebenezer: “Cẩn thận với mấy hòn đá

này, ông đưa tay cho cô ấy”.

III SỰ LO XA CỦA LÒNG QUÊN MÌNH

Lúc ba người vào nhà thờ thì đồng hồ vừa điểm mười giờ rưỡi.

Vì thời điểm và cũng vì cảnh vắng vẻ của thành phố ngày hôm ấy, nhà thờ vắng tanh.

Tuy nhiên, ở trong cùng, cạnh cái bàn thay cho bàn thờ trong các nhà thờ cải cách, cũng có ba người; đây là vị cha xứ và người truyền giảng Phúc âm của ông; thêm viên thủ bộ. Vị cha xứ là cha Jaquemin Hérode đang ng ồi, còn người truyền giảng và thủ bộ thì đứng.

Cuốn sổ để mở, để trên bàn.

Bên cạnh, trên bàn đồ lễ, một cuốn sổ khác, sổ giáo khu, cũng mở rộng; một con mắt chăm chú có thể nhận thấy trên sổ một trang vừa mới viết, mực vẫn chưa khô. Một cây bút và một nghiên mực để cạnh cuốn sổ.

Thấy cha Ebenezer vào, cha Jaquemin Hérode đứng dậy nói:

- Tôi đang chờ cha. Tất cả đều sẵn sàng.

Đúng thế, vị cha xứ mặc áo lễ.

Ebenezer nhìn Gilliatt.

Cha xứ nói thêm:

- Thừa cha đồng nghiệp, tôi xin làm theo ý cha.

Và ông cúi chào.

Cái chào không chệch sang phải, cũng không chệch sang trái. Theo hướng nhìn của cha xứ, rõ ràng ông xem như chỉ có một mình Ebenezer. Ebenezer vừa là giáo sĩ vừa thuộc giới thượng lưu. Trong cái chào của mình, cha xứ không nhập thêm Déruchette đứng bên cạnh, cũng như Gilliatt đứng phía sau. Về nhìn của cha bao hàm một ngoặc đơn trong đó chỉ đề vắn vắn một mình Ebenezer. Việc duy trì những đi đầu tỉ mỉ ấy thuộc về an ninh trật tự và củng cố xã hội.

Cha xứ nói tiếp với một vẻ dịu dàng cao đạo hết sức duyên dáng:

- Thừa cha đồng nghiệp, tôi xin phép được hai lần khen ngợi cha. Việc ông chú từ trần và việc cha lấy vợ, thế là cha được giàu sang nhờ bên này, và hạnh phúc nhờ bên kia. Và lại, bây giờ, nhờ chiếc tàu hơi nước mà người ta sắp đóng lại, cô Lethierry cũng giàu có, đó là đi đầu tôi tán thành. Cô Lethierry sinh tại giáo khu này, tôi đã kiểm tra ngày sinh của cô ấy trong sổ. Cô Lethierry đã trưởng thành, và được quyên tự chủ. Và lại ông chú cô ấy, là người duy nhất trong gia đình, cũng đồng ý. Cha muốn cưới ngay vì việc cha ra đi, tôi hiểu thế, nhưng do cuộc hôn nhân này là của một vị mục sư giáo khu, nên tôi muốn nó phải long trọng đôi chút. Tôi sẽ làm nhanh gọn để được vừa lòng cha. Cốt yếu có thể bao gồm trong sơ lược. Giấy giá thú đã làm xong trên cuốn sổ này, chỉ còn việc đi điền thêm tên. Theo đúng các đi đầu khoản của luật pháp và tập quán, lễ cưới có thể tổ chức ngay sau lúc đăng ký. Lời khai cần thiết để được miễn trừ cũng đã hợp lệ. Tôi xin nhận trách nhiệm về một đi đầu nhỏ không hợp qui tắc, vì đơn xin miễn trừ lẽ ra phải được đăng ký trước bảy ngày, nhưng tôi phải thừa nhận việc ra đi của cha là cần thiết và khẩn cấp. Được! Tôi sẽ tổ chức hôn lễ cho cha. Vị trụ trì giảng của tôi sẽ là nhân chứng bên chông; còn nhân chứng bên vợ...

Cha xứ ngoảnh lại phía Gilliatt.

Gilliatt gật đầu.

- Như vậy là đủ - cha xứ nói.

Ebenezer đứng im. Déruchette ngây ngất, sững sờ như tượng đá.

Cha xứ tiếp tục:

- Tuy vậy bây giờ vẫn còn một trở ngại.

Déruchette giật mình.

Cha xứ nói tiếp:

- Người được Mess Lethierry phái đến, hiện có mặt tại đây, đã xin miễn trừ cho cha và đã ký vào lời khai trên sổ, - bằng ngón tay cái trái, cha xứ chỉ vào Gilliatt, như vậy là cha khỏi phải nói tên - người được Mess Lethierry phái đến sáng nay đã nói với tôi rằng, vì quá bận không thể đích thân đến được, Mess Lethierry mong rằng lễ cưới được tiến hành ngay tức khắc. Ước muốn ấy, phát biểu bằng miệng, không đủ. Bởi lẽ những việc miễn trừ phải chuẩn y và việc sai qui tắc phải nhận lãnh, tôi không thể vượt quá nhanh chóng đến mức không hỏi ý kiến Mess Lethierry, trừ phi tôi được nhìn thấy chữ ký của ông ấy. Dù có thiện ý, tôi cũng không thể thỏa mãn với một lời nói miệng. Tôi cần phải có giấy trắng mực đen.

- Việc ấy không hại gì - Gilliatt nói.

Và anh chia cho cha xứ tôn kính một tờ giấy. Cha xứ cần ngay lấy tờ giấy, đưa mắt lướt qua, hình như bỏ mấy dòng, hẳn là vô ích, và đọc to:

- "... anh hãy đến chỗ cha xứ để xin miễn trừ. Tôi muốn lễ cưới được cử hành thật sớm. Tốt nhất là ngay tức khắc."

Ông đặt tờ giấy ngay lên bàn, và nói tiếp:

- Lethierry đã ký. Kính trọng hơn thì lẽ ra phải gửi cho tôi. Nhưng vì là đồng nghiệp, tôi cũng chẳng đòi hỏi gì hơn.

Ebenezer lại nhìn Gilliatt. Thường vẫn có những sự đồng tình của tâm hồn. Ebenezer cảm thấy ở đây có một sự gian dối, nhưng ông không đủ sức mạnh, có lẽ ông cũng không có cả ý nghĩ, để tố giác nó. Hoặc do tuân theo một cử chỉ anh hùng kín đáo mà ông thoáng hiểu ra, hoặc do lương tâm bị bàng hoàng trước tiếng sét của hạnh phúc, ông đành đứng im không nói một lời.

Cha xứ cầm bút lên, và được người thủ bộ giúp đỡ, đi vào những chỗ trống trên trang giấy viết sẵn của cuốn sổ, đoạn cha đứng thẳng người, ra hiệu mời Ebenezer và Déruchette đến cạnh bàn.

Nghi lễ bắt đầu.

Một giây phút kỳ lạ.

Ebenezer và Déruchette đứng cạnh nhau trước mặt mục sư. Ai đã nằm mơ thấy mình lấy vợ hoặc lấy chồng đều cảm thấy đi đầu mà hai người cảm thấy lúc ấy.

Gilliatt đứng cách đây một tí, trong bóng tối hàng cột.

Sáng nay, Déruchette ngủ dậy thất vọng, nghĩ đến chiếc quan tài và tấm khăn liệm, nên đã mặc đồ trắng. Ý nghĩ tang tóc đó hóa ra hợp với lễ cưới. Chiếc áo dài trắng tức khắc tạo nên một vị hôn thê. Cái chết cũng trở thành một lễ đính hôn.

Một vẻ rạng rỡ từ Déruchette tỏa ra. Chưa bao giờ nàng lại như lúc ấy. Déruchette có cái khuyết điểm là có lẽ quá xinh mà lại không đẹp lắm. Sắc

đẹp của cô phạm cái tội thừa duyên dáng, nếu như thế là tội, Déruchette lúc ng ỡ không, nghĩa là ngoài lúc đắm say và đau khổ - chi tiết này chúng ta đã nói đến - rất dễ thương. Giai đoạn thay đổi hình dáng của cô gái yêu ki ầu, đó là người trinh nữ lý tưởng. Déruchette trưởng thành nhờ tình yêu và đau khổ đã có sự tiến bộ ấy, xin cho phép chúng tôi được dùng chữ ấy. Cô vẫn ngây thơ như thế nhưng có đường bệ hơn, vẫn mơn mớn như thế nhưng có ngát hương hơn. Phảng phất như một bông cúc trắng biến thành một đóa hoa bách hợp.

Má nàng vẫn ướt tuy nước mắt đã cạn. Một giọt lệ có lẽ còn đọng trên góc nụ cười. Những hạt lệ khô thấp thoáng, là một điểm âm thầm và dịu dàng tôn thêm vẻ đẹp của hạnh phúc.

Cha xứ đứng cạnh bàn, đặt một ngón tay lên quyển Thánh Kinh để mở và hỏi to:

- Có ai phản đối gì không?

Không ai trả lời cả.

- Amen - cha xứ nói.

Ebenezer và Déruchette li ền bước một bước đến phía cha tôn kính Jaquemin Hérode.

Cha xứ nói:

- Joë Ebenezer Caudray, con có muốn lấy người đàn bà này làm vợ không?

Ebenezer đáp:

- Thưa, con có.

Cha xứ lại nói:

- Durande Déruchette Lethierry, con có muốn lấy người đàn ông này làm chồng không?

Trong giây phút hấp hối của tâm hồn, Déruchette sung sướng quá như ngọn đèn quá đượm dầu, lí nhí hơn là tỏ bày ý kiến:

- Thưa, con có.

Thế là, theo nghi thức đẹp đẽ của lễ cưới giáo phái Anh quốc, cha xứ nhìn quanh, và trong bóng tối nhà thờ, đặt câu hỏi trang nghiêm sau đây:

- Ai trao người đàn bà này cho người đàn ông này?

- Tôi - Gilliatt nói.

Im lặng hồi lâu. Ebenezer và Déruchette cảm thấy có một sự ước hiệp mơ hồ qua niềm ngây ngất của họ.

Cha xứ đặt bàn tay phải Déruchette vào lòng bàn tay phải của Ebenezer. Ebenezer liền nói với Déruchette:

- Déruchette, dù em có tốt hơn hay tồi tệ hơn, dù em có giàu sang hơn hay nghèo khổ hơn, dù em có ốm đau hay khỏe mạnh, anh cũng nhận em làm vợ, để yêu quý em cho đến trọn đời, và anh xin hứa với em.

Cha xứ lại đặt bàn tay phải Ebenezer vào lòng bàn tay phải của Déruchette. Déruchette liền nói với Ebenezer:

- Ebenezer, dù anh có tốt hơn hay tồi tệ hơn, dù anh có giàu sang hơn hay nghèo khổ hơn, dù anh có ốm đau hay khỏe mạnh, em cũng lấy anh làm chồng, để yêu quý anh, vâng lời anh cho đến trọn đời, và em xin hứa với anh.

Cha xứ lại nói:

- Nhẫn đâu?

Đi đâu này thật không ngờ. Ebenezer, bị bất ngờ, không có nhẫn.

Gilliatt tháo ngay chiếc nhẫn ở ngón tay út ra và đưa cho cha xứ. Chắc đây là chiếc nhẫn “cưới” mua sáng nay ở hiệu kim hoàn Commercial-Arcade.

Cha xứ liền đặt chiếc nhẫn lên quyển sách, rồi trao cho Ebenezer.

Ebenezer cầm lấy bàn tay trái nhỏ nhắn, run bần bật, của Déruchette, lồng chiếc nhẫn vào ngón tay thứ tư và nói:

- Anh kết hôn với em qua chiếc nhẫn này.

Nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần - cha xứ nói.

- Amen - viên truyền giảng nói.

Cha xứ cất cao giọng:

- Hai con nên vợ nên chồng.

- Amen - viên truyền giảng nói.

Cha xứ lại nói:

- Chúng ta hãy cầu nguyện.

Ebenezer và Déruchette ngoảnh lại phía bàn và quỳ xuống.

Gilliatt, vẫn đứng nguyên, cúi đầu xuống.

Hai người quỳ gối trước Chúa, còn anh gập mình trước số phận.

IV

“DÀNH CHO VỢ CON, KHI NÀO CON CƯỚI VỢ”

Ra khỏi nhà thờ, họ thấy tàu Cashmere bắt đầu sửa soạn nhổ neo.

- Thế là vừa khéo - Gilliatt nói.

Cả ba lại đi theo con đường mòn quay về Havelet.

Hai người đi trước, Gilliatt bây giờ đi sau.

Đây là hai kẻ mộng du. Dường như họ chỉ thay đổi hình thái hôn mê. Họ không rõ là đang ở đâu, cũng không rõ là đang làm gì; họ vội vã một cách vô ý thức, không còn nhớ đến sự tồn tại của bất cứ một thứ gì, họ cảm thấy họ là của nhau, họ không thể liên kết nổi hai ý nghĩ. Trong say sưa người ta không nghĩ ngợi, cũng như người ta không bơi khi trôi giữa dòng thác lũ. Từ giữa u minh, họ đã thành linh rơi xuống một dòng Niagara^[134] lạc thú. Có thể nói là họ đang lạc vào cảnh thiên thai. Họ không nói gì với nhau, vì tâm hồn họ đã nói với nhau quá nhiều. Déruchette ôm chặt lấy cánh tay Ebenezer.

Tiếng chân Gilliatt bước phía sau khiến họ thỉnh thoảng lại nghĩ đến việc có mặt của anh. Họ vô cùng xúc động, nhưng không nói một lời; quá nhiều xúc động thường dẫn đến sững sờ. Trạng thái sững sờ của họ thật êm dịu, nhưng nặng trĩu. Họ đã thành vợ thành chồng. Họ có ý để lại một ngày khác, rồi sẽ gặp lại nhau, đi đâu Gilliatt làm thật là tốt đẹp, có thể thôi. Trong thâm tâm hai trái tim ấy cảm ơn anh một cách nồng nhiệt và mơ hồ. Déruchette thậm nghĩ có một việc mà rồi đây nàng phải thu xếp. Trong khi chờ đợi, họ cứ chấp nhận đã. Họ tự cảm thấy cứ phó mặc người kia, một con người quả quyết, thành linh đã dùng quyền lực đắp xây hạnh phúc cho

họ. Đặt câu hỏi với anh, nói chuyện với anh lúc này là đi đâu không thể được. Quá nhiều cảm giác dồn dập đến với họ cùng một lúc. Tình trạng chìm đắm của họ có thể tha thứ được.

Sự việc đôi khi giống như một trận mưa đá. Chúng rơi tủa bụi lên người. Làm cho hai tai điếc đặc. Tính chất đột ngột của các việc bất ngờ xảy đến trong các cuộc sống quen yên tĩnh khiến các biến cố dễ trở thành khó hiểu cho những ai phải chịu đựng hoặc hưởng thụ chúng. Người ta không biết rõ chính vận hạn của mình. Bị dày xéo mà không đoán biết; được ban thưởng mà không hiểu nổi. Đặc biệt là Déruchette, từ mấy giờ nay, đã đón chịu đủ mọi xao xuyên; thoát tiên là bàng hoàng, Ebenezer xuất hiện trong vườn; rồi đến ảo mộng, con quái vật lại được làm chĩnh nàng; sau đó đau khổ, thiên thần giang cánh và sẵn sàng bay đi; giờ đây là niềm vui, một niềm vui chưa từng thấy, với một nội dung thật khó hiểu; quái vật đem thiên thần đến cho chính nàng, cho Déruchette; đám cưới từ cảnh hấp hối mà thành; anh chàng Gilliatt kia, hôm qua còn là tai họa, hôm nay trở thành cứu tinh. Nàng không còn hiểu gì hết. Rõ ràng là từ sáng sớm, Gilliatt không có việc gì ngoài việc tác thành cho họ nên vợ nên chồng; anh đã làm tất cả; anh đã thay mặt Mess Lethierry đến gặp cha xứ, xin được miễn trừ, ký vào tờ khai cần thiết; đấy, nhờ vậy mà lễ cưới có thể cử hành. Nhưng Déruchette không hiểu nổi; vả lại dù có hiểu phần nào thì nàng cũng không hiểu tại sao.

Nhắm mắt lại, thẫn lạng biết ơn, quên hết trần gian và thế sự, để mặc cho con thiện-tinh kia đưa lên trời, chỉ còn mỗi việc ấy để làm thôi. Giảng giải thì quá dài, mà cảm ơn thì quá ít. Nàng đành im lặng trong trạng thái mù mẫn êm đềm của hạnh phúc.

Họ vẫn còn một đôi chút ý nghĩ, đủ để xử sự. Dưới nước có những chỗ

bọt biển còn trắng. Họ vừa đủ sáng suốt để phân biệt biển cả với đất liền, và tàu Cashmere với các tàu khác.

Sau mấy phút, cả mấy người đến Havelet.

Ebenezer xuống tàu trước. Đúng lúc Déruchette sắp bước theo, nàng bỗng cảm thấy có người giữ tay áo nàng lại. Gilliatt vừa đặt một ngón tay lên nếp áo của nàng.

- Thưa bà^[135] - anh nói - bà không ngờ tới việc ra đi này. Tôi đã nghĩ có lẽ bà cần đến áo dài và tư trang. Trên tàu Cashmere bà sẽ thấy một cái hòm đựng các thứ cần thiết của phụ nữ. Hòm ấy là của mẹ tôi để lại. Dành cho người vợ tương lai của tôi. Bà cho phép tôi được tặng lại bà.

Déruchette dường như tỉnh khỏi giấc mơ. Nàng ngoảnh về phía Gilliatt. Anh nói tiếp, giọng nhỏ nhẹ, phải lắng tai lắm mới nghe rõ!

- Bây giờ, không phải là cố ý làm chậm trễ bà, nhưng thưa bà, bà thấy đấy, tôi cho rằng cần phải giải thích để bà rõ. Cái ngày xảy ra tai họa này, bà ngồi trong căn phòng thấp, bà có nói một câu. Bà không nhớ, chuyện ấy cũng đơn giản thôi. Con người đâu có bốn phận phải nhớ tất cả những lời mình nói. Lúc ấy Mess Lethierry rất buồn phiền. Chắc chắn đây là một chiếc tàu tốt, được việc. Tai họa biển cả đã xảy đến; cả xứ nhốn nháo. Đây là những sự việc mà tất nhiên người ta đã lãng quên. Đâu phải chỉ có chiếc tàu ấy đâm vào núi. Người ta không thể luôn luôn nghĩ đến một tai nạn. Có điều tôi muốn nói với bà là trong khi mọi người đều nói sẽ không có ai đi, thì tôi đã đến đấy. Họ bảo không thể làm được; việc ấy không phải không thể làm nổi. Tôi cảm ơn bà, đã lắng nghe tôi nói một lúc. Thưa bà, bà hiểu cho, sợ dĩ tôi đi ra đây, không phải là để xúc phạm đến bà. Về lại sự việc xảy ra từ rất lâu. Tôi biết bà đang vội. Nếu có thì giờ, nếu nói ra thì người

ta sẽ nhớ lại, nhưng cũng chẳng ích gì. Việc ấy đã xảy ra vào một ngày tuyết rơi. Hôm ấy, tôi đi qua, tôi nghĩ rằng bà đã mỉm cười. Đấy, phải giải thích sự việc như thế mới đúng. Còn hôm qua, tôi chưa có thì giờ về qua nhà, tôi vừa rời bỏ công việc, rách rưới xác xơ, tôi đã làm bà sợ hãi, bà đã ngất đi, tôi có khuyết điểm, không ai lại đến nhà người khác như vậy, xin bà đừng ác cảm với tôi. Đấy, hầu hết những điều tôi muốn nói với bà là như thế. Bà sắp ra đi. Bà sẽ gặp trời đẹp. Gió đông. Xin vĩnh biệt bà. Bà thấy việc tôi nói với bà vài lời như vậy là phải chứ? Đây là giây phút cuối cùng.

- Tôi đang nghĩ đến cái hòm - Déruchette đáp - Nhưng tại sao anh không để dành nó cho vợ anh, khi anh lấy vợ.

- Thưa bà - Gilliatt nói - có thể là tôi không lấy vợ.

- Thật đáng tiếc, vì anh là người tốt. Cảm ơn anh nhé.

Déruchette mỉm cười. Gilliatt cười đáp lại.

Đoạn anh giúp Déruchette bước xuống xuồng.

Không đầy mười lăm phút sau, chiếc thuyền chở Ebenezer và Déruchette áp sát mạn tàu Cashmere ở ngoài cửa biển.

V NĂM MỒ VĨ ĐẠI

Gilliatt men theo mép nước, nhanh chóng đi qua Saint-Pierre-Port rồi lại đi về hướng Saint-Sampson, dọc theo bờ biển, tránh gặp mọi người, bỏ các con đường vì anh mà đông nghịt.

Như ta đã biết, từ lâu anh vẫn có tài ngang dọc khắp xứ mà không để ai gặp. Anh biết nhiều lối mòn, anh tự tìm ra những đường đi vắng vẻ, quanh co, anh có thói quen yếm thế của con người tự cảm thấy mình không được mọi người yêu quý; anh luôn luôn xa cách. Ngay từ ngày còn bé, thấy trên mặt mọi người ít có vẻ niềm nở với mình, anh đã quen cái lối sống cách biệt, từ đấy trở thành bản năng của anh.

Anh đi qua Esplanade, rồi qua Salerie. Chốc chốc, anh lại ngoảnh lại, nhìn tàu Cashmere vừa kéo buồm lên, phía sau, chỗ cửa biển. Gió thổi hiu hiu. Gilliatt đi nhanh hơn tàu Cashmere. Anh lần bước trên những tảng đá ngoài cùng của mép nước, đầu cúi gằm. Nước triều bắt đầu lên.

Có lúc anh dừng chân, và ngoảnh lưng ra biển, ngắm nhìn ít phút một cụm sỏi bên kia những quả núi che khuất con đường đi Valle. Đấy là những cây sỏi chỗ Dãy Nhà Thấp. Tại đây, trước kia, dưới rặng cây ấy, ngón tay Déruchette đã viết tên anh, Gilliatt, lên tuyết. Từ lâu lớp tuyết ấy đã tan.

Anh lại bước tiếp.

Trời hôm nay đẹp hơn tất cả những ngày vừa qua trong năm. Sáng hôm nay thấm đượm một vẻ gì đó của ngày cưới. Đấy là một trong những ngày xuân nắng ấm nhất của tháng năm; tạo hóa dường như không có mục đích nào khác ngoài việc tung bừng và đắp xây hạnh phúc. Trong mọi tiếng lao xao, của rừng sâu cũng như của thôn xóm, của sóng cả cũng như của không trung, đều có một âm sắc ngọt ngào âu yếm. Những cánh bướm đầu tiên đậu lên những bông hồng đầu tiên.

Trong thiên nhiên tất cả cây đầu mới mẻ, từ ngọn cỏ, làn rêu, đến lá cành, hương thơm, tia nắng. Hình như mặt trời cũng mới chiếu sáng lần đầu. Sỏi

đá đều được rửa sạch. Bài ca sâu sắc của cỏ cây được các cánh chim mới nở hôm qua hát lên. Rất có thể chiếc vỏ trứng bị cái mỏ nhỏ của chúng mổ vỡ vẫn còn nằm trong tổ. Tiếng cánh tập vỗ lao xao trong lá cành xao động. Chúng đang hát tiếng hát đầu tiên của chúng, chúng đang bay chuyển bay thứ nhất của chúng. Đây là liếng lú lo dụi dàng cùng một lúc của tất cả, dẻ quạt, bạc má, gõ mõ, hồng tước, sơn thước thầy tu và thiếu nữ. Hoa đình hương, linh lan, hoa thùý dương, hoa hoàng đều tạo thành một lớp thảm sắc sỡ tuyệt diệu trong các bụi rậm. Một loại bèo nước rất đẹp của Guernesey phủ lên mặt ao một tấm khăn xanh màu ngọc bích. Những cô chìa vôi và những chú vịt táo, có những cái tổ rất xinh, đang vùng vẫy tắm ở đây. Qua tất cả các khe kẽ của hoa lá, đều thấy thấp thoáng màu thiên thanh. Một vài đám mây lẳng lơ đuối bắt nhau trên bầu trời múa lượn như nữ thần sông núi. Người ta cảm thấy như có những chiếc hôn lướt qua, do những đôi môi vô hình gửi tặng cho nhau. Không bức tường cũ nào không có một chùm hoa thập tự như chú rêu. Mận rừng nở hoa, kim tước cũng nở hoa; qua các cành lá chằng chịt có những đốm trắng sáng ngời và những điểm vàng lấp lánh. Trời xuân có bao nhiêu bạc vàng đều tung cả vào cái làn thủng mênh mông của rừng rú. Các mầm non đều xanh tươi mơn mớn. Trên không trung rộn ràng tiếng chào đón lú lo. Mùa hè mền khách đang mở cửa đợi chờ những cánh chim xa. Đây là lúc yến, nhạn kéo nhau về. Hoa kim tước mọc suốt dọc vệ các con đường trũng, trong khi sơn trà chưa nở. Cái đẹp, cái xinh thân thiện kề vai; tuyệt mỹ được bổ sung bằng duyên dáng; cái lớn không làm trở ngại cái nhỏ, không một thanh âm nào mất trong cuộc hòa tấu; mọi vẻ lộng lẫy li ti đều có vị trí trong cái đẹp chung rộng lớn, tất cả đều được nhận thấy rõ như trong một làn nước trong suốt. Khắp nơi một cảnh sung mãn thần tiên và một cảnh căng phồng huyền bí giúp ta hình dung được sự cố gắng khủng khiếp và thiêng liêng của nhựa

sống đang lên. Cái long lanh càng long lanh rực rỡ, người yêu đương càng yêu đương thắm thiết. Trong hoa lá có tiếng hát ca, trong rung động có hào quang rực rỡ. Nét hài hòa phân tán khắp nơi đang tung nở. Cái chớm nở kích thích cái bắt đầu nảy sinh. Một sự rối loạn từ dưới lên, và cả từ trên xuống, làm xao xuyến một cách mơ hồ mọi trái tim, vốn dễ bị quyến rũ vì ảnh hưởng tản mạn và ngấm ngầm của các mầm non. Hoa xinh kín đáo hứa hẹn quả ngọt, mọi nàng trinh nữ đều mơ mộng vẫn vợ, sự sinh nở của muôn loài, do linh hồn bao la của bóng tối dự tính, đều được phác họa trong sự phát tỏa của vạn vật. Nơi nơi tìm hiểu. Chốn chốn thành đôi. Cuộc sống hòa hợp với vô biên, như trai gái trao tình. Trời đang đẹp, đang trong sáng, đang ấm áp; qua các rặng rào, trong các khu vườn, trẻ nhỏ đang cười vui. Một số đang nhảy lò cò. Các cây táo, cây đào, cây lê, cây mận phủ kín các vườn quả với những làn lá sum sê xanh nhợt hay đỏ thắm. Ngoài nội cỏ, nào anh thảo, thi thảo, hừng nhung, nào hoa cúc, hoa tím, huyên sâm, cung nhân thảo và dạ hương lan. Khắp nơi đây rẫy tử thảo màu xanh, diên vĩ màu vàng, với những ngôi sao màu hừng nho nhỏ, xinh xinh, lúc nào cũng nở đồng loạt và vì vậy mà được gọi là hoa “bạn đường”. Những con bọ vàng óng chạy giữa các tảng đá. Trường sinh đang độ nở hoa nhuộm đỏ các lều tranh mái rạ. Bao cô ong thợ đều bay ra ngoài tổ. Nàng ong đang bận. Không gian rộn tiếng rì rào của biển cả và tiếng ru ối muỗi vo ve. Thiên nhiên thắm đượm hơi xuân, ướt niêm khoái cảm.

Lúc Gilliatt đến Saint-Sampson, phía cuối cảng vẫn chưa có nước, nên anh có thể đi trên cạn, phía sau các vỏ tàu đang sửa chữa mà không bị ai trông thấy. Nhờ có một dãy tảng đá bằng, nằm cách quãng ở đây, anh đi được dễ dàng.

Không ai để ý đến Gilliatt. Dân chúng đều ở phía đầu kia bến, cạnh

cảng nhỏ, ở Bravées. Tại đây mọi người đang nhắc đến tên anh. Vì nói nhiều đến anh quá nên không ai để ý đến anh. Gilliatt đi qua, có thể nói là nhờ tiếng tăm của anh che khuất.

Từ xa anh nhìn thấy chiếc thuyền bầu vãn nằm ở chỗ anh buộc, cái ống khói cỡ máy ở giữa bốn sợi xích, cảnh hoạt động của thợ mộc đang làm việc, những bóng dáng lò mờ của người đi kẻ lại, và anh nghe được cả tiếng nói oang oang vui vẻ của Mess Lethierry đang ra lệnh.

Anh đi sâu vào các ngõ.

Không có ai phía sau nhà Bravées cả, những người tò mò đầu tập trung cả ở phía trước. Gilliatt men theo lối mòn dọc bức tường thấp của khu vườn. Anh dừng chân ở góc tường có cây cẩm quỳ dại; tảng đá anh thường ngồi vẫn đấy; cái ghế gỗ Déruchette ngồi cũng vẫn đấy. Anh nhìn chỗ đất trên lối đi, nơi anh đã thấy hai bóng đen ôm nhau hôn, và nay đã biến mất.

Anh lại bước tiếp. Anh trèo lên ngọn đũa lâu đài Valle, rồi lại lần xuống, đi về phía Bû de la Rue.

Houmes-Paradis vẫn nằm chờ vợ một mình.

Nhà anh vẫn như ban sáng, lúc anh rời nó sau khi mặc quần áo để đi Saint-Pierre-Port.

Một cửa sổ vẫn mở. Qua cửa sổ vẫn thấy cái kèn da treo ở đỉnh tường.

Trên bàn có quyển Kinh Thánh do một người lạ là Ebenezer tặng ơn anh tặng.

Chìa khóa vẫn cắm ở cửa. Gilliatt đến gần, đặt bàn tay lên chìa khóa, xoay hai vòng, bỏ chìa vào túi rồi lại ra đi.

Anh đi, không phải về phía đất liền, mà về phía biển.

Anh băng qua khu vườn, theo lối gần nhất, chẳng kể gì đến các luống hoa, tuy thế anh vẫn có ý không xéo lên các cây seakales đã trồng vì đây là thứ hoa ưa thích của Déruchette.

Anh trèo qua lan can và đi xuống phía đá ngầm.

Vẫn nhắm tới phía trước, anh bắt đầu lần theo dãy đá ngầm dài và hẹp nối liền Bû de la Rue với cái tháp đá vuông đứng ngoài biển khơi vẫn được gọi là Sừng Thú. Ở đây có chiếc ghềnh Gild-Holm-'Ur.

Anh bước từ hòn nọ sang hòn kia như một người khổng lồ trên đỉnh núi. Bước như thế trên các mỏm ngầm cũng giống như đi trên nóc nhà.

Một bà hót cá đang chân đất lần mò trong các vũng nước gần đây và đang trở vào bờ, gào to với anh:

- Phải cẩn thận. Thủy triều lên đây.

Anh tiếp tục đi tới.

Đến tảng đá to của mũi nhọn gọi là Hòn Sừng, nhô cao trên mặt biển, anh dừng lại. Đây là nơi chấm dứt đất liền, điểm tận cùng của hải giác.

Anh đưa mắt nhìn ra.

Ngoài khơi, dăm ba chiếc thuyền cắm neo đánh cá. Thỉnh thoảng trên thuyền lại thấy những dòng bạc trắng chảy rờn rờn trước ánh mặt trời, đây là nước biển từ trên lưới rơi xuống. Tàu Cashmere chưa đến ngang Saint-Sampson; lá buồm đại trên nguy bằng đã bay phấp phới. Nó đang nằm giữa Herm và Jet-Hou.

Anh vòng quanh tảng đá, đến dưới Ghềnh Gild-Holm-'Ur, ngay chân cái

cầu thang dốc đứng mà non ba tháng trước anh đã giúp Ebenezer bước xuống. Anh trèo lên cầu thang.

Phần lớn các bậc thang đã chìm sâu dưới mặt nước. Chỉ còn vài ba bậc vẫn khô. Anh trèo lên.

Các bậc này dẫn tới chiếc Ghế Gild-Holm-‘Ur. Anh lên đến ghế, ngắm nghía nó một lúc, áp bàn tay lên mắt và từ từ vượt lông mày từ bên nọ sang bên kia, một cử chỉ như muốn xóa nhòa dĩ vãng; đoạn anh ngó vào chỗ hốc đá, dưới chân là biển cả bao la, sau lưng cheo leo vách núi.

Tàu Cashmere lúc này đang men theo cái tháp tròn ngập nước, vẫn có một viên đội và một cỗ đại bác bảo vệ, tháp này đánh dấu nửa đường của cửa biển, giữa Herm và Saint-Pierre-Port.

Trên đầu Gilliatt, trong các kẽ núi, một vài bông hoa đá rung xinh. Nước biển mênh mông xanh biếc một màu. Gió đang từ hướng đông thổi tới, nên xung quanh Serk ít có sóng hời, từ Guernesey, chỉ nhìn thấy bờ phía tây. Xa xa, nước Pháp như một dải sương mù, và bãi cát vàng Carteret thoai thoải. Thịnh thoảng một con bướm trắng vờn qua. Bướm ong vốn thích lượn chơi trên biển.

Gió mát thổi rất nhẹ. Toàn bộ màu xanh ấy, trên cũng như dưới, đều im phăng phắc. Không một rung động nào lay chuyển bày rấn màu xanh chỗ nhạt chỗ thẫm kia, làm hằn lên trên mặt nước những đường ngoằn ngoèo kín đáo của đáy biển.

Tàu Cashmere, ít được gió đẩy, đã giương hết buồm phụ trên nguy bằng để hứng ngọn gió mát. Nó như được phủ kín bằng vải. Nhưng vì gió thổi ngang nên các buồm phụ buộc nó phải đi sát vào bờ biển Guernesey. Nó đã vượt khỏi phao Saint-Sampson, đang đến chỗ lâu đài Valle, và sắp vượt

qua mũi Bû de la Rue.

Gilliatt ng ỡ nhìn nó đến.

Sóng nước và không khí như vật vờ ngủ thiếp. Thủy triều đang dâng, không phải vì lớp sóng lăn tăn mà do sức căng ph ồng. Mức nước lên dần không chút phập ph ồng. Tiếng rì r ầm đã tắt của biển khơi giống hệt tiếng thở trẻ thơ.

Phía cảng Saint-Sampson vắng v ắng có tiếng búa gõ thình thịch. Chắc hẳn thợ mộc đang đặt pa-lăng và xe chở hàng để nhấc cỗ máy ra khỏi thuy ền b ầu. Những tiếng động ấy chỉ kh ẽ thoảng đến tai Gilliatt vì anh đang ng ỡ tựa lưng vào khối đá rất to.

Tàu Cashmere tiến đến, thong thả như một bóng ma.

Gilliatt đang chờ.

Thình lình có tiếng sóng róc rách vỗ nhẹ và một cảm giác lành lạnh khiến anh phải nhìn xuống. Sóng nước đang liếm vào chân anh.

Anh kh ẽ đưa mắt nhìn xuống, r ỡ lại trông lên.

Tàu Cashmere đã g ần.

Vách núi bị mưa gió đ ẻo gọt thành chiếc Ghế Gild-Holm-‘Ur dốc đứng, và ở đây nước rất sâu, đến nỗi lúc biển lặng, tàu bè có thể đi sát vào vách núi vài ba t ầm.

Tàu Cashmere đến. Nó hiện ra, nhô th ẳng. Dường như nó từ dưới nước mọc lên. Y hệt một bóng đen cao v ụt. Thuy ền cụ đen ngòm nổi bật trên nền trời theo nhịp đ ụng đưa uy nghi của biển cả. Những cánh bu ồm dài, thoáng ch ồng lên mặt trời, bỗng trở thành g ần như màu h ồng và mang một vẻ

trong suốt rất khó tả. Sóng nước rì rào không rõ. Không một tiếng động nào quấy rối cảnh lướt trôi ung dung của cái hình bóng ấy. Boong tàu rõ mồn một.

Tàu Cashmere gần như đi sát vào núi đá. Người lái lâu đứng bên tay lái, một thủy thủ nhóc trèo lên cột buồm, vài ba hành khách tì tay trên mạn, lặng ngắm cảnh trời trong, thuyền trưởng đứng hút thuốc.

Nhưng Gilliatt không trông thấy một chút gì trong tất cả những hình ảnh ấy.

Trên boong tàu có một góc chan hòa ánh nắng. Anh chăm chú nhìn vào đấy. Giữa ô nắng, Ebenezer và Déruchette đang ngỗ cạnh nhau, duyên dáng nép sát vào nhau, như đôi chim sướn nắng giữa tia nắng ngọc, trên một chiếc ghế dài dặt dưới bóng một cái mái nhỏ quét hắc ín mà những tàu bè lịch sự thường dành cho hành khách và trên đó nếu là tàu Anh, thì có dòng chữ *For Ladies only*^[136]. Đầu Déruchette ngả trên vai Ebenezer, cánh tay Ebenezer quàng ngang hông Déruchette; hai người nắm tay nhau, ngón lờng ngón, sắc thái khác biệt giữa hai thiên thần thật rõ ràng trên hai gương mặt yêu kiều ngây thơ ấy. Một đàng trinh bạch hơn, một đàng thoát tục hơn. Cái hôn trong trắng của họ mang đầy ý nghĩa. Nó chứa đựng đầy đủ niềm hoan lạc cũng như toàn bộ ý then thùng. Chiếc ghế dài đã trở thành một phòng loan và gần như một tổ ấm. Đờng thời đấy là một vành hào quang; hào quang dịu mát của tình yêu lẫn trốn trong một áng mây hờng.

Cảnh im lặng thật thần tiên.

Mắt Ebenezer tràn đầy biết ơn và chiêm ngưỡng; đôi môi Déruchette mấp máy; trong không khí im lặng ngây ngất ấy, nhờ gió thổi từ phía đất liền, vào phút giây chiếc tàu lướt gần Ghế Gild-Holm-‘Ur, Gilliatt nghe

được giọng nói dịu dàng và thánh thót của Déruchette:

- Anh nhìn kia. Đường như có một người trên núi đá.

Hình ảnh xuất hiện ấy đi qua.

Tàu Cashmere bỏ lại sau lưng và chìm sâu vào nếp sóng. Không đầy mười lăm phút sau, trên biển cả, buồm và cột buồm chỉ còn là một tháp vuông trắng, nhỏ dần ở chân trời. Nước lên đến đầu gối Gilliatt.

Anh lặng nhìn chiếc tàu xa dần.

Ngoài khơi gió hiu hiu bắt đầu trở mạnh. Anh có thể trông thấy tàu Cashmere kéo buồm phụ và buồm tam giác ở mũi lên để đón lấy ngọn gió gia tăng này. Tàu Cashmere đã ra khỏi vùng nước Guernesey.

Gilliatt vẫn không rời mắt khỏi nó.

Nước lên đến thắt lưng anh.

Mức triều cao dần. Thời gian cứ trôi.

Sơn ca và chim cốc lượn vòng xung quanh anh, lo lắng. Đường như chúng muốn tìm cách báo cho anh. Có lẽ trong những đàn chim ấy có một con hải âu nào đó, từ Hòn Douvres đến, nó nhận ra anh.

Một giờ trôi qua.

Trong cửa biển không cảm thấy có gió khơi, nhưng tàu Cashmere cứ nhỏ lại rất nhanh. Nhìn bên ngoài, tàu như đang mở hết tốc lực.

Nó đã đến gần ngang bãi Casquets.

Xung quanh hòn Gild-Holm-'Ur không có bọt nước. Không một ngọn sóng nào vỗ vào vách hoa cương. Nước lẳng lặng căng phồng.

Nó lên gần đến vai Gilliatt.

Một giờ nữa trôi qua.

Tàu Cashmere đã đi quá vùng biển Aurigny. Hòn Ortach che kín nó hồi lâu. Nó khuất sau núi, rồi lại nhô ra như một cảnh nguyệt thực.

Tàu chạy trốn về phía bắc. Nó hướng ra biển khơi. Nó chỉ còn là một chấm nhỏ, một ánh sáng lấp lánh nhờ ánh mặt trời.

Bầy chim khê rú rít với Gilliatt.

Chỉ còn nhìn thấy mỗi mái đầu của anh.

Biển cả vẫn dâng cao, êm đềm, dễ sợ.

Gilliatt, bất động, nhìn tàu Cashmere tan biến.

Sóng triều hầu như đang lúc mãnh liệt nhất. Trời đã gần chiều.

Sau lưng Gilliatt, trong cửa biển, vài ba chiếc tàu đánh cá đang trở về.

Mắt Gilliatt dán chặt vào con tàu ngoài khơi.

Đôi mắt chăm chăm ấy không giống bất cứ một thứ gì có thể nhìn thấy trên trái đất. Trong đôi con người bi đát và bình thản ấy có một cái gì rất khó tả. Về nhìn ấy chứa đựng tất cả niềm an ủi mà giấc mơ tuyệt vọng đã để lại; đây là sự chấp nhận bi thảm một nhiệm vụ khác. Một vì sao băng cũng phải được những cặp mắt như thế dõi theo. Chốc chốc bóng tối thiên đường lại xuất hiện dưới đôi mày mà nhãn tuyến vẫn đắm đắm vào một điểm của không trung. Đồng thời với làn nước mênh mông vô tận xung quanh Hòn Gild-Holm-'Ur, cảnh thanh bình bát ngát của bóng tối cũng đang trào dâng trong con mắt sâu thẳm của Gilliatt.

Tàu Cashmere, từ nãy đã khó nhận ra, lúc này chỉ còn là một chấm nhỏ

lẫn lộn trong lớp sương mù. Muốn nhận ra nó phải biết rõ nó đang nằm ở chỗ nào.

Dần dần chấm ấy, không còn là một hình gì nữa, mờ nhạt đi.

Rồi nó nhòa dần.

Rồi nó tiêu tan.

Vừa lúc chiếc tàu tan biến ở chân trời thì mái đầu cũng biến mất dưới làn nước bạc. Không còn một tí gì khác ngoài biển cả.

HẾT

QUẦN ĐẢO MANCHE^[137]

I NHỮNG CHẤN ĐỘNG NGÀY XƯA

Đại Tây Dương gặm mòn bờ biển chúng ta. Áp lực của dòng hải lưu địa cực làm thay đổi hình dáng bờ đá phía tây của chúng ta. Bức trường thành của chúng ta trên biển cả bị xói mòn từ Saint-Valery-sur-Somme đến Ingouville, nhiều tảng núi to lở xuống, nhiều đám đá cuội bị nước cuốn trôi, nhiều bến cảng bị cát bồi hoặc đá lấp, các cửa sông của chúng ta bị chắn ngang. Mỗi ngày qua, lại thêm một mảng đất Normandie tách ra và biến mất dưới làn nước biển. Công việc kỳ diệu ấy, ngày nay có chậm lại, ngày xưa thật là khủng khiếp. Nhờ có cái đê chắn nước vĩ đại là mũi Finistère mới ngăn chặn được nó. Ta cứ xét đến sức mạnh của dòng nước địa cực và sức xói mòn mãnh liệt ấy qua cái lỗ trống do nó tạo nên giữa Cherbourg và Brest thì biết. Sự hình thành này của vịnh Manche, làm thiệt hại cho đất Pháp, diễn ra từ trước những thời kỳ lịch sử. Tuy vậy hành vi thô bạo cuối cùng của đại dương có tính chất quyết định vào duyên hải chúng ta cũng có năm tháng rõ ràng. Năm 709, sáu mươi năm trước ngày đăng quang của Charlemagne^[138], một ngọn sóng lớn đã tách Jersey ra khỏi nước Pháp. Ta có thể nhìn thấy, như Jersey, nhiều mỏm đất khác bị ngập sâu từ trước. Những đỉnh nhọn nhô lên trên mặt nước này hình thành những hòn đảo mà người ta gọi là quần đảo Normandie.

Ở đây có một số dân cư cằn cù đông đúc.

Sau công trình của biển cả gây nên một cảnh điêu tàn, tiếp theo công trình của con người tạo thành một dân tộc.

II GUERNESEY

Hoa cương phía nam, cát vàng phía bắc; chỗ này vách núi cheo leo, chỗ kia động cát. Một dải đờng cỏ chênh chếch với đờng núi nhấp nhô gợn sóng; viền quanh tấm thảm xanh nhiều nếp ấy là bọt sóng đại dương; dọc bờ biển, một số pháo đài là mặt đất; từng quãng, từng quãng, những tháp canh có lỗ châu mai; suốt dọc bãi cát thoải, một hàng lan can núi đá, cát quãng bởi những ụ súng và cầu thang, thường bị cát vàng xâm lấn, sóng biển tấn công, kẻ bao vây duy nhất phải e sợ; những cối xay gió bị bão táp giật gãy mất cột trụ, một vài cái, ở Valle, ở Ville-au-Roi, ở Saint-Pierre-Port, ở Torteval, vẫn còn quay; trong vách biển, những chỗ cho tàu bè thả neo; trên động cát, những bãi cừ, chố chắn cừ và chố chắn bờ đang tìm kiếm và đang lúc làm việc; trên những con đường trũng lóc cóc những chiếc xe bò nhỏ của dân buôn thành phố; thường thường, những ngôi nhà đen kịt vì mưa mà phải quét hắc ín ở mặt tây; gà trống, gà mái, phân tro; khắp nơi những bức tường không lờ, các bức tường của bến tàu ngày xưa, chẳng may đã bị phá hủy, vẫn ngoan mục với những khối đá dị hình, những cột trụ to khỏe và những sợi xích nặng nề nhiều trang trại có rừng cây lớn bao quanh; các cánh đờng quây chắn ngang tầm tay bằng những hàng đá tạo thành một bàn cờ kỳ dị trên đờng bằng; đây đó, một bờ lũy xung quanh một cây gai, những ngôi nhà đá hoa, những cái chòi xây cuốn, những mái lờ thách thức cả đạn pháo, đôi khi ở nơi hoang dã nhất, một ngôi nhà mới, đỉnh nóc có chuông, đây là một trường học; vài ba con suối ở tận cùng các đờng cỏ, nào du, nào sỡ; một cây bách hợp ý muốn nói là chỉ đây mới có, Guernesey lily; vào mùa “canh tác lớn”, những cái cày tám ngựa kéo; trước mặt nhà, những đụn cỏ khô to đánh đồng trên

những mốc đá xếp vòng tròn những đồng kim tước gai góc, đôi lúc những khu vườn kiểu Pháp ngày xưa với thủy tùng uốn gọt, với những cây ngâu cắt tỉa, với những hòn non bộ, xen lẫn với những vườn quả vườn rau; một ít hoa tr ồng chơi trong các khu vườn nông dân; sơn lựu xen lẫn khoai tây; khắp nơi trong tảo màu tai gấu trái kín mặt cỏ; trong các nghĩa địa không có thánh giá, chỉ thấy những phiến đá dưới ánh trăng giả làm Đức Bà đứng khoác áo trắng; mười tháp chuông gothic ở chân trời; nhà thờ cũ, tén đi ầu mới; lễ nghi Tin lành nằm trong kiến trúc gothic; trên động cát và các hải giác, đi ầu bí ẩn tối tăm Celtic nằm rải rác dưới nhiều hình thức khác nhau, như đá bia, độc tay, đá phiến, đá tiên, đá đung đưa, đá rung chuông, đường hầm, đài cổ tích, mộ đá, pouquelaie; đủ mọi kiểu bia đài; sau các tầng ni thời xưa đến các tu viện trưởng; sau các tu viện trưởng đến các mục sư; những kỷ niệm về các chuyện thiên đường sa ngã; ở đỉnh này là Lucifer, tại lâu đài Michel-Archange; ở mũi kia là Icare, tại mũi Dicart; mùa đông hoa cũng nhiều như mùa hè. Guernesey là như thế đấy.

III GUERNESEY, TIẾP THEO

Đất cát phì nhiêu, màu mỡ, tràn đầy nhựa sống. Không đất chăn nuôi nào tốt hơn. Lúa mì nổi tiếng, bò cái trứ danh. Bò tơ các đ ồng cỏ Saint-Pierre du Bois sánh ngang với cừu đoạt giải của Confolens. Các hội đ ồng nông nghiệp nước Pháp và nước Anh thường tặng giải thưởng cho những sản phẩm nổi tiếng của ruộng đ ồng Guernesey.

Ngành nông nghiệp lại được một tổ chức c ầu đường thành thạo phục vụ, và một hệ thống giao thông tuyệt diệu đưa lại ngu ần sống cho toàn đảo.

Đường sá rất tốt. Ở chỗ ngã tư, người ta thấy một phiến đá bằng phẳng với một cây thánh giá. Vị pháp quan xưa nhất của Guernesey, vị pháp quan năm 1284, người đứng đầu danh sách Gaultier de la Salle, đã bị treo cổ vì bất công của tòa án. Cây thánh giá ấy, tục gọi là Thánh giá pháp quan, đánh dấu địa điểm ông ta quỳ gối và cầu nguyện lần cuối cùng.

Biển trong các tiểu loan và các vịnh được thêm phần vui vẻ nhờ những “vật chết”, những chiếc thuyền ngang to lớn sắc sỡ kiểu đường bánh, kẻ ô vuông đỏ trắng, nửa vàng nửa đen, pha ngũ sắc màu lục, màu lam, màu da cam, hình quả trám, vân cẩm thạch, nổi lênh bênh trên mặt nước. Đây đó có tiếng hát đơn điệu của những đoàn người kéo thuyền và kéo dây.

Không kém gì “cánh hàng cá”, nông dân cũng có vẻ hồ hởi. Các người làm vườn cũng thế. Đất đai, bão hòa bụi núi, rất tốt; phân bón, gồm cát bùn và rong biển, tăng thêm chất muối cho hoa cương, nhờ thế mà có một sức sống phi thường; nhựa cây tạo nên những điểu kỳ diệu; mộc lan, sim rừng, thuy hương, trúc đào, tử dương hoa màu lam; vãn anh nhiều quá thế; có những vòm mã chiêm thảo ba lá; có những bức tường phong-lữ-thảo; cam, chanh dây mặt đất; không có nho, nho chỉ chín trong nhà kính; ở đây nho rất ngon; sơn trà to như cây gỗ; trong vườn trâm hương cao hơn cả nhà ở. Không gì phong phú và xa hoa hơn các loại cây cối ấy, chúng che khuất và tô điểm cho các mặt tiền đom đàng của các biệt thự và các trang trại.

Guernesey, một mặt duyên dáng, còn một mặt thật dễ sợ. Phía tây, bị tàn phá, lúc nào cũng phơi mình dưới làn gió lộng. Ở đây, đá ngấm, gió giật, vũng cạn, thuyền bè chấp vá, đất hưu canh, đầm lầy, lầy tranh, thỉnh thoảng một thôn xóm lè tè run rẩy, các bầy gia súc gầy nhom, cỏ mận khô cằn và cảnh nghèo nàn mệnh mông khác khổ.

Lihou là một hòn đảo nhỏ nằm ngay cạnh, hoang vắng, có thể đến được vào những giờ nước xuống. Ở đây toàn bụi rậm và hang thú. Thỏ Lihou cũng biết giờ giấc. Chúng chỉ ra khỏi hang khi triều lên. Chúng kêu gào cả người. Bọn chúng là đại dương cô lập chúng.

Những tình bạn cao cả ấy là toàn bộ thiên nhiên. Đào lớp phù sa ở vịnh Vason lên, người ta khắc thấy có cây cối. Ở đây, dưới một tầng cát dày bí mật, là cả một cánh rừng.

Dân chài bị miền tây lộng gió này ngược đãi đều là những hoa tiêu tài giỏi. Biển trong các đảo biển Manche rất đặc biệt. Vịnh Cancale, kề ngay đây, là điểm được thủy triều bồi đắp nhiều đất vôi nhất.

IV CÂY CỎ

Cỏ ở Guernesey là thứ cỏ thông thường của mọi nơi khác, tuy vậy có hơi màu mỡ hơn; đồng cỏ ở Guernesey cũng gần giống như bãi cỏ ở Cluges hay ở Géménos. Bạn thấy ở đây có cỏ fétuques và cỏ pâturins như bất cứ ở đồng cỏ nào, thêm cỏ chân gà, cỏ nước nổi, thêm cỏ phương lê mềm bông kết hình thoi, thêm cỏ phalaris Canari, cỏ agrotstide để nhuộm màu lục, cỏ lòng dương mai hoa, cỏ lupin vàng, cỏ houlque thân có lông, cỏ Houve thơm thơm, cỏ linh lan run rẩy, cỏ sọ mưa, tỏi dại hoa rất đẹp mùi rất hắc, cỏ fléole, cỏ đuôi chồn hoa giống cái chùy nhỏ, cỏ stipe dùng đan giỏ, cỏ élyme cần lầy rất tốt. Hết chưa? Chưa, còn cây dactyle hoa chùm, cây kê, và theo một số nhà nông học bản xứ có cả andropogon. Có cây crépide là bồng công anh báo giờ, và cây diếp dại sibérie báo thời tiết. Tất cả những thứ ấy đều thuộc loài thảo, loài thảo đặc biệt của quần đảo; phải có

đá hoa cương để làm lớp đất nền, và đại dương làm bình tưới.

Bây giờ bạn hãy xua vào đây và đuổi cho bay trăm nghìn thứ sâu bọ, có loại ghê tởm, có loại xinh xinh, dưới cỏ những con sừng dài, những con mũi dài, những con kiến dương, những con kiến bận vất sừa những con rệp cây vẫn đóng vai bò cái của chúng, những con châu chấu lúc nào cũng chảy dãi, con bọ rùa tục gọi là bọ nhà Trời, và con bọ củi tục gọi là bọ quý; trên cỏ, trên không, chuồn chuồn, tò vò, vò vẽ, cánh cam, ong đất mình nhung, bọ mạch-xít đặng ten, bọ mô-xít bụng đỏ, giống nhặng vo ve, thế là bạn sẽ có được một ý nghĩ về cảnh tượng đầy mộng mơ mà tháng sáu, giữa trưa, cái mộng ngựa của Jerbourg hay của Fermain-Bay hiến cho một nhà côn trùng học hơi trần tư và cho một nhà thơ hơi tự nhiên chủ nghĩa.

Thình lình bạn thấy dưới lớp cỏ xanh mượt mà ấy một phiến đá vuông nhỏ trên khắc hai chữ: W.D. tức là “War Department” nghĩa là khu vực quân sự. Đúng thế. Văn minh cần phải xuất đầu lộ diện. Nếu không địa điểm sẽ trở thành hoang dã. Bạn hãy đi dọc hai bên bờ sông Rhin, bạn hãy đến những xóm xinh ít được biết nhất thuộc loại như thế; một vài nơi phong cảnh tôn nghiêm quá tưởng như của Giáo Hoàng; có thể nói Chúa có mặt ở đây nhiều hơn ở chỗ khác, bạn hãy đi sâu vào những chỗ trú ẩn mà núi non vắng vẻ nhất và rừng rú tĩnh mịch nhất; bạn hãy chọn Andernach và các vùng lân cận chẳng hạn, bạn hãy đến thăm cảnh hồ Laach tối tăm, bình thản, hầu như bí mật vì rất ít người biết đến; không cảnh yên tĩnh nào uy nghiêm hơn; cuộc sống vạn vật ở đây mang toàn bộ tính chất trong sáng tôn nghiêm; không có gì quấy rối; khắp nơi là cái trật tự thâm u của cảnh hỗn độn hùng vĩ tự nhiên; bạn hãy dạo chơi lòng đầy xúc động giữa cảnh hoang vu ấy; thật khoan khoái như trời xuân và u buồn như thu cảnh; bạn cứ đi lang thang, bạn hãy bỏ lại cái tu viện hoang tàn, và chìm đắm trong

cảnh thanh bình rung cảm của các vực sâu. Giữa tiếng chim, tiếng lá, bạn hãy uống nước suối trong lòng bàn tay, lưng thững suy tư, quên hết sự đời; một mái lều hiện ra, đánh dấu một góc thôn xóm chìm trong rặng cây; nó màu xanh, ngào ngạt, duyên dáng, phủ toàn trường xuân và hoa lá, đầy trẻ con và tiếng cười; bạn đến gần, ở góc chòi nổi rõ bóng tối và nắng vàng, trên một tảng đá của bức tường cũ ấy, dưới cái tên thôn Liederbreizig, bạn đọc được: tiêu đoàn 22, đại đội 2.

Bạn ngỡ mình đang đứng giữa một làng nào đấy, hóa ra bạn đang ở giữa một trung đoàn. Con người là như thế đấy.

V NHỮNG MỐI NGUY CỦA BIỂN CẢ

Trên bờ biển phía tây Guernesey chỗ nào cũng có Overfull tức là nơi nguy hiểm. Sóng nước đã khéo cắt xẻ nó. Ban đêm, trên các mỏm núi khả nghi, người ta bảo là có những ánh sáng mập mờ không thật, được những người lang thang ngoài biển khẳng định, báo hiệu hoặc đánh lừa. Cũng chính những người lang thang ấy, liêu lĩnh hay cả tin, nhận thấy dưới nước con hải sâm trong truyền thuyết, đó là loại gai biển ghê rợn không thể nào chạm phải mà tay không bốc lửa. Cái tên địa phương, Tintajeu, chẳng hạn (từ tiếng gallois, Tin Tagel), tỏ rõ sự có mặt của quỷ sứ. Eustache, tức Wace, đã nói lên đi đầu đó trong những câu thơ cổ của ông ta:

Biển cả bắt đầu nổi loạn,

Sóng nước bắt đầu khuấy động trào sôi,

Khiến bầu trời tối tăm, tầng mây đen kịt;

Chẳng mấy lúc biển trời tràn ngập mông mênh.

Biển Manche ấy ngày nay cũng bất khuất như thời Tewdrig, d'Umbrafel, d'Hamon-dhù đen và thời hiệp sĩ Emyr Lhydau, ẩn náu trên đảo Groie, gần Quimperlé. Trong các vùng bao quanh đây, có những chuyện bất ngờ của đại dương cần cảnh giác. Chẳng hạn như chuyện sau đây, một trong những chuyện thay đổi rất thường thấy của cò gió ở Channel Islands: một cơn bão thổi từ hướng đông-nam; bỗng nhiên trời lặng, lặng hoàn toàn; bạn thổi phào nhẹ nhõm, đôi khi được một giờ như thế, thành hình cùng phong biến mất ở hướng đông-nam, trở lại từ hướng tây-bắc, nó tóm đuôi, nó tóm đầu bạn: đây là cơn bão ngược chiều. Nếu bạn không phải là một hoa tiêu kỳ cựu, một người thành thạo lâu năm, nếu bạn không lợi dụng lúc trời lặng để chuẩn bị xoay ngược vận hành trong khi gió đảo ngược là đi đứt, thuyền vỡ tung và đắm ngay.

Ribeyrolles, người đã chết ở Brazil, lúc lưu lại ở Guernesey, ghi lủng củng những sự việc hàng ngày trong một cuốn sổ tay mà một tờ đang nằm trước mắt chúng tôi: “1 tháng Giêng. Quà biếu. Một cơn bão. Một chiếc thuyền, từ Portrieux đến, hôm qua đắm ở l'Esplanade. - 2. Một chiếc thuyền ba buồm chìm ở Rocquaine. Nó từ châu Mỹ đến. Bảy người chết. Hăm một người được cứu thoát. - Bưu thuyền không đến. - 4. Bão tiếp tục. -... Mưa. Đất lở, làm chết một người. - 15. Trời xấu. Thuyền Fawn không đi được. - 22. Gió đột ngột. Năm tai nạn trên bờ tây. - 24. Vẫn bão. Thuyền đắm khắp nơi.”

Hầu như không bao giờ có chuyện nghỉ ngơi ở cái góc đại dương này. Vì vậy mà có những tiếng hải âu kêu qua các thế kỷ trong cơn gió mạnh không ngừng ấy của nhà thơ khắc khoải cổ xưa Lhy-ouar'h-henn, Jérémie^[139] của biển cả.

Nhưng trời xấu không phải là mối nguy lớn nhất cho ngành hàng hải của quần đảo; gió bão rất mãnh liệt, mà hiện tượng mãnh liệt là đi kèm báo trước. Người ta vào cảng hay là đi men men, có ý bố trí tâm buồm thật thấp; nếu gió thổi mạnh thì người ta cuốn hết buồm lại và có thể thoát được. Những tai nạn lớn ở các vùng quanh đó đều là những tai nạn vô hình, luôn luôn lớn vớn, và trời càng tối lại càng nguy hại. Gặp những trường hợp ấy, cần có một lối vận hành đặc biệt. Các thủy thủ miền tây Guernesey rất giỏi trong lối vận hành có thể gọi là dự phòng ấy. Không ai nghiên cứu kỹ như họ về ba nguy cơ của biển lặng là con khỉ, chỗ tối và xoáy nước. Con khỉ (swinge) là dòng nước; chỗ tối chính là đáy biển; xoáy nước là cái rốn, cái phễu đá phía dưới, cái giếng dưới đáy biển.

VI NÚI NON

Trên quần đảo Manche, bờ biển hầu như chỗ nào cũng hoang vu. Nội địa các hòn đảo ấy thì tươi đẹp, nhưng duyên hải lại gập ghềnh, cần cỗi. Vì biển Manche gần như một Địa Trung Hải, nên sóng ở đây ngắn và mạnh, nước triều vỗ róc rách đều đều. Do đó mà có tiếng gõ kỳ lạ vào vách đá, và hiện tượng bờ biển bị xói lở rất sâu.

Ai đi men theo bờ biển này cũng đều được trông thấy một loạt ảo ảnh. Lúc nào núi cũng tìm cách đánh lừa bạn. Ảo ảnh ẩn nấp ở những chỗ nào? Ngay trên đá hoa cương. Thật không gì kỳ dị hơn. Có những con cóc đá lù lù, từ dưới nước nhô lên chắc hẳn là để thờ, có những mục khổng lồ hồi hải, lom khom ở chân trời, nếp khăn hóa đá của họ tưởng như đang tung bay trước gió; có những ông vua đầu đội mũ miện diêm thần trầm ngâm trên

những ngai vàng đ̣ồ sộ mà bọt sóng tha hồ vùi dập; có những con người bị chôn vùi trong núi đá giờ tay ra ngoài, người ta thấy rõ ràng những ngón tay xò rộng. Tất cả những cái ấy là bờ biển muôn hình muôn vẻ. Bạn cứ đến gần, chẳng còn gì nữa. Núi non hay có những trường hợp tiêu tan như thế. Đây một đ̣ền lũy, một đ̣ền miếu điêu tàn, đây cảnh hỗn mang của những túp lều và những bức tường đổ nát, toàn bộ cảnh tan hoang của một thành phố vắng vẻ. Thế mà làm gì có phố phường, làm gì có đ̣ền miếu, làm gì có đ̣ền lũy, chỉ toàn vách đá. Càng tiến tới hay càng đi xa, càng tách ra lối khác hay càng đi vòng, bờ biển càng mất vẻ tươi đẹp, không một kính vạn hoa nào tan rã nhanh chóng hơn, cảnh trí cứ tan tan hợp hợp, phong cảnh cứ như bốn cọt treu đùa. Khối đá này là một cái đế ba chân, ṛồi lại là một con sư tử, một thiên thần, một thiên thần giang cánh, ṛồi lại là một hình người ng̣ồi đọc sách. Không gì hay thay đổi hình dáng như mây trời, nếu không phải núi đá.

Những hình dáng ấy gợi lên ý nghĩ vĩ đại chứ không gợi lên ý nghĩ về cái đẹp. Còn xa. Đôi khi chúng có vẻ bệnh hoạn và ghê tởm. Đá thường có những chỗ mấu, chỗ bướu, những nang thũng, những vết bầm, những cục u, những mụn cóc. Núi là những cái bướu của đất. Khi nghe Chateaubriand - ông này có đôi vai hơi nhô - nói xấu vùng núi Alpes, bà de Staël bảo: đó là tính đ̣ố kị của kẻ gù. Những đường nét hùng vĩ và những vẻ uy nghiêm trác việt của thiên nhiên, mực nước của biển cả, hình dáng của núi non, cảnh âm u của rừng rú, màu xanh của bầu trời, thường trở nên phức tạp vì một vết rạn vỡ to lớn nào đó xen lẫn trong nét hài hòa. Vẻ đẹp có những đường nét của nó thì vẻ xấu xí trong hình dạng cũng có những đường nét của nó. Có nụ cười tươi thì cũng có cái cười nhăn nhó. Hiện tượng tan rã trên núi đá tạo ra những kết quả giống như trên mây. Cái này ḅình ḅình

phân giải, cái kia vững chắc, rời rạc. Trong sáng tạo phẳng phất chút đau khổ của hồn mang. Huy hoàng cũng có những vật rất lộng lẫy và đường như phản đối lại trật tự. Trong mây thường có nếp nhăn. Có một vẻ kịch cỡm của trời. Tất cả các đường nét đều gãy gập trong sóng nước, trong lá cành, trong núi non, và ở đây thấp thoáng có những điểm bắt chước chơi nào đây. Ở đây cái dị hình ngự trị. Không bao giờ thấy một hình dáng đứng đắn. Vi đại thì có, thanh nhã thì không. Bạn hãy nhìn kĩ mây trời, bạn sẽ thấy vẽ lên đủ kiểu mặt, hiện ra đủ các hình dáng tương tự, phác họa đủ mọi dung mạo, bạn thử tìm một nét mặt Hy Lạp. Bạn sẽ gặp Caliban^[140] chứ không gặp Venus^[141], và không bao giờ bạn thấy Parthénon^[142]. Nhưng đôi khi, vào lúc chiều tà, một chiếc bàn đen to, đặt trên chân mây, và bao quanh bởi những khói sương mù, sẽ phác lên nền trời hoàng hôn xám xịt một đài cổ tích đồ sộ và quái gở.

VII PHONG CẢNH VÀ ĐẠI DƯƠNG LẤN LỘN

Ở Guernesey, đất ruộng cho làm rẽ rộng lớn phi thường. Một số dựng ngay trên bờ đường một bức tường sừng sững như một thứ trang trí, có cả cửa cho xe bò đi bên cạnh, cửa cho bộ hành qua lại. Thời gian đã đào xới trong các khung cửa và các vòm cung những kẽ sâu, ở đây rùa biển đông thường giấu trứng để chờ nở, và cũng không hiếm những cô dơi nằm ngủ. Các thôn xóm nép sau các rặng cây đầu ọp ẹp và sống lâu. Một số mái tranh tuổi cũng già như các nhà thờ lớn. Trên đường đi Hubies, ở một góc tường một chòi đá có một đoạn cột nhỏ mang niên hiệu: 1405. Một chòi khác, phía Balmoral, mang ở mặt tiền một huy hiệu khắc ngay vào đá

giống như các nhà nông dân ở Hernani và Astigarragx. Qua mỗi bước đi, trong các trang trại người ta thấy những cửa sổ bịt lưới quả trám, những tháp cầu thang và những đường hõm văn kiêu thời Phục Hưng. Không một cửa ra vào nào không có cục đá hoa cương để lên ngựa.

Một số chòi khác trước kia là những con thuyền; một cái vỏ tàu lật úp, đặt ngất ngưỡng trên mấy cái cọc và mấy xà ngang, thế là thành một mái nhà. Một chiếc tàu biển, hãm tàu ở trên, là một nhà thờ; vòm tàu ở dưới, là một chiếc thuyền; cái bình chứa cầu nguyện, lật ngược, chế ngự biển cả. Trong các giáo khu khô cằn phía tây, cái giếng công cộng, đứng chơ vơ với cái mái tròn nhỏ bằng gạch trắng giữa cánh đồng hoang, nom gần giống như con hạc A Rập. Một cái rường nhà thủng với một tảng đá làm trụ xoay là cửa hàng rào một mảnh ruộng; qua một vài dấu hiệu, người ta nhận ra những cái thang mà lũ trẻ nghịch ngợm và ma quỷ ban đêm thường trèo. Các vực sâu trải bừa ra trên bờ dốc những cây dương xỉ, bìm bìm, trường xuân, những cây ô-rô hạt đỏ, dã tường vi, gai hồng, nhẵn đồng Scotland, thủy lạp và những cây leo gấp khúc, tục gọi là cổ áo Henry IV. Trong toàn bộ lớp cỏ cây ấy lan tràn và phát triển một giống liễu thảo quả dài như quả đỗ mà lừa cái rất thích nhá, và khoa thực vật học diễn đạt một cách thanh nhã, thẹn thùng bằng danh từ *onagrariée*. Khắp nơi toàn bụi rậm, lùm cây, “đu loại *brehailles*”; những mảng xanh um tùm trong đó lú lo một thế giới chim muông bị một thế giới bò sát rình mò; yểng, hồng tước, đỏ cổ, cà cưỡng, *torquilles*; hoàng anh xứ Ardennes vội vàng vỗ cánh; từng đàn sáo sậu bay lượn vòng quanh; chỗ khác hoàng tước, kim oanh, quạ *picarde*, quạ khoang chân đỏ. Đây đó một con rắn nước.

Dăm ba thác nước nhỏ, dẫn qua các khe gỗ mọt, giở xuống thành giọt, làm quay những cối xay mà tiếng cánh quạt đập nghe lạch xạch trong cành

lá. Giữa vài sân trại hầy còn cái máy ép rượu tậ̀n và cái vành đá cũ rỗng, trong đó trước kia bánh xe nghi ền táo vẫn quay. Gia súc uống trong những máng ăn nom giống như quan tài đá. Có lẽ một vị vua người Celt nào đó đã mục ruỗng trong cái hộp hoa cương ấy, nơi mà giờ đây một con bò cái có cặp mắt của nữ thần Junon^[143] đang thản nhiên uống nước. Các anh gồ kiến, các ả chìa vôi thân mật đến mỡ thóc của đàn gà mái. Dọc bờ biển mọi vật đều hung hung đỏ. Gió thổi xơ xác những cỏ cây thường xuyên bị mặt trời thiêu đốt. Vài ba ngôi nhà thờ có một lớp trường xuân phủ suốt lên đến tận gác chuông. Đây đó, trên các cánh đ ờng hoang hiu quạnh, một mỏm núi nhô lên với một cái chòi ở cuối. Những chiếc tàu kéo lên cạn, vì thiếu cảng, khom lưng trên những tảng đá to. Những cánh bu ồm nhìn thấy ở chân trời đều màu vàng đất hoặc vàng cá h ữ chứ không phải màu trắng. Phía phơ ra mưa gió, cây cối đều phủ một lớp địa y dày như lông thú; đến đá sỏi dường như cũng đ ề phòng và có một lớp da bằng rêu dày cứng. Có tiếng rì rào, tiếng vi vu, tiếng lá cành xào xạc, tiếng chim biển vút qua, một số ngậm cá bạc mỏ, rất nhiều bướm bướm màu sắc thay đổi theo mùa, và đủ các thứ tiếng xôn xao sâu sắc trong các núi đá vang vọng. Một ít ngựa thả rong trên đ ờng cỏ phi qua các cánh đ ờng hươu canh. Chúng lẫn lộn, nhảy nhót, dừng lại, mặc cho bồm tung trước gió, và nhìn vào không trung trước mặt những con sóng không ngừng nối tiếp nhau mãi mãi. Tháng năm, các ngôi nhà cũ vùng quê và mi ền biển phủ hoa thập tự; tháng sáu phủ hoa đình hương.

Trên động cát, các pháo đài sụp đổ. Đại bác cỡ lỗ chỉ có lợi cho nông dân; ngư dân phơi lưới lên các ô súng. Giữa bốn bức tường lô cốt đổ, một số con lừa lang thang, hay một con dê buộc cọc, gặm cỏ và gai xanh. Một số trẻ con cời tr ần cười đùa. Trên các lối mòn thấy những hình chúng vẽ

để chơi nhảy lò cò.

Về chiều, mặt trời lặn, rục rĩ nằm ngang, cho thấy trong các lối đi vắng vẻ có những ả bò lững thững trở về, còn rề rà nhai các bờ giậu bên phải, bên trái, khiến cho bầy chó sủa vang. Những mũi biển hoang dã phía tây uốn mình cúi xuống biển; một vài cây me thưa thớt run rẩy. Vào lúc hoàng hôn, các bức tường khổng lồ, để ánh sáng xuyên qua kẽ đá, tạo thành những mào dài của dải ren đen trên các ngọn đồi. Tiếng gió vi vu trong những cảnh cô liêu ấy cho ta một cảm giác xa xăm kỳ lạ.

VIII

SAINT-PIERRE-PORT^[144]

Ở Saint-Pierre-Port, thủ đô của Guernesey, trước kia nhà cửa đều làm bằng gỗ chạm đũa từ Saint-Malo đến. Hiện nay tại Grand'Rue vẫn còn một ngôi nhà đá đẹp từ thế kỷ mười sáu.

Saint-Pierre-Port là một bến cảng tự do^[145]. Thành phố xếp thành tầng trên một loạt đồi núi trập trùng xinh xắn quanh Vieux-Havre, như bị một tên khổng lồ nắm trong bàn tay. Các khe trũng trở thành đường phố. Một số cầu thang rút ngắn các lối đi quanh co. Trên những đường phố dốc đứng tập nập lên xuống những bầy ngựa xe Anh-Normand tốt phi nước đại.

Trên quảng trường, các bà bán hàng ở chợ, ngồi giữa trời ngay trên lòng đường, hứng chịu những trận mưa đông; nhưng cách đây mấy bước lại có bức tượng đấng của một vị hoàng thân. Ở Jersey, mỗi năm lượng mưa hơn ba trăm hai mươi ly, và ở Guernesey hai trăm tám mươi ba ly.

Dân hàng cá được đối xử tốt hơn dân hàng rau; gian hàng cá cầu rộng mái che, có bàn đá hoa trên đó bày ngạo nghệ những mẻ tôm cá đánh bắt được, ở Guernesey thường thường rất lớn.

Không có một thư viện công cộng nào cả. Có một công ty cơ khí, một hội văn học, một trường trung học. Người ta lo dựng thật nhiều nhà thờ. Xây xong, người ta xin các “ngài trong hội đờng” công nhận. Ngoài phố, không hiếm những chiếc xe bò chở những bộ cửa sổ hình cung nhọn bằng gỗ do một người thợ mộc nào đó tặng cho nhà thờ.

Có một tòa án. Các vị thẩm phán, mặc áo tím, lớn tiếng phát biểu ý kiến. Thế kỷ trước, cánh hàng thịt không thể nào bán được nửa cân thịt bò hoặc thịt cừu trước khi các quan tòa chọn xong phần mình.

Rất nhiều “tiểu giáo đờng” riêng để phản đối lại các nhà thờ công. Bạn cứ vào một trong những tiểu giáo đờng ấy. Bạn sẽ được nghe một nông dân giải thích cho người khác nghe về thuyết cảnh-giáo, nghĩa là sự khác biệt giữa mẹ của đức Christ và mẹ của Chúa, hoặc giảng cho biết Chúa Cha quy ền uy như thế nào, còn Chúa Con chỉ là một thứ uy quy ền thông thường, giống hệt tà thuyết của d’Abeilard. Người Ireland theo đạo Thiên Chúa rất đờng; họ ít kiên nhẫn, thành thử các cuộc tranh luận về thần học đôi khi được đánh dấu bằng những nắm đấm chính thống.

Tình trạng đình trệ của ngày Chúa nhật được xem như bắt buộc. Tất cả mọi việc đờu có thể được, trừ việc uống một cốc bia ngày Chúa nhật. Nếu bạn khát vào “ngày thánh sabbat”^[146], bạn sẽ xúc phạm ông Amos Chick tôn kính, người có môn bài bán rượu bia và rượu tầu trên Highstreet. Luật ngày Chúa nhật: hát chứ không uống. Trừ lúc cầu nguyện, người ta không nói: Lạy Chúa tôi, mà nói: đi ầu tốt lành của tôi. Good thay thế cho

God^[147]. Một cô phụ giáo người Pháp trong một kí túc xá, nhặt được cái kéo, thốt lên: Ôi lạy Chúa tôi! li ên bị thái h ỡ vì đã l ỡ “th ỡ”. Người ta tuân theo Kinh Thánh hơn cả theo sách Phúc âm.

Có một nhà hát. Một cánh cửa phụ, mở thẳng ra một con đường hẻm trong một phố vắng, đây là lối vào, bên trong gần giống lối kiến trúc áp dụng cho các kho cở. Satan không có những thứ xa hoa lộng lẫy và phải ở chui rúc. Nhà hát đối diện với nhà tù, một nơi ở khác của cùng một cá nhân ấy.

Trên ngọn đ ỡ phía bắc, tại Castle Carey (lối văn phạm, lẽ ra phải nói Carey Castle), có một bộ sưu tập tranh vẽ rất quý, phần lớn của Tây Ban Nha. Công cộng, nó sẽ là một thứ bảo tàng. Trong một số nhà quý tộc hãy còn những kiểu mẫu lạ lùng của loại gạch hoa Hoa Lan lát trên lò sưởi sa hoàng Pierre ở Saardam, và loại gạch men phủ tuyệt đẹp, tiếng Bồ Đào Nha gọi là azulejos, sản phẩm nghệ thuật cao, loại men sứ cổ, ngày nay được phục h ỡ đẹp hơn bao giờ hết, nhờ những nhà khởi xướng như tiến sĩ Lasalle, nhờ những xí nghiệp như Premières, và nhờ những thợ gốm - họa sĩ như Deck và Devers.

Đường d’Antin của Jersey được gọi là Rouge-Bouillon, ngoại ô Saint-Germain của Guernesey được gọi là les Rohais. Những đường phố đẹp đẽ thẳng thắn rất nhiều, tất cả đều bị cắt quãng bởi những khu vườn. Tại Saint-Pierre-Port, cây cối cũng nhiều như mái nhà, tổ chim nhiều hơn nhà cửa, và tiếng chim nhiều hơn tiếng xe cộ. Les Rohais có cái vẻ ngoài thực tế của những khu phố Luân Đôn kiêu căng, vừa trắng vừa sạch.

Bạn hãy vượt qua một khe trũng, bước qua phố Mille, trèo lên một cầu thang hẹp, hun hút, khúc khuỷu, đá lát long lở, thế là bạn đứng trong một

thành phố người Bédouins; lều tranh vách nát, đường ngõ lầy lội, đá lát bị nạy, hũ chầy, nhà sập, buồng hoang, cỏ mọc, không cửa lớn, không cửa sổ, một số xà gỗ nằm ngang đường, gạch vữa chắn ngang lối đi, đây đó một cái chòi lụp xụp có người ở, những em bé trần truồng, những phụ nữ xanh xao; người ta tưởng như ở Zaatcha.

Ở Saint-Pierre-Port, người ta không gọi là thợ sửa đồng hồ, mà là thợ đồng hồ quả quít; người ta không gọi là trưởng tòa giáo giá, mà là phát mãi viên, người ta không gọi là thợ quét vôi mà là thợ họa; người ta không gọi là thợ nề mà là thợ trát; người ta không gọi là thợ sửa móng chân mà là thợ tay chân, người ta không gọi là đầu bếp mà là thợ nấu ăn; người ta không gõ cửa mà lại đập vào cửa. Bà Pescott là “người nhà đoan và nhà thâu tàu bè”. Trong cửa hiệu của mình, một anh thợ cạo báo tin Wellington chết, bằng mấy lời sau đây: Viên chỉ huy lính tập đã chết.

Có những người đàn bà đi từng nhà bán lại những thứ tạp nham mua ở các cửa hàng tạp hóa hay ở chợ; lối làm ăn ấy gọi là buôn bán tập tàng. Những bà tập tàng ấy rất nghèo, mỗi ngày vất vả lắm mới kiếm được vài xu. Đây là lời một bà tập tàng: “Ông xem có thiện tình không, tuần này tôi để ra được những bảy xu”. Một người qua đường, bạn của tôi, có hôm cho một bà tập tàng năm frăng; bà ấy nói: “Đa tạ ông, thế là tôi có thể mua buôn được rồi”.

Tháng năm, các du thuyền bắt đầu đến, cửa biển nhộn nhịp thuyền chơi; phần lớn là thuyền hai buồm, một số chạy bằng hơi nước. Một chiếc du thuyền như thế tốn kém cho chủ nó mỗi tháng mười vạn frăng.

Cricket phát triển thì quyên anh suy thoái. Các hội giới tửu thịnh hành một cách hữu ích, đi đâu đó chúng ta phải công nhận. Chúng cũng rước xách,

cũng rong diều băng cờ khẩu hiệu bên ngoài gần giống như Hội Tam Điểm khiến cánh chủ quán rượu cũng phải động lòng. Người ta nghe các bà chủ tiệm vừa phục vụ mấy tay bọm rượu vừa nói: “Mời ông uống cho một cốc thôi, chứ đừng uống cả chai”.

Dân chúng tráng kiện, xinh đẹp và tốt bụng. Nhà tù thành phố thường thường rỗng không. Ngày lễ Giáng sinh, khi nào có tù nhân, người cai ngục lại thiết họ một bữa tiệc nhỏ trong gia đình.

Kiến trúc địa phương có những kiểu cách lạ lùng khó thay đổi; thành phố Saint-Pierre-Port trung thành với Nữ hoàng, với Kinh Thánh và với lối cửa sổ máy chém^[148], mùa hè đàn ông tắm truồng; quần đùi là một thứ khiếm nhã; nó càng làm thêm lộ liễu.

Các bà mẹ rất tài may mặc cho con; không gì xinh đẹp như những bộ quần áo nhỏ nhắn, nhiều màu nhiều vẻ, sáng tạo duyên dáng ấy. Trẻ con đi một mình ngoài phố, một sự tin cậy thật cảm động và dễ thương. Trẻ con điu dắt con trẻ.

Về mặt thời trang, Guernesey học đòi Paris; không phải luôn luôn. Đôi khi những màu đỏ chói hoặc xanh là biểu lộ khuynh hướng dung hòa kiểu Anh. Tuy nhiên chúng tôi cũng đã được nghe một bà bán trang phục phụ nữ địa phương, khuyến một bà lịch sự bản xứ, phản đối màu chàm và màu đỏ, rồi thêm nhận xét tế nhị sau đây: “Tôi cho là màu sắc cũng phải rất bà và rất cần như một tư tưởng đẹp”!

Nghề mộc miền biển của Guernesey rất nổi tiếng; xưởng tàu đầy ứ tàu, bè chờ đợi sửa chữa. Người ta kéo thuyền bè lên cạn theo tiếng sáo. Các ông chủ mộc thường nói: - Người thổi sáo còn được việc hơn một người thợ.

Saint-Pierre-Port cũng có một Pollet như Dieppe, và một Strand như Luân Đôn. Người lịch sử không bao giờ đi phố sách cấp một cuốn album hay một cái cặp, những ngày thứ bảy lại xách làn đi chợ.

Một nhân vật hoàng phái ghé đến đây đã thành có để dựng một cái tháp. Người ta chôn cất ngay trong thành phố. Phố Collège bên phải và bên trái chạy liền với hai nghĩa địa. Một ngôi mộ từ tháng hai năm 1610 dính liền với một bức tường.

L'Hyvreuse là một công viên trồng cỏ xanh và cây to có thể so sánh với những vườn đất đẹp nhất của Champs-Élysées^[149] ở Paris, lại có thêm biển. Ở tử kính hiệu Arcades, một hiệu tạp hóa lịch sử, thấy có những quảng cáo như sau: “Tại đây bán nước hoa được trưng đoàn 6 pháo binh giới thiệu”.

Thành phố lúc nào cũng nhộn nhịp xe ngựa ngược xuôi chở những thùng bia hoặc những bao than đất. Khách đi dạo còn có thể đọc được chỗ này chỗ nọ nhiều cáo thị khác: Tại đây tiếp tục cho mượn một bò đực tốt như trước kia. - Tại đây mua bán kén xép, chì, thủy tinh, xương, giá cao. - Bán khoai mới, củ to, thượng hạng. Bán cám đậu, mấy tấn lúa mạch để trộn với cỏ, một bộ cửa kiểu Anh, đầy đủ cho một phòng khách, và một con lợn béo. Trại Mon Plaisir, Saint-Jacques. Bán soubats tốt vừa mới đập, cà rốt vàng cả trăm và một kim tiêm Pháp. Hời ở cối xay bột cầu thang Saint-André. - Cấm làm cá và để đồ đạc ngổn ngang. - Bán một cô lừa đang có sữa, v.v...

IX

JERSEY, AURIGNY, SERK

Những hòn đảo trên biển Manche là những mảnh nhỏ của nước Pháp rơi xuống biển và được nước Anh nhặt lại. Vì thế mà đẻ ra một dân tộc phức tạp. Người Jersey và người Guernesey chắc chắn không phải là người Anh, việc mà họ không muốn, nhưng họ là người Pháp mà lại không biết. Nếu biết thế, thì họ quyết quên ngay. Đi đâu ấy thấy rõ qua thứ tiếng Pháp họ nói.

Quần đảo do bốn đảo hợp thành, hai đảo lớn, Jersey và Guernesey, hai đảo nhỏ, Aurigny và Serk; không kể các đảo con con, như Ortach, Casquets, Herm, Jet-Hou, v.v... Các đảo con con và các hòn ngầm trong cái xứ Gaule già cổ này thường được gọi là Hou. Aurigny có Bur-Hou, Serk có Brecq-Hou, Guernesey có Li-Hou và Jet-Hou, Jersey có Écré-Hou, Granville có Pir-Hou. Có mũi Hougue, Hougue-bye, Hougue des Pommiers, Houmets, v.v... Có đảo Chousey, hòn ngầm Chouas, v.v... Cái từ căn Hou đặc biệt ấy của ngôn ngữ cổ xưa, còn được thấy ở khắp nơi (houle, huée, hure, hourque, heure - đoạn đầu dài, từ cũ - houx, houperon - cá mập - hurlement, hulotte, chouette - do đó mà có chouan, v.v...); nó thấm qua hai từ ngữ chỉ vô biên, unda và unde. Nó nằm trong hai từ ngữ diễn tả sự ngờ vực, ou và où.

Serk là một nửa của Aurigny, Aurigny là một phần tư của Guernesey, Guernesey là hai phần ba của Jersey. Toàn bộ Jersey to đúng bằng thành phố Luân Đôn. Phải có hai nghìn bảy trăm Jersey mới làm được nước Pháp. Theo tính toán của Charassin, nhà nông học thực hành ưu tú, nếu nước Pháp được tròng trọt giống như Jersey thì có thể nuôi sống được hai trăm bảy mươi triệu người, tức là toàn bộ châu Âu. Trong số bốn hòn đảo, Serk, đảo bé nhất, là đảo đẹp nhất; Jersey, đảo to nhất là đảo xinh nhất; Guernesey, hoang dã và tươi vui, giống cả hai. Ở Serk có một mỏ bạc

không được khai thác vì trữ lượng kém. Jersey có năm vạn sáu nghìn dân, Guernesey ba vạn, Aurigny, bốn nghìn năm trăm, Serk, sáu trăm, Li-Hou, mỗi một. Từ đảo này sang đảo nọ, từ Aurigny sang Guernesey, và từ Guernesey sang Jersey, chỉ một bước của chiếc hài bảy dặm. Nhánh biển từ Guernesey đến Herm tên là Ruau nhỏ, và từ Herm đến Serk tên là Ruau lớn. Mũi đất Pháp gần nhất là mũi Flamanville. Ở Guernesey nghe được tiếng đại bác của Cherbourg, và ở Cherbourg nghe được tiếng sấm của Guernesey. Bão trên quần đảo Manche, như chúng tôi đã nói, thật khủng khiếp. Quần đảo là xứ sở của gió. Giữa mỗi hòn đảo có một hành lang đóng vai trò một cái bễ lò rèn. Quy luật xấu đối với biển, và tốt đối với đất liền. Gió cuốn đi những uế khí và dẫn đến những vụ đắm tàu. Quy luật này đối với Channel Islands cũng giống như đối với các quần đảo khác. Bệnh thổ tả đã bỏ qua Jersey và Guernesey. Tuy nhiên ở Guernesey, thời Trung cổ, cũng có một trận dịch ác liệt đến mức một pháp quan lúc ấy phải đốt cả giấy tờ lưu trữ để diệt trừ bệnh dịch hạch.

Ở Pháp người ta sẵn lòng gọi những hòn đảo ấy là đảo của Anh, còn ở Anh lại gọi chúng là đảo Normand. Các đảo trên biển Manche tự đúc lấy tên, chỉ tên đờng thôi. Một con đường từ thời La Mã, hiện nay vẫn còn thấy, chạy từ Coutances đến Jersey.

Như chúng tôi đã nói, chính năm 709, đại dương đã giật Jersey ra khỏi nước Pháp. Mười hai giáo khu bị chìm ngấm. Có những gia đình hiện nay còn sống ở Normandie vẫn nắm giữ lãnh địa của các giáo khu ấy; thần quyền của họ nằm dưới nước; diều ấy thường xảy đến với các thần quyền.

X

LỊCH SỬ, TRUYỀN THUYẾT, TÔN GIÁO

Sáu giáo khu ngày xưa của Guernesey thuộc về một lãnh chúa duy nhất là Néel, tử tước Cotentin, thất bại ở trận Dunes năm 1047. Thời ấy, theo lời Dumaresq, trong các đảo ở biển Manche có một ngọn núi lửa. Niên đại của mười hai giáo khu ở Jersey có ghi trong cuốn Hắc Thư của nhà thờ lớn Coutances. Ngài de Briquebec tự xưng là nam tước Guernesey. Aurigny là thái ấp của d'Henri l'Artisan. Jersey chịu cái vạ của hai tên cường quyền là César và Rollon.

Haro là tiếng kêu van tên công tước (Ha! Rollo!), trừ phi gốc nó từ tiếng Saxons, haran nghĩa là kêu. Tiếng Haro nhắc đi nhắc lại ba lần, quỳ gối, trên đường cái, và nơi nào tiếng kêu ấy được thốt lên, là mọi việc đều dừng lại cho đến khi nào công lý được xét xử.

Trước Rollon, công tước của người Normand, trên quần đảo đã có Salomon, vua của người Bretons. Vì vậy mà Jersey có nhiều tính chất Normandie và Guernesey có nhiều tính chất Bretagne; thiên nhiên ở đây phản ánh lịch sử; Jersey có nhiều đồng cỏ hơn và Guernesey nhiều núi hơn; Jersey xanh hơn và Guernesey gập ghềnh hơn.

Dinh cơ quý tộc rải khắp các đảo, Bá tước d'Essex có để lại một dinh cơ đồ nát ở Aurigny là Essex Castle. Jersey có Montongueil, Guernesey có lâu đài Cornet. Lâu đài Cornet được xây dựng trên một hòn núi trước là Holm, hay Heaume. Lối dẫn dụ này còn gặp lại trong hòn Casquets, Casques. Lâu đài Cornet đã bị bao vây bởi tên cướp xứ Picard tên là Eustache, còn Montongueil thì bởi tên Duguesclin; các pháo đài cũng như đàn bà thường tự hào về người bao vây mình khi những kẻ này nổi tiếng.

Một giáo hoàng, ở thế kỷ thứ mười lăm, đã tuyên bố Jersey và Guernesey là những đảo trung lập. Ông ta nghĩ đến chiến tranh chứ không

nghe đến vấn đề lý giáo. Học thuyết Calvin, được Pierre Morice truyền giảng ở Jersey và Nicolas Baudoin truyền giảng ở Guernesey, đã thâm nhập quần đảo Normand năm 1563. Cũng như Luther, Calvin đã phát triển ở đây, tuy vậy ngày nay cũng gặp nhiều trở ngại bởi thuyết Wesley^[150], một thứ bước của đạo Tin lành, chứa đựng tương lai của nước Anh.

Nhà thờ nhan nhản trên quần đảo. Chi tiết đó đáng được người ta nhấn mạnh; chỗ nào cũng thấy đền thờ. Lòng mộ đạo Gia-tô bị vượt xa; mỗi một mảnh đất của Jersey và Guernesey đều có nhiều giáo đường hơn bất cứ mảnh đất nào của Tây Ban Nha hoặc của nước Italia. Giám-ly hội chính công, giám-ly hội cổ xưa, giám-ly hội liên quan, giám-ly hội độc lập, phái tây lễ, phái trưởng lão, phái thiên nhiên, phái quaker, phái Kinh Thánh, phái brethren (anh em của Plymouth), không đảng phái, v.v...; thêm vào đây tân giáo hội của Anh, giáo hội La Mã của giáo hoàng. Ở Jersey còn thấy có một tiểu giáo đường của phái mormon^[151]. Người ta nhận ra những cuốn kinh thánh của phái chính thống ở chỗ chữ Satan không viết hoa: satan. Thế là phải.

Nhân nói đến Satan, người ta rất ghét Voltaire^[152]. Hình như từ ngữ Voltaire là một trong những cách phát âm của Satan. Nói đến Voltaire mọi bất đồng đều tập hợp lại, phái Mormon trùng hợp với phái Anh quốc, sự thỏa hiệp được hình thành trong giận dữ, và tất cả các đảng phái đều chung một cảm hờn. Tuyên cáo trực xuất Voltaire là giao điểm của tất cả các dạng khác nhau của đạo Tin lành. Một việc đáng chú ý là đạo Thiên Chúa không ưa Voltaire, và đạo Tin lành lại ghét cay ghét đắng Voltaire. Genève vượt quá cả Rome. Trong việc nguy hiểm rửa có sự gia tăng dần dần. Calas, Sirven, biết bao trang hùng biện để chống lại những chuyện đàn áp cũng không tác dụng gì. Voltaire đã bác bỏ giáo đi đâu, thế là đủ. Ông ta đã bênh vực các tín

đồ Tin lành, nhưng ông ta lại làm tổn thương đạo Tin lành. Tín đồ Tin lành truy đuổi ông ta với một thái độ vong ơn kiêu chính thống. Người nào cần nói trước công chúng Saint-Hélier để quyên góp, đều được cảnh báo rằng nếu trong bài nói của mình có nhắc đến tên Voltaire thì việc lạc quyên sẽ không thành. Hễ quá khứ còn hơi sức để được ăn nói, thì Voltaire còn bị bài xích. Bạn hãy nghe những câu nói như thế này: y chẳng có thiên tài, cũng chẳng có tài năng, và cũng chẳng có tài trí. Voltaire, già bị chửi rủa, chết bị khai trừ. Ông ta vĩnh viễn bị “tranh cãi”. Chính đấy là vinh quang của ông ta. Có thể nào nói đến Voltaire một cách bình tĩnh và công bằng không? Khi một con người chế ngự cả một thế kỷ và tượng trưng cho tiến bộ, người ấy không cần nói chuyện với phê bình nữa, mà với cảm hờn.

XI

CÁC SÀO HUYỆT NGÀY XƯA VÀ CÁC VỊ THÁNH NGÀY XƯA

Quần đảo Cyclades nằm theo hình tròn; quần đảo Manche nằm theo hình tam giác. Khi ta nhìn lên một bản đồ, đấy là cách nhìn theo kiểu chim bay của con người, thì dãy Channel Islands, một khúc biển hình tam giác, nổi bật lên giữa ba điểm cao nhất, Aurigny đánh dấu mũi phía bắc, Guernesey đánh dấu mũi phía tây, Jersey đánh dấu mũi phía nam. Có thể nói mỗi một hòn trong ba đảo mẹ này đều có một đàn gà con xung quanh. Aurigny có Bur-Hou, Ortach và các hòn Casquets; Guernesey có Herm, Jet-Hou và Li-Hou; Jersey mở về phía nước Pháp cái vòng cung của vịnh Saint-Aubin; hai nhóm đảo, rải rác nhưng riêng biệt, là các hòn đảo Grelets và các hòn Minquiers, dường như lao vào vòng cung đó, vào cái khoảng xanh trong của sóng nước, cũng màu da trời như không khí, y hệt hai bầy

ong sà vào một cái cửa tổ ong. Giữa quần đảo, Serk, có thêm Brecq-Hou và đảo Dê, là dấu nối giữa Guernesey và Jersey. Việc so sánh quần đảo Cyclades với Channel Islands chắc chắn là đã làm kinh ngạc phái thần bí và hoang đường dưới thời trùng hưng có quan hệ với de Maistre bởi d'Eckstein, và đã tạo ra một biểu tượng: quần đảo Hellas tròn trịa, *ore rotundo*; quần đảo Manche nhọn, lởm chởm, cau có, góc cạnh; cái này tương tự tính hài hòa, cái kia tương tự tính hay kiện cáo; không phải vô lý mà cái này mang tính chất Hy Lạp còn cái kia lại mang tính chất Normand.

Ngày xưa, trước những thời kỳ lịch sử, các hòn đảo này của biển Manche rất hung dữ. Những người sống trên đảo đầu tiên rất có thể thuộc loại người cổ xưa mà kiểu mẫu còn thấy ở Moulin-Quignon, và thuộc giống người có hàm răng thụt vào. Họ sống nửa năm bằng cá và sò ốc, nửa năm bằng những vật trôi dạt. Cướp bóc bờ biển của mình là cách sinh sống của họ. Họ chỉ biết có hai mùa, mùa đánh cá và mùa tàu đắm; người Greenland cũng gọi mùa hè là mùa săn tuần lộc và mùa đông là mùa săn hải cẩu. Tất cả các hòn đảo ấy, về sau thuộc về Normand, là những cánh đồng gai, những cánh đồng ngải, những hang thú, là chỗ trọ của bọn cướp biển. Một sử gia biên niên địa phương nói một cách quả quyết: Bẫy chuột và bẫy cướp. Người La Mã đến đây, và chỉ đầy đức tính chính trực tiến lên có một bước không đáng kể: họ đóng đinh lên thập ác bọn kẻ cướp và tổ chức những ngày hội Furinales, nghĩa là ngày hội của bọn kẻ cắp. Hội này vẫn còn được tổ chức tại một số làng của chúng ta vào ngày 25 tháng bảy, và suốt năm tại các thành phố của chúng ta... Jersey, Serk và Guernesey trước kia gọi là Ange, Sarge và Bissange. Aurigny là Redana, nếu không phải là Thanet. Một truyền thuyết khẳng định rằng trong đảo Chuột, *insula rattorum*, do sự đi lại giữa thỏ đực và chuột cái mà sinh ra con lợn Ấn Độ

“Turkey cony”. Theo Furetière, tu viện trưởng Chalivoy, vẫn người đã chê trách La Fontaine không biết sự khác nhau giữa gỗ còn vỏ và gỗ rừng già, từ lâu nước Pháp không biết có Aurigny trên bờ biển của mình. Đúng thế Aurigny chỉ chiếm rất ít vị trí trong lịch sử Normandie. Thế mà Rabelais đã biết đến quần đảo Normand; ông nêu tên Herm, và Serk mà ông gọi là Cerq “Tôi cam đoan với các ngài là cái đất ấy nó như vậy, có những lần khác tôi đã thấy các đảo Cerq và Herm, giữa Bretagne và nước Anh” (Bản năm 1558, Lyon, trang 423).

Casquets là một điểm đắm tàu đáng sợ. Cách đây hai trăm năm, người Anh có cái nghề vớt đại bác ở đây. Một trong số đại bác ấy, phủ đầy hào và vেম, hiện để ở viện bảo tàng Valognes.

Herm là một nơi ẩn dật. Thánh Tugdual, bạn thân của thánh Sampson, đã từng cầu nguyện ở Herm, cũng như thánh Magloire ở Serk. Trên tất cả các mỏm đá ngầm đây đã có những vành hào quang của ẩn sĩ.

Héliel cầu nguyện ở Jersey, và Marcouf cầu nguyện trong các núi Calvados. Đây là thời kì ẩn sĩ Éparchius thành thánh Cybard trong các động d’Angoulême, và dật sĩ Crescentius, trong rừng sâu Trêves, làm sập một ngôi đền của Diane vì đã nhìn trừng trừng vào đây suốt năm năm. Chính tại Serk, nơi ẩn dật của mình, Magloire đã sáng tác bài thánh ca mừng lễ Các Thánh, *Cælo quos eadem gloria consecrat*, sau đó được Santeuil làm lại. Cũng chính từ đó ông ta đã ném đá vào quân Saxons, hai lần đem hạm đội cướp biển đến phá rối buổi cầu nguyện của ông. Thời kỳ ấy quần đảo cũng phần nào bị viên tù trưởng của đoàn dân di cư Celt quấy rầy. Thỉnh thoảng Magloire vượt biển, đến bàn định với Nivou, vị Martierne ở Guernesey, ông này là một nhà tiên tri. Một hôm, Magloire, làm xong một phép mầu, phát nguyện sẽ không ăn cá nữa. Ngoài ra để giữ

gìn phong tục cho chó và để các tu sĩ của mình khỏi có những tư tưởng tội lỗi, ông ta đuổi hết chó cái ra khỏi đảo Serk, luật này hiện nay vẫn tồn tại. Thánh Magloire còn làm nhiều việc khác cho quần đảo. Ông ta đi Jersey trấn áp đám tiện dân, ngày lễ Giáng sinh, có thói xấu hóa trang thành đủ loại súc vật, để biểu dương Mithras. Thánh Magloire bắt phải chấm dứt cái tệ tập ấy. Thánh tích của ông, dưới thời Nominoë, chur hầu của Charles hời đầu, bị các tu sĩ của Lehon-les-Dinan ăn trộm mất. Tất cả những sự việc ấy đã được những người bollandistes xác nhận, trong tập Acta Sancti Marculphi, v.v... và trong cuốn Lịch sử Giáo hội của tu viện trưởng Trigan. Victrice de Rouen, bạn của Martin de Tours, có một cái động ở Serk, hang này hồi thế kỷ thứ mười một, thuộc về tu viện Montebourg. Lúc chúng tôi nói đây, Serk là một thái ấp trở thành bất động sản trong tay bốn mươi tá điền.

XII ĐẶC ĐIỂM ĐỊA PHƯƠNG

Mỗi hòn đảo đều có loại tiền riêng, thổ ngữ riêng, chính quyền riêng, thành kiến riêng. Jersey thường lo ngại về một nghiệp chủ người Pháp. Không khéo ông ta mua hết cả đảo! Ở Jersey cấm người ngoại quốc mua đất, ở Guernesey thì cho phép. Bù lại, sự khắc khổ của tôn giáo, ở đảo thứ nhất có kém hơn ở đảo thứ nhì, ngày chủ nhật ở Jersey được tự do đi chơi, còn ở Guernesey không được, Kinh Thánh được chấp hành ở Saint-Pierre-Port tốt hơn ở Saint-Hélier. Việc mua lại một sản nghiệp ở Guernesey trở thành phức tạp, vì một quy cơ đặc biệt, nhất là đối với người ngoại quốc dốt nát; người mua chịu trách nhiệm, trên lợi tức làm ra được trong hai

mười năm, về tình hình thương mại và tài chính của người bán lúc xảy ra việc mua bán.

Nhiều việc rắc rối khác nảy sinh từ chỗ khác nhau về tên tệ và đo lường. Đồng schelling, tức đồng ascalin hoặc chelin cũ của chúng ta, ăn hai mươi lăm xu ở Anh, hai mươi sáu xu ở Jersey, và hai mươi bốn xu ở Guernesey. “Quả cân của nữ hoàng” cũng bất thường, quả livres ở Guernesey không phải là quả livres ở Jersey, quả này lại không phải là quả livres của Anh.

Ở Guernesey đo ruộng bằng vergée^[153] và đo vergée bằng sào. Lối đo ở Jersey lại khác. Ở Guernesey chỉ tiêu tiền Pháp, và chỉ gọi bằng tên tiền Anh. Một franc được gọi là một đồng “mười pence”. Tình trạng mất cân đối đến nỗi tại quần đảo đàn bà nhiều hơn đàn ông; sáu đàn bà mới có năm đàn ông.

Guernesey có rất nhiều tên riêng, một số mang màu sắc địa chất; đối với giới bác học nó là Granosia, và đối với những người ngay thật nó là tiểu Anh Quốc. Đúng là nó giống nước Anh về hình dạng hình học; Serk là Ireland của nó, nhưng một Ireland ở phía đông. Biển Guernesey có hai trăm loại có vỏ cứng và bốn mươi loại bọt biển. Nó được người La Mã dâng cho Saturne^[154], nhưng người Celt lại dâng nó cho Gwyn; trong việc này nó chẳng được lợi gì mấy, như Saturne, Gwyn cũng ăn thịt trẻ con. Nó có một bộ luật của Pháp mang niên hiệu 1331 và nhan đề là Lời dạy của d’Assize.

Về phía mình, Guernesey có ba hoặc bốn bộ luật cũ của Normand, tòa án gia tài, và tòa án hình sự Catel, tòa án Billet, một thứ tòa án thương mại, và tòa án thứ bảy, một thứ cảnh sát khinh tội. Guernesey xuất cảng dấm, gia súc và hoa quả, nhưng chủ yếu là nó tự xuất cảng; ngành thương mại

chính của nó là thạch cao và đá hoa cương. Guernesey có ba trăm linh năm ngôi nhà không ai ở. Vì sao? Câu trả lời, ít ra là của một vài ngôi nhà, có lẽ nằm ở một trong những chương của cuốn sách này. Những người Nga trú ngụ ở Jersey vào đầu thế kỷ này đã để kỷ niệm lại trong giống ngựa, ngựa của Jersey là một giống lai đặc biệt của ngựa Normand và ngựa Cosaque, đây là giống ngựa chạy hay, đi khỏe. Nó có thể mang Tancrede và kéo Mazeppa^[155].

Ở thế kỷ thứ mười bảy, có nội chiến giữa Guernesey với lâu đài Cornet; lâu đài Cornet theo Stuart, còn Guernesey theo Cromwell. Gần tương tự như đảo Saint-Louis tuyên chiến với bến Ormes. Tại Jersey có hai đảng phiến loạn, đảng Hoa Hồng và đảng Nguyệt Quế, những hình thức thu hẹp của Whigs^[156] và Tories^[157]. Sự chia rẽ đảng cấp tầng lớp, việc phân đất thành lô rất hợp lý các cư dân trên quần đảo này, được gọi rất đúng là xứ Normandie không được ai biết. Đặc biệt dân Guernesey thích đảo đến mức họ lập thành những hòn đảo trong nhân dân; ở trên cùng cái trật tự xã hội nhỏ nhỏ ấy, sáu mươi gia đình, giới sixty^[158], sống riêng biệt ở lưng chừng, bốn mươi gia đình, giới forty^[159], làm thành một nhóm khác cũng biệt lập; còn xung quanh là dân chúng. Còn chính quyền, vừa của nước Anh vừa của địa phương, thì được chia cắt như sau: mười giáo khu, mười mục sư, hai mươi nguyên soái, một trăm sáu mươi vị cầ đầu đoàn mười hai người, một tòa án hoàng gia với biện lý và kiểm soát, một nghị viện gọi là Nghị Hội, mười hai thẩm phán gọi là juvats, một phán quan gọi là baillif. Các hiến chương cũ gọi là Ballivus và coronator.

Về luật pháp thì theo tập quán Normandie. Biện lý do ủy viên hội bổ nhiệm, còn baillif thì theo môn bài; màu sắc Anh rõ rệt. Ngoài vị baillif quản lý mọi việc dân sự, có vị niên trưởng giải quyết việc phần hồn, và vị

thống đốc thống lĩnh việc quân sự. Chi tiết về các công việc khác được ghi rõ trong “công vụ biểu của các ông giữ những cương vị cao nhất trong đảo”.

XIII CÔNG VIỆC CỦA VĂN MINH TRONG QUẦN ĐẢO

Jersey là hải cảng thứ bảy của nước Anh. Năm 1845, quần đảo có bốn trăm bốn mươi tàu dung lượng bốn vạn hai nghìn tô-nô; trong các cảng này thường nhập sáu vạn tô-nô và xuất năm vạn bốn nghìn tô-nô trên một nghìn hai trăm sáu mươi lăm tàu của tất cả các nước, trong đó có một trăm bốn mươi tàu chạy máy. Những con số ấy trong hai mươi năm đã tăng hơn gấp ba.

Tiền tệ tín dụng hoạt động trong các đảo trên một quy mô rộng và đem lại những kết quả rất tốt. Ở Jersey ai muốn phát hành giấy bạc thì cứ phát; nếu những giấy bạc ấy đứng vững được trước làn sóng hoàn trả thì ngân hàng được thành lập. Trên quần đảo lúc nào cũng chỉ thấy thứ giấy bạc một livre xteclinh. Ngày nào phiếu lợi tức được người Anglo - Saxon hiểu, chắc chắn họ sẽ ứng dụng nó, và người ta sẽ có cái hiện tượng kỳ lạ được thấy cùng một sự việc mà tại châu Âu thì ở tình trạng không tưởng, còn tại Channel Islands thì ở tình trạng tiến bộ hoàn toàn. Cách mạng tài chính sẽ được tiến hành một cách rất hẹp trên mảnh đất nhỏ bé này của thế giới.

Một đầu óc thông minh kiên quyết, sắc sảo, linh lợi, nhanh nhẹn, là đặc tính của người Jersey, nếu muốn, họ sẽ là những người Pháp tuyệt vời. Người Guernesey, cũng sâu sắc và vững vàng như thế, có chậm chạp hơn.

Đây là những dân tộc dũng cảm, khỏe mạnh, có kiến thức hơn người ta

tưởng, và người ta sẽ gặp nhiều điều ngạc nhiên ở họ. Báo chí ở đây rất nhiều, bằng tiếng Anh và tiếng Pháp; sáu tờ ở Jersey, bốn tờ ở Guernesey; những tờ báo rất to, rất tốt. Đây là bản năng hùng mạnh và không thay đổi của người Anh. Bạn cứ giả thiết một hòn đảo hoang vắng; ngay hôm sau khi đến, Robinson làm một tờ báo, và Thứ Sáu đặt mua luôn.

Bổ sung thêm có việc quảng cáo. Quảng cáo khổng lồ và nhiều vô kể. Bảng yết thị đủ mọi màu sắc và đủ mọi kích thước, chữ hoa, hình ảnh, minh họa ngay ở giữa trời; trên tất cả các bức tường của Guernesey, một nhãn hiệu to, vẽ một người đàn ông cao sáu piê, tay cầm một cái chuông, gõ rao hàng. Guernesey lúc này có nhiều quảng cáo hơn cả toàn bộ nước Pháp.

Từ lối quảng cáo ấy nảy sinh ra cuộc sống. Cuộc sống tư tưởng rất nhiều khi, với những kết quả bất ngờ, san bằng dân chúng nhờ thói quen đọc sách, tạo nên phẩm cách trong cử chỉ. Bạn chuyện trò trên đường phố Saint-Hélier hoặc Saint-Pierre-Port với một người qua đường chỉnh tề, mặc đồ đen, khuy cài nghiêm túc, áo lót trắng tinh, người ấy nói với bạn về John Brown và hỏi thăm về Garibaldi^[160]. Một cha cố chẳng? Không. Đây là một anh chăn bò. Một nhà văn đương thời đến Jersey, vào nhà một người bán tạp hóa^[161], và trong một phòng khách lộng lẫy kề với cửa hàng, nhìn thấy sau một tủ kính toàn tập các tác phẩm của mình được đóng bìa cứng, để trong một tủ sách cao, rộng, trên đặt một bức tượng bán thân của Homère.

XIV NHỮNG ĐẶC ĐIỂM KHÁC

Từ đảo này sang đảo nọ, người ta xem nhau như anh em, và người ta cũng chế giễu nhau một cách nhẹ nhàng. Aurigny phụ thuộc vào Guernesey, đôi khi bất bình vì thế, và chỉ muốn kéo về mình quyền quản hạt và biến Guernesey thành chư hầu của mình. Guernesey không giận dữ, trả lời lại bằng câu “về” dân gian sau đây:

Kéo đi Jean, kéo đi, Pier,

Guernesey đánh cho một mẻ.

Vì là một gia đình miền biển, nên những người dân hải đảo này đôi khi cũng ngiệt ngã, nhưng không bao giờ chua ngoa. Ai bảo họ thô bỉ là không hiểu họ. Chúng tôi không tin có cuộc mạo nhận là đối thoại kiêu mẫu sau đây giữa Jersey và Guernesey: - Các anh là giống lừa - Đáp lại: - Các anh là giống cóc nhái. Đây là một lối chào hỏi mà quần đảo Normand không thể có. Vadius và Trissotin trở thành hai hòn đảo của đại dương, chúng tôi không chấp nhận chuyện ấy.

Vả lại, Aurigny có tầm quan trọng tương đối của nó. Đối với các hòn đảo Casquets, Aurigny là Luân Đôn. Có con gái người gác đèn biển Houguer, sinh tại Casquets, lúc hai mươi tuổi đi Aurigny chơi. Cô ta luống cuống vì tiếng ồn ào, và đòi trở về quê núi của mình. Cô ta chưa bao giờ trông thấy bò. Thoạt gặp một con ngựa, cô ta hét lên: Con chó to quá!

Trên những hòn đảo Normand ấy, người ta già trước tuổi rất nhiều, không phải thực sự, nhưng đương nhiên. Hai người qua đường nói chuyện với nhau: - Cái lão ngày nào cũng đến đây chết rồi. - Lão bao nhiêu tuổi? - Khoảng bẩy sáu.

Phụ nữ xứ Normandie hải đảo này không thích đi làm người ở, chẳng biết đó là một đi ầu chê trách hay một lời khen? Hai người hầu trong một

nhà khó lòng hòa hợp với nhau. Họ không bao giờ nhượng bộ nhau; vì vậy mà có một lối hèn hạ thiếu mềm dẻo, rất thất thường và hết sức lúng túng. Họ chỉ chăm lo đại khái cho chủ, nhưng không ác cảm với chủ. Chủ muốn ra sao thì ra. Năm 1852, một gia đình người Pháp, vì gặp nhiều sự kiện phải đến Jersey, mượn một chị nấu bếp quê tại Saint-Brelade và một chị hầu phòng quê tại Boulay-Bay. Một buổi sáng tháng chạp, người chủ nhà dậy sớm, thấy cái cửa nhìn ra đường cái mở toang cả hai cánh, và chẳng còn người đậy tở nào nữa. Hai người đàn bà đã không chịu nhau, và sau một cuộc cãi cọ, chắc hẳn cũng có một vài lý do để tự xem như đã được trả công xá, họ đã gói ghém áo xống ra đi, mỗi người một ngả, giữa đêm khuya, bỏ mặc chủ còn ngủ và cửa nhà để ngỏ. Một chị đã nói với chị kia: Tao không ở lại với một con bò cái, và chị kia đã đáp lại: Tao không ở lại với một con ăn cắp.

Luôn luôn hai trên mười là một thành ngữ lâu đời có tính chất tục ngữ địa phương. Nó nghĩa là thế nào? Là nếu trong nhà bạn có một anh lao công hoặc một chị giúp việc, hai mắt của bạn không bao giờ rời khỏi mười ngón tay của họ. Lời khuyên của người chủ nhà keo kiệt; đấy là sự nghi ngờ cổ xưa cho thấy tính lười biếng cổ xưa. Diderot kể lại rằng, vì cửa sổ nhà ông, ở Hà Lan, vỡ mất một miếng kính, năm người thợ đến; một người ôm tấm kính mới, một người đem mát-tít, một người xách xô nước, một người cặm bay và một người nữa cặm miếng bọt biển. Năm người đó, trong hai ngày, lắp lại xong ô kính.

Phải nói đây là những thói lèm lếch cổ xưa, nảy sinh từ chế độ nông nô cùng những thói nhấc nhớn ở đất thuộc địa nảy sinh từ chế độ nô lệ, những thói xấu chung của tất cả các dân tộc mà ngày nay chỗ nào cũng đã biến mất do cọ xát với tiến bộ, ở Channel Islands cũng như ở các nơi khác, và

có lẽ còn nhanh hơn ở các nơi khác. Trong các cộng đồng khéo léo này của hải đảo, tính ham hoạt động, vốn là yếu tố của lòng ngay thật, ngày nay trở thành quy luật lao động. Trong quần đảo Manche, vẫn còn thấy một số sự việc của quá khứ. Chẳng hạn như: - TÒA ÁN LÃNH ĐỊA, họp ở khu giáo khu Saint-Ouen, tại nhà ông Malzard, ngày thứ hai 22 tháng Năm năm 1854, giờ giữa trưa. Tòa án do vị pháp quan chủ tọa, bên phải có giáo đoàn trưởng, bên trái có viên đình lại. Tham dự phiên tòa có vị công tử quý tộc, diện hạ xứ Morville và các nơi khác, nắm quyền một phần giáo khu. Vị pháp quan đòi hỏi vị giáo đoàn trưởng tuyên thệ, nội dung như sau: Lấy đức tin vào Chúa, ngài hãy thề và hứa sẽ thi hành tốt và trung thành chức vụ giáo đoàn trưởng của tòa án lãnh địa và thái ấp Morville, và ngài sẽ duy trì quyền lãnh chúa - Vị giáo đoàn trưởng sau khi giơ tay và cúi chào vị lãnh chúa, nói: - Tôi xin thề như thế.

Quần đảo Normand nói tiếng Pháp với một vài biến thể như thế. Paroisse phát âm thành paresse. Người ta bị đau ở cái chân không bình thường. Ông có được khỏe không? - Tí ti. Vừa vừa. Dễ chịu lắm. Nghĩa là: Yếu lắm, tương đối, rất khỏe. Buồn rầu là đầu óc thấp. Thối là người không tốt, gây tổn hại là “faire du ménage”, quét bụi, rửa bát, v.v... là picher son fait, baquet^[162] thường để rác bẩn, là cái bouquet. Say rượu là bragi, ướt là mucre. Bị bệnh thần kinh là có fixes. Con gái là hardelle, tạp dề là devantier, khăn bàn là doublier, áo dài là dress, túi áo là pouque, ngăn kéo là haleur, bắp cải là caboche, tủ đứng là presse, quan tài là cái thùng người chết, quà biếu là irvières, lòng đường là cauchie, mặt nạ là visagier, viên thuốc là boulets. Chẳng bao lâu nữa, là bien dupartant. Chợ không đầy đủ lắm, vật phẩm hiếm hoi, cá và rau écarts. Khoai đầu mùa ở Guernesey là temprunes, ở Jersey là heurives. Kiện tụng, làm nhà, du lịch, đãi khách,

mời tất cả, mở hội, là coûrageux (ở Bỉ và ở xứ Flandre của Pháp là frayeux). Một cô gái không để cho hôn, vì sợ v ênhà bouquie (đầu bù, tóc sô). Cao quý là một trong những từ hay được dùng nhất trong thứ tiếng Pháp địa phương này. Mọi việc hoàn thành tốt đầu đi đứng cao quý. Một chị đầu bếp đi chợ mua về một miếng thịt bò cao quý. Một con vịt được nuôi tốt là một con cạc cạc cao quý. Một con ngỗng béo là một con quác quác cao quý. Ngôn ngữ tư pháp và pháp định cũng có dư vị Normand. Một hồ sơ kiện cáo, một đơn yêu cầu, một bản dự án, đầu được đặt vào phòng lục sự. Một ông bố gả ch ồng cho con gái không phải cho con gì cả vì nó được ch ồng bao hết.

Theo các điều khoản của tập quán Normand, một cô gái không ch ồng mà chữa, cứ việc chỉ rõ người bố của đứa con trong dân chúng. Đôi khi cô ta cũng có lựa chọn một tí. Như thế không phải là không có điều bất tiện.

Thứ tiếng Pháp mà cư dân ngày xưa trên quần đảo mới nói có lẽ không phải hoàn toàn do khuyết điểm của họ.

Cách đây mười lăm năm, có nhiều người Pháp đến Jersey, chi tiết này chúng tôi vừa nói đến (nhân thể cần nói là người ta không hiểu tại sao họ đã từ bỏ xứ sở của họ, một số cư dân gọi họ là cánh phiến loạn). Một trong số người Pháp ấy tiếp một ông giáo già dạy tiếng Pháp đến xứ sở này lập nghiệp từ lâu, theo lời ông ta nói. Đây là một người Alsace^[163] cùng đi với vợ. Ông ta tỏ ra ít có cảm tình với thứ tiếng Pháp Normand, vốn là thổ âm của biển Manche. Vừa bước vào ông ta nói to: - Tôi phởi vác lăm khi đại tiếng Pháp cho họ. Ở đây người ta nói toàng tổ nữ.

- Sao, tổ nữ à?

- Phởi, tổ nữ.

- À, thổ ngữ chứ?

- Đúng, đúng, tổ nữ.

Ông giao tiếp tục kêu rêu về cái “tổ nữ” Normand. Bà vợ thì thần gì đó với ông, ông liền ngoảnh lại nói ngay: - Đừng có mà nói những chuyện lènh nhèng ở đây.

XV

ĐỒ CỎ VÀ ĐỒ CŨ. TẬP QUÁN, LUẬT PHÁP VÀ PHONG TỤC

Chúng ta cần nhận thấy rằng ngày nay hòn đảo Normand nào cũng có trường trung học riêng và nhiều trường tiểu học, cũng có những giáo sư giỏi người Pháp, người Guernesey và người Jersey.

Còn thổ ngữ, bị ông giáo sư người Alsace tố cáo, là một ngôn ngữ thực sự, không đáng khinh rẻ tí nào. Thổ ngữ này là một thổ âm đầy đủ, rất phong phú và rất đặc biệt. Bằng cái ánh tối tăm nhưng sâu sắc của mình, nó làm sáng tỏ những nguồn gốc của ngôn ngữ Pháp. Thổ ngữ này có những nhà thông thái chuyên môn, trong số đó phải kể đến người dịch cuốn Kinh Thánh sang tiếng Guernesey, Monsieur Métivier, người có công đối với ngôn ngữ Celt - Normand cũng như tu viện trưởng Élicagaray đối với ngôn ngữ Tây Ban Nha - Basque.

Trên đảo Guernesey có một tiêu giáo đường mái đá của thế kỷ thứ tám, và một pho tượng của người Gôloa từ thế kỷ thứ sáu, nay dùng làm khung cho một cái cửa nghĩa địa, những kiểu mẫu có lẽ duy nhất. Một kiểu mẫu duy nhất khác là một người dòng dõi của Rollon, một người thượng lưu rất chững chạc, sống lạng lẽ trên quần đảo. Ông ta bằng lòng công nhận nữ

hoàng Victoria^[164] là chị em họ.

Dòng họ của ông ta hình như được xác nhận và chẳng có gì h ồ đ ồ cả.

Như chúng tôi đã nói, trên các đảo này, người ta rất quý huy hiệu của mình. Chúng tôi đã được nghe một bà trong họ M. trách những người trong họ G. Họ đã lấy gia huy của chúng tôi để đặt lên mộ của họ.

Một nông dân nói: Tổ tiên nhà tôi.

Hoa huệ rất nhiều. Nước Anh sẵn sàng chạy theo những thời thượng mà nước Pháp từ bỏ. Ít nhà tư sản nào mà sân và vườn lại không có một hàng rào hoa huệ.

Người ta rất khó chịu về những chuyện hôn nhân không đ ằng đ ối. Không biết trên hòn đảo nào, ở Aurigny thì phải, con trai một dòng họ buôn rượu rất xưa kết hôn một cách không môn đ ằng hộ đ ối với con gái một nhà mới làm mĩ, ai cũng ph ẫn nộ, cả đảo chê trách anh con trai kia, và một bà đáng kính trọng thốt lên: Đấy có phải đâu là một cái cốc để cho bố mẹ uống! Vương bá phu nhân cũng không đến nỗi phát khùng một cách bi đát hơn, khi bà trách cứ một bà chị em họ, lấy hoàng tử Tingry, là đã “vô lại hóa với một Montmorency”.

Ở Guernesey đưa cánh tay cho một phụ nữ khoác có nghĩa là đính hôn. Một cô dâu mới, tám ngày sau khi cưới, chỉ ra khỏi nhà để đi lễ. Một chút ràng buộc, làm cho tu ần trắng mặt thêm phần hương vị. Một tí then thùng cũng thích đáng thôi. Việc cưới xin đòi hỏi ít thủ tục đến nỗi nó có thể tiến hành ng ầm ng ần. Cahaigne, ở Jersey, đã nghe những câu hỏi và trả lời sau đây trao đ ổi giữa một bà mẹ già với cô gái bốn mươi tuổi: - Tại sao con không lấy cái ông Stevens ấy? - Thế mẹ muốn con lấy ông ta hai lần sao? - Sao thế? - Thì chúng con đã lấy nhau bốn tháng nay rồi thôi.

Tại Guernesey hồi tháng mười năm 1863, một cô gái đã bị kết án sáu tuần tù “vì đã làm buồn phiền bố”.

XVI ĐẶC ĐIỂM, TIẾP THEO

Các đảo Manche chỉ còn có hai pho tượng, một pho ở Guernesey, của “chồng nữ vương”, pho kia ở Jersey, được người ta gọi là Ông Vua Vàng; gọi như thế vì không rõ nó tượng trưng nhân vật nào và không biết nó ghi nhớ công ơn ai. Nó đứng giữa quảng trường Saint-Hélier. Một pho tượng vô danh vẫn cứ là một pho tượng, đi đâu ấy môn trốn lòng tự ái một dân tộc, rất có thể đó là vinh quang của một người nào đó. Không gì trỗi lên mặt đất chậm hơn một pho tượng, và cũng không gì mọc nhanh hơn. Không phải một cây sồi thì là một cái nấm. Shakespeare vẫn luôn luôn chờ đợi tượng mình trên đất Anh. Beccaria vẫn luôn luôn chờ đợi tượng mình trên đất Italia, nhưng hình như ông Dupin sắp có tượng của mình ở Pháp. Người ta thích thấy những sự tôn sùng công cộng đối với những người làm rạng rỡ cho một xứ sở, như cho Luân Đôn chẳng hạn, nơi mà xúc cảm, ngưỡng mộ, luyến tiếc, và quần chúng chịu tang cứ tăng dần vào ba đám ma của Wellington^[165], của Palmerston và của võ sĩ Tom Sayers.

Jersey có một Núi Treo Cổ, Guernesey thiếu cái đó. Cách đây sáu mươi năm, người ta đã treo cổ một người ở Jersey vì đã lấy mười hai xu trong một ngăn kéo, đúng là cùng thời kỳ ấy ở Anh người ta treo cổ một em bé mười ba tuổi vì tội ăn cắp bánh, và ở Pháp người ta đưa Lesurques, vô tội, lên máy chém. Những cái hay cái đẹp chờ án tử hình.

Ngày nay Jersey, tiến bộ hơn Luân Đôn, sẽ không dung thứ giá treo cổ

nữa. Án tử hình ở đây đã mặc nhiên được hủy bỏ.

Trong nhà tù người ta giám sát rất kỹ việc đọc sách. Tù nhân chỉ có quyền được đọc Kinh Thánh. Năm 1830, một người Pháp bị kết án tử hình, tên là Béasse, được phép đọc các bi kịch của Voltaire, trong lúc chờ đợi giá treo cổ. Việc quái gở ấy ngày nay sẽ không được dung thứ nữa. Anh chàng Béasse ấy là người bị treo cổ áp cuối của Guernesey. Tapner đã và sẽ là, chúng ta hy vọng thế, người cuối cùng.

Cho đến năm 1825, pháp quan của Guernesey vẫn nhận lương ba mươi livrơ tuônnoa như từ thời d'Edouard III; quang năm mươi frăng. Ngày nay, ông ta được ba trăm livrơ xteclinh. Ở Jersey, pháp đình nhà vua gọi là la Cohue. Một người đàn bà đứng đơn kiện gọi là l'actrice. Ở Guernesey người ta xử phạt bằng roi; ở Jersey bị cáo bị bỏ vào cũi sắt. Người ta chế giễu các thành tích nhưng lại thờ đôi ủng của Charles II. Đôi ủng được thành kính lưu trữ tại tiểu lâu đài Thánh Ouen. Thuế thập phân vẫn hiện hành. Trong lúc dạo chơi, người ta gặp những kho thuế thập phân. Hình như quyên bẻ hoa^[166] bị hủy bỏ, nhưng thuế gà vẫn hoành hành. Người viết những dòng này mỗi năm vẫn nộp hai con gà mái cho Nữ hoàng Anh quốc.

Thuế má dựa một cách hơi kỳ quặc vào tổng số tài sản, thực tế hay ước đoán, của người chịu thuế. Điều này có điểm bất lợi là không thu hút được những nhà tiêu thụ lớn vào đảo. Monsieur Rothschild, nếu ở tại Guernesey trong một trang trại xinh xắn tậu quăng hai vạn frăng, sẽ đóng một nghìn năm trăm frăng tiền thuế mỗi năm. Cần nói thêm rằng, nếu chỉ cư trú năm tháng, trong năm, ông ta sẽ không phải đóng gì cả. Chính tháng thứ sáu là cái tháng tai hại.

Thời tiết, một mùa xuân kéo dài. Mùa đông, đượ; mùa hè, cố nhiên, nhưng không thái quá, không bao giờ có Sénégal, không bao giờ có Sibérie. Các đảo Manche là những đảo Hyères của nước Anh. Người ta gửi đến đây những l`ng ngực yếu ớt của Albion. Một giáo khu của Guernesey, Saint-Martin chẳng hạn, đượ xem như một Nice^[167] nhỏ. Không một Tempe nào, không một Gémenos nào, không một Val-Suzon nào hơn đượ thung lũng Bò ở Jersey và thung lũng Talbots ở Guernesey. Chỉ nhìn các sườn núi phía nam thì không gì xanh hơn, ấm hơn và mát hơn qu`ân đảo này. Ở đây có thể sống một cách sang trọng. Những hòn đảo này đều có giới thượng lưu của chúng. Ở đây người ta nói tiếng Pháp, đi đâu đó chúng tôi vừa nhắc lại, trong xã hội thượng lưu người ta nói: Cô ta có một bông h`ng ở mũ. Ngoài điếm ấy ra, chuyện trò rất có duyên.

Jersey tôn sùng tướng Don; Guernesey tôn sùng tướng Doyle. Đây là hai vị thống đốc cũ đầu thế kỷ này. Ở Jersey có phố Don và ở Guernesey có đường Doyle. Ngoài ra, Guernesey còn xây dựng và hiến dâng cho vị tướng của mình một cái cột to trông ra biển mà đứng ở Casquets người ta có thể nhìn thấy, còn Jersey thì tặng cho vị tướng của mình một đài cổ tích. Đài cổ tích này ở gần Saint-Hélier; nó nằm trên ngọn đ`ũ ngày nay có vị Nhiếp chính khỏe. Tướng Don đã nhận đài cổ tích, cho chở từng tảng một ở trên bờ, đưa xuống một chiếc tàu bu`m, và đã mang nó đi. Đài kỷ niệm này là kỳ quan của các đảo Manche; nó là đài cổ tích hình tròn duy nhất của qu`ân đảo; nó đã nhìn thấy người Cimmériens tưởng nhớ đến Tubal-Caïn, cũng như người Esquimaux tưởng nhớ đến Probisher; nó đã nhìn thấy người Celt mà bộ óc so với bộ óc hiện nay chỉ bằng 13 trên 18; nó đã nhìn thấy những vọng lâu kỳ lạ bằng gỗ mà người ta còn tìm thấy bộ sườn trong các cỗ mộ, và làm cho trí óc phải do dự giữa ngữ nguyên domgio của Du

Cange và ngữ nguyên domi-junctœ của Barleycourt; nó đã nhìn thấy những cái chùy bằng đá lửa, và những cái rìu của người Goloa cổ xưa; nó đã nhìn thấy Teutatès vĩ đại đan bằng liễu; nó tồn tại trước bức thành La Mã, nó chứa đựng bốn nghìn năm lịch sử; ban đêm các thủy thủ trông thấy từ xa dưới ánh trăng cái vành tròn to những quả núi đứng thẳng trên vách biển cao của Jersey. Ngày nay đây là một đồng đá trong một góc của một Yorkshire nào đấy.

XVII TÍNH SỐ NHỮNG ĐIỂM CỤC ĐOAN

Quyền trưởng nam tồn tại, thuế thập phân tồn tại; giáo khu tồn tại, lãnh chúa tồn tại, có lãnh chúa thái ấp và lãnh chúa tiểu lâu đài; lối kêu phản đối tồn tại, “vụ kiện phản đối giữa Nicolle, dũng sĩ tùy tùng, và Godfrey, lãnh chúa Méléches, đã được chêng lên các ngài tư pháp sau khi tòa án đã được thiết lập theo yêu cầu thường lệ” (Jersey, 1864). Loại livrer tuocnoa tồn tại, quyền thừa kế tức khắc^[168] và quyền từ chối thừa kế tồn tại, quyền tịch thu hàng lậu tồn tại, thuế bõ thuộc tồn tại, quyền rút khỏi đờng tông tồn tại, quá khứ tồn tại. Người ta là ông lớn. Có pháp quan. Có senechal^[169], có trưởng đoàn một trăm, trưởng đoàn hai mươi, trưởng đoàn mười hai. Có thuế một phần hai mươi hoa lợi Saint-Sauveur và quyền thu hoạch ở Saint-Ouen. Năm nào cũng có nguyên soái cưỡi ngựa để chia tách đường sá. Tử tước dẫn đầu, “tay cầm cây sào lệnh”. Có giờ giáo hội trước ngọ. Lễ Giáng sinh, lễ Phục sinh, lễ Thánh Jean và lễ Thánh Michel là những kỳ-nhật pháp định. Người ta không bán bất cứ bất động sản nào mà chỉ cho thuê lấy lợi. Người ta được nghe những lời đối thoại như sau

trước tòa án: “Bẩm quan thị trưởng, có phải ngày, giờ, và địa điểm các phiên tòa của tòa án lãnh địa và thái ấp đã được công bố không? - Phải. - Amen. - Amen”. “Trường hợp dân quê không công nhận đất làm rẽ của mình nằm trong đất người khác” đã được dự kiến trước. Có những “chuyện ngẫu nhiên, những tài sản tìm được, những đám cưới, v.v... mà lãnh chúa có thể lợi dụng”. “Lãnh chúa được quyền giám thị cho đến khi có mặt người có quyền trước pháp luật”. Có lệnh trình diện và sự thú nhận, có chứng cứ và đi điều tra chứng cứ; có trưởng phiên tòa, phong ấp, quyền sở hữu; có thái ấp và quyền của nhà vua.

Bạn cho như thế là hoàn toàn trung cổ ư; không, hoàn toàn tự do. Bạn cứ đến, cứ sống, cứ làm ăn. Bạn cứ đi chỗ nào bạn muốn, cứ làm đi đâu gì bạn thích, cứ đóng vai người mà bạn ưng. Không ai có quyền biết tên bạn. Bạn có một Đức Chúa Trời của bạn phải không? Bạn cứ việc thuyết giáo. Bạn có một lá cờ của bạn ư? Bạn cứ việc giương nó lên. Ở đâu? Ở ngoài đường. Cờ trắng à? Được. Cờ xanh ư? Tốt lắm. Cờ đỏ chứ? Đó cũng là một màu sắc. Bạn thích tố cáo chính quyền? Cứ việc trèo lên cột mốc mà nói. Bạn muốn hội họp công khai ư? Cứ hội họp. Bí mật ư? Cứ hội họp. Bao nhiêu người? Muốn bao nhiêu cũng được. Trong giới hạn nào? Chẳng có giới hạn nào cả. Bạn muốn tập hợp dân chúng phải không? Xin cứ việc. Tại đâu? Trên quảng trường. Tôi sẽ tấn công nên quân chủ ư? Chuyện ấy không liên quan gì đến chúng tôi. Tôi muốn dán áp phích ư? Khổic tường đấy. Bạn cứ suy tư, cứ nói, cứ viết, cứ in, cứ diễn thuyết, đấy là việc của bạn.

Một mặt, nghe tất cả và đọc tất cả, như thế hàm ý, mặt khác, nói tất cả và viết tất cả. Vậy là quyền tự do tuyệt đối về ngôn luận và báo chí. Ai muốn làm chủ nhà in cứ làm, ai muốn truyền giáo cứ truyền, ai có thể làm

chủ giáo cứ làm. Chỉ tùy thuộc ở bạn để trở thành giáo hoàng. Muốn thế bạn cứ sáng tạo ra một tôn giáo. Bạn cứ tưởng tượng ra một hình thức mới về Chúa mà bạn sẽ là nhà tiên tri. Chẳng ai có việc gì mà dòm ngó vào đấy. Nếu cần, cảnh sát giúp đỡ bạn. Không chút ngăn trở. Hoàn toàn tự do, cảnh tượng thật huy hoàng. Người ta tranh luận việc tòa án đã xử. Cũng như người ta thuyết giáo với cha cố, người ta xét đoán cả quan tòa. Báo chí in: “Hôm qua tòa án đã ra một phán quyết bất công”. Lần lần tự nhiên của tòa án không có quyền gì được tôn trọng cả, lạ lùng thật. Công lý của con người cũng như đạo giáo bị phó mặc cho bài bác. Tính độc lập cá nhân khó lòng mà đi xa hơn. Mỗi người là chúa tể của chính mình, không phải do luật pháp mà do phong tục. Quyền làm chủ thật hoàn toàn và hòa lẫn vào cuộc sống đến mức có thể nói là người ta không cảm thấy nó nữa. Luật pháp trở thành dễ thở, nó không có màu sắc, không ai để ý đến nó và nó cần thiết như không khí. Đồng thời người ta “trung thực”. Đây là những công dân dám tự hào mình là thần dân. Nói chung, thế kỷ thứ mười chín tri vì và thống trị. Nó lọt qua tất cả các cửa sổ của tòa nhà trung cổ vẫn đứng sừng sững ấy. Nền pháp luật già nua của Normand bị tự do xuyên suốt từ bên nọ qua bên kia. Túp nhà nát ấy tràn ngập thứ ánh sáng kia. Chưa bao giờ sai lầm về thời đại lại ít ngang ngạnh như thế. Lịch sử cho quần đảo này tính chất gothic, công nghiệp và trí tuệ lại làm cho nó thành hiện đại. Nó thoát khỏi sự trì trệ là hoàn toàn nhờ lòng phôi của dân chúng. Điều đó không ngăn cản người ta trở thành lãnh chúa của Méléches. Một chế độ phong kiến đương nhiên, một chế độ cộng hòa thực sự. Hiện tượng là như vậy.

Nền tự do ấy chịu đựng một biệt lệ, một thôi, điều ấy chúng tôi đã nói rõ. Ở Anh, có một bạo chúa. Bạo chúa của người Anh trùng tên với chủ nợ

của Đông Giuăng, nó tên là Chủ nhật. Nước Anh là dân tộc đã nói: *time is money*^[170], bạo chúa Chủ nhật thu hẹp tuần lễ hoạt động lại còn có sáu ngày, nghĩa là lấy mất của người Anh một phần bảy tư bản. Và không thể có một chống đối nào hết. Ngày chủ nhật trị vì bằng phong tục, chuyên chế khác hẳn luật pháp. Chủ nhật, ông vua ấy của nước Anh, có vị đồng cung thái tử là bệnh ưu uất. Thái tử có quyền buồn chán. Thái tử đóng cửa các xưởng thợ, các phòng bào chế, các thư viện, các viện bảo tàng, các rạp hát, hầu như đóng cả các vườn hoa và các rừng cây. Tuy vậy, chúng ta cần nhấn mạnh điểm này, ngày chủ nhật của Anh ức hiếp Jersey ít hơn Guernesey. Ở Guernesey, một bà chủ quán nghèo người Pháp rót một cốc bia cho một khách dạo chơi, đúng vào ngày chủ nhật, mười lăm ngày tù. Một người bị trục xuất, làm thợ giày, muốn lao động ngày chủ nhật để nuôi vợ con; y đóng cửa ván lại để người ta khỏi nghe tiếng búa; nếu để người ta nghe được là bị phạt tiền. Một chủ nhật nọ, một họa sĩ, từ Paris đến, vừa mới xuống tàu, dừng chân trên đường để vẽ một cái cây, một vị trưởng đoàn một trăm gọi ông ta lại, bắt phải dừng ngay cái việc ô nhục ấy, và vì khoan hồng, sẵn lòng không giam ông ta vào phòng lục sự. Một anh thợ cạo ở Southampton cạo mặt cho một khách qua đường vào ngày chủ nhật; anh ta trả cho sở thuế ba livrơ xteclinh. Rất đơn giản, hôm ấy Chúa phải nghỉ ngơi.

Vả lại, hạnh phúc thay cái dân tộc được tự do sáu ngày trên bảy. Vì chủ nhật được xem như đờng nghĩa với nô lệ, chúng tôi được biết có những nước mà tuần lễ có bảy ngày chủ nhật.

Sớm muộn rồi những trở ngại ấy cũng sẽ hết. Tất nhiên tư tưởng chính thống khó lay chuyển. Tất nhiên vụ khởi tố giám mục Golensa chẳng hạn là nghiêm trọng. Tuy vậy các bạn nên nghĩ đến bước đường tự do mà nước

Anh đã đi từ thời Elliot bị đưa ra tòa đại hình vì đã nói là trên mặt trời có người ở.

Có một mùa thu để các thành kiến rơi rụng. Đây là giờ phút suy tàn của các nền quân chủ. Giờ phút ấy đã đến.

Văn minh của quần đảo Normand đang đi và sẽ không dừng lại. Nền văn minh ấy có tính chất địa phương, đi đâu ấy không ngăn cản nó vẫn mến khách tứ chiếng. Thế kỷ mười bảy nó đã nhận được ảnh hưởng cách mạng Anh, và thế kỷ mười chín, ảnh hưởng cách mạng Pháp. Nó đã hai lần chịu đựng sự rung chuyển sâu sắc của độc lập.

Hơn nữa, tất cả các quần đảo đều là những xứ sở tự do. Tác dụng huyền bí của biển cả và gió trời.

XVIII CHỖ NƯƠNG THÂN

Những hòn đảo ấy, ngày xưa đáng sợ, ngày nay đã trở nên hiền hòa. Trước kia chúng là chốn hiểm nghèo, bây giờ chúng là nơi nương náu. Những nơi nguy khốn ấy đã trở thành những địa điểm cứu nguy. Ai thoát khỏi tai họa đều nổi lên ở đấy. Tất cả những ai bị chìm đắm đều đến đấy, người vì bão táp, kẻ vì cách mạng. Những con người ấy, thủy thủ và lưu đày, ướt đầm những bọt sóng khác nhau, cùng nhau phơi mình dưới ánh mặt trời ấm áp. Ở đây, Chateaubriand, trẻ, nghèo, tối tăm, không tổ quốc, đã ngồi trên một hòn đá của cái bến Guernesey ngày xưa. Một bà chất phác đã nói với ông: Anh bạn ơi, anh bạn cần gì? Thật là một niềm an ủi ngọt ngào lớn đối với con người Pháp bị trục xuất, và gần như một sự xoa dịu huyền bí khi được gặp lại trên Channel Islands cái thổ ngữ chính là văn

minh ấy, những giọng nói tỉnh lẻ của chúng ta, những tiếng hò reo trên các hải cảng của chúng ta, những điệp khúc trên các đường phố và nông thôn của chúng ta, “*reminiscitur Argos*”. Louis XIV đã vớt vào cái bộ lạc Normand cổ xưa này một đội ngũ người Pháp hiên lành nói năng lịch sự; việc bãi bỏ sắc dụ Nantes^[171] đã tiếp tế tiếng Pháp cho các đảo. Những người Pháp ở ngoài nước Pháp sẵn lòng sống hết quãng đời còn lại của họ trên quần đảo Manche này; họ rong chơi trên các hòn núi này, mơ màng kiêu những con người chờ đợi; sự lựa chọn này tự giải thích bằng niềm say mê được nghe lại cái thổ ngữ của quê hương. Người được Charles X nói: Nhân đây, trẫm quên nói với khanh rằng trẫm đã phong cho khanh làm quận công, hầu tước de Rivière thường khóc trước những cây táo ở Jersey và ưa thích đường phố Pier ở Saint-Hélier hơn phố Oxford của Luân Đôn. Quận công d’Anville, là Rohan và La Rochefoucauld, ở ngay trong đường phố Pier này. Một hôm, ông d’Anville, có một con chó săn lùn già, nhờ một thầy thuốc ở Saint-Hélier khám bệnh cho mình, và ông thấy cũng nên nhờ khám hộ cho cả con chó. Ông yêu cầu người thầy thuốc Jersey cho con chó của mình một đơn thuốc. Con chó cũng chẳng ốm đau gì, nhưng đấy là một lối đùa vui của kẻ quyền quý. Ông bác sĩ cho ý kiến. Hôm sau vị quận công nhận được của ông bác sĩ một đơn tính tiền như sau:

Hai lần khám bệnh:

1 - Cho ông quận công, một lu-i.

2 - Cho con chó của ông, mười lu-i.

Trước đây, các đảo này là nơi ẩn náu của số phận: tất cả mọi thứ định mệnh đều đã đi qua đấy, từ Charles II thoát khỏi Cromwell cho đến quận công Berry đi Luven. Cách đây hai nghìn năm, César bị nộp cho Brutus, đã

đến đây. Từ thế kỷ thứ mười bảy, các đảo này đã tỏ ra thân ái đối với toàn thế giới; tinh thần mến khách là vinh dự của chúng. Chúng có lòng vô tư của chốn nương thân, là bảo hoàng, chúng đón tiếp nền cộng hòa thất bại; là huguenot^[172], chúng thu nhận đạo Cơ đốc di cư. Chúng còn lịch sự với đạo Cơ đốc đến mức, điểm này chúng tôi đã nói rồi, cũng ghét Voltaire không kém. Và vì, theo nhiều người, nhất là theo các tôn giáo nhà nước, ghét bỏ kẻ thù của chúng ta là cách yêu mến chúng ta tốt nhất, trên các đảo Manche, đạo Cơ đốc phải hết sức được yêu quý.

Đối với một người mới tới, vừa thoát khỏi một cảnh chìm đắm và đến đây tiến hành một cuộc thực tập trong số phận lạ lùng, thì đôi khi không khí trĩu nặng của những chốn cô liêu này cũng thật sâu sắc; trong không khí đượm niềm thất vọng; và thành tình người ta cảm thấy ở đây một sự vượt vẻ mơn trớn, một làn gió thoảng qua nâng đỡ bạn. Làn gió ấy là cái gì? Một âm điệu, một lời nói, một tiếng thở dài, chẳng là gì cả. Cái chẳng là gì cả ấy cũng đủ. Trên đời ai là người không có một lần cảm thấy sức mạnh của điêu này: một vật chẳng đáng gì?

Cách đây mười, mười hai năm, một người Pháp, mới từ trên tàu bước xuống Guernesey, vợ vẫn trên một bãi biển phía tây, cô đơn, buồn rầu, chua chát, ngẫm nghĩ đến tổ quốc bị mất. Ở Paris, người ta rong chơi, ở Guernesey người ta vợ vẫn. Đối với ông lúc ấy, đảo này có vẻ thê lương. Bốn bề sương phủ, bãi bờ âm vang sóng nước, từng đám bọt biển to dội vào núi đá, bầu trời thù nghịch và đen sạm. Vậy mà lúc đấy đang giữa mùa xuân, nhưng xuân biển cả có một cái tên dữ tợn, đó là tiết xuân phân. Nó dễ thành cuồng phong hơn gió mát, và người ta có thể dẫn chứng một ngày tháng năm, dưới làn gió ấy, bọt sóng đã nhảy lên đến hơn sáu mét trên mũi cột tín hiệu hiện nằm ở sân thượng cao nhất của lâu đài Cornet. Người

Pháp ấy cảm thấy mình đang ở trên đất Anh; ông không biết lấy một câu tiếng Anh; ông thấy một lá cờ Anh cũ, bị gió xé rách đang phàn phật trên ngọn tháp đổ ở đầu một mũi đất hoang vắng; ở đây có hai ba túp lều; xa xa chỉ toàn cát, đất hoang, đầm lầy, kim tước gai; dăm ba pháo đài là mặt đất, lỗ châu mai rộng, chia góc ra ngoài; những tảng đá do con người đục đẽo cũng rầu rầu như những quả núi bị biển cả bào gọt, người Pháp kia cảm thấy chớm nở trong lòng niềm tang tóc dày nặng, mở đầu cho tình luyến nhớ quê hương; ông nhìn ngó, ông lắng tai; không một tia nắng; những con cóc đi săn, những đám mây trốn chạy; khắp nơi trên chân trời một màu chì nặng trĩu; một bức màn rộng xám xịt từ đỉnh trời buông xuống; bóng ma ưu uất nằm trong tấm khăn liệm của bão táp; không một chút gì gọi là hy vọng, và không một chút gì giống như tổ quốc; người Pháp kia mơ màng, mỗi lúc một thêm ủ dột; thỉnh thoảng ông ngẩng đầu lên; một giọng nói từ một túp lều hé mở thoát ra, một giọng nói trong sáng, mát rượi, yếu ớt, một giọng nói trẻ con; giọng ấy hát:

Tung tăng nhảy múa trên đồng,

Tung tăng khắp chốn rừng thông một mình,

Tung tăng đùa bỡn với tình.

XIX:

Tất cả những phút giây tưởng nhớ đến nước Pháp trên quần đảo không phải đều đẹp đẽ như nhau. Chúng tôi được biết một người qua đường, trên đảo Serk kỳ diệu; một chủ nhật, ông ta nghe trong sân một trại ấp đoạn sau đây của một bài thánh ca cũ bằng tiếng Pháp của phái tân giáo huguenot,

đồng ca rất trang trọng qua những giọng hát tôn nghiêm mang âm điệu Calvinistes trầm trầm:

Thiên hạ đều thôi tha

Như một xác ma.

Chỉ mỗi Jésus lòng lành

Của tôi là có mùi thơm.

Thật buồn và hãi như đau xót khi nghĩ rằng tại vùng núi Cevennes, người ta đã chết vì những lời ấy. Đoạn hát trên đây, mang một tính chất khôi hài vô tâm cao độ, thật bi thảm. Nghe nó người ta cười, nhưng lẽ ra người ta phải khóc. Về đoạn hát này, Bossuet, một trong số bốn mươi ngài trong viện hàn lâm Pháp, đã hét lên: Giết! Giết!

Vả lại, đối với lòng cuồng tín, ghê tởm khi chính nó ngược đãi, tôn nghiêm và xúc động khi nó bị ngược đãi, thì bài thánh ca bên ngoài chẳng là gì cả. Trong lòng nó vẫn có bài hát vĩ đại và buồn thảm để bí mật hát lên trong tâm hồn qua tất cả các lời ca. Ngay trong vẻ hài hước, nó cũng thấm đượm tính chất cao cả và bất chấp lời thơ, lời văn của các cha cố, nó vẫn làm biến đổi lời văn và lời thơ ấy bằng sự hài hòa mệnh mệnh tiềm tàng ở lòng tin của nó. Nó sửa chữa các câu nói xấu xa bằng sự vĩ đại của các thử thách chấp nhận và các cực hình chịu đựng. Nơi nào thiếu chất thơ, nó đem lương tâm đi điền vào. Lời văn trong bản ca kịch tử vì đạo có thể tầm thường, không sao, nếu cái chết vì đạo cao thượng.

XX

HOMO EDAX^[173]

Trong một thời gian nhất định hình thể của một hòn đảo luôn luôn thay đổi. Đảo là một công trình xây dựng của đại dương. Vật chất vĩnh viễn, hình dáng thì không. Tất cả mọi thứ trên trái đất thường xuyên bị cái chết nhào nặn, kể cả những công trình kiến trúc ngoài nhân loại, dù là đá hoa cương. Tất cả đều biến dạng, kể cả cái không có hình dạng. Những công trình của biển cả cũng sụp đổ như mọi cái khác.

Biển cả đã dựng xây chúng lên, biển cả lại lật nhào chúng xuống.

Trong một nghìn năm trăm năm, chỉ riêng từ cửa sông Elbe đến cửa sông Rhin, trong số hai mươi ba đảo có bảy hòn đã chìm nghỉm.

Các bạn cứ tìm chúng ở dưới đáy biển. Chính vào thế kỷ thứ mười ba, biển đã làm nên hải loan Zuyderzée^[174]; chính vào thế kỷ thứ mười lăm, biển đã tạo nên vịnh Bies-Bosch, hủy bỏ cả hai mươi hai làng; chính vào thế kỷ thứ mười sáu, biển đã chôn vùi Torum, ứng tác ra vịnh Dollart. Cách đây một trăm năm trước thị trấn Ault, ngày nay bị cát thẳng đứng trên vách biển Normand, người ta còn thấy dưới làn sóng bạc cái gác chuông của thị trấn Ault ngày xưa. Nghe nói ở Úcré-Hou, đôi khi lúc triều xuống, người ta vẫn nhận thấy những cái cây ngày nay nằm dưới đáy biển của khu rừng nước Gaulois cũ bị chìm ngập vào thế kỷ thứ tám. Ngày xưa, Guernesey dính liền với Herm, Herm liền với Serk, Serk liền với Jersey và Jersey liền với nước Pháp. Giữa nước Pháp và Jersey, một em bé thường bước qua eo biển. Người ta đã vớt xuống đáy một bó củi, lúc giám mục Coutances đi qua, để giám mục khỏi ướt chân.

Biển cả xây dựng và phá hủy; con người lại tiếp tay cho biển cả, không phải để xây dựng, mà để phá hoại.

Trong tất cả những cái răng của thời gian, cái làm việc nhiều nhất là cái

cuộc của con người. Con người là một loài thú gặm nhấm. Tất cả mọi thứ đều thay đổi và hư hỏng dưới bàn tay nó, để trở nên tốt hơn hoặc để thành tệ hại hơn. Chỗ này nó làm biến dạng, chỗ kia nó làm thay hẫ bộ mặt. Đèo Roland không đến nỗi phi thường như vẻ ngoài của nó; con người đeo gọt thiên nhiên. Vết sẹo do lao động con người rất dễ nhận thấy trên công trình của Chúa. Hình như con người có nhiệm vụ phải hoàn thành một số công việc nào đó. Nó làm cho công cuộc sáng tạo thích hợp với nhân loại. Nhiệm vụ của nó là như thế. Nó có đủ táo bạo để làm việc ấy; hầu như có thể nói là đủ tinh thần nghịch đạo. Sự cộng tác đôi khi xúc phạm. Con người, cái giống sống kiếp phù du ấy, con vật suốt đời chết mòn ấy, định giễu cợt vô biên. Đối với mọi ngọn triêu lên xuống của thiên nhiên, đối với nguyên tố muốn liên kết với nguyên tố, đối với các hiện tượng xung quanh, đối với sự luân lưu rộng lớn của các sức mạnh dưới vực sâu, con người biểu thị sự bao vây của nó. Nó cũng nói người sẽ không đi xa hơn đâu. Nó có sự tùy tiện của nó, mà vũ trụ buộc phải chấp nhận. Và lại nó chẳng có riêng một vũ trụ là gì? Nó muốn làm theo ý muốn nó. Một vũ trụ là một thứ nguyên vật liệu. Trần gian, công trình của Chúa, là bản phác họa của con người.

Tất cả mọi thứ đều hạn chế con người nhưng không gì ngăn chặn được nó. Nó trả lời giới hạn bằng cách bước qua. Cái không thể làm được là một biên giới lúc nào cũng lùi lại.

Một cơ sở địa chất mà dưới móng có bùn hồng thủy và trên đỉnh có tuyết vĩnh cửu, đối với con người cũng chỉ là một bức tường như mọi bức tường khác, nó cứ chọc thủng và đi qua. Nó cắt một eo đất, khoan thủng một núi lửa, đeo gọt một vách biển, moi rỗng một vĩa quặng, biến một hải giác thành những tảng nhỏ. Ngày xưa, con người khó nhọc như thân nó.

Việc giảm bớt ngu muội ấy gọi là tiến bộ. Con người lao động tại nhà mình, và nhà nó là quả đất. Con người đảo lộn, di chuyển, bỏ bớt, triệt hạ, san bằng, phá sập, moi rỗng, đào bới, đập vỡ, nghiền nát, xóa bỏ cái nọ, phế bỏ cái kia, và xây dựng lại bằng việc phá hủy. Không gì khiến nó phải do dự, không một khối nào, không một tảng nào, không một chướng vật cũng kình nào, không một quyên lực nào của vật chất huy hoàng, không một uy phong nào của thiên nhiên. Nếu các công trình to lớn của tạo hóa vừa sức nó thì nó phá tan tành. Khía cạnh có thể phá hủy ấy của Chúa cám dỗ nó, và tay cầm búa nó tấn công vào vô biên. Rồi đây có lẽ tương lai sẽ nhìn thấy dãy núi Alpes^[175] bị triệt hạ. Hỡi địa cầu, hãy đề mặc cho cái kiến của mi tàn phá.

Em bé, đập phá đồ chơi, có vẻ muốn tìm kiếm linh hồn của đồ chơi. Con người dường như cũng muốn tìm kiếm linh hồn của quả đất.

Tuy vậy chúng ta không nên phóng đại sức mạnh của chúng ta, con người dù có làm gì đi nữa thì những nét lớn của tạo hóa cũng vẫn tồn tại mãi; cái khối cuối cùng không tùy thuộc ở con người. Nó có thể chi phối chi tiết chứ không thể chi phối được toàn bộ. Như vậy là tốt. Cái Toàn - thể thuộc về Thượng đế... Các quy luật đều ở trên chúng ta. Những đi đâu ta làm không vượt khỏi bề mặt. Con người mặc áo hoặc cởi áo cho quả đất; đốn rừng chỉ là một việc cởi bỏ quần áo. Nhưng làm chậm sự xoay chuyển của quả đất trên địa trục, thúc đẩy bước đi của quả đất trên quỹ đạo, thêm hoặc bớt một toise^[176] vào chặng đường bảy trăm mười tám nghìn dặm mỗi ngày mà quả đất xoay quanh mặt trời, thay đổi tuế-sai của các tiết cân phân, bớt đi một giọt mưa, thì không bao giờ! Cái gì ở trên cao vẫn ở trên cao. Con người có thể thay đổi thời tiết, nhưng không thể thay đổi được bốn mùa. Bạn thử bắt mặt trăng xoay ngoài vòng hoàng đạo xem!

Có những người mơ mộng, một số rất tiếng tăm, đã mơ đến việc trả lại mùa xuân vĩnh viễn cho trái đất. Những mùa quá khích, hạ và đông, đều do trục quay quả đất quá nghiêng trên mặt phẳng của vòng hoàng đạo mà chúng ta vừa nói đến. Để loại bỏ những mùa ấy, chỉ cần dựng thẳng cái trục xoay. Còn gì đơn giản hơn. Cứ cắm vào địa cực một cái cọc dài xuyên đến tận tâm quả đất, buộc vào đáy một sợi xích, tìm ở ngoài quả đất một trường lực, kiếm lấy mười tỷ cỗ ngựa, mỗi cỗ mười tỷ con, bắt kéo, trục sẽ đứng thẳng, và bạn sẽ có được mùa xuân của bạn. Xem đấy thì thấy chẳng cần phải làm gì nhiều lắm.

Chúng ta hãy tìm kiếm địa đàng ở nơi khác. Mùa xuân quý thật nhưng tự do và công lý giá trị hơn. Địa đàng mang tính chất tinh thần, chứ không mang tính chất vật chất.

Tự do và chính trực đi đâu đó tùy thuộc ở ta.

Sự yên tĩnh ở trong thâm tâm. Mùa xuân vĩnh cửu của chúng ta nằm trong lòng ta.

XXI SỨC MẠNH CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐẬP ĐÁ

Guernesey là một bộ tam. Nữ hoàng của các bộ tam là đảo Sicile. Sicile thuộc về Neptune^[177], và mỗi một góc trong ba góc của nó lại được hiến dâng cho một mũi nhọn của đỉnh ba. Ba mũi đất có ba đền thờ, một dâng cho Dextra, một dâng cho Dubia, một dâng cho Sinistra. Dextra là mũi nhọn của các con sông, Sinistra, mũi nhọn của các biển cả, Dubia, mũi nhọn của các cơn mưa. Dù đức Pharaon^[178] Psammuthis có nói gì, có dọa Trasidée, vua của Agrigente, sẽ làm cho Sicile “tròn như một cái đĩa”

những bộ tam ấy cũng vẫn thoát khỏi sự đẽo gọt lại của con người, và sẽ giữ gìn ba hải giác của chúng cho tới khi trận đại hồng thủy đã làm nên chúng đến phá hủy chúng.

Sicile sẽ luôn luôn có mùi Pelore hướng về nước Italia, mũi Pachynum hướng về Hy Lạp và mũi Lilybee hướng về châu Phi, và Guernesey sẽ luôn luôn có mũi nhọn Ancresse ở phía Bắc, mũi nhọn Plainmont ở phía tây nam, và mũi nhọn Jerbourg ở phía đông nam.

Ngoài điếm đó ra, đảo Guernesey đang trên đường hủy hoại. Chất hoa cương ấy tốt, ai muốn mua? Toàn bộ vách biển đều bị bỏ thâu. Cư dân đem hòn đảo ra bán lẻ. Ngọn núi kỳ lạ Roque-au-diable vừa mới bị mua bán vì mấy đồng livre xteclinh, công trường đá rộng lớn Ville-Baudue hết, người ta sẽ sang công trường khác.

Tất cả nước Anh đòi hỏi thứ đá ấy. Chỉ riêng cho cái đập xây dựng trên sông Tamise, cũng sẽ cần hai mươi vạn tấn. Những người trung thực thiết tha đến sự vững bền của các bức tượng vua rất tiếc rằng cái bê tượng đồng Albert, bằng đá hoa cương Cheesering, đã không được làm bằng thứ đá quý Guernesey. Dù sao, bờ biển Guernesey cũng đang sụp đổ trước mũi cuốc. Trong bốn năm, tại Saint-Pierre-Port, trước cửa sổ các cư dân Falue, một quả núi đã biến mất.

Và việc ấy ở châu Mỹ cũng diễn ra như ở châu Âu. Vào giờ này, Valparaiso đang bán đấu giá cho thợ đá các ngọn đồi huy hoàng đáng kính trọng đã cho nó cái tên là Thung lũng Thiên đường.

Những người Guernesey kỳ cựu không nhận ra hòn đảo của họ nữa. Họ chỉ muốn thốt lên: người ta đã thay đổi quê hương tôi. Wellington cũng thường nói như thế về Waterloo, quê hương ông. Bạn hãy thêm vào đây

rằng Guernesey, trước kia nói tiếng Pháp, giờ đây nói tiếng Anh; một sự hủy diệt khác.

Cho đến năm 1805, Guernesey đã bị cắt thành hai đảo. Một con sông biển xuyên qua nó từ bên này sang bên kia, từ núi Crevel phía đông sang núi Crevel phía tây. Nhánh biển này đổ ra phía tây trước mặt hòn Fruquiers và hai hòn Sauts Roquiers; nó có những vịnh ăn khá sâu vào đất liền, một vịnh ăn vào đến tận Salterns; người ta gọi nhánh biển này là Braye du Valle. Thế kỷ trước, Saint-Sampson là một bến đò hai phía của một con đường trên đại dương. Đường hẹp và ngoằn ngoèo. Cũng như người Hà Lan đã tát cạn biển Harlem làm thành một cánh đê khá xấu, người Guernesey đã lấp Braye du Valle, giờ đây là đê cỏ. Họ đã biến con đường trên thành một ngõ cụt, ngõ cụt ấy là cảng Saint-Sampson.

XXII

LÒNG NHÂN HẬU CỦA NHÂN DÂN TRÊN QUẦN ĐẢO

Ai đã được thấy quần đảo Normand đều yêu mến nó, ai đã từng sống trên quần đảo đều quý trọng nó.

Đây là một dân tộc cao quý, bé nhỏ, vĩ đại về tâm hồn, tâm hồn của biển cả. Những con người trên các đảo Manche ấy là một chủng tộc đặc biệt. Họ có một cái gì hơn hẳn “miền đất liền”, họ tỏ ra ngạo mạn với nước Anh, đôi khi cũng sẵn sàng khinh thị “ba hay bốn lọ hoa trong cái hồ nước ấy”. Jersey và Guernesey đáp lại: Chúng tôi là người Normand, và chính chúng tôi đã chinh phục nước Anh. Người ta có thể mỉm cười, người ta cũng có thể khâm phục.

Rồi một ngày kia, Paris sẽ làm cho người ta theo một các hòn đảo ấy và

sẽ làm cho chúng giàu có, chúng xứng đáng như vậy. Một sự thịnh vượng không ngừng phát triển đang chờ đợi, ngày mà chúng được biết đến. Chúng có cái nét quyến rũ đặc biệt là kết hợp một khí hậu dành cho nhân rỗi với một dân tộc sinh ra để lao động. Bài ca đồng vọng ấy là một công trường, quần đảo Normand ít nắng hơn quần đảo Cyclades nhưng nhiều cây xanh hơn, nó cũng nhiều cây xanh như Orcades và nhiều nắng hơn. Nó không có đền Astypalée, nhưng nó lại có những lâu đài cổ tích, nó không có động Fingal, nhưng nó có Serk. Cối xay Huet có thể sánh với Tréport, bãi cát Azette không kém gì Trouville; Piémont cũng chẳng thua gì Étretat. Xứ sở đẹp đẽ, dân tộc trung hậu lịch sử kiêu hùng. Khía cạnh hoang dã thật là tôn nghiêm. Quần đảo có một sứ đồ, Hélier, một nhà thơ, Robert Wace, một anh hùng, Pierson. Trong số những tướng lĩnh tài nhất và những đô đốc giỏi nhất nước Anh, nhiều người sinh tại quần đảo. Những ngư dân nghèo ấy nếu gặp dịp đều tỏ ra rộng rãi; trong những lần quyên góp giúp người bị lụt ở Lyon và bị đói ở Manchester, Jersey và Guernesey đã cho nhiều hơn cả nước Pháp và nước Anh, so sánh theo tỷ lệ^[179].

Trong lối sống buôn lậu xa xưa của họ, những dân tộc ấy còn giữ được ưa thích kiêu căng trước phiêu lưu và mạo hiểm. Họ đi khắp bốn phương trời. Như một bầy ong, họ rời bỏ xứ sở. Quần đảo Normand ngày nay đi tìm thuộc địa, cũng như quần đảo Hy Lạp xưa kia. Đây là một vinh dự. Có người Jersey và người Guernesey ở châu Úc, ở California, ở Ceyland. Bắc Mỹ có Jersey-Mới (New Jersey) ở bang Ohio. Những người Anh-Normand ấy, tuy hơi trì trệ vì môn phái, vẫn có một năng khiếu tiến bộ không bao giờ mất. Đủ kiêu mê tín, đúng, nhưng cũng hoàn toàn đầy lý tính. Nước Pháp trước kia chẳng phải là ăn cướp ư? Nước Anh trước kia chẳng ăn thịt người là gì? Chúng ta nên khiêm tốn, và hãy nghĩ đến tổ tiên thích xâm

mình của chúng ta.

Nơi nào nghề thỏ phi phát đạt, nơi đó nghề trĩ nghề buôn. Một sự biến hóa tuyệt vời. Công trình thời đại, hản thế, nhưng cũng là của con người. Tấm gương cao cả ấy, chính qu ần đảo bé tí ấy cho. Những loại quốc gia nhỏ bé ấy làm chứng cho văn minh. Chúng ta hãy yêu mến chúng và hãy tôn kính chúng. Những tiêu vũ trụ ấy thu nhỏ lại, trong tất cả các giai đoạn của nó, sự hình thành vĩ đại của con người.

Jersey, Guernesey, Aurigny, xưa kia sào huyệt, ngày nay công trường. Trước đây bãi ng ầm, hiện giờ hải cảng.

Đối với người quan sát những chuyện đổi thay gọi là lịch sử ấy, không có cảnh nào xúc cảm bằng được nhìn thấy, từng bước vươn lên và xuất hiện trước mặt trời văn minh cái dân tộc tối tăm kia của biển cả. Con người của tăm tối ngoảnh lại và nhìn thẳng vào bình minh. Không gì vĩ đại hơn, không gì bi tráng hơn. Xưa kia hải tặc, ngày nay thợ thuyền, xưa kia man rợ, ngày nay công dân, xưa kia lang sói, ngày nay con người. Nó có kém phần táo bạo hơn ngày xưa không?

Không. Nhưng tính táo bạo này hướng về ánh sáng. Khác biệt thay giữa ngành hàng hải hiện thời, chạy ven bờ, dọc theo duyên hải, buôn bán, lương thiện, hữu nghị, với thứ chiến thuyền dị hình ngày xưa, lấy câu *Homo homini monstrum*^[180] làm châm ngôn. Rào chắn đổi thành cầu qua lại. Chướng vật trở thành vật dẫn đường. Nơi xưa kia dân tộc ấy là hải tặc thì ngày nay nó là hoa tiêu. Và nó gan dạ, li ều lĩnh hơn bao giờ hết. Xứ sở ấy vẫn là xứ sở của mạo hiểm trong khi trở thành xứ sở của lòng chính trực. Điểm xuất phát càng nhỏ bé, bước tiến lên càng cảm động. Vết phân chim trên cái vỏ trứng khiến ta càng thán phục sải cánh chim bằng. Chính

với cảm tình tốt mà ngày nay người ta nghĩ đến cái nghề hải tặc xưa kia của quần đảo. Trước tất cả những cánh buồm xinh xắn và êm đềm được diu dặt thẳng lợi qua những con đường chằng chịt của sóng nước và đá ngầm, bởi ngọn đèn biển bằng thấu kính và ngọn hải đăng điện tử, người ta nghĩ, với lương tâm thanh thản gắn liền với tiến bộ nhận thấy, đến những thủy thủ già lén lút, hung dữ, ngày xưa chèo lái những chiếc xuồng không la bàn, trên những ngọn sóng đen ngòm, được le lói chiếu sáng từng quãng từng quãng, từ hải giác này đến hải giác nọ, bởi những mớ than hồng bập bùng, mà gió lộng muôn phương hành hạ trong những chiếc cũi sắt.

- [1] Nguyên văn ἀναγκη (anankè, tiếng Hy Lạp): định mệnh
- [2] Sieur: cấp bậc xưng hô (xem thêm trong quyển ba - chương VI).
- [3] Ngôi nhà bên đường.
- [4] Huguenot: tên gọi những người theo giáo phái Tin lành.
- [5] Những lần lộn ban đêm và màn mống ma quỷ.
- [6] Xiêng xích (tù tội) rất thích những chế độ luân phiên.
- [7] Vésuve: Hay chính là Vesuvius, một ngọn núi lửa nổi tiếng ở nước Italia với lần phun trào vào năm 79 sau Công nguyên đã vùi lấp, phá hủy các thành phố La Mã cổ đại là Pompeii và Herculaneum.
- [8] Nguyên văn *Roi des Auxcriniers*: nhân vật truyền thuyết như Hà Bá.
- [9] Thứ sáu thánh: ngày thứ sáu kỷ niệm Chúa Jesus sống lại.
- [10] Mahomet (573-632): Giáo chủ Hồi giáo.
- [11] Jeanne d'Arc (142-1431): nữ anh hùng Pháp đã đánh đuổi quân Anh, giải phóng cho nước Pháp.
- [12] Bụi cây rục lửa: theo Kinh Thánh, Chúa đã hiện ra trong một bụi cây rục lửa cho Moïse thấy (xuất Ediptô ký - Chương 3).
- [13] Mess: cấp bậc xưng hô, tác giả có giải thích ở quyển Ba, chương VI.
- [14] Nguyên văn: Après la mort les papes deviennent papillons et les sires deviennent cirons. Câu này hay ở những chỗ đờng âm *papes, papiallns* và *sires, cirous*.
- [15] Welcome (tiếng Anh): Hoan nghênh.
- [16] Sáng thế ký, chương III, câu 16: Người sẽ đau đớn khi sinh con.

- [17] Sáng thế ký chương I, câu 4: Đức Chúa Trời bèn phân ra ánh sáng và u minh
- [18] Léviathan: Yêu quái khổng lồ
- [19] Robert Fulton (1765-1835): Người Hoa Kỳ đầu tiên đã cải tiến thành công tàu chạy hơi nước
- [20] Khải Huyền (Apocalypse); tập cuối cùng trong Tân Ước. Giáo hội cho rằng tập này do thánh Jean ghi lại (chương XIII, câu 1).
- [21] Sultan: Hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ
- [22] Caberza de moro (tiếng Tây Ban Nha): đầu một tên Maure.
- [23] Arlequin: vai hề mặc quần áo may bằng những mảnh vải chắp vá khác màu.
- [24] Verdet: nhóm bảo hoàng khủng bố ở miền Nam nước Pháp sau ngày 9 Thermidor, và sau thời kỳ Một trăm ngày, đeo một băng vải xanh trên cánh tay.
- [25] Guillotine (tiếng Pháp): bị chém cổ bằng máy chém.
- [26] Thaleb: người Maure viết thuê hay công chứng viên.
- [27] Danh xưng cấp bậc xã hội, Mess cao hơn Sieur một bậc (xem quyển ba, chương VI).
- [28] Piê (pied): Đơn vị chiều dài: bằng 0,324 m.
- [29] Livơ (livre): Đơn vị trọng lượng, bằng nửa kilogam.
- [30] Hàng năm người Pháp kỉ niệm ngày 14 tháng Bảy năm 1789, ngày quần chúng nổi dậy chiếm nhà ngục lớn Bastille ở Paris.

- [31] Gentry and Nobility (tiếng Anh): giai cấp trung lưu và giai cấp quý tộc.
- [32] Lethierry Esquize: Lethierry, dũng sĩ tùy tùng (một tước vụ xã giao).
- [33] Một lối chơi chữ: Marian, đồng âm với hai danh từ tiếng Pháp là mari - người chồng và âne - con lừa.
- [34] Tên và địa chỉ nhà vẽ đồ bản của vua.
- [35] Jacques-Bénigne Bossuet (1627-1704): một giáo sĩ Gia-tô và một nhà đại hùng biện.
- [36] Tức Bossuet, người vẫn được người đương thời gọi là con đại bàng của thành Meaux.
- [37] Sắc dụ do Henry IV ký năm 1598 cho Tân Giáo được tự do truyền bá ở Pháp, sắc dụ này đến thời Louis XIV bị bãi bỏ dần, đến năm 1685 thì bãi bỏ hẳn, và người theo Tân Giáo phải trốn ra nước ngoài.
- [38] Huguenot: người theo phái Tân Giáo của Calvin.
- [39] Nguyên văn tiếng La tinh: *alter ego*.
- [40] Có lẽ tác giả nhầm, vì ở Việt Nam không có sư tử. Đây chắc là một con hổ.
- [41] Và thấy thế là tốt (Sáng thế ký, chương I, câu 13).
- [42] Lẽ ra phải nói là *Le traid d'union* (cái dấu nối), nhưng Lethierry nói sai là *le traitre* (tên phản bội) *d'union*.
- [43] Papauté là chế độ Giáo Hoàng, còn pape ôté là Giáo Hoàng bị phế truất. Hai chữ này đọc nhanh nghe gần như nhau.
- [44] Improper (tiếng Anh): không thích hợp.

[45] Năm 89: Năm bắt đầu cách mạng Pháp.

[46] John Wesley: nhà thần học và thuyết giáo người Anh theo đạo Tin Lành. Loyola (tức thánh Ignace de Loyola): người sáng lập dòng Tên.

[47] Một trong mười điếu răn của đạo Thiên Chúa.

[48] Étrusques: dân một miền xưa của Italia, nay là Toscane.

[49] Chaldeens: một nước thành lập vào hồi đầu thiên niên kỷ thứ nhất trước Thiên Chúa giáng sinh, gần vịnh Ba Tư bây giờ.

[50] Trinity House (tiếng Anh) nghĩa là Ba ngôi, vì nước Anh chịu trách nhiệm về ba mặt hải đăng, hải tiêu (tức phao tiêu) và hoa tiêu.

[51] Quaker: một giáo phái ở Anh.

[52] Charles-Quint (1500-1558) tức Charles V: Vua Tây Ban Nha năm 1516, Hoàng đế Đế quốc Đức năm 1519, đánh nhau trên ba mươi năm với vua nước Pháp là Francois.

[53] Tức việc Đức Chúa Jesus sinh ra trong máng cỏ một chuồng bò.

[54] Trong nguyên tác, toàn bộ cuộc đối thoại dưới đây được Victor Hugo viết bằng thứ ngôn ngữ của bọn buôn lậu trên biển Manche. Để bản dịch khỏi rườm rà, chúng tôi dịch thẳng.

[55] Lu-i (louis): loại tiền vàng của Pháp, đức thời vua Louis XIII, giá trị bằng hai mươi frăng (francs).

[56] Taleyrand (1754- 1838): Nhà ngoại giao kỳ tài nhưng xảo quyệt của Pháp.

[57] Napoléons: Loại tiền vàng của Pháp, có chạm hình Napoléon đệ nhất, kém giá trị hơn đồng lu-i.

- [58] Trong trò chơi bi-a.
- [59] Rantaine đã tôn Clubin lên một bậc, từ Sieur lên Mess.
- [60] Post office (tiếng Anh): bưu cục.
- [61] Ma lanh (malin): ranh mãnh, tinh khôn.
- [62] Le Canard: con vịt. Trong tiếng Pháp hai quán từ *le* và *la* đều chỉ số ít.
- [63] Odéon: một nhà hát danh tiếng ở Paris.
- [64] Clubin đã hiện rõ nguyên hình là một tên bất lương, nên từ đây chỉ đáng gọi bằng *hắn* (ND).
- [65] Messaline (15- 48): Nữ hoàng La Mã, vợ hoàng đế Claude nổi tiếng dâm dật và hung ác, có thể sánh như Võ Hậu ở Trung Quốc. Marie Alacoque (1647- 1699): nữ tu sĩ.
- [66] Tantale: người bị hình phạt ham muốn mãi một thứ mà không bao giờ được toại nguyện.
- [67] t ần (encâblure): trên 500 mét
- [68] sải (brasse): độ 1,64 mét
- [69] dặm (mille): có nhiều loại, dài quãng 1850 mét; hải lý (lieue).
- [70] Pusey: nhà thần học người Anh, một trong những người sáng lập phong trào nghi thức.
- [71] Sorbonne: viện thần học Paris ngày xưa.
- [72] May flower: hoa tháng năm, tức tháng Đức Bà.
- [73] Providence-Town: thành phố Thượng đế.
- [74] Dựa vào tích Isaac lấy Rebecca trong Kinh Thánh (Sáng thế ký chương

24, câu 62-67).

[75] Ngày xưa nước Pháp gọi là Gaule.

[76] First of the Fourth: Thứ Nhất trong bốn - tên riêng của một vùng biển.

[77] Tức ần sĩ ần tu trên đầu cột trụ.

[78] Tiếng La-tinh: bầy chim quấy rầy.

[79] Encélade: tên khổng lồ chống đối thần linh nổi tiếng nhất. Nó chạy trốn sang đến tận Sicily thì bị bắt, bị sét đánh và chôn dưới núi lửa Etna. Hơi thở hùng hực của nó hất ra những nham thạch và khi nó định trở mình thì toàn bộ núi rừng và đảo Sicily đều rung chuyển.

[80] Sao Tất (Aldébaran): Ngôi sao lớn nhất trong chòm sao Kim Ngưu (Taureau), có đường kính to hơn 60 lần đường kính mặt trời.

[81] Alhambra: một ngôi đền kiến trúc rất đẹp của các vị vua Maure ngày xưa.

[82] Béhémoth: Con vật to lớn huyền bí tượng trưng cho ma quỷ.

[83] Amphitrite: nữ hải thần; Téthys: nữ thần biển; Diane: nữ thần săn bắn.

[84] Eschyle (thế kỷ V trước Công Nguyên): đại thi hào Cổ Hy Lạp, người đã sáng tạo ra thể văn bị kịch.

[85] Sub re (tiếng La tinh): trong sự vật, bắt tay vào việc.

[86] Non possumus (tiếng La tinh): Chúng tôi không thể.

[87] Perseverando (tiếng La tinh): Kiên trì.

[88] Christophe Colomb (1451-1506): nhà hàng hải người Italia đã tìm ra Châu Mỹ đầu tiên ngày 03 tháng 8 năm 1492.

- [89] Job: Một nhân vật trong Kinh Thánh, nghèo xác xơ.
- [90] Sub umbra (tiếng La tinh): Trong bóng tối.
- [91] Quid divinum (tiếng La tinh): cái huyền bí.
- [92] Trenck (1726-1794): tức Friedrich von der Trenk, nhân vật nổi tiếng về cuộc đời giang hồ đầy tai họa, bị bắt cầm tù rồi vượt ngục.
- [93] Latude (1725-1805): tức Jean Henri Latude, nhân vật giang hồ nhiều lần bị bắt và mặc dầu vượt ngục nhiều lần vẫn bị cầm tù 35 năm không được xét xử.
- [94] Sóc vọng (syzygie): ngày mừng một và ngày rằm âm lịch.
- [95] Mây quyển; cirrus.
- [96] Ai dám nói là mặt trời sai.
- [97] Vasco da Gama (1469 -1524): nhà hàng hải danh tiếng của Bồ Đào Nha, năm 1502 đã tìm đường sang Ấn Độ quanh theo mũi Hảo Vọng ở cực nam Châu Phi.
- [98] Oedipus: là một nhân vật kì lạ và đau khổ trong thần thoại Hy Lạp mang tội giết cha và lấy mẹ vì lầm lẫn.
- [99] Luoghi spaventosi (tiếng Italia): những nơi khủng khiếp.
- [100] Pan: thần của sự hoang dã, thần của mục đồng, của tự nhiên.
- [101] Biển cả kỳ diệu.
- [102] Nó muốn thối chỗ nào thì thối.
- [103] Loại cây có vỏ dùng làm giấy.
- [104] Khi bọn kẻ cắp dám làm những việc như thế, thì các ông chủ sẽ làm gì!

- [105] Trong tập thơ La Légende des siècles (VII).
- [106] Franklin Benjamin (1706-1790): là nhà vật lý học người Mỹ đã phát minh ra cột thu lôi...
- [107] Người theo Ấn Độ giáo, thờ vị thần tối cao là Bà la môn (Brahma).
- [108] Platon (429-347 trước Công Nguyên): triết gia trứ danh ở Cỗ Hy Lạp.
- [109] Bởi những người nhìn nghiêng.
- [110] Buffon (1708- 1788): nhà vạn vật học Pháp.
- [111] Cuvier (1769-1832): nhà vạn vật học có tiếng của Pháp, đã sáng lập ra môn cổ sinh vật học.
- [112] Griffon: quái vật dị hình mình sư tử, đầu và cánh chim ưng, tai ngựa, bờm như vây cá.
- [113] Theo Kinh Thánh, là đỉnh núi trên đó Chúa hiện ra cho Moise gặp.
- [114] Lavoisier (1743-1794): nhà hóa học người Pháp, người sáng tạo nên hóa học hiện đại, đã phát minh định luật bảo tồn vật chất.
- [115] Nơi nào nó muốn.
- [116] Đơn vị tiền tệ của Cỗ Hy Lạp.
- [117] Éole: Thần Gió.
- [118] Borée: Thần Bắc Phong.
- [119] Adriatique: vịnh lớn ở Địa Trung Hải, nằm giữa Ý, Albani và Nam Tư.
- [120] Ceto: Nữ Hải Thần.
- [121] Turba, turma (tiếng La tinh): Đại đội, cảnh náo động.

- [122] Gió dữ quay trái ngược với mặt trời.
- [123] Volta: nhà Vật lý Italia sáng chế ra điện pin.
- [124] Quái vật đầu sư tử, đuôi rồng, miệng phun ra lửa.
- [125] Nhị nguyên giáo (manichéen): Một giáo phái do Manès sáng lập.
- [126] De profundis ad altum (tiếng Latinh): Từ vực thẳm đến tận đỉnh trời cao.
- [127] Nữ vu (vestal): Các trinh nữ ngày xưa chuyên việc thờ nữ thần Vesta ở Cổ La Mã.
- [128] Bumgiua: từ này đọc lên nghe vừa như tiếng đại bác nổ, vừa như tiếng chào bông-giua (bonjour).
- [129] Từ này có nghĩa là: Không trở lại.
- [130] Chanaan: Miền đất sung sướng được Chúa Trời hứa cho dân Hébreux.
- [131] Hình ảnh mượn trong Kinh Thánh: Đức Chúa Trời hiện ra trong bụi cây rụi lửa cho Moise thấy
- [132] Thousand (tiếng Anh): nghìn.
- [133] Nguyên văn là loup de mer, có nghĩa là hải cẩu, là thủy thủ lão luyện. Đây dùng nghĩa trên để làm nổi bật chữ hải sư bên dưới.
- [134] Niagara: một con sông ở biên giới Mỹ và Canada, nổi tiếng vì có ngọn thác cao đến 50 mét.
- [135] Theo phép lịch sự của châu Âu, tất cả các phụ nữ có chồng đều được gọi là bà.
- [136] For ladies only (tiếng Anh): Dành riêng cho phụ nữ.

[137] Phần này vốn là tác giả đặt trước tác phẩm. Về sau các nhà xuất bản đều cắt bỏ đi. Kể cả bản dịch tiếng Anh cũng bị cắt bỏ. Có lẽ bởi phần này chỉ chuyên về khảo cứu địa lý, giới thiệu con người vùng đất. Để giữ tính vẹn toàn của tác phẩm, chúng tôi mạn phép cho vào cuối sách để các bạn đọc có thể tham khảo.

[138] Charlemagne (742-814): vua nước Pháp, lập ra đế quốc Đông-Âu.

[139] Jérémie (650-590 TCN): một trong bốn nhà đại tiên tri Do Thái. Trong Thánh Kinh có những lời tiên tri của ông và những lời “Ta thán” trứ danh về sự suy tàn của Jerusalem.

[140] Caliban: nhân vật giống ma quỷ trong vở kịch *Bão táp* của Shakespeare. Tượng trưng cho giống vật buộc phải vâng lời một sức mạnh cao siêu.

[141] Vénus: tức thần Vệ nữ, thần ái tình, tượng trưng người đàn bà đẹp.

[142] Parthénon: một cung điện xưa, hiện nay còn di tích ở Hy Lạp.

[143] Nữ thần vợ của Jupiter.

[144] Saint-Pierre-Port: tức Cảng Saint-Pierre, phần bến cảng của thị trấn Saint-Pierre. Saint Pierre là Thánh Pierre.

[145] Không đánh thuế hàng xuất nhập cảng.

[146] Ngày nghỉ cuối tuần của người Do Thái.

[147] Tiếng Anh: Good - tốt, God - Chúa.

[148] Cửa sổ có cánh đẩy lên sập xuống như máy chém.

[149] Tư dinh của tổng thống Pháp.

- [150] Thuyết Wesley: một giáo phái theo giáo lý của giám-lý hội.
- [151] Phái Mormon (Mormonisme): một giáo phái ở Mỹ, do J. Smith sáng lập.
- [152] Voltaire (1694-1778): văn hào Pháp, chủ trương nhiều cải cách xã hội.
- [153] Vergée: một đơn vị đo đất xưa bằng 40 sào.
- [154] Saturn: Thổ tinh.
- [155] Mazeppa (1644-1709): một tù trưởng của người Côđắc, trước theo Pyotr Đại đế, sau theo vua Charles XII của Thụy Điển để chống lại Nga Hoàng.
- [156] Whig: Đảng viên Đảng tự do Anh.
- [157] Torie: Đảng viên Đảng bảo thủ Anh.
- [158] Sixty: sáu mươi.
- [159] Forty: bốn mươi.
- [160] Garibaldi (1807-1882): một vị anh hùng Ý đã chiến đấu cho nền độc lập Tổ quốc.
- [161] Charles-Asplet, Beresford street.
- [162] baquet: thùng gỗ nhỏ để đựng nước.
- [163] Alsace: một tỉnh kỹ nghệ thuộc Pháp từ năm 1918, ở miền Đông Bắc, giáp nước Đức.
- [164] Victoria (1819-1901): Nữ Hoàng Anh.
- [165] Wellington (1769-1852): Đại tướng Anh, đánh thắng quân của Napoléon nhiều trận ở Tây Ban Nha, và nhất là trận Waterloo (1815).

[166] Quyên bẻ hoa: quyên của lãnh chúa để chân lên giường nữ gia nhân khi đám cưới, để tiêu biểu quyên bẻ hoa.

[167] Nice: một thành phố nghỉ mát của Pháp, trên bờ Địa Trung Hải.

[168] Tức quyên chiếm hữu tài sản của một người, ngay sau khi người này chết, không cần chờ lệnh tòa án.

[169] Sénéchal: chức pháp quan thời phong kiến.

[170] Tiếng Anh: Thời giờ là tiền bạc.

[171] Sắc dụ Nantes (edit de Nantes): do Henry IV ban hành năm 1598 tại thành Nantes, cho phép nhân dân theo đạo cải cách. Gần 100 năm sau Louis XIV thu hồi sắc dụ này.

[172] Huguenot: người theo tân giáo của Calvin.

[173] Tiếng La tinh: người, kẻ phá hoại.

[174] Zuyderzée: hải loan ở bờ biển phía bắc Hà Lan.

[175] Alpes: dãy trường sơn dài 1200 cây số, ở phía Tây châu Âu, ngăn cách Pháp với Thụy Sĩ, Italia, đỉnh cao nhất là Mont Blanc cao 4807 mét.

[176] Toise: đơn vị đo lường cũ. 1 toise bằng khoảng 2 mét.

[177] Neptune: Hải vương.

[178] Pharaon: tên gọi các vị vua cổ ở Ai Cập.

[179] Về việc giúp dân Pháp bị lụt năm 1856, đây là tỉ lệ số tiền quyên góp: tính theo đầu dân nước Pháp đã cho 30 xu, nước Anh sáu xu, Guernesey ba mươi tám xu.

[180] Homo homini monstrum (tiếng La tinh): người với người là quái vật.

1. Lời giới thiệu
2. PHẦN THỨ NHẤT SIEUR CLUBIN
3. QUYỂN MỘT NHỮNG GÌ LÀM NÊN MỘT TIẾNG XẤU
 1. I MỘT CHỮ VIẾT TRÊN TRANG GIẤY TRẮNG
 2. II BÛ DE LA RUE
 3. III “DÀNH CHO VỢ CON, KHI NÀO CON CƯỚI VỢ”
 4. IV THẤT NHÂN TÂM
 5. V NHỮNG MẶT ĐÁNG NGỜ KHÁC CỦA GILLIATT
 6. VI CHIẾC THUYỀN BẦU
 7. VII NHÀ CÓ MA DÀNH CHO NGƯỜI MỘNG TƯỞNG Ở
 8. VIII CHIẾC GHẾ GILD-HOLM-‘UR
4. QUYỂN HAI MESS LETHIERRY
 1. I CUỘC ĐỜI SÓNG GIÓ VÀ LƯƠNG TÂM THANH THẢN
 2. II MỘT SỞ THÍCH CỦA ÔNG
 3. III NGÔN NGỮ CỔ XƯA CỦA MIỀN BIỂN
 4. IV NGƯỜI TA CÓ THỂ BỊ TỔN THƯƠNG BỞI CÁI MÌNH YÊU QUÍ
5. QUYỂN BA DURANDE VÀ DÉRUCHETTE
 1. I TIẾNG THỎ THẺ VÀ LÀN KHÓI
 2. II CÂU CHUYỆN KHÔNG TƯỞNG MUÔN THUỞ
 3. III RANTAINÉ
 4. IV TIẾP THEO CÂU CHUYỆN KHÔNG TƯỞNG
 5. V CHIẾC TÀU QUỶ
 6. VI LETHIERRY BƯỚC VÀO VINH QUANG
 7. VII VẤN CHA ĐỠ ĐÀU ẤY, VẤN MẸ ĐỠ ĐÀU ẤY
 8. VIII ĐIỀU NHẠC BONNY DUNDEE
 9. IX NGƯỜI ĐÃ ĐOÁN ĐƯỢC RANTAINÉ
 10. X NHỮNG CÂU CHUYỆN ĐƯỜNG XA
 11. XI NHÌN QUA NHỮNG ANH CHỒNG CƠ HỘI
 12. XII NHỮNG NGOẠI LỆ TRONG TÍNH TÌNH CỦA LETHIERRY
 13. XIII VÔ TẬN CŨNG LÀ MỘT KHÓA CẠNH CỦA DUYÊN DÁNG
6. QUYỂN BỐN CÁI KÈN DA

1. I NHỮNG ÁNH ĐỎ ĐẦU TIÊN CỦA MỘT CẢNH BÌNH MINH, HAY CỦA MỘT ĐÁM CHÁY
 2. II TỪNG BƯỚC, TỪNG BƯỚC ĐI VÀO CHỖ XA LẠ
 3. III ĐIỀU BONNY DUNDEE GẶP ĐƯỢC MỘT ÂM VANG TRÊN ĐỒI
 4. IV ĐỐI VỚI ÔNG CHỦ VÀ VI GIÁM HỘ, NHỮNG CON NGƯỜI HIỀN LÀNH ÍT NÓI, NHẠC CHIỀU LÀ NHỮNG TIẾNG ẦM Ỉ ĐÊM KHUYA (Thơ của một hài kịch chưa in)
 5. V THÀNH CÔNG CHÍNH ĐÁNG BAO GIỜ CŨNG BỊ THÙ GHÉT
 6. VI VẬN MAY CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐẮM TÀU KIA LÀ GẶP ĐƯỢC CHIẾC DUYÊN THUYỀN ẤY
 7. VII VẬN MAY CỦA KẸ NHÀN DU ẤY LÀ ĐƯỢC NGƯỜI ĐÁNH CÁ KIA TRÔNG THẤY
7. QUYỂN NĂM KHẨU SÚNG LỤC
1. I TRÒ CHUYỆN TRONG QUÁN ÔNG JEAN
 2. II CLUBIN THOÁNG THẤY MỘT NGƯỜI NÀO ĐẤY
 3. III CLUBIN XÁCH ĐI MÀ CHẴNG XÁCH VỀ
 4. IV PLAINMONT
 5. V BỌN PHÁ TỔ CHIM
 6. VI QUÁN JACRESSARDE
 7. VII KHÁCH MUA ĐÊM, CHỦ BÁN TỐI
 8. VIII HÒN BI ĐEN CHẠM HÒN BI ĐỎ
 9. IX CHỈ DẪN BỘ ÍCH CHO NHỮNG NGƯỜI CHỜ ĐỢI, HOẶC SỢ, NHỮNG BỨC THƯ TỬ HẢI NGOẠI
8. QUYỂN SÁU NGƯỜI LÁI TÀU SAY VÀ NGƯỜI THUYỀN TRƯỞNG TIẾT ĐỘ
1. I HÒN DOUVRES
 2. II ÍT RƯỢU CÔ-NHẮC BẤT NGỜ
 3. III NHỮNG CÂU CHUYỆN NHÁT GỪNG
 4. IV NƠI LỘ RÕ TẤT CẢ MỌI ĐỨC TỐT CỦA THUYỀN TRƯỞNG CLUBIN
 5. V CLUBIN ĐƯỢC CA NGỢI HẾT LỜI
 6. VI MỘT NƠI SÁNG SỬA TRONG LÒNG VỰC THẳM
 7. VII ĐIỀU BẤT NGỜ XẢY ĐẾN
9. QUYỂN BẢY HỎI ĐẾN SÁCH LÀ ĐẠI DỘT

1. I HÒN NGỌC DƯỚI ĐÁY VỰC SÂU
2. II NHIỀU CHUYỆN NGẠC NHIÊN TRÊN BỜ BIỂN PHÍA TÂY
3. III KHÔNG NÊN BÓI KINH THÁNH
10. PHẦN THỨ NHÌ GILLIATT TINH KHÔN
11. QUYỂN MỘT BÃI NGẦM
 1. I NƠI KHÓ ĐẾN NAN VỀ
 2. II CÁC MẶT HOÀN HẢO CỦA TAI BIẾN
 3. III BÌNH YÊN, NHƯNG KHÔNG VÔ SỰ
 4. IV SƠ BỘ XEM XÉT TẠI CHỖ
 5. V NÓI QUA VỀ NHỮNG SỰ CỘNG TÁC BÍ MẬT
 6. VI MỘT CÁI CHUÔNG CHO NGỰA
 7. VII MỘT PHÒNG RIÊNG CHO KHÁCH
 8. VIII IMPORTUNÆQUE VOLUCRES
 9. IX BÃI NGẦM, VÀ CÁCH SỬ DỤNG NÓ
 10. X LÒ RÈN
 11. XI KHÁM PHÁ
 12. XII PHÍA TRONG CỦA MỘT TÒA LÂU ĐÀI DƯỚI BIỂN
 13. XIII NHỮNG GÌ THẤY RÕ VÀ NHỮNG GÌ THẤP THOÁNG Ở ĐẤY
12. QUYỂN HAI LAO KHỔ
 1. I NHỮNG PHƯƠNG TIỆN CỦA CON NGƯỜI THIẾU THỐN ĐỦ THỨ
 2. II SHAKESPEARE CÓ THỂ GẶP ESCHYLE NHƯ THẾ NÀO
 3. III KIỆT TÁC CỦA GILLIATT ĐẾN CỬU KIỆT TÁC CỦA LETHIERRY
 4. IV SUB RE
 5. V SUB UMBRA
 6. VI GILLIATT BẮT CHIẾC THUYỀN BẦU ĐỨNG VÀO CHỖ
 7. VII LẬP TỨC MỘT NGUY CƠ
 8. VIII TÌNH TIẾT CHÚ CHƯA PHẢI LÀ ĐOẠN KẾT
 9. IX THÀNH CÔNG VỪA CHO ĐÃ TỨC THÌ LẤY LẠI
 10. X NHỮNG LỜI CẢNH CÁO CỦA BIỂN CẢ
 11. XI AI HIỂU, NẤY NHỜ
13. QUYỂN BA CUỘC VẬT LỘN

1. I THÁI CỰC LẠI GẶP THÁI CỰC, TRÁI NGƯỢC BẢO TRƯỚC TRÁI NGƯỢC
 2. II CÁC LOẠI GIÓ NGOÀI KHOI
 3. III BIỂN VÀ GIÓ
 4. IV GIẢI THÍCH TIẾNG ĐỘNG MÀ GILLIATT ĐÃ NGHE THẤY
 5. V TURBA, TURMA
 6. VI GILLIATT ĐƯỢC QUYỀN LỰA CHỌN
 7. VII TRẬN CHIẾN ĐẤU
14. QUYỂN BỐN HAI ĐÁY CỦA CHUỐNG NGẠI VẬT
1. I KHÔNG PHẢI CHỈ CÓ MỘT MÌNH MÌNH ĐỐI
 2. II CON QUÁI VẬT
 3. III MỘT HÌNH THỨC CHIẾN ĐẤU KHÁC DƯỚI VỰC THẨM
 4. IV CHẴNG CÓ GÌ GIẤU ĐƯỢC, CHẴNG CÓ GÌ MẤT HẢN
 5. V GIỮA QUẢNG CÁCH TỪ SÁU MƯƠI LĂM PHÂN ĐẾN MỘT MÉT RŨI CŨNG ĐỦ CHỖ ĐỂ CHỨA ĐỤNG CÁI CHẾT
 6. VI DE PROFUNDIS AD ALTUM
 7. VII TRONG CHỖN VÔ ĐỊNH CŨNG CÓ TAI
15. PHẦN THỨ BA DÉRUCHETTE
16. QUYỂN MỘT ĐÊM VÀ TRĂNG
1. I TIẾNG CHUÔNG TRÊN CẢNG
 2. II LẠI TIẾNG CHUÔNG TRÊN CẢNG
17. QUYỂN HAI LÒNG BIẾT ON VÔ CÙNG ĐỘC ĐOÁN
1. I NIỀM VUI XEN LẤN LO ÂU
 2. II CHIẾC HỒM DA
18. QUYỂN BA TÀU CASHMERE KHỎI HÀNH
1. I HAVELET NẴM NGAY CẠNH NHÀ THỜ
 2. II ĐAU LÒNG LẠI GẶP ĐAU LÒNG
 3. III SỰ LO XA CỦA LÒNG QUÊN MÌNH
 4. IV “DÀNH CHO VỢ CON, KHI NÀO CON CƯỚI VỢ”
 5. V NĂM MỒ VĨ ĐẠI
19. QUẦN ĐẢO MANCHE
1. I NHỮNG CHẤN ĐỘNG NGÀY XƯA
 2. II GUERNESEY
 3. III GUERNESEY, TIẾP THEO

4. IV CÂY CỎ
5. V NHỮNG MỐI NGUY CỦA BIỂN CẢ
6. VI NÚI NON
7. VII PHONG CẢNH VÀ ĐẠI DƯƠNG LẤN LỘN
8. VIII SAINT-PIERRE-PORT
9. IX JERSEY, AURIGNY, SERK
10. X LỊCH SỬ, TRUYỀN THUYẾT, TÔN GIÁO
11. XI CÁC SÀO HUYỆT NGÀY XƯA VÀ CÁC VỊ THÁNH NGÀY XƯA
12. XII ĐẶC ĐIỂM ĐỊA PHƯƠNG
13. XIII CÔNG VIỆC CỦA VĂN MINH TRONG QUẦN ĐẢO
14. XIV NHỮNG ĐẶC ĐIỂM KHÁC
15. XV ĐỒ CỒ VÀ ĐỒ CŨ. TẬP QUÁN, LUẬT PHÁP VÀ PHONG TỤC
16. XVI ĐẶC ĐIỂM, TIẾP THEO
17. XVII TÍNH SỐ NHỮNG ĐIỂM CỰC ĐOAN
18. XVIII CHỖ NƯƠNG THÂN
19. XIX
20. XX HOMO EDAX
21. XXI SỨC MẠNH CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐẬP ĐÁ
22. XXII LÒNG NHÂN HẬU CỦA NHÂN DÂN TRÊN QUẦN ĐẢO